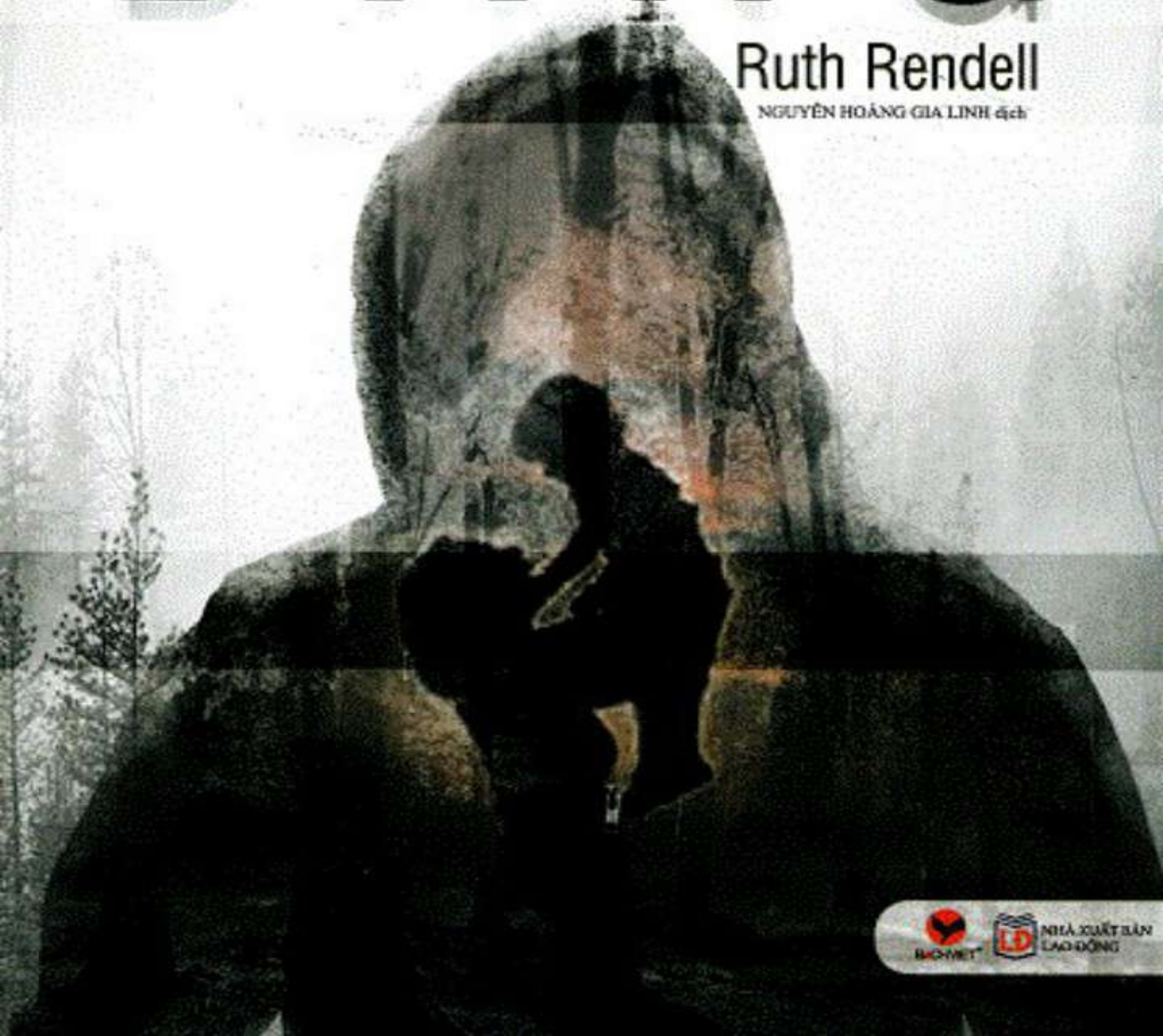


CÁI KẾT ĐẪN G

Ruth Rendell

NGUYỄN HOÀNG GIA LINH dịch



NHÀ XUẤT BẢN
LAO ĐỘNG

GIỚI THIỆU

• TÁC GIẢ

Ruth Rendell sinh năm 1930 tại South Woodford, London. Sau khi tốt nghiệp trường trung học nữ sinh tại Loughton, bà trở thành cây bút chủ đạo cho báo Chigwell Times, một tờ báo địa phương của Essex.

Bà được phong Sĩ quan cao cấp Đế chế Anh (CBE) năm 1996 và tước vị suốt đời Nữ Nam tước Rendell của Babergh, Aldeburgh ở Suffolk, vào ngày 4 tháng 10 năm 1997. Bà là một thành viên của Thượng nghị viện Anh. Năm 1998, Rendell có tên trong danh sách những nhà quyên góp tài chính cá nhân lớn nhất trong Đảng Lao động. Bà đã đưa dự thảo luật ra trước nghị viện, mà sau này đã trở thành Luật chính thức vào năm 2003.

Ruth Rendell đã được trao tặng rất nhiều giải thưởng, bao gồm giải Dagger bạc, vàng và kim cương Cartier từ *Hiệp hội nhà văn trinh thám*, ba giải Edgar từ tổ chức các tác giả viết truyện trinh thám Mỹ, giải Cuốn sách quốc gia của Hội đồng nghệ thuật, và giải thưởng văn học của tạp chí *Sunday Times*. Rất nhiều tác phẩm của bà đã được chuyển thể thành phim hoặc kịch bản truyền hình. Bà cũng là nhà bảo trợ cho tổ chức từ thiện Kids for Kids nhằm giúp đỡ trẻ em ở những miền quê của Darfur.

Sáng tạo nổi tiếng nhất của Rendell, *Chánh thanh tra Wexford*, là một anh hùng giữa những câu chuyện về cảnh sát phổ biến đã được chuyển thể thành phim. Series mở đầu bằng tác phẩm *From Doon with Death* (1964). Rendell từng nói rằng nhân vật Wexford được sáng tạo dựa trên chính bản thân bà. Series gồm 4 tác phẩm và vẫn còn dang dở, gắn liền với sự nghiệp sáng tác của Ruth Rendell cho đến khi bà qua đời vào ngày tháng 5 năm 2015. *End In Tears (Cái Kết Đắng - 2005)* là cuốn tiểu thuyết đầu tiên trong

series về *Chánh thanh tra Wexford*; tác phẩm đã đoạt giải Tiểu thuyết trinh thám của năm do *Theakston's Old Peculier* trao tặng.

Ngoài ra, Rendell còn viết tiểu thuyết tâm lý tội phạm khai thác những chủ đề như ám ảnh về tình yêu, tác động của cơ hội và sự trùng hợp ngẫu nhiên lẫn nhân cách của tội phạm. Các tác phẩm có thể kể đến như *A Judgement in Stone*, *The Face of Trespass*, *Live Flesh...*

Rendell còn tạo ra một thương hiệu truyện trinh thám hết sức riêng biệt dưới bút danh Barbara Vine, đi sâu vào việc khám phá tiền sử tâm lý của những kẻ tội phạm và nạn nhân của bọn chúng, rất nhiều trong số đó chính là những con người khổ sở hoặc bị xã hội cô lập; hiểu lầm giữa người với người; cũng như hậu quả khôn lường của những bí mật gia đình và tội ác bị bị che giấu.

• TÁC PHẨM

Cơn ác mộng kinh hoàng nhất của một người cha. Đó là khi bình minh dần hé rạng và cô con gái của George Marshalsen vẫn chưa trở về nhà. Nhưng ông không biết được rằng cô gái sẽ chẳng bao giờ có thể trở về nữa - rằng thi thể của cô đang nằm sóng soài phía bên ngoài ngôi nhà cách chưa đầy một mét. Hay biết rằng ông sẽ là người đầu tiên khám phá ra sự thật khủng khiếp đó.

Chánh thanh tra Wexford chưa từng điều tra một vụ án nào mà người cha lại chính là người phát hiện ra thi thể con gái mình. Anh cũng có con gái nhưng anh không thể tưởng tượng được bản thân sẽ thế nào nếu lâm vào hoàn cảnh của George Marshalsen.

Nhặt nhạnh tìm tòi trong số những mảnh ghép của gia đình vốn đã rạn nứt đó, Wexford đã khám phá ra những bí mật đáng kinh ngạc về lối sống của cô gái xấu số - nạn nhân chắc chắn có liên quan tới một vụ án trước đó - Wexford phải tạm gác những vấn đề cá nhân trong gia đình mình sang một bên để giải quyết vụ án đầy cảm động đồng thời nhức nhối nhất trong sự nghiệp của anh...

Nhắc ba lô ra khỏi ghế ngồi, hăn cảm thấy nó có vẻ nặng hơn so với lúc đầu để vào trong xe. Hăn đặt nó xuống một thềm dương xỉ mềm. Sau đó hăn trở lại ghế lái và lái chiếc xe vào sâu trong một cái hang được tạo ra bởi những bụi táo gai, những bụi mâm xôi và những dây hoa bia vắt qua tất cả mọi thứ trong khu rừng này. Đang là cuối tháng Sáu và thảm thực vật ở đây rất um tùm, rậm rạp.

Xuống xe và lùi lại để quan sát một lượt, hăn khó có thể nhìn thấy chiếc xe nữa. Có lẽ hăn chỉ nhìn thấy nó bởi vì hăn biết có nó ở đó. Không ai có thể nhận ra nó cả. Hăn cúi xuống, kéo ba lô lên vai của mình và từ từ đứng thẳng lên. Động tác này làm hăn nhớ đến một điều gì đó và khựng lại một chút khi nhớ ra đây là gì: Nhắc đứa con trai bé nhỏ của mình ngồi lên vai. Dường như đã một trăm năm trôi qua. Chiếc ba lô nhẹ hơn thẳng bé, nhưng hăn có cảm giác như nó nặng nề hơn.

Hăn lo sợ rằng nếu hăn đứng thẳng lên, chiếc ba lô sẽ kéo giật về đằng sau và làm gãy xương sống của mình. Dĩ nhiên, điều đó chỉ là cảm giác của hăn. Chẳng hề gì, hăn sẽ không đứng thẳng, thậm chí sẽ không thử. Thay vào đó, hăn cúi xuống, gần như gập đôi người lại. Không xa lắm. Hăn có thể đi bộ như thế này suốt hai trăm mét^[1] để đến cây cầu. Bất kỳ ai nhìn thấy hăn từ xa trong thứ ánh sáng nửa vờn thế này đều sẽ nghĩ hăn là một người gù.

Và không ai nhìn thấy cả. Con đường làng ngoằn ngoèo uốn lượn quanh rừng Yorstone và vắt qua cây cầu. Hăn đã có thể đánh xe lên thẳng cây cầu nhưng như vậy sẽ bị nhìn thấy, vì thế hăn phải lái xe ra khỏi làn đường một

đoạn và xuyên qua một khoảng rừng thưa để tìm cái hang mọc đầy những cây hoa bia. Hắn nghĩ mình đã nghe thấy tiếng của một chiếc ô tô từ phía xa, và theo sau là tiếng động cơ diesel nặng nề. Họ hẳn sẽ đi qua con đường bên dưới, đường Brimhurst chạy từ Myfleet đến Brimhurst Prideaux, băng qua gầm cầu Yorstone phía trước mặt hắn. Mặc dù không xa nữa nhưng hắn có cảm giác còn tới cả dặm. Nếu đôi chân hắn ngã quỵ vào lúc này, hắn sẽ không thể đứng lên được nữa. Liệu có thoải mái hơn khi kéo chiếc ba lô không? Điều gì xảy ra nếu hắn chạm mặt một ai đó? Tuy nhiên kéo lê một thứ gì đấy nhìn sẽ đáng ngờ hơn là vác nó. Hắn hơi đẩy vai ra sau một chút và ngạc nhiên khi thấy thoải mái hơn. Không gặp ai cả. Hắn có thể thấy làn đường xuyên qua tàng cây và cây cầu đá nhỏ nhỏ không được gia cố bằng thép hay thay thế bằng một khung gỗ sơn sáng màu.

Theo báo địa phương, lan can của cây cầu thấp dưới mức an toàn. Tờ báo đó luôn chú trọng đến cây cầu này, về độ nguy hiểm của làn đường và các lan can quá thấp. Hắn đi bộ lên cầu, cúi xuống và để ba lô trượt xuống đất. Hắn mở nắp ba lô rồi kéo phéc mớ tuya. Để lộ một khối bê tông, gần giống hình cầu và to hơn quả bóng đá một chút. Ngoài ra còn có một đôi găng tay. Để an toàn, hắn đeo chúng vào. Mặc dù sẽ chẳng có ai kiểm tra tay mình, nhưng hắn không ngu ngốc đến nỗi làm chúng xước xát hay bầm tím.

Ánh sáng cuối ngày nhanh chóng lụi tàn và khi màn đêm buông xuống, trời trở nên lạnh hơn. Đồng hồ của hắn chỉ chín giờ mười lăm phút. Không còn lâu nữa. Hắn nhắc tảng bê tông lên bằng đôi tay đã đeo găng, cân nhắc để giữ nó thẳng bằng sẵn sàng trên lan can, rồi nghĩ lại. Không phải không có khả năng xuất hiện một người nào đó đến từ con đường mà hắn đã đi và băng qua cây cầu. Hắn nghĩ đến việc chờ một cuộc gọi. Sẽ không còn lâu nữa.

Không có xe cộ nào chạy qua con đường bên dưới kể từ khi hắn lên cầu ngoại trừ một chiếc xe sắp tới, hướng về phía Brimhurst Prideaux, và rất có thể đang trên đường đi Kingsmarkham. Hắn nắm chiếc điện thoại di động để trong túi áo, lo lắng vì chưa nhận được cuộc gọi. Rồi tiếng chuông điện thoại reo lên.

“Chuyện gì?”

“Cô ta đi rồi. Anh có muốn đọc lại biển số xe không?”

“Tôi biết rồi. Một chiếc Honda màu bạc.”

“Đúng vậy.”

“Một chiếc Honda màu bạc. Sẽ đến trong vòng bốn phút nữa.”

Bên kia tắt máy. Màn đêm hiện đã hoàn toàn bao phủ. Một chiếc ô tô chạy qua bên dưới cây cầu, thẳng tới Brimhurst St Mary và Myfleet. Con đường trở nên dốc dần nơi cây cầu vắt qua và quẹo về bên trái, gần như tạo thành một góc vuông. Ở góc này có những cây cao với phần thân cổ thụ rất lớn cùng biển báo hình mũi tên màu đen trắng quay ngược lại, chỉ đường cho xe cộ về bên trái. Một phút đã trôi qua.

Hắn di chuyển qua phía bên kia cây cầu, kéo lê chiếc ba lô đằng sau, và cúi xuống, dùng hết sức nhấc tảng bê tông lên rồi đặt nó trên lan can. Quả thật chẳng dễ dàng gì. Một phút nữa lại trôi qua. Một chiếc xe tải màu trắng rọi đèn pha đến từ hướng Myfleet, một chiếc xe con chạy phía sau vượt lên, và ngay đằng sau hắn là chiếc mô tô chạy tới từ hướng Kingsmarkham. Hắn chửi thề vì bị lóa mắt bởi ánh đèn pha từ những chiếc xe. Không một ai nhìn thấy hắn. Chiếc Honda màu bạc với biển số mà hắn thuộc lòng sẽ sớm, rất sớm xuất hiện thôi. Phút thứ ba qua đi. Rồi phút thứ tư.

Hắn ghét phải chờ đợi. Chiếc Honda màu bạc có thể đã đi đường khác. Nếu có thể nói rằng việc đó sẽ không bao giờ xảy ra thì thật tốt, nhưng người ta không thể nói trước được điều gì, không thể khi chiếc xe đi theo cái cách mà mọi người điều khiển nó. Hắn đang đứng đối mặt với con đường mà chiếc xe sẽ chạy đến, thẳng tới Myfleet. Nó sẽ băng qua gầm cầu nhưng là trước khi đến được khúc cua bên tay trái. Hắn có thể nhìn thấy ánh đèn từ đằng xa. Ánh đèn lúc ẩn lúc hiện vì tán cây và thân cây che khuất tầm nhìn của hắn. Hai luồng ánh sáng, không phải một chiếc xe mà là hai, cả hai đều màu bạc và đi rất gần nhau. Một trong hai là chiếc Honda nhưng hắn không thể thấy rõ từ vị trí này, không phải trong bóng tối, tuy nhiên hắn có thể đọc biển số xe hoặc ba chữ số cuối trên đó.

Ngay khi hắn đẩy thật mạnh tảng bê tông trên lan can và cảm thấy nó đã rơi xuống, hắn nhận ra rằng mình đã chọn nhầm xe. Vụ va chạm cực lớn

giống như một quả bom phát nổ. Chiếc xe đầu tiên, mà hăn nhắm đến, tông thẳng vào một thân cây, nắp ca-pô bật tung, và kính chắn gió tan tành, một nửa thùng xe bị sụp xuống. Chiếc xe dường như bị tách làm hai và phát nổ. Chiếc đằng sau, không bị ảnh hưởng cho đến khi đâm vào chiếc đằng trước khiến cốp xe bật mở. Đó là chiếc Honda màu bạc mà hăn nhắm đến. Khi tài xế thoát ra ngoài và la hét, bàn tay cô ta quờ quạng trong không khí, hăn biết rằng mình đã thất bại.

Không chần chừ gì nữa, hăn thu lại chiếc ba lô và rời đi, một lần nữa quay lại nhìn chiếc xe đã chìm trong biển lửa. Trong ánh sáng chiếu rọi mọi thứ, lần đầu tiên hăn nhìn thấy người phụ nữ mà mình đã cố giết.

George Marshalsen đã có một giấc ngủ tồi tệ. Ông luôn bị như vậy khi cô ra ngoài. Lên giường ngay sau khi cô rời khỏi nhà, ông đã thiếp đi khoảng một hay hai tiếng, sau đó thức giấc và cứ nằm thao thức, sự hiện diện của Diana ngay bên cạnh cũng không thể giúp ích được gì. Đang là tháng Tám, đêm vẫn ngọt ngào, ấm thấp và oi ả mặc dù đã mở hết các cửa sổ. Ông nằm nghe những âm thanh của đêm, tiếng nước chảy của dòng sông lững lờ, tiếng khóc nỉ non của một con chim không rõ là loài nào.

George nhấn nút bật sáng bảng hiển thị đồng hồ, và thấy mới chỉ mười một giờ bốn mươi một phút. Phòng tắm đang réo gọi ông, nhắc nhở ông với sự bứt rứt rằng, hầu hết đàn ông ở độ tuổi của mình, tuyến tiền liệt đã không còn hoạt động hoàn hảo nữa. Ông vén tấm rèm che cửa ra một chút và cảm nhận luồng không khí phả trên mặt mình. Bầu trời không một gợn mây và mặt trăng đã lên cao. Nhiều tuần nóng bức đã sấy khô những chiếc lá trên cây đến nỗi chúng uốn cong rũ xuống con đường làng, nhưng hiện tại lại chỉ có thể nhìn thấy sự trù phú, tươi tốt mãnh liệt của chúng vẫn phấp phới trong không khí ẩm áp. Ông nghĩ sẽ tuyệt vời biết bao nếu có chuyện gì đó bất chợt xảy ra khiến cô về nhà sớm hơn. Chẳng hạn như cái câu lạc bộ tồi tệ đó đóng cửa, hay thậm chí là một cuộc đột kích của cảnh sát, mặc dù ông khó mà nghĩ rằng Amber đã làm điều gì đó thu hút sự chú ý của cảnh sát - hay có nhi? Bạn không bao giờ biết giới trẻ hiện nay nghĩ gì. Tuy nhiên, sẽ thật tuyệt vời khi bước đến bên những tấm rèm cửa, vén chúng lên và nhìn thấy cô đang đi bộ dọc theo con đường...

Hàng đêm ông vẫn ra ngoài đường để tìm kiếm hình bóng cô. Một hành động vô nghĩa, quá ngớ ngẩn để thú nhận với bất cứ ai. Thậm chí cả Diana cũng chẳng biết điều này. Ông đã ra ngoài và đi bộ tới ngã tư - hai hay ba trăm mét nữa? - nhìn xuôi nhìn ngược con đường chạy từ Myfleet tới Kingsmarkham, rồi lại đi bộ về. Không có kết quả gì, cũng như chưa từng có, nhưng đó là điều mà các bậc cha mẹ hay lo lắng hoặc người yêu vẫn thường làm. Ngay cả khi ông nghĩ đến chuyện làm điều ấy tối nay, nhưng bây giờ vẫn là quá sớm. Cô sẽ ở bên trong câu lạc bộ đó, ông nghĩ đấy là một địa điểm dưới lòng đất, cùng với bạn bè của cô làm những gì họ vẫn làm. Ông buông rèm xuống và đứng đó nhìn Diana. Bà ngủ yên lặng, một bàn tay đặt lên má. Tuổi xuân quay trở lại trong khi bà ngủ, giống như người ta thường nói rằng nó quay trở lại với những người mới chết. Ông tự hỏi rằng nếu bà có một ai khác thì sao nhỉ, ông nghĩ, “một ai khác,” như người ta vẫn nói. Dường như đối với ông thật đáng ghê tởm khi nghĩ đến việc phải chia sẻ chiếc giường với người đàn ông khác mặc dù ông cũng đã từng có vài người tình. Nhưng có lẽ, bà ấy không, hoàn toàn không như thế. Bà đứng dậy với ông, và ông cũng vậy. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, ông cũng chẳng bận tâm. Thi thoảng có vài lần nghĩ đến điều này, ông nhận ra rằng mình không thực sự quan tâm đến ai khác ngoài Amber.

Ông chìm vào giấc ngủ bồn chồn. Một âm thanh đánh thức ông dậy. Phải chăng là một chiếc xe trên đường? Thằng nhóc đó có thể đã đưa cô về nhà. Cậu ta vẫn thả cô ở ngã tư nhưng cũng có thể cậu ta đã đưa cô về tận nhà. Một lần nữa, ông bật bảng hiển thị đồng hồ. Một giờ năm mươi sáu phút. Đây là lúc mà cô về đến nhà. Cô thường rất yên lặng, tránh hết mức để đánh thức đứa trẻ cũng như làm phiền đến ông và Diana. Có lẽ cô đã về. Có lẽ âm thanh ông nghe được là tiếng đóng cửa trước. Ông nằm đó và lắng nghe. Yên tĩnh. Sau đó là tiếng chim, mặc kệ nó là loài nào, cất tiếng hót nỉ non. Hai giờ, hai giờ ba mươi, ba giờ kém mười... Ông tỉnh dậy và đi ra đầu cầu thang. Nếu đã về, cô sẽ đóng cửa phòng ngủ lại. Nhưng nó vẫn mở.

Một mớ bông bong đập vào mắt ông: Giường chiếu lệch lạc, quần áo quăng tứ tung, ông cảm thấy bất khó chịu đôi chút nhờ ánh trăng đêm. Cô vẫn chưa về. Ba giờ đã là rất muộn mà giờ đã quá ba giờ rồi. Ông xuống

lầu, đi chân trần băng qua mặt sàn gỗ rộng thênh thang, nơi mát lạnh duy nhất trong căn nhà, tự nói với bản thân rằng ông sẽ tìm thấy cô trong phòng khách, phòng bếp, ăn hay uống thứ nước lấp lánh họ vẫn rót tràn như mọi khi. Cô không có ở đó. Ông nghĩ, quay lại giường ngủ thì có ích gì, mình sẽ không ngủ được. Nhưng ông còn có thể làm gì nếu không về lại giường? Chẳng có gì để làm trong màn đêm thế này vì giờ là thời điểm dành cho việc ngủ. Khi ông đi lên gác, ông nghe thấy tiếng khóc nhưng không phải từ con chim mà là từ đứa bé. Nếu nó bị bỏ lại với George, ông sẽ để mặc cho nó khóc, mặc dù ông chưa bao giờ để Amber khóc cả. Ông bước vào phòng ngủ nóng nực và thấy Diana trần trụi ngồi bên giường. Bà đã ngủ như vậy. Và luôn như vậy. Dĩ nhiên ông thích điều này khi lần đầu họ quen nhau, khi lần đầu họ cưới nhau. Và giờ ông nghĩ cảnh tượng đó... thật khó coi. Ở tuổi ông, và sắp tới, là đến bà. Bà đứng dậy, không nói với ông câu nào, khoác lên mình chiếc áo choàng lụa màu xanh bà đã cởi ra khi đi ngủ và tới xem đứa bé.

Bà mất mười phút để dỗ yên đứa trẻ. Khi bà quay lại, ông đã bật đèn và đang ngồi trên giường.

“Con bé vẫn chưa về,” bà nói.

“Anh biết.”

“Anh phải kiên quyết hơn nữa. Anh phải nói với nó rằng lối hành xử như thế này là không thể chấp nhận được. Nếu nó muốn sống cùng chúng ta dưới cùng một mái nhà và hưởng thụ điều kiện sống ở đây, nó sẽ phải về nhà trước nửa đêm. Lạy Chúa, con bé chỉ mới mười tám tuổi thôi đấy.”

“Nó sắp đi rồi, phải không, vào tháng Mười một?”

Bà không trả lời. Bà sẽ bớt giận thôi, ông nghĩ. Ông tắt đèn và nghe trong bóng tối tiếng áo choàng lụa xanh trượt ra khỏi cơ thể trần truồng của bà. Làn da mịn màng ấm áp nơi đùi bà chạm vào ông. Nó làm ông rung mình trong cái nóng.

Mặt trăng đã lặn, bình minh chưa đến. Ông nằm thao thức một giờ liền, sau đó đứng dậy, đi vào phòng tắm và mặc quần áo. Quần áo của người già, Amber nói thế, quần vải flannel, sơ mi có cổ và măng sét, vớ và giày ống có dây buộc, nhưng ông chẳng biết mặc gì nữa. Chắc là ông cũng đã ngủ một

chút sau khi Diana quay trở lại giường. Có người nói rằng kể cả lúc ngủ thì bạn vẫn lơ mơ, thậm chí dù bạn chắc chắn rằng mình không hề như thế. Trong khi ông chìm vào giấc ngủ chập chờn, cô có thể đã về. Ông đứng đợi ở cửa sổ phòng ngủ, chờ năm phút, mười phút, trước khi đi ra ngoài, trì hoãn niềm vui khi nhìn thấy cuối cùng cửa phòng cô cũng đóng hoặc kính hoảng thấy nó vẫn mở.

Cửa mở.

Giờ ông nghĩ, đặt nỗi sợ hãi lâu nay của mình vào lời nói, chắc hẳn có chuyện gì đó đã xảy ra với cô. Chuyện gì đó đã xảy ra với những cô gái mười tám tuổi ra ngoài một mình vào ban đêm. Đã năm giờ kém mười và trời dần hửng sáng. Bầu trời xanh và rực rỡ, mang một thứ sắc màu không tên và chẳng thể miêu tả được nếu không phải giống như một viên ngọc. Ngoài trời, thay vì nặng nề và ngột ngạt như hàng giờ trước đó, không khí đã trở nên tươi mới và mát mẻ. Ông nghĩ, mình sẽ đi bộ xuống góc phố, dọc theo con đường, đi hàng dặm nếu cần thiết cho đến khi tìm thấy Amber. Và nếu không, ít nhất mình sẽ không có mặt ở nhà, trên một chiếc giường bên cạnh người phụ nữ đó và nghe đứa trẻ khóc.

Dãy nhà duy nhất trên đường Mill là của riêng ông, và một trăm mét tính từ đó, ở phía bên kia, là một dãy ba căn biệt thự nhỏ. Tại sao chúng lại được xây ở đó từ một trăm năm mươi năm trước, chúng thuộc về người nào, dường như không ai biết. Bên ngoài căn biệt thự ở giữa, có một chiếc xe đang đỗ bên vệ cỏ. Tóm lại, George tự hỏi tại sao John Brooks lại để chiếc xe của mình ở đó qua đêm khi lối đi của anh ta có chỗ đậu cho nó. Ý nghĩ đó thoáng qua, mang ông trở lại với việc Amber đã được Brooks giúp khi cố gắng sử dụng máy tính của Diana. Tại sao không đi hỏi bản thân Diana nhỉ? Họ đã luôn luôn không thích nhau, cả hai người, từ đầu chí cuối. Làm thế nào mà lại có người không thích Amber bé nhỏ của ông vậy?

Nhưng nó đâu rồi? Chuyện gì đã xảy ra với con bé? Đi bộ bên lề đường dãy nhà Jewel, ông đến cuối đường Mill và nhìn ngược nhìn xuôi đường Myfleet. Con đường rất dài và thẳng tắp, một làn đường duy nhất với hai bên là những bãi cỏ và rừng cây, các dải đỉnh phản chiếu ánh sáng trên đường kéo dài đến khu vực trung tâm nhưng không thấy có biển báo giao

thông hoặc vạch kẻ đường nào ngoài biển chỉ dẫn “Tới Brimhurst St John” chỉ xuống đường Mill. Đi bộ dọc theo nó dường như là vô tận. Tốt hơn ông nên quay trở về và lấy xe. Hoặc ông có thể gọi cho cậu nhóc Ben Miller đó. Dĩ nhiên, sẽ thật là quá đáng khi gọi điện thoại cho bất cứ ai vào lúc năm giờ sáng và Miller cũng không phải là bạn trai của Amber, cô không có bạn trai, nhưng ông không quan tâm lắm về điều đó. Ồ, sẽ thật nhẹ nhõm nếu con bé đang ở cùng với Miller ở Myfleet - nhưng nó sẽ không làm vậy. Tại sao nó lại tới đó cơ chứ?

Ông vòng lại và bắt đầu đi bộ về ở phía bên kia đường. Con bé hẳn phải dừng lại đâu đó với một trong những đứa bạn ở Kingsmarkham, Lara hoặc... có phải nó tên là Megan không nhỉ? Hay Samatha hay Chris? Ông hy vọng một cách mong manh vào điều đó. Ông cảm thấy những tia hy vọng bắt đầu trôi xa dần trong dòng suy nghĩ của mình. Mặt trời đang lên và mang theo hơi nóng. Ông bước lên bãi cỏ, hưởng thụ cảm giác mềm mại dưới chân mình, nhìn sang bóng mát của cây cối phía bên trái và thấy vật gì đó màu trắng lấp lánh ở đấy, bị che khuất bởi đám cỏ dại mọc cao. Một cú giáng vào trái tim và nỗi kinh hoàng tràn qua ông. Trong một lúc, ông không thể di chuyển, chỉ đứng đó nhìn vô định. Ông cất bước về phía vật màu trắng. Cố gắng để nhìn thấy chính là điều đau đớn nhất mà ông đã từng làm nhưng ông vẫn phải làm điều đó, ông phải nhìn. Ông thấy bàn tay chìa ra của cô, với chiếc đồng hồ màu trắng có khuôn mặt Gollum ngu ngốc, và ông ngã về phía trước. Mắt nhòa đi, có lẽ vậy, ông không biết, hoặc chỉ vì cơ thể cô là thứ duy nhất nằm sõng soài ở đây.

Ông không chắc rằng mình đã nằm đó bao lâu. Ông muốn chết. Ông nghĩ rằng nếu kiên quyết muốn thế thì ông sẽ chết và họ sẽ được tìm thấy cùng với nhau. Nhưng không phải vậy. Người giao báo đến nhà ông và dây Jewel đã đỗ chiếc xe của mình ở ngã tư, rồi đi bộ xuống con đường, và nhìn thấy ông và cô. Khi ông không muốn di chuyển, người giao báo đã gọi điện cho cảnh sát rồi đợi họ đến.

Người phụ nữ bước ra từ căn nhà khi họ lái xe đến đang bế một đứa trẻ tầm một tuổi trên tay. Chánh thanh tra Reginald Wexford và Trung sĩ thám tử Hannah Goldsmith tự giới thiệu bản thân rồi người phụ nữ nói, “Ông ấy đang ngủ. Bác sĩ đã tiêm cho ông ấy một liều thuốc an thần.”

“Tôi muốn nói chuyện với bà,” Wexford nói. “Bà là bà Marshalson?”

Bà ta gật đầu. Wexford chưa từng biết đến trường hợp một người cha tìm thấy thi thể bị sát hại của con gái mình, cũng không bao giờ nghĩ đến việc thấy một người cha mất con nằm sõng soài qua xác của cô ấy. Anh cũng có con gái nhưng anh không thể tưởng tượng được bản thân mình sẽ thế nào khi ở trong tình huống của George Marshalson.

Khi người đàn ông này được thuyết phục, và được đưa về nhà, các chuyên viên pháp y đã đến. Các phóng viên cũng đến, cả những nhân viên đội điều tra hiện trường và toàn bộ những ai có liên quan đến hiện trường án mạng. Về phần mình, Wexford cần phải ghi nhận điều duy nhất rằng cô ta còn rất trẻ, vẫn còn ở tuổi thiếu niên, rất xinh xắn, và nguyên nhân dẫn đến cái chết là bởi một cú đánh bạo lực vào đầu bằng một viên gạch hoặc mảnh nê.

Anh thăm vấn người đưa báo đã tìm thấy ông ta và cô bé, sau đó anh cùng Hannah đi xuống phố về phía Clifton, ngôi nhà của gia đình Marshalson. Cái nóng mà họ đã quen thuộc đến nỗi dần thấy nó bình thường bị giam lại bên trong. Mọi người có thể cảm thấy nhiệt độ đang tăng lên. Bầu không khí trở nên ngột ngạt và nặng nề vào buổi trưa. Một vài tia sáng le lói qua những tán cây chỉ chút lá xanh vắt xuyên qua đường Mill.

Vườn trước của Clifton không có hoa lá gì, chỉ có ít cây bụi và cỏ úa vàng. Cánh cửa trước của ngôi nhà bật mở và người phụ nữ bước ra trước khi họ nói chuyện. Chính xác một cách thận trọng đến mức Wexford cảm thấy buồn cười, Hannah nói với anh bằng giọng điệu tử tế và nhần nại cô thường sử dụng khi nói chuyện với anh, “Đó chắc là bạn đời của ông ta.”

“Rất có thể là vợ của ông ta.”

Hannah tặng anh một cái nhìn mà cô dành cho một gã đàn ông trung niên vẫn gọi người phụ nữ hãnh diện là vợ. Sau đó, bà Marshalsen dẫn họ vào trong nhà và thả thẳng bé trên tay xuống. Chưa biết đi, nó chỉ bò trên sàn gỗ bóng loáng, bập bẹ, “Mẹ, mẹ.”

Diana Marshalsen không buồn chú ý đến đứa trẻ. “Mời ngồi. Tôi không biết mình có thể kể được gì với hai người. Khi quay trở lại, ông ấy chẳng nói năng gì cả. Ông ấy thực sự bị sốc.” Biểu hiện của họ hẳn phải nói cho bà ta về điều cả hai đang hiểu lầm. “Ồ, tôi không phải mẹ con bé. Tôi là vợ hai của George.”

Wexford đã nghiên cứu để phát hiện dấu hiệu của vết hài lòng trên khuôn mặt Trung sĩ thám tử Goldsmith và trong những gì cô chắc hẳn sẽ gọi là ngôn ngữ cơ thể của bà ta. Anh nhìn họ lúc này, biểu hiện ở khẩu hình miệng, sự thả lỏng ở đôi vai thường xuyên căng cứng của bà ta. Những điều được Diana Marshalsen thể hiện đã tiết lộ rằng bà ta là mẹ kế của cô gái đã chết. Hannah thích thú với mối quan hệ phức tạp của gia đình này. Trong suy nghĩ của cô, họ đại diện cho sự tự do và quyền tự quyết. Một đám trẻ con, Wexford nghĩ, mỗi đứa lại có một người cha khác nhau và một số không cùng mẹ, tất cả đều sống dưới một mái nhà với bốn hoặc năm người lớn không liên quan sẽ là lý tưởng đối với cô.

Họ đi vào một phòng khách rộng rãi, cửa sổ kiểu Pháp rộng mở. Anh đã biết rằng gia đình Marshalsen là những nhà thiết kế nội thất, dựa vào studio của Marshalsen, Thiết kế và Phục hồi, ở Trung tâm Kingsbrook của Kingsmarkham nhưng anh cũng có thể biết mà không cần ai phải nói. Nhà của những người như vậy luôn luôn không thể nhầm lẫn, xinh đẹp, thể hiện gu thẩm mỹ hoàn hảo, các đồ trang trí vừa phải và không quá nhiều, màu sắc đích thị là những gì người ta sẽ chọn nếu tặng chúng như những món

quà, và đồng thời mất đi vẻ ấm cúng, không phải là nơi mà ở đó, người ta thích cuộn mình lại với một cuốn sách cùng một ly rượu vang. Wexford ngồi xuống chiếc ghế sofa màu xám sẫm, Hannah ngồi trên một chiếc ghế bành màu xám nhạt, Diana Marshalson ngồi trên một chiếc khác, trông như thể có xuất xứ từ một cung điện ở Mandalay. Khuôn mặt điêu khắc của các vị thần tức giận trừng mắt từ lưng dựa cao có hình vòm.

“Điều gì đã khiến chồng bà ra ngoài vào sáng nay vậy, thưa bà Marshalson? Thời gian chính xác là vào lúc nào?”

“Tôi không biết,” bà ta đáp. “Tôi đang ngủ. Ông ấy đã vô cùng lo lắng khi con bé ra ngoài cả đêm. Tôi nghĩ ông ấy nhận ra con bé chưa về nhà.”

“Ông ấy ra ngoài để tìm cô bé à?” Hannah tỏ vẻ hoài nghi.

“Tôi nghĩ vậy. Ông ấy có thể đã nghĩ rằng - ồ, hoặc là con bé không có ở đó hoặc là điều gì đấy khủng khiếp đã xảy ra. Nhưng tôi không biết. Ông ấy đã ra ngoài. Tôi tỉnh dậy khi thằng bé khóc. Đó là vào lúc sáu rưỡi.” Bà ta như thể chỉ để ý đến tiếng khóc. “Tôi phải đi xem George thế nào. Hai người vui lòng đợi tôi một phút nhé? Tôi sẽ quay lại sớm nhất có thể.”

Khi bà ta ra ngoài thì thằng bé bò vào phòng, xoay xở đứng lên bằng cách bám vào cạnh của một chiếc bàn được dát trông như thể làm bằng gỗ mun và một số gỗ vàng nhạt. Thằng bé rất kháu khỉnh, làn da màu ô liu nhưng đôi má hồng hào, tóc đen xoăn và mọc thành từng vòng mà chỉ có thể nhìn thấy ở những đứa trẻ còn rất nhỏ.

“Xin chào,” Wexford nói. “Tên cháu là gì? Để chú đoán nhé. James phải không? Jack à? Cái tên phổ biến nhất hiện tại là Archie, người ta bảo chú thế.”

“Nó còn quá nhỏ để hiểu những gì anh nói đấy.”

Cường lại thôi thúc muốn nói với cô là anh biết điều đó, anh đã có hai đứa con và bốn đứa cháu, anh nhẹ nhàng nói rằng những đứa trẻ thích mọi người nói chuyện với chúng, chúng thích âm thanh và cả sự chú ý. Không quan trọng dù bạn nói gì đi chăng nữa. Hannah khẽ nhún vai, cử chỉ yêu thích của cô. Diana Marshalson, anh nghĩ, nhìn đủ trẻ để làm mẹ của đứa trẻ này nhưng chỉ vừa đủ mà thôi. Có lẽ bốn mươi lăm hay bốn mươi sáu tuổi, người vợ thứ hai có lẽ chưa từng kết hôn trước đó và muốn sinh một đứa

con trước khi quá muộn. Anh thực sự khâm phục vẻ ngoài của bà ta. Cao, ưa nhìn, tóc đen với vóc dáng đầy đặn là gu của anh. Vợ anh cũng là một người như vậy.

Bà ta quay lại. “Ông ấy ngủ rồi. Đây có lẽ là điều tốt nhất cho ông ấy, mặc dù tôi sợ khi ông ấy tỉnh lại. Ông ấy sẽ phải tỉnh dậy vào lúc nào đó. Ông ấy rất yêu thương Amber. Con bé chỉ mới mười tám tuổi. Chuyện gì đã xảy ra?”

“Còn quá sớm để kết luận,” Hannah trả lời. “Cô ấy đã chết. Cô ấy bị tấn công. Thực sự đó là tất cả những gì chúng tôi biết.”

Thằng bé cố gắng trèo vào lòng của Diana Marshalson. Trong mắt Wexford, bà ta dường như kéo nó lên một cách mệt mỏi và không mấy nhiệt tình. “Amber ra ngoài vào tối hôm trước à? Lúc đó là mấy giờ và cô ta đã đi đâu?”

Mẹ kế của Amber cẩn thận lựa chọn từ ngữ. “Con bé đến câu lạc bộ. Tới một địa điểm gọi là Bling-Bling ở Kingsmarkham. Khoảng tám rưỡi đến chín giờ, tôi nghĩ vậy. Nghe thật kinh khủng, tôi biết, nhưng bọn trẻ luôn như thế. Đứa bạn đưa nó về nhà đã thả nó xuống ở cuối đường Mill. Trước đây đều như vậy, con bé đến câu lạc bộ thường xuyên và luôn chẳng có vấn đề gì.” Thằng bé đã túm được chuỗi ngọc trai bà ta đang đeo và bắt đầu giật mạnh. “Không, Brand, không được làm thế.” Bà ta cạy ngón tay thằng bé ra. “Amber đang đợi để lấy kết quả A level. Con bé vừa mới tốt nghiệp. Nghe này, chồng tôi đã ngủ rồi nhưng tôi nghĩ tôi phải ở đó với ông ấy. Chăm sóc cho ông ấy, hai người biết mà. Phòng khi ông ấy tỉnh lại. Tôi không thể rời xa ông ấy lâu hơn nữa.”

“Chúng tôi chỉ muốn...,” Hannah bắt đầu nhưng Wexford đã ngăn lại.

“Chúng tôi sẽ quay lại vào hôm khác, thưa bà Marshalson. Khi đó, có lẽ bà hoặc chồng bà có thể cho chúng tôi biết tên của bạn bè hay một số thông tin về bản thân Amber. Chúng tôi sẽ không làm phiền bà nữa.”

Diana Marshalson bế cặp nách thằng bé và ở lại đủ lâu để mở cửa cho họ.

“Chúng ta có thể có được tên của bạn cô bé, anh biết mà, thưa ngài,” Hannah nói. “Trông bà ta không giống như mẹ của một người phụ nữ.”

Mặc dù anh biết điều này thực tế đã trở thành thông lệ được chấp nhận trong lực lượng cảnh sát trên khắp cả nước, Wexford rất không thích bị gọi là “ngài”^[2]. Lúc này, anh không mong được gọi là “sếp”^[3] và hầu như vẫn muốn cô gọi anh bằng tên thánh của mình hơn là cách gọi tắt khó chịu kia. Khi lần đầu cô gia nhập đội của anh, anh đã nhẹ nhàng yêu cầu cô đừng gọi thế, nhưng rốt cuộc mọi chuyện vẫn tiếp diễn như thế anh chưa nói gì cả. Nếu cô có bất cứ biểu hiện nào thiếu tôn trọng anh, anh đã có lý do để quở trách cô, nhưng cô lại không như vậy và sẽ không bao giờ. Anh chắc chắn rằng cô thích, thậm chí ngưỡng mộ anh - ngoại trừ cung cách và từ ngữ nói chuyện theo kiểu cổ lỗ sĩ của anh.

Hiện giờ cô đang lặp lại những gì mình đã nói vì anh không trả lời. “Bà ta có thể đã rất gần bó với cô bé,” anh nói. “Chúng ta không biết cô bé đã ở cùng mẹ kể bao lâu rồi. Có thể từ khi Amber còn là một đứa trẻ.”

Quay trở lại hiện trường, Hannah không nói thêm câu nào nữa. Cô cảm thấy khó chịu khi Wexford sử dụng từ “cô bé”. Amber là một phụ nữ, cô ấy đã mười tám tuổi. Anh ta sẽ phải học thêm về cách dùng từ ngữ chuẩn xác, cô nghĩ, hoặc thế giới đang thay đổi từng ngày này sẽ bỏ lại anh ta phía sau mất. Vào một ngày khác, cô đã nghe anh nói về “người ta” khi anh định nói là “cộng đồng.”

Thi thể đã được chuyển đi. Vẫn còn một vài nhân viên mặc cảnh phục đứng trên bãi cỏ, nửa tá xe cộ chen chúc ở lối vào của con đường và nhân viên khám nghiệm hiện trường căng những dải băng màu xanh và trắng xung quanh vị trí xác của Amber. Sĩ quan Karen Malahyde đang đứng cạnh một phụ nữ tầm bốn mươi tuổi mặc quần jean và áo phông trắng.

“Đây là cô Burton, thừa sếp. Cô ấy sống ở một trong những căn hộ đối diện. Cô ấy đã ra ngoài tối qua và trở về nhà lúc nửa đêm.”

“Lydia Burton,” người phụ nữ tự giới thiệu. “Tôi sống ở số ba dãy nhà Jewel. Tôi ra ngoài với một người bạn. Anh ấy lái xe đưa tôi về và sau khi anh ấy về, tôi dắt chó đi dạo. Không lâu lắm, anh biết đó. Nhưng anh vẫn phải dắt chúng đi dạo, nếu không chúng sẽ làm bậy.”

Cô ta nhìn có vẻ dễ thương hơn là xinh đẹp, với làn da hồng hào và mái tóc xoăn, khuôn mặt không trang điểm trừ một ít mascara chuốt trên hàng mi dài. Đôi bông tai bạc hình mặt một chú chó đung đưa, cho người khác cảm giác cô ta là một người sống tiết kiệm.

“Ồ, vâng, dĩ nhiên rồi,” cô ta trả lời khi được anh hỏi xem cô ta có biết Amber Marshalson không. “Tôi là giáo viên chủ nhiệm ở trường Tiểu học Brimhurst. Amber đã học ở đó hai hay ba năm khi cha cô bé chuyển đến Brimhurst.”

“Cô đã nhìn thấy cô ta tối qua phải không?”

“Ước gì tôi đã nhìn thấy.”

“Chuyện gì đã xảy ra?”

“Tôi e là mình không phải một người giỏi quan sát.”

Hannah Goldsmith không thích nghe người khác kể chuyện, đặc biệt là phụ nữ, việc này hạ thấp giá trị bản thân của chính họ. Có lẽ đó là dấu hiệu của sự thiếu tự trọng. Hiển nhiên mọi người đều công nhận một sự thật rằng ai cũng đáng giá như ai. Tất cả đều có những kỹ năng và sở trường của riêng mình, và mỗi thứ chỉ duy nhất thuộc về con người của chính cô (hoặc chỉ có thể là chính anh).

“Cô dắt chó đi dạo lúc mấy giờ? Mười hai giờ ba mươi à?”

“Tôi nghĩ vậy. Tầm đó. Lúc đó đường rất tối vì bóng cây che mất và tôi không mang theo đèn pin. Có chút ánh trăng và tôi đi theo hướng ngược lại, lên đường Myfleet, có lẽ đi được hai trăm thước.”

Mét, Hannah nghĩ, mét thì đúng hơn. Tại sao mọi người tốn nhiều thời gian để học thế nhỉ?

“Khi tôi quay lại - ý tôi là ở ngã tư đường Mill - tôi đã nhìn thấy một người đàn ông. Anh ta đứng giữa những cái cây, chỗ đó.” Lydia Burton chỉ vào đám cây nơi thi thể của Amber Marshalson được tìm thấy. “Cảnh đó thật sự làm tôi sốc. Anh ta quay lưng lại phía tôi. Tôi không nghĩ là anh ta nhìn thấy mình. Tôi băng qua đường. Tôi chỉ mong về tới nhà - ý tôi là, nhìn thấy người đàn ông đó làm tôi muốn trở về nhà.”

“Cô có thể mô tả lại anh ta không, cô Burton?”

Hannah lắc đầu sốt ruột. Tại sao Wexford không thể nhớ phải nói là “bà”?

“Tôi không nhìn thấy mặt anh ta. Anh ta đội mũ trùm đầu. Ý tôi là, anh ta mặc một chiếc áo lông cừu có mũ trùm đầu. Ừm, hầu hết những người trẻ tuổi đều mặc chúng. Tôi không nghĩ anh ta còn trẻ. Anh ta không phải là một cậu bé.”

“Cao hay thấp? Gầy hay mập? Và bao nhiêu tuổi?”

“Hơi cao,” cô ta nói. “Khá gầy. Tôi ước gì mình có thể nhớ được nhiều hơn. Nhưng mọi người luôn nói vậy, đúng không? Tôi không nghĩ anh ta còn trẻ, mặc dù tôi không biết diễn tả như thế nào. Bốn mươi tuổi, tôi nghĩ vậy. Ít nhất là bốn mươi.”

“Thật tiếc vì cô không thể nhớ được gì hơn,” Hannah nói. “Cô không nhìn thấy Amber ư? Không, tôi nghĩ là không. Cô có biết cô ta hay đến câu lạc bộ không?”

Wexford ước gì Hannah có thể đưa ra giọng điệu ít chỉ trích hơn. Cô là một phụ nữ xinh đẹp trong mắt nhiều gã đàn ông, cao, thon thả, với khuôn mặt của thánh nữ El Greco và mái tóc bông bênh đen nhánh, nhưng anh tự hỏi liệu cô có đi đến các câu lạc bộ hay từng ra ngoài vào lúc mười một giờ đêm hay không, dĩ nhiên là trừ những ngày trực.

“Tôi thực sự không biết,” Lydia Burton nói. “Tôi chưa từng gần gũi với Amber. Chúng tôi chỉ chào hỏi khi nhìn thấy nhau.”

Wexford hỏi cô ta về những người sống ở các căn hộ khác tại dãy nhà Jewel.

“Ông già sống ở nhà số một là ông Nash, sau đó là vợ chồng Brooks tại nhà số hai, mà mọi người vẫn gọi là John và Gwenda.”

Họ nhìn cô ta quay trở vào căn nhà đầu tiên trong dãy, một căn hộ gọn gàng như các căn hộ khác, lát gạch đỏ với mái đá. Khu vườn phía trước của cô ta là một bãi cỏ nhỏ hình vuông được bao quanh bởi những bụi cây oải hương; một trang trại trồng hoa hướng dương rất lớn của ông Nash, cao ba mét với những đóa hoa mặt trời hướng lên trên; nhà Brooks thì nằm trọn trong khuôn viên hình chữ nhật của hàng rào được tía tốt kỹ càng. Buổi sáng đã trở nên rất nóng với nhiệt độ khác thường tại Anh, không khí nặng

nề và ánh nắng mặt trời đốt nóng hơi ẩm ở bất cứ nơi nào nó xuyên tới. Hannah Goldsmith nhìn Wexford đang bình tĩnh hơn bao giờ hết, làn da mịn màng tái nhợt của cô trắng như tuyết mùa đông, không một sợi tóc xõ ra khỏi nếp.

“Cô có thể bắt đầu từ dây nhà Jewel, Hannah,” anh nói. “Trước khi những người ở đây đi làm. Hãy đưa Baljinder đi cùng.”

Họ tạo thành một cặp đôi tuyệt đẹp, anh nghĩ vậy, khi Hannah và DC^[4] Bhattacharya băng qua con đường, người phụ nữ nhìn thật thon thả, mái tóc bông bênh buông xuống như một thác nước, và người đàn ông cao ráo, không thể nói là gầy, mái tóc cắt ngắn đen tựa màn đêm của anh khiến tóc cô trông như có màu nâu. Lý lịch của họ phần nào cũng giống nhau, chuẩn mực, cổ điển, thuần là người da trắng. Họ có thể là anh trai và em gái, có lẽ là con của một người cha từ Iran và một người mẹ từ Iberia.

Suy nghĩ xem khu vực này đã thay đổi ra sao trong khoảng thời gian ngắn kể từ vụ án của Simisola, khi chỉ có không quá mười hai người dân tộc thiểu số, anh cùng Karen Malahyde bước trở lại chiếc xe của mình, nơi Donaldson đang ngồi chờ sau vô lăng.

“Một ngày nóng bức đây, Jim.”

Donaldson nói, “Vâng, thưa sếp,” theo một cách lạnh lùng, đáp lại lời bình luận vô cùng nhạt nhẽo này với sự dửng dưng mà nó xứng đáng.

“Anh biết đấy, tôi không nghĩ là mình đã từng đến đây. Ý tôi là, tới Brimhurst.”

“Đây không phải nơi mà anh có thể đến nếu như anh không quen biết một ai đó. Tất cả những gì có ở đây chỉ là hàng loạt các ngôi làng và nhà thờ, và tất cả đều bị khóa chặt kể từ khi vị cha xứ bỏ đi. Cửa hàng đã đóng cửa từ mười năm trước.”

“Làm sao anh biết tất cả những điều này?”

“Mẹ tôi sống ở đây,” Donaldson nói. “Người ta thích nó bởi vì nó yên tĩnh. Không có chuyện gì xảy ra cả - ồ, cho đến lúc này.”

“Không. Anh có thể bật điều hòa lên được không?”

Công cuộc khám nghiệm tử thi đối với anh không mấy hứng thú nhưng anh vẫn tham dự để mong tìm ra bất kỳ manh mối nào có thể. Thám tử điều tra Burden dễ tính hơn anh và bị lôi cuốn bởi công việc pháp y. Họ ngồi nhìn và xem xét hoặc, trong trường hợp của Wexford, giả bộ xem xét, trong khi các chuyên gia pháp y giải phẫu cơ thể của Amber Marshalsen và kiểm tra vết thương khủng khiếp ở đầu cô, chỗ bị tấn công bởi một số vật nặng. Anh hỏi thời gian tử vong và câu trả lời là trong khoảng từ nửa đêm cho đến ba giờ sáng. Và chính xác hơn nữa thì cô ta không tự sát.

“Hung khí là một viên gạch, tôi nghĩ vậy,” Carina Laxton nói, “nhưng dĩ nhiên anh sẽ chẳng để tâm đến những gì tôi nói.”

“Dĩ nhiên rồi,” Burden nói vì anh không ưa cô ta. Ngoài việc thiếu một đốt sụn ở tuyến giáp và cái tên của cô ta, như anh đã từng nói với Wexford, thì cô ta chắc hẳn cũng là một người đàn ông, hoặc có lẽ cô ta đã từng là đàn ông. Thời đại này, bạn chẳng thể nào biết được điều đó. Cô ta không có ngực, không có mông, tóc húi cua và không trang điểm tí xiu nào trên khuôn mặt mộc. Tuy nhiên, anh phải thừa nhận rằng cô ta đã làm rất tốt trong công việc, ít sắc sảo và thô lỗ phôi bò hơn Mavrikian, và thái độ của cô ta thì khác xa với kiểu tự cao tự đại của ngài Hilary Tremlett.

“Cô ta chết bởi một đòn giáng vào đầu, mà không nói anh cũng biết,” cô ta nói. “Dĩ nhiên xác định loại hung khí,” cô ta nói với vẻ cứng nhắc lỗi thời không che giấu sự kiêu ngạo, “không phải là công việc của tôi. Chắc chắn anh cần đến sự hỗ trợ của một chuyên gia về gạch.”

“Một gì cơ?”

“Một chuyên gia về gạch.” Carina nói một cách chậm rãi trong trường hợp anh thấy khó hiểu những từ ngữ đơn giản.

“Dĩ nhiên rồi,” Burden nói.

“Bởi vì gạch không đơn thuần là gạch, anh biết đấy.” Ngay khi đã bỏ lại những lời đó để Burden tự hiểu, Carina nói, “Không có dấu hiệu xâm hại tình dục. Tất cả sẽ nằm trong bản báo cáo. Cô ta đã từng sinh con, và tôi mong là anh biết điều đó.”

“Tôi không biết điều này,” Wexford nói với vẻ ngạc nhiên. “Cô ta chỉ mới mười tám tuổi.”

“Anh có tưởng tượng ra điều này có nghĩa là gì không, Reg?” Carina Laxton lắc đầu với anh và mím môi. “Nếu cô ta mười hai tuổi thì điều này rất đáng để xem xét. Còn đây là ‘Chỉ mới’ mười tám tuổi.”

Brand, anh nghĩ. Mình đã nghi ngờ. Nó là con của Amber chứ không phải của Diana? Và đó là Brand trong Ibsen hay Brand trong Brandon? Anh nói với Burden, “Đến văn phòng của tôi, Mike, sau đó chúng ta có thể quay trở lại đường Mill và cùng tới gặp gia đình Marshalsen.”

Họ đã làm việc như một nhóm bất cứ khi nào có thể và đặc biệt khi Wexford cảm thấy rằng ở công ty của Hannah Goldsmith thêm một hoặc hai tiếng đồng hồ nữa sẽ khiến anh nói ra những điều mà anh phải hối tiếc. Họ lên xe, cả anh và Mike. Nếu họ không thể hoàn toàn nói ra tất cả những điều xuất hiện trong đầu mình cho nhau, họ sẽ chia sẻ nhiều nhất có thể. Anh thích Mike hơn bất kỳ ai anh biết ngoài vợ, con cái và cháu chắt của mình - và có lẽ không hoàn toàn ngoài họ. Đối với bảy người anh yêu thương và không ai biết rõ hơn anh rằng thích và yêu là hai chuyện khác nhau.

Lên tới văn phòng mình, nơi có tấm thảm màu xám mới tinh - một món quà tạ ơn từ những người trả thuế hội đồng ở Kingsmarkham - và hai chiếc ghế bành màu vàng vốn là tài sản riêng của anh, Burden chọn chỗ ngả lưng quen thuộc của mình trên một góc chiếc bàn bằng gỗ hồng mộc. Cái món đồ gỗ nội thất to lớn này cũng thuộc về Wexford, người đã để nó ở đó cùng với những chiếc ghế bành nhằm đối phó với giới truyền thông địa phương khi họ sục sạo xung quanh để tìm kiếm những bằng chứng về sự hoang phí và tham nhũng của cảnh sát. Burden luôn ăn vận một cách tinh tế dạo gần đây đã chọn những trang phục theo xu hướng “thoải mái nhưng lịch thiệp”. Những bộ cánh đẹp đã được chuyển về phía sau tủ quần áo, hoặc trong trường hợp đã cũ, thì về cửa hàng từ thiện, và vị thám tử điều tra thường xuất hiện với một chiếc quần jean cùng áo da lộn khoác bên ngoài một chiếc áo phông trắng mở cổ. Một trong những điều sâu kín trong tâm trí Wexford mà anh không thể nói ra ngoài đó là chỉ một số ít bạn bè cho rằng Burden đã luống tuổi để mặc thứ quần jean này. Nhưng chỉ có một số ít nói

vậy và sự thật là Burden đủ gầy để mặc chúng mà vẫn làm toát lên vẻ trang nhã.

Anh trải những thứ tìm thấy trong túi áo khoác của Amber Marshalsen lên trên bàn. Miếng vải cotton trắng thấm đẫm máu này đã được đem tới phòng thí nghiệm, cùng với chiếc váy ngắn màu hồng, bộ áo lót màu đen và thắt lưng da màu hồng pha đen của cô. Những thứ trong túi của cô được trải lên mặt bàn làm việc bằng da màu đỏ sậm.

“Họ không có túi xách nữa,” Wexford nói.

Burden đang nhìn chăm chăm vào một chiếc chìa khóa cửa trước móc vào chiếc nhẫn khảm mặt khớp với đồng hồ của cô ta, một ống nhựa trong suốt chứa một chất màu hồng tươi, có lẽ là một loại son môi, một bao có hai điều thuốc lá, một thanh socola đã chảy mất một nửa vẫn còn gói trong giấy bạc, và một bao cao su. Vẫn còn chút giả bộ, anh hướng ánh mắt về thứ cuối cùng và mím chặt môi.

“Méo mó có hơn không,” Wexford nói.

“Điều này còn tùy thuộc xem cô ta định làm gì vào tối hôm đó. Cô ta không mang theo đồng nào à?”

Wexford mở ngăn kéo và lấy ra một túi nhựa trong suốt có ghi chú bên trong. Khá nhiều ghi chú và tổng cộng lên tới năm chục cái.

“Vẫn còn phải kiểm tra dấu vân tay nữa,” anh nói. “Phải có đến một ngàn pound ở đây. Trong túi áo khoác bên phải của cô ta có một chiếc chìa khóa và cái ống nhựa kia, tôi tin rằng nó là một loại son bóng. Dụng cụ tránh thai, thuốc lá và kẹo nằm ở túi áo bên kia.”

“Cô ta lấy từ đâu ra một ngàn pound này vậy?”

“Đó là điều chúng ta phải tìm ra,” Wexford nói.

Chiếc xe rẽ vào đường Mill. Dọc theo vệ cỏ, những cảnh sát mặc cảnh phục - không có áo khoác và mũ - đang sục sạo ở con mương và bãi cỏ phía bên kia hàng rào để tìm hung khí. Các dải băng cảnh báo trải dài dọc theo mép vỉa hè đã cô lập khu vực này. Phía bên kia đường, một ông già đang đứng giữa khóm hoa hướng dương, chống gậy, nhìn chăm chăm vào đoàn người đang tìm kiếm.

“Trời đã khô ráo quá lâu rồi,” Wexford nói. “Hung thủ có thể đã đậu xe ở bất cứ đâu dọc theo mép vỉa hè này mà không để lại chút dấu vết nào.”

Ngôi nhà được gọi là Clifton dường như nằm giữa đám cây và bụi cây im lìm, thụ động một cách lạ kỳ. Trông nó giống như đang nghỉ ngơi, cửa chính đóng chặt, hắt các tòa nhà đang phải gánh chịu sức nóng dữ dội. Sự tỉnh táo sẽ được khôi phục lại cùng với cái lạnh tê tái của mùa đông rét buốt. Những cánh cửa sổ được mở tung nhưng không nhìn thấy một ai cả. Họ rời khỏi không khí mát mẻ trong xe để rồi được chào đón bởi cái nóng hầm hập, mặc dù lúc này đang là chiều muộn.

“Có cảm giác giống như vừa bước xuống máy bay khi đi du lịch đến Hy Lạp vậy,” Wexford nói. “Anh không tin được đâu, cảm giác thật tuyệt. Cứ như thể là vào giữa đêm ấy. Nhưng chúng ta đâu có được những đêm ấm áp ở đây đâu. Tại sao lại thế nhỉ?”

“Ai mà biết được. Tôi mong dòng Vịnh có thể làm được điều gì đó. Hầu hết các loại gió đều thế.”

“Dòng Vịnh làm gió ấm lên chứ không phải lạnh đi.” Lúc này, họ không bắt gặp một ai cả. Wexford bấm chuông cửa và Diana Marshalsen ra mở

cửa. Thằng bé lại xuất hiện cùng bà ta, nó có thể đứng được nếu cố bám vào một bên quần thông xuống của bà ta.

“Tôi cứ tưởng thằng bé là con bà,” Wexford nói. “Nhưng Amber mới đúng là mẹ đứa trẻ, phải không?”

“Tôi tưởng là mình đã nói với các anh rồi.”

Cả Wexford và Burden đều không đáp lại câu nói đó. “Brand là tên gọi tắt hay chính là tên của thằng bé?”

Bà ta nhăn mặt, chun mũi và trề môi. “Tôi e rằng đó là tên nó. Nhưng mà, xem trong sổ những cái tên hiện giờ, như vậy là không tồi, đúng không? Chồng tôi tỉnh rồi. Anh ấy sẽ nói chuyện với các vị - nhưng hãy nhẹ nhàng với anh ấy, được không? Anh ấy đã có một cú sốc tồi tệ rồi.”

Bà ta đưa mọi người đến phòng khách lớn, nơi ông chồng đang nằm trên chiếc ghế sofa xám, tựa lưng vào mấy chiếc gối màu xám trắng. Wexford nhận ra ông ta chưa đến sáu chục tuổi. Với mái tóc bạc lưa thưa bao xung quanh phần đỉnh đầu hói, cùng với khuôn mặt hóp lại và bụng chảy xệ, ông ta trông già hơn nhiều. Dĩ nhiên còn phải xem xét nhiều thứ. Ông ta vừa mới hứng chịu một sự mất mát đau thương. Khi những viên cảnh sát đi vào, ông ta xoay đầu, ánh mắt hướng về thằng bé.

“Lạy Chúa tôi, thằng nhóc giống y hệt con bé,” ông ta nói. “Bằng tuổi này, con bé cũng giống thế.”

Ông ta đang cầm trong tay một bức ảnh được đóng khung. Ông ta đẩy nó sang phía Wexford. “Thằng bé không phải là bức tranh sống của mẹ nó sao?”

Wexford nhìn vào khuôn mặt giống như của một vị thánh trẻ trong bức hình. “Đúng. Đúng như vậy. Thằng bé thực dễ thương.” Anh nói thêm, “Cô ấy thật đẹp.” Biểu cảm trên khuôn mặt của Diana Marshalsen làm anh giật mình. Nếu để anh mô tả nó thì anh sẽ gọi là sự ghen tức. Dĩ nhiên gần đây bà ta đã nghe khá nhiều lời nhận xét về sắc đẹp của Amber và vẻ ngoài ưa nhìn của thằng bé Brand.

Anh tự giới thiệu bản thân, với ngữ khí cảm thông. “Ông đã cảm thấy sẵn sàng để trả lời vài câu hỏi chưa, thưa ông Marshalsen?”

“Ồ, vâng. Tôi phải làm thế, tôi biết mà.”

“Đây là Thám tử điều tra Burden, nhân viên cấp cao trong đội của tôi. Thưa bà Marshalson, bà không phiền để chúng tôi nói chuyện riêng tầm khoảng mười lăm phút chứ và sau đó tôi sẽ tới nói chuyện với bà, nếu còn có thể.”

Bà ta nhắc Brand lên và một lần nữa đặt thẳng bé trên hông bên phải của mình. Wexford thấy cách bế trẻ con này thật quá thuận tiện đối với phụ nữ nhưng lại rất khó khăn cho một người đàn ông, không giống ôm hay công, tư thế này không đòi hỏi biểu lộ quá nhiều cảm xúc. Thằng bé ngồi ở đó, không thể áp má nó vào má bà ta hay bà ta cũng không ôm nó quá gần ngực mình. Thằng bé có nhớ mẹ nó không? Chắc có. Trong khả năng của mình, nó đã phải hỏi mẹ mình đang ở đâu. Sau đó, Wexford nhớ rằng buổi sáng nay, thằng bé đã nói, “Mẹ, mẹ.”

“Sao anh không ngồi xuống đây?” Marshalson nói bằng giọng không cảm xúc.

“Cảm ơn ông. Tôi xin lỗi vì phải hỏi ông vài điều vào lúc này nhưng đây là bất khả kháng. Ông nghĩ con gái mình về nhà lúc mấy giờ tối qua, thưa ông Marshalson?”

“Tôi để nó tự do, không quản thúc giờ giấc cụ thể nào cả. Tôi biết nó đã đi nhờ xe về nhà. Để tôi nghĩ, có lẽ con bé về nhà lúc hai giờ.”

Wexford cố gắng kiềm chế không để sự bức bối toát ra bên ngoài. Burden thì ngược lại và tỏ rõ thái độ. “Điều này có xảy ra thường xuyên không?”

“Amber đã tốt nghiệp hệ cao đẳng. Con bé đã thôi học ngay sau khi kết thúc chương trình học A level. Nó quay trở lại trường học sau khi sinh thằng nhóc Brand.” Giọng nói của ông dao động và đứt quãng, và ông phải hắng giọng. “Đã có kết quả của chương trình học A level của nó. Họ đã gửi thư đến vào sáng nay, ba điểm A và một điểm B. Con bé đã có thể vào Oxford.” Nước mắt tràn ra và đọng lại trên khóe mắt ông. “Tôi nghĩ... tôi nghĩ con bé đã rất khó chịu khi không được ra ngoài để chơi bởi sau những gì nó đã phải trải qua.”

“Đã trải qua?” Wexford ném cho bạn mình một cái nhìn cảnh báo nhưng Burden không để ý.

“Ý tôi là việc có thai, sinh con. Chia tay với bạn trai. Tôi phải gọi hắn là thằng sở Khanh. Kẻ phá hoại.”

“Đó có phải là cha của đứa bé không, ông Marshalson?”

“Vâng, đúng vậy, ngoài hắn thì còn ai vào đây nữa,” Marshalson lên tiếng bảo vệ đứa con gái quá cố. “Tôi tin là hắn đã cưỡng hiếp con bé. Vâng, đó là... là lần đầu tiên - nhưng tôi nghi ngờ còn nhiều lần khác nữa.”

Giá mà các vị phụ huynh biết điều này...

“Chúng tôi có thể biết tên hắn ta không?” Burden đang gằn giọng để che lấp sự gắt gao trong giọng nói, Wexford có thể nhận thấy rõ điều đó. “Hắn ta là người ở đây à?”

“Hắn tên là Daniel Hilland và là sinh viên trường Đại học Edinburgh nhưng dĩ nhiên là hắn ta sẽ không còn ở đó nữa, đó là một hành trình dài. Cha mẹ hắn sống ở đây, ở Little Sewingbury, tôi có lưu số của họ ở đâu đó.”

“Đừng lo, thưa ông. Chúng tôi sẽ tìm hắn. Giờ thì tôi có thể hỏi một chút về những người bạn Amber gặp tối qua không? Và người đã đưa cô ấy về. Nếu chúng tôi có thể có được tên tuổi của họ, chúng tôi sẽ để ông được yên.”

“Được yên ư?” Marshalson thốt lên và tuôn một tràng dài. Nước mắt trào ra và giọng ông ta run run. “Được yên ư? Tôi không thể nhớ nổi đó là cái gì nữa. Một thời gian rất rất lâu về trước. Có lẽ không nhớ nổi từ lúc tôi cưới Diana. Con bé chẳng có lỗi gì cả, hoàn toàn không, tôi sẽ không bao giờ nói như vậy. Amber, con bé có thai và đó là một cú sốc quá mức nặng nề. Nó sinh con và đem đứa bé cho chúng tôi chăm sóc. Để Diana nuôi dưỡng. Chung quy mọi chuyện là như vậy.” Đôi môi ông run rẩy. “Diana đã phải bỏ công việc ở studio. Nhưng tất cả đều không có một chút nghĩa lý gì so với chuyện này. Anh nói tôi phải làm sao để đối diện với ánh mắt của thằng bé bây giờ? Nó quá giống mẹ nó. Nó giống mẹ nó khi còn nhỏ.”

Wexford nghĩ Marshalson sắp bắt đầu nức nở nhưng ông ta đã cố gắng hết sức để kiềm chế cảm xúc, thở sâu và tựa đầu lên chiếc gối màu xám trắng. Mắt nhắm lại, rồi ông ta nói, “Tôi xin lỗi. Tôi sẽ tự mình bình tĩnh lại. Về những người bạn của con bé - hãy hỏi Diana. Cô ấy sẽ biết.”

“Ông ra ngoài để tìm Amber à, thưa ông,” Burden nói, “Sao lại như vậy?”

Marshalson lắc đầu, không phủ nhận nhưng dĩ nhiên rất đau đớn. “Tôi chưa bao giờ đi ngủ khi con bé ra ngoài. Chưa bao giờ. Và tôi đã đúng khi không đi ngủ, phải không? Không cần thiết phải lo lắng, Diana đã nói vậy, phải không? Tất cả đều chính đáng cả.”

“Có lẽ là vậy, thưa ông, nhưng ông mong đợi tìm thấy gì khi ra ngoài phố vào lúc năm giờ - năm giờ sáng?”

“Tôi không biết. Những việc anh làm vào lúc đó đều không hợp lý. Tôi đã nghĩ mình có thể nhìn thấy con bé bước ra từ xe của thằng bạn nó. Ở tuổi này, thời gian chả có ý nghĩa gì với chúng. Chúng không biết mệt. Tôi đã nghĩ tôi có thể cùng con bé đi bộ về nhà, khoác tay nó, công chúa của tôi, thiên thần bé bỏng đáng thương của tôi...”

Burden nói lên những gì Wexford cảm thấy nhưng anh không dám nói; hay ít nhất ở giai đoạn này, không có cái suy nghĩ tàn độc đến như thế. “Ông có ra ngoài đường sớm hơn không? Lúc hai hay ba giờ sáng gì đấy?”

Giá mà George Marshalson hiểu được ngụ ý câu hỏi của Burden, điều mà anh ta đã không thể hiện ra.

“Duy nhất một lần. Tôi chỉ ra ngoài vào lúc năm giờ. Tôi đã đi lại trong nhà trước đó, thấy giường con bé trống trơn nhưng tôi chỉ đi ra ngoài vào lúc năm giờ...” Một tiếng nấc cắt ngang những từ cuối cùng của ông ta.

Ở ngoài hành lang, Wexford nhìn quanh xem xét dấu hiệu của sự sống. Một trong những cửa ra vào - làm bằng gỗ nhạ màu, bằng phẳng và có tay cầm bằng thép không gỉ - đang khép hờ. Wexford nghe tiếng trẻ con đang nói đằng sau cánh cửa, “Mẹ, mẹ.”

Những lời “họ đâm vào tim tôi” đi vào đầu anh và anh tự nhủ mình không phải một tên ngốc ủy mị. Anh đẩy cửa bước vào, Burden nổi gót. Brand, như những đứa trẻ khác cùng tầm tuổi, dường như càng lúc càng hoàn thiện kỹ năng đi của mình, quay vòng từ cửa sổ chỗ mình đang đứng, và rồi thất vọng, lảo đảo lại câu thần chú buồn “Mẹ, mẹ.”

Diana Marshalson đang ngồi trên sàn nhà giữa đồng hồ chơi bằng gỗ, một con chó lông xù chạy bánh xe, một mớ hỗn độn của gạch nhiều màu.

“Tôi hy vọng việc này sẽ không tiếp diễn. Ý tôi là, tôi mong anh ấy quên con bé đi, vì chính bản thân mình.”

Wexford mong chờ được nghe một vài lời cảm thông cho thằng bé và tiếc thương cho mẹ nó nhưng vô ích. Brand bò về phía bà ta, về mặt bối rối. Nhìn nó như kiểu muốn bà ta bế mình lên và nựng nó mấy câu nhưng bà ta không làm vậy. Bà ta đứng dậy.

“Ngồi xuống đi. Tôi có thể giúp gì cho các vị?”

Họ kiểu như đang nghiên cứu cái bàn, tủ hồ sơ và máy tính ở phòng làm việc, cả đồ nội thất mềm, bọc trong vải tuýt nhạt màu xám và cam. Cửa kính duy nhất mà Brand đang nhìn chăm chú qua đó, hy vọng nhìn thấy mẹ mình, trông ra một khu vườn lớn, chủ yếu là cỏ và cây bụi. Cái nóng quá mức của bao tuần qua đã khiến cỏ chuyển sang màu vàng như những ngọn đồi California. Burden hỏi Diana Marshalsen mà không thêm quan tâm là có lặp lại nỗi đau khổ của ông chồng bà ta hay không.

“Tôi chỉ biết tên mấy đứa bạn của con bé. Nhưng ngoại trừ đứa đã đưa nó về tới cuối đường. Nó tên là Ben Miller, tôi nghĩ là nó sống ở Myfleet. Mà đúng vậy đấy. Điều này có giúp được gì không?”

“Rất nhiều,” Wexford đáp. “Có lẽ bà cũng nên nói tên của những đứa bạn mà bà biết.”

“Như tôi đã nói ấy, tôi còn không biết họ của chúng là gì. Có một đứa là Chris, một đứa là Megan và một đứa là Veryan. Con bé đó đã đến đây một hai lần. Ờ, và Sam - tôi không rõ là Samuel hay Samantha - và Lara. Tôi nghĩ Lara và Megan là hai chị em. Dĩ nhiên, tôi không chắc con bé có gặp ai trong số chúng tôi qua hay không. Không, Brand, không phải bây giờ, Dì đang bận.” Bà ta không đẩy hẳn thằng bé ra. Tay vẫn đặt lên vai nó, bà ta khẽ đẩy thằng bé ra và lắc đầu mấy lần. “Không, Brand, cháu có nghe bà không? Ra chơi với con chó đi. Dắt nó đi dạo quanh phòng đi.” Ngữ điệu của bà ta nhẹ nhàng, giống như giáo viên tiểu học mà hồi bé Wexford từng học hơn là một bảo mẫu. “Tôi không biết mình sẽ xử lý chuyện này ra sao nữa,” bà ta nói với đám cảnh sát. “Tôi đã gặp đủ khó khăn về chuyện của Amber những ngày qua rồi. Cứ như thể nó không phải con gái tôi vậy. Thật không công bằng với tôi chút nào, phải không?”

Wexford hiếm khi không biết phải nói gì nhưng lúc này thì anh chịu. Anh đứng dậy. Burden cũng đứng dậy. Brand thì đang đi loanh quanh trong phòng, kéo theo con chó chạy bánh xe đằng sau. Thay vì nói “Mẹ” thì thằng bé lại nói “Di” và rồi “Di, Di, Di.”

Có lẽ đây không phải là lần đầu tiên nhưng Wexford vẫn mong chờ vẻ thỏa mãn trên khuôn mặt của Diana Marshalsen. Không cười, bà ta nghe thằng bé lặp đi lặp lại tên tắt của mình, nhìn nó thoáng chốc rồi quay đi.

“Tôi đã phải chăm sóc thằng bé hết mình từ khi nó ra đời,” bà ta nói. “Thật sự là không công bằng, phải không? Amber đã ghét tôi từ cái nhìn đầu tiên. Con bé ghét tất cả những ai kết hôn với cha nó.Ồ, ý tôi không phải là tôi với con bé có mối thù truyền kiếp, con bé cũng đã dần chấp nhận tôi, dù ít dù nhiều, nhưng chung quy vẫn không ưa tôi. Rồi đến khi thằng bé ra đời, tôi là người duy nhất chăm sóc nó khi con bé ở trường. Được một thời gian thì tôi nghỉ việc. Tôi đã từng là cộng sự với George nhưng tôi phải nghỉ. Con bé chưa bao giờ hỏi thăm tôi, nó nghĩ đó là việc đương nhiên. Bởi vì tôi không có con riêng, nên tôi hẳn phải muốn chăm sóc con của nó. Khi con bé ra ngoài vào buổi tối và đến nửa đêm tôi là người phải dậy đến chăm thằng bé khi nó khóc. Ấy thế mà, điều này chẳng ích gì cả, đúng chứ? Hoàn toàn vô dụng. Các vị còn muốn biết thêm điều gì nữa không?”

Sau khi liếc qua Wexford, Burden nói, “Giờ thì chưa, cảm ơn bà, bà Marshalsen. Dẫu vậy, chúng ta sẽ còn gặp lại nhau.”

Lặng lẽ, họ rời khỏi cái nơi chật chội, ẩm áp để bước ra nơi nóng bức khủng khiếp, trời tháng Tám nhanh chóng nóng đến mức kỷ lục. Có đôi khi, trước khi trời trở nên ngọt ngào, Wexford cảm thấy cái nóng này lại có chút thoải mái. Anh ngẩng mặt lên trời khi Burden phát hỏa.

“Lạy Chúa, tôi sẽ có những đêm thức trắng vì đứa trẻ đó mất. Tội nghiệp thằng bé! Ông của nó không dám nhìn thẳng vào nó vì nó làm ông ta nhớ đến đứa con gái xấu số. Bà nội kể thì không ngừng xem nó là cục nợ. Mẹ nó đã chết và bởi vì thế nên sẽ không có bất kỳ trợ giúp nào để nuôi nó. Nhà họ không nghèo, họ có thể thuê một vú em tử tế, người có thể yêu thương thằng bé. Điều này làm tôi lộn hết cả mẹ.”

“Bình tĩnh đi, Mike. Tôi mới là người dễ xúc động, nhớ chưa? Xem ra chúng ta đã bị đảo ngược vai trò ở đây.”

Họ vào xe. Đổ ngoài trời quá lâu, bên trong xe cũng đã ấm dần lên. Donaldson khởi động và bật máy lạnh. Những nhân viên tìm kiếm vẫn sục sạo trên bãi cỏ.

“Tôi muốn qua xem họ có tìm thấy bất cứ thứ gì không,” Wexford nói, “có điều tôi có một cuộc họp báo lúc sáu rưỡi, Và dù thế nào đi nữa, tôi hoàn toàn đồng ý với các vị về nhà Marshalsen và thằng bé.”

“Tại sao cô gái đó giữ lại đứa trẻ? Nếu không quan tâm đến thằng bé, cô ta có thể cho người khác nhận nuôi nó mà. Hàng tá người sẽ yêu thương thằng bé. Toàn bộ chuyện này thật sai lầm. Cô ta chỉ mới rời ghế nhà trường và cô ta đến hộp đêm mọi lúc. Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra với thế giới này, và quá nhanh nữa chứ. Hai mươi năm và toàn bộ quan điểm sống đã thay đổi.”

“Có lẽ chúng ta cần hiểu chúng nhiều hơn một chút trước khi định phán xét điều gì.” Wexford cảm thấy mồ hôi chảy xuống ngực và anh ước gì mình có một chiếc áo sạch để thay trước khi cánh nhà báo đến. “Họ đã phải trải qua cú sốc tồi tệ nhất trong đời. Các vị có biết điều gì làm tôi bị ảnh hưởng nhất không? Brand cứ gọi mẹ nó.”

“Dường như điều đó thậm chí còn chẳng khiến Diana cảm động. Như vậy đã đủ làm trái tim anh tan vỡ rồi, nhưng nó thậm chí còn chẳng khiến bà ta cảm động.” Anh nhìn Wexford với vẻ đầy ngờ vực. “Anh đang nghĩ gì thế?”

Không quen miệng nói dối, Wexford thấy không cần thiết phải thành thật về những suy nghĩ của mình. “Chỉ là tôi thà xử lý đồng giấy tờ từ Luân Đôn bất cứ lúc nào còn hơn là phải đối mặt với thằng cha mới đến ở tạp chí Người đưa tin.”

Anh quay trở về với những gì thật sự chiếm đóng tâm trí mình, con gái của chính anh.

Hội nghị kéo dài không lâu. Có rất ít thông tin để Wexford và Sĩ quan Vine kể cho cánh báo chí và Darren Lovelace, thành viên mới ở tờ Người đưa tin, người đã một lần thất bại khi cố gây rắc rối. Wexford phát biểu trong hai phút trên kênh thời sự địa phương BBC 1 và ba phút trên kênh radio Mid-Sussex, sau đó kết thúc.

“Anh có định yêu cầu Marshalsen làm đơn kháng cáo không?” Burden hỏi.

“Anh biết đấy, tôi không nghĩ là mình sẽ làm thế với ai đó lần nữa. Vì một điều, chuyện này giờ đây đã trở nên quá phổ biến, quá thường lệ, công chúng đã chán nó rồi. Có lẽ họ chẳng hề bận tâm khi bố mẹ, người yêu hoặc vợ ra tòa, cầu xin kẻ đã giết người thân yêu của họ - mà chúng ta giả định là người thân - đứng ra trình diện. Sau đó, có một thực tế khó xử là một người trong tang quyến hóa ra lại chính là kẻ giết người.”

“Ý anh là anh nghi ngờ Marshalsen?”

“Tại thời điểm này, Mike ạ, tôi không có nghi phạm nào cả.”

Từ chối việc Burden mời mình đi uống chút gì đó ở Olive và Dove, Wexford về nhà, nghĩ tới việc trước đó mình đã nói rằng vai trò của họ đã hoán đổi cho nhau như thế nào vào ngày hôm đó, vì thường thường anh chính là người thuyết phục tay điều tra viên đi ăn nhậu sau giờ làm, chứ

hiếm khi có trường hợp ngược lại. Anh rất muốn nghe vợ mình nói về Sylvia.

Rằng con bé đang mang bầu mà không có chồng hay một anh chàng người yêu Wexford biết mặt, và rằng có vấn đề gì đó không ổn ở đây. Dora đã nói với anh những gì mấy đứa con trai của Sylvia biết nhưng không nhiều lắm. Chẳng biết là không ổn với con bé hay con của nó nữa, nhưng Sylvia đã hứa gặp mẹ mình vào ngày hôm nay và kể “toàn bộ sự việc.”

“Điều đó có nghĩa là gì?” anh đã hỏi vậy.

“Em không biết, Reg ạ. Em ước gì con nó không nói với em nhiều đến thế. Em cứ nghĩ nó phát hiện ra em bé có quá nhiều hoặc không đủ một nhiệm sắc thể. Em chỉ ước chúng ta đã không bị giấu giếm mọi chuyện.”

“Anh cũng thế.”

Giống như bao người hàng xóm của mình, và hầu hết tư gia ở Kingsmarkam ngoại trừ những ngôi nhà ở Ploughman’s Lane, căn hộ của Wexford không có điều hòa nhưng các cửa sổ luôn mở, bao gồm cửa kính ở ban công phòng khách. Từ lúc khu vườn bên ngoài chìm trong bóng râm được vài giờ, căn phòng trở nên ít nóng bức hơn nhiều so với trước. Một làn gió thổi qua và đung đưa những chiếc lá trĩu nặng của hoa tử đinh hương.

“Anh sẽ đi kiểm chút gì đó để uống,” Wexford nói.

Câu trả lời là điều anh chưa bao giờ nghe thấy vợ mình thốt ra trên môi. “Vâng, em nghĩ là anh nên đi. Và lấy cho em một ly nhé, được không? Có Sauvignon trong tủ lạnh nhưng nó hẳn đã đóng băng rồi.”

Một sự tưởng tượng đầy sáng tạo rắc rối hơn người ta tưởng. Anh lắc đầu như để gạt nó ra khỏi đầu rồi đổ một nắm hạt điều đầy calo béo ngậy vào trong một cái bát. Anh thích hạt điều, thứ mà đôi khi anh nghĩ rằng nó không hề tốt cho sức khỏe. Giờ không có thời gian để nghĩ đến việc ăn kiêng mỡ, đường và tinh bột như người cha già của anh vẫn dạy.

“Chuyện này chẳng có gì sai cả,” Dora nói khi anh quay trở lại phòng. “Nếu đó là những gì anh đang nghĩ. Em biết chứ. Sẽ ổn thôi. Cái thai của Sylvia đã được bốn tháng và Neil chính là cha đứa trẻ.”

“Gì cơ?”

“Anh nghe rồi đấy. Ý em là như vậy. Neil là cha đứa trẻ. Tuy nhiên, còn nhiều chuyện khác nữa. Rất nhiều.”

Dora uống một hơi, không hề có cung cách quý bà chút nào, và thở dài. “Em hy vọng con bé và Neil sẽ quay lại với nhau. Em luôn mong thế, anh biết mà. Nhưng sự thật lại không như thế. Cậu ta đang rất hạnh phúc cùng bạn gái của mình. Cô ta tên gì nhỉ?”

“Naomi.”

“Cậu ta và Naomi đang rất hòa hợp ngoại trừ một điều: Cô ta không thể có con, dù đã cố gắng thử nhưng mọi nỗ lực đều thất bại. Cô ta sẽ không bao giờ có con được.”

“Anh biết chuyện gì sẽ xảy ra,” Wexford nói. “Anh thấy toàn bộ chuyện này thật kinh khủng. Con bé sinh con hộ chúng, con bé sẽ trao nó cho chúng.” Bất thành linh căn phòng trở nên nóng bức, bóng râm ngoài kia trở nên vô dụng. Không khí nóng bức, ngột ngạt và khó thở, anh lại tiếp tục đổ mồ hôi, từng giọt mồ hôi tan ra trên khuôn mặt anh. “Con bé nghĩ lý trí mách bảo nó yêu Neil, hoặc cả hai đều nghĩ như vậy, nhưng rốt cuộc con bé lại bỏ Neil chẳng vì lý do gì. Chỉ đơn giản là nó cảm thấy nhàm chán. Vì thế nó đã bù đắp cho cậu ta và bạn gái cậu ta bằng việc mang thai. Anh hiểu con bé. Anh hiểu cái cách mà con bé suy nghĩ. Tại sao con bé không thể thôi coi mình như người làm công tác xã hội đang làm những điều không tưởng cho khách hàng của mình?”

“Anh đang thể hiện cảm xúc thái quá đấy,” Dora nói. “Anh cần bớt nóng đi. Anh tệ hơn em nghĩ rồi đấy.”

Hannah Goldsmith đang viết báo cáo. Hoặc là cái máy tính mười hai nhân hai mươi centimet của cô đang viết nó trong khi cô suy nghĩ, ghi nhớ và chép lại các ghi chú. Đối tượng là dãy nhà Jewel, Brimhurst. Cô và Baljinder Bhattacharya đã dành phần lớn thời gian ngày hôm đó để ở đây và rồi chỉ quay về lúc chiều muộn. Thật may là trong số bốn người sống ở dãy

nhà, có hai nhân viên toàn thời gian và một người khác đã ra ngoài làm việc. Duy nhất có John Brooks ra khỏi nhà vào buổi sáng hôm đó, lúc sáu rưỡi để tới khu công nghiệp Stowerton, nơi anh ta đang làm bảo vệ cho một khu liên hợp sản xuất lớn.

Người sống ở căn số một thật là kinh dị. Hannah biết cô không nên phân biệt tuổi tác nhưng mọi việc đều có giới hạn. Cô nhận ra mình có cảm giác chán ghét tự nhiên đối với những ông già. Không phải toàn bộ người già, chỉ những người đàn ông mà thôi. Định kiến này không được phép tồn tại và có lẽ cô nên nghĩ đến việc tìm kiếm tư vấn cho vấn đề này. Sau một lúc, cô nhấc tay ra khỏi bàn phím, nghĩ đến việc có nên quay lại gặp chuyên gia tư vấn cũ của mình không hay tìm một ai đó chuyên về những mối quan hệ với người lớn tuổi. Tuy nhiên, điều quan trọng bây giờ là cô phải hoàn thành báo cáo này.

Henry Nash là một gã khó chịu. Phòng khách của ông ta rất nóng và ngột ngạt với thứ mùi hóa chất kinh tởm hơn cả đồ ăn bốc mùi, mặc dù Wexford biết đây là mùi long não nhưng Hannah còn quá trẻ để có thể nhận ra. Bản thân Henry thì mặc một chiếc quần sọc, rõ ràng là một phần của bộ đồ, dây đeo quần màu xanh rách nát và chiếc áo sơ mi sọc không cổ nhưng lại chật ních đến cổ. Hannah, mặc dù thấy râu trên cằm một người đàn ông khá quyến rũ, đặc biệt là Bal Bhattacharya, nhưng lại thấy ghê tởm bộ râu trắng dài nửa inch của Henry Nash.

Tất cả chuyện này còn ít phiền toái hơn so với thái độ của Henry đối với cô, một sĩ quan cao cấp. Ông ta hướng tất cả các câu trả lời của mình đến Bhattacharya, không đếm xỉa xem ai tiến hành cuộc điều tra. Cô có thể thấy rõ rằng ông ta đang bị giằng xé giữa phân biệt chủng tộc và chủ nghĩa sô-vanh nam giới nhưng cuối cùng lại quyết định nói chuyện với một người đàn ông châu Á thay vì với một phụ nữ da trắng. Khi cô hỏi ông ta về thời điểm ông ta đi ngủ vào đêm hôm trước, câu trả lời của ông ta như thể những lời thì thầm nhục dục, vẻ mặt gay gắt rồi nói với Bal, “Anh muốn biết tôi đi ngủ lúc nào?”

“Đúng vậy, thưa ông Nash.”

“Tôi không biết điều đó có ích gì với anh nhưng là tầm mười giờ. Tôi luôn đi ngủ lúc mười giờ tối. Đúng giờ.”

Bal nói rằng những người già thường ngủ rất ít (“Anh gọi ai là người già?”) và hỏi ông ta xem có nghe được bất cứ tiếng động nào trong đêm hay không. Mặc dù nhìn như tám chục tuổi, ngài Nash nói rằng ông ta chưa già đến mức bị thức giấc hàng đêm. Hàng xóm của ông ta, John Brooks, thi thoảng lại làm phiền, gõ cửa kính ô tô và khởi động xe lúc sáu rưỡi nhưng không phải sáng nay. Ông ta đã ngủ, không nghe, cũng không hay biết gì cho đến khi nhìn qua cửa sổ tầm tám giờ và thấy “một đám người đang giẫm đạp” lên vệ cỏ bên kia đường. Ông ta không biết Amber Marshalsen hay cha mẹ cô ấy và cũng không muốn biết.

“Cô ta chỉ là đứa nhãi ranh có một đứa con ngoài giá thú. Tôi sẽ không dám thò mặt ra ngoài nếu tôi là cô ta. Và đã có ai nói rằng như vậy còn tồi tệ hơn những gì đang xảy ra chưa?”

Hannah biết nhưng cô nghĩ rằng tốt hơn đừng có nói ra. Cô có thể nghe bất kỳ chuyện đồi bại, loạn luân, thú tính, cuồng dâm nào nhưng lại cực kỳ sốc khi nghe thấy từ “ngoài giá thú” thốt ra từ miệng ai đó. Có lẽ thậm chí càng sốc hơn khi lời này được nói ra từ đôi môi nhăn nheo với bộ râu trắng toát này. Ngoài giá thú! Thật không thể tin được.

Bal đang kể với ông già kinh khủng rằng Amber đã bị sát hại nhưng điều đó dường như không khiến ông ta cảm thấy xấu hổ hay bối rối vì những điều mình đã nói. Ông ta chỉ gật đầu, như thể việc sát hại cô gái trẻ là một điều bình thường hoặc chỉ muốn quan tâm điều gì sẽ xảy ra đối với kẻ phạm tội. Hannah lưu lại trong báo cáo rất ít về ông ta và cũng không khá hơn đối với John và Gwenda Brooks ở căn số hai.

Gwenda là một phụ nữ trẻ cùng độ tuổi với Hannah nhưng lại rất khác biệt. Chiếc váy dài đến bắp chân của cô ta có màu nâu và be cùng với chiếc áo khoác cũng màu be kèm theo một chiếc ghim cài ở cổ. Hannah nghĩ rằng bà nội cô là người cuối cùng theo phong cách tóc uốn nhưng Gwenda Brooks cũng vậy và nó đang “phồng ra”. Bằng giọng khá buồn, cô ta nói rằng mình đã nhìn thấy người chồng xuống xe vào lúc sáu rưỡi ra sao. Rõ ràng cô ta thất nghiệp và cũng không có con. Điều đó làm Hannah tò mò

muốn biết cả ngày cô ta làm gì. Nhưng như vậy là đi quá xa so với chủ đề cần nói. Gwenda Brooks đã ngủ cả đêm cho đến khi đồng hồ báo thức đổ chuông lúc sáu giờ sáng. Cô ta tự hào thừa nhận rằng mình đã ngủ rất sâu, không có gì đánh thức cô ta cả. Đây là một phần thông tin thu hút Hannah vì nó khá ngẫu nhiên và cần phải xem xét kỹ hơn.

“Chồng tôi lúc đó đang ngủ ở phòng khách,” Gwenda Brooks nói. “Đó là, ừm, do tiếng ngáy của anh ấy. Anh ấy chưa đến ba mươi nhưng lại ngáy như...” Cô ta không biết dùng loài động vật gì có tiếng ngáy tương tự để so sánh với tiếng ngáy của John Brooks. “Ừm, tôi không biết, nhưng tôi không thể ngủ với tiếng ngáy ấy được.”

“Chúng tôi muốn nói chuyện với chồng cô,” Bal đề nghị. “Khi nào anh ta về?”

Chắc phải tầm bảy rưỡi. Một ngày làm việc của John Brooks khá dài. Vợ anh ta quen biết với nhà Marshalsen chỉ để “giết thời gian”. Cô ta có một lần nói chuyện với Amber khi cô bé ra ngoài cùng với đứa con bởi vì Brand quá “dễ thương và luôn cười vui vẻ”. Cô ta yêu những đứa trẻ và rất muốn có một đứa con. Chồng cô ta đã từng tới Cliffon dạy Amber một số thứ về máy vi tính một hai lần. Gwenda không chắc về điều đó. Cô ta chẳng bao giờ có thể hiểu rõ về máy tính. “Siêu đoảng,” cô ta nói khi nhìn thấy vẻ chán ghét của Hannah. “Tôi nghĩ là mình mắc chứng khó đọc. Đó luôn là lý do, đúng không?”

Hannah ghi vào trong báo cáo. Nếu nhà Marshalsen có máy vi tính thì tại sao Amber lại phải nhờ Brooks dạy cách dùng nó? Mẹ kế không dạy được cô ta ư? Dù sao thì, không thể tưởng tượng được mười tám tuổi rồi mà còn không có kỹ năng sử dụng máy vi tính. Những kỹ năng này đều được dạy ít nhất là từ khi năm tuổi. Có thể John Brooks có mối quan hệ mập mờ với Amber. Điều này cũng đáng để suy ngẫm.

Lydia Burton ở căn số ba lại hợp tác và giúp ích hơn, mặc dù khi Hannah nghĩ vậy, cô nhận ra mình chỉ có thể nghĩ theo cách này vì Lydia Burton là túp phụ nữ độc thân, tự chủ và có trách nhiệm cao trong công việc. Amber Marshalsen đã theo học ngôi trường mà Lydia đảm nhiệm chức giáo viên chủ nhiệm vài năm sau khi bố và người mẹ lúc ấy đang ốm nặng chuyển

đến đường Mill. Mẹ ruột của Amber mất khi cô ta lên bảy và cha cô ta đã tái hôn với giám đốc công ty trang trí nội thất của mình vài năm sau đó.

“Amber tội nghiệp đã gặp rất nhiều khó khăn. Con bé chưa bao giờ hòa hợp với mẹ kế, thật kỳ lạ bởi vì Diana là một phụ nữ rất tử tế. Bà ta luôn đối xử tốt với đứa nhỏ.”

Một con chó West Highland nhỏ chạy vào trong phòng và nhảy vào lòng Lydia Burton. Bal hỏi cô ta một lần nữa về việc dắt chó đi dạo lúc nửa đêm và cô ta lặp lại câu chuyện nhìn thấy một người đàn ông mặc áo khoác trùm đầu đứng trong bụi cây. Không, cô ta không nghĩ hẳn đang mang một thứ gì đó, mặc dù hẳn có đeo ba lô sau lưng. Đúng vậy, cô ta khẳng định hẳn có đeo ba lô. Nhắm mắt lại, cô ta vẫn có thể nhìn thấy chỗ phình ra sau lưng hẳn.

“Đó có thể là một cái bao hoặc một cái túi đeo trên lưng hẳn. Tôi hơi hoảng, cô biết đấy. Tôi ra ngoài một mình và chỉ dắt theo con chó. Nó rõ ràng không phải giống chó bảo vệ, các vị có thể thấy đấy, tội nghiệp con chó nhỏ. Tôi đã băng qua đường và đứng ở đây, chỗ xa nhất mà mình có thể đứng. Lẽ ra tôi nên gọi cảnh sát, đúng không? Mọi người đều nghĩ đến việc này khi đã quá muộn...”

Trong cái nóng khủng khiếp của ngày tiếp theo, họ tiếp tục lùng sục tìm hung khí, chỉ biết nó có thể là một tảng bê tông, một viên gạch làm bằng than xỉ, một cục gạch hay thậm chí là một thanh sắt. Mặc dù biết chẳng mong đợi được gì, nhưng Wexford vẫn sốt sắng chờ giám định từ bên pháp y.

Đặt báo cáo lên bàn, Hannah hỏi rằng tại sao họ không tìm ra được hung khí. Cùng lúc đó, cả hai biết được Carina Laxton đã sửa lại thời điểm tử vong là lúc gần hai giờ sáng chứ không phải một giờ.

“Bởi vì bất kể là thứ gì thì nó cũng đã nằm trong ba lô của gã đó, thưa ngài. Cái gã đeo ba lô mà Lydia Burton đã nhìn thấy. Ngoài viên gạch hoặc tảng bê tông dùng để sát hại Amber ra, hẳn còn có thể mang được gì trong ba lô nữa?”

“Có thể. Tôi sẽ không dừng cuộc tìm kiếm cho đến khi gã chuyên gia về gạch kia đem đến thứ gì đó xác đáng hơn. Anh ta chỉ có một mẫu vật từ vết

thương để kiểm tra - thẳng nhai ranh.”

Hannah nghĩ thật không thích hợp với ai đó có cấp bậc như Wexford - hoặc ở cấp bậc tương tự khác - khi có những lời nhận xét mang tính cảm xúc nhất thời như vậy. Đó là công việc của chuyên gia về gạch. Vì Chúa, cô cũng đã quen với việc này. Đó là nghề của cô. Hannah cũng than phiền về việc sử dụng từ “gã” của Wexford. Làm sao anh biết được chuyên gia này không phải là phụ nữ? Sau cùng, nhân viên pháp y sẽ tiến hành khám nghiệm chính thức trên cơ thể Amber vào ngày mai.

“Hắn mang một viên gạch hoặc đại loại thế, thưa ngài,” cô nói, “và khi đã... sử dụng xong, hắn sẽ mang nó theo cùng.”

“Ồ có thể là ‘cô ta’, thưa trung sĩ,” Wexford nói bằng giọng vô cảm.

Nhà cửa có cổng ra vào không phổ biến lắm ở vùng này của Sussex nhưng Wexford thấy dường như mỗi khi một tư gia có thu nhập khá trở lên được xây dựng, sống ở đó sẽ có phần không an toàn nếu không có cổng ra vào, một hàng rào mang tính thiết yếu và đậm phong cách Anh quốc với người giữ cổng. Người đang làm nhiệm vụ đó tại Riverbank Close, Sewingbury là một người châu Phi cao gần hai mét, mặc quần jean đen và áo phông có in chữ “Rivebank” trước ngực. Người lái xe đi trước Wexford và nhận được một lời chào ngọt ngào “Chào buổi sáng, thưa ngài” cùng nụ cười rạng rỡ nhả nhận khi qua cổng gác; trong khi Donaldson lại được chào đón bằng sự khinh miệt lạnh nhạt và yêu cầu xuất trình giấy tờ.

“Tôi cho rằng,” Burden nói khi họ đã vào trong, “nếu tôi là một trong số những người sống ở đây, tôi sẽ thích gã đó và cảm thấy thật an toàn khi thấy hắn ta đang làm việc. Tuy nhiên...”

Wexford gật đầu. “Lần đầu tiên tôi thấy cách bố trí này là ở California và hy vọng nó sẽ không xảy ra ở đây.”

“Nó có xảy ra ở đây không?”

“Tôi không biết, Mike ạ. Dù sao thì, bờ sông ở đâu nhỉ?”

“Cách đây khoảng nửa dặm và anh có thể gọi nó là một nhánh của sông Kingsbrook nếu lúc này nó chưa khô cạn hết.”

Một số công trình xây dựng rõ ràng đang được thi công tại căn số bốn. Một tấm biển ở trước khu vườn cho thấy những công nhân xây dựng ở đây đến từ Surrage-Samphire, Chuyên gia Trang trí và Phục chế, nhưng giống như thường lệ, không có đồ trang trí hay tu bổ gì trong căn nhà hiện đang

vang rộn những tiếng nện âm âm, mặc dù khu đại sảnh, dường như đang trong quá trình ốp lại, là một đồng hỗn độn gồm ván gỗ, chậu keo, bàn chải, giấy và giẻ lau.

“Nhưng không có gạch,” Wexford lưu ý Burden.

Dù đã kỳ vọng, họ vẫn phải rung chuông cửa tới hai lần mới có người ra mở. Đó là một thiếu nữ trong bộ váy denim ngắn cũn, áo ngực lộ ra ngoài, trước sự khoái trá của Wexford, Burden hướng mắt đi chỗ khác dù đang cố kiềm chế những ham muốn trỗi dậy trong mình.

“Có chuyện gì vậy?”

“Chúng tôi có hẹn với bà Hilland,” Wexford nói, và bước vào trong nhà giữa đồng vật liệu xây dựng ngổn ngang mà không cần biết có được phép hay không. “Và cô là?”

Trong chốc lát anh nghĩ rằng cô gái sẽ nói anh không có việc gì ở đây cả, nhưng cô ta lại nhượng bộ và trả lời, “Cosima Hilland.”

“Daniel là anh trai cô à?”

Mọi người đều biết điều đó, ánh mắt của cô ta đã nói lên điều này. Câu hỏi không cần thiết phải trả lời. Bước qua một đồng chậu và ván gỗ, cô gái dẫn mọi người đến trước một cánh cửa đôi và nói, “Ở trong đó,” như thể cô ta đang nghĩ tốt nhất là để hai người họ tự đẩy cửa.

Mẹ cô gái cùng tầm tuổi như Diana Marshalsen, một người phụ nữ gầy guộc, có mái tóc vàng nhạt và trông có vẻ mệt mỏi. Bà ta đứng dậy khỏi chiếc ghế bành đang ngồi, viết gì đó lên bàn. Wexford để ý thấy, từ khoảnh khắc họ bước vào căn nhà, đây là một trong những căn hộ hiếm hoi có máy điều hòa nhưng có lẽ chỉ là một trong số rất nhiều nhà ở Riverbank Close. Không mở cửa sổ, căn phòng mát mẻ như thời tiết mùa thu. Bên ngoài, ánh mặt trời chói chang trên đám cỏ khô và hành hạ lũ cây cối đến rũ lá.

Người đàn bà không nói gì cả, không cười và cũng chẳng đưa tay ra bắt, nhưng lại trợn đôi mắt màu nâu lên đến nỗi những đường kẻ bằng chì biến mất vào trong vành mắt. Wexford coi đấy là câu hỏi về việc họ vào nhà bà ta giống như cô con gái đã hỏi, “Có chuyện gì?” Không cần được mời, Burden ngồi xuống, và Wexford, ngay khi bà ta quay trở lại ghế bành, cũng ngồi xuống nốt. Họ đã gọi điện thông báo cho bà ta trước cuộc viếng thăm

nhưng bà ta không có vẻ gì là biết về nó. Bà ta ngồi đó im lặng, đầu tiên là nhìn ra ngoài cửa sổ, sau đó hướng ánh mắt về Wexford.

Anh phản ứng bằng cách hỏi liệu bà ta có phải là bà Hilland không.

“Vivien Hilland, là tôi,” bà ta nói với ngữ điệu của một người ở tầng lớp cao hơn so với ngôi nhà bà ta đang ở. Một trang viên nhỏ chắc sẽ phù hợp hơn.

“Bà hẳn đã nghe về cái chết của Amber Marshalsen.”

“Tôi chắc đây là lý do cho sự xuất hiện của anh ở đây.”

“Con trai bà là cha của con trai Amber, tôi tin là vậy.”

“Tôi cũng tin thế,” bà ta đáp. “Từ những gì tôi đã nghe và đọc được, khoảng một phần ba số đàn ông nghĩ họ là cha của con mình đã lầm. Trong trường hợp này cũng có thể là vậy nhưng vợ chồng tôi nghĩ rằng Daniel thực sự là cha của Brand.”

“Thật vậy sao,” Wexford nói và thở dài trong lòng. “Con trai bà hiện đang ở đâu?”

“Nó đang là sinh viên năm cuối Đại học Edinburgh.” Bà ta ngừng lại như thể đang đợi một trong hai viên cảnh sát hỏi sinh viên năm cuối nghĩa là gì. “Tuy nhiên, hiện tại thì,” bà ta tiếp tục, “nó đang ở Phần Lan cùng bạn bè. Đến một vài hồ nước hay đại loại thế.”

“Cậu ta có biết về cái chết của Amber Marshalsen không?” Burden hỏi.

“Chồng tôi có gửi tin nhắn di động cho nó. Nó vẫn chưa trả lời. Nó và Amber đã không còn... ừm, cặp với nhau nữa. Chúng nó đã chấm dứt quan hệ từ sáu tháng trước khi đưa trẻ ra đời.”

“Chúng tôi rất mong có được số di động của cậu ta, thưa bà Hilland.”

Bà ta trông có vẻ không muốn nhưng rốt cục vẫn nhún vai và viết lên một mảnh giấy lồi ra từ ngăn bàn. Cô gái Cosima đi vào, đang uống một lon Coca. Cô ta đi qua mà không thèm liếc nhìn, mở cánh cửa phòng khách và cứ để nó đó, lang thang vào khu vườn rồi nằm sấp trên bãi cỏ. Bà Hilland lại nhướng mắt lần nữa.

Tiếng bước chân vang lên ngoài sảnh và một người đàn ông thò đầu qua cánh cửa. “Tôi chỉ thông báo cho bà biết là tôi sẽ vào thành phố mua miếng gỗ hoa văn đó,” anh ta nói. “Sẽ không lâu đâu.”

Đó là một anh chàng đẹp trai, mắt xanh và đang mỉm cười. Mặt bà ta giãn ra. Bà ta cũng cười lại. “Được rồi, Ross. Anh đi đi.”

“Lần cuối bà nhìn thấy Amber là khi nào?” Wexford hỏi khi người đàn ông đã đi khuất và sắc đỏ trên khuôn mặt Vivien Hilland đã giảm bớt.

“Ồ, hai hoặc ba tuần trước. Con bé thường đưa thằng nhóc Brand đến. Dù sao thì, nó cũng là cháu trai tôi.”

“Vâng.”

“Lần cuối cùng, nếu đó là điều anh muốn biết, là vào - để tôi nhớ xem - Hai mươi tháng Bảy. Tôi nhớ rõ vì hôm đó đội xây dựng bắt đầu làm việc. Diana Marshalsen đã gợi ý cho tôi về Ross Samphire. Anh ta đã hoàn thiện vài công trình ở studio. Tôi nhớ là mình đang nói chuyện với anh ta thì con bé và Brand đến.” Vivien Hilland chẳng có vẻ gì là giống một người bà mặc dù bà ta đang nói về Brand bằng giọng nhiệt tình. Bà ta thậm chí vẫn tiếp tục trả lời cho đến khi không còn câu hỏi nào. “Thằng bé trông rất giống Daniel, và nó nên như thế.” Bà ta cũng không giải thích thêm gì về nhận xét khá khó hiểu này. “Chồng tôi và tôi sẽ thích hơn nếu nó và Amber có thể dàn xếp những khác biệt giữa chúng và hai đứa sống chung trong suốt kỳ nghỉ ở đại học. Đó là lý do khiến chúng tôi muốn để lại căn hộ cho con bé. Anh có biết về căn hộ đó không?”

“Không, chúng tôi chưa nghe nói.”

“Tôi nghĩ Diana Marshalsen đã kể với các anh rồi. Hẳn các anh cũng biết rằng chồng tôi, Stuart Hilland, đã từng là cử tri quốc hội của Nam Crengre trong Hạ Nghị viện của Đảng Bảo thủ.” Đây hẳn là cách nói quanh co nhất có thể rằng ông ta là một Tory MR, Wexford nghĩ. “Khi ông ấy vào Hạ Nghị viện, chúng tôi đã mua một căn hộ ở Crenthorne Heath nhưng không may ông ấy bị mất chức khi Đảng cộng sản lên nắm quyền vào năm 1997. Chúng tôi đã cho thuê vào thời điểm đó, nhưng tới tháng Mười một, hợp đồng thuê nhà hết hạn và chúng tôi giao nó cho Amber.”

“Cô ta và Brand sẽ chuyển đến Luân Đôn?”

“Đúng thế, một vùng ngoại ô ở Luân Đôn. Con bé không từ chối. Nó đã vui mừng trước viễn cảnh có một nơi ở của riêng mình. Hội đồng

Kingsmarkham sẽ chẳng làm gì cho nó cả. Vậy, anh có muốn hỏi thêm gì không?”

“Lời đề nghị này,” Burden nói, “có kèm theo điều kiện là Daniel cũng sẽ sống ở đó khi nào có thể không?”

“Thành thật mà nói, tôi nghĩ rằng cần phải thế nhưng chồng tôi không đồng ý. Không, căn hộ đó chỉ dành cho con bé. Tôi thực sự không hiểu tại sao các anh lại hỏi những câu không liên quan như vậy. Hẳn một kẻ ấu dâm hoặc tâm thần đã giết con bé, phải không?”

“Tôi không nghĩ vậy,” Wexford trả lời. “Tôi rất muốn hỏi thêm một câu mà bà nghĩ là không liên quan, thưa bà Hilland. Bà đã ở đâu vào sáng thứ Tư, trong khoảng từ một đến ba giờ sáng?”

“Tôi ư?” Như thế trong phòng có đầy người vậy. “Tôi ư? Tất nhiên là trên giường.” Gần như trước khi thốt ra câu trả lời, vẻ cân nhắc kỹ càng đã hiện lên khuôn mặt bà ta. “Không, không phải tôi,” bà ta đã trở nên bình tĩnh hơn. “Chồng tôi và tôi đã đi xem một vở kịch rất dài ở thành phố - Luân Đôn - sau đó chúng tôi đã ăn tối và lái xe về nhà. Chúng tôi về tới nhà lúc hai rưỡi.”

“Tôi hiểu. Cảm ơn bà. Con gái bà ở nhà một mình à?”

Bà ta coi đó như một lời chỉ trích. “Cosima là đứa trẻ mười sáu tuổi rất có trách nhiệm, con bé già dặn hơn tuổi.”

Như để chứng minh, cô gái đứng dậy khỏi chỗ đang nằm trên bãi cỏ và ung dung tiến vào, ném lon Coca đi khi bước vào nhà.

“Bố con và mẹ đã về tầm hai rưỡi sáng hôm qua, phải không?”

“Con không biết,” Cosima trả lời. “Con ngủ cả đêm mà.”

“Con nghe thấy chúng ta mà. Con biết là mẹ về. Con đã hét lên điều gì đó với chúng ta.”

“‘Cút đi’, con nghĩ vậy.”

Vivien Hilland bắt đầu gào vào mặt cô bé. “Làm sao mà dám dùng những ngôn từ thế hả, con nhóc hư đốn thối miệt kia! Và nhặt lon Coca lên. Nhặt đi, nhanh lên.”

Lắc nhẹ đầu qua hai bên để chứng minh mình giống kiểu người trưởng thành mà bà mẹ vừa lạc quan ví cô như thế, Cosima đi ngang qua căn

phòng, và ngay khi ra khỏi, liền giậm chân trên cầu thang, mạnh tới gấp ba lần trọng lượng của cô. Bà Hilland quay sang nhìn họ với nụ cười gượng gạo. “Giờ thì xong rồi chứ?”

“Hiện tại là thế,” Wexford trả lời.

Ra ngoài, Burden lau trán bằng một chiếc khăn tay khử trùng, mặc dù trong nhà không khí khá mát mẻ. “Bà ta sẽ ra nhặt cái lon bây giờ đấy.”

“Thật đáng tiếc, bà ta đã phí phạm năng lượng vào những lời xỉ vả dữ dội khi đã quá muộn. Tại sao Diana Marshalsen lại không nói cho chúng ta biết về căn hộ đó?”

“Chắc bà ta nghĩ nó không liên quan, tôi cho là vậy. Đúng không?”

“Không biết,” Wexford nói. Anh rú lên và rút tay khỏi cửa xe; phần kim loại đã trở nên nóng rẫy. “Lạy Chúa, đau quá. Nếu không có chồng bà ta, Diana sẽ vô cùng sung sướng trước viễn cảnh được nhìn thấy Amber vốn chưa từng hòa hợp với bà ta và đứa nhỏ mình vẫn coi là cục nợ rời khỏi nhà.”

“Anh đang nói là điều này bác bỏ toàn bộ động cơ giết Amber của bà ta. Không phải tôi nghi ngờ bà ta nhưng bà ta thực sự ghét cô gái và chẳng có chứng cứ ngoại phạm.”

“Chồng bà ta chắc sẽ lưu ý nếu như bà ta rời khỏi nhà. Dù thế nào thì bà ta cũng không làm như thế. Bà ta có đủ lý do để không sát hại Amber. Để cô ta đến Crenthorne Heath, mang theo đứa bé và có thể họ sẽ không bao giờ nhìn thấy cô ta nữa.”

“Tôi tự hỏi,” anh nói khi họ vào trong xe, “liệu giữa hai gia đình có sự ghen ăn tức ở không. Nhà Marshalsen, có lẽ là từ khi Diana rời công ty, dường như không phải dạng quá lắm tiền nhiều của. Họ chẳng có căn hộ nào ở Luân Đôn cả. Nếu có, Amber và Brand đã định cư ở đấy cho đến giờ rồi.”

“Và cô ta hẳn vẫn còn sống.”

“Có thể. Nhưng cái ‘nếu như’ ấy là vô dụng, đúng không? Chúng ta không thể nói trước được tương lai và cảm ơn Chúa vì điều đó. Luật cơ hội và ngẫu nhiên chi phối mọi thứ. Ví dụ, Donaldson có thể đưa chúng ta quay trở lại Kingsmarkham bằng cách đi vòng qua Stowerton hoặc đi theo đường

B qua Framhurst. Nếu muộn hơn, chúng ta có thể băng qua gầm cầu nơi xảy ra vụ tai nạn vào tháng Sáu và ai đó có thể thả một tảng bê tông lên đầu chúng ta. Nếu chúng ta đi đường vòng, một chiếc xe tải có thể bị mất lái trên đoạn đường trơn này, không nhìn thấy gì và đưa chúng ta đi gặp Thượng đế. Ai biết được?”

“Tôi luôn đi đường vòng, thưa ngài,” Donaldson nói một cách nghiêm túc. “Nhưng nếu anh thích Framhurst thì...?”

“Ồ không, không.” Wexford phá lên cười. “Chúng ta sẽ đi đường của anh.”

Ben Miller là một cậu nhóc cao ráo đẹp trai, tóc ngắn và gầy. Hannah và Baljinder tìm thấy cậu ta ở một mình trong căn hộ nhỏ cuối dãy nhà mẹ mình ở Myfleet. Bà ta đang đi làm, và cả chị gái cậu ta, người cũng đang sống ở đó, nữa. Ben đang làm việc trên máy tính, không giống như Hannah nghĩ lúc đầu rằng cậu ta chắc đang chơi mấy trò trực tuyến, cậu ta đang làm luận văn trước khi trở lại trường đại học vào sáu tuần nữa.

“Dường như cậu là người cuối cùng nhìn thấy Amber Marshalson còn sống,” Hannah nói sau khi họ được mời nước, một điều kiện tiên quyết để tiến hành nói chuyện trong thời tiết nóng bức hiện đã lên đến ba mươi ba độ. “Cậu có thể nói cho chúng tôi biết không? Tất cả những gì cậu có thể nhớ được, làm ơn.”

“Cháu học cùng trường với Amber,” Ben Miller đáp. “Chúng cháu quen nhau hàng năm nay rồi. Sự việc xảy ra với Amber thật khủng khiếp. Cháu vẫn chưa thể tin được chuyện ấy.” Cậu ta nhìn thật đau khổ. “Chuyện gì đã xảy ra vào tối hôm đó? Vâng, cháu đến câu lạc bộ Blink-Blink vào khoảng chín giờ với bạn gái. Cô ấy sống ở Kingsmarkham. Tên cô ấy là Samantha Collins.”Ồ, sau cùng cũng có một phụ nữ tên là “Sam,” Hannah nghĩ. “Và sau một lúc thì có vài người chúng cháu biết nhập hội. Đó là Lara, Lara Bartlow. Và Chris Williamson đi cùng bạn gái của cậu ấy - cô gái đó tên gì

nhỉ? À, Charlotte, Charlotte Probyn, rồi thêm hai cô gái nữa đến, Veryan và Liz, cháu không biết họ của họ là gì.”

“Cháu không uống và Amber cũng thế, ý cháu là cô ấy cũng đã không uống. Thật khủng khiếp khi nói đến người nào đó mà phải thay đổi thì động từ^[5] bởi vì họ đã chết, phải không? Cháu lái xe đưa Sam về nhà rồi đưa Amber về Brimhurst. Thề có Chúa, cháu ước gì mình đã đưa cô ấy về tận nhà. Chỉ là chúng cháu thường gặp nhau ở Kingsmarkham và cháu gần như luôn đưa cô ấy về nhà - vâng, cháu làm vậy kể từ khi cô ấy gặp tai nạn. Cô ấy chưa bao giờ lái xe về kể từ khi chuyện đó xảy ra. Nhưng cháu luôn thả cô ấy ở cuối đường Mill. Cháu chưa bao giờ và cũng không nghĩ cô ấy lại...”

“Tai nạn gì, Ben?” Bal hỏi. “Cô ấy đã đâm vào sau một chiếc xe ở đường Brimhurst.”

“Cô ấy lái xe tông vào đằng sau một chiếc xe?”

“Chú phải biết điều đó chứ.”

Ben Miller tiết lộ rằng mình là một trong số nhiều người coi đó là chuyện hiển nhiên khi CID (Criminal Investigation Department: Cục Điều tra Tội phạm) biết chi tiết về các vụ tai nạn giao thông. “Đó là khi vài tên khốn nào đó thả một tảng bê tông xuống từ cầu Yorstone. Nó không rơi trúng Amber, nó rơi vào chiếc xe đằng trước cô ấy, còn cô ấy thì tông vào đuôi chiếc xe kia. Ừm, bất kỳ ai cũng thế thôi. Chuyện đó làm cô ấy bị sốc và cô ấy bảo sẽ không lái xe lần nào nữa. Ý cháu là, cháu hy vọng cuối cùng cô ấy sẽ lái xe trở lại, nhưng vẫn còn sớm quá, vụ va chạm chỉ vừa xảy ra vào tháng Sáu.”

“Và đó là lý do cháu đưa cô bé về nhà?”

“Chú có nghĩ là bởi vì cô ấy đã uống say không? Cô ấy chưa bao giờ đụng đến đồ uống có cồn. Chỉ ít cháu chưa bao giờ thấy điều đó. Cô ấy đã từng uống nhưng cô ấy nói mình đã cai kể từ khi Brand ra đời, cũng giống như việc cô ấy bỏ thuốc lá vậy.”

Hannah biết rằng cái gật đầu và nụ cười phớt qua của Bal ám chỉ sự tán thành. Anh ta vốn vô cùng căm ghét việc hút thuốc. “Cháu có nhớ thời điểm

mình thả Amber xuống không?” anh ta hỏi.

“Chính xác đến từng phút ấy. Khi chúng cháu đang chạy xe dọc theo đường Myfleet thì Amber lưu ý rằng cháu chưa bật đồng hồ xe đằng trước. Các cô chú biết là chúng ta cần phải làm thế vào tháng Ba và tháng Mười mà. ‘Hiện tại không phải là mười hai giờ bốn mươi’, cô ấy nói vậy. Lúc đó hẳn đã muộn hơn và cháu nói, ‘Một giờ bốn mươi rồi’; cháu lại quên lên dây đồng hồ và lúc đó, cháu không thấy phiền về chuyện ấy chút nào cả. Chỉ phải vặn lại đồng hồ thôi. Vừa đúng lúc cháu ngoặt vào chỗ rẽ ở đường Mill.”

“Cô bé có nán lại trong xe để trò chuyện hay gì không?”

Ben Miller nhìn có vẻ khó chịu. “Không, cô ấy không hề. Và chẳng có bất cứ ‘gì’ đấy cả. Không bao giờ có chuyện đó. Cháu đã có bạn gái. Cô ấy xuống xe, nói rằng sẽ gặp lại cháu sau và đó là lần cuối cháu thấy cô ấy. Lần cuối trong đời, ôi lạy Chúa.”

“Cô ấy sẽ gặp lại cháu sau?” Hannah nói, không hiểu được ẩn ý trong cách dùng từ của cô gái. Cô ta còn trẻ nhưng lại quá già để nói như thế.

“Tuần sau, ý cô ấy là thế.”

“Và cháu chạy thẳng về nhà?”

“Cháu mất mười phút để về tới nhà.”

“Có bất kỳ ai làm chứng cho việc đó không?”

“Cháu không nghĩ là có ai lúc đó.”

Quay trở lại Kingsmarkham, Hannah thấy Wexford đang ở trong văn phòng cùng Burden. “Chị của Miller đã đi làm về khi chúng tôi rời khỏi. Cô ta là một thợ làm tóc. Cảm động không? Thằng nhóc thì đi học đại học trong khi cô chị đi làm tóc.”

“Cô là một người hợm hĩnh đấy, Hannah,” Burden nói.

“Nếu anh là một kẻ hợm hĩnh có học thức, thì tôi hy vọng mình cũng thế. Tôi không phải kẻ hợm hĩnh đẳng cấp. Người phụ nữ này không thể xác định được thời gian Ben về nhà. Cô ta đã đi ngủ. Cô ta nói mình chưa từng nghe thấy tiếng chân cậu ta bước vào nhà. Tôi đã nói chuyện điện thoại với người mẹ và bà ta cũng nói vậy. Tôi không thể nghĩ ra tại sao cậu ta lại đánh vào đầu cô gái bằng một viên gạch, anh bạn ạ.”

“Không, nhưng chúng ta không biết nhiều về cậu ta, đúng không?” Burden nói.

“Mặc dù chúng ta đã bắt đầu hiểu chút ít về cô bé rồi đấy. Cô ta lái một trong những chiếc xe có liên quan đến vụ tai nạn ở đường Brimhurst khi vài tên lưu manh thả bê tông xuống cầu.”

“Chính Amber Marshalson lái xe ư?” Wexford đứng dậy khỏi ghế bành và đi vòng quanh bàn. “Tôi đã nói về chuyện này sáng nay, Mike, anh có nhớ không? Thử xem cô có thể làm được gì hay ho với cái máy tính không, Hannah?”

Như thường lệ, Wexford rất ngưỡng mộ các thiết bị mà cô động tay vào. Anh sẽ làm chúng lộn xộn hết cả lên. Anh đã từng loay hoay trong một đường dẫn siêu liên kết hoặc vô tình gửi một tập đính kèm email. Hannah mô tả lại những gì cô thấy được, đọc to những gì tìm kiếm được trên mạng.

“Hai phương tiện có liên quan. Một chiếc Honda màu bạc và một màu xám, cả hai cùng chung một dòng. Chiếc Honda màu bạc do Amber Marshalson lái, mười bảy tuổi, chiếc Honda màu xám do James Andrew Ambrose lái, sáu mươi hai tuổi, và vợ ông ta Mavis, sáu mươi tuổi, ngồi ở ghế sau.”

Chiếc Honda màu xám đang trên đường tới Myfleet, còn chiếc Honda bạc thì theo ngay sau nó. Một tảng bê tông nặng xấp xỉ hai mươi hai ký đã được thả từ trên cầu xuống khi hai chiếc Honda băng qua bên dưới, đập vào kính chắn gió và nắp ca-pô của xe nhà Ambrose, làm cho người lái mất kiểm soát và tông vào một thân cây. Chiếc Honda màu bạc đâm thẳng vào đằng sau chiếc màu xám. Amber Marshalson không bị thương nhưng Ambrose thì rơi vào tình trạng nguy kịch - vết thương nghiêm trọng như thế nào không được nói rõ ở đây - Mavis Ambrose cũng vậy, bị gãy xương và thủng phổi.”

“Mavis Ambrose đã qua đời,” Burden ủ rũ nói. “Không còn ai khác trong vụ đó nữa. Tất cả những gì chúng ta có thể làm là tìm ra tảng bê tông đó đến từ đâu. Có thể đến từ, để tôi xem. Một công trình đang xây dựng ở Stowerton. Nhưng chúng ta không lần ra được dấu vết nào từ đấy.”

“Tại thời điểm đó,” Wexford trầm ngâm, “chúng ta đã coi đó chỉ đơn thuần là một vụ bạo lực ngẫu nhiên, chúng ta đã tin rằng nguyên nhân là do một vài kẻ tưng quẫn muốn trả thù xã hội vì những gì hăn phải chịu đựng.” Hannah mở miệng phản đối nhưng anh lờ đi. “Nhưng không phải thế đúng không? Vụ đó không phải ngẫu nhiên và nó không nhằm vào James Ambrose, mà là Amber Marshalsen, hung thủ đã bị bối rối trước hai chiếc Honda nối đuôi nhau. Trời lúc đó lại tối đến mức khó có thể đọc được biển số xe, và hăn đã nhắm vào chiếc màu xám mà hăn nghĩ là chiếc màu bạc.”

“Hăn đã gây ra cái chết cho người phụ nữ,” Hannah nói. “Bà ta đã chết thay cho Amber. Hăn đã nhắm trượt Amber trong tháng Sáu, do đó hăn đã thử lại vào tháng Tám và lần này,” Wexford gằn giọng, “hăn đã làm được.”

Khi Sylvia và chị cô còn là những đứa trẻ, cha họ đã dạy họ cách chuyển đổi một thang đo nhiệt độ này thành thang đo nhiệt độ khác, một công thức hữu ích mà chưa ai từng đề cập đến ở trường. Ngày ngày, người ta luôn luôn đổi từ độ Fahrenheit sang độ Celsius - hay độ C như người ta vẫn gọi. Một công thức gì đó mà nhân chín, chia năm và trừ đi ba mươi hai. Sylvia nghĩ cô nên dạy lại cho những cậu con trai của mình. Nhưng không phải bây giờ. Cô đã muốn nổi đóa với Robin và Ben trong ít nhất là một tiếng đồng hồ sau khi cảm thấy phiền não vì những gì chúng nói. Chúng đã vào vườn để chơi trong hồ bơi hơi, một món quà từ ông bà nội, và cô hy vọng chúng ở đó cho đến giờ trà chiều.

Cô đã nói với chúng về đứa bé. Giờ cô đang mang thai và rất nhanh thôi chúng sẽ lưu ý đến điều đó. Vì thế cô đã nói với chúng, nhớ lại tất cả những gì nhiều năm trước mẹ đã từng nói với cô khi bà đang mang thai Sheila. Cô đã đáp lại gì nhỉ? Cô có một suy nghĩ mơ hồ đại loại như, “Mẹ sẽ yêu con nhất chứ?” Giống như một cảnh sát, Robin đã hỏi, “Bố là ai?”

Không một đứa trẻ nào hỏi thế khi cô ở tuổi ấy cả. Cô đã đỏ mặt khi nghe vậy. “Là bố.” Và khi cô ở tuổi của Robin, không đứa trẻ nào sẽ phải nghe những lời tương tự. Dĩ nhiên chúng muốn cô và Neil quay trở lại với nhau. Không quan tâm đến cả hai mối tình mà cô có lẫn Naomi. Chúng muốn cha mẹ sống cùng với mình. Mọi đứa trẻ đều muốn vậy.

“Vì thế bố sẽ quay lại đây với chúng ta,” Ben nói, khẳng định luôn chứ không hỏi nữa.

“Không,” cô nói. “Không.”

Như thế này đã là quá nhiều với chúng. Chúng nhìn cô. Sau đó Ben thoát khỏi cái máy Gameboy và cầm nó trên tay, nhìn chăm chăm. Và giờ cô sợ hãi và muốn từ bỏ. Cô không thể nói với chúng - chưa phải bây giờ - rằng đứa bé sẽ không ở với “họ” mà sẽ ở với Neil và Naomi, sẽ được đặt vào trong vòng tay của Naomi trước khi cô có thể khiến bản thân đau khổ vì sợi dây liên kết với nó.

“Ừm, vậy đấy,” cô nói. “Đó là tin tức của mẹ. Giờ các con biết rồi đấy.”

Bọn chúng không nói gì nữa. Ý cô là gì khi nói với bản thân rằng chúng đã làm cô cảm thấy phiền não? Chúng hiếm khi nói câu nào. Cảm giác tội lỗi sâu sắc của chính cô đã khiến cô trở nên như vậy. Từng ngày, gần như từng giờ trôi qua. Và tối nay, cha mẹ cô sẽ đến. Cô không biết cha cô sẽ nói gì. Cô chưa bao giờ hiểu hết ông.

Hai cậu thanh niên được hỏi, Barry Vine và Lynn Fancourt, đều kể những điều tương tự. Amber đã đến câu lạc bộ Bling-Bling một mình “vào khoảng mười giờ” và ở lại đến quá một giờ một chút. Chris Williamson nói anh ta không để ý thời gian và Charlotte Probyn cho rằng lúc đó muộn hơn bởi vì cô ta đã cùng với Chris rời đi khi Amber, Samantha và Ben Miller đã đi rồi. Lara Bartlow thì đi cùng với James Sothern. Cô ta không phải là bạn gái nhưng họ sống gần nhau ở khu Muriel Campden Estate. Đó là một câu đố đối với Sĩ quan Vine về việc họ đến câu lạc bộ cùng nhau. Ben, Amber và Vervan Colgate không uống gì, Liz Bellamy uống một cốc rượu vang, còn những người khác thì uống bia. Không ai trong số họ nhảy bởi vì, có vẻ các cậu con trai không muốn. Lynn Fancourt không thể hiểu được thái độ của Vine nhưng sau đó cô đã hiểu được phần nào.

“Họ là một nhóm chơi với nhau, đúng không? Họ nói chuyện, có cười đùa một chút. Và sau đó là âm nhạc.”

“Âm nhạc,” Barry nổi tiếng vì niềm yêu thích đối với nhạc opera của Bellini.

Samantha Collins thì thú vị hơn. Sự chán ghét - hay là ghen tị? - của cô ta đối với Amber đã được thể hiện rõ ràng ngay từ đầu cuộc thẩm vấn. Không đợi được hỏi, cô ta thốt ra một giọng đầy đạo đức. “Tôi luôn nghĩ rằng cô ta đã sai khi đến câu lạc bộ. Tôi đã nói với Ben rất nhiều lần nhưng

anh ấy không thèm để ý. Cô ta có một đứa con một tuổi ở nhà, lạy Chúa. Ý tôi là, dù không bận tâm lắm về việc một người có nên mang thai vào tuổi mười bảy hay không, cô ta cũng đã làm vậy và có một đứa con, cô ta nên có trách nhiệm hơn, các vị không nghĩ thế à?”

Cả Barry lẫn Lynn đều không có ý định nói xem mình nghĩ gì và Barry tin rằng không nên ngắt lời một nhân chứng tiềm năng khi họ đang xúc động.

“Tôi biết không nên nói xấu người đã chết nhưng chẳng có điều nào trong số này tôi chưa từng nói thẳng vào mặt cô ta cả. Tôi tin vào những gì mình nghĩ. Bố mẹ cô ta - chà, bố cô ta. Ông ta hành xử giống như bị tổn thương khi Amber nói rằng mình có thai. Ông ta thậm chí còn không thích Brand. Tôi không nói ông ta không đối xử tốt với thằng bé nhưng liệu anh có dám để con anh lại cho những người không quan tâm đến nó? Để đi hộp đêm? Mà không phải hiếm khi đâu nhé, tuần nào cũng vậy. Tuy nhiên đối với một số người thì mọi việc đều luôn trôi chảy, đúng không? Anh phải thừa nhận thế đi. Ý tôi là, nhận lời đề nghị sống trong một căn hộ! Ở Luân Đôn! Tôi nên cảm thấy quá may mắn; tôi rất yêu cuộc sống xa nhà. Tôi và Ben sẽ chuyển đến ở với nhau nếu chúng tôi có một căn nhà chứ không phải hy vọng. Không phải năm này qua năm khác với mức giá trả góp.”

Im lặng trong một hai giây ngắn ngủi, Lynn hỏi cô ta về buổi tối hôm đó.

“Còn gì để nói nữa? Ben đón tôi và chúng tôi tới Bling- Bling. Nửa tiếng sau hoặc hơn chút thì cô ta đến. Muộn hơn mọi khi, tôi không biết tại sao. Ba chúng tôi rời đi cùng nhau, nhưng thực sự tôi không thích điều đó. Ý tôi là, họ có thể đã từng là bạn bè nhưng Ben là bạn trai tôi và tôi không muốn người thứ ba xen vào khi chúng tôi ở bên nhau, cô thấy đúng không?”

“Lúc đó tầm mấy giờ?”

“Chắc là một giờ mười lăm, hoặc một giờ hai mươi. Không thể nói chính xác được thời gian lúc đó - anh biết đấy. Tôi thích đi bộ nhưng không phải lúc đó, cảm ơn. Thêm nữa, tại sao lại để hai người đó ở riêng với nhau? Tôi phải lái xe về Brimhurst nhưng tôi không thích vậy. Thực tế là, có lẽ tôi nên thành thực với anh, tôi không thể chờ cô ta chuyển đến sống ở căn hộ của gia đình Hilland được.”

“Cô ta đã chết trước khi làm được điều đó,” Barry nói và không quan tâm đến việc mình có lên giọng kẻ cả hay không. Cuộc nói chuyện khiến anh có cảm giác mạnh mẽ rằng động cơ sát hại Amber Marshalsen hẳn phải có liên quan đến căn hộ ở Crenthorne Heath.

Wexford đang ở một mình trong văn phòng và cũng có suy nghĩ tương tự. Anh đã gọi cho Vivien Hilland và với những manh mối có được từ vụ tai nạn giao thông vào ngày Hai mươi tư tháng Sáu, anh hỏi bà ta thời điểm của lời đề nghị đầu tiên về căn hộ đó.

“Tôi không nhớ chính xác là khi nào. Nhưng đợi một phút - vâng, tôi nhớ rồi. Đó là vào khoảng tháng Sáu, hai hoặc ba tuần trước sinh nhật của Amber. Amber sẽ tròn mười tám tuổi vào tháng Bảy. Anh biết đấy, thời buổi này bọn trẻ hẳn sẽ tổ chức tiệc khi chúng đủ mười tám tuổi và có lẽ là một bữa tiệc nữa khi chúng hai mươi mốt. Chúng tôi đang nói về chuyện đó thì chồng tôi đi vào và thì thầm điều gì đấy. Tôi đi ra cùng anh ấy và anh ấy nói với tôi, tại sao không giao cho con bé căn hộ khi ông bà Klein chuyển đi vào tháng Mười. Rồi, tôi quay trở lại sau ba tiếng và đề nghị con bé đến đó ở, nó đã rất hứng thú, tôi nói rằng mình không thể tặng con bé món quà sinh nhật nào tốt hơn thế nữa.”

“Sinh nhật cô ấy vào ngày nào, bà Hilland?”

“Để tôi nhớ. Mừng Một tháng Bảy, tôi nghĩ vậy. Không, mừng Hai tháng Bảy.”

“Như vậy, cuộc nói chuyện về căn hộ diễn ra vào giữa tháng Sáu?”

“Chắc là thế.”

“Trước khi xảy ra vụ tai nạn mà Amber dính vào?”

“Ồ vâng, dĩ nhiên rồi! Vào khoảng một tuần trước đó.” Như vậy, việc sát hại cô gái vào ngày Hai mươi tư tháng Sáu là để ngăn cản việc cô ta sở hữu căn hộ hay để đảm bảo rằng cô ta sống không quá mười tám tuổi? Vụ đó đã thất bại. Anh phải tìm ra chuyện gì đã xảy ra khi Amber đủ mười tám tuổi.

Liệu cô ta có được thừa hưởng tài sản không, và với cái chết của cô ta, có ai được thừa hưởng chỗ tài sản đó không?

Chưa chắc, vì nếu cô ta có tiền thì đã không cần phải đồng ý lời mời từ nhà Hilland. Một chuyến viếng thăm nhà Marshalson khác cần được tiến hành càng sớm càng tốt. Trong khi đó, anh phải rà soát lại các thông tin về tảng bê tông thả từ trên cầu và cái chết của bà Ambrose.

Cái chết của nhân chứng là một trong những điều đầu tiên anh lưu ý. James Ambrose gần như không thể nhớ được bất cứ điều gì về chuyện đã xảy ra. Mavis Ambrose đã chết và Amber Marshalson cũng vậy. Quay trở lại hiện trường dưới cầu Yorstone, Ambrose chỉ nhớ là có nhìn thấy một người ở trên cầu, một cái bóng mờ mờ, nhưng không chắc là đàn ông hay phụ nữ. Ông ta nghĩ cái người ở trên cầu mà ông ta chỉ thấy được hình dáng, có lẽ đang mặc một chiếc áo khoác có mũ trùm. Wexford rà soát lại trong hồ sơ. Ban đầu mọi thứ có vẻ khó. Một người đàn ông đội mũ trùm đã ở trên cầu Yorstone trước khi cố giết Amber Marshalson và một người đàn ông đội mũ trùm đứng trong bụi cây ở đường Mill trước khi vụ án mạng diễn ra. Liệu đây có phải cùng một người? Anh tiếp tục đọc.

Hai bên cầu, cây cối rất rậm rạp.

Con đường băng qua rừng về phía nam là lối tắt để tránh các làn xe rộng trên đường Yorstone, đâm ra con đường lằn nữa ngay trước khi đến cây cầu, chạy từ đường Kingsmarkham, quãng đường chưa tới một dặm. Ngày nay, mọi người có thể tùy tiện xây nhà ít nhiều theo ý mình, một ngôi nhà gỗ dành cho người đi rừng hoặc người trông coi khu săn bắn đã được dựng lên ở giữa con đường này. Người sống ở đó là một phụ nữ chín mươi ba tuổi, tên là Grace Morgan.

Trời ngả về chiều nhưng vẫn chưa tối hẳn và bà ta đang nhìn ra ngoài cửa sổ phòng khách với hy vọng trông thấy một cặp lửng thình thoảng vẫn xuất hiện vào thời điểm này, tuy nhiên chẳng hề thấy gì ngoài bóng tối.

Burden để ý thấy đường như toàn bộ những đường phố lớn cổ xưa ở khu giữa Sussex đang liên tục được phá đi rồi xây lại, và ngay khi chỉ mới cải tạo được một hoặc nửa con phố thì con phố tiếp theo lại lập tức được thi công. Gạch xi măng, bê tông, các khối đá xây dựng đầy rẫy. Ngay cả khi họ có thể xác định được một công trường cụ thể nào, họ cũng chẳng thể suy ra tảng bê tông kia đã được ai đó sống gần đây lấy đi. Thời buổi này, hầu như ai cũng có xe hơi. Thật đơn giản để một người lái xe trong đêm tối Stowerton hay phố York, Kingsmarkham hoặc chợ phô mai cũ ở Pomfret hay các trang viên ở Sewingbury Minster, lấy một tảng bê tông rồi lái xe về.

Liên quan đến hung khí được sử dụng trong việc sát hại Amber Marshalson lần thứ hai và đã thành công, một cuộc gọi đến Wexford thông báo rằng có Tiến sĩ Clansfield muốn gặp anh. “Ông ta là ai?” anh hỏi viên sĩ quan trực ở đầu dây bên kia.

“Ông ta nói rằng mình là một chuyên gia về gạch, hay đại loại thế, thưa ngài.”

“Cho ông ta lên.”

Wexford đã có bản báo cáo từ chuyên gia về gạch đặt trên bàn, mặc dù anh thậm chí vẫn chưa liếc mắt qua.

“Tôi đang trên đường về nhà và muốn tạt qua đây nói chuyện với anh một lát. Phòng khi anh nghĩ tôi không làm tròn trách nhiệm,” Tiến sĩ Clansfield, người đàn ông vừa bước vào phòng, nói.

“Ngồi xuống đi.”

“Một lát thôi đấy. Tôi không thể ở lại lâu. Tôi đã hứa đưa con gái đi xem trận chung kết quần vợt của quận...”

Tôi hứa là mình cũng sẽ đi xem, Wexford nghĩ. Hoặc nói với vợ mình là tôi sẽ làm vậy.

“Tôi không biết anh hiểu về gạch được bao nhiêu...”

“Ông xây nhà bằng gạch,” Wexford nói, “thế thôi.”

“Đúng vậy, tôi không muốn đi quá sâu vào vấn đề chuyên môn nhưng có đủ mọi loại gạch và chúng đã thay đổi trong hàng bao năm qua. Trước kia có gạch La Mã. Giống gạch ngói hơn, ta tạm gọi thế, và một loại nữa là gạch Tudor, loại này lớn hơn nhưng vẫn khá nhỏ và dẹt. Ở các quận phía

đông, anh sẽ chủ yếu thấy gạch màu trắng. Thực ra chúng màu vàng nhưng bởi vì nguyên liệu cấu thành nên chúng là sa thạch có màu như vậy - nghĩa là không có sắt - ở vùng đó.”

“Tôi hiểu.”

“Ừm, có hàng ngàn loại gạch trên thế giới. Gạch đun đục lỗ dây cắt có các loại mặt mịn, mặt xoa cát, mặt xát, mặt vẽ đường cong, trát vữa nhám. Rồi có loại được đánh bóng mịn và ép.”

“Một viên gạch ép?” Wexford nói.

“Đó chỉ là thuật ngữ thôi,” tay chuyên gia nói một cách nghiêm túc. “Cũng giống như gạch ép ước hay gạch có rãnh nhỏ, chỉ là thuật ngữ thôi.”

“Tôi tò mò về những viên gạch ép. Tôi có thể xem loại đó không?”

Lần này Clansfield hơi mím môi.

“Đây là loại phổ biến nhất và thực tế nhất mà anh có thể thấy. Đúng là có đến hàng triệu viên, nếu không muốn nói là hàng tỷ viên, ở trong thành phố này.”

Không ai sống ở Great Thatto mà không có một chiếc xe hơi. Chẳng có phương tiện giao thông nào khác. Đoạn đường từ đó tới Myland hẹp đến mức xe hơi đáng dãi không thể vượt qua nhau được. Chẳng có hàng quán nào cả. Nhà thờ chỉ mở cửa vào ngày Chủ nhật đầu tiên của tháng khi vị cha xứ của St Mary, Myland đến làm việc vào buổi sáng. Đôi khi không có cư dân nào trong số sáu mươi một người ở Great Thatto tham dự buổi thuyết giảng, vì thế vị cha xứ lại khóa cửa và về nhà.

Khung cảnh nơi đây đã cứu vãn sự hẻo lánh của chốn này. Dọc theo con đường, người ta có thể thấy vườn quốc gia South Downs luôn nằm phía bên phải, Clusterwell Ring, ngọn đồi trọc hình nón nằm bên tay trái, và họ nhà sồi mọc um tùm ở khắp mọi nơi, vươn những nhánh cây xanh ngắt tua tủa trên con đường hẹp. Ban đêm, trời tối không khác gì bên trong túi nhung

đen nhưng khi những vì sao xuất hiện, mọi người có thể thấy chúng rõ hơn bất kỳ chỗ nào ở Sussex.

Rời khỏi Kingsmarkham rất muộn với cảm giác nên ở lại và tiếp tục nghiên cứu bản báo cáo về các loại gạch, Wexford chạy xe xuyên qua Great Thatoo, một mội đánh lái vào điểm dừng bất cứ khi nào có xe khác đến gần. Đó là những chiếc xe to, thuộc dòng Sedan hoặc SUV, gầm xe cao và nắp ca-pô nhẵn nhừ như những chiếc mặt nạ nguyên thủy.

“Anh mệt quá,” anh nói với Dora. “Anh không muốn ăn gì cả.”

Cô lắc đầu.

“Anh khó chịu đến nỗi không muốn ăn.”

Không phải lần đầu tiên Wexford tự hỏi khi anh ngoặt xe vào Old Rectory, nơi đã ám ảnh Sylvia và Neil đến mức phải mua cho bằng được. Đó là một căn nhà lớn, thực sự rất lớn, nó ở tận cùng của quận và là thiên đường cho trẻ em, nhưng anh chưa thấy ngôi nhà nào xấu xí hơn nó. Sự pha trộn giữa phong cách bắt chước kiểu Gothic với phong cách nghệ thuật và thủ công mỹ nghệ làm anh thấy nhức mắt. Xung quanh nhà, rất lâu rồi không có ai dọn dẹp vườn tược gì ở Thatto Old Rectory và vùng đất đã sớm bị bỏ hoang.

Cảnh báo nguy hiểm xuất hiện trước mắt khi Dora đứng qua một bên và lắc đầu từ chối hôn con gái. Anh thì vẫn làm vậy. Tại sao không? Nó không phải con anh ư? Anh không phải đấu tranh vì nó, tranh cãi về nó, đe dọa thẩm phán của vùng Solomon vì nó ư? Sylvia đã rất lo lắng, anh hiểu điều này. Giá mà Dora cảm thấy thật khó khăn, có lẽ cô sẽ lái xe đưa họ về nhà và anh sẽ được uống một ly rượu vang.

Họ đến ngồi bên khung cửa sổ phòng khách rộng mở, Dora cương quyết từ chối ra ngoài vì đám muỗi. Hàng đàn muỗi đã tụ lại trong bóng tối và bắt đầu vũ điệu kỳ dị của chúng. Họ nói về phản ứng đầy bạo lực của mẹ Sylvia cũng như thái độ trơ lì của cô và cha cô. Họ nói về những đứa con trai đang ngủ của cô và liệu chúng có đi nghỉ mát hay không. Và rồi, vì không thể chịu đựng lâu hơn được nữa, Sylvia nói, “Bố có thể nói cho con suy nghĩ của bố về chuyện con sinh con họ Naomi không?”

“Những gì bố nghĩ cũng không khác biệt lắm,” Wexford nói.

“Dĩ nhiên là không, nhưng con muốn biết. OK, đó cũng chẳng phải chuyện của bố nhưng con chắc sẽ không chịu được nếu chuyện quan trọng khủng khiếp này không được nhắc đến.”

Wexford trầm ngâm vài giây. “Con đã sai rồi. Là một thành viên trong gia đình, những gì con làm ở mức độ nào đó cũng có sự ràng buộc với những người khác.”

“Thế bố nghĩ sao? Rằng con bị điên à, hẳn là vậy rồi.”

“Bố nghĩ rằng con sẽ khiến bản thân chẳng vui vẻ gì.”

“Mẹ cũng nghĩ thế,” Dora nói không phải giọng trầm trầm, nhẹ nhàng như mọi khi, “và những đứa trẻ cũng vậy. Tất cả đồng lộn xộn đang diễn ra đây, thụ tinh nhân tạo, nhân bản vô tính và phụ nữ sáu mươi tuổi mang thai, tất cả đều sai lầm. Nó gây ra đau khổ và rối loạn.”

“Con nghĩ ít nhất mẹ cũng có thể hài lòng rằng Neil chính là cha đứa bé. Con không nghĩ bố quan tâm nhưng con biết mẹ không chấp nhận việc con có... ừm, quan hệ với nhiều người.”

“Không, mẹ không quan tâm. Nhất là khi con đang mang đứa bé. Và nếu con muốn biết, thì chính là mẹ không chấp nhận con. Không chấp nhận con lúc này.”

Wexford hỏi cô khi nào đứa trẻ ra đời. “Mười lăm tháng Mười hai.”

“Trước khi làm chuyện này,” Dora nói một cách cay đắng, “con có thể nghĩ rằng đó không phải là đứa con duy nhất mà con sẽ cho đi, nhưng nó vẫn là cháu của bố mẹ.”

“Chuyện là như thế này,” Sylvia nâng tông giọng. “Nếu con không giao đứa bé cho Neil và Naomi thì con cũng sẽ chẳng hề mang thai nó. Con vừa kiếm được một công việc mới. Con sẽ không có thời gian để chăm sóc đứa bé. Mẹ phải nghĩ rằng đứa bé hoàn toàn là của họ. Con nghĩ vậy.”

Wexford nhìn cô đánh giá, chứ không cảm thông. “Bố ước gì mình tin được những gì con nói. Con chưa đủ mạnh mẽ cho chuyện này đâu, Sylvia. Một ai đó ‘phủ nhận’ là cách diễn đạt yêu thích của con. Chà, bố nghĩ chính con mới phủ nhận. Con đang che giấu cảm xúc thật dưới một loạt ngôn từ của nhân viên công tác xã hội.”

Anh nhìn thấy những giọt nước mắt chảy ra và tràn lên khóe mắt Sylvia. Không phải anh, mà chính Dora đã nói bằng một giọng anh chưa từng nghe thấy trước đó, “Được rồi, tốt nhất là khóc đi. Nó cho biết con thực sự cảm thấy thế nào, khóc nức nở ấy. Khóc vì rất nhiều người trong chúng ta. Nếu như con không rõ điều này, tức là con đang hủy hoại chính gia đình mình.”

Anh không nói gì nữa mà chỉ cầm lấy tay vợ mình và nắm chặt. “Nếu con đã bình tĩnh hơn, thì bố mẹ về đây.”

Wexford hôn con gái. Dora thì không. Dora chỉ đứng đó, tay cầm chìa khóa xe của mình, Sylvia quay gương mặt đắm nước mắt đi. Wexford cảm thấy một khát khao điên cuồng được kéo con gái vào vòng tay nhưng anh không làm gì cả, chỉ theo Dora ra khỏi nhà và nghĩ về một người mẹ trẻ, chỉ bằng nửa tuổi Sylvia, đã chết một cách khủng khiếp, để lại đứa con trai bé bỏng bơ vơ.

Kể cả việc nhìn thấy đứa trẻ sáng nay cũng khiến Wexford khó chịu đến nỗi phải ngay lập tức chuyển sự chú ý sang George Marshalson. Anh không muốn đứa trẻ ở đó, nằm giữa bãi cỏ trên một tấm chăn và được giám sát bởi người bà ngoại kể thờ ơ. Anh không muốn nhìn thấy ánh mắt vừa ngây thơ vừa không biết gì về chuyện đã xảy ra khi vô tình nhìn ra bên ngoài cửa sổ một lần nữa. Sớm hay muộn gì thì Brand cũng phải được nghe lời giải thích xác đáng cho việc tại sao mẹ nó lại chẳng còn ở đây và sẽ không bao giờ quay về nữa.

Burden ăn mặc chỉnh tề với quần jean vải lạnh và áo khoác bông sọc, anh ta hỏi Marshalson về những gì xảy ra hôm Hai mươi tư tháng Sáu. “Ông đã không đề cập đến tai nạn mà Amber có liên quan.”

“Điều này có quan trọng không?” Ông ta thực sự ngạc nhiên. Wexford trầm ngâm trong vài giây, để ông ta suy nghĩ chút ít. Hoặc là không suy nghĩ gì cả. “Phải chăng có điều gì đó ở đây tôi nên biết mà thực tế thì lại không?”

“Ông Marshalson, tảng bê tông được thả từ trên cầu đã đụng trúng chiếc xe đi trước xe Amber, một chiếc Honda màu xám, không phải màu bạc, nhưng hai chiếc xe lại rất khó phân biệt vào lúc chiều tà. Tôi không muốn chuyện này khiến ông thêm đau đớn vì bi kịch đã xảy ra, nhưng nó không làm ông nghĩ rằng đây là một lần ám sát hụt cô bé hay sao?”

“Lạy Chúa. Thật kinh khủng.” Marshalson dường như thực sự bị sốc và kinh ngạc.

“Vâng, đúng là không dễ chịu nhưng tôi chắc chắn rằng những gì tôi kể với ông liên quan tới vụ này. Đó có phải là xe riêng của Amber không?”

Marshalsen chậm rãi nói, “Tôi đã tặng nó cho con bé vào ngày sinh nhật lần thứ mười bảy. Đó là trước khi đứa bé được sinh ra. Sau đó, sau đó,” giọng ông ta ngập ngừng, “con bé đi học lái, rồi lấy bằng... Anh chắc chứ?”

“Vâng, thưa ông Marshalsen, tôi chắc chắn. Bất kỳ kẻ nào nhắm tâng bê tông vào xe của Amber là có ý sát hại cô bé nhưng lại nhắm nhằm vào ông bà Ambrose. Và thế là bà Ambrose đã chết. Tất cả chuyện này cho chúng ta thấy một điều là kẻ giết con gái ông biết cô bé và đã chủ định sát hại cô bé ngay từ đầu. Tôi xin lỗi vì ngôn từ hơi thô lỗ nhưng lúc này tôi muốn ông có những hiểu biết chính xác nhất.”

“Không, không sao. Cảm ơn anh. Thật là một cú sốc lớn, quá lớn. Tại sao lại có ai đó thù hận Amber chứ? Con bé chỉ là một thiếu nữ. Nó chưa bao giờ làm hại ai, con bé vô tội.”

Giọng nói của ông ta dao động và đứt quãng. “Thử tưởng tượng xem con bé có thể làm gì chứ? Không gì cả, tôi chắc chắn đấy, không thể làm gì cả.”

“Chúng tôi không biết, thưa ông Marshalsen,” Burden nói. “Mặc dù ông có thể chắc chắn là con gái mình không có tội gì cả.” Anh liếc nhìn Wexford. “Vẫn còn một điều nữa.”

“Amber lúc đó có mang theo một ngàn bảng tiền mặt trong túi áo khoác,” Wexford nói.

Thậm chí không một diễn viên xuất sắc nào với nhiều năm kinh nghiệm sân khấu có thể diễn tả vẻ hoài nghi như vậy. Trước tiên Marshalsen hỏi, “Anh có chắc về điều đó không?” Và khi họ khẳng định lại với ông, “Tôi hoàn toàn mù tịt chuyện này. Amber không có bất cứ khoản tiền nào ngoại trừ tiền trợ cấp - một số tiền rất nhỏ, tôi dám khẳng định - tôi có thể cho con bé. Con bé cũng không thể tiết kiệm được một khoản tiền như vậy, nó không phải người hay tiết kiệm. Vậy thì khoản tiền này có được từ đâu?”

“Chúng tôi phải nói lại là chúng tôi chưa xác minh được.”

“Tại sao không... Ý tôi là, tại sao kẻ đã làm điều này không lấy số tiền đó đi?” Rõ ràng ông ta đang tránh dùng những từ ngữ như “sát thủ” hay “kẻ giết người”.

“Chắc hẳn chúng làm thế để có được số tiền đó chứ?”

“Nhưng chúng đã không lấy, ông Marshalsen,” Wexford nói nhẹ nhàng. “Amber có tài khoản ngân hàng không?”

“Có, nhưng chẳng bao giờ có nhiều tiền trong đó cả.”

“Một điều nữa, ông Marshalsen,” Burden nói, “và chúng tôi sẽ để ông nghỉ ngơi. Amber có được thừa kế gì khi cô bé đủ mười tám tuổi không?”

Một lần nữa nỗi hoài nghi của ông ta lại có vẻ thành thật. “Amber, đứa trẻ tội nghiệp ư? Không, không có gì cả.” Mặc dù tặng món quà là một chiếc xe hơi, nhưng dường như ông ta cần phải biện minh cho số tiền trợ cấp nhỏ dành cho cô con gái. “Tôi không phải là một người giàu có, ngài Chánh thanh tra ạ. Tôi phải thừa nhận công ty đạo này làm ăn không được tốt. Vợ tôi có tiền nhưng đó là tiền riêng của cô ấy.”

Trong vườn, thằng bé đã tỉnh dậy. Như những đứa trẻ cùng tuổi khác, nó tỉnh dậy cùng tiếng khóc nghe có vẻ thất vọng hay hờn dỗi hơn là đau khổ. Diana đứng dậy khỏi ghế và bế thằng bé lên tay - giống như ai đó đang nhấc một cái túi xách quá nặng bằng quai cầm, Wexford nghĩ. Khi họ đến gần cửa sổ, trong lúc đi qua vài cánh cửa hậu, anh nghe thấy Brand nói bằng giọng buồn bã, “Mẹ, Mẹ.”

Thời khắc này anh muốn chấp nhận Diana như là mẹ thằng bé. Không nghi ngờ gì Ban Công tác Xã hội sẽ can thiệp, nhưng gần như chắc chắn rằng Brand sẽ ở cùng với ông ngoại và bà ngoại kể vẫn còn đủ trẻ khỏe để nuôi dạy nó, bà ta sẽ làm nhiệm vụ của mình, trở thành một người bảo mẫu hiệu quả, nhận thấy rằng nó ăn rất khỏe và xem ti vi rất ít. Nhiều bà mẹ ruột còn không làm được như thế, anh nghĩ.

Anh thấy rằng bà ta dường như cũng không biết nguồn gốc của một ngàn bảng đó hơn ông chồng là mấy. Brand giờ đang ngồi trên ghế cao, hút nước cam từ bình và ăn một lát chuối, Diana Marshalsen gần như thể hiện vẻ ngạc nhiên tương tự.

“Chiếc xe mà Amber lái đã thành ra thế nào khi tảng bê tông rơi từ trên cầu xuống vào tháng Sáu?”

“Nó thành đồ phế thải.”

“Tôi hiểu. Bà Marshalsen, tôi xin phép được ngó qua phòng ngủ của Amber. Không cần thiết phải lục soát kỹ lưỡng như một vụ mất tích, nhưng tôi vẫn muốn liếc qua chút. Thanh tra Burden sẽ đi cùng tôi.”

Ngoài chiếc giường được dọn gọn gàng, tất cả mọi thứ trong phòng như một mớ bòng bong, chính xác như cái cách bạn mong chờ được chứng kiến trong phòng ngủ của một cô gái vị thành niên mà thiên chức làm mẹ lại dường như thật xa lạ và không phải một phần bản chất của cô. Quần áo vứt ngổn ngang. Hai chiếc ghế bị che phủ, bao bọc, mất hút trong đống quần áo và nhiều thứ khác được treo từ tay cầm cửa tủ sang đến cái móc dây của máy hút bụi. Khi Wexford mở một trong những cánh cửa, rất khó để đoán đống quần áo đã được tích lại như thế nào, nhồi nhét toàn đồ cá nhân với váy ngắn, váy dài, quần jean, quần tây, áo ngắn, áo jacket, váy và áo khoác. Số lượng quần áo cũng ngang với số mỹ phẩm mà tiện chỗ nào thì bày chỗ đấy. Một ngăn kéo tủ quần áo còn không thể đóng nổi, nó cũng được nhồi đầy nào là chai, lọ, cọ trang điểm và khăn giấy. Một chiếc khăn voan màu hồng và một bên quần tất vắt từ bên này sang bên kia một ngăn kéo khác. “Tưởng tượng cái tình trạng lộn xộn này khi Brand ở đây xem,” Wexford nói.

Burden nhún vai. “Nếu nó từng như vậy. Thằng bé dường như không có ý nghĩa lớn lao gì trong cuộc đời cô ta.”

“Chà, chúng ta cũng không rõ. Mà có thể chúng ta không cần biết.” Ý Wexford là, hãy cứ để mọi việc như thế để tôi không phải tỉnh giấc giữa đêm và lo lắng về thằng bé. Tình trạng khó xử của Sylvia đã đủ tồi tệ để phải lo lắng rồi. Hãy cho tôi một góc không nhìn thẳng vào thực tế phũ phàng của cuộc sống.

Burden đang mở ngăn kéo, hết cái này đến cái khác. Không theo một trật tự nào cả. Một cái thì rải rác mạt của một chất màu trắng mà Burden nói là bột phấn, còn có mấy tờ khăn giấy đã qua sử dụng và bị vo tròn lại, những cuộn len cùng nửa lọ mỹ phẩm dùng dở. Những cái khác bị nhồi nhét với một đống hỗn độn các thứ linh tinh để mặc, để đọc, hình cắt (hoặc xé thì đúng hơn) từ tạp chí, bút bi, tất, kính mát, kẹp uốn tóc, máy sấy tóc, một số bàn chải và lược. Cả hộ chiếu cũng bị vứt vào đây. Mở hộ chiếu ra, đầu tiên

anh nhìn qua bức ảnh của Amber, bức ảnh hộ chiếu cho thấy chủ nhân của nó khá xinh đẹp, ở một trang trong có dán tem cho nhập cảnh vào Thái Lan vào ngày 7 tháng 1 và hết hạn vào ngày 1 tháng 1 năm ngoài. Anh đưa nó cho Wexford và chuyển sự chú ý vào đồng quần áo có túi, sau một hồi tìm kiếm anh thấy có hai điếu thuốc lá đã bị bẹp, một số đồng xu mệnh giá nhỏ, thêm khăn giấy đã dùng và một bao cao su khác, một phong bì đầy tiền bị kéo ra với một thứ trông như đồ lót.

“Tôi sẽ đếm,” anh nói, “nhưng anh có nghĩ là có ít nhất một ngàn bảng trong này không?”

“Có thể. Tôi rất hoang mang. Cô ta ăn cắp hay tự kiếm được?”

“Nếu cô ta kiếm được,” Burden nói, làm bộ nghệt mặt, “thì hẳn cô ta đã chơi xổ số. Chẳng có cách nào khác để kiếm được nhiều tiền đến thế.”

Trên phố High Street ở Kingsmarkham, đồng hồ kỹ thuật số bên ngoài Trung tâm mua sắm Kingsbrook chỉ mười một giờ mười lăm và nhiệt độ đang là ba mươi lăm độ.

“Với anh thì phải là chín mươi,” Burden tử tế nói. “Được thôi, tôi có thể tính được mà. Tôi đã được con gái mình dạy cách tính. Đó chỉ là một phép tính nhầm mất chút thời gian thôi.”

Một người đàn ông trẻ tuổi đẹp trai với mái tóc bằng, hơi dài đang đứng dựa lưng vào ngăn để hành lý của một chiếc xe hơi ở đồn cảnh sát trong khu vực đậu xe. Anh ta đã đậu chiếc Audi của mình vào khoảng trống được đánh dấu “Dành cho Cảnh sát trưởng”. Wexford đi về phía anh ta, bắt gặp ánh mắt của anh ta, màu xanh đậm với lòng trắng rất rõ ràng, rồi đột ngột hỏi, “Tôi có thể giúp gì cho anh?”

“Thực sự phải là tôi có thể giúp gì cho ông? Hoặc không thể, tôi đến vì điều đó.” Một bàn tay dài màu nâu chìa ra. “Daniel Hilland. Hân hạnh được gặp ông.”

Thực sự không cần phải trả lời câu này và Wexford không phản ứng gì cả. Cũng không bắt tay anh ta. “Anh không thể để xe ở đây.”

“Tôi nghĩ là ông muốn gặp tôi. Chúng ta có thể vào trong không?”

“Không được phép để xe ở đây, chúng tôi không cho phép. Anh có thể di chuyển nó ra chỗ khác, không mất nhiều thời gian đâu. Anh có nhận thức được chuyện gì đã xảy ra với cô bạn gái trước của mình không?”

Hilland gật đầu. “Dĩ nhiên rồi.”

“Tôi nghĩ là anh đang đi nghỉ mát ở Phần Lan chứ?” Tiếp một cái gật đầu.

“Tôi muốn xem hộ chiếu của anh, anh Hilland, và những tài liệu khác có thể chứng minh rằng anh đã ở đó vào thời điểm xảy ra sự việc.”

Hilland nhìn chăm chăm. “Ý ông tài liệu là như thế nào?”

“Anh có thể lấy ra, ví dụ hoá đơn cho vé máy bay của anh, một mẫu giấy trông gần giống vé của anh nhưng không có giá trị cho việc di chuyển.”

Cảm thấy nóng đầu, Hilland cúi kính nhìn anh và Burden. “Chẳng ai lại đi giữ mấy thứ đó cả.”

“Không giữ là kém thông minh đấy. Nhưng dầu sao hẳn anh vẫn giữ hóa đơn khách sạn chứ?”

“Tôi sẽ giữ nếu tôi ở khách sạn. Chúng tôi đi cắm trại. Nghe này, ông không thể nghiêm trọng đến mức cho rằng tôi có liên quan gì đến cái chết của Amber chứ. Điều này thật vô lý. Ý tôi là, tại sao tôi phải liên quan chứ?”

“Luật pháp không có nghĩa vụ phải xem xét động cơ gây án, anh Hilland. Nhưng tại thời điểm hiện tại, chúng tôi chỉ đang cố gắng loại trừ đối tượng bằng các câu hỏi. Tôi có thể đặt anh vào diện nghi vấn nếu anh không thể trình báo bất cứ bằng chứng nào về việc mình đã ở đâu theo lời anh nói. Chắc chắn là một trong những người bạn của anh có thể kể cho tôi.”

“Tôi nghĩ là mình sẽ phải hỏi họ.” Hilland nói bằng một giọng điệu thậm chí khiếm nhã hơn so với lúc đầu. “Thật buồn nhưng tôi nghĩ họ sẽ nói. Họ không thích mấy chuyện này đâu.”

“Chuyện này là chuyện gì?”

“Ồ, xem nào, cảnh sát, giết người, đối tượng tình nghi và những gì đại loại như thế, đặc biệt là khi mọi người đều biết rằng một số kẻ tâm thần nghiện xem phim khiêu dâm trên mạng đều có ý nghĩ như thế đối với các cô gái kiểu đó.”

Wexford không phải tự nhắc nhở bản thân rằng trong số “những cô gái kiểu đó” có một người là mẹ của con trai Hilland. Anh hiếm khi gặp một gã thanh niên trai trẻ nào phản cảm hơn gã này. Một kẻ cộc cằn, thô lỗ trong xã hội, mà đến tận bây giờ vẫn được phân loại tại đồn cảnh sát Kingsmarkham như là “hạ lưu,” có lẽ đúng với hắn. “Đúng vậy,” anh trả lời. “Tôi muốn biết tên và địa chỉ của một trong số những người bạn của anh và tôi muốn biết ngay bây giờ.”

Ngạc nhiên trước sự thay đổi trong giọng điệu của Wexford, Hilland hờn dỗi nhìn vị Chánh thanh tra nhưng vẫn đưa ra hai cái tên, một người có địa chỉ ở Wales và người kia thì nhà gần Lewes.

“Khi chúng tôi tìm thấy thi thể, có một ngàn bảng nằm trong túi áo khoác của cô ta. Anh có biết gì về việc tại sao cô ta lại có khoản lớn đến thế không?”

Hilland thay đổi ánh mắt như thể đối với hắn ta, đó chẳng phải là một số tiền lớn bằng cách nhướn cặp mắt nâu lên và ngoẹo đầu về một hướng. “Chị. Tôi không bao giờ gặp cô ta nữa, ông biết đấy. Chúng tôi đã chia tay trước khi cô ta sinh con. Không có nhiều điều để nói khi đã chia tay.”

Tự nhắc bản thân phải giữ bình tĩnh bằng mọi giá, Wexford thử hỏi tại sao cô ta lại cần tiền, mặc dù anh biết chắc rằng hoàn cảnh khó khăn không phải là động cơ liên quan đến việc ăn cắp hay bất cứ cách nào, dù hợp pháp hoặc bất hợp pháp, để kiếm được số tiền này.

“Cô ta chuẩn bị chuyển đến sống ở căn hộ của bố tôi,” Hilland nói. “Cô ta cần có tiền để sống. Điều này khác với việc sống cùng nhà với cha cô ta và người đàn bà tên gì nhỉ? - Diana. Amber chẳng có tài sản cá nhân nào cả. Và trước khi ông hỏi, với sự chỉ trích trong từng câu chữ, thì không, tôi không đưa cho cô ta bất kỳ thứ gì. Tôi chả có gì để đưa cả. Tôi chỉ là một thành sinh viên, OK?”

“Thôi được, tất cả chỉ có thể thôi,” Wexford trả lời ngắn gọn, thích chí nhìn gã đàn ông nổi nóng, mồ hôi chảy ròng ròng trên khuôn mặt và ướt đầm vùng dưới cánh tay. “Tôi muốn anh đem hộ chiếu và bất kỳ tài liệu nào anh có tới đây vào sáng ngày mai. Giờ anh có thể đi và nhớ đừng có đỗ xe ở đây nữa.”

Sự ấm lên toàn cầu đã khiến cho ban quản lý khách sạn Olive và Dove phải lắp điều hòa, một việc hy hữu ở Kingsmarkham. Trên sân những cánh cửa liên tục đóng và mở, điều hòa không phả ra đến bên ngoài và quầy rượu hạng sang, mà chỉ đến quầy bar ở sảnh. Wexford và Burden ngồi ở đó, ti vi bật, bản tin thời sự lúc đầu giờ tối thông báo nhiệt độ lúc đó là ba mươi hai độ.

“Ở đây thực lạnh quá,” Burden nói và ấn nút “tắt” trên điều khiển. “Bọn này chả bao giờ dự báo chuẩn nhỉ?”

“Vẫn chuẩn trong vòng một tiếng hoặc hơn chút.” Wexford lấy hai ly đồ uống được phục vụ mang đến và đẩy một ly sang Burden. Trả tiền xong, anh nói, “Tự lấy cho mình một ly đi. Những ly này đủ lạnh rồi. Lần tới cậu còn bỏ đá vào bia thì tôi nghĩ đến đây luôn đấy.”

“Tuyệt vời,” tay phục vụ nói, “sẽ không thể nữa đâu.”

Khi tay phục vụ đi khuất, Wexford nói, “Thằng nhóc Hilland ấy như cái giẻ rách. Tôi biết anh không thích từ đó nhưng thực sự chẳng còn từ nào đúng hơn để mô tả về nó nữa: Nó không thêm một lần nhắc đến con mình và còn nói về Amber như thể con bé chỉ là tình một đêm.”

Burden nhún vai. Anh không ngạc nhiên. “Người mẹ và đứa em gái cũng phần nào giúp chúng ta hiểu trước về nó rồi. Tôi tự dưng nảy ra ý tưởng này, tôi nghĩ chúng ta nên làm gì đó. Số tiền nằm trong túi của Amber, vậy nó hẳn phải ở đó sau khi cô ta ra ngoài, đúng chứ? Đầu óc cô ta hẳn chưa đăng trí đến nỗi chạy ra ngoài với một ngàn bảng vo viên trong túi ngày này qua ngày khác mà không biết.”

“Tôi không nghĩ thế. Ý tôi là, anh nói đúng đấy.”

“Vậy có ai đó đã đưa số tiền này cho cô ta vào tối hôm đó. Không phải sau khi cô ta tới câu lạc bộ Bling-Bling. Cô ta ở đó với mọi người từ đầu đến cuối mà không ai trong số họ biết điều này. Ý tôi là, nó không giống kiểu đưa cho ai đấy vài đồng lẻ, đúng không? Chà, chúng ta biết thời gian cô ta rời khỏi nhà để đến câu lạc bộ nhưng lại không biết thời điểm cô ta có mặt ở đó. Không ai nói, mặc dù Samantha Collins có nói cô ta đến muộn hơn mọi khi.”

“Ý anh là, dù cô ta có được số tiền đó bằng cách nào, thì ai đấy đã đưa nó cho cô ta trong khoảng thời gian đi từ nhà đến câu lạc bộ? Không có nhiều thời gian đến thế đâu, Mike.”

“Tại sao không? Diana Marshalsen nói rằng cô ta rời đi trong khoảng từ tám rưỡi đến chín giờ. Nếu vậy, sẽ mất năm phút để tới điểm xe buýt và hai mươi phút để xe buýt tới Kingsmarkham. Cứ cho là xe buýt tới trễ và cô ta mất mười phút đợi ở trạm dừng, không đi đâu cho đến tận chín giờ kém mười, thì cô ta vẫn sẽ có mặt ở Kingsmarkham lúc chín rưỡi. Nếu vụ giao dịch chỉ mất nửa tiếng thì tới mười giờ, cô ta đã có thể có mặt ở câu lạc bộ rồi.”

“Muộn một tẹo, phải không?”

“Cả anh và tôi, Reg ạ,” Burden nói, “lúc đó đã quá muộn để đi đâu đó. Thời điểm ấy là để về nhà. Nhưng không áp dụng với giới trẻ. Những địa điểm này không thực sự hoạt động cho đến gần nửa đêm.”

“OK, chúng ta phải xác minh thời gian biểu của xe buýt, xem nó có chạy đúng giờ hay không, và xem chúng ta có thể biết được chính xác thời gian cô ta từ biệt George Marshalsen. Tôi nghĩ rằng chuyện thằng nhóc Hilland chi trả cho việc nuôi đứa trẻ là điều hiển nhiên. Cộng thêm khoản trợ cấp cho người tìm việc làm, mà đoán chừng là cô ta đã lấy, và trợ cấp nuôi con, thì cô ta hẳn cũng gom đủ từng đó rồi. Giờ tôi đang băn khoăn cô ta cần tiền để làm gì.”

“Tôi đoán cô ta muốn học lên cao học?”

“Mike, tôi bắt đầu tin rằng đó là mơ ước hão huyền của George Marshalsen. Làm sao cô ta có thể đi học? Cô ta sẽ làm thế nào với Brand?”

“Tiếp tục đi,” Burden nói, “cô ta đã làm thế nào với thằng bé khi tới Thái Lan?”

“Để nó ở lại với cha cô ta và Diana, tôi đoán thế. Nhưng đầu tiên, chúng ta phải tìm hiểu thêm về chuyến đi Thái Lan. Dĩ nhiên, có thể tất cả bọn họ đi cùng nhau. Một chuyến du lịch gia đình. Và chúng ta cần ngó qua tài khoản ngân hàng của Amber, nếu cô ta có. Hai ngàn bảng chúng ta tìm thấy có thể không phải là tất cả số tiền của cô ta. Làm thêm ly nữa không?”

“Tại sao không?” Burden nói.

Burden vẫn ngồi tại chỗ trong khi Wexford đi lấy đồ uống. Một ý nghĩ lướt qua trong đầu anh ta. Một ý tưởng cực kỳ hiển nhiên, anh ta nghĩ, thắc mắc tại sao mình không chớp được nó khi ở trong phòng ngủ của cô gái. Có lẽ nào cô ta lại mạo hiểm như vậy? Có lẽ nào cô ta ngu ngốc đến thế? Quay trở lại với hai ly trên hai tay, Wexford nói, “Trông anh cứ như kiểu vừa bị sốc vậy.”

“Nếu thế, tôi đã biết ngay. Reg, tôi nghĩ chúng ta phải quay trở lại Brimhurst, trở lại nhà Marshalson và phải đi ngay. Giờ là mấy giờ rồi?”

“Tám giờ hai mươi. Chuyện gì thế?”

“Khi chúng ta rà soát những ngăn kéo trong phòng của Amber,” Burden nói, “chúng ta đã tìm thấy vài thứ mà cho rằng đó là bột mạt đá. Tôi không nghĩ ra cái gì khác lúc đó cả, chỉ biết là vậy, rồi khi kết hợp với những thứ khác mà chúng ta tìm được, tôi đã hiểu ra vài điều. Những cô gái tầm tuổi này không dùng bột đá, họ còn chưa bao giờ nghe về nó, không biết nó dùng để làm gì. Có vài thứ như thế đã lỗi thời kiểu những tờ giấy bạc một bảng Anh, hộp điện thoại và đĩa máy hát.”

“Vậy điều đó nói lên cái gì? À, tôi hiểu rồi... Tôi sẽ gọi cho Marshalson rồi bảo Donaldson đến đón chúng ta trong mười phút nữa.”

“Tôi rất nghi ngờ việc có hơn, xem nào, năm mươi bảng trong tài khoản của Amber,” George Marshalson nói. “Tôi mở cho nó mà,” ông ta thở dài nặng nhọc, “khi con bé mười sáu tuổi. Vào lần sinh nhật lần thứ mười sáu. Một trăm bảng Anh. Tôi ngờ rằng nó có thể đã thêm tiền vào. Nếu ngân hàng có gây khó dễ gì cho các anh trong việc tiếp cận tài khoản của nó, tôi sẵn sàng đứng ra bảo lãnh.”

Wexford cảm ơn ông ta. Ngôi nhà có vẻ im lặng một cách ngọt ngào. Chín giờ tối và Brand đã lên giường đi ngủ từ lâu rồi. Nhiệt độ ngoài trời, mặc dù không giống như trong dự báo là “mát mẻ vào buổi tối,” cũng đã giảm xuống đáng kể so với cái nóng khó tả vào buổi trưa. Mặc dù tất cả cửa sổ đều mở toang, một con ong bắp cày bò trên bậu cửa sổ vẫn đang vô vọng tìm kiếm một lối thoát. Muỗi nhảy múa trong bóng tối.

Diana Marshalsen đang đi dạo trong vườn, tưới cho những cái cây đang chết dần. Bà ta lắc đầu khi nhìn thấy một cây bụi có lá đã chuyển sang màu vàng và tiến về phía ngôi nhà, vứt cái can nước rỗng đi rồi bước vào nhà qua cửa phòng khách. “Vô vọng thôi,” bà ta nói, thả mình xuống ghế. “Mọi thứ cần một trận mưa tầm tã cả đêm chứ không phải nửa can nước. Thật sự là,” bà ta nhìn về ông chồng, “có vấn đề gì sao? Chuyện gì thực sự là vấn đề bây giờ chứ?”

Không ai trả lời. “Tôi biết được từ hộ chiếu của cô bé,” Wexford nói, “rằng Amber đã đến Thái Lan vào tháng Mười hai năm ngoái?”

“Tất cả chúng tôi đều đi,” Diana nói. “Ừm, ngoại trừ Brand. Chúng tôi đã để nó ở nhà chị của tôi.”

Một đứa nhỏ ba tháng tuổi, Wexford phần nộ nghĩ, bị để lại cùng với người hoàn toàn xa lạ. Sau đó anh tự nhủ là quên đi, đó không phải việc của mình. Anh đang dần bị ám ảnh về đứa trẻ này, dần nhạy cảm với mọi dấu hiệu thể hiện sự thờ ơ hoặc lạnh nhạt. Anh tự hiểu rằng phải hãm bản thân lại. “Vậy là bà, chồng bà và Amber cùng đi?”

“Chuyến đi được sắp xếp một tháng trước khi Brand ra đời,” cha Amber nói. “Amber đã nài nỉ đem đứa bé theo nhưng dĩ nhiên con bé đã thay đổi suy nghĩ khi đến ngày đi. Chị của Diana, Laura, đã nhận trông thẳng bé và Amber đã rất sung sướng.”

“Tôi muốn nói qua lần nữa phòng ngủ của Amber,” Wexford nói.

Ngay khi họ dợm bước đi, Diana nói, một cách mơ hồ, “Nếu anh thấy thú vị với cách sống của Amber, anh chắc sẽ muốn biết con bé đã đi du lịch đến Frankfurt vào tháng Năm.”

“Cô bé đi một mình sao?” Burden hỏi.

“Cùng một người bạn. Một cô gái - nhưng tôi không nhớ tên cô ta.”

Bản thân đang cảm thấy bức bối, Wexford hỏi tiếp, “VẬY ai chăm sóc Brand? Chị của bà nữa à?”

“Chị ấy sẽ không định làm việc đó lần nữa ngay sau lần đầu kia, đúng chứ? Dĩ nhiên là tôi trông. Đó là vào ngày Hai mươi hai tháng Năm và tôi chưa từng phải bận tâm về việc mình sẽ có một cuộc hẹn quan trọng. Tôi thực sự ngạc nhiên khi mình được miễn nhiệm vụ giúp việc kiêm y tá và cùng đến Thái Lan.”

“Diana,” George Marshalsen nói. “Làm ơn đi.” Giọng ông ta như vỡ ra. “Amber tội nghiệp đã chết rồi.”

“Em biết, George. Em xin lỗi. Chúng ta đều đang cảm thấy khó chịu.”

Một cách tò mò để định nghĩa nỗi đau mất người thân, Wexford đã nhận xét vậy với Burden khi họ lên lầu.

“Bà ta ghét cô gái,” Burden nói.

“Dĩ nhiên, nhưng tôi đang tò mò muốn biết thái độ của bà ta khi Amber còn sống có phải không đến mức dừng dừng hay có lẽ thiếu kiên nhẫn hay không. Đó là vì cái chết của cô ta đã làm nảy sinh sự chán ghét, bởi bằng cái chết của mình, Amber đã trói buộc bà ta với đứa trẻ.”

Burden cạo một ít bột trắng vào phong bì nhựa và đóng lại. Sau đó, làm ướt ngón tay trỏ của mình, anh ta di nhẹ lên dấu vết còn lại và ngửi nó. “Đây không phải là cái mà anh và tôi nghĩ đâu,” anh ta nói. “Cũng không phải bột đá. Tôi đã ngửi thấy mùi này trước kia, rất nhiều năm trước khi con trai tôi John còn đang đi học nhưng Chúa biết nó là gì.”

Ở dưới lầu, tất cả mọi người đều đang tụ tập trong phòng khách, George nằm ngả lưng trên ghế bành, nhắm mắt, Diana đang đặt laptop trên đầu gối mình. Màn hình lấp đầy bởi một trang phần lớn là màu lam ngọc mà những người đầu thầu hay dùng để tìm kiếm trang web. Bà ta quay lại khi họ bước vào.

Burden nói, “Bà Marshalsen, có lẽ bà cần nói chuyện với chúng tôi. Amber bị bệnh nấm bàn chân đúng không?”

“Thế quái nào mà anh lại biết vậy? Con bé nghĩ rằng nó đã bị lây khi ở bể bơi mới của Kingsmarkham và nó thấy rất xấu hổ.”

“Và tôi chắc chắn đó là cocaine,” Burden nói khi họ một lần nữa ra khỏi nhà. “Nhưng dĩ nhiên, chưa tìm thấy một bằng chứng cụ thể nào của việc sử dụng chất kích thích không có nghĩa là cô ta không buôn bán nó. Có thể cô ta đã làm thế. Có thể đó là nguồn gốc của số tiền. Thế thì, cô gái kia là ai?”

“Một trong đám du đãng ở Bling-Bling, tôi nghĩ vậy, nhưng chúng ta sẽ tìm ra.”

Ngân hàng ở phố Kingsmarkham High Street không gây khó dễ đối với việc kiểm tra tài khoản của Amber. “Dù gì thì cô gái tội nghiệp cũng đã chết,” người quản lý nói. George Marshalsen đã nhầm nhưng chưa đến mức quá nhiều. Tổng số tiền có trong tài khoản của Amber lên đến bảy mươi lăm bảng. Không có giao dịch phát sinh trong vòng hai năm qua và cũng không có rút tiền ra.

“Hoặc là cô ta không tin tưởng ngân hàng,” Wexford nói, “hoặc rất có khả năng cô ta chưa kịp ghé qua để gửi hai ngàn đó. Số tiền chắc phải phát sinh gần đây.”

“Cô ta đến Thái Lan nhưng nếu cô ta buôn bán mà không được trả tiền, thì đó có thể chỉ là một kỳ nghỉ đơn thuần.”

“Ý anh là, cô ta không chi trả cho bất cứ thứ gì bằng số tiền gửi vào tài khoản ngân hàng. Có thể cô ta đã thanh toán bằng tiền mặt rồi sử dụng nó. Có vẻ như cô ta và có thể là cả người bạn đã mang thứ gì đó tới Frankfurt - một trong những đầu mối chính của châu Âu là Frankfurt - rồi gặp ai đó ở đấy, người này mang nó, dù là gì đi chăng nữa, đến điểm cuối cùng. Khi cô ta về nhà thì sẽ được trả công.”

Wexford biết rõ về chất gây nghiện hơn bất kỳ nhân viên sở cảnh sát nào cùng cấp bậc không chuyên sâu về nó nhưng Burden đã trở thành chuyên gia, chủ yếu thông qua việc chỉ huy các chiến dịch càn quét lớn ở Kingsmarkham và các làng lân cận trong những năm qua. “Cô ta vận chuyển nó?” anh nói. “Bằng hành lý hay mang nó trong người?”

Cái suy nghĩ việc ai đó nuốt một túi chất gây nghiện và thải nó ra ở điểm cuối của chuyến đi luôn lớn vồn trong đầu Wexford. “Lạy Chúa, tôi hy vọng là không.”

“Chúng ta đã có quá nhiều việc phải lo trong vụ này rồi. Tìm ra cô gái kia là ai. Có thể điều một con chó đánh hơi vào Clifton. Thậm chí tất cả bạn bè, thân thích của cô ta lần nữa.”

Trong phòng khách nhỏ nóng bức và ngột ngạt của mình, Hannah và Bal đã làm một việc mà Bal gọi thân mật là “cuộc tán gẫu nhỏ” với Henry Nash. Trong mắt cô, căn phòng trông giống như một phần của một bảo tàng về quá khứ. Mọi thứ bên trong, bao gồm cả chủ nhân của nó, đã có từ gần một thế kỷ trước và nhiều thứ còn cũ kỹ hơn. Vài cuốn sách, trong đó bao gồm một cuốn Kinh Thánh, bài thánh ca cổ xưa và hiện đại, được buộc bằng một sợi dây da đen đã mòn cùng các thể loại khác, với những tựa đề khó đoán màu đỏ thẫm và xanh đậm. Hai tờ in thạch bản đã ngả màu trên bức tường phía trên đầu ông Nash khắc họa các thiếu nữ có dáng vẻ đầy đặn trong trang phục váy Hy Lạp thời Victoria, rũ xuống trên những bình đựng di cốt. Tấm thảm theo phong cách Thổ Nhĩ Kỳ, cũ mòn và những chiếc ghế theo phong cách “lò sưởi”. Một cây đàn piano chiếm cả một góc nhà, bên trên để bản nhạc “Những đóa hoa chuông Scotland.”

Chiếc điện thoại, cố nhiên là cũng cũ kỹ gần bằng cái đàn piano hoặc bức tranh những thiếu nữ Hy Lạp, nhưng lại đem đến cho Hannah cảm giác được quay lại thập niên 50. Nó có màu đen, và thay vì bàn phím thông thường thì lại là bàn quay số kỳ lạ cô chưa thấy bao giờ. Bằng công cụ này, ông Nash đã gọi đến Cục Điều tra Tội phạm Kingsmarkham để thông báo mình có một thông tin quan trọng. Tuy nhiên hiện tại khi Hannah và Baljinder đã ở đây, dường như ông ta lại không có ý định dấn động gì đến thông tin quan trọng đó cho tới lúc đưa ra một bài công kích chống lại vài khía cạnh của cuộc sống hiện đại. Cha mẹ đơn thân, chữa trị các bệnh về

khả năng sinh sản, gọi đám người thất nghiệp là “những người đang tìm kiếm việc làm,” gian lận tiền trợ cấp, người ngoại quốc, đặc biệt là những người có ngoại hình và màu da khác mình, tất cả đều bị đem ra chửi rủa. Trong lòng Hannah cảm thấy oán thán, nhất là cho Bal, mặc dù anh ta không có mấy biểu hiện giống như “dân da đen” hay “mắt lé,” nhưng vẫn im lặng nhẫn nhịn và mỉm cười nhẹ nhàng.

Sự phẫn nộ của cô đã bốc hỏa đến đỉnh điểm. Cô cảm thấy da mặt mình rịn ra chút mồ hôi, một giọt chảy xuống ấm nóng và mặn chát trên môi. Là một người theo chủ nghĩa nữ quyền, cô biết rất rõ rằng mình phải nhẫn nhịn. Phải chăng cô không được quyền đổ nhiều mồ hôi như đàn ông? Nhưng cô cũng biết, giữa suy nghĩ và cảm xúc còn cách nhau một khoảng rất lớn. Cô có quyền đổ mồ hôi như một người đàn ông nhưng cô cảm thấy Bal sẽ nhận ra và thật khủng khiếp nếu những mảng ướm át xuất hiện trên chiếc áo trắng như tuyết của cô. Mất hết kiên nhẫn, cô cắt ngang lời ông Nash về chủ đề của truyền hình sau phần chuyển chương trình lúc chín giờ. “Ông nói rằng có một vài thông tin cho chúng tôi.”

Ông ta cau mày nhìn cô bất mãn. “Tôi đang nói chuyện với anh bạn trẻ này,” ông ta đáp trả lại cơn giận dữ của cô. “Mấy người không biết kiên nhẫn là gì cả.”

Bal nói, “Kiên nhẫn là một thứ xa xỉ, ông Nash. Chúng tôi không có nhiều thời gian.”

Thay vì lảng mạ nhóm dân tộc thiểu số năm phút trước và cho rằng mọi người có xuất xứ giống mình nên quay trở về với “căn nhà và cái máng lợn nơi họ thuộc về,” Henry Nash giờ đã nhìn anh bằng ánh mắt tôn trọng hơn. “Được thôi,” ông ta nói. “Các vị còn có công chuyện phải làm. Tôi biết công chuyện đó là gì, không giống như chuyện mà tôi có thể kể tên.” Ông ta né tránh ánh mắt của Hannah như thể ông ta là một nhà tu khổ hạnh còn cô là vũ công múa bụng. “Đó là thằng cha nhà bên cạnh. Hẳn ta tên Brooks. John Brooks. Phải có đến hàng trăm người tên là John Brooks nhưng chính xác là gã đó.”

Tự dưng ông ta im lặng, Hannah hỏi, “Anh ta làm sao, thưa ông Nash?”

Ông ta trả lời câu hỏi của cô nhưng lại nhìn vào Bal trong khi nói, như thể đáng nhẽ gã đàn ông kia nên hỏi câu này thay vì người phụ nữ. “Đêm nào hẳn ta cũng ra ngoài,” ông ta nói kiểu hân hoan.

“Ra ngoài?” Bal hỏi. “Ý ông ‘ra ngoài’ tức là sao? Vào thời gian nào? Ông đã nhìn thấy anh ta sao?”

“Tôi có nghe tiếng xe hơi của hẳn. Hẳn đỗ xe trên đường. Tại sao, anh không hỏi đại loại như, khi nào hẳn đem về một tảng bê tông ở bên đường. Tôi sẽ nói cho anh biết. Bởi vì vợ hẳn ngủ ở phía sau. Họ dùng phòng riêng nếu anh từng nghe qua điều này. Tôi ngủ ở đằng trước và khi hẳn khởi động xe, tôi liền bị thức giấc.”

“Lúc mấy giờ, thưa ông Nash?”

“Bất kỳ lúc nào trong khoảng một, hai, ba giờ nhưng thường là tầm một giờ. Vợ hẳn sẽ không nghe thấy từ dãy nhà phía sau ấy và cô ta sẽ không biết hẳn đã rời đi. Đó là tác dụng của việc sử dụng phòng riêng. Không nghi ngờ gì là cô ta chẳng có đứa con nào cả. Cô ta kể rằng hẳn hay ngáy ngủ. Vâng, tôi cực kỳ là hẳn ngáy ngủ. Có phải hẳn chủ tâm làm vậy để được một mình một phòng không?”

“Anh ta có ra ngoài trong cái đêm Amber Marshalsen bị sát hại không?”

“Không biết. Tôi không thường xuyên tỉnh giấc, nếu tâm trí tôi không bị ảnh hưởng. Nếu như tôi không trở mình trần trọc, suy nghĩ về tình hình thế giới.”

Cái ý nghĩ trở mình trần trọc, trái ngược với hoàn toàn yên giấc, khiến một dòng mồ hôi nóng hổi lăn dài trên khuôn mặt Hannah. Cô có thể cảm nhận được nó trên thân thể mình, chảy dọc xuống giữa khe ngực. Cô bước ra ngoài, cảm thấy mình có thể ngất xỉu nếu ở thêm một phút nào nữa trong căn phòng nóng bức và ngột ngạt kia. Bên ngoài, dưới bóng râm, trời mát hơn và ít nhất không khí cũng trong lành hơn.

“Chúng ta phải nói chuyện với tay Brooks này,” cô nói, “và anh ta sẽ không về nhà cho đến khi trời tối. Nếu anh ta ra ngoài vào ban đêm, có thể anh ta đã nhìn thấy thứ gì đó nhưng tôi không thể xem anh ta là thủ phạm. Nếu anh ta muốn giết Amber, anh ta khó mà lên xe và trốn đi đâu được.”

“Không,” Bal nói, “lái xe bỏ trốn sẽ cho anh ta một cái cố và anh ta có thể lên trở lại bằng cách đi bộ nhằm tạo chứng cứ ngoại phạm.”

“Tôi cho là anh ta có thể đã làm thế.”

Anh nhìn chăm chăm vào cô và cô đột nhiên nghĩ con người có “xuất xứ từ tiểu lục địa châu Á” theo cách cô gọi - cô sẽ không phản đối việc bản thân bị mô tả là “người da trắng - Celtic” - thường chỉ chu đến thế nào, như thể tất cả những bộ quần áo của họ đều mới vậy. Một mảng ẩm ướt chắc chắn đã xuất hiện trên vùng bụng cô.

“Cô có vẻ nóng quá đấy, Hannah.” Đây là lần đầu tiên anh gọi cô bằng tên thật thay vì gọi “trung sĩ.”

“Đi nào, tôi có soda trong thùng lạnh trên xe. Nó sẽ giúp cô hạ nhiệt.”

Những người bạn đã đi cùng Daniel Hilland trong chuyến nghỉ mát tại Phần Lan vẫn chưa trở về. Hình như họ đã tới, theo lời của Daniel là “Iceland hay Latvia hay đại loại thế” và cuộc tìm kiếm bọn họ đến giờ vẫn chưa thành công. Bằng chứng ngoại phạm của Ben Miller, theo lời kể của cậu ta là đã thả Amber ở cuối đường Myfleet vào lúc một giờ bốn mươi rồi về nhà mười phút sau, không thể xác minh được. Cả mẹ và chị cậu ta đều không nghe thấy tiếng chân cậu ta bước vào nhà. Cậu ta thường về muộn và được dạy là phải giữ im lặng, kể cả việc cởi giày để ở chân cầu thang. Theo lời kể của bà Miller, “Nhưng tôi biết nó về nhà - nó còn có thể làm gì khác nữa?” thì thà không kể còn hơn.

George và Diana Marshalsen có bằng chứng ngoại phạm riêng rẽ, Diana mặc dù có những xung đột trong đời sống nhưng chưa đủ để cấu thành động cơ phạm tội, có thể thấy rằng ít nhất bà ta còn có lý do quan trọng nhất muốn Amber còn sống, rõ ràng không cần hoài nghi. Thêm nữa, Wexford chắc chắn rằng tình yêu của George dành cho đứa con gái còn nồng đậm hơn so với vợ ông ta và nếu bà vợ có ý định sát hại Amber, ông ta chắc chắn sẽ chẳng bao giờ che giấu tội ác của bà ta. Cuộc hôn nhân đó, và tình

cảm mà các thành viên nhà Marshalsen dành cho nhau, khiến Wexford thấy hứng thú. Anh bắt đầu tin rằng có vài lý do khiến cho tình yêu của George dành cho Diana đang dần phai nhạt, hẳn Diana đã làm điều gì đó. Nhưng chắc chắn không bao gồm việc sát hại đứa con duy nhất của ông ta.

Những chất cạo ra từ ngăn kéo trong phòng ngủ của Amber đã được phân tích và nó đúng như những gì Burden nghĩ. Đây là phương thuốc phổ biến để chữa trị bệnh nấm bàn chân. Vậy liệu anh có phải gạt bỏ giả thuyết về nguyên nhân tại sao Amber lại xuất ngoại hai lần trong năm nay không? Không hề.

Đã từ lâu, Wexford không còn sử dụng đồ uống đóng chai nhưng hiện tại, khi nhiệt độ lần nữa lên đến quá ba mươi độ, anh đang phải nốc từng cốc từng cốc một. Ngồi đối diện Hannah Goldsmith, giữa họ là một chai soda cùng một đồng giấy tờ ngổn ngang trên bàn, anh nghe cô kể về John Brooks và sự cay độc của Henry Nash.

“Tôi sẽ quay lại đó,” cô nói, “khi anh ta về nhà.”

“Cẩn thận với những gì cô nói nếu người vợ đang ở đó.”

“Tốt nhất nên đảm bảo xem cô ta có biết không, thưa ngài. Mọi quan hệ sẽ trở nên giả tạo khi bạn đòi không trung thực với nhau nữa.”

“‘Với nhau’ là những từ rất có hiệu lực trong câu nói đó,” Wexford nói. “Nhưng không phải để cô trung thực với họ và họ sẽ chẳng cảm ơn vì điều đó đâu.”

Lời khuyên của anh ít có ảnh hưởng tới Trung sĩ Goldsmith hơn mong đợi, người đang định tìm kiếm những ngôn từ thẳng thắn và thô lỗ để sử dụng với kẻ trắng hoa kia, gã Brooks bắt cá hai tay ngay trước mặt vợ mình, khi cô va phải Bal Bhattacharya ở tầng dưới, mát mẻ và chẳng phải mồ hôi nhễ nhại vì nỗ lực triệt để nhưng vô ích với hàng xóm của mẹ Ben Miller nhằm tạo ra bằng chứng ngoại phạm cho hẳn ta. Phải chăng có gì đó trong cái tín ngưỡng cũ kỹ kia rằng những người da đen ít chịu ảnh hưởng của sức nóng hơn người da trắng? Cô cảm thấy máu chạy rần rần lên mặt, khiến cô nóng hơn bao giờ hết. Đây có lẽ là ý nghĩ phân biệt chủng tộc nhất mà cô từng có!

“Quay trở lại đường Mill, sau đó, Trung sĩ Bhattacharya ạ,” cô nói khá mạnh mẽ, quên đi cách anh gọi mình là Hannah khá thân mật sáng nay.

“Phải, tôi đang nghĩ đến việc hỏi thằng cha đó mà không khiến người vợ nghi ngờ.”

Lý lẽ của Hannah rằng nỗi hoài nghi của vợ Brooks sẽ sớm trôi dạt, nhạt dần trên môi cô. “Đó cũng là cảm giác của anh, đúng chứ? Rằng chúng ta nên tiếp cận nhẹ nhàng một chút?”

“Ờ, đúng thế. Ý cô ‘cũng’ là sao? Ai đó cũng đưa ra chỉ dẫn tương tự à?”

“Sếp,” Hannah nói.

Chiếc xe hiệu VW màu đỏ của John Brooks đang đậu lù lù ở trên đường, nơi Henry Nash đã mô tả. Nhưng chẳng có ai ra mở cửa dù họ đã nhấn chuông và đập mạnh búa gõ cửa liên tục. Cửa trước mở rộng để đón gió mát, và Lydia Burton ra nói với họ rằng không có ai ở nhà cả. Nhà Brooks đã ra ngoài ăn mừng kỷ niệm ngày cưới. Họ đi bằng taxi mười phút trước và đến một nhà hàng ở Myringham.

“Để John có cơ hội được uống rượu, các vị biết mà,” Lydia Burton nói.

“Thật kinh khủng,” Hannah nói khi cô ra khỏi tầm nghe, “làm thế nào lại tồn tại những kẻ hai mặt như vậy nhỉ. Ăn mừng kỷ niệm ngày cưới vào buổi tối và ôm ấp một người đàn bà khác vào ban đêm, bởi vì bản chất của hắn ta là như thế.”

“Chưa tệ bằng giết người,” Baljinder nói và sau đó với giọng của một sĩ quan cấp trên, “‘Ôm ấp’ không phải là một từ dễ chịu mà một phụ nữ đẹp có thể nói ra.”

Nếu có ai đó ở vị trí của Bal khiến trách cô như vậy, Trung sĩ Goldsmith sẽ tổng xỉ vả vào mặt gã ta, nhưng cho dù được gọi là xinh đẹp, điều đã xoa dịu cô hay đơn giản là vẻ đẹp và phong cách không thể chối cãi của Bal - cô không rõ - cô chỉ im lặng, nhìn anh, hy vọng anh sẽ mỉm cười và bất thành linh anh cười thật.

“Đi thôi, Trung sĩ,” anh nói. “Có một quán rượu trên con đường này tên là Lamb and Flag. Tôi sẽ đưa cô đến đó và mời cô đồ uống.”

Anh đang nghĩ đến việc về nhà. Sylvia đã đi có việc, để lại đám nhóc cho chị mình. Lương tâm đang vấn tội anh về cuộc gặp gỡ cuối cùng của

họ. Anh đã cư xử không tốt với Sylvia (mặc dù còn đỡ hơn Dora) và con bé không làm gì cả, cũng chẳng định bào chữa cho điều đó. Khi nhìn thấy con gái, anh đã muốn làm lành với nó, dĩ nhiên không thay đổi quan điểm của mình nhưng sẽ nhẹ nhàng và tỏ ra cảm thông hơn. Anh nên hãnh diện, nên tự hào, anh tự nói với bản thân, rằng những cô con gái của anh sẽ để ý đến những gì bố chúng nói. Con gái người khác, theo những gì anh thấy, đều không quan tâm đến quan điểm của bố mình.

Nhiệt độ đang hạ xuống. Anh đến bên cửa sổ và nhìn dọc theo Kingsmarkham tới phía tây, nơi những ánh mặt trời còn sót lại dần chìm vào những khoảng hẹp giữa những đám mây gần như đen kịt. Một đàn chim sáo đá bay lên từ những cánh đồng nước ngọt ở Kingsbrook và xuất phát theo đội hình hoàn hảo qua những ngọn cây. Anh nghe thấy tiếng mở cửa sau lưng, quay lại và thấy Burden.

“Tôi đang nghĩ đến việc về nhà,” anh nói.

“Anh có thể sẽ nghĩ lại khi nghe những gì tôi sắp nói. Một cô gái khác đã mất tích. Cô ta hai mươi một tuổi, làm việc tại cửa hàng lưu niệm ở High Street gọi là Gew-Gaws. Cô ta sống cùng với bạn trai ở một căn hộ bên trên cửa hàng. Cô ta tên là Megan Bartlow.”

“Bartlow, Bartlow... Tôi đã nghe thấy cái tên này ở đâu rồi nhỉ? Thực sự là gần đây tôi có nghe đến...”

Burden phớt lờ anh. “Chúng ta không có lý do gì để nghĩ rằng có bất kỳ mối liên hệ nào giữa cô ta và Amber Marshalson. Cô Bartlow này hóa ra không bị tổn hại gì. Đây là một kế hoạch tình ranh, không ai biết chính xác cô ta mất tích khi nào hay cô ta có thể đi đâu hoặc thậm chí có phải đơn giản chỉ chạy theo một gã khác. Bạn trai cô ta và người mẹ đang ở tầng dưới. Họ đến trình báo cô ta mất tích. Tôi không biết nhưng nếu anh muốn thì...”

“Tôi nhớ rồi,” Wexford cắt ngang. “Bartlow không phải là một cái tên phổ biến. Anh đã sai khi nghĩ rằng không có lý do gì để liên hệ cô ta với Amber Marshalson. Amber có hai người bạn là chị em gái của nhau. Lara và Megan Bartlow.”

Thay vì phòng vắng trong những căn phòng ảm đạm khác, Trung sĩ Camb đã đưa họ vào “căn phòng gia đình” mới lập ra ở đồn cảnh sát Kingsmarkham. Căn phòng này, theo lời của Wexford, được ra đời từ ý tưởng của Hannah Golsmith và sự ủng hộ thật lực của Cảnh sát trưởng. Một kho lưu trữ những tài sản thất lạc, có diện tích chưa đến 1 x 10 feet, chỉ có duy nhất một cửa sổ gác mái nhỏ, nhưng lại được bù đắp vào không gian trống vắng và bí bách bằng những đồ nội thất trang trí sinh động. Tấm thảm dệt thô màu xanh ngọc bích đậm, ba chiếc ghế bành nhỏ nhắn có ba màu khác nhau và cái thứ tư thì có sọc xanh vàng. Một bức tranh đủ lớn để che phủ mặt tường chủ yếu pha trộn giữa màu đỏ san hô và đỏ thắm mà theo mô tả của Wexford, nó trông giống một lò mổ vào giờ đóng cửa chiều thứ Bảy. Anh đã gợi ý Cảnh sát trưởng rằng những hộ nộp thuế hội đồng ở Kingsmarkham nên được mời đến tham quan nơi này để chiêm ngưỡng thứ họ đã phải trả tiền. Trong khoảnh khắc, anh thấy mình đã quá nghiêm túc.

Anh thấy bạn trai của Megan Bartlow và mẹ cô ta đang ngồi cạnh nhau, anh ta ngồi trên ghế màu vàng còn bà mẹ ngồi trên chiếc màu đỏ, đối diện với bức tranh trải dọc theo một cái bàn bằng nhựa trắng, chất đồng những phụ trương màu mè cũ kỹ từ những tờ báo Chủ nhật. Không ai trong số họ làm xáo trộn thứ tự ngăn nắp đó, căn phòng gia đình trông như thể được sắp đặt bởi một người nổi tiếng (một gã dân địa phương hiện đang chơi cho Manchester City). Hai người kia có vẻ bằng tuổi nhau, đều gần năm mươi. Mẹ của Megan là một phụ nữ gầy gò, hốc hác với mái tóc nhuộm vàng xòa quá vai và khuôn mặt được trang điểm lộng lẫy như kiểu đồ nội thất với

cùng một sắc thái. Người bạn trai - một loại “con rể theo thông luật,” như Wexford đã nói với Burden lúc trước - ăn vận trông giống kẻ côn đồ thế kỷ XXI trong lễ hội hóa trang. Tóc anh ta màu xám, dài và buộc đuôi ngựa. Anh ta đeo cả tá khuyên xỏ trên vành một bên tai và một cây Thánh giá bằng bạc hay kim loại màu trắng treo lủng lẳng giữa phần tam giác của bộ ngực lông lá màu xám lộ ra sau chiếc áo vest trắng bẩn thỉu. Những hình xăm dữ tợn màu đỏ, đen và xanh bông cải bao phủ cả cánh tay. Anh ta mặc cái quần bó sát với vài vết sần ở viền và hai lỗ rách trên hai đầu gối ở ống quần.

Wexford nói một cách lịch sự, “Chào buổi tối,” và hỏi tên của họ.

Mẹ của Megan dường như đã quên bếng cái họ Bartlow từ lâu và không nhớ nổi nữa. “Lapper, Sandra Lapper,” bà ta nói và rồi, “Ôi lạy Chúa, không phải. Tôi bị mắc chứng mau quên. Là Warner vì tôi đã kết hôn với Warner tuần trước. Thật ngốc nghếch!.”

“Tên tôi là Keith. Keith Prinsip.”

Người đàn ông có khuôn mặt đen thui, nhăn nheo với một cái miệng rộng nhưng môi mỏng và đôi mắt ti hí bên dưới hàng mi trông như cái mũ có màu nho đen. Anh ta tựa vào ghế, một chân vắt chéo lên đầu gối bên kia, mím môi và huýt sáo không ra tiếng với chính mình. Bà Warner lục lọi trong một chiếc túi xách màu đen trang trí bằng nhiều dây đai lẫn khóa mạ vàng và đưa ra một bức ảnh được bọc trong giấy bóng. Burden tiếp nhận bức ảnh, xem xét kỹ rồi đưa qua Wexford. Vẻ ngoài của Megan giống như hiện thân cho sắc đẹp của tuổi trẻ, mũi to và cằm nhỏ. Cô ta có một mái tóc vàng rất dài và thẳng, với phong cách trang điểm giống hệt bà mẹ.

“Bà có một cô con gái nữa tên là Lara phải không, thưa bà Warner?” Wexford hỏi.

“Làm sao anh biết?”

Cảnh sát sẽ chẳng bao giờ trả lời những câu hỏi như vậy. “Hãy kể cho tôi chuyện gì đã xảy ra.” Wexford nhìn từ người này sang người khác, không có ý định chỉ ra ai trong số họ là người phải kể. Sandra Warner nhìn Keith Prinsip và Prinsip lại tiếp tục huýt sáo không ra tiếng nhưng chẳng nói câu

nào. “Được thôi,” Wexford nói. “Vì anh và cô Bartlow sống cùng nhau, anh Prinsip, có lẽ anh nên nói.”

“Cha tôi đã chết,” Prinsip bắt đầu nói. “Tôi phải tới đó để tham dự lễ tang và khi đến đó, ông thấy đấy, tôi đã ngủ lại nhà em gái tôi, người cha tôi sống cùng, được chưa?”

Gắng kiềm chế để không thốt lên rằng chuyện đó chẳng “được” tẹo nào, Wexford hỏi anh ta “tới đó” là tới đâu và thời điểm anh ta đang nói đến.

Giống như bao người khác cùng cảnh ngộ, Prinsip dường như không thể hiểu ra hoàn cảnh của gia đình anh ta cũng như chi tiết về cuộc sống hằng ngày của anh ta không nên nói ra cho bàn dân thiên hạ biết. Anh ta hỏi một cách ngờ vực, “Brum, phải nó không? Đúng rồi, Birmingham, phải không? Nơi tôi sinh ra, nơi cha tôi đã sống. Không phải hôm qua. Tôi muốn nói là ngày hôm kia và đêm hôm kia.” Anh ta nỗ lực một cách tuyệt vọng. “Hình như cha tôi mất vào thứ Bảy. Tôi đến đó vào thứ Hai và đám tang tổ chức vào thứ Ba. Tôi quay trở về vào thứ Tư. Đó là ngày hôm qua. Đúng ngày hôm qua không, Sandra?”

“Không nghi ngờ gì là cậu đang bán loạn, Keith ạ.” Sandra Warner nói với Wexford, “Cậu ta đến đó vào ngày Ba một tháng Tám và quay lại vào hôm qua.”

“Cô Bartlow không đi cùng anh à?”

“Meg chưa bao giờ hòa hợp với gia đình tôi. Em gái cô ấy và em gái tôi, chúng đánh nhau như chó với mèo ý.”

“Vậy anh đã rời đi vào lúc mấy giờ ngày thứ Hai? Và lúc đó Megan đang ở đâu?” Burden hỏi. Đây là một công việc khá khó khăn. Nếu tin tưởng vào người đàn ông này thì họ sẽ ở lại đây cả đêm. “Bà Warner?” anh hỏi.

“Cậu đi lúc chín rưỡi, phải không Keith? Thế thì lúc đó Megan đang ở cửa hàng. Nó mở cửa lúc chín giờ. Đúng không Keith?”

Wexford để ý rằng những câu đó phải được chính miệng Prinsip nói ra, bằng không chúng đều vô giá trị. Anh chờ đợi trong khi bà Warner nhắc cậu ta lần nữa.

“Cậu đã chào tạm biệt nó và nói rằng nếu Kath muốn cậu ngủ lại qua đêm thì cậu sẽ gọi nó và nó sẽ xuống trông cửa hàng.”

“Megan làm việc tại cửa hàng Gew-Gaws à?”

“Đúng vậy,” Prinsip nói, khuôn mặt giãn ra. Anh ta cố gắng lần nữa. “Cô ấy làm việc cho Jimmy Gawson. Tôi đã gọi cô ấy khoảng sáu lần vào ngày thứ Ba nhưng cô ấy tắt máy.”

“Anh có thử cố gọi cho cô ta bằng cách nào nữa không? Ý tôi là,” Burden nói, nhận ra người nghe đang chẳng hề để tâm, “anh có cố thử lại không?”

“Có nhưng vô tác dụng.”

“Cậu đã gọi cho tôi, Keith. Rất muộn vào tối thứ Ba, hình như là nửa đêm. Cậu có biết Lee đã nói gì không? ‘Rằng Keith muốn nhớ ra là chúng ta mới cưới nhau’, ông ấy nói.

‘Theo những gì cậu ta biết, anh có thể đang làm chuyện ấy.’” Sandra Warner cười rít lên. “Hãy nghe tôi. Tốt hơn tôi nên giữ mình. Có Chúa mới biết chuyện gì đã xảy ra với Megan và tôi đã cười ra nước mắt.”

“Tôi gọi cho Sandra như tôi đã kể vào ngày tiếp theo vì tôi rất lo lắng.” Lúc này Keith Prinsip không cần nhắc nhở gì nữa. “Ý tôi là, cô ấy có thể đi đâu chứ? Tôi quay trở về từ Brum vào tầm giờ ăn tối ngày hôm qua, trong khoảng mười hai giờ đêm đến một giờ sáng, và không thấy tăm hơi cô ấy đâu cả.”

“Không thể nào, Keith. Con bé chắc chắn phải ở cửa hàng.”

“Cô ấy không có ở đó, Sandra.” Cuộc phỏng vấn trở thành cuộc đối thoại giữa hai người bạn họ. “Điều đầu tiên tôi làm là đi xuống đó. Jimmy, chủ cửa hàng, đã hỏi, ‘Megan đâu rồi?’. Câu đầu tiên anh ta nói với tôi như vậy. ‘Megan đâu rồi?’”

“Keith quay lại chỗ chúng tôi và đi ăn tối cùng Lee. Chúng tôi nói rằng, ý tôi là bao gồm cả Lee, chúng tôi sẽ đợi thêm một ngày nữa, và nếu con bé không xuất hiện, chúng tôi sẽ... ừm, chúng tôi không biết nhưng chúng tôi sẽ phải làm gì đó.”

Wexford và Burden nhìn nhau, cả hai rơi vào im lặng vì những thông tin lặp đi lặp lại và hoàn toàn vô nghĩa này. Thực sự thì Sandra Warner còn nhớ

lại thông tin có ích hơn một chút. Wexford hỏi bà ta rằng con gái bà ta, Lara, có sống cùng nhà với bà ta không và hai chị em họ có hòa thuận không.

Trong khi đó, Burden đi lấy một mẫu đơn trình báo người mất tích.

“Anh muốn biết về đứa con gái khác của tôi để làm gì? Lara không bị mất tích, ờn Chúa.”

“Cô ta là bạn của cô gái đã chết, Amber Marshalson,” Wexford nói, không thể tránh được phải giải thích.

“Không thể nói là bạn được. Không phải bạn.” Bà Warner trông như bị xúc phạm.

“Là bạn bè, tôi chắc chắn với bà là thế.” Wexford không có tí chắc chắn nào về việc anh nói là đúng nhưng anh đã nói gần gần như vậy. “Cô ta và Amber đã đến Frankfurt cùng nhau.”

Là dự cảm hay điều tra, điều thứ nhất anh gần như đoán đúng nhưng điều thứ hai hoàn toàn sai. “Không phải Lara. Là Megan. Và nếu con bé làm vậy thì sao chứ?” Sandra Warner nhanh chóng phản bác lại. “Đó không phải là phạm pháp, đúng không? Tôi thậm chí còn không biết cái đấu trường đâm máu ấy ở đâu. Một nơi nào đó dùng tiền Euro chẳng.”

Đó có thể là phạm pháp, Wexford tự nói với bản thân. “Tôi muốn nói chuyện với Lara vào ngày mai. Cô ta đi làm lúc mấy giờ?”

“Con bé không đi làm. Hình như nó đang học chương trình đại học. Trường Stowerton Business, đó không phải là trường đại học, chỉ là cao đẳng thôi.”

“Tôi sẽ gặp lại bà và cô ta vào ngày mai. Đến lúc đó, chúng ta có thể đã có chút thông tin về Megan.”

Burden quay lại với mẫu đơn và đứng nhìn hết người nọ đến người kia, không biết ai sẽ khai vào đây.

“Đưa cho tôi,” Sandra nói. “Đưa cho Keith chẳng nước non gì đâu. Cậu ta quên kính ở nhà rồi.” Bà ta nháy mắt lia lịa với Burden khi anh giải thích tín hiệu này như ám chỉ Keith không có khả năng đọc. Bản thân Keith chẳng hề thể hiện sự xấu hổ vốn có của việc thất học nhưng lại tiếp tục huýt

sáo, lần này thì không im tiếng nữa mà là một giai điệu mơ hồ và nhẹ nhàng của bài “Can’t Buy Me Love.”

Đã muộn. Wexford chào tạm biệt Burden và đi bộ chậm rãi về nhà. Megan đã chết, anh có dự cảm chắc chắn như vậy và nhận thức này khiến cuộc phỏng vấn kia chỉ giống như một trò hề - điều mà nếu đặt trong hoàn cảnh khác thì anh sẽ chẳng bao giờ nghĩ đến. Cô ta chết vì có quen biết với Amber Marshalson, cụ thể hơn là vì cô ta có liên quan đến chuyến đi mà Amber hoặc cả hai người họ, một lúc nào đó trong cuộc hành trình, đã thảo luận chuyện tiết lộ danh tính những người đã trả tiền cho mình. Hoặc là, anh sửa lại giả thuyết này, Megan đã đe dọa khai ra những người phải chịu trách nhiệm cho cái chết của Amber. Rất có khả năng là vậy. Không ai đến Frankfurt vào ngày nghỉ. Người ta chỉ đến đó vì hội thảo, gặp gỡ đối tác hay chuyển máy bay. Amber và Megan đã đến đó để vận chuyển cái mà họ, hoặc một người trong bọn họ, buôn lậu sang Đức, có thể, là tới Viễn Đông.

Dường như không có gì có thể ảnh hưởng đến bộ óc dần dần của Keith Prinsip - một cái tên Serbia, tên các sát thủ của Thái tử Ferdinand - nhưng anh nghĩ một cách kinh hoàng về tác động của nó lên Sandra Warner vui tính, rõ ràng đang hạnh phúc với cuộc hôn nhân mới của mình, khi mà điều tồi tệ nhất vẫn chưa xảy đến với bà ta. Nó sẽ khiến bà ta bị tổn thương một cách toàn diện.

Anh về đến nhà và nhìn thấy xe của Sylvia đậu bên ngoài. Rất vui - anh không thể ngăn cảm xúc này - nhưng cũng thất vọng, anh tự nhủ với bản thân phải thoải mái hơn với con bé, phải đối xử tốt với nó, không trách cứ thêm nữa. Anh đi vào đại sảnh và nghe thấy âm thanh không mấy chào đón, không phải từ Sylvia hay vợ anh. Trong khoảnh khắc, anh không xác định được nhưng vẫn mở cửa, đi vào và bắt tay với Naomi Wyndham, người có lẽ anh đã từng gặp một lần trước đó. Cô ta là một phụ nữ mảnh mai, nhỏ nhắn khoảng tầm ba mươi lăm tuổi với mái tóc đỏ dài có thể khiến Rossetti xuất khẩu thành thơ. Có cái gì đó khiến Wexford thấy khó chịu trước sự thân mật giữa những người vợ cũ với bạn gái hiện tại hay giữa người chồng cũ với người tình một thời của vợ, nhưng khi xem xét lại cảm xúc của mình, anh phải thừa nhận rằng sự bất hòa và giận dữ sẽ trở nên nặng nề hơn nhiều.

Dora cảm thấy điều đó mạnh mẽ hơn anh. Dường như cô từ chối con gái và tất cả những ai có liên quan đến nó. Khi Wexford đi vào, cô đang nói với Sylvia bằng một giọng lạnh tanh rằng cô nên quay lại và làm hòa với người phụ nữ đang ngồi cạnh Ben và Robin. Cô khó mà hiểu được, cô nói, tại sao Sylvia lại thay đổi ý kiến khi có liên quan đến vấn đề và chi phí thuê người giữ trẻ. Với anh, cô đã trở nên thật gay gắt. “Naomi rõ ràng quá để tâm đến đứa trẻ sơ sinh, Reg, đến nỗi mà cô ta trông chừng Sylvia một cách đầy sở hữu. Kiểm tra xem liệu con bé có uống bất kỳ chất có cồn nào và có uống hết vitamin không?”

Sylvia có vẻ không hài lòng, gần như nổi đóa.

“Cô xem đây, tôi không thể ngừng tưởng tượng bản thân mình đang mang đứa bé,” Naomi nói. “Ý tôi là, tôi biết không phải thế nhưng cứ giả vờ như thế. Sylvia cảm thấy nó đập - chà, con bé hoặc thẳng bé - cô sẽ không biết trước giới tính của nó, tôi không biết tại sao - và tôi tưởng tượng là mình cảm nhận được nó. Chà, còn hơn cả tưởng tượng, mà thực sự là thế. Sáng nay, tôi thực sự cảm thấy đôi chân của đứa bé đang đập nhẹ nhàng.”

Sylvia nói bằng giọng không hài lòng chút nào, “Tưởng tượng cũng được. Nhưng cô không thể cảm thấy nó. Cô không biết nó như thế nào đâu.”

“Tôi biết quá rõ điều đó, Sylvia, và đây là bi kịch của tôi. Nhưng tôi chuẩn bị chào đón nó bằng cách cố gắng cảm nhận những gì cô cảm nhận. Khi cô đi đẻ, tôi thề rằng mình sẽ rất đau đớn.”

“Những người chồng ở vùng biển phía Nam cũng vậy,” Wexford nói. “Họ vào một túp lều và mô phỏng các cơn đau của vợ. Người ta gọi đó là ồm nghén thay vợ.”

“Đáng yêu làm sao,” Naomi thổ lộ. “Tôi sẽ ồm nghén thay cô khi đến lúc.”

“Tại sao tất cả chúng ta không uống chút gì đó nhỉ?” Wexford vội vàng nói, mong Sylvia sẽ từ chối.

Con bé làm anh ngạc nhiên với một lời chống đối, “Con sẽ uống một ly vang trắng, thưa bố. Naomi sẽ kiêng cho con, vì vậy cô ấy có thể lái xe đưa con về nhà.”

Sau khi họ rời đi, anh đặt lưng xuống ghế bành bên cạnh những cửa sổ phòng khách mở toang. Một làn gió nhỏ ủa đến, lần đầu tiên trong nhiều tuần qua. “Có lẽ thời tiết đang thay đổi,” anh nói. Cốc bia lạnh trên tay làm anh hồi tưởng, một cách kỳ cục, về niềm vui được nắm chặt một cái máy tản nhiệt trong một ngày tuyết rơi tháng Một. “Nếu mình là Sylvia, cô gái đó sẽ làm mình điên mất.”

“Cô ta sẽ bù lu bù loa lên việc giờ cô ta đang ốm nghén hộ và chính anh đã gợi ý điều đó cho cô ta,” Dora nói.

“Neil đâu rồi?”

“Cố gắng hết sức để không xen vào chuyện này nếu cậu ta có chút nhận thức nào.”

Sau đó anh nằm trên giường bên cạnh Dora, đắp một phần chăn, nghĩ về cô gái đã chết và một cô gái khác có thể cũng đã chết cùng số tiền mà vì nó, họ đã phải trả một cái giá quá đắt.

Sáng sớm là thời khắc tuyệt vời khi thời tiết rất dễ chịu và sức nóng đã tan đi từ nhiều giờ trước. Hannah từng được dạy ở trường là tại sao sương đọng trên cỏ vào những buổi sáng thế này nhưng cô đã quên mất những gì mình học được. Trong một đợt hạn hán kéo dài như vậy, cô thấy lạ là ở đây lại có nhiều nước tưới cho đám cỏ vệ đường đến thế, những giọt lấp lánh kết thành chuỗi ngọc trai dọc theo thanh rầm ở cổng nhà Brooks.

Xe của Brooks đậu sát lề đường và có một màn sương mờ trên kính chắn gió. Vẫn chưa đến bảy giờ sáng.

Cô đi một mình, với ý định cứng rắn - một ý định rất không thích hợp cho một trung sĩ thám tử đầy tham vọng - rằng cô không thể lồi Bal dậy vào giờ này khi anh đã mua cho cô hai ly Camparis và soda vào buổi tối hôm trước, nhịn uống rượu để tỉnh táo đưa cô về nhà rồi chia tay cô bằng một nụ hôn nhẹ nhàng lên má. Cô có thể gọi cho Brooks nhưng sau khi đã gọi vài lần vào nhiều ngày trước đó, cô chắc rằng một cái máy trả lời tự động sẽ nói

chuyện với cô chứ chẳng có ai hồi âm cả. Cô bấm chuông cửa nhưng không thấy ai ra. Cô liên tục gõ cửa, bấm chuông lần nữa và lần này một thanh niên với mái tóc xoăn ướt tối màu cùng khuôn mặt trẻ con hiện ra ở cửa.

Anh ta cầm một chiếc khăn tay và đang lau đầu, nói, “Cô là ai? Sao lại đến giờ này?”

“Trung sĩ thám tử Goldsmith, thưa anh Brooks.”

Hannah chìa thẻ công vụ ra và đặt một chân vào ngưỡng cửa. “Tôi muốn nói chuyện với anh và anh đúng là một người khó gặp.”

“Cô muốn nói chuyện với tôi bây giờ ư? Tôi đang chuẩn bị đi làm.”

“Tôi cần nói chuyện với anh về một vấn đề cấp bách.” Cô có thể thấy giọng mình lạnh lẽo và sắc bén dần. “Bây giờ thì tốt nhưng nếu không thể, tôi đề xuất một cuộc hẹn để nói chuyện này càng sớm càng tốt. Tôi sẽ để anh chọn địa điểm vào lần gặp tới. Theo thông tin chúng tôi nhận được, anh có sở thích lái xe ra ngoài vào ban đêm - cụ thể là vào nửa đêm hoặc trước bình minh.”

“Bịa đặt.”

“Tốt thôi, nhưng chúng ta cần nói chuyện về vấn đề này. Tôi nghĩ là vào lúc bảy rưỡi tối nay.”

Anh ta không nói gì, gật đầu, sau đó nhún vai. “Anh Brooks?”

“Ồ, được thôi. Mặc dù lúc đó không tiện lắm.”

“Tiện cho tôi,” Hannah nói và quay trở lại xe. Cô lái xe tới ngã tư và đợi, giả bộ như đang đọc sổ tay. Năm phút sau, xe của Brooks chạy vụt qua, hướng về phía Kingsmarkham.

Lara Bartlow rất coi trọng khóa học về kỹ năng kinh doanh của mình ở trường Bách khoa Stowerton. Trong phòng khách của căn hộ thuê chung cùng với Sandra cho đến khi Lee Warner chuyển đến, cô đang cho những tập tài liệu và sách vào trong cặp thì Wexford và Trung sĩ Goldsmith đến. Không thấy Warner đâu, chắc ông ta đang ngủ. Mùi nồng của thịt lợn xông khói chiên lan ra khắp căn hộ. Lara ăn vận theo phong cách công sở, một bộ com lê đen với áo sơ mi trắng và giày đế bằng “tinh tế”. Cô ta dùng giọng điệu của sinh viên năm thứ sáu đang đợi chứng chỉ A Level. Nếu cô ta đã đi

cùng Amber trong kỳ nghỉ mát, anh sẽ ít ngạc nhiên hơn nhưng đi cùng Amber lại là người chị, bạn gái của Keith Prinsip.

Thực sự thì, kỳ nghỉ đã kết thúc rồi, đúng không? Đi công tác thì hợp lý hơn.

“Tôi không muốn đến trễ,” cô ta nói ngay từ đầu.

“Chúng tôi sẽ đưa cô đến trường, cô Bartlow,” Hannah nhấn mạnh để trấn an cô ta. “Đây không phải là xe cảnh sát.”

Không lạ gì với cảnh sát, anh chắc chắn, gia đình Bartlow-Lapper-Warner trước giờ đều có những cô gái có một khoảng thời gian sống ngoài vòng pháp luật như: trộm ít đồ, thỏa thuận gian lận lừa đảo, lái xe không có bảo hiểm, đại loại vài thứ như vậy. Đối với Lara, cảm giác được tôn trọng có lẽ bao gồm cả việc không phải nhìn thấy những phương tiện kẻ caro xanh lam và đỏ hạc của Sở mật vụ Mid-Sussex ở bất cứ đâu trong vùng lân cận. Tuy nhiên, có lẽ anh là người không công bằng. Cô gái này giản dị, theo cách nói cổ điển là đi lên bằng nỗ lực của bản thân. Anh hỏi bằng cách nào cô ta biết Amber Marshalsen.

“Chúng tôi học cùng nhau.”

“Ben Miller cũng thế à?”

“Đúng vậy, có cả tá những kẻ đua đòi xung quanh đây nhưng Amber không về phe nào cả. Nếu không có vẻ ngớ ngẩn trong thời đại ngày nay, cô ấy sẽ được vú em của tôi gọi là một quý cô thực thụ. Trái tim tôi đau nhói khi biết chuyện đã xảy đến với cô ấy.”

“Tôi nghĩ thông qua cô,” Wexford nói, “cô ta đã gặp chị cô là Megan?”

“Vâng, đúng thế. Một đêm, chị ấy đến câu lạc bộ Bling- Bling cùng tôi và Amber cũng ở đó. Chỉ có chị ấy thôi, không có Keith.” Cô ta ngập ngừng rồi nói tiếp, “Xem này, Megan sẽ ổn nếu chị ta bỏ gã kia.”

Cô ta sẽ tránh xa anh ta bắt đầu từ bây giờ, Wexford nghĩ thầm. “Cô không quan tâm đến anh ta à?”

“Một kẻ hèn hạ vô công rồi nghề,” Lara nói một cách thù địch. “Hắn ta dụ dỗ chị ấy. Hắn ta khiến chị ấy làm những thứ mà trong mơ chị ấy cũng không dám làm lúc còn ở cùng mẹ con tôi.”

“Những thứ kiểu gì?”

“Nếu ông muốn biết, đi mà hỏi chị ấy. Tôi sẽ không kể gì về chị mình. Và tôi phải đến trường - bây giờ.”

Khi họ đi ra xe, sức nóng đã bắt đầu lan tỏa, nhiệt độ chắc chắn sẽ tăng lên, không khí vẫn yên bình, những chiếc lá cây trên vỉa hè rung rinh. Thời gian ban đêm không đủ dài hoặc không khí ban đêm không đủ ấm để chúng hồi sinh được.

Hannah hỏi tiếp, “Tại sao chị cô và Amber đến Frankfurt?”

“Đừng hỏi tôi. Có thể đó là một chuyến bay giá rẻ hoặc cái gì đó.”

“Cô nghĩ chị cô hiện đang ở đâu, Lara?”

“Bỏ đi cùng ai đó chị ấy đã gặp và rời xa Keith, tôi hy vọng thế.”

“Suy nghĩ một cách nghiêm túc,” Wexford nói, “cô có nghĩ cô ta sẽ làm thế và không liên lạc gì với cô hay mẹ cô không?”

“Chúng ta đến nơi rồi. Đây là trường tôi.” Lara ra khỏi xe, Wexford lưu ý, theo cái cách mà phụ nữ hiếm khi thể hiện vào thời đại này nhưng lại rất quý phái. Hai đầu gối cô ta ép sát vào nhau, hai chân đưa ra khỏi chỗ ngồi, đặt xuống đất và đứng dậy, tất cả mọi chuyển động đều duyên dáng. “Nghe này, có thể chị ấy sẽ làm vậy. Ý tôi là, chị ấy không hề nói với tôi về một gã khác nhưng đó là cách chị ấy quen Keith. Chị ấy đang gặp gỡ một gã tử tế và điển trai nữa, wow, giống như Jude Law vậy và rồi đến một ngày, chị ấy... chà, biến mất. Hóa ra, ồ, bốn hoặc năm ngày sau đó đều có Keith theo sau. Chị ấy nghỉ làm một tuần và tự đến Brighton để tìm kiếm anh ta và đem anh ta về. Đó là chuyện từ ba năm về trước.”

Họ nhìn cô gái bước vào tòa nhà qua các bậc tam cấp, một tuýp con gái thừa tự tin để biết mình đang đi đâu và làm cách nào để đến đó.

“Giờ thì chúng ta bắt đầu tìm kiếm chị cô ta thôi,” Wexford nói.

Bal cực kỳ sẵn lòng đi cùng Hannah. Dĩ nhiên, nói một cách chính xác, anh phải đi nếu cô bảo anh đi, nhưng cô đã nhận ra vẻ nhiệt tình thật sự khi cô nhìn anh. Anh không đi cùng cô vì nhiệm vụ công việc mà bởi anh thích bầu bạn cùng cô và - cô rất đẹp, đây là điều chắc chắn - nhìn cô rất gợi cảm. Chà, cô thật sự xinh đẹp, không khó khăn gì để nói với bản thân mình, khi cô bước vào nhà vệ sinh dành cho nhân viên nữ, chải mái tóc dài, xịt một chút Chanel Chance và tô son bóng. Như những gì phần lớn đàn ông đã nói với cô, cô thực sự vô cùng ưa nhìn. Hơn nữa, cô thuộc tuýp người mà Bal có lẽ kỳ vọng đến mức ngưỡng mộ. Với làn da ô liu, đôi mắt nâu tối sẫm và mái tóc màu hạt dẻ đậm, người ta có thể nhầm cô với một phụ nữ gốc Ấn - ờm, miền Bắc Ấn xa xôi. Và giờ, Hannah thì thầm với chính mình rằng đó gần như là phân biệt chủng tộc.

Cô nhón chân đi qua phòng hội nghị khi Wexford đang bận ứng phó với giới truyền thông. Không còn đường khác để ra ngoài. Lời kêu gọi của anh đang được truyền hình trực tiếp trên bản tin địa phương lúc sáu giờ ba mươi. Cô nghe anh nói, “Megan Bartlow đã mất tích hơn bốn mươi tám tiếng. Chúng tôi đang rất lo cho sự an nguy của cô ta. Nếu có ai biết...”

Nhẹ nhàng đóng cánh cửa lại phía sau, Hannah đi ra ngoài, để lọt vào ánh sáng lung linh, rực rỡ của một buổi tối nóng nực khác và thấy Baljinder Bhattacharya đang ngồi đợi mình sau vô lăng. Ngay khi nhìn thấy cô, anh bước ra khỏi ghế lái, vòng qua và mở cửa bên ghế hành khách cho cô. Nếu chúng ta không phải làm vụ này, cô nghĩ, chúng ta có thể đi đâu đó ăn uống, không phải ở Brimhurst Prideaux đẫm máu, mà có thể ngồi dưới ánh trăng -

không phải vì em cần ánh trăng - và em cá là chúng ta có thể ân ái với nhau ở căn hộ của em lúc mười giờ.Ồ, cô cực thích một người đàn ông gầy với vùng bụng hơi lõm và nét mặt nhìn nghiêng giống như con chim ưng đang rải cánh dọc theo những đồng bằng ở Punjab... Tiến lên nào, Hannah, để chúng ta được ở cùng nhau. Cô ngồi vào trong xe.

Chiếc VW màu đỏ của John Brooks không thấy đâu nhưng như vậy cũng chẳng có gì ngạc nhiên cả. Mới có bảy giờ kém mười. Hannah bấm chuông cửa và Gwenda Brooks ra mở. Trên mặt cô ta hiện lên vẻ chuyện-gì-nữa-đây.

“Chúng tôi muốn nói chuyện với chồng cô.”

“Nửa giờ nữa, anh ấy sẽ về đến.”

“Chúng tôi sẽ vào ngồi đợi,” Hannah cương quyết.

“Anh ta đang chờ chúng tôi. Tôi đã đặt lịch hẹn với anh ta.” Cô nhìn đồng hồ. “Mười hai tiếng trước.”

Dường như Gwenda Brooks không biết điều này nhưng vẫn lùi lại để Hannah và Bal tiến vào trong và chỉ họ phòng khách mà họ đã từng được mời vào trước đó. Gwenda Brooks là một trong những phụ nữ không thích đồ trang trí và tranh ảnh bởi vì chúng cần phải bụi, cô ta thích dùng màu be trang trí nội thất. Ở trên tấm thảm có ba tấm gỗ và giấy dán tường, tông màu của nó phẳng phất chút gì đó giữa màu bánh quy và cà phê latte.

Các cửa sổ được mở rộng nhìn ra khu vườn nhỏ trước kia từng là một bãi cỏ. Khu vườn gần đây được che phủ bởi một sàn gỗ hợp với những ngôi nhà ven biển Malibu hơn là ngôi nhà gỗ ở Sussex. Trong khuôn viên chật hẹp xung quanh, khu vườn lộ ra vẻ tẻ nhạt, không có hoa mà chỉ toàn màu xanh. Hannah thường ít để ý đến cảnh đẹp, mà chỉ để ý tới những người đàn ông điển trai, cô thấy bản thân đang tự nhủ rằng, cho dù họ có làm gì đối với căn nhà và khu vườn đi chăng nữa, nhà Brooks cũng không thể tô màu be lạnh lẽo vào cảnh quan lộng lẫy của những ngọn đồi bạt ngàn cây cối rậm rạp bên ngoài hàng rào phía sau nhà họ.

Gwenda Brooks không mời họ uống gì cả. Đâu đó có tiếng radio văng nhẹ êm ái, không phải một bản nhạc mà là giọng đàn ông đang giảng bài một cách rõ ràng. Có lẽ Gwenda không thể chịu nổi sự im lặng. Bất kỳ tiếng

ồn xung quanh nào đều tốt hơn là không có. Cô ta vẫn đang đọc hoặc nhìn vào một cuốn tạp chí màu mè trước khi họ đến và giờ quay trở lại chăm chú vào một hình ảnh trải rộng suốt hai trang báo về một ngôi nhà, phòng ốc và vườn tược.

Có lẽ cô ta ý thức được rằng như thế này là bất lịch sự, cô ta đột nhiên đẩy tờ báo về phía Hannah và nói, “Đây là trang viên của ông Arlen ở Pomfret. Nó có đẹp không?”

Không biết ông Arlen là ông nào, Hannah cầm lấy tờ tạp chí và liếc qua một chút khi Bal, nhận định chắc chắn rằng cư xử tử tế với Gwenda có lẽ chẳng phải là việc xấu, rướn người về phía tờ tạp chí và thể hiện ánh mắt cảm kích vào những bức ảnh mà hẳn cô ta đã thèm thuồng.

“Một ngôi nhà đẹp,” anh nói. “Chính xác nó nằm ở đâu?”

“Ngay bên ngoài Pomfret. Tôi đã từng tới đó.” Gwenda nói vô cùng tự hào. “Thật ngạc nhiên khi mở cuốn tạp chí và thấy những bức ảnh đáng yêu của ngôi nhà cùng khu vườn tuyệt đẹp ấy.”

Một tiếng thét chực nhảy ra khỏi cổ họng Hannah nhưng may mắn cô đã kiềm chế được, chiếc điện thoại reo vang. Gwenda Brooks ra ngoài để nghe điện. Bal nhướn cặp mắt nâu và mỉm cười nhìn về phía Hannah. Hannah cười đáp lại. Cô nhìn đồng hồ lúc đó đang chỉ bảy giờ hai mươi. Rồi Gwenda Brooks quay lại và nói, “Là chồng tôi gọi. Anh ấy phải làm việc muộn. Như vậy, anh ấy sẽ không thể về nhà trước mười một giờ.”

Ngay lúc này Hannah đã nghĩ đến việc hỏi cô ta về những chuyến đi đêm và cô định làm vậy nhưng vẫn liếc mắt một chút về phía Bal. Đó không phải ý khiển trách như kiểu khiển trách “ác độc,” hay cảnh báo, mà chỉ là một cái nhìn dò hỏi ý tứ. Rất nhanh, cô thu ánh mắt đó lại. “Tôi phải nói chuyện với chồng chị, thưa chị Brooks. Anh ta làm việc ở Kingsmarkham đúng không?”

“Các vị không thể đến nhà máy được!”

“Tôi phải làm vậy. Nhà máy đó... ừm, sản xuất cái gì?”

“Họ sản xuất các thiết bị điện. Pallant Smith Hussein, họ gọi thế. Và nó không ở Kingsmarkham, mà ở Stowerton.”

Hai thị trấn chỉ cách nhau một dặm và thậm chí còn gần hơn. “Chị sẽ nói với anh ta rằng tôi sẽ đến đây gặp anh ta vào lúc tám rưỡi sáng mai hoặc tại Pallant Smith Hussein vào lúc mười giờ chứ? Bảo anh ta gọi cho tôi theo số này.” Gwenda Brooks e ngại nhìn số điện thoại di động trên tấm danh thiếp Hannah đưa cho. “Bất kỳ lúc nào trong khoảng từ bây giờ đến tám giờ sáng mai. Anh ta có thể gửi tin nhắn cho tôi.”

Ở ngoài, bên một ngôi nhà, Lydia Burton đang mặc một chiếc váy mùa hè màu xanh trắng, cầm can nước tưới khu vườn khô cằn phía trước. Cô ta cười và vẫy vẫy tay, một cử chỉ vô tội cho thấy cô ta không có gì phải giấu giếm cảnh sát. Không thể gặp được John Brooks cho đến sáng mai, Hannah chợt nảy ra ý nghĩ rằng mình và Bal sẽ có một buổi tối rảnh rỗi. Chẳng có gì bằng một buổi tối mùa hè trong lành và chuẩn bị tâm trạng cho một cuộc làm tình lãng mạn. Không khí ấm áp và dễ chịu, xua đi sức nóng nhạt dần. Bầu trời vẫn trong xanh nhưng ánh sáng sẽ dần lịm tắt khi mặt trời bắt đầu lặn khuất xuống dưới đường chân trời tăm tối. (Chà, dù không phải, Hannah nghĩ, nhưng đó là những gì dường như sẽ xảy đến.) Ngày đã qua và sự mệt mỏi lan tỏa khó mà cưỡng lại được. Giờ là lúc để uống rượu, để nhìn vào mắt nhau, để những bông hoa dần khép nhụy, để đôi bàn tay lần tìm thấy nhau trên mặt bàn, để quyết định cùng nhau đi đến nơi nào đó chỉ có hai người.

Bal mở cửa xe cho cô. Cô có buộc phải hỏi anh không nhỉ? Và chính xác thì định hỏi anh cái gì? Anh khởi động xe, nhìn vào chiếc đồng hồ trên bảng điện tử và nói, “Tốt, cuối cùng thì tôi cũng sẽ không bỏ lỡ lớp tiếng Ấn Độ.”

“Tiếng Ấn Độ?” cô nói yếu ớt.

“Đó là tiếng mẹ đẻ của tôi cho đến khi tôi lên ba. Hiện chúng tôi sống ở đây - ý tôi là, ở Lancashire - nhưng cha mẹ tôi học tiếng Anh và họ quyết định nói tiếng Anh ở nhà chính là cách tốt nhất vì quyền lợi của chị em tôi. Họ không muốn chúng tôi lớn lên với ngôn ngữ đó.”

Giá như cô nói rằng đó là điều bất hợp lý nhất về mặt chính trị.

“Vì thế kết quả là tôi đã quên mất phần lớn tiếng Ấn Độ nhưng tôi thực sự cảm thấy mình có thể thông thạo nó một lần nữa. Với một cộng đồng

người Ấn lớn đến thế ở Anh, cô hiểu mà.”

“Ồ vâng, tôi hiểu. Dĩ nhiên tôi hiểu.”

Không ai nói gì nữa. Anh đưa cô về nhà, căn hộ ở khu chung cư tên là Drayton Court ở đường Orchard.

“Ừm, buổi tối vui vẻ,” cô nói. “Trung sĩ. Ý tôi là, Hannah?”

“Gì cơ?”

“Tôi không biết một sĩ quan có được hỏi một trung sĩ điều này không nhưng cô sẽ đi ăn tối với tôi chứ? Vào thứ Sáu hoặc thứ Bảy? Được không? Tôi không chắc cô gọi đó là gì? Phép xã giao à.”

“Chắc chắn là được rồi, ngài sĩ quan,” Hannah cười phá lên, “và vâng, tôi rất hân hạnh.”

Sau khi tóm tắt xong nội dung cuộc họp báo và những tin tức được đưa ra, Wexford ngồi ở bàn làm việc và nhìn vào danh sách mà Sĩ quan Vine vừa trình lên về những kẻ sử dụng và buôn bán ma túy ở Kingsmarkham lẫn các quận ngoại thành. Dài kinh khủng. Vài kẻ trong số này đã từng bị khởi tố, vài kẻ khác thì bị truy tố nhưng không có tiền án tiền sự và vài kẻ đơn thuần chỉ là trông khả nghi. Anh không thể ngừng hồi tưởng lại quá khứ, khi anh còn trẻ, và trong toàn bộ British Isles thì phải có đến sáu trăm đối tượng sử dụng ma túy có tên trong hệ thống. Hai năm trước, số lượng tay buôn bán ma túy được ước tính sinh sống trong ba thị trấn này và các ngôi làng lân cận, kể cả sau khi cuộc càn quét liên ngành thành công vang dội được tiến hành bởi anh và các đồng đội của mình, anh chắc chắn rằng vẫn còn hơn một trăm tên lọt lưới và nhiều hơn thế nữa đang hoạt động trở lại. Thật vô dụng khi nghĩ theo kiểu đó, vô dụng khi ngẫm lại rằng trong thời thơ ấu của mình, một người đàn ông hay đàn bà sống ở Pomfret hay Myfleet đều có suy nghĩ heroin là một thiếu nữ bước ra từ cuốn tiểu thuyết lãng mạn và cocaine là liều thuốc gây mê được tiêm bởi nha sĩ.

Barry Vine hiện đang lục soát căn hộ bên trên cửa hàng lưu niệm, nơi ở của Keith Prinsip và Megan Bartlow, cùng với Sĩ quan Overton phụ việc. Trung sĩ Goldsmith và Sĩ quan Bhattacharya đang theo dõi mục tiêu tại Brimhurst. Burden đã đi nói chuyện với gia đình Marshalsen để cố gắng tìm hiểu nhiều hơn về mối quan hệ bạn bè mập mờ giữa Amber và Megan. Karen Malahyde vừa mới trở về sau khi ghé qua cửa hàng lưu niệm. Cô nói với Wexford, “Quản lý cửa hàng tên là Jimmy Gawson - do đó đặt tên cửa hàng là Gew-Gaws. Khủng khiếp, phải không?”

“Tôi biết anh ta,” Wexford nói. “Tôi biết anh ta vài năm nay rồi. Đã điều trị cai nghiện rượu.”

“Đúng vậy. Có chuyện này. Anh ta nói mình thường đến cửa hàng lúc mười giờ vào ngày mùng Hai và Megan không ở đó, nhưng có một thông báo ở cửa nói rằng ‘Sẽ sớm quay lại’. Anh ta nói hiện tại anh ta có cảm giác rằng tất cả mọi chuyện đều không ổn nhưng tôi nghĩ đó là sự nhận thức muộn màng.”

“Anh ta không nên có quá nhiều cảm xúc như vậy nếu đây là một vụ giết người.”

“Không, thưa sếp. Gawson cho biết sau khi anh ta đến được vài phút thì có một người phụ nữ xuất hiện và nói rằng bà ta đã ghé vào cửa hàng lúc chín giờ mười lăm nhưng nó bị khóa và có thông báo ngoài cửa. Anh ta không gặp Megan kể từ lúc đó.”

Wexford nhét bản danh sách của Vine vào túi và bước ra bầu không khí mát mẻ tương đối của buổi tối. Một chiếc xe vẫn đỗ trên sân trước, lại một kẻ thích xía mũi vào chuyện của người khác giống Daniel Hilland đã đến đây. Nhưng Wexford không nói gì với Darren Lovelace về chuyện kéo hay xích chiếc xe lại. Anh hoàn toàn chẳng nói gì. Lovelace, một cái tên hay, có khuôn mặt hồng hào trẻ con với môi hồng, mắt xanh, tóc xoăn vàng nhưng mỏng và nét mặt lúc nào cũng mang vẻ ngạc nhiên như một con dơi ăn quả.

“Reggie, bé yêu!”

Nghe còn chương tai hơn so với được gọi là “ngài” nhiều. Nhưng ai cũng hiểu việc này: “Mikey, bé yêu” và “Barry, bé yêu” và nếu ông ta đùng

mặt Phó Cảnh sát trưởng thì rất có thể cũng sẽ là “Sammy, bé yêu”. Wexford nói, “Gì?”

“Chỉ hỏi vài câu thôi.”

“Tôi sẽ nói cho ông tất cả những gì ông cần. Ông chỉ cần ở đó thôi và đó là chỗ của ông.”

“Ô, bạn thân mến,” Lovelace nói, “Tôi hy vọng là anh sẽ không hối hận vì điều đó. Không, đừng nhìn tôi như thế, đừng trưng ra khuôn mặt hờ hững như vậy. Anh nghĩ tôi đang đe dọa anh đấy à?”

“Tôi ra ngoài để hít thở không khí trong lành và tôi lại vớ phải ông.”

“Có vài người yêu quý tôi. Chà, mẹ tôi cũng thế. Không phải anh đang đảo qua đảo lại chuyện nhà Marshalsen chứ? Theo như tôi biết thì anh vẫn chưa đi được tới đâu cả.” Lovelace tiếp tục buồn bã, “Tôi không muốn làm điều này, nó khiến tôi đau đớn hơn cả anh, theo như những gì tôi từng được kể cho nghe từ những ngày mài đũng quần trên ghế nhà trường, tất cả những gì thay đổi hiện nay đều nhờ vào Hiến chương Nhân quyền, nhưng tôi sẽ phải thêm vào một đoạn vì sự thiếu tiến bộ của anh. Tôi là thế mà, Reggie, bé yêu.”

Bình thường khá là khéo léo trong đối đáp, Wexford lại luôn cảm thấy mình bị tước mất trí khôn và thành ra ngớ ngẩn trước những lời bóng gió khi đối mặt với sự công kích từ Lovelace. “Tôi không thể ngăn ông được.”

“Anh có thể không đứng ở những khía cạnh khác, nhưng anh nói đúng về điều đó, anh bạn ạ.”

Sylvia không thể nhớ nổi lần cuối mình nổi giận là khi nào. Cô chỉ vừa mới trở về nhà từ văn phòng, đến trường đón bọn trẻ, và tự thưởng cho bản thân một bình trà. Một nét đặc trưng ở Anh, và có thể chỉ người Anh mới có, là để làm dịu đi một ngày cực nóng, họ sẽ uống một tách trà cũng cực nóng. Sylvia tin rằng điều này sẽ hiệu quả hơn so với uống nước đá hay nước cam, và khi cô đang uống tách đầu tiên thì chuông cửa vang lên. Cô lê thân mình ra cửa trước, nhận thấy mắt cá chân bị sưng, điều chưa từng xảy ra trong hai lần mang thai đầu của cô. Trời ngày càng nóng hơn và cô thì đang già đi, cô nghĩ mà chán nản, rồi mở cửa cho Naomi cùng một người phụ nữ cô nhớ mang máng đã nhìn thấy ở đâu đó.

Lúc đấy là năm rưỡi. Giờ đã là chín giờ và cơn giận của cô đang nhạt dần. Robin và Ben cuối cùng cũng đi ngủ sau khi phàn nàn như thường lệ là quá nóng nên không thể ngủ được, việc chúng có thể nghe thấy tiếng chó sủa, tiếng một con ong đang vo ve ngoài cửa sổ đồng nghĩa với việc chúng không được phép chơi điện tử trong phòng ngủ nữa. Trời đêm toàn là một màu tím và cô có thể thấy rằng “trời đã nhập nhoạng” - theo cách gọi của tất cả mọi người. Một con chim đang hót đầu đó trong đám lá cây khô héo. Một chú chim sơn ca, cô nghĩ, chỉ có chim sơn ca là không hót vào tháng Chín. Naomi đang chơi trò quái quỷ gì thế nhỉ?

Cô ta đã nói, “Chúng tôi có thể vào không, bạn thân mến?” bằng giọng ngọt ngào có chút say mê. Thi thoảng Sylvia hoài nghi làm sao Neil có thể chịu được cái giọng đó nhỉ. “Đây là Mary, Mary Beaumont. Bà ấy sẽ chuyển đến sống ở nhà bên. Cô chưa biết điều này đúng không?”

Sylvia không có sự lựa chọn nào khác ngoài nói xin chào với Mary, một phụ nữ da đen tròn lẳn với nụ cười thân thiện, và mời cả hai vào nhà. Đối với “nhà bên,” khu Old Rectory không có hàng xóm sát vách nào cả. “Ý cô là những căn nhà gỗ ở cuối đường,” Sylvia nói với giọng lạnh lẽo, hồi tưởng lại nơi mình đã từng gặp Mary, và cùng lúc lại xem thường bản thân vì là một kẻ hợm hĩnh.

Họ bước vào phòng khách trông như hang động và ít được sử dụng của nhà một mục sư, mùa đông thì rét buốt còn mùa hè thì mát mẻ, kể cả trong ngày nóng nhất.

Mary ngồi xuống với một tiếng thở dài hài lòng. “Nơi này thật đáng yêu. Giống như có điều hòa vậy.”

Miễn là bà đừng nghĩ rằng mình có thể ở lại đây qua đêm, Sylvia có một ý nghĩ cục cằn. Naomi, chân nhìn như cây gậy và đầu gối giống phần khuỷu tay của một đứa trẻ, đang nhìn chăm chăm vào chân cô.

“Mắt cá chân của cô bị sưng lên một chút đấy, Sylvia. Tôi hy vọng Mary sẽ biết vài điều về chuyện này. Giờ tôi sẽ đi lấy đồ uống, được chứ? Tôi chắc là cô có soda trong tủ lạnh.”

Mặc dù khá kiêng khem trong việc uống các chất có cồn, Sylvia vẫn đang thêm một ly Sauvignon lớn. Cô quay sang Mary. “Ý cô ta nói là gì thế,

bà muốn nói gì à?”

Vốn là người dễ cười, Mary bật lên một tràng cười vui vẻ. Bà ta cười rung cả người, đôi vai và bộ ngực đầy đặn lắc lư. “Tôi là một bà đỡ, cô gái ạ. Hiểu vấn đề chưa? Tôi đến đây là để trông chừng cô.” Căn nhà rất lớn và bếp thì cách đây rất xa nên Naomi vẫn chưa quay lại. “Đừng lo lắng. Cô không có biểu hiện của chứng tiền sản giật^[6].”

“Trông chừng tôi?”

“Tôi không biết tại sao, cô gái ạ, nhưng cô không cần lo lắng. Tôi sẽ không thường xuyên chạy ra chạy vào, chỉ để xem cô có bị sao không. Tôi rất bận rộn, ngoại trừ một điều. Với Naomi, thì cô phải chiều lòng cô ta, được chứ?” Mary không giải thích về việc sao bà ta lại quen Naomi. “Chúng tôi sẽ uống nước - không phải là tôi không thích uống chút gì đó mạnh hơn - và rồi chúng tôi sẽ đi,” bà ta nói. “Khỏi phải gặp lại chúng tôi, cô gái ạ, và cô có thể nhắc chân lên rồi. Những đứa trẻ của cô ở ngoài đó à? Bọn trẻ thật đáng yêu, tôi phải công nhận đấy.”

Đúng như những gì bà ta đã nói, Mary uống hai ngụm nước, đứng dậy với tốc độ nhanh đến ngạc nhiên so với kích cỡ khổng lồ của bà ta và nói rằng chồng bà ta đang đợi bà ta về pha trà. Cái ý nghĩ bất kỳ người phụ nữ nào cũng đều phải cung ứng đồ ăn thức uống cho bất kỳ một người đàn ông nào khiến Naomi thấy sốc và chắc chắn Trung sĩ Goldsmith cũng sẽ thấy thế. Cô ta im lặng và đến lúc cô ta bắt đầu phản đối rằng họ vừa mới đến, thì Mary đã ra tới ngoài sảnh. Cô ta vẫn thốt ra lời cuối cùng.

“Mary sống ở căn nhà gỗ của người đi rừng, Sylvia. Tôi đã viết lại số điện thoại của bà ta cho cô nhưng chắc cô sẽ không cần đến nó vì Mary đã hứa với tôi là sẽ tạt qua thường xuyên.” Sau lưng cô ta, Mary nháy nháy mắt. “Dĩ nhiên là tôi sẽ thường xuyên tới đây để hỗ trợ tinh thần cho cô, ngoại trừ việc xem xét mắt cá chân, phải không?”

Đối với Sylvia, người vốn được thừa hưởng phần lớn tính cách từ cha, điều này thúc đẩy cô duỗi đôi chân, rải chúng ra trước mặt và nhìn chăm chăm vào chúng tận nửa giờ đồng hồ, như trong một số bài tập yoga hoặc thiền định. Cô đã để dành cốc rượu vang cho đến khi trời nhập nhoạng với

sự yên tĩnh. Những con muỗi để cô được yên. Cô nhìn một con ngài đậu xuống hòn đá phủ đầy rêu và phẳng phiu như tấm thảm Ba Tư. Rượu đã làm vơi đi nỗi bức dọc trong cô. Mary hóm hỉnh đến nỗi cô bắt đầu cảm thấy rằng mình sẽ không thấy ngại nếu bà ta tạt qua thường xuyên. Làm sao Naomi gặp được bà ta nhỉ? Và Sylvia nghĩ Mary có thể làm được cái quái gì chứ nếu cô hút cần sa, uống rượu, ăn phô mai mềm, vứt vitamin đi hay thậm chí là phá thai? Ồ không, điều cuối cùng sẽ không xảy ra. Quá muộn để phá thai rồi.

Sau khi uống nốt chỗ rượu, cô lên lầu để kiểm tra mấy đứa nhóc đang ngủ rồi đi bộ ra ngoài đường trong thời tiết mát mẻ dường như sẽ kéo dài suốt đêm. Một thanh gỗ nhỏ ngăn cách ngôi nhà với hai ngôi nhà gỗ, Nhà gỗ của Người đi rừng và Nhà gỗ của Người chăn cừu, đối diện với nhà thờ. Màn đêm đã buông xuống nhưng trong căn nhà của Người đi rừng, đèn đã được bật và vẫn có thể thấy rõ màn hình vô tuyến sáng trưng qua cửa sổ trước nhưng lại không thấy được người bên trong. Mình không cho rằng mình sẽ nhìn thấy bà ta lần nữa, Sylvia nghĩ vậy khi cô quay trở lại, tại sao bà ta lại lo lắng về mình chứ?

Căn nhà của Prinsip khiến Barry Vine giật mình. Anh cứ nghĩ rằng mình sẽ thấy những túi đựng nhồi nhét quần áo cũ, tạp chí xe hơi và xe đạp trong ngăn xếp, đồ nội thất hỏng hóc mà sẽ không bao giờ được sửa chữa và chén đĩa, ly cốc đang chờ không phải được rửa mà chỉ là tráng qua dưới vòi nước lạnh. Căn hộ bên trên cửa hàng lưu niệm lại không giống như vậy. Biết rằng Prinsip sống nhờ tiền trợ cấp nên Sĩ quan Vine cứ thắc mắc những trang thiết bị điện tử trong nhà từ đâu mà ra, một máy tính để bàn mới tinh, rất hợp mốt, một máy chạy đĩa CD với tai nghe cỡ lớn và một đầu CD di động nằm bên cạnh, một đầu DVD và video bên dưới ti vi cùng một bộ trống còn nguyên tem khiến tâm trí Barry co thắt lại khi nghĩ đến tiếng ồn mà bộ đôi này tạo ra.

Anh không đến một mình. Đi cùng anh là Sĩ quan Overton, người nuôi dạy chó nghiệp vụ, và con chó cuối cùng trong đội chó nghiệp vụ, vốn rất hữu ích trong cuộc săn quét hai năm trước. Tất cả đều đã được đưa về đội của chúng trừ con chó này, đã nghỉ hưu nhưng thỉnh thoảng vẫn tham gia điều tra và giờ thì trở thành thú cưng của gia đình Overton. Tên nó là Drusus, không phải bởi vì Sĩ quan Overton đã từng là sinh viên khoa Lịch sử La Mã mà vì đó là cái tên duy nhất người ta có thể đặt bắt đầu bằng chữ “dr” trong “chất gây nghiện” - “drugs”. Chẳng có ai từng gọi nó bằng cái tên đó. Nó là một con chó Tây Ban Nha vàng ngoan ngoãn nhưng nhiệt tình và thường được mọi người gọi là Buster.

Keith Prinsip miễn cưỡng và lúng túng khi cho phép con chó này vào nhà. Anh ta hỏi rằng liệu nó có giúp tìm ra Megan không và khi được trả lời là rất có thể, anh ta liền gật đầu. Buster phi nước đại lên cầu thang đến ba phòng ở trên mái vốn là nơi ở của Prinsip và Megan nhưng nó không tỏ vẻ hứng thú được lâu. Rõ ràng con chó đã mất đi sự tự tin khi thể hiện nghiệp vụ của mình, nó càng ngày càng tỏ vẻ chán nản, đánh hơi một cách chuyên nghiệp ở mọi góc, bên dưới đồ đạc trong nhà và trong ngăn kéo, nó chỉ có thể rút mũi ra với sự không hài lòng.

Khi Prinsip đang lén lút cho nó ăn một thanh chocolate mà Buster nhai với vẻ thích thú thì Sĩ quan Overton phát hiện ra. Dĩ nhiên là, chưa từng có thanh chocolate nào được nhét vào miệng của Buster trước đó và một cuộc tranh cãi đã nổ ra giữa hai người đàn ông, Overton thô bạo nói với Prinsip rằng anh ta nên tỏ ra thông minh hơn khi đưa những chất có hại cho sức khỏe của một con vật đang làm nhiệm vụ và Prinsip nói rằng Overton là một ông chủ độc ác. Cuộc tranh cãi sẽ biến thành ẩu đả nếu Barry Vine không can ngăn bằng cách tuyên bố rằng công cuộc tìm kiếm của anh bị gián đoạn nghiêm trọng vì “rất nhiều chuyện vô lý”. Anh là người cuối cùng tìm ra chất gây nghiện trong túi chiếc quần jean rách rưới của Prinsip. Một gói giấy bọc cần sa, có lẽ tầm mười gram, Prinsip sừng cồ lên bảo rằng anh ta chỉ sử dụng nó cho riêng mình và điều này không phạm pháp. Vine nói khá thô bạo rằng đám người mù chữ, dốt nát, thạo tin đều có thái độ như thế khi bị đa động đến lợi ích của chính họ.

“Ông gọi ai là dốt nát đấy?” Prinsip nói. “Tôi nói người nào, tự khắc người đấy biết.”

Không còn tranh luận về vấn đề của Buster nữa, Prinsip nói rằng anh ta không nghĩ con chó như một kẻ đánh hơi khi nó thậm chí còn không thể tìm thấy một nhánh cần.

“Nó đã được đào tạo chỉ để tìm các chất loại A,” Sĩ quan Overton nói một cách trịch thượng.

Trời nóng đến nỗi không ngủ được và khi Wexford nghe thấy tiếng giao báo lúc sáu giờ thì anh liền tỉnh dậy, bước xuống lầu và nhặt tờ báo Người đưa tin Kingsmarkham từ tấm thảm chùi chân. Đó là câu chuyện Lovelace viết, kèm theo một bức ảnh cũ chụp chính Wexford, từ cách đây nhiều năm, đang uống nửa chai rượu thuốc apxin ở vườn nhà Olive và Dove. Anh pha trà, mang đến bên vợ rồi đẩy tờ báo sang cô và nói rằng, “Lần thứ hai tưởng sẽ dễ dàng hơn, nhưng không phải.”

“Em không biết tại sao lại thế nữa.”

“Anh cho rằng mình đã nghĩ chuyện này sẽ không xảy ra nữa.”

“Em có nên đọc bài báo và bảo rằng rất an toàn cho anh đọc nó không?” giọng cô đã thiếu kiên nhẫn.

“Em biết anh rõ quá mà,” anh nói. “Nếu là chuyện đó thì anh phải đọc.”

Hannah mua một tờ Người đưa tin từ sạp báo ở Brimhurst St John mở cửa lúc tám giờ. Câu chuyện đầu trang nói rằng Wexford vẫn chưa đi đến đâu trong cuộc điều tra về cái chết của Amber Marshalson và một bức ảnh anh đang uống bia cùng dòng chú thích, “Chánh thanh tra thám tử nổi giận”. Cô ném nó vào sau xe, cầu mong sếp của mình không bị phân tâm bởi mấy thứ tin tức này. Cô đến Brimhurst Prideaux trong vòng năm phút, đỗ xe cách điểm giao nhau giữa đường Mill và đường Myfleet chừng vài

mét. Còn hai mươi phút trước khi gặp John Brooks nên cô lại nhặt tờ báo lên.

Tất cả những lỗi lầm và sự xâm phạm của các phương tiện truyền thông đều xuất phát từ những gã nhà báo, đó là quan điểm của Hannah. Do đó cô không mấy ngạc nhiên khi thấy tên tác giả in bên trên bài báo là Darren Lovelace hay đọc được một loạt các tuyên bố không chính xác và ngoa ngôn điên rồ. Wexford đang ngập đầu với công việc và anh đang già đi nhanh chóng. Bức ảnh cho thấy, anh không thể tránh khỏi những cơn thịnh nộ bạo lực chẳng thể giải thích được lẫn chứng hoang tưởng. Các hướng điều tra để tìm kiếm hung thủ sát hại Amber Marshalsen đều rơi vào ngõ cụt và giờ một cô gái khác, bạn của Amber, đang mất tích. Có ai không bị “tâm hồn treo ngược cành cây” mà lại nghi ngờ cô ta đã bị hung thủ ra tay sát hại? Cảnh sát trưởng đang đứng trước sức ép phải loại Wexford ra khỏi vụ này và thay bằng một ai đó trẻ hơn. Những “thân nhân” của cô gái mất tích, bị rơi vào tay một điều tra viên vớ vẩn như vậy, đã có được sự cảm thông sâu sắc nhất của tờ Người đưa tin.

Mặc dù Hannah yêu thích và ngưỡng mộ “ngài sếp” của mình rất nhiều và cũng biết tất cả lập luận của Lovelace chỉ là vu khống thiếu căn cứ, cô vẫn phải thừa nhận Wexford là một gã đàn ông và cô không thể ngừng cảm thấy rằng trong những hoàn cảnh như thế, phụ nữ thường xử sự khôn khéo hơn. Ai đó như cô chẳng hạn, giả dụ trong mười năm nữa.

Đồng hồ chỉ tám giờ hai mươi tám phút. Cô ra ngoài, khóa xe và đi bộ về phía chiếc VW của John Brooks đang đỗ như mọi khi - nhưng lại bất thường vào lúc này - trước cửa nhà số hai của dãy Jewel. Cô nhìn vào xe anh ta, chẳng nhằm mục đích gì mà chỉ là để giết thời gian, nhưng khi xoay người lại, cô nhìn thấy anh ta trên sân trước, đang đứng ngay bên trong cổng.

“Chà, anh Brooks, cuối cùng thì...”

Cô khó mà tìm ra được từ nào phù hợp khi anh ta nhìn cô và nói nhỏ nhẹ, “Chúng ta có thể nói chuyện trong xe tôi được không?”

Không cần phải hỏi anh ta lý do tại sao. Cửa trước khép hờ, vợ anh ta đang ở bên trong và có thể nghe thấy hết những gì họ nói. “Như anh muốn,”

cô nói.

Sáng nay bầu trời nhìn u ám nhưng sức nóng vẫn bắt đầu bốc lên. Nó gần như không hề giảm đi suốt cả đêm. Vì xe của John Brooks đang đỗ, nên cửa sổ bên ghế hành khách nằm ở phía bên tay phải. Anh ta kéo nó xuống tầm hai inch nhưng vẫn đóng cửa bên phía mình. Hannah liếc anh ta. Một số người có thể thấy anh ta ưa nhìn. Anh ta có khuôn mặt của một ngôi sao nhạc pop mới nổi hoặc một người dẫn chương trình truyền hình, dịu dàng, nhẹ nhàng và năng động, với những đường nét không nổi bật nhưng đôi mắt anh ta, dường như có nhiều lòng trắng xung quanh con ngươi hơn bình thường. Anh ta gầy và đen, còn cặp mắt có màu xanh xám đậm.

“Có vấn đề gì vậy?” anh ta nói bằng giọng của một ngôi sao mới nổi, khác xa giọng điệu của Keith Prinsip nhưng không quá “trang trọng.”

Hannah dự định sẽ có một bước tiến quan trọng ở đây. Không phải là những gì Henry Nash đã nói mà là việc Brooks sẽ không thể liên tục phủ nhận nếu điều đó là đúng. “Vấn đề là, thưa anh Brooks, anh có thói quen lái xe ra ngoài vào nửa đêm và anh đã ra ngoài vào cái đêm Amber Marshalon bị giết hại.”

“Thế thì có liên quan gì?” Câu hỏi đã được cô đoán trước. “Tôi không giết cô ta.”

“Anh có biết cô ta không?”

Có lẽ anh ta nghĩ cái “vấn đề” sâu xa kia sẽ không bị nhắc lại nữa, nên anh ta trông có vẻ nhẹ nhõm. “Dĩ nhiên rồi. Trong khu này mọi người đều biết nhau. Cô ta là một cô nhóc dễ thương. Thực sự là, tôi đã giúp cô ta tìm lại vài thứ trong laptop khi cô ta gặp rắc rối với nó.”

“Tôi nghĩ anh là một nhân viên chịu trách nhiệm về an toàn và sức khỏe.”

“Ok, đúng vậy, nhưng tôi cũng biết về máy tính và cô ta biết điều đó. Cô ta ghé qua và nhờ tôi giúp đỡ.” Anh ta liếc nhìn về phía nhà mình và cửa sổ trước đang mở một nửa. “Vợ tôi sẽ không thích điều này nhưng đúng là không có gì thật, hoàn toàn không có gì, giữa tôi và Amber. Ý tôi là, tôi chỉ coi cô ta như một đứa trẻ.”

Một đứa trẻ có con, Hannah nghĩ. “Máy tính của cô ta bị sao vậy?”

“Chả sao cả, thật đấy. Những đứa trẻ ngày nay thường rất thông thạo về vi tính nhưng cô ta lại không. Cô ta không thể hiểu rõ về nó. Cô ta muốn tôi tìm giúp cô ta vài trang web và tôi đã giúp. Dễ như ăn kẹo, thật đấy.”

“Và các trang web đó là gì?”

“Ý tôi là tôi chỉ cho cô ta cách làm như thế nào. Tôi không biết nó là gì nữa.” Cô có thể nhận thấy anh ta đang nói dối. “Còn gì nữa không? Chỉ là giờ tôi thực sự phải đi làm.”

Hannah nói một cách trôi chảy, “Ồ, thưa anh, có đấy, anh Brooks ạ. Còn rất nhiều nữa là đằng khác. Nếu anh phải đi làm, tôi có thể gặp anh ở đó. Nửa giờ nữa được không?”

Anh ta thở dài. “Hỏi những gì cô muốn biết và kết thúc chuyện này đi.”

“Tôi chỉ đơn giản muốn biết anh đi đâu vào lúc nửa đêm. Dễ như ăn kẹo, anh đã nói thế mà.”

“Tôi không ngủ được. Tôi chỉ lái xe đi lòng vòng và đến lúc có thể ngủ được thì tôi quay về.”

“Anh lái xe đi lòng vòng hai tiếng? Anh đã đi đâu vậy?” Brooks đang trở nên giận dữ. “Tôi không có nghĩa vụ phải cho cô biết điều đó. Tôi không làm gì sai cả. Tôi là một người vô tội và tôi rất bức khi bị thẩm vấn như thế này.”

“Vâng, chà chà, tôi e là anh có nghĩa vụ phải cho tôi biết đấy. Tôi không cần nhắc lại cho anh rằng đây là một vụ giết người. Không kể cho tôi là anh sẽ bị liệt vào tội cản trở người thi hành công vụ đấy.” Hannah luôn muốn nói điều này và cho đến tận bây giờ mới có cơ hội. “Tôi sẽ quay lại tìm anh ở chỗ làm vào giờ ăn trưa. Lúc mấy giờ nhỉ? Khoảng từ một đến hai giờ được không?”

Hannah chợt có một linh cảm khủng khiếp rằng anh ta sẽ muốn cô quay lại vào tối nay và ngồi trong ô tô lần nữa với anh ta. Cô đã hẹn đi ăn tối với Bal vào bảy rưỡi tối nay.

Dĩ nhiên phải ưu tiên công việc trước. “Nếu anh muốn gặp tôi tại đây lần nữa vào tối nay...?”

Cô thấy mừng vì đã đưa ra lời đề nghị này. Được rồi. “Đến chỗ làm nếu cô muốn. Một giờ ba mươi được chứ?”

“Đúng một giờ ba mươi, thưa anh Brooks.”

Họ đã bắt đầu lục soát các thị trấn và vùng ngoại ô lân cận. Prinsip được yêu cầu cung cấp tên của bất cứ người nào Megan quen biết và phải vật lộn để làm vậy. Cuối cùng, Sandra Warner và con gái bà ta, Lara, đã giúp anh ta làm việc ấy. Mục đích của cảnh sát là tìm ra ai đó mà cả Megan và Amber đều quen biết. Dĩ nhiên là Ben Miller, Chris Williamson và James Sothern đều được đưa vào danh sách này, nhưng tất cả bọn họ đều nói rằng mình chỉ gặp Megan một lần duy nhất vào hôm Lara đưa cô ta tới Bling-Bling. Tình trạng tương tự cũng xảy ra với các cô gái, Samantha Collins, Charlotte Probyn và Veryan Colgate. Samantha đã đụng mặt với Megan vài lần, cô ta không thích Amber nhưng đội của Wexford phải mất một lúc lâu để tưởng tượng ra cảnh Samantha bé nhỏ bị bầm trong vai kẻ thả khối bê tông và tay sát thủ dùng gạch.

Wexford đưa Sĩ quan Vine và Sĩ quan Overton đi cùng tới nhà Marshalson. George đã tỏ ra vô cùng sốc khi được hỏi liệu con gái ông ta có thể đã tham gia vào một vụ vận chuyển ma túy hay không. “Con bé đã có con khi nó còn đi học, nó ra ngoài vào nửa đêm để đến câu lạc bộ và giới các vị bảo với tôi rằng nó vận chuyển ma túy từ Thái Lan đến châu Âu. Tôi đã sai ở đâu chứ? Tất cả là bởi vì mẹ nó mất khi nó còn là một đứa trẻ ư? Tôi đã cố hết sức. Tôi nghĩ rằng mình đã tìm được cho nó một người mẹ khác...”

“Ông Marshalson,” Wexford nói, “chúng tôi không nói Amber đã tham gia vào phi vụ đó, chỉ là có thể thôi. Sự hợp tác của ông có thể giúp chúng tôi chứng minh rằng cô ta không làm vậy.”

“Sự hợp tác của tôi?”

“Chúng tôi muốn lục soát căn nhà này với sự giúp sức của một... một con chó nghiệp vụ. Ông có phản đối không?” George nói rằng ông ta không thích nhưng phản đối thì, không, ông ta sẽ không từ chối. Dường như việc

này không đem lại cho ông ta cảm giác hài lòng, nhưng với Wexford thì ngược lại, khi anh được ngắm sự thích chí của Brand lúc Buster xuất hiện. Cho dù tính ưu việt của một con chó đánh hơi có được thừa nhận ở Buster hay không, trên cơ sở quyền uy đi kèm với trách nhiệm, nó vẫn liếm một cách nhiệt tình lên mặt vị khách hàng mới một tuổi mà hầu như không hề quen biết nó, nhưng Brand lại tỏ ra thích con chó và lần đầu tiên Wexford trông thấy thằng bé cười. Tròng cười của nó vang vọng khắp căn nhà buồn tẻ khi nó vòng tay qua ôm con chó spaniel lông vàng.

Nhưng Buster có việc phải làm. Nó chủ yếu tập trung vào phòng ngủ của Amber, rà soát từng chút một trên sàn, bên trong các ngăn kéo và các hốc phía trong tủ quần áo, như thể mình là một chuyên gia. Cuộc tìm kiếm vô ích và nếu động vật có thể tỏ ra thất vọng thì hẳn Buster đã làm rồi. Nó không tìm thấy gì hết.

“Tôi cho là sẽ có lúc mình mua cho thằng bé một con chó,” George nói, giọng ông ta không hề có tí nhiệt tình nào. “Tôi không nghĩ anh quan tâm nhưng tôi không thể nghĩ tới một tương lai với đứa trẻ này lớn lên trong ngôi nhà của mình và Diana hay việc tôi phải chăm sóc nó. Kiếm cho nó một con chó, giống như tôi bảo ấy, hoặc một con mèo cũng được. Cho nó đi học. Đưa nó tới bác sĩ để tiêm phòng bắt buộc. Tìm bạn cho nó chơi cùng. Tôi khó mà có thể suy ngẫm về nó. Đường như tôi đã gây ra một đồng lõa xộn trước kia. Giờ tôi nên làm gì đây? Tôi vừa mất đi đứa con gái mình yêu thương. Tôi đã già, nghỉ hưu và tan nát cõi lòng. Tôi là một ông già. Đó là những gì tôi sẽ làm khi nghỉ hưu sao, nuôi dạy một đứa trẻ khác?”

Có thể họ sẽ lấy mất thằng bé khỏi tay ông, Wexford nghĩ, và sẽ có ai đó nhận nuôi nó, một ai đó thực sự muốn có một đứa con. “Cô gái mất tích này,” anh nói, “Megan Bartlow. Cô ta và Amber đã tới Frankfurt cùng với nhau. Hiện giờ, ông Marshalsen, ông và tôi cũng biết là hai cô gái trẻ tuổi người Anh này không đi Frankfurt để nghỉ mát, và cũng không có cặp đôi trẻ người Đức nào đến Birmingham. Vậy, tại sao họ đến đó?”

“Anh nghĩ là chúng đang vận chuyển... chà, ma túy?”

“Đó là một khả năng,” Wexford không dám nhìn vào khuôn mặt đau khổ của George. “Megan Bartlow không có vẻ gì là bạn thân của Amber. Cho

đến trước cuối tuần đó, một chút cũng không.”

“Rất nhiều cô gái đã đến đây. Cô ta có thể là một trong số bọn họ. Tôi chưa bao giờ nghe đến cô ta cho tới khi Amber nói chúng sẽ đến Frankfurt cùng với nhau. Tôi nghe điện từ cô ta trong suốt quãng thời gian đó và tôi phải nói rằng cô ta không có chất giọng mà tôi muốn ở đám bạn của con gái mình.”

“Đó không phải là tình bạn, đúng không? Đó chỉ là sự phân công công việc.”

“Amber biết gì về chuyện buôn bán này chứ?”

Con người tích lũy kiến thức về chuyện đó rất nhanh khi làm ra tiền, Wexford nghĩ, nhưng không nói ra.

Ngay khi Hannah đỗ xe ở khu vực giới hạn cho “Nhân viên và khách tham quan” thì John Brooks bước xuống dãy cầu thang bằng bê tông từ một cánh cửa được sơn màu xanh lá cây ở phía cuối dãy. Anh ta tiến thẳng đến, cười và bắt tay, làm cô thắc mắc anh ta đã nói gì với các đồng nghiệp về danh tính của cô. Chắc chắn anh ta sẽ không tiết lộ chuyện cô là một sĩ quan cảnh sát. Một khách hàng tiềm năng chăng? Hay là một dạng thanh tra An toàn và Sức khỏe? Anh ta mở cánh cửa màu xanh và dẫn cô vào một văn phòng nhỏ đầy các tủ hồ sơ. John Brooks rõ ràng luôn tự pha trà và cà phê, và bây giờ, khi đang cắm phích ấm điện, anh ta mời cô một trong hai loại đồ uống.

“Thôi, cảm ơn anh.” Cô không muốn biến việc này thành một dịp xã giao, trò chuyện thân mật qua tách trà.

“Tiếc nhỉ. Cô chắc chứ? Chà, nếu cô không muốn thì thôi vậy.”

“Anh Brooks, hãy ngồi xuống và tập trung vào lý do tôi ở đây. Tôi muốn biết anh đã đi đâu vào những đêm lái xe ra ngoài đó. Có phải đó là lý do tại sao vợ anh ngủ một phòng và anh ngủ ở phòng khác? Không liên quan gì

đến việc anh ngủ ngáy, đúng không? Anh giả vờ ngáy để có cơ ngủ ở đâu đó, tạo điều kiện để lái xe ra ngoài.”

“Tôi không biết là cô muốn tôi kể gì cho cô.”

“Rằng anh đã đi đâu. Làm ơn đừng có nói là chỉ đi lòng vòng thôi đấy.”

Brooks cho một túi trà vào cốc và đổ nước sôi vào. Anh ta mở ngăn kéo lấy ra một gói bánh quy chocolate nhỏ. “Bánh quy không?”

“Không, cảm ơn. Anh có đi gặp người phụ nữ nào không?”

“Nếu tôi nói là có và nói với cô là ai, thì sẽ không có hậu quả gì chứ?”

“Nếu ý anh là chúng tôi sẽ kể với vợ anh thì, không, tôi không nghĩ vậy.” Về khinh miệt đã len lỏi vào giọng nói của cô và cô thấy anh ta co rúm lại. “Nếu người phụ nữ đó xác nhận anh đến thăm cô ta hằng đêm và anh đã đến đây vào cái đêm Amber chết, thì chuyện này không cần nói với ai nữa. Tên và địa chỉ, thưa anh, anh Brooks.”

Anh ta viết một cái tên và địa chỉ ở Pomfret vào một mảnh giấy vụn. Sau đó, anh ta tiễn cô xuống cầu thang bê tông ra đến xe. Bản khoản muốn thoát khỏi giả thuyết của mình, cô suy nghĩ khi cho xe chạy. Ngay khi biết cô đã đi khỏi, anh ta liền gọi cho người phụ nữ kia, Paula Vincent ở đường Foster, Pomfret.

Người tình của Brooks chẳng hề giống cô mong đợi chút nào. Cô ta trẻ hơn Gwenda vài tuổi và mang vẻ hấp dẫn trái ngược với cô ấy, một ả gái điểm trong chiếc váy ngắn. Người phụ nữ ra mở cửa cho cô, không nói gì mà chỉ nhướn nhẹ lông mày, ít nhất là bốn mươi tuổi, tóc đen ngắn, thẳng và rũ xuống, gương mặt không trang điểm và dáng người thì còn xa mới có thể được biên tập viên ở các tạp chí sắc đẹp gọi là “săn chắc”. Cái quần dài của cô ta, Hannah nghĩ, chỉ có thể giống như mẹ cô gọi, “quần mặc ở nhà”. Cô ta vận một chiếc áo len dài tay màu trắng bẩn thỉu và đi dép bông.

Hannah không được mời vào xa hơn chỗ hành lang chật hẹp. Trả lời cho các câu hỏi của cô, Paula Vincent nói, đúng, cô ta và John Brooks đã “cặp kè với nhau”. Họ sẽ kết hôn khi anh ta ly dị. Cô ta, Paula, là một góa phụ. Brooks thỉnh thoảng đến thăm cô ta vào ban đêm, chỉ khi anh ta lên đi được. Hannah ghi lại tất cả những điều đó, không nói gì cả, nhưng thầm nghĩ sao những người phụ nữ như thế này lại ngu ngốc đến thế. Nếu anh ta

định ly dị, thì sao không nói với vợ từ sớm là mình đã có tình nhân? Bởi vì anh ta không hề định ly dị, dĩ nhiên rồi, anh ta là một kẻ lừa gạt như bao kẻ khác. Tóm lại, cô nghĩ về Bal, người mà mình sẽ cùng đi ăn tối trong năm tiếng nữa. Anh có khác không nhỉ?

Trên đường quay trở lại Kingsmarkham, cô đi ngang qua những người đang làm nhiệm vụ tìm kiếm, hầu hết bọn họ được chia thành các nhóm mười hai người hoặc các tình nguyện viên nhiệt tình dưới sự chỉ dẫn của một nhân viên cảnh sát. Cô vẫy tay về phía Lynn Fancourt và cách đây nửa dặm là Karen Malahyde. Cô không thấy Burden nhưng anh ta đang ở đó với Cảnh sát điều tra Damon Coleman cùng bốn người dân, tìm hiểu các con phố, những làn đường và các không gian lộ thiên ở Pomfret. Trong khi Hannah quay trở lại căn phòng xảy ra án mạng trong hội trường làng Brimhurst, Lynn và Karen cùng với đội của họ di chuyển đến Sewingbury, còn Burden đưa nhóm của anh ta đến khu Stowerton lớn hơn và đáng gờm hơn.

Bóng tối sẽ buông xuống lúc chín giờ, vì thế công cuộc tìm kiếm ở những địa điểm không có ánh sáng chỉ có thể tiếp tục kéo dài đến chiều muộn. Burden về nhà ăn tối lúc sáu giờ ba mươi và quay trở lại Stowerton lúc bảy giờ mười lăm, đúng lúc Damon Coleman cùng Lynn Fancourt đang mở hộp bánh pizza ở một tiệm cà phê tại Sewingbury. Anh ta quay trở về khi trời bắt đầu tối dần.

Stowerton, có một khu công nghiệp lớn ở vùng ngoại ô và một mạng lưới phố xá nội thị đan xen lẫn nhau, được nối bằng sân hiên của các ngôi nhà nhỏ, ban đầu được xây dựng để cung cấp chỗ ở cho công nhân mỏ đá phấn, không phải là một địa điểm hấp dẫn. Đặc biệt, cư dân ở Kingsmarkham và Pomfret coi nơi này như một cái gai trong mắt, mặc dù hầu hết đều thừa nhận rằng diện mạo của khu vực đã được cải thiện rất nhiều khi những ngôi nhà nhỏ ở đường Oval, Rectangle và Pyramid được các cặp vợ chồng tiềm năng mua và nâng cấp. Họ thấy những cánh cửa trước được sơn mới rất vừa mắt - Wexford gọi cư dân ở đây là Cộng Đồng Cầu Vòng - các ô cửa sổ đầy nghệ thuật và cỏ cây hoa lá cùng các khuôn viên được cắt tỉa cho thấy dấu hiệu của nền văn minh. Stowerton nằm trong

phạm vi đi lại của Luân Đôn nếu bạn không phiền dành hai tiếng mỗi ngày, năm ngày một tuần để ngồi, thậm chí là đứng, khi đi tàu.

Burden cùng với Lynn Fancourt, Damon Coleman và một nhóm nam nữ mặc thường phục đã rà soát những không gian lộ thiên và những khu vườn cỏ cây mọc tự nhiên hoặc um tùm. Nhưng thị trấn không hoàn toàn được cấu thành từ sự mở rộng của các nhà máy và các ngôi nhà gỗ có cấu trúc hai phòng trên - hai phòng dưới trị giá một trăm năm mươi nghìn bảng. Ở khu vực trung tâm, có niên đại từ khi nó còn là một chốn sang trọng của thế kỷ XIX, là các con phố được tạo nên từ những ngôi nhà xây dựng vào những năm 1840. Những khu vườn có tường bao dài ở dãy nhà Victoria quay lưng vào những khu vườn có hàng rào nhỏ ở đường Oval. Mặt tiền có cửa sổ khung kính dài, ban công viền đăng ten thanh lịch và những bậc thang lên tới cửa trước, hai bên là cột trụ. Chúng có thể đã từng xuất hiện ở Chesham hoặc Bath và từng lộng lẫy như bất cứ thứ gì có thể so sánh được ở Kingsmarkham. Trải qua nhiều năm, chúng đã bị chia thành những căn hộ và phòng đơn hoặc bị chiếm đóng bởi các doanh nghiệp nhỏ đang gặp khó khăn mà không may là cần tân trang lại. Những ngôi nhà này gần đây đã được mua theo lô bởi một nhà phát triển bất động sản với dự định sẽ nâng cấp chúng. Giàn giáo được gắn với mặt tiền, toàn bộ bao phủ trong tấm lưới màu xanh lá cây. Chưa có thợ xây nào bắt đầu công việc, mặc dù gạch, gạch xi lò và những khung cửa sổ mới đã chất đống ở khu vườn phía trước.

Những khu vườn đằng sau dãy nhà Victoria trông giống như trang cỏ sẽ nhanh chóng trở thành một rừng cây, những bức tường ngăn cách bị che khuất bởi cỏ cây mọc um tùm: những bụi gai, hoa hồng dại, dây thường xuân và cây ông lão mà tại thời điểm này trong năm, được bao phủ bởi những hạt phấn hoa mềm mịn như tơ. Burden và đội của anh ta lục soát khu vực hoang tàn này từ đầu chí cuối, đập các cây tầm ma đổ rạp xuống rồi nâng những lưới bụi gai rồi bù lên trong ánh nắng nóng bức của mặt trời sắp lặn. Họ tìm thấy các lon rỗng, tiền giấy, bao cao su, vỏ kem, chai bia, một chiếc giày cao gót, khay đựng đá trong tủ lạnh, ống tiêm, vé xổ số và một đĩa DVD của Apocalypse Now. Chiếc giày đã mang lại chút hứng thú

cho đến khi Lynn chỉ ra rằng kích cỡ của nó là 41 trong khi Megan đi giày cỡ 38.

Hoàng hôn chậm chậm buông xuống và họ sẽ sớm cần đến những chiếc đèn trợ giúp.

“Chúng tôi coi thể là xong một ngày,” Burden nói.

Một người phụ nữ không bao giờ nên ăn diện vì một người đàn ông. Hannah tin chắc điều này. Đó là một trong những nguyên tắc sống của cô. Vì một điều, đàn ông không bao giờ để ý đến những gì phụ nữ mặc, họ chỉ quan tâm xem cô ta có xinh đẹp hay không, và thêm lý do nữa, tại sao phải thỏa mãn đàn ông theo cách này khi tâm trí họ không thể nảy ra ý định mua một bộ đồ mới để mặc trong ngày hẹn hò? Cô tin vào nguyên tắc ấy và thường tôn trọng nó. Ngày hôm nay thì khác, mặc dù dĩ nhiên không nên làm khác đi so với nguyên tắc của bản thân. Nhưng đúng là vậy. Cô thừa nhận với bản thân mình khi đã đi tắm đến lần thứ ba trong ngày nóng bức này rằng cô thật sự nghĩ Bal sẽ khá là khó chịu nếu cô làm vậy, và tốt nhất là nên xác định rõ ràng mối quan hệ ngay từ đầu. Giống như tối nay. Do đó, dù quy tắc hay không, cô sẽ mặc bộ cánh gợi cảm nhất mình có, trang điểm thật kỹ càng và dành thêm năm phút để vuốt thứ dầu dưỡng mới này lên tóc.

Bởi vì rất cao nên cô lo lắng việc mang giày sẽ làm mình cao hơn Bal một cái đầu nhưng ngay khi ý nghĩ đó xuất hiện, cô đã khiển trách bản thân mình tại sao lại nghĩ vậy. Tại sao phải rơi vào cái bẫy đó? Có nhà cầm quyền hay thế lực nào hoặc thẩm phán tuyên bố rằng đàn ông phải cao hơn phụ nữ? Ngay cả khi có thế lực đó đi chẳng nữa, thì nó cũng đã lỗi thời và vô tác dụng rồi. Cô xỏ chân vào đôi giày cao gót cao nhất của mình; màu đen tinh tế và không có quai sau, nó khiến việc đi bộ trở nên rất khó khăn nhưng cô không định đi bộ nhiều. Xức loại nước hoa Cashmere Mist của Donna Karan và trang điểm nhẹ, cô đã sẵn sàng đi gặp Bal. Dĩ nhiên, không

cần chính xác lúc bảy rưỡi, để thích hợp cho một người phụ nữ không muốn trông có vẻ quá hào hứng, thì nên là tám giờ kém hai lăm.

Khi đi được nửa đường đến nơi dùng bữa tối, Hannah lái cuộc trò chuyện tránh xa khỏi chủ đề công việc. Lúc đầu, chỉ là tự nhiên họ nói về chuyện đó vì công việc là thứ mà hai người cùng quan tâm. Từ tội phạm và quản lý tội phạm, câu chuyện đã nhanh chóng chuyển sang nhân cách của những sĩ quan cấp thấp hơn họ và Hannah không ngần ngại thảo luận về tính cách của Wexford với một ai đó là cấp dưới của mình. Sau cùng, cô không nói gì ngoại trừ khen ngợi anh ta. Không cần thiết phải đề cập đến thái độ lỗi thời của anh ta với một vài thứ cụ thể, trong đó chủ yếu là ngôn ngữ, và niềm yêu thích đặc biệt của anh ta đối với sách qua video, đĩa DVD và CD, rồi cuộc cũng chẳng đáng ngạc nhiên.

Nhưng sau nửa tiếng, cô cảm thấy rằng, nói theo cái cách cô ưa thích, đã đến lúc chuyển sang gian đoạn mới. Cô đã uống khá nhiều rượu nhưng không phải rượu khiến cô cảm thấy say tình. Chỉ một cái nhìn của Bal là đã đủ rồi. Dĩ nhiên, anh còn phải lái xe nên đã tự xác định sẽ chỉ uống nửa chai Chablis và sau đó uống nước suối. Nhưng tại sao lại là “dĩ nhiên”? Họ sống không xa nhau. Cô đã đến nhà hàng bằng taxi và họ có thể đi chung xe về nhà. Cô cảm thấy khó chịu một cách vô lý bởi vì Bal, mặc dù đã mỉm cười với cô vô cùng ngọt ngào trên bàn ăn, nhưng lại không chịu đặt tay lên tay cô, mặc dù bàn tay cô vẫn để trên mặt bàn ăn. Cũng không nhìn vào mắt cô lấy một lần. Có lẽ chẳng đáng ngạc nhiên khi anh đang nói chuyện một cách say mê về thái độ thân thiện của Thanh tra Burden đối với đội của anh ta và liệu Hannah có nhận ra rằng anh ta hoàn toàn trái ngược với những tay thanh tra thô lỗ cục cằn trên truyền hình.

Cô hướng cuộc nói chuyện về đời tư cá nhân của họ và biết rằng cha mẹ của Bal sống ở Somerset. Cha anh là kế toán viên, và mẹ anh - chà, bà chưa bao giờ đi làm ngoại trừ việc làm mẹ của anh và các anh chị em của anh, cũng như làm vợ của cha anh. Hannah không chấp nhận việc này, dĩ nhiên, nhưng giờ không phải lúc để nói thế. Cô thậm chí còn hoảng sợ hơn khi biết rằng chị gái anh đã có một cuộc hôn nhân sắp đặt. Cô không thể nào che giấu nỗi cú sốc của mình.

Bal cười. “Tôi nói là ‘sắp đặt’, chứ không phải ‘ép buộc’.”

“Cũng như nhau cả thôi...”

“Vấn đề là, Hannah ạ, chúng không giống nhau. Lamila và chồng không biết nhau nhưng họ được giới thiệu với nhau và thực tế là họ đã cảm mến nhau ngay từ lần gặp đầu tiên. Nếu chị ấy không thích anh ta hay anh ta không thích chị ấy thì cũng chẳng sao hết. Không có sự ép buộc. Tôi không thấy điều này khác biệt với việc gặp gỡ ai đó thông qua một trung tâm mai mối, ngoại trừ cách làm của chúng tôi an toàn và, chà, đứng đắn hơn. Lamila và Kanti rất hạnh phúc, chị ấy còn sắp sinh em bé. Nó sẽ là đứa cháu đầu tiên của bố mẹ tôi. Cô không thể tưởng tượng được họ đã mừng đến thế nào đâu.”

“Anh có định làm thế không? Có một cuộc hôn nhân sắp đặt ấy?”

“Chúng ta đang không nói về tôi,” anh nói và cô nghĩ, không, chúng ta chưa thôi. Không có gì. Chỉ là về gia đình anh. Không một lời nào về những gì anh muốn, mục tiêu và mơ ước của anh. Không có gì về những người bạn gái mà anh hẳn phải có rất nhiều. Với ngoại hình kia, anh hẳn đã phải xua đuổi hết bọn họ. “Giờ đến lượt cô kể về câu chuyện của đời mình,” anh nói, rót thêm rượu cho cô.

Cô ít dè dặt hơn anh. Điều cuối cùng cô muốn là làm cho anh có ấn tượng rằng cô bị thuyết phục vì cách sống của chị anh, hoàn toàn trình trắng không tì vết cho đến khi cuộc hôn nhân sắp đặt được tổ chức xong xuôi. Cô nói về “những mối quan hệ” mình có, những mối quan hệ cô đã phải “bắt giam” và những mối quan hệ mà chạm mặt nhau nhiều đến nỗi trở nên bình thường. Thật là nghiêm trọng nếu như anh hiểu ý cô muốn nói là mình chỉ quan tâm đến những mối quan hệ cộng sự sâu sắc về lâu về dài. Các khái niệm về chuyện tình nhẹ nhàng nhưng đầy đam mê là những gì cô muốn gửi gắm vào tâm trí anh. Khi cô nói, cô chú ý đến nét mặt của anh nhưng biểu hiện trên đó vẫn dễ chịu và thân thiện không hề thay đổi. Dường như anh thấy hứng thú nhưng không để tâm.

Hannah được mời rượu và kem tráng miệng kiểu Ý nhưng cô từ chối, thay bằng cà phê không có caffeine. Để trở nên gợi cảm là một chuyện, nhưng đi đứng không vững trên đôi chân và - ý nghĩ thật khủng khiếp! -

nắc, lại là chuyện hoàn toàn khác. Tối nay ẩm đến nỗi cô không mang theo áo choàng để anh khoác giúp cô, vì thế Bal không có cơ hội nào để vòng tay anh qua vai cô. Bên ngoài nhà hàng đã được thắp sáng, nhưng bãi đỗ xe lại hơi tối. Bãi đỗ xe của thị trấn không có chỗ dành cho hạng chim chuột nhau nhưng ở miền quê này thì có thể lại khác, nó được bao kín bởi những hàng rào, bởi tán lá đung đưa trên các nhánh cây to, thậm chí chẳng hề có xe đỗ, ngoại trừ tối thứ Bảy. Đi ngang qua bãi cỏ và đứng dưới một vòm thủy tùng, Bal đã có thể cầm hoặc khoác tay cô nhưng anh không làm thế. Thậm chí anh còn chủ động mở cửa xe mà không chạm vào vai cô.

Suy nghĩ đầu tiên của một phụ nữ như Hannah là phải chăng cô đã chọn phải một tên đồng tính. Cô biết Bal không phải vậy, mặc dù chẳng thể nói chính xác tại sao cô lại biết. Nếu có ai khác nói với cô rằng cô “chỉ mới rung rinh,” cô sẽ khinh thường câu trả lời này, nhưng đó là cách mà nó đang xảy ra với cô. Cô đã rung rinh; cô biết điều đó. Khi họ ở đằng sau căn hộ của cô, dĩ nhiên mọi thứ sẽ dễ dàng hơn. Cô đã đặt một chai champagne vào tủ lạnh từ lúc chiều. Mặc dù những tấm ga trải giường vừa mới được thay hai ngày trước, cô vẫn thay lại bằng những tấm mới tinh. Anh sống cách đây chỉ một phần tư dặm và trong bất kỳ trường hợp nào, sẽ chẳng vấn đề gì dù anh có uống bao nhiêu đi chăng nữa vì anh vẫn sẽ dành cả đêm với cô.

“Anh có vào nhà không, Bal?”

Anh dừng xe ở bên ngoài Drayton Court và khiến tim cô suýt bắn khỏi lồng ngực khi anh rút chìa khóa ra khỏi ổ. Trên suốt quãng đường về nhà, một giọng nói cứ liên tục thì thầm, nhưng nếu anh nói không thì sao? Anh nói có, mở cửa xe cho cô và đi qua cổng vào đến khu vườn của căn hộ. Trái tim cô nảy lên lần nữa khi anh xoay và bấm điều khiển khóa cửa xe lại. Anh sẽ không làm vậy nếu không có ý định gặp cô trên lầu và khám phá không gian riêng tư của cô.

Nhưng khi đi vào chưa xa và cũng chưa lâu, anh lại bảo mình không muốn uống thêm.

“Cô biết rồi đấy, Hannah. Khi chúng ta đi quá giới hạn thì tất cả sẽ kết thúc. Điều này không giống như giữa những người bình thường để có thể vượt qua.”

“Nửa cốc sẽ không làm anh đi quá giới hạn đâu.”

Họ ngồi kế bên nhau trên sofa. Trước cái nhìn năn nỉ của cô, anh đặt một tay lên đầu gối cô, nghiêng người về phía cô, mỉm cười và lắc đầu. Cô cảm thấy buồn rùn, không phải bởi vì đồ uống mà bởi bàn tay thon dài trên chân cô.

“Anh không cần phải về.” Cô chưa bao giờ tin được rằng mình cảm thấy thiếu tự tin đến vậy, rụt rè đến vậy, cô nhận xét về bản thân, so với những trường hợp khác trong rất nhiều lần trước đó. “Anh có thể ở lại đây.” Anh lắng nghe, một bên lông mày nhướng lên. “Với em,” cô nói.

Bất thành linh anh dường như trở nên già dặn hơn cô rất nhiều chứ không phải trẻ hơn cô một hay hai tuổi nữa. Với bàn tay đang dừng lại trên đầu gối của cô, anh nâng bàn tay cô lên và đưa nó đến môi mình. Sau đó anh đứng dậy.

“Anh vô cùng hạnh diện. Em là người phụ nữ xinh đẹp nhất mà anh biết, Trung sĩ Goldsmith ạ. Và rất tuyệt vời.” Anh hôn lên má cô. “Anh sẽ đi bây giờ nhưng đến một lúc nào đó, sớm thôi, anh sẽ nói cho em biết tại sao mình không thể qua đêm với em.”

Im lặng, cô gật đầu.

“Anh không phải đồng tính và cũng không lăng nhăng với ai khác. Chúc ngủ ngon.”

Khi họ đi vào dãy nhà Victoria và đang tiến về phía chiếc ô tô lẫn xe tải thì một phụ nữ luống tuổi bước đến gần, nhưng không phải để tìm Burden hay Sĩ quan Peach. Sau đó Burden đã cảm thấy rất biết ơn vì “bộ đồng phục”. Nếu tất cả mọi người trong đội của anh đều mặc thường phục thì phát hiện của họ rất có thể đã bị trì hoãn mất vài tuần. Người phụ nữ - đang ai oán khẩn nài đội cứu hộ trèo lên cứu con mèo thất lạc của bà ta - sẽ không bao giờ, anh chắc chắn, dám tiếp cận họ nếu bà ta không trông thấy

chiếc áo khoác xanh đen đáng tin và dễ chịu, những chiếc quần dài và mũ có đính bốn số hiệu của họ.

Bà ta cho biết tên mình là Lyall, Pauline Lyall. “Tôi không yêu cầu các anh tìm con mèo,” bà ta đang nói. “Tôi biết nó đi đâu. Tôi có thể tìm được nó. Nhìn kia.”

Burden nhìn theo. Trời vẫn đủ sáng để nhận thấy được, trong khoảng trống giữa các tấm lưới màu xanh lá cây, xuất hiện hình dáng màu trắng pha cam của một con mèo lớn nơi bậu cửa sổ tầng trên. Con mèo ngoác cái miệng rộng trông như đang không ngừng than khóc. Điều cuối cùng anh muốn làm vào thời điểm này là tìm cách nào đó để vào nhà bắt, mặc dù hơi khó khăn, con vật ngốc nghếch ấy. Burden không thích mèo. Nhưng dĩ nhiên là họ phải vào, không còn sự lựa chọn nào khác.

“Lối nào tốt nhất để lên đó, Sĩ quan Peach?” anh nói. “Cửa sau, thưa ngài. Nó trông có vẻ không chắc lắm. Tôi đã để ý điều đó khi chúng ta ở phía sau.”

Chủ nhân của con mèo hỏi liệu bà ta có thể đi theo không. Bà ta sẽ đem lại rắc rối, anh nghĩ, nhưng mặt khác sinh vật kia dường như lại muốn tiến về phía bà ta hơn bất kỳ ai trong số họ. “Được thôi,” anh nói. “Đi xem một chút vậy.”

Lynn Fancourt, Damon Coleman và những người còn lại đến căn nhà. Burden, Peach và Pauline Lyall đi vòng ra sau, băng qua những đám cỏ dại mọc cao tới ngang eo, phát quang những bụi gai và tầm ma mọc tua tủa. Còn cách bốn bước nữa là đến cánh cửa sau của ngôi nhà số bốn. Những tấm ván gỗ được đóng chéo trên cửa, bên trong là một tấm kính. Burden không muốn đập vỡ cửa kính và cũng không cần thiết, vì những tấm ván gỗ đã bị cạy ra nên có thể dễ dàng mở được cửa, chốt cửa cũng đã bị gãy. Họ bước vào một căn bếp lớn, được trang bị theo phong cách thập niên 50. Khi họ bước vào hành lang dẫn đến một cầu thang uốn lượn nhìn rất trang nhã, có thể nghe thấy rõ tiếng kêu của con mèo.

“Ồ, tội nghiệp Ginger,” bà Lyall kêu lên. Bà ta nhanh nhẹn hơn vẻ bề ngoài và bắt đầu chạy thẳng lên gác.

Burden trước kia chưa từng học về phong cách thanh lịch thời Victoria hoặc thích thú để mắt đến những đường gờ trên trần, các hốc tường cong và lan can cầu thang uốn lượn - tất cả những thứ vốn đều đã xơ xác, hỗn loạn và đổ nát. Ngôi nhà phảng phất mùi gỗ mục cùng nước tiểu, và một mùi gì khác mà Peach nghĩ là chuột. “Thứ đã khiến Ginger tìm đường đến đây, thưa ngài,” Peach thêm vào.

Burden không quan tâm đến động cơ của Ginger, và cũng không quan tâm đến mùi chuột. Anh đã từng nghĩ thấy nó trước kia và hy vọng rằng mình sẽ không bao giờ nghĩ lại mùi này nữa. Tò mò về những gì ở trên lầu, anh theo Peach đi lên. Nhưng chẳng có gì cả - ngoại trừ mùi. Tất cả những cánh cửa ở ba căn phòng trên tầng đều mở toang, bà Lyall đứng ngay bên trong căn phòng lớn nhất, ôm con mèo có kích cỡ của một con linh miêu trong vòng tay và ngâm nga nhẹ nhàng với nó.

“Tôi không thể diễn tả được lòng biết ơn của mình lúc này.”

Anh muốn bà ta ra khỏi đó. Dĩ nhiên, đấy cũng chỉ là suy nghĩ của anh mà thôi... “Tôi muốn biết địa chỉ của bà, thưa bà, nếu bà cho phép.”

“Ồ vâng, rất hân hạnh. Số năm mươi hai đường Oval.”

“Vâng, và sau đó. Nếu bà đem Ginger - phải tên nó thế không? - về nhà, chúng tôi sẽ cố gắng hết sức để khóa nơi này lại.”

Gọi với lại để cảm ơn, bà ta xuống lầu, mang theo con mèo. Burden nghe tiếng chân bà ta bước ra ngoài cửa sau.

“Nó phải ở đâu đây,” anh nói với Peach. “Tôi không cho rằng đèn đóm trong này còn hoạt động, phải không?”

“Không, thưa ngài. Tôi đã cố.”

“Tôi sẽ gọi thêm viện trợ. Và cả đèn nữa.”

Khi Burden triệu tập thêm người, họ lục soát những căn phòng trên tầng. Mỗi phòng có một cái tủ, chiếm một không gian khá lớn, gần như to bằng chính căn phòng đó, nhưng chẳng có gì trong đấy ngoài những cuộn thảm, những cuộn giấy dán tường và một con chuột chết. Peach nghĩ rằng con chuột này đã minh chứng cho lời nói của anh ta nhưng anh ta cũng phải thừa nhận rằng đó không phải là thứ họ muốn tìm. Lúc này trời đã tối, nguồn sáng duy nhất đến từ những ngọn đèn đường trên các cột nhà nhưng

đã bị chặn lại bởi những tấm lưới, một vệt sáng vàng xanh kỳ dị trải dài trên nền nhà và mặt tường như một vết sơn mạ vàng. Họ lên tầng tiếp theo, tiếng chân vang vọng trên những mặt sàn không được trải thảm, càng tiến tới gần thì mùi càng nồng nặc. Cái nóng ngọt ngào gần như không thể chịu đựng được và Burden, một người đàn ông khó tính, cảm thấy mồ hôi lăn xuống hai bên sườn, thấm ướt cả cái áo màu sò của mình. May thay, trời quá tối nên chẳng thể nhìn thấy những mảng ẩm ướt đó. Anh nghĩ rằng từ giờ về sau bất cứ khi nào nhìn thấy cái màu xanh vôi chua loét này, anh sẽ liên tưởng ngay đến mùi của cái chết.

Phía trên cùng tầng lầu là một đầu cầu thang, nơi ba cánh cửa mở toang. Khi mở cánh cửa đầu tiên, anh cảm thấy một nỗi khiếp sợ mạnh mẽ đến nỗi không thốt nên lời. Căn phòng rất trống trải, một khối hình chữ nhật với ánh sáng crom chứa lưu huỳnh nằm dọc theo sàn gỗ, màu vàng da. Xa xa phía góc phòng, bên kia những đồ gốm tráng men màu vàng và sâu trong bóng tối, anh có thể nhìn thấy một cánh cửa với núm tròn và một lỗ khóa.

“Ai đó đã khóa và đem chìa đi.”

“Một cái tủ, phải không, thưa ngài? Ngài có muốn tôi phá cửa không?”

“Kiểm tra ổ khóa trước đã.”

Dĩ nhiên đã bị khóa. Peach huých vai vào cánh cửa và đến lần thứ hai thì nó bung ra, mở toang. Burden phải thừa nhận rằng mùi tỏa ra từ đây còn kinh khủng hơn trước đó. Đôi mắt anh đã quen với bóng tối, nên có thể phân biệt được các thứ bên trong. Anh có thể nhìn thấy ánh sáng đèn màu mật lóng lánh trên mái tóc vàng dài rồi, bịt mũi bằng chiếc khăn tay, anh bước về phía trước để nhìn rõ hơn khi bước chân của những người trợ giúp vang lên trên cầu thang.

Dưới ánh sáng của những chiếc đèn họ mang đến, xác của một cô gái ở tư thế ngồi sụp xuống đang dựa vào bức tường phía sau tủ. Mái tóc, thứ mà trong bóng tối lờ mờ trông bóng loáng, thậm chí là rục rờ, giờ tạo thành từng vệt bê bết máu khô. Một lớp bụi gạch màu đỏ thẫm hiện lên trên mặt cô ta và vấy luôn cả vào chiếc áo phong màu đen mà cô ta đang mặc. Chân cô ta vẫn đang đi một đôi xăng đan cao gót màu trắng và chiếc túi xách cũng màu trắng vẫn đang khoác một bên cánh tay.

Burden đã từng nhìn thấy loại túi xách này trước đó nhưng nó được làm bằng da đen, trang trí với khóa mạ vàng và đính tán, được thêm thắt bằng những chiếc ví với đốm phát quang nhỏ, trên tay của Sandra Warner, mẹ của Megan Bartlow.

Không nghi ngờ gì nữa, cô gái đã chết này chính là Megan Bartlow. Bên trong chiếc túi xách khoác trên thi thể Megan có chứa thẻ tín dụng nhưng không có gì giống như khoản tiền được tìm thấy trên người Amber và không có chất cấm nào. Trừ khi kẻ giết người đã lục túi, còn không Wexford chắc chắn rằng một số phụ nữ mang túi xách đơn giản chỉ như một phụ kiện làm đẹp và có lẽ chẳng để gì trong đó. Trong ví của Megan có một tờ mười bảng cùng một tờ bướm quảng cáo, vài đồng bảng và một đồng năm mươi xu, không có đồ trang điểm, không khăn giấy, không điện thoại di động, không thuốc lá, không gì cả trừ một cặp kính râm bị mất một bên mắt.

Wexford và Burden ngồi trong văn phòng của Wexford, để cả đội ở lại tiếp tục điều tra từng nhà trong dãy Victoria - đường Oval và tìm kiếm chủ nhân của ngôi nhà trong dãy đó.

“Phải có ma túy chứ nhỉ,” Burden nói. “Không thì Amber Marshalson lấy đâu ra số tiền đó? Megan và Prinsip lấy đâu ra chừng đó trang thiết bị nếu không mua bán hoặc vận chuyển?”

“Chúng ta không có bằng chứng cho thấy Megan sử dụng, buôn bán hay vận chuyển ma túy,” Wexford nói. “Tất cả những gì chúng ta có để kết nối hai cô gái với nhau là thực tế họ đã gặp nhau, gọi điện cho nhau và đến Đức cùng nhau. Và khi nghĩ đến điều này thì tôi thấy thật kỳ quặc. Vấn đề giai cấp đã thay đổi rất nhiều từ khi tôi còn trẻ nhưng có vài thứ thuộc về bản chất con người không bao giờ thay đổi. Amber được sinh ra trong một gia đình khá giả nếu không muốn nói là giàu có. Cô ta không học trường tư,

đúng vậy, nhưng lại học ở một trường công rất có uy tín và sau đó là một cao đẳng đầy danh tiếng. Cô ta đã quay lại trường học sau khi sinh con để hoàn thành khóa A level. Cô ta dự định sẽ vào đại học. Bạn trai cô ta, cũng là cha của con cô ta, có lai lịch tương tự. Cha cậu ta là một cựu nghị sĩ và cậu ta đang học Đại học Edinburgh.”

“Nhưng xem lại cô gái nghèo Megan. Lớn lên trong những khu ổ chuột khác nhau cùng với một người mẹ thường được gọi là bà mẹ đơn thân bất chấp những người cha dượng bà ta đã tìm cho cô gái. Chẳng nghi ngờ gì chuyện cô gái sẽ bỏ học ở tuổi mười sáu. Nhân viên bán hàng. Sống cùng với Keith Prinsip, một trong những kẻ vô công rồi nghề, nếu như không có mấy thay đổi ở đất nước này, sẽ đẽch thềm quan tâm đến chuyện đi làm. Điều gì đã khiến hai cô gái đi cùng nhau nếu không phải là quan hệ đối tác làm ăn, nói theo một cách hoành tráng?”

“Ma túy, như tôi nói đấy,” Burden nói. “Và trả lời cho câu hỏi điều gì đã đem họ đến với nhau, thì đó chính là Lara, em gái của Megan. Cô ta vốn là bạn của Amber.”

“Đúng, nhưng dù được sinh ra trong cùng một gia đình, Lara vẫn cực kỳ khác biệt. Một cô ngốc, có thể lắm chứ. Cô ta học khác trường với chị mình, là trường của Amber, hay bất luận thế nào, cô ta cũng ở lại lâu hơn. Cô ta muốn thành công trong cuộc sống. Hãy nhìn cái cách cô ta ăn mặc hay lên giọng khi nói. Khi cô ta giới thiệu Amber với chị gái mình, tôi không nghĩ mục đích của cô ta là giúp họ trở thành bạn bè. Tôi nghĩ rằng bởi vì họ đã cùng đi chơi rồi bất ngờ gặp chị cô ta và không thể tránh khỏi phải giới thiệu hai người với nhau.”

“Nhưng đó không phải lần duy nhất, đúng không? Họ hẳn đã liên lạc với nhau mà Lara không biết. Một trong hai người, có thể là Megan, đã nhận ra điều gì đó ở Amber, điều gì đấy trong diện mạo hoặc lời nói, có thể là từ ngữ mà Amber sử dụng, khiến cô ta nhận ra rằng Amber rất phù hợp để trở thành, chà, một đối tác làm ăn.”

“Tôi có thể hiểu được tất cả những điều đó. Hầu hết những gì anh nói đều hoàn toàn chính xác. Nhưng cô ta đã nhìn thấy ma túy ở đó à? Thứ đã đánh bại thói quen nỗ lực kiên định và làm bật phát những nỗ lực thất

thường. Nó phá hủy sức mạnh tự nhiên của cuộc sống nhưng lại phát triển sự bột phát siêu nhiên của sức mạnh thất thường?”

“Gì cơ?”

“De Quincey. Tôi đã đọc quyển Lời thú tội của một kẻ nghiện ma túy người Anh của ông ta.” Vụt đứng dậy, Wexford suýt phá lên cười vì vẻ mặt ngờ ngác và có chút kinh ngạc của bạn mình. Muốn làm anh ta thất kinh hơn nữa, anh nói, “Không phải để phục vụ công việc. Giải trí chút thôi.”

“Ồ.” Trên gương mặt lịch thiệp của Burden hiện lên vẻ không tài nào hiểu nổi, khiến Wexford mỉm cười.

“Dù sao, nếu họ đang buôn lậu thì đấy không phải là thuốc phiện. Và những kẻ buôn bán thường không sử dụng nó. Nhưng tôi không nghĩ ma túy là thứ họ đang hợp tác làm ăn.”

Tất cả mọi người, không chỉ Wexford và Burden, đều biết đến nguy cơ khi giữ một giả thuyết từ trước, nhưng mỗi người trong số họ vẫn làm vậy. Suy nghĩ về người đàn ông đội mũ trùm đầu đã in sâu vào tâm trí họ. Một người đàn ông đội mũ trùm đầu được nhìn thấy trên cầu Yorstone vào thời điểm xảy ra vụ đâm xe; một người đàn ông đội mũ trùm đầu được nhìn thấy giữa đám cây cối vào ngày Mười một tháng Tám, ngày Amber bị giết. Vậy là cái chết của Amber và Megan có liên quan đến nhau, một kết luận quá rõ ràng. Vì thế tất cả mọi người, đang bắt đầu điều tra lần lượt từng nhà một, đều chờ đợi tin tức về một người đàn ông đội mũ trùm đầu được nhìn thấy ở vùng lân cận của dãy nhà Victoria. Nhưng không ai trong số những người họ nói chuyện có thể đưa ra thông tin họ mong chờ.

Nhà của bà Lyall được trang bị theo kiểu nơi ở dành cho mèo. Một loại khung leo trèo có kích cỡ của một cái cây nhỏ, tạo nên từ những thanh xà ngang, cột trụ và đường ray, tất cả được phủ bằng nỉ hay buộc bằng dây, chiếm trọn phòng khách. Một cái cột để gãi ngứa và khay tập cào được đặt ở góc khác. Bát đựng nước, bát ăn và đĩa đựng đồ ăn vặt của Ginger chiếm trọn khu vực bên dưới hốc tường trong khi cấu trúc đối xứng của những cánh cửa sổ phòng khách đã bị hủy hoại (theo quan điểm của Burden) bởi các vết mèo cào nhìn như những thiết kế tiên tiến. Nằm chổng chơ bên cạnh đó, giống như món đồ chơi vứt đi của một đứa nhóc, là con thỏ bằng vải đã

bị gặm mòn. Chủ nhân của những món đồ này hiện đang nằm ngủ giữa cái ghế sofa ba chỗ, duỗi thẳng ra và với chiều dài cơ thể của nó, khó ai có thể ngồi cạnh nó được.

Burden kiểm một cái ghế nhỏ lưng thẳng để ngồi và trong khi bà Lyall đi pha trà, anh nhắm vào Ginger, thì thầm không ra tiếng vài lời thóa mạ đã được cân nhắc kỹ. Trà và bánh được đem ra. Ginger vẫn chìm trong giấc ngủ, ngáy nhẹ nhẹ và quơ chân như mơ thấy gì đó. Burden hỏi về căn nhà số bốn trong dãy Victoria. Khu vườn của bà Lyall quay lưng vào khu vườn của căn nhà số bốn đó. Bà ta đã nhìn thấy gì từ cửa sổ phòng khách vào tuần trước? Bà ta có trông thấy ai đó ra vào bằng cửa sau không? Hoặc là nhẹ nhàng đi vào qua lối cửa sổ của phòng khách cũ nát với những tấm kính màu và chấn song uốn cong theo phong cách nghệ thuật mới nổi?

“Nếu Ginger có thể nói được,” bà Lyall nói, “nó sẽ có vài chuyện để kể. Nó dành phần lớn thời gian ở trong khu vườn đó, đối với nó, chỗ ấy giống như rừng cây nhỏ. Dĩ nhiên, nó hiểu được mọi thứ người ta nói với mình, nó là một con mèo cực kỳ thông minh. Chỉ là nó không thể nói chuyện mà thôi.” Rồi bà ta bồi thêm, “Không phải bởi vì mèo không đủ thông minh. Mà là do có gì đó trong kết cấu vòm họng của chúng. Tôi đã đọc được điều đó trong một tờ tạp chí về mèo.”

“Nhưng bà đã nhìn thấy gì, thưa bà Lyall?”

“Thình thoảng tôi nghĩ rằng mình đã sai khi để nó ra ngoài đó. Ra ngoài mọi lúc, ý tôi là vậy. Những người bạn của tôi nói rằng tôi không nên làm vậy và đúng là tôi rất lo lắng khi nó mất tích. Ý tôi là, bất cứ chuyện gì cũng có thể xảy ra với nó khi ở trong căn nhà đó. Dù kẻ nào đã giết cô gái ấy đi chẳng nữa, hẳn cũng chẳng ngần ngại giết thêm một con vật, đúng không?”

“Không hẳn thế đâu.”

Burden tự nhủ rằng, dù chuyện gì xảy ra đi chẳng nữa, anh vẫn phải duy trì thái độ lịch sự và tiếp tục thăm vấn một cách khéo léo và cân nhắc. Có lẽ anh thậm chí phải có chiến lược thích hợp hơn cho gia đình này và đặt ra những câu hỏi từ quan điểm của Ginger. Nuốt xuống một cách khó khăn và hít một hơi thật sâu, anh bắt đầu lại.

“Bà có nghĩ Ginger đã nhìn thấy ai đó có hành động đáng nghi xung quanh sân sau của căn nhà số bốn trong dãy Victoria không? Ví dụ, liệu nó có lo lắng nếu đụng phải một người đàn ông lạ mặt ở nơi, ờ, nơi nó thường hay lui tới không?”

Cảm ơn Chúa vì anh đã đến đây một mình! Thử tưởng tượng xem Barry Vine hay Karen Malahyde sẽ như thế nào khi nghe anh nói những lời vô lý đần độn này. Rõ ràng việc anh đi một mình là quyết định đúng đắn. Đặt bàn tay lơ dềnh vuốt ve lên cái đầu to và nhọn của Ginger, bà Lyall vội vàng trấn an Burden rằng con mèo của bà ta không sợ bất cứ thứ gì và cũng chẳng sợ ai. Nó dũng mãnh như một con sư tử. Chuyện tương tự cũng đã xảy ra khoảng một tuần trước, vào tối thứ Bảy, khi trời bắt đầu tối dần, nó ra ngoài qua lối đi dành cho mèo với tốc độ nhanh đến nỗi đâm cả vào cánh cửa. Bà ta nhìn ra ngoài, một cách tự nhiên, và thấy một người đàn ông đang nhìn xuyên qua một trong những khung cửa kính ở cửa sổ phòng khách của căn nhà số bốn.

Burden rất lão luyện để không hỏi bà ta xem người đàn ông đó có đội mũ trùm đầu hay không. Mặc dù câu hỏi đã hình thành sẵn trong đầu anh. “Hắn trông như thế nào?”

“Hắn quay lưng lại,” Pauline Lyall nói. “Hắn không làm gì cả, chỉ nhìn chăm chăm vào trong, tôi không thích hắn đứng đó và đã cân nhắc rất nghiêm túc về quyết định gọi cảnh sát, nhưng bất thành linh người đàn ông đó quay lại và băng qua khu vườn tới một mảng tường đổ nát rồi hướng thẳng về phía đường Pyramid. Đáng lẽ tôi nên gọi cảnh sát. Chẳng tốt lành gì khi một gã đàn ông ra ngoài và dọa nạt một con vật như thế này, đúng chứ?”

“Bà sẽ nhận ra hắn lần nữa chứ? Bà có thể mô tả lại hắn không?”

Pauline Lyall rút cho Burden một tách trà nữa. Anh nghĩ mình đã phát hiện ra vẻ thất vọng trên khuôn mặt của bà ta khi không thể rút cho Ginger một chén.

“Tất cả những gì tôi biết là hắn gầy và hơi cao. Lúc đó trời đã bắt đầu tối dần, anh biết đấy.”

“Hắn đội mũ trùm đầu đúng không?” giờ anh bắt buộc phải hỏi.

“Mũ trùm đầu? Ồ không. Lúc đó trời rất nóng. Anh biết cảm giác thế nào mà. Hẳn thì đang mặc một cái - mọi người gọi là gì ấy nhỉ? - áo phong.”

Burden cảm ơn bà ta vì tách trà rồi ra về, thăm nguyên rửa và nhật hết đồng lông của Ginger dính trên chiếc quần vải lanh màu than của mình. Có ít nhất mười ngôi nhà nhỏ trên con phố này quay lưng lại phía những khu vườn trong dãy Victoria. Karen Malahyde xuất hiện trước cửa căn nhà số bốn mươi tám khi anh đi ngang qua cổng.

“Ông già sống ở đây nói rằng thị giác của ông ta không đủ tốt để nhìn được đến tận cuối khu vườn, huống hồ là cánh cửa phía sau, nhưng một phụ nữ bốn mươi bảy tuổi đã quả quyết rằng những tấm ván lót chưa từng được đóng lên cánh cửa cho đến cuối tuần này.”

“Anh đã đến căn nhà số bốn mươi sáu chưa?”

“Chưa, thưa sếp.”

“Vây cả hai chúng ta sẽ cùng đi,” Burden nói.

Bà Spear, không nuôi mèo nhưng lại có một con chó nhỏ nhìn rất đáng nghi bám theo sát gót, một ông chồng tàn tật ngồi trên xe lăn và một con vẹt đuôi dài màu xanh ở trong lồng. Ghế của John Spear được đặt chính xác ngay trước cửa sổ phòng khách, và khu vườn của ông ta hơi chếch một chút về phía bức tường đằng sau, bức tranh toàn cảnh của dãy nhà Victoria lọt ngay vào tầm mắt ông ta. Trên chiếc bàn bên cạnh chỗ ông ta ngồi là một cái ống nhòm.

“Hầu như chẳng có gì thú vị để nhìn cả,” ông ta nói với Burden, “nhưng tôi cũng đã thấy vài điều đáng ngạc nhiên. Một con cáo đã làm tổ ở đó vào mùa xuân - chà, một cái tổ, vậy đấy. Nó đẻ con ở đó và tôi đã ngồi đây nhìn chúng chơi đùa hàng giờ đồng hồ, phải không Eileen?”

Những cư dân ở đường Oval đều bị ám ảnh bởi động vật, Burden nghĩ, nhưng ngài Spear đây chỉ vô tình bị như vậy mà thôi. Anh không có khả năng tìm được ai đó mọc rễ ở một chỗ, do đó phải nói rằng đây là vị trí thuận lợi nhất trong mười căn nhà.

“Cũng có rất nhiều chim. Chúng đánh thức tôi dậy mỗi sáng bằng tiếng hót. Thực sự, chúng còn hót hay hơn cả những cặp trai gái tán tỉnh nhau.

Nếu những gì chúng đang làm thật sự là tán tỉnh.”

“Ông có để ý đến những tấm ván gỗ trên cánh cửa sau đằng kia không, ông Spear?”

“Tôi để ý từ khi chúng có ở đó. Chúng vốn không ở đó, như chưa từng có trong suốt hai trăm năm chúng tôi sống ở đây, và giờ thì chúng lại ở đó. Eileen đẩy tôi đến đây lúc tám giờ sáng, bà ấy luôn làm thế, tôi đã nhìn sang bên đó rồi nói với bà ấy, ‘Đồng gỗ kia mới nhỉ’, và bà ấy nói, ‘Đồng gỗ nào?’. Tôi liền bảo, ‘Trên cái cửa sau căn số bốn trong dãy ấy’.”

“Ông ấy nói đúng,” bà Spear nói. “Tôi đã nhìn thấy và nói, ‘Anh nói đúng, Jack. Đồng gỗ kia mới nhỉ. Em thắc mắc không biết tại sao chúng có mặt ở đó’, tôi nói vậy và Jack trả lời, ‘Ai đó sẽ chuyển vào và đây là lý do chúng được có mặt ở đó’.”

“Ông có nhớ được ngày đầu tiên mình nhìn thấy những tấm ván gỗ đó không?” Karen hỏi.

“Để tôi nhớ lại đã.”

Con vẹt liú lo trong khi John Spear đang suy nghĩ. Bên ngoài, trong dãy nhà bỏ hoang, một cơn gió thổi xuyên qua đám cây bụi, làm tán lá rung rinh. Không có cáo, không có người, không có cả chim chóc, ngoại trừ ánh mặt trời nóng bức đang chiếu xuống.

“Nhớ rồi,” John Spear bất ngờ nói. “Không phải là ngày chúng tôi nhìn thấy một quý cô trẻ tuổi ngoài đó, mà là hôm sau đấy. Ngày chúng tôi nhìn thấy cô ta, lúc đó là đầu giờ tối, chắc tầm sáu giờ, trời đầy mây và tôi nói với Eileen, ‘Cuối cùng thời tiết cũng chịu thay đổi’. Nhưng hóa ra không phải, cái nóng tiếp tục quay trở lại vào hôm sau và ngày sau đó nữa khi đồng gỗ kia xuất hiện.”

“Cô gái trẻ nào vậy, ông Spear?”

“Chà, tôi nói là ‘quý cô trẻ tuổi’ nhưng tôi không gọi họ là quý cô khi họ mặc váy ngắn. Cô ta thì có và đang rải bước về phía đám cây bụi. Tôi đoán cô ta tới nơi mà tất cả bọn họ đều đến, băng qua đường Pyramid nơi có bức tường sắp đổ nát. Cô ta đi thẳng tới cánh cửa đó và nhìn nó. Cô ta không thử mở hoặc làm gì đấy, chỉ đứng nhìn sau đó đi mất.”

Karen đưa ra bức ảnh của Megan Bartlow và cả hai người nhà Spear nhìn vào nó.

“Không chắc lắm nhưng rất giống cô ta. Tóc có giống không, Eileen?”

“Chính xác là cô ta,” bà Spear khẳng định.

“Ông có chắc đó là vào hai ngày trước khi những tấm ván gỗ đó xuất hiện không? Megan bị sát hại vào ngày mùng Một tháng Chín. Những tấm ván gỗ được đóng lên để bảo vệ cánh cửa vào buổi chiều hoặc đêm hôm đó và ông đã thấy chúng vào buổi sáng hôm sau. Cô ta đã ở đây vào ngày mùng Một, không phải Ba mươi một tháng Tám.”

“Nhưng tôi đã nhìn thấy cô ta vào ngày Ba mươi một,” Spear khẳng định. “Đó là một ngày trời đầy mây và tôi đoán hôm đó là thứ Hai. Đó là thứ Hai, phải không, Eileen?”

“Chính xác,” Eileen nói. “Chúng tôi không thể trông thấy cô ta vào thứ Ba được, bởi vì đó là ngày xe cấp cứu đến đón Jack đi vật lý trị liệu. Chà, không phải xe cấp cứu, giờ họ có vài cái tên hay ho cho nó. Xe chuyên chở những người mất khả năng hay đại loại thế. Ủm, lúc đó chắc tầm chín giờ và phải đến tận mười giờ kém hai mươi anh mới ra ngoài cửa để chuẩn bị lên xe, đúng chứ? Và anh đã ở đó cả ngày.”

“Tôi không thể nhìn thấy cô gái đó vào thứ Ba được bởi vì tôi đã ở bệnh viện đến tận bốn giờ như Eileen nói đấy.”

“Nhằm ngày rồi,” Burden nói khi cùng Wexford bước ngang qua nhà xác. “Nhưng ông ta khẳng định mình đã thấy cô gái vào thứ Hai, không phải thứ Ba, ngày mà cô ta bị giết. Một người đàn ông bị trông thấy đang nhìn vào cửa sổ của căn nhà số bốn nhưng không giống tay hung thủ đội mũ trùm đầu của chúng ta.”

“Hung thủ lúc đó không đội mũ, đúng không? Trời lúc đó rất nóng, như bà Lyall đã nói.”

“Thời tiết tháng Tám khá nóng nhưng hân vẫn đội mũ trùm đầu đó thôi. Có điểm nào cần chú ý trong cái thực tế là cả hai cô gái đều bị sát hại vào thứ Ba không?”

“Chúng ta không chắc Megan có phải bị sát hại vào hôm đó hay không.”

Nhưng Carina Laxton đã xác nhận là vào ngày hôm đó. “Cô ta chết hôm mùng Một, thứ Ba,” Laxton nói sau đó một giờ. “Cô ta đã chết được bốn ngày khi chúng ta tìm thấy thi thể và tôi phải nói là vào sáng sớm hôm đó, chứ không phải sau bốn giờ chiều. Chắc chắn vậy. Có thể là vào giữa buổi sáng.”

“Cô có thể xác định chính xác hơn một chút được không?” Burden có vẻ cau kính.

“Không thể với cái nóng như thế này, và với cái xác bị giấu trong tủ. Tôi nghĩ là anh biết cô ta đang mang thai?”

“Tôi không biết,” Wexford nói.

“Cô ta mang một thai nhi đang trong giai đoạn phát triển. Khoảng mười bốn tuần tuổi, có lẽ vậy.”

Wexford và Hannah tìm thấy Prinsip ở nhà của Sandra và Lee Warner. Vì sự vắng mặt của Lara, nơi này nhìn bẩn thỉu và bừa bộn đến kỳ lạ. Như thế, khi có mặt ở đây, Lara luôn dọn dẹp xung quanh và đưa tất cả mọi thứ về trật tự ngăn nắp nhưng một khi cô ta rời khỏi, mọi thứ đâu lại hoàn đấy. Căn hộ ở khu Muriel Campden Estate này đang có tang, nhưng nỗi đau buồn không làm giảm đi cảm giác ngon miệng của Lee Warner. Ông ta ngồi trước ti vi, trên cái ghế sofa văng xuống, ăn bánh mì kẹp thịt với một quả trứng ốp bên trên, một suất đúp khoai tây chiên và một lát bánh mì nướng dày bên trong rưới cả đồng nước sốt cà chua. Vợ ông ta, người đã mời họ vào, mặc chiếc áo choàng dài màu trắng bị vấy bẩn bên ngoài áo phông và quần đầy mồ hôi. Bà ta xin phép một lát và quay trở lại cùng với hộp khăn giấy để bắt đầu lau khô những giọt nước mắt. Prinsip cũng có một đĩa tương tự như đĩa trên đùi Warner, thức ăn trên đó đông cứng lại vì không được sờ đến. Đặt tay lên đôi vai đang rũ xuống của anh ta, Sandra hỏi, “Các vị đã bắt được tên cầm thú đó chưa?”

“Bà không nói với chúng tôi là Megan đang mang thai,” Hannah nói.

“Cô nói gì cơ?”

“Megan đang mang thai, thưa bà Warner. Tôi cho rằng bà không biết.”

“Chắc chắn là tôi không biết rồi và cả Keith cũng thế. Ý cô là gì, mang thai ấy? Chắc có sự nhầm lẫn nào đấy.”

“Nếu đúng là như vậy thì tôi bị một cú đau quá.” Prinsip ngược khuôn mặt xám xịt lên nhìn họ, miệng anh ta há ra.

Đĩa thức ăn đã trượt ra khỏi đùi anh ta nếu Sandra không nhanh tay giữ lại. “Ý cậu ta là cậu ta đã thắt ống dẫn tinh,” bà ta nói.

“Phẫu thuật thắt ống dẫn tinh - ồ, tôi hiểu.” Hannah khá bình thản trước sự tiết lộ này, Wexford không hề ngạc nhiên. “Tuy nhiên, cô ta đã mang thai.”

“Keith,” Sandra Warner nói và ngồi xuống, châm một điếu xì gà, “đã có sáu đứa con. Hay bảy đứa nhỉ, Keith? Không, sáu thôi. Từ...,” bà ta ngừng lại, vắt óc suy nghĩ và thốt lên, “những mối quan hệ trước kia. Đó là lý do khiến cậu ta không muốn có thêm con nữa. Megan đã có một đứa, dĩ nhiên. Ý tôi là, đứa bé được nhận nuôi, đó là điều tốt nhất cho nó sau khi đã cân nhắc mọi khía cạnh. Megan muốn đứa bé có được sự khởi đầu tốt nhất trong cuộc sống, thứ mà Megan không thể cho nó được, mặc dù từ bỏ đứa trẻ thật sự đau khổ.” Bà ta dụi tàn thuốc vào phần trứng đã đông cứng, hamburger và khoai tây chiên trên đĩa của Prinsip.

“Tôi chưa thấy sự liên quan nào ở đây cả,” Burden nói khi họ về đến văn phòng của Wexford, ăn sandwich được Lynn Fancourt đem đến. “Megan đang làm cái quái gì ở đây nhà Victoria vào ngày thứ Hai nhỉ? Cô ta đã đến đó vào thứ Ba. Và tên hung thủ của chúng ta thì làm gì ở đây tối thứ Bảy tuần trước?”

“Anh có thể thông suốt mọi chuyện,” Wexford nói, “nếu anh xem xét theo chiều hướng này. Hung thủ của chúng ta, đã hẹn Megan và cuộc hẹn này có liên quan đến việc buôn bán mà cô ta và Amber đang tham gia, có thể hẳn cũng chính là người đứng ra tổ chức. Căn nhà số bốn ở đây Victoria là địa điểm hẳn chọn. Tại sao thì chúng ta cũng không biết. Có thể hẳn đã từng làm việc hoặc sống ở đó. Hôm thứ Bảy, hẳn đến đó để kiểm tra mọi thứ và tìm hiểu cách thức tốt nhất để đột nhập vào.”

“Hắn đã dàn xếp để gặp Megan ở đó, xem nào, chín giờ ba mươi sáng thứ Ba, ngày mừng Một tháng Chín. Hắn đã bảo cô ta rằng ngôi nhà trống không, sắp được chuyển đổi cùng với những khu vườn bị bỏ hoang phía sau. Cô ta sẽ băng qua những khu vườn từ đường Pyramid, nhận ra căn nhà số bốn nhờ ký hiệu gì đó, màu sắc của bức vẽ trên cánh cửa hoặc những tấm kính màu trên cửa sổ phòng khách chẳng hạn.

Bước lên bốn bậc thang và cô ta nhận ra cánh cửa bên trên không hề khóa.”

“Được, đúng đấy.” Burden nhắc lát bánh mỳ bên trên chiếc sandwich của anh ta lên và ngấm nghía thịt bò muối, salad khoai tây cùng cà chua ở bên dưới. “Bơ thực vật,” anh ta nói. “Nhưng anh có thể mong đợi điều gì chứ? Tất cả những gì anh nói đều có lý. Tôi hiểu. Chỉ có điều cô ta được cho đã làm thế vào thứ Ba, chứ không phải thứ Hai.”

“Không, nhưng giả sử cô ta có chút lo lắng về việc đến đó thì sao. Hung thủ có thể là một hình bóng đáng sợ nào đó trong đời cô ta - và với lý do thích hợp, như chúng ta giờ đã biết. Còn gì tự nhiên hơn việc cô ta thử đi theo chỉ dẫn của hắn và tới đường Pyramid sau khi kết thúc công việc hôm thứ Hai? Đi vào những khu vườn đó, nhìn xung quanh, thử mở cửa - hoặc chỉ đứng nhìn nó. Nếu mọi thứ như lời hắn nói, cô ta sẽ cảm thấy yên tâm hơn.”

“Cô ta quay trở lại vào sáng thứ Ba. Cô ta để lại lời nhắn trên cửa cửa hàng Gew-Gaws, bắt xe buýt tới Stowerton, vào những khu vườn qua đường Pyramid và phát hiện ra cửa sau của căn nhà số bốn không khóa. Ngài Jack Spear của anh không trông thấy cô ta bởi vì ông ta đang ở phía trước nhà mình, đợi xe cứu thương đến đón vào bệnh viện để vật lý trị liệu. Thấy thế nào?”

“OK. Có thể sự việc là như thế. Bánh sandwich của anh thế nào?”

“Nó sẽ ngon hơn nếu không có nước sốt mayonnaise, nước sốt mayonnaise gần như phủ đầy cả cái bánh và tôi ghét thứ đó. Nhân tiện, Hannah cũng đã tìm ra chủ nhân của dãy nhà Victoria. Đó là công ty cổ phần hữu hạn Iannoides. Họ là hai anh em họ sống tại Síp. Theo như những gì anh có thể đã nghĩ, họ hoàn toàn không quan tâm đến Megan xấu số

ngoại trừ việc cô ta bị giết trong tư gia của họ có thể gây ảnh hưởng đến việc bán những căn hộ khi chúng được hoàn thiện.”

“Họ có hợp đồng với chủ thầu xây dựng không?”

“Fish & Son of Stowerton đảm nhận phần chính còn Surrage-Samphire phụ trách phần trang trí. Rõ ràng, những dãy phòng hay “những căn hộ” này, theo lời của những chuyên viên thiết kế, tôi trích dẫn từ bản cáo bạch của họ, sẽ được ‘tái tạo’ một cách rất sang trọng. Các đường gờ mang phong cách Victoria trên trần nhà, vách ngăn, đồ gỗ chạm khắc, tay nắm cửa và tấm bảo vệ buộc ở cửa theo lối cổ, tuốt tuồn tuột. Surrage-Samphire có những chuyên gia trong lĩnh vực đồ gỗ, trát vữa thạch cao, kỹ thuật phục hồi, và vân vân.”

“Tên buồn cười nhỉ?” Burden nói. “Không phải một cái tên dễ quên. Có ai trong số những người này đã từng đến căn nhà số bốn chưa?”

“Tôi nghĩ tất cả bọn họ đều đã từng đến đó. Để kiểm tra và đánh giá. Công việc sẽ chỉ được bắt đầu vào cuối tháng.”

Khi đang đi bộ về nhà trong ánh hoàng hôn rực rỡ và nóng bức, Wexford nghĩ về Megan Bartlow. Cô ta đã có một đứa con và giờ lại mang thai một đứa nữa. Số phận của đứa trẻ này có thể đã như thế nào đây? Trẻ em dường như bị đối xử theo một cách rất tùy tiện bởi vài người như thế này, dễ dàng được thụ thai, hiển nhiên rồi, nhưng cũng dễ dàng bị vứt bỏ một khi được sinh ra, tuy nhiên trong giai đoạn mà “gia đình” được nhắc đến với sự tôn trọng và tầm ảnh hưởng lớn hơn trước đây, có lẽ chuyện này vẫn chưa được chấp thuận. Keith Prinsip có sáu đứa con, bị bỏ lại cho mẹ của chúng hoặc các bà mẹ khác, không nghi ngờ gì nữa. Sau đó tới Brand - suy nghĩ của anh thường quay trở về Brand.

Cậu nhóc bé bỏng có một người bà nữa. Nếu Vivien Hilland không tỏ ra mình giống như người mẹ của thằng bé, thì với Wexford, ấn tượng về bà ta chẳng liên quan gì đến cái cách bà ta có thể đối xử với Brand hay cái cách

Brand nhìn bà ta. Anh hồi tưởng lại chuyến viếng thăm đến ngôi nhà ở trang viên có cổng ra vào, cố gắng nhớ lại bất kỳ dấu hiệu nào của sự dịu dàng hay nhạy cảm ở bà Hilland nhưng không phát hiện được gì, song ít nhất, anh cũng nhớ được vài thứ. Đó là việc anh đã trông thấy cái tên Samphire, trên biển báo ở vườn trước nhà: Surrage-Samphire, những chuyên gia Trang trí và Phục chế. Một trong số họ, người đàn ông tên Ross, đã ngó đầu qua cửa phòng khách trong khi Wexford và Hannah đang thăm vấn bà ta; bà ta cũng nói rằng Diana Marshalsen đã giới thiệu anh ta. Sự liên quan này có ý nghĩa gì không?

Xe hơi của con gái anh đang đậu ở lề đường. Anh tự nhủ rằng mình luôn cảm thấy hạnh phúc khi nhìn thấy con cái nhưng chỉ riêng lúc này, riêng tối nay, anh muốn được ở cùng vợ mà không có sự hiện diện của Sylvia. Không phải bởi Dora chẳng còn là chính mình trong những ngày gần đây: Khi chỉ có họ với nhau, Dora không bao giờ ngừng than vãn về hành động của Sylvia và luôn chỉ trích anh vì đã “quá khoan dung” với con bé.

Dù vậy, Sylvia đang ở đây, trong nhà và chống chọi với những lời mắng mỏ từ mẹ. Anh đi gặp mấy đứa cháu trai trước. Không biết anh đến, chúng vẫn đang chơi đùa với vòi phun nước ở cuối vườn. Sylvia đang ngồi trên một chiếc ghế bành, con bé quay lại để hướng mặt về phía những cánh cửa sổ phòng khách rộng mở, mẹ con bé ngồi trên chiếc ghế ngay bên cạnh, và lúc này, con gái anh đang hò hét diễn thuyết, không nghe thấy tiếng chân bước vào phòng của anh.

“Không phải con nghi ngờ Mary, bà ta là một phụ nữ hoàn toàn tốt bụng, nhưng con nghi ngờ Naomi bảo bà ta theo dõi con và bà ta rất vui lòng hưởng ứng. Cô ta đã dẫn Mary theo khi ghé thăm. Cô ta luôn muốn biết con cảm thấy thế nào nếu Mary có thể đi chợ giúp con hay ngồi trông lũ trẻ khi con ra ngoài.”

“Vài người sẽ bảo như thế là rất tốt bụng,” Dora nói với giọng gay gắt đầy mới mẻ.

Anh lên tiếng, thông báo sự xuất hiện của mình. “Chỉ trong trường hợp con nghĩ bố đang theo dõi con thôi.”

“Ồ, bố.”

Anh tiến tới và hôn con bé. “Naomi, người gây ra những chuyện này đâu rồi?”

“Con vừa nói với mẹ rằng Naomi rất thân thiết với người phụ nữ sống ở góc đường nhà con và con biết cô ta đã thương lượng để bà ta để mắt đến con. Bà ta là một nữ hộ sinh, bố biết đấy.”

“Ai, Naomi á?”

“Không, bố ạ, đó là Mary. Naomi không tin tưởng để con có thể tự chăm sóc bản thân đúng cách khi đang mang thai.Ồ, nhưng cô ta đâu phải quan tâm đến con. Mà là đứa bé, con của cô ta. Tối qua, Mary đã đến đây - dĩ nhiên là không thềm báo trước - và hỏi rằng con có muốn bà ta kiểm tra các loại vitamin và khoáng chất con đang dùng để đảm bảo tất cả đều tốt không. Và rồi bà ta hỏi con có ăn đúng cách không. Con không phải quá béo, đó là những gì bà ta nói, và bà ta hy vọng con sẽ không ăn kiêng, khiến đứa bé trở nên còi cọc. Chú ý này, bà ta đã cười khi nói câu đó. Bà ta luôn cười ngay cả khi chẳng có gì đáng cười. Và một điều khủng khiếp là mấy thằng bé lại thích bà ta. ‘Bà ta không bao giờ ăn gian’, Ben nói vậy. ‘Dĩ nhiên bà ta không làm thế rồi’, con nói, ‘bà ta không phải mẹ của con’. Và sau đó nó nói một điều thực sự rất đau đớn, ‘Con ước thế. Con ước gì bà ấy là mẹ con’.”

“Trẻ con,” Wexford nói, “nghĩ gì là nói nấy. Bố không nghĩ có đứa trẻ nào chưa từng nói như vậy vài lần với bố mẹ của nó. Con đã từng nói thế với bố một lần khi bố không cho con đi bơi vào một ngày lạnh giá trong tháng Năm. Đó là một bể bơi ngoài trời và bạn thân của con, Louise Cole, sẽ đi. ‘Con ước gì ông Cole là bố con’, con đã nói thế và nó giống như một cái tát vào mặt bố vậy. Nhưng bố đã học được rằng khi con nói thế, đó chỉ là ý nghĩ tức thời, không phải là mãi mãi và giờ đến lượt Ben cũng vậy. Con sẽ hiểu thôi.”

Hắn là bị xúc động bởi câu chuyện, Sylvia chạm vào tay anh và nắm chặt nó. “Mary là vấn đề thực sự. Con không muốn bà ta can thiệp vào chuyện này. Không phải vì con không ưa bà ta. Thực sự là, con không nghĩ có ai đó không ưa nổi bà ta. Rõ ràng bà ta chỉ ghé qua vì Naomi yêu cầu.”

“Miễn là con biết thế,” Wexford nói. “Có thể bà ta được yêu cầu đến một lần rồi sau đó tiếp tục tự đến theo ý mình. Nếu con ưa bà ta thì chẳng có vấn đề gì nữa cả. Con không thể chỉ thư giãn và để bà ta giúp thôi sao? Và giờ bố sẽ ra vườn để gặp mấy thằng cháu trai, sau đó bố muốn một thứ gì đó để uống và ít súp. Bố đói còn cào lên rồi đây.”

Dora không nói gì, chỉ nhìn anh đi bằng ánh mắt lạnh lẽo.

“Con thực sự ghét ả Naomi đó,” Sylvia nói theo cái cách của một thiếu nữ. “Thỉnh thoảng con nghĩ là mình sẽ giết cô ta.”

Wexford cười. “Con sẽ không nghĩ đến việc nói những điều như thế trước mặt bố đâu. Bố là cảnh sát, nhớ chứ?”

Hôm đó là Chủ nhật. Nghĩ đến việc được thoải mái hẹn Bal đi uống cà phê hay một thứ gì đấy rồi xem anh ngưỡng ngừng và ngốc nghếch đến thế nào khi gặp mặt, Hannah gọi cho Karen Malahyde và hỏi xem cô ta có rảnh không.

Họ gặp nhau ở quán cà phê Parasol mới được khai trương cạnh khách sạn Olive và Dove trên bờ tây Kingsbrook. Bàn và ghế gỗ được bày biện bên dưới những chiếc ô kẻ sọc đỏ vàng. Chúng được bật hết lên vào sáng nay như mọi buổi sáng trong hàng tháng trời qua, khác xa với phong cách mặt trời của miền Nam nước Pháp.

“Tuyệt thật,” Karen nói. “Costa del Kingsmarkham. Có phiền không nếu tôi làm một điều?”

“Thoải mái đi. Cố mà tận hưởng. Tôi chắc chắn rằng người ta sẽ sớm cấm hút thuốc ở nơi công cộng thôi.”

Họ gọi cà phê latte và bởi vì đã gần trưa, lại là Chủ nhật, họ gọi thêm rượu vang. Chiếc bàn ăn dần dần được lấp đầy bởi hầu hết các cặp đôi, vì Parasol Café có phục vụ ăn trưa với rượu.

“Chủ nhật thật là chán nếu cô vẫn độc thân, đúng không?” Karen đang diễn tả đúng suy nghĩ vô cùng khó chịu của Hannah lúc này. “Tôi không biết tại sao các ngày Chủ nhật nên khác với thứ Bảy. Hầu hết các cửa hàng đều mở cửa. Không còn ai đến nhà thờ nữa. Rạp chiếu phim thì chiếu đi chiếu lại những bộ phim đã chiếu cả tuần rồi. Chúng không nên khác với những ngày thứ Bảy nhưng cuối cùng vẫn cứ khác.”

“Chuẩn, cô nói đúng.” Hannah không muốn đồng ý với cô ta. Cô muốn mình có thể nói rằng điều này không đúng với cô, cô đã có bạn trai. Chỉ mình cô ta mới không có. Và nếu cô đã có Bal trong tâm trí mình, thì cô ta sẽ chẳng bao giờ có. “Nhưng... nếu, ví dụ như, chúng ta đã kết hôn thì chắc hẳn chúng ta được mong đợi sẽ ở nhà giờ này, nướng thịt bò cho chồng mình. Ồ, đừng nhìn tôi như thế. Chúng ta sẽ không thể đâu, cả cô và tôi, song chúng ta có thể phải nhượng bộ mà ngồi xem một trận bóng bầu dục cả chiều và nhâm nhi ly trà cùng mẹ già của chàng. Nhưng hiện tại, chúng ta vẫn đang tự do và,” cô ngừng lại, chuyển sự chú ý sang hai người phụ nữ vừa tới ngồi ở một bàn gần bờ sông.

“Chuyện gì vậy?”

“Tôi không biết. Tôi nghĩ mắt mình đang phản chủ. Cô có nhìn thấy hai người phụ nữ ở cái bàn bên dưới cái cây kia không, cây sồi màu đồng ý? Người mặc váy màu hồng và đeo chuỗi hạt là Gwenda Brooks ở dãy nhà Jewel và người còn lại là bạn gái của chồng cô ta.”

“Cô đùa đấy à.”

“Tôi biết, nhưng tôi không đùa đâu. Đó là Gwenda Brooks và Paula Vincent. Khi tôi hỏi chuyện John Brooks, anh ta nói rằng mình có mối quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ đó và cho tôi địa chỉ ở Pomfret để xác minh xem anh ta có ở qua đêm với cô ta hay không.”

“Và giờ cô ta sắp ngồi ăn trưa với vợ anh ta. Cô có biết điều này nghĩa là gì không?”

“Tôi không biết, Karen, nhưng tôi sẽ tìm ra. Không, chờ đã...” Hannah nín tay cô bạn lại. “Đó là anh ta. Gã chồng!”

John Brooks đang tiến đến cái bàn bên dưới chỗ cây sồi màu đồng. Thay vì hôn hít, anh ta vỗ nhẹ vào vai hai người phụ nữ rồi ngồi xuống.

“Tìm chỗ nào đó để đậu xe,” Hannah thì thầm. Cô đứng dậy và đi về phía bàn của Brooks, Karen theo sau. Sau đó, cô nghĩ làm thế nào để quen với việc giữ được “cái đầu lạnh” trước những con người này, chắc hẳn có vài chuyện mờ ám ở đây. Có thể Brooks đã gợi ý một vài chuyện kiểu tình tay ba và Gwenda có thể đã đồng ý để duy trì dáng vẻ đáng kính mà cô ta thích thú. Nhưng phản ứng của họ khi nhìn thấy cô rất khác nhau, cụ thể là

phản ứng của vợ chồng nhà Brooks và Paula Vincent. Mặt anh ta trắng bệch còn mặt Paula thì đỏ lừ. Anh ta đứng dậy đột ngột đến nỗi hất đổ cái cốc thủy tinh, nó rơi xuống và lăn lông lốc qua bãi cỏ. Gwenda rõ ràng không biết chuyện gì đang xảy ra. Cô ta chỉ nhìn chăm chăm.

“Có lẽ anh nên có một lời giải thích, anh Brooks,” Hannah nói và bất chợt nhận ra. Cô không cần lời giải thích nào cả. Nhìn John Brooks và Paula Vincent cùng với nhau, cô thấy được sự giống nhau đã hiện ra rõ rệt như thế nào. Giống như hai anh em sinh đôi vậy. Mà cũng có thể là thế thật. “Cô Vincent là chị em của anh, đúng không?”

Gwenda trả lời câu hỏi của cô. “Dĩ nhiên rồi. Tại sao lại không chứ? Cô muốn gì đây?”

“Hiện tại, cô Brooks ạ, tôi không muốn nghe gì từ cô cả,” Hannah quay về phía Paula Vincent đã bớt kích động và trông có vẻ thách thức. “Cô có muốn giải thích gì không, cô Vincent?”

“Không có gì để nói cả. Tôi làm điều mà John muốn, thế thôi.”

“Tôi không nghĩ thế. Cô đã nói dối cảnh sát.”

“Tất cả chuyện này là gì đây?” Gwenda Brooks gào lên. “Chuyện gì đang xảy ra thế này? Tôi muốn biết. Tôi có quyền được biết chứ.”

Phớt lờ cô ta, Hannah nói, “Nói dối cảnh sát đủ để cấu thành tội, cô Vincent. Và anh cũng vậy, thưa anh Brooks. Tôi không thể nói trước bất kỳ điều gì. Tuy nhiên, hiện tại thì...”

Karen xen vào giữa lời Hannah bằng một cái gật đầu. “Cả hai bị buộc tội vì đã làm lãng phí thời gian của cảnh sát.”

Trở lại căn hộ của mình, Hannah dọn món cá hồi hun khói và salad lên chiếc bàn trên ban công nhỏ, Karen lạnh nhạt chỉ ra rằng Brooks rõ ràng không được có hành vi loạn luân ở Pomfret, hằn anh ta đã vi phạm một số hoạt động bất chính khác nếu không muốn nói là bất hợp pháp.

“Đúng, nhưng sao?” Hannah rót nước cam vào hai cốc đầy đá.

“Hiện tại, bỏ qua những suy nghĩ về vấn đề trên, tôi không thể hiểu tại sao anh ta không tới nhà người phụ nữ nào đó mà có thể cho cô biết tên của cô ta thay vì Paula Vincent. Sau cùng thì, cho đến khi cô phát hiện ra cô em

gái đi cùng với Gwenda, cô đã tin rằng anh ta phạm tội ngoại tình. Vậy dù có là ai thì khác biệt gì chứ?”

“Có sự khác biệt đấy,” Hannah nói. “Lại đây ăn nào. Dĩ nhiên việc này tạo nên sự khác biệt. Thứ nhất, người phụ nữ thực sự kia sẽ không sẵn sàng kể cho chúng ta rằng anh ta ở cùng mình. Cô ta có thể sống cùng chồng hay bạn trai. Tôi nhận ra rằng dường như không có khả năng Brooks tới chỗ cô ta hằng đêm nhưng điều đó là có thể nếu, chẳng hạn như, chồng hoặc bạn trai cô ta làm ca đêm. Theo đó, cô phải nhớ rằng nếu tên của cô em gái anh ta có đến tai người vợ thì người vợ chắc chắn sẽ nghĩ đó chỉ là trò đùa thôi. Tuy nhiên chuyện sẽ khác đi nếu tên của người phụ nữ thực sự kia đến tai cô vợ.”

Karen bật cười. “Anh ta đã liệu lĩnh khi đi ăn trưa với cả vợ và em gái mình.”

“Ồ, tôi không rõ. Thiên hạ không tin là chúng ta có đời sống riêng tư. Khi chúng ta không phải làm việc hay không mặc cảnh phục, như hiện giờ chẳng hạn, họ nghĩ chúng ta sẽ chui vào trong một cái hộp kín, đẩy nắp lại cho đến ca làm việc tiếp theo.”

“Thế những bộ phim sitcom dài tập về cảnh sát trên truyền hình thì sao?”

“Họ biết đó chỉ là dàn dựng,” Hannah nói, “và họ nghĩ là mình đúng.”

Sau khi Karen đi rồi, Hannah tìm thấy chiếc kính râm, hiệu Armani khá chất, đang đặt trên tay ghế sofa, và một tiếng sau khi điện thoại đổ chuông, cô đã chắc chắn về người đang gọi đến khi nhắc ống nghe lên và nói, “Xin chào Karen. Nó ở đây.”

Giọng của Bal nói, “Ai ở đó cơ? Em đang tổ chức tiệc à?” Bị đỏ mặt khi đang ở một mình ngớ ngẩn ngang với việc bị đỏ mặt tới hai lần khi có sự hiện diện của người khác. Đây là điều đang xảy ra với Hannah khi cô phải vật lộn để thốt nên lời, má nóng bừng và ánh mặt trời thì đang rót xuống nơi cửa ban công để mở. “Em nghĩ anh là cái kính râm. À ý em là em nghĩ anh để quên kính râm.”

“Anh có bao giờ đeo thứ đó đâu. Nếu không bận tiệc tùng, em có muốn ra ngoài đi uống thứ gì đó với anh không?”

Cô kinh ngạc. Sau lần hẹn hò trước, anh muốn gì ở cô?

Cô không thể hỏi anh điều đó. “Được thôi,” cô nói.

“Anh thấy lời mời của mình nhận được sự phản ứng nhiệt tình quá. Nhưng không sao. Khoảng một tiếng nữa anh qua được không?”

Buổi hẹn hôm thứ Sáu như chưa từng diễn ra. Anh rất tốt, ấm áp và nói rất nhiều chuyện. Ngoại trừ sự thật rằng anh rõ ràng không phải người đồng tính, anh cư xử theo cái cách đám bạn đồng tính vẫn làm khi đi chơi cùng cô. Cô có thể thoải mái thư giãn cùng họ, tự do và dễ dãi, bởi vì cô biết họ sẽ chẳng bao giờ tán tỉnh gạ gẫm cô. Nhưng, cô đang nghĩ cái quái gì thế nhỉ? Được Bal tán tỉnh, gạ gẫm trong một đêm nào đó chính là điều cô hằng mong muốn nhất...

Cô không ăn vận như lần trước. Cô thay chiếc quần trắng bằng chiếc màu đen chỉ bởi vì vào một ngày nóng bức như thế này, chiếc quần trắng trông sẽ chẳng còn sạch sẽ sau vài giờ. Họ ngồi trong vườn quán Olive và Dove, sau khi đã nói về đủ thứ trên đời dưới ánh nắng mặt trời ngoại trừ công việc của họ cũng như cuộc sống cá nhân của anh, cô bắt đầu nghĩ anh không phải đồng tính, chắc chắn không phải. Ánh mắt tán thưởng anh dành cho cô khi hai người nhìn nhau đã xác nhận điều đó. Trong lúc kích động, cô đã hỏi, “Bal, anh có bạn gái rồi phải không? Đó có phải là vấn đề?”

Anh bật cười. “Cái gì là vấn đề cơ?”

Vốn rất cởi mở, cô không thể diễn tả nên lời và bỗng lại trở nên yếu đuối, “Ồ, anh biết mà. Anh biết ý em là gì mà.”

Nụ cười của anh là nụ cười của một người đàn ông đang muốn bỏ qua cho ai đó hoặc không trêu chọc người ta nữa. “Ừ, anh ước gì mình có. Nhưng anh không có bạn gái. Nếu có thể, thì anh hy vọng là - không, anh sẽ không nói điều đó. Vẫn chưa phải lúc.”

Cô đặt tay mình lên tay anh và anh để nguyên nó đó. Một bàn tay đẹp, cô tự khen mình, dài, mịn màng và thanh mảnh, móng tay dài nhưng không được đánh bóng. Cô ghét sơn móng tay và qua cái cách anh nhìn bàn tay cô, anh cũng không thích thế.

“Nếu ý anh là,” cô nói, “em nghĩ ý anh là - không, em không thể hỏi được. Em không đến mức phóng túng như em nghĩ.”

“Hannah.” Anh nghiêng người về phía cô, ngang qua mặt bàn và nói, “Đi nào, đi dạo chút đi em. Tối nay rất đẹp. Anh không thể nói điều mà mình phải nói khi có tất cả những người này xung quanh.”

Cô định sẽ bước bên cạnh anh nhưng không chạm vào anh. Khi họ đi xuống những bậc thang đá dẫn đến lối mòn ngang qua trảng cỏ, anh cầm tay cô và khoác vào tay mình. Bầu không khí hiện giờ khá mát mẻ và tĩnh mịch, và từ phía chân trời tối tăm, trăng rằm tháng Tám đang nhú dần lên cao.

“Nếu anh biết rõ Kingsmarkham của anh như anh nghĩ, anh có thể cùng em dạo bước dọc theo những bãi cỏ này và tạt vào một quán nhỏ trên đường đến Kingsbrook. Trong lúc đó, anh sẽ cố gắng giải thích.”

Trong một quán nhỏ ở Kingsbrook từng được gọi là Anchor nhưng giờ đã đổi tên thành Gooseberry Bush, Wexford và Burden cùng vợ của hai người đang uống ly cuối cùng. Không một người đàn ông nào dám chia bữa tiệc ra thành hai nhóm nhỏ, nhóm những người đàn ông nói về việc đi mua sắm và nhóm những người phụ nữ nói về những vấn đề quốc gia đại sự, nhưng Jenny đã tự chia bữa tiệc thành như thế, cô chỉ muốn tai của Dora nghe những lời chỉ trích của cô ấy về nỗi khủng khiếp khi chinh đốn đám thanh thiếu niên thế kỷ XXI cho hợp với tấm bằng A level của chúng. Cuộc hội thoại vang đến tai Wexford, các cụm từ như “chương trình quốc gia,” “những gia đình bất thường” và “trách nhiệm của cha mẹ,” nhưng khi thử bình luận, anh liền bị Dora thô bạo gạt đi để rồi lại phải thử thêm lần nữa.

“Tại sao lại là Gooseberry Bush?” anh nói, chuyển chủ đề.

Người phục vụ quầy bar không biết.

“Tôi nghĩ là họ chỉ thích cách phát âm cái tên đó,” Burden nói. “Mặc dù giờ này chẳng có ai ăn quả lý gai^[7] nữa.”

“Tôi đã làm mút lý gai hai năm trước,” Jenny nói, “nhưng không ai muốn ăn nó cả.”

Wexford bật cười. “Anh sẽ tìm thấy những đứa trẻ bên dưới bụi lý gai. Đó là những gì bà nội kể cho tôi. Đó đã là phiên bản lỗi thời về thực tế cuộc sống ngay từ thời đó. Khi bà còn nhỏ, bà đã nghe kể rằng trẻ con được những con cò mang đến. Đó là sự giải thích hợp lý nhất, nhưng lại rất kỳ lạ vì anh xem, chẳng bao giờ có cò ở Anh cả.”

Dora ngược mắt lên, anh không biết tại sao. Việc phá đám cuộc trò chuyện với sự khó chịu của cô đã làm Burden phải nhanh chóng lái sang chuyện mình hoàn toàn chắc chắn rằng buôn lậu ma túy là nguyên nhân sâu xa dẫn đến cái chết của hai cô gái. Giá mà họ có thể tìm được một nhân chứng, giá có chút manh mối nào đó. Nhưng Burden sẽ tìm ra nó, anh ta sẽ không bao giờ bỏ cuộc.

“Giống con Buster hả?”

“Nếu anh thích gọi thế,” Burden nói khá cứng nhắc. “Tôi thì nghĩ đó là thứ gì khác. Nhưng tôi không biết đấy là thứ gì. Vấn đề là phải tìm hiểu xem cái gì có thể đem lại cho họ khoản tiền kia mà tôi thì lại không biết.” Anh nhìn Dora di chuyển ghế và ngồi quay lưng lại với anh. Đợi xem Burden có tranh cãi gì hay không nhưng anh nhận ra anh ta không định làm thế và rồi anh nói, “Trong đầu tôi hiện đang nghĩ đến hai thứ mà dường như nhìn qua thì thấy không quan trọng lắm nhưng tôi cảm thấy chúng có gì đó... rất quan trọng.”

“Ồ thế à?” Burden đang hơi nhức nhối vì bị so sánh với Drusus, giống chó ngửi mùi ma túy. “Giống như cái gì?”

“Tôi vô cùng muốn biết trang web mà Amber đã cố gắng truy cập nhưng không thành không và cô ta muốn truy cập đến nỗi phải nhờ John Brooks giúp đỡ.”

“Có lẽ một số công ty sản xuất đĩa CD nhạc pop rẻ tiền hoặc vài thứ khác mà các cô nhóc tuổi teen ưa thích. Anh biết đấy, anh cũng có hai cô con gái mà. Kem trang điểm hoặc đồ tẩy lông chân.”

“Tôi hy vọng anh đúng. Tôi chắc chắn anh sẽ bỏ qua những thứ khác với tính năng tương tự.”

“Nói thử xem.”

Wexford nghĩ, Dora đã nói rằng khi biết đến sự tồn tại của đứa bé, thái độ của Sylvia sẽ phá hủy gia đình chúng ta. Chuyện đó có phá hủy cuộc hôn nhân của chúng ta hay không? Anh nói lớn tiếng, “Giữa tháng Sáu, nhà Hilland đã đề nghị Amber tới ở căn hộ của họ vào tháng Mười một. Điều họ chưa từng nói cho chúng ta biết và chúng ta cũng không hỏi chính là việc thuê nhà. Tiền thuê được miễn phí đúng không?”

“Chắc chắn rồi.”

“Anh thực sự nghĩ thế à? Tôi thì không dám chắc. Crenthorne Heath không phải là một vùng ngoại ô quá sang trọng nhưng nó gần Luân Đôn hơn so với Croydon và nằm trên tuyến đường tàu điện ngầm. Nếu cho thuê căn hộ, họ có thể thu về hai hoặc ba trăm bảng mỗi tuần với mức giá hiện thời. Liệu họ có hào phóng đến nỗi sẵn sàng bỏ qua chừng đó tiền trong có lẽ hàng năm trời hay không?”

“Anh đang nói rằng,” Burden nói chậm rãi, “họ đề nghị Amber ở căn hộ đó nhưng có thể là với mức tiền thuê thấp hơn. Dĩ nhiên cô ta đồng ý nhưng cô ta biết mình phải bắt đầu kiếm tiền. Người cha già Marshalsen sẽ không trả khoản đó.”

“Không. Ông ta không muốn mất con gái, thậm chí nếu điều đó đồng nghĩa với việc phải nuôi cả Brand.” Wexford chợt nhìn thấy trung sĩ cùng một trong những sĩ quan cảnh sát của anh bước vào quán bar cùng nhau. Chà, đúng như anh đã nghĩ... “Ngày mai, chúng ta sẽ tìm ra điều đó,” anh nói.

Người khổng lồ mặc chiếc áo phông có chữ “Riverbank” lại một lần nữa có phiên trực ở cổng nhà Hilland nhưng sáng nay anh ta niềm nở hơn. Anh ta để xe của họ vào với một nụ cười và câu “Chào buổi sáng” đầy phấn khởi. Wexford rất ngạc nhiên khi thấy tấm bảng Surrage-Samphire vẫn còn dựng trong vườn trước nhà Hilland. Công trình dường như đã hoàn tất và nhìn rất kiểu cách, thậm chí có phần hơi quá. Sảnh của căn nhà hơi nhỏ quá

và trần thì hơi thấp để có thể mang vác những tấm ván lót cỡ lớn, những tấm khiên chạm khắc hoa mỹ cùng những bông hồng Tudotrauau trau chuốt. Nhưng Surrage-Samphire hoàn toàn hiểu rõ công việc của họ.

Vivien Hilland dường như khá ngạc nhiên trước lời khen ngợi của anh về tay nghề của thợ như thể bà ta mong đợi những tay cảnh sát hạn chế bình luận các vấn đề pháp y. Sáng nay, cả Cosima và Daniel đều không có nhà. Nhờ sự vắng mặt của hai đứa con, bà Hilland dường như bình tĩnh và ít kích động hơn. Nhưng khi Wexford nói với bà ta rằng bạn bè của Daniel đã cung cấp những bằng chứng ngoại phạm thỏa đáng vào đêm mừng Mười tháng Tám, thay vì thở phào nhẹ nhõm thì bà ta lại phẫn nộ, “Chà, dĩ nhiên rồi. Mọi người còn mong chờ điều gì nữa?”

Anh hỏi bà ta về tiền thuê căn hộ Crenthorne Heath. “Chúng tôi cho con bé thuê với giá rẻ như cho.” Bà ta có vẻ phòng thủ và anh đã hiểu được tại sao lại như thế khi hỏi bà ta chi tiết hơn, bà ta nói, “Chà, thực tế là một trăm một tuần.”

“Cô ta kiếm đâu ra một trăm một tuần cho bà, bà Hilland?” Không nghi ngờ gì, bà ta chẳng thêm bận tâm đến giọng điệu của Burden. Sự phòng thủ của bà ta thậm chí còn tăng lên khi bà ta nói, “Đó không phải mối quan tâm của chúng tôi. Nó thực sự chỉ bằng một phần ba số tiền con bé sẽ phải trả cho căn hộ nếu thuê của người khác. Thực tế là cha con bé đã gọi cho tôi và nói rằng trả tiền thuê căn hộ đồng nghĩa với việc con bé sẽ không thể chiếm được căn hộ nhưng rắc rối chưa ngừng ở đó, còn cả việc ông ta sẽ nói bất kỳ điều gì để ngăn không cho con bé đi, ông ta đã quá hồ đồ vì con bé. Còn với Diana, chị ta có rất nhiều tiền và tôi nghĩ chị ta sẽ trả tiền thuê căn hộ chỉ nhằm tống khứ con bé đi. Để tôi cho các anh biết vài chuyện. Tôi nghĩ đám con gái giống con bé cần được dạy dỗ về trách nhiệm và giá trị của đồng tiền, đó chính xác là những gì mà đề nghị của chúng tôi sẽ làm được.”

Dường như không có gì để nói thêm nữa. Khi cả hai chuẩn bị ra về, chuông cửa trước reo lên. “Chắc là đám thợ quay lại lấy đồ nghề,” bà Hilland nói.

Tiếng bước chân của ai đó vang vọng trong sảnh là câu trả lời cho tiếng chuông cửa và khi Wexford cùng Burden ra khỏi phòng, họ thấy Cosima

đang ở đó với một người đàn ông có làn da khá hồng hào khoảng ba mươi tuổi. Wexford, người hy vọng được gặp gã đàn ông tên Ross đã ở đây lần trước, tự giới thiệu bản thân và hỏi anh ta là ai.

“Tôi là Colin Fry,” tay vận động viên bóng bầu dục nói, ánh mắt anh ta dõi theo cặp chân dài của Cosima đang bước lên tầng.

“Anh làm việc cho Surrage-Samphire à?”

“Một trong những người ở đó,” Fry nói. “Còn ai khác nữa không?”

“Có tôi, Rick và ông Samphire. Chuyện của Megan, các ông đến vì chuyện đó, đúng không? Nếu ông muốn biết về chỗ đây, công việc và toàn bộ, thì hãy gặp ông Samphire. Ross Samphire. Ông ta biết mọi chuyện về chỗ đó.”

Bỏ lại cuộc điều tra về cái chết của Megan Bartlow, Wexford đi bộ về phía Gew-Gaws, cửa hàng nơi cô ta làm việc. Khi anh đẩy cửa mở, chuông cửa của Jimmy Gawson vang lên, triệu hồi vị chủ cửa hàng từ đằng sau đi ra. Wexford biết Gawson một cách qua loa đã hàng năm nay, rất lâu rồi trước khi anh ta mở cửa hàng, và cũng thích nói chuyện với anh ta vì cái chất giọng rất Etonia - hay một tay diễn viên nghiệp dư cường điệu hóa một cách thái quá giọng Etonia.

“Ồ, chào buổi sáng, ngài Chánh thanh tra,” anh ta nói, chìa bàn tay nhợt nhạt và khá ẩm ướt ra. “Tôi đã nói với những người bạn tốt của anh tất cả mọi thứ mình có thể nói về cái buổi sáng định mệnh đó, anh biết mà. Thực tế là, kể đến từng chi tiết. Tôi đã không ở đây và đến lúc tôi ở đây thì Megan bé bỏng tội nghiệp đã biến mất, còn lời nhắn của cô ta thì dán trên cửa.”

“Tôi biết. Tôi không muốn nói về chuyện đó. Tôi muốn nói về cô ta. Anh biết gì về cô ta?”

Gawson vẫy tay mời Wexford ngồi rồi tự mình ngồi xuống phía sau quầy hàng chất đầy mô hình tháp Big Ben, xe buýt Luân Đôn mini bằng nhựa, những lá cờ liên bang, những bức ảnh của Công nương Diana và những con chó bun đầu gập gù. Anh ta lấy một ống hút trên kệ, gắn vào đó một ống nicotine rồi hít mạnh.

“Phê như thuốc lá vậy,” anh ta nói, “nhưng rẻ hơn và tốt cho anh hơn. Thật tuyệt vời, phải không? Tôi đã dính vào nó ba năm nay rồi đấy.”

Nghi ngờ rằng Gawson đang dùng dụng cụ kia đúng theo mục đích nó được thiết kế ra, Wexford không bình luận gì thêm. “Anh sẽ kể cho tôi nghe về Megan.”

“Ý anh là anh nghĩ tôi sẽ kể cho anh về Megan. Câu hỏi là, tôi có biết bất kỳ điều gì về cô ta không? Cô ta hết sức bình thường, anh biết mà. Chính phủ gọi những người kiểu này là những kẻ bị xã hội loại trừ. Diễn tả thật hay, anh có nghĩ thế không? Cô ta chắc chắn sẽ bị bất kỳ tầng lớp nào ruồng bỏ.”

Wexford biết rằng nếu thô lỗ với gã đàn ông này, anh có nguy cơ sẽ không khai thác được gì từ anh ta nữa nhưng lại không kiềm chế được bản thân. “Tôi không biết là mình có mấy hứng thú với quan điểm của anh về các tầng lớp xã hội, Jimmy ạ. Cô ta là loại con gái nào? Anh thích cô ta à? Câu hỏi thật ngu ngốc, tôi nghĩ vậy. Anh quá cao quý để ham mê loại con gái như vậy mà.”

“Nào nào, anh bạn. Anh biết tất cả những gì tôi nói chỉ là đùa thôi mà. Óc hài hước của anh đâu rồi? Không có gì tổn hại đến Megan đâu, tôi tin là thế. Giọng nói của cô ta làm tôi đau màng nhĩ. Tôi thực sự tin rằng một màng nhĩ của mình đã bị hư hại vĩnh viễn bởi những cuộc tra tấn của cô ta.”

Wexford nhìn anh ta hít ống nicotine thứ ba hay bốn gì đó. “Anh đã từng thấy cô ta, chà, tiến hành bất kỳ một vụ giao dịch nào ở đây mà không hoàn toàn liên quan đến chuyện lái nhái về Cung điện Buckingham mini với những du khách không có chút tò mò chưa?”

“Ý anh là ma túy, đúng không? Ồ, tôi biết hết đấy. Có ai không biết chứ? Anh không thể giữ bí mật hoàn toàn về những vụ bắt giữ buôn bán ma túy mình tham gia trong thị trấn này. Nhưng không, tôi thì không như thế. Thành thật mà nói, tôi không nghĩ rằng cô ta có trí khôn.”

Wexford lắc lắc đầu. “Anh làm tôi thắc mắc rằng tại sao anh lại thuê cô ta đây, Jimmy. Anh đã trả lương cho cô ta dưới mức thấp nhất, đúng chứ? Anh không cần phải trả lời. Quá muộn rồi. Nhưng nếu anh tiếp tục thuê một trợ lý khác, thì tôi sẽ xem xét việc đó. Thế thôi. Bạn trai cô ta có hay đến đây không?”

Hít những hơi ngắn và liên tục đã làm gói nicotine nhanh chóng hết sạch, Jimmy Gawson gắn tiếp một ống nữa vào. “Như tôi đã nói, Megan không quá thông minh nhưng cô ấy là Einstein nếu so sánh với hẳn ta. Tôi sẽ không cho hẳn ta ở đây. Hẳn ta đã thử một hai lần gì đó nhưng tôi bảo với Megan là không đời nào. Mẹ cô ta sẽ muốn tạt qua tán gẫu gì đấy nhưng tôi cũng bác bỏ luôn. Thực tế là, anh bạn ạ, thành viên duy nhất của gia đình đó tôi sẽ không từ chối chính là người bà.”

“Bà?”

“Đó là bà Gracie Morgan. Từ rất lâu về trước khi cả thế giới còn trẻ, thanh niên và tất cả lá cây đều màu xanh, và những đứa con nhà Gawson như chúng tôi là những người thuộc dòng dõi trâm anh thế phiệt ở Kingsmarkham, điều đó rất có ý nghĩa, Gracie đã từng mang lại điều đó cho chúng tôi. Bà giờ hẳn đã chín mươi, theo như tôi biết từ Megan, cô ta đã từng đến thăm bà vài lần. Anh có thể nói rằng cùng yêu mến bà Gracie là điểm chung duy nhất giữa tôi và Megan bé bỏng tội nghiệp.”

“Thứ mà anh đang hít,” Wexford nói một cách lạnh nhạt, “được tạo ra để giúp anh cai thuốc lá, không phải để trở thành một loại ma túy thay thế khác.”

Anh rời đi, dáng vẻ trang nghiêm hơi ngượng ngùng khi cúi xuống nhặt một cái Vòng quay Luân Đôn, được làm lại bằng nhựa bạc, thì viền áo bị mắc vào một cái bàn thấp. Sau đó, anh tới gặp Burden và nói, “Jimmy đã đề cập đến một người phụ nữ tên là Grace Morgan. Tôi biết mình từng nghe thấy cái tên đó không lâu trước đây nhưng tôi không thể nhớ nổi là khi nào và ở đâu.”

“Tôi có thể,” Burden nói. “Bà ta là một trong những nhân chứng của chúng ta, hoặc sẽ là nhân chứng nếu bà ta đã nhìn thấy gì đó. Bà ta chín mươi ba tuổi và sống ở căn nhà gỗ trong rừng, nơi chúng ta nghĩ bất kỳ ai muốn ném tảng bê tông vào xe của Amber đều phải đi qua đó.”

“Bà ta cũng là bà của Megan Bartlow.”

“Ý anh là...? Đợi một chút.”

“Chúng ta không biết là Hannah và Lynn cũng đến gặp bà ta. Jimmy không hứng thú gì với đời sống cá nhân của Megan nhưng bà của cô ta thì

có thể.”

“Đúng. Vậy, chúng ta đến nói chuyện với Grace Morgan thôi.”

“Đi nào. Càng nhanh càng tốt. Tôi không muốn tỏ ra nhần tâm nhưng khi người ta đã chín mươi ba tuổi thì thần Chết lúc nào cũng sẽ kè kè bên cạnh, vậy nên việc này thực sự rất cấp bách.”

Màn sương mù la đà trên các cánh đồng. Bởi vì trời hạn hán quá lâu và đám cây cối bị thiếu nước trầm trọng, nên lá cây rất dễ rụng. Rừng cây đang chuyển sắc vàng trước khi mùa thu đến và trong khi mặt trời vẫn đang tỏa sức nóng. Mặt trời chiếu rọi qua màn sương, thiêu đốt hơi sương ở khắp mọi nơi ngoại trừ trong những bóng râm và những hố sâu hoắm. Wexford và Burden xuống xe ở đầu đường Yorstone rồi đi bộ dọc theo đường mòn dẫn vào rừng. Các quả mọng trĩu trĩu trên cây Wayfarers mọc lên ở đây chuyển từ xanh sang vàng, từ vàng sang đỏ và giờ hầu hết là màu đen. Từ xa đã có thể nghe thấy tiếng của một con chim gõ kiến đang khoan cái mỏ vào thân cây.

“Tôi thắc mắc bà ta sống ở đây bao lâu rồi,” Wexford nói. “Hàng năm trời, dĩ nhiên rồi. Có lẽ cả cuộc đời bà ta đã ở đây. Và mỗi lần bà ta ra ngoài rồi quay trở về nhà, bà ta đều phải đi qua con đường này, mang theo bất cứ cái gì mình phải mang đi, trong đó có cả những đứa con, tôi nghĩ thế.”

“Ừm.” Burden tỏ ra không mấy quan tâm.

“Anh có thể lái một cái xe ô tô dọc theo đường này. Anh có thể nhìn thấy những vết bánh xe con người đã tạo ra. Có thể do tay hung thủ để lại. Và anh có thể lái nó vào rừng - chỉ có thể là thế.” Họ đang đứng giữa đám cây cối và con đường đã hẹp dần lại. “Những thân cây ở đây mọc quá gần nhau nên không để lái xe đi xa hơn được. Hẳn chắc phải để nó lại đâu đó.” Wexford chỉ vào một nơi gần giống bãi cỏ, được che phủ bởi tảo gai và tán cây mâm xôi. “Để ở chỗ này thì cái xe sẽ gần như được che giấu hoàn toàn.”

“Đặc biệt nếu hẳn không nề hà gì về cái thân xe. Những cành lá che phủ cái xe nhưng sẽ gây ra các vết trầy xước.”

Wexford gật đầu. “Đáng tiếc là chúng ta đã không biết về điều này - vậy nên, chúng ta không có lý do gì để nghi ngờ chuyện tảng bê tông rơi từ trên

cầu xuống là một âm mưu tước đoạt đi mạng sống của Amber cho đến khi cô ta bị sát hại sáu tuần trước. Chúng ta đã nghĩ đó đơn giản chỉ là một hành động phá hoại. ‘Trả thù xã hội’, theo cách nói của một số người, không nhằm vào một đối tượng cụ thể nào.”

Nhìn thoáng qua, nhà của những người già đều trông không bình thường, như thể không có người ở vậy. Mắt họ đã không còn có thể nhìn thấy bụi bẩn và tình trạng lộn xộn nữa. Đồ trang trí thì đắt tiền và đồ handmade còn hoành tráng hơn. Những chiếc rèm cửa sổ, thường làm bằng ren hay lưới và có màu trắng đơn thuần, dính bụi, mềm rũ bên trong tấm kính bám đầy vết ruồi bâu, những cánh cửa sổ này hiếm khi được mở ra, nếu giờ chúng còn mở được, vì người già thường cảm thấy lạnh. Hầu hết bọn họ đều nghèo nhưng vẫn thường hãnh diện để họ hàng của họ nghĩ đây là sự lựa chọn trong cách sống của họ, chứ không phải chuyện cách sống ấy thực sự ra sao, cái cách bám trụ đầy bấp bênh vào cuộc sống bằng mọi giá.

Những ý nghĩ này lướt qua đầu Wexford khi nhà của Grace Morgan xuất hiện trong tầm mắt, một căn nhà bị chiếm dụng bất hợp pháp, màu nâu, phần thì lợp ngói, phần thì lợp tranh được bao xung quanh bởi một hàng cọc đổ nát. Cổng trước đã tung khỏi bản lề và đang nằm bắc qua một cái hố trên đường đi, rõ ràng được đặt ở đó để dùng như một cái cầu hay lối đi khô ráo khi thời tiết ẩm ướt. Đã quá lâu rồi thời tiết không ẩm ướt cho nên con đường tự nó cũng khô ráo và đầy bụi, một bãi cỏ đã từng xanh mướt trong khoảng rừng thưa cạnh căn nhà gỗ đang dần chuyển sang úa vàng như cỏ khô.

Không hẳn bất kỳ ngôi nhà nào ở những ngôi làng từ Framhurst đến Forby cũng đều đóng cửa sổ ngày hôm nay.

Ngoại trừ nhà của Grace Morgan. Các khung cửa trông quá dật dẹo, như thể người ta có thể chọc ngón trỏ xuyên qua tấm cửa gỗ, hay bất kỳ nỗ lực nào để mở chúng ra đều sẽ khiến toàn bộ cái cửa sổ sập xuống.

“Tôi nghĩ bà ta ra ngoài rồi,” Burden nói bằng giọng ảm đạm. “Nhưng lại không có điện thoại. Tất cả mọi người,” anh nói thêm một cách bất hợp lý, “đều có điện thoại.”

“Bà ta không ra ngoài.” Wexford đập mạnh búa gõ cửa. “Nếu làm thế, anh sẽ dọa bà ta đến chết đấy.”

“Nếu tôi không làm thế,” Wexford nói, “thì bà ta sẽ chẳng nghe thấy gì.”

Họ sắp sửa bỏ cuộc thì cuối cùng cánh cửa cũng mở ra. Grace Morgan là một phụ nữ có dáng người tí hon, cao chưa đầy mét rưỡi, gầy gò và nhăn nheo. Khuôn mặt đầy nếp nhăn và xám xịt như mạng nhện. Mớ tóc trắng còn lại được búi trên đỉnh đầu và cố định bằng hai cái kẹp tóc màu đen. Ít nhất bà ta trông không có vẻ lúng túng trước sự xuất hiện của hai người đàn ông cao to chưa từng gặp trước đây. “Các vị trông giống cảnh sát nhỉ,” bà ta nói.

“Đúng vậy, thưa bà Morgan.”

Burden chìa thẻ ngành của anh ta ra và Wexford cũng thế. “Không tốt rồi, tôi không nhìn thấy gì cả. Mọi thứ cứ mờ mờ ảo ảo. Tất cả những người tôi biết chỉ có James Mason và Michael Redgrave.”

Sau khi đưa ra bằng chứng về việc mình đã từng đi xem phim xa, Grace Morgan mở rộng cửa và lùi lại để họ bước vào. “Lần trước có hai cô gái tới. Trung sĩ hay sĩ quan gì đó, tôi cũng chẳng rõ. Tôi không tán thành để con gái làm cảnh sát. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu họ bị đánh hay bị bắn?”

Wexford nói rằng anh hy vọng điều đó sẽ không xảy ra và rằng Trung sĩ Goldsmith và Sĩ quan Fancourt là những cảnh sát rất giỏi.

“Có thể nhưng những cô gái mới là những người bị sát hại. Hãy xem đứa cháu tôi kìa, Megan ấy. Nó đã bị bắn.”

Tin rằng không cần thiết phải sửa lại lời bà ta, Wexford nói rằng đó là lý do họ đến đây nói chuyện với bà ta. Họ rất tiếc vì chuyện đó, hẳn đó phải là một cú sốc đối với bà Morgan và là một tai họa. Anh hiểu rằng cháu gái của bà ta thường xuyên ghé thăm ngôi nhà gỗ này.

“Thường xuyên, anh nói thế phải không? Tùy thuộc vào việc anh định nghĩa từ thường xuyên như thế nào. Tôi nghĩ mình đã gặp con bé ba lần kể từ Giáng sinh và hôm đó tôi ở cùng với con gái là Sandra. Tôi nghĩ mình buộc phải đến đó gặp nó. Và khi đến đây, nó đã giở trò ăn trộm.”

“Ăn trộm?”

“Đúng là thế đấy. Nó biết tôi không bao giờ tiêu hết tiền lương hưu để chuyển đến sống ở chỗ khác và ăn những bữa ăn dành cho người tàn tật. Có một cô gái đi cùng xe đạp với nó. Megan đến chỉ để mượn tiền lương hưu của tôi thôi. Chà, ‘mượn’ là cái cách mà nó nói. Tôi chưa bao giờ thấy nó trả lại, chắc chắn đấy. Tôi cho rằng Sandra chẳng bao giờ biết điều này.”

Bà Morgan dẫn hai người vào một phòng khách màu nâu sẫm chật ních những đồ đạc cùng màu và có mùi của rau luộc, mỡ tái sử dụng cùng long não, còn quần áo thì mặc từ năm này qua năm khác mà không hề được giặt giũ hay làm sạch. Thứ duy nhất trong căn phòng nhìn có niên đại ít hơn cả thế kỷ là cái ti vi. Về sau Burden nói rằng anh ta không thể hiểu được một người có ti vi mà lại không có điện thoại nhưng Wexford phủ nhận. Người ta tìm kiếm sự giải trí và tình bạn thông qua ti vi, trong khi tất cả những gì người ta thu được từ điện thoại chỉ là những lời phàn nàn và mắng chửi.

“Bà Morgan,” anh bắt đầu, “tôi đang băn khoăn liệu Megan có đến gặp bà vào buổi tối mà bà ngồi rình những con lửng hay không?”

Đó là một câu hỏi liều lĩnh nhưng khi bà ta hỏi lại, “Nó làm gì cơ?” anh lặp lại câu hỏi và nhắc bà ta về buổi tối mà bà ta đã nhìn thấy bóng cái mũ trùm đầu trong rừng, bà ta nhìn thấy vì đang ngồi rình những con lửng.

“Chúng còn hay hơn cả ti vi, thật sự là thế, giá mà anh có thể thấy chúng. Nếu không có ai xuất hiện và khiến tất cả bọn chúng chạy tán loạn.”

“Megan có làm vậy không, thưa bà Morgan?”

“Nó ở trên lầu. Nó muốn năm mươi bảng từ tôi và tôi bảo nó lên lầu mà lấy, để nó biến khỏi con đường nơi tôi đang ngồi rình những con lửng nhưng tối đó chúng chẳng đến.”

“Người đàn ông đội mũ trùm đầu, thưa bà Morgan,” Wexford cảm thấy tim mình bắt đầu chùng xuống. Liệu anh có phạm sai lầm lần nữa không? “Có thể nào Megan đã nhìn thấy hản từ trên lầu không? Cô ta có đề cập đến việc nhìn thấy một người đàn ông không?”

“Không. Có hai phòng trên đó. Tôi bảo nó đến phòng đằng sau. Đó là nơi tôi cất tiền lương của mình, hiểu không? Tôi nói nó mang hết xuống đây và tôi sẽ cho nó năm mươi đồng. Thế là nó đi lấy, sau đó kẻ đội mũ trùm đầu xuất hiện rồi biến mất. Nó đi xuống với cái hộp đựng tiền, có một

trăm ba mươi lăm bảng trong đó. Tôi cho nó năm tờ mười bảng, thế mà nó còn dám đòi thêm. Vâng, không phải nói xấu người đã chết đâu.”

“Megan đã ở lại với bà bao lâu?” Burden hỏi. Anh ta đang mặc cái áo jacket gọn nhẹ mới với làn da hơi rám nắng và bắt đầu bắn khoăn không biết liệu mùi ở đây có ám vào vải hay không. Phải về giặt khô lần nữa rồi, anh ta nghĩ. “Năm phút? Mười phút? Hay lâu hơn?”

“Tôi đoán chừng hai mươi phút. Trời đã tối. Tôi nói, nếu mày có đèn pin thì hãy đi xuyên qua rừng mà về nhà và nó nói nó có đèn xe đạp.”

“Cô ta đến đây bằng xe đạp à?”

“Đúng vậy đấy. Nó rời đi. Tôi nói với nó, ‘đừng có đến đây làm phiền nữa nếu tất cả những gì mày muốn chỉ là tiền’. Không phải nói xấu người đã chết, đúng chứ?”

Không khí trong rừng có mùi thật tuyệt. Giống như hoa, rơm mới gặt và táo chín, Burden nói, đầy trữ tình dù không phải mùi hương điển hình. Họ quay trở lại con đường, hít thở không khí có mùi thơm với niềm vui sâu sắc.

“Anh nghĩ sao?” Burden nói, hít hà áo khoác của mình như vẫn làm sau khi vào một quán rượu đầy khói thuốc.

“Tôi nghĩ gì á? Tôi nghĩ Grace đã đúng khi bà ta nói Megan không thể nhìn thấy gã đội mũ trùm đầu từ trên lầu lúc hắn đang trên đường đến cây cầu, nhưng cô ta đã thấy hắn lúc hắn quay lại. Cô ta rời khỏi nhà bà mình vừa vặn đúng thời điểm hắn quay trở lại.”

“Nếu hắn quay lại. Nếu hắn không đi lên cây cầu thì sao.”

“Tôi nghĩ hắn đã quay lại, Mike ạ. Hắn muốn trở lại con đường mình đã đi bởi vì đi qua cầu có nghĩa là: (a) Xe của hắn, dù là loại gì đi chăng nữa, cũng phải đậu ở phía bên kia đường và (b) nếu tiếp tục đi thì hắn sẽ phải đi đường vòng dài ít nhất sáu dặm trước khi tìm được lối về chỗ cái xe. Không, Megan đã trông thấy hắn. Đó là những gì tôi nghĩ. Hắn có thấy cô ta hay không thì chúng ta không biết. Cô ta thấy hắn và biết hắn.”

“Làm sao anh nghĩ ra được thế?”

“Bởi vì cô ta đã tìm hẩn lần nữa. Cô ta biết chỗ nào để tìm. Tôi không nói rằng cô ta biết rõ hẩn hay là chỉ nhìn thấy hẩn thôi. Và rồi...”

“Anh nghĩ cô ta đã tổng tiền hẩn?” Burden nói.

“Tôi nghĩ là cô ta đã thử. Như bà Morgan đã nói, không phải nói xấu người đã chết, nhưng Megan Bartlow không hoàn toàn là một cô gái ngoan, đúng không? Cô ta vay tiền bà mình, người dường như chẳng còn gì để dựa vào mà sống ngoại trừ vài đồng lương hưu, song không thêm trả lại. Có thể là không chính xác và khôn ngoan để nói như thế này nhưng tôi không quan tâm mấy đến cô gái đang sống chung với một người đàn ông mà lại có thai với người khác. Mặc dù chúng ta không biết cụ thể nó là gì nhưng cô ta đang tiến hành một phi vụ phạm pháp.”

“Vận chuyển ma túy,” Burden nói.

“Anh làm tôi nhớ đến thằng cha ở Roman Senate từng diễn thuyết trước công chúng rằng ‘Carthage phải bị hủy diệt’. Delenda est Carthago.”

“Và?”

“À, cuối cùng thì nó cũng bị hủy diệt. Hết chuyện.” Quay trở về trong xe, nơi Donaldson đang ngồi chờ họ, Burden nói với vẻ đắc thắng, “Đấy, tôi đã bảo mà. Quan điểm của tôi đúng. Đó là ma túy.”

Wexford phớt lờ anh ta. “Tôi không có khúc mắc gì khi tin rằng cô ta đã tổng tiền hung thủ.” Chiếc xe nổ máy và không khí mát mẻ bắt đầu tràn vào. “Tốt hơn rồi đấy,” anh nói. “Dự báo là sắp tới sẽ có một trận bão. Tôi nghĩ cô ta đã nhìn thấy hẩn từ cầu quay trở lại, có lẽ là trông thấy hẩn đang chui vào chiếc xe mà rất có thể đã được hẩn giấu ở nơi chúng ta đoán và có lẽ không nghĩ nhiều về nó cho đến khi vụ tai nạn xuất hiện trên tờ Người đưa tin và Lara nói cho cô ta biết hoặc Amber đã bảo cô ta rằng mình có liên quan đến vụ đó. Thậm chí sau đó, cô ta sẽ không nghĩ hung thủ là tên giết người, mà chỉ là một kẻ nổi loạn, loại người mà Megan không ngờ là có dính dáng đến mạng sống của cô ta.”

“Nhưng khi Amber bị giết, cô ta đã nhận thấy có gì đó khác biệt.”

“Chính xác. Dù Jimmy Gawson có nói gì, chúng ta vẫn không có lý do để nghĩ rằng Megan là một cô gái gốc nghèo. Cô ta đã liên kết hai sự việc

với nhau và rút ra kết luận rằng gã đội mũ trùm đầu đã âm mưu giết hại Amber lần đầu bằng tảng bê tông thả từ trên cầu xuống và tới lần thứ hai thì hắn đã thành công.”

“Prinsip liệu có biết gì về vụ này không?”

“Tôi không chắc nhưng chúng ta cứ thử hỏi anh ta xem. Hỏi cả Lara và bà mẹ nữa nhưng những kẻ tổng tiền thường không hay giải bày tâm sự trong những ngày này, chúng ta phải gọi cho người thân của họ hoặc bất cứ ai khác, để tìm ra điều đó. Thật nực cười phải không, ‘những người thân’ thường nói về mối quan hệ với gia đình khi giữa họ không tồn tại tình yêu. Không, Megan biết danh tính của hung thủ và cô ta giấu nhem đi. Khi thời cơ chín muồi, cô ta đến gặp hắn và yêu cầu trả giá cho sự im lặng. Một hành động khá liều lĩnh, như chúng ta đều biết. Cô ta hẹn gặp hắn vào sáng thứ Ba. Giờ chúng ta biết cô ta đã chết trong căn nhà đó vào sáng thứ Ba. Cô ta đến cửa hàng Gew-Gaws lúc chín giờ, để lại lời nhắn trên cửa và, biết rằng Jimmy Gawson không bao giờ đến trước mười giờ, nên đã tới Stowerton bằng xe buýt, hy vọng mọi chuyện sẽ suôn sẻ và sẽ quay trở lại trước mười giờ.”

“OK. Rất tốt. Tôi hiểu rồi. Nhưng điều đó có nghĩa là hắn có thể là bất kỳ ai. Gần như bất kỳ ai cũng có thể đến ngôi nhà ở dãy Victoria đó.”

“Cho tôi nghỉ một lát, Mike,” Wexford nói. “Không giống như Bà Hoàng Trắng, tôi không thể nghĩ sáu vấn đề không tương cùng lúc trước bữa sáng.”

“Nhắc mới nhớ, tôi đã tham dự vào cuộc điều tra này sớm đến nỗi chưa có gì vào bụng.”

“Cả tôi nữa. Tôi nghĩ chúng ta nên kiếm gì ăn thôi. Thời thế thay đổi rồi, phải không. Ngoại tình giờ không còn là tội ác nữa, mặc kệ mấy vụ ngoại tình đó đi. Đánh người và chưa cần biết người ta có thể đi lại được nữa hay không, anh sẽ phải bóc lịch hai năm. Lái xe khi say và đâm chết hai đứa trẻ, anh sẽ bị tước quyền lái xe một thời gian và bị tuyên án tới chín tháng tù. Hút ma túy là ‘việc mà ai cũng làm’, nhưng chỉ cần hút một điếu thuốc là anh sẽ biến thành kẻ cặn bã dù điều đó chả là gì so với việc ăn sáng trong một quán ăn rẻ tiền. Đó là tội nặng nhất. Thế nào?”

“Tại sao không?” Burden nói.

Cố gắng tập trung vào đồng giấy tờ cần phải được hoàn thành trước khi kết tội John Brooks và em gái anh ta đánh lạc hướng điều tra, Hannah để suy nghĩ trôi dạt trở lại buổi tối trước đó. Lúc bước vào Gooseberry Bush, cô và Bal đã đụng phải sếp, vợ sếp, Trung sĩ Burden và vợ anh ta, một cuộc gặp gỡ hoàn toàn làm cô xấu hổ. Thực sự, việc sẽ còn tồi tệ hơn nếu tất cả bọn họ cùng có mặt ở đó. Bal đã đi mua đồ uống và sau đó, chạm vào tay cô nhưng không nắm lấy, anh nói, “Anh không thể sống độc thân, anh không ‘giữ mình cho cuộc hôn nhân’, cái cách mà nghi lễ trình tiết mới khuyến khích, mặc dù anh nghĩ cha mẹ mình sẽ thích nó nếu anh làm theo. Với họ, nó chẳng có ý nghĩa gì cả. Đó là - chà, nếu và khi anh bắt đầu một mối quan hệ, anh muốn nó phải thật nghiêm túc. Anh không muốn kiểu tình một đêm, anh không muốn mặc nó muốn ra sao thì ra, anh không muốn một mối tình ngoài luồng với ai đó bởi vì anh ở đây và cô ấy cũng ở đây. Em có hiểu không?”

“Em chịu,” Hannah đã nói.

“Anh ước gì mình không phải sử dụng quá nhiều từ khó hiểu. Ý anh là, anh ước gì mình đã không nói về ‘cam kết’ nhưng nó diễn tả đúng điều anh đang muốn nói. Đó là, nếu anh dự định bắt đầu gặp gỡ một ai đó - em chẳng hạn - thì anh muốn hiểu rõ em trước. Anh muốn biết em thích và không thích gì, và anh cũng muốn em biết anh thích và không thích gì. Anh muốn chúng ta hiểu về gia đình của nhau, hiểu được những gì chúng ta tin tưởng và không tin tưởng, điều mà chúng ta đang hướng tới hoặc muốn tránh né. Tất cả những thứ như vậy.”

Hannah gắng sức nói, “Ý anh là anh không muốn làm tình với em cho đến khi anh quen em đủ lâu? Bằng cách ấy, anh có thể không bao giờ phải làm điều đó.”

Anh bật cười. “Không phải đủ lâu. Có thể là một vài tuần thôi. Khủng khiếp vậy sao?”

“Em nghĩ là không,” cô nói. “Điều này, thực sự, có chút xấu hổ.”

“Chỉ bởi vì em không quen với chuyện đó. Anh không quen với chuyện đó. Chúng ta quen làm tình với một ai đó ngay lần đầu tiên hẹn hò nếu chúng ta thích họ. Làm tình trước và nói chuyện sau. Anh đã đạt đến mức mà anh muốn làm điều ngược lại với em, cô trung sĩ yêu quý ạ, bởi vì anh có cảm giác rằng mối quan hệ này có thể sẽ rất nghiêm túc. Vì thế em có sẵn lòng đi xem phim với anh một tối nào đó trong tuần này không?”

Dĩ nhiên cô trả lời là muốn. Anh đưa cô về nhà và hôn cô nhưng không vào nhà. Cô muốn lên giường nằm suy nghĩ về chuyện này song cơn buồn ngủ ập đến trước khi cô có thể làm vậy. Và giờ cô phải xử lý đồng văn bản này...

Thịt xông khói và trứng (mà theo lời mô tả của chủ quán Queen’s Cafe, là phong cách của nước Mỹ, tức là “lòng đỏ hướng lên trên”), khoai tây chiên, bánh mì nướng, cà chua nướng (“sự lựa chọn cho sức khỏe”) và nấm nướng. Lâu lắm rồi Wexford chưa từng thấy thích thú một bữa ăn nào nhiều đến thế. Điều duy nhất phá hỏng nó là có thể Darren Lovelace sẽ đến uống cappuccino và chứng kiến niềm thích thú của anh. Chạm mặt con gái, Sylvia, ngay khi anh và Burden bước ra ánh mặt trời chói chang của phố Queen là điều không hề được báo trước, mặc dù Sylvia đã ngay lập tức nhận ra đặc điểm của nơi anh vừa mới bước ra.

“Nghe con kể,” anh nói, “và ai cũng sẽ nghĩ bố vừa từ nhà chứa bước ra.”

“Nơi có thể ít gây ảnh hưởng xấu tới tim của bố.”

Cô giới thiệu bố với người đi cùng. “Đây là Mary Beaumont. Mary, đây là bố tôi và đây là Mike Burden.”

“Tôi đã nghe rất nhiều về các anh,” Mary nói, rõ ràng ám chỉ cả hai. “Cảnh sát, đúng không? Tôi không quan tâm mọi người nói gì, tôi nghĩ các anh đang làm một công việc cao quý. Cao quý. Từ đó không hợp với tôi. Anh có thể bị ăn một dao hoặc lãnh một viên đạn xuyên qua người bất kỳ lúc nào.”

“Chúng tôi không quen với việc được khen ngợi nhiều đến thế đâu,” Wexford nói. “Gậy, bọn tôi thường hay ăn chứ đạn thì không. Dù sao thì, cũng chẳng phải thường xuyên.”

Bà ta đặt tay lên cánh tay anh và cười tươi. Bà ta là một phụ nữ da đen rất đầy đặn ở độ tuổi tứ tuần, mặc một chiếc váy đỏ tươi thêu những bông hoa trắng và đen lớn; nụ cười của bà ta giống trong một quảng cáo nha khoa thẩm mỹ. “Tôi chỉ đang giúp Syl đi chợ. ‘Tôi không cần bà, Mary ạ. Tôi có xe mà’, Sylvia đã nói vậy nhưng tôi lại nói, ‘Vậy cô có thể lái xe vào siêu thị à? Cô nó thể mang nó vào trong thang máy của Marks & Sparks à?’.”

Giọng lạnh lùng, Sylvia (chưa bao giờ bị gọi là Syl) nói, “Mary rất tốt bụng.”

“Và đừng nghĩ đó chỉ là vì Naomi yêu cầu tôi. Đây là vinh hạnh của tôi, cô phải biết điều đó.”

Wexford và Burden nói tạm biệt và rằng họ rất vui được gặp bà ta. “Giờ đến chỗ Sandra Warner chứ?” Burden nói.

“Mike, tôi nghĩ chúng ta sẽ bảo bà ta và Prinsip tới trụ sở. Tôi không thể chịu nổi chỗ của Sandra và chồng bà ta. Nhất là sau khi đã ăn sáng.”

Prinsip, ngồi dưới bức tranh hình khối, từ cái cách anh ta đi đi di lại đôi giày đinh nặng nề của mình trên tấm thảm, dường như anh ta đang quyết tâm muốn khoét thủng nó. Hành động này đã chọc tức Sandra Warner đến nỗi phải kêu anh ta ngừng lại.

“Tôi không thể. Nó khiến tôi lo lắng,” anh ta nói. “Đó là những gì tôi đang cảm thấy.”

“Tôi cũng cảm thấy thế,” Sandra nói.

Kể từ lần cuối gặp Wexford, bà ta đã nhuộm tóc thành màu đen tuyền. Có lẽ không phải vì đám tang, ý tưởng quá kỳ lạ, nhưng với anh, đó dường như là một sự trùng hợp ngẫu nhiên. Những chiếc khuyên lớn làm bằng vàng, và đều có kích cỡ to bằng cái vòng, treo lủng lẳng trên hai tai bà ta. Bà ta mặc một cái váy ngắn màu đỏ và áo phông bó sát. Cả bà ta và Prinsip đều liên tục hút thuốc. Những đề xuất biến khu vực đồn cảnh sát Kingsmarkham thành một nơi không có khói thuốc đã liên tục được đưa ra nhưng với sự phản đối từ Cảnh sát trưởng, vốn cũng là một người hút thuốc, và từ Wexford, người coi chuyện đó có chút tàn nhẫn, đã bị trì hoãn vô thời hạn. Hiện giờ, anh nghĩ, mình đang phải trả giá cho sự khoan dung của bản thân đối với thứ dường như là nguyên nhân dẫn đến bệnh hen suyễn.

Anh cố gắng không ho, nhưng điều đó càng khiến cơn ho của anh tồi tệ hơn. Đương nhiên, Prinsip và Sandra nghĩ rằng anh đang làm bộ và Prinsip lại đốt một điếu nữa từ bao thuốc cuối cùng, tiếp tục chà xát chiếc giày bên phải của mình lên thảm.

Thấy Wexford tạm thời mất khả năng nói, Burden lên tiếng hỏi, “Các vị không nghĩ được gã này có thể là ai à?”

“Tôi, tôi vừa nghĩ ra,” Prinsip nói.

“OK. Chúng tôi đang lắng nghe đây.”

“Hắn giống như một người cha, phải không?”

“Người cha?”

Hất nhẹ mái tóc đen dài về phía sau, Sandra trả lời thay anh ta. “Các anh không muốn nghe cậu ta nói đâu. Cậu ta giống như bị ám vậy. Cậu ta bị ám ảnh rằng có một thằng cha nào đó mà Meg đã gặp gỡ và đó là cha của đứa bé nó đang mang trong mình. Chà, các vị không thể đổ lỗi cho cậu ta được, đúng không? Đây hẳn phải là một ai đó.”

“Vậy ý của bà, bà Warner, là người đàn ông này,” Burden lưỡng lự khi anh quyết định xem mô tả như thế nào là tốt nhất, “đang... ờ, có quan hệ với Megan?” Anh ta quay đi, không nhìn thấy Wexford đang nhăn mặt. “Anh Prinsip?”

“Dĩ nhiên là thế,” Prinsip nói. “Còn gì nữa không? Nếu hắn dám đến gần tôi, tôi sẽ giết hắn ngay.” Mặc dù rất chậm rãi, Keith Prinsip dường như nhận ra một cách lơ mờ rằng thật không khôn ngoan khi nói những lời như vậy trước mặt hai cảnh sát. Anh ta sửa lại, “Tôi sẽ khiến hắn phải hối hận,” anh ta thêm vào, “Hắn sẽ không dám tái phạm đâu.”

Tin rằng nên bảo vệ đức hạnh của con gái mình, Sandra nói, “Không có chuyện đó đâu. Gã này có thể là một khách hàng con bé đã từng gặp ở cửa hàng trước đó. Tôi tin rằng đứa bé trong bụng của nó là con Keith. Tất cả mọi người đều biết thực tế là việc thắt ống dẫn tinh không phải lúc nào cũng thành công một trăm phần trăm.” Bà ta mỉm cười trêu mếu với Prinsip. “Đối với một gã còn trẻ mà lại sung sức như Keith.”

Prinsip trẻ và sung sức thở dài nặng nề, mặt xám ngoét và chảy xệ, ngực lõm xuống và đôi tay run rẩy. “Thôi ngay cái trò mà anh đang làm với cái thảm đi Keith,” Sandra nói, “hút thêm điếu nữa đi. Và có thể đưa tôi một điếu.”

Lấy giọng chinh tề, Wexford nói, “Chúng tôi tin rằng gã đàn ông này là kẻ đã giết Megan. Tôi biết tất cả những điều đó khiến cả hai vị cảm thấy

đau lòng nhưng tôi nghĩ mình cần phải giải thích. Chúng tôi tin là Megan đã thấy hắc trở ra từ phía cầu Yorstone xuyên qua cánh rừng nơi mẹ bà sinh sống, bà Warner. Có khả năng là cô ta đã đe dọa sẽ báo cảnh sát nếu hắc không trả công cho sự im lặng của cô ta. Tôi rất tiếc khi phải nói với bà điều này.”

Hối hận là một điều không cần thiết vì Sandra chẳng hiểu anh đang nói gì cả. “Chẹp, tôi chẳng hiểu anh đang nói cái gì. Ai là thằng cha kia?”

Burden thở dài, nhưng giấu đi. Khuôn mặt anh vẫn hiện vẻ bình tĩnh và kiên nhẫn. “Chúng tôi hy vọng các vị có thể nói cho chúng tôi biết, bà Warner ạ.” Anh ta hết nhìn Sandra rồi nhìn sang Prinsip và quay lại phía bà ta. “Megan có đề cập đến chuyện này với cả hai - hay một trong hai người không? Cô ta có bao giờ nói rằng mình đã thấy một người đàn ông mà nghi ngờ là có liên quan đến vụ tai nạn xe hơi dưới cầu Yorstone không? Cô ta không nói gì về người đàn ông trong rừng vào buổi tối cô ta đến nhà bà Morgan ư? Không có gì giúp nhận ra hắc khi cô ta thấy hắc lần nữa à?”

“Đối với tôi điều đó chẳng có nghĩa lý gì cả,” Prinsip nói. “Tôi cũng thế, Keith.”

Một tảng bê tông, một viên gạch, có có thể là hai loại gạch khác nhau... “Bà có biết ai làm trong lĩnh vực xây dựng không, bà Warner?” Wexford hỏi. “Megan có biết không? Còn ông nữa, ông Prinsip?”

“Chỉ có ông Lee nhà tôi,” Sandra nói, “và ông ấy đã không còn làm ngành đó suốt từ hồi ông ấy thôi việc năm chín sáu.”

“Tôi nghĩ cô ta chỉ vô tình thấy hắc trên phố,” Burden nói sau khi rời khỏi. “Gặp hắc và nhận ra hắc là người mình đã thấy trong rừng.”

Wexford tiếp tục dựng lại kịch bản. “Chúng ta phải nhớ rằng lần đầu tiên trông thấy hung thủ, có thể cô ta không biết hắc. Hắc chỉ là một người đàn ông đi bộ xuyên qua rừng vào buổi tối. Trời rất tối và cô ta, nếu không sợ hãi thì cũng có đôi chút hoảng hốt, đã nhận ra sự xuất hiện của hắc. Điều này lý giải tại sao cô ta chú ý tới hắc. Tôi dám cá rằng về sau cô ta sẽ không nhớ ra hắc nếu không trông thấy hắc lúc ban ngày ban mặt tại High Street ngoại trừ việc cô ta thấy hắc trong rừng tối. Thấy hắc, không nghi ngờ gì nữa, bằng chiếc đèn xe đạp.”

“Thế sau đó, cô ta gặp lại hắn ở đâu?”

“Nếu biết được điều ấy, chúng ta sẽ tiến gần hơn tới câu trả lời cho tất cả chuyện này.”

Sau đó họ tới văn phòng của Wexford, một căn phòng có những bức màn che lát gỗ mỏng đã kéo xuống nửa chừng từ hàng tuần nay để che ánh nắng chói chang. Sáng nay ánh nắng trái mùa lần đầu tiên bị bao phủ trong một lớp mây mỏng và giờ bị che khuất trong đám mây tích^[8]. Wexford mở các bức màn che, sau đó kéo chúng lên để thấy được bức tranh toàn cảnh bầu trời của những đám mây giống như các dãy núi, trông như nhìn từ trên máy bay xuống những làn hơi nước màu trắng, xám và tím phập phồng thành một cảnh quan tuyệt vời.

“Trời vẫn nóng,” anh nói, “Chúng ta chưa hoàn thành một, chà, một bài phân tích tính cách về gã đàn ông chúng ta đang tìm kiếm. Đó là một gã đàn ông, đúng chứ?”

“Tôi nghĩ vậy. Chúng ta nên giả định rằng đó là một người đàn ông trong khi để ngỏ khả năng rằng đó có thể là một phụ nữ cực kỳ khỏe mạnh.”

“Hắn trẻ, tầm tuổi trung niên, tôi nghĩ vậy. Bốn mươi hoặc hơn chút. Hắn biết rõ vùng này. Hắn có xe con hoặc xe tải. Có thể thất nghiệp. Mặt khác, bằng cách này hay cách khác, hắn đã tham gia vào một số phi vụ bất hợp pháp.”

“Vận chuyển ma túy,” Burden nói.

“Delenda est Carthago. Hắn đã làm chuyện gì đó phạm pháp. Đây là động cơ khiến hắn cố sát hại Amber vào tháng Sáu, và giết cô ta vào tháng Tám.”

“Nhưng không phải động cơ để sát hại Megan sao?”

“Chúng ta đều nhận định được động cơ để sát hại cô ta là bắt kẻ tổng tiền phải câm họng.”

“Nhưng điều đó không đúng,” Burden phản đối. “Hai cô gái đều quen biết nhau. Họ cùng nhau vận chuyển ma túy đến Frankfurt. Làm ơn đừng nói mấy thứ kiểu ‘hủy diệt’ vớ vẩn gì đó nữa đi. Họ đến Frankfurt cùng nhau vì mục đích công việc. Không phải họ vốn là bạn bè mà họ biết nhau,

không nghi ngờ gì, thông qua Lara - em gái của Megan. Cả hai người đều biết hung thủ. Hung thủ cũng biết họ. Hẳn bảo họ đi chuyển đó. Điều này có nghĩa là khi Megan thấy hắc trong rừng thì cô ta đã biết hắc rồi. Có thể nói, hắc là người thuê cô ta.”

“Vì thế?”

“Cô ta vẫn dám tổng tiền hắc ư? Cô ta biết hắc là một kẻ buôn lậu tàn bạo. Cô ta hẳn phải biết rõ những gì hắc có thể làm được. Thực tế là, cô ta biết. Cô ta biết hắc đã cố giết Amber lần đầu tiên, và sau đó đã thành công.”

Wexford ngồi xuống đằng sau bàn làm việc. Không khí trở nên nặng nề. Anh bắt đầu có cái cảm giác một vài người phải chịu khi áp lực không khí bất thành linh ép xuống, mệt mỏi, mạch đập dồn dập. “Không đúng, Mike ạ,” anh nói, “việc anh khẳng định là có liên quan đến ma túy ấy, và rằng hung thủ đã thuê hai cô gái vận chuyển ma túy cho hắc.Ồ, tôi biết hai người họ có khả năng đã làm điều gì đó mà họ không nên làm, chắc chắn đấy, nhưng không có tay mua bán ma túy nào dính vào cả, không có nhân vật tàn bạo nào trả tiền cho họ để vận chuyển các chất hạng A tới Đức cả. Anh có bao nhiêu đầu mối ma túy cũ để tra hỏi rồi?”

“Hai mươi chín,” Burden nhanh chóng nói.

“Và anh có thấy một lời nào từ bọn chúng ám chỉ Amber và Megan không? Không có, đúng không?”

“Bởi vì anh nói thế, nên không.”

“Những cô gái này không biết hung thủ, không ai trong cả hai người biết cho đến khi Megan trông thấy hắc trong rừng. Cô ta không nhận ra hắc, cô ta chưa từng thấy hắc trước đó. Một thời gian sau - có thể là vài tuần sau - cô ta đọc tin tức hoặc có ai đó đã kể với cô ta về tảng bê tông rơi từ trên cầu cùng vụ tai nạn xe hơi có liên quan đến Amber. Lúc đó cô ta nhận ra rằng người đàn ông cô ta đã nhìn thấy có thể là hung thủ. Thời gian trôi qua, vài tuần sau nữa, và trong suốt thời gian ấy, có thể hai cô gái đã gặp nhau vì lý do nào đấy, họ đã đi du lịch tới Frankfurt cùng nhau trước đó. Rồi Amber bị giết. Một ngày hoặc một tuần sau đó, Megan nhìn thấy hung thủ - trên phố, trong cửa hàng, khi đang lái xe - và nhận ra hắc. Cô ta tìm thấy nơi hắc sống và họ gặp nhau. Có thể hắc đã trả tiền cho cô ta một lần nhưng hung

thủ không muốn phí thời gian. Khi cô ta yêu cầu trả tiền lần thứ hai thì hẳn hạ sát cô ta. Đúng chưa?”

Burden gật đầu, tỏ vẻ hoài nghi. Anh ta quay sang, đưa mắt nhìn xa xăm về phía cửa sổ, tựa như nghe được tiếng súng nổ trong một thành phố xa xôi đang trong vòng vây hãm và tiếng sấm rền. “Giờ sao?” anh ta nói, bước tới cửa và bỏ ngỏ câu hỏi chưa có ai trả lời. Wexford đứng ở nơi anh đã bị bỏ lại, nhìn từ bầu trời vãn vũ mây xuống đám cỏ úa vàng, những chiếc lá khô rơi xào xạc cùng con đường bụi bặm, và thấy Lara Bartlow băng qua phố High Street rồi đi vào sân trước đồn cảnh sát. Anh không bảo cô ta đến đây. Không ai bảo cả. Cô ta tự mình đến. Một làn sóng phấn khích dâng trào khiến anh nhắc điện thoại lên và yêu cầu viên trung sĩ đang trực đưa cô Bartlow lên thẳng đây.

Cô ta đang vận một chiếc quần đen tương tự. Chiếc áo phông trắng rất trắng và khuôn mặt hoàn toàn không trang điểm. Cô ta sải chân bước vào, không lúng túng, không do dự.

“Tôi có được phép ngồi xuống không?”

“Tại sao cô không ngồi ở cái ghế kia?” Wexford trở lại đằng sau bàn làm việc. “Tôi sẽ ngồi đây. Cô có gì muốn nói với tôi sao?”

“Có vài điều tôi đã nên nói nhưng lại thôi. Ý tôi là cái ngày chúng ta gặp gỡ trong xe của các ông ấy. Khi các ông đưa tôi đến trường.” Cô ta ngừng lại, nhìn chăm chăm vào anh. “Lúc đó Megan chưa chết.” Cô ta tự chỉnh lại lời mình. “Vâng, lúc đó chị ấy đã chết nhưng tôi không biết điều đó. Tôi đã không muốn nói về chị của mình. Nhưng người ta không thể - vâng, phản bội, ý tôi là vậy - người ta không thể phản bội người đã khuất, đúng không? Mặc dù tôi ước gì chị ấy đã không ở cùng với Prinsip. Tôi ước gì chị ấy đá anh ta trước.”

“Cô biết Megan đã có thai, phải không cô Bartlow?”

“Làm ơn gọi tôi là Lara.Ồ, tôi biết chứ. Meg không nói với tôi điều đó. Nhưng mẹ tôi đã nói. Đó không phải là con của Keith, tôi mừng vì điều đó, dù không biết tại sao mình nói vậy. Đứa bé tội nghiệp cũng đã chết theo, phải không?”

“Ý cô là gì khi nói về sự phản bội, thưa cô... à, Lara?” Cô ta ngược nhìn anh chăm chăm. Cô ta không xinh hơn người chị, mặc dù Megan có một khuôn mặt mà anh gọi là không hoàn hảo, giống như được làm từ gỗ và những người thợ gỗ đã thấy chán nên dẹp nó đi. Mũi thì to và quá dài, mắt nhỏ, miệng rộng và không cân đối. Nước da của Lara tương đối trắng, chắc sẽ hồng hào khi đến tuổi trung niên, mái tóc của cô giống như rơm, nhưng từ những đặc điểm đó hiện lên một nét tính cách, sự sắc sảo, tính quyết đoán và có lẽ cả chút cứng rắn để làm được những việc tương đối khó khăn.

“Tôi nên kể với các vị bắt đầu từ việc tôi không biết họ làm gì, chị ấy và Amber. ‘Cùng nhau làm ăn’, đó là cái cách mà Meg gọi. Dĩ nhiên tôi hỏi công việc làm ăn đó là gì và chị ấy nói chị ấy chỉ kể với người cũng đang làm việc đó, và nếu họ có thứ mà chị ấy gọi là ‘năng lực’.”

“Năng lực?” Wexford nói.

“Tôi không có nó, chị ấy nói vậy, và vì thế không ích gì khi nghĩ rằng tôi có thể tham gia vào. Nếu tôi không biết, chị ấy nói, thì tôi không thể kể với bất cứ ai. Tôi không thích điều đó lắm vì thông qua tôi chị ấy mới quen được Amber. Ý tôi là, Amber là bạn tôi. Tôi nói là mình có thể đi báo cảnh sát. Chị ấy nói rằng việc đó không phạm pháp, rồi chị ấy nghĩ một lúc và nói tiếp, chà, có thể nó phạm pháp nếu theo cách mà tôi nghĩ.”

“Đó không phải là ma túy, đúng không Lara?”

Cô ta lắc đầu thật mạnh. “Tôi biết là không phải. Meg sẽ không dính vào ma túy đâu. Keith có dùng cỏ và tôi còn biết anh ta dùng amphetamine và thuốc lắc. Meg đã thử dùng thuốc lắc một lần. Đó là sau khi chị ấy sinh con - các vị có biết chị ấy có con khi mới mười lăm tuổi không? - và nó khiến chị ấy bị nôn mửa. Người ta đã đưa chị ấy vào bệnh viện nhưng chị ấy chưa bao giờ nói rằng mình sai - vâng, mẹ tôi bảo với mọi người rằng chị ấy bị ngộ độc thực phẩm. Meg không bao giờ động đến các chất kích thích sau lần đó và chị ấy sẽ không buôn bán chúng đâu, tôi biết mà.”

Dường như “Carthage cuối cùng cũng đã bị hủy diệt” thật rồi.

“Vụ làm ăn này, như cô đã nói, Lara ạ - biết đâu mục đích là để kiếm tiền?”

“Tôi đã hỏi chị ấy. Chị ấy nói rằng không thể kiếm được một triệu đô nếu chỉ đi làm công ăn lương qua ngày. Khi họ tới Frankfurt, hình như Meg đã giới thiệu chuyện làm ăn này cho Amber. Họ đã đi gặp vài người và Meg gọi đó là một ‘vụ giao dịch’. Amber nghĩ ra từ này, chị ấy nói vậy.”

“Nhưng đó là cái gì?” Wexford hỏi.

“Xem này, tôi cũng muốn biết lắm chứ. Tôi đã nói, chị phải kể cho em. Chị ấy lại nói tôi sẽ biết khi đến lúc. Các vị đã hiểu vấn đề chưa, tôi nghĩ rằng chị ấy muốn làm ra vẻ bí ẩn. Có một điều tôi biết. Chuyện này bắt đầu từ trên mạng. Chị ấy chưa từng vào mạng nhưng Amber thì có. Sau đó, khi chị ấy kiếm được một ít tiền, chị ấy và Keith mua một chiếc máy vi tính cùng tất cả các thiết bị phụ tùng và đầu chơi CD lẫn cả máy ảnh kỹ thuật số, một đồng luôn. Nhưng chưa hết. Tôi nghĩ đó là cách mà hai người họ bắt đầu, ý tôi là một kiểu cộng tác. Meg đến Bling-Bling với tôi một đêm nọ. Prinsip thì đến Brum để gặp người cha già cả của anh ta. Tôi đoán là anh ta lấy tiền rồi đi. Chẳng có gì khác có thể khiến anh ta tới đó thường xuyên đến vậy. Dù sao thì, Meg đã đến câu lạc bộ. Đó là vào, ừm, mùa đông. Tháng Hai, tôi đoán vậy. Amber ở đó cùng với Ben Miller và Samantha và - tôi không nhớ làm thế nào chuyện đó được đưa ra - Amber nói rằng cô ta đang tìm kiếm thứ gì đó trên mạng và Meg nói rằng, ồ, ‘cô thật may mắn’, hay đại loại thế. Các vị xem, tôi nghĩ rằng tới lúc đó chị ấy đã tìm hiểu thông tin hết mức có thể ở quán cà phê Internet. Tôi biết chị ấy đến chỗ của Amber ở Brimhurst bởi vì chị ấy đã kể với tôi nơi đó hoành tráng đến thế nào. Chị ấy gọi nó là biệt thự. Chính xác từ đó luôn, một căn biệt thự.”

Tháng Hai, anh nghĩ. “Chính xác chuyến đi tới Frankfurt là khi nào?” anh hỏi.

“Trước đó chị ấy chưa từng tới châu Âu,” Lara nói. “Chà, chỉ qua Pháp, thu gom thuốc lá và rượu giá rẻ với Keith. Chị ấy gửi cho tôi một tấm bưu thiếp có ảnh của khách sạn mà chị ấy và Amber ở.”

Điều đó lại khiến máu trong người Wexford chảy nhanh hơn và tim đập mạnh dần. “Cô vẫn còn giữ nó chứ?”

“Không. Tôi chưa bao giờ giữ nó.”

“Tiếc thật.”

“Mẹ tôi cũng có một cái. Tôi vẫn còn nhớ rõ thời điểm. Đó là ngày Hai mươi hai tháng Năm.”

Một tháng sau đó thì Amber bị tai nạn xe hơi. Lời đề nghị tới ở căn hộ của nhà Hilland đã được đề đạt với cô ta vào đầu tháng Bảy khi cô ta bước sang tuổi mười tám. Cô ta đã không bao giờ ra nước ngoài lần nữa và rõ ràng cả Megan cũng thế. Vào ngày Mười một tháng Tám, Amber bị giết và đúng ba tuần sau, ngày mùng Một tháng Chín, Megan cũng bị sát hại.

“Cô có hay đến thăm bà mình không, Lara?”

Đó là một câu hỏi gây ngạc nhiên và anh có thể thấy cô ta không thích nó. “Không thường xuyên lắm. Hẳn phải hai tháng một.” Cô chĩa vào anh cái nhìn trực tiếp một lần nữa. “Thành thật mà nói, tôi không muốn đi xuyên qua khu rừng. Khu rừng quá đáng sợ.”

“Thế à? Tại sao?”

“Đã có hai cô gái bị sát hại ở đó kể từ tháng Tám. Tôi không muốn mình là người thứ ba. Kẻ đang cố giết Amber bằng tảng đá đó, hẳn có thể vẫn quanh quẩn đâu đấy.”

“Megan chưa bao giờ đề cập với cô về việc hẳn có thể là ai à? Tôi nghĩ hẳn là một trong số những người cô ta biết.”

“Chị ấy không biết ai ngoại trừ chúng tôi cả, mẹ, Lee và tôi, à, cả Nana lẫn bạn bè của Keith nhưng chị ta ghét họ lắm.”

“Đứa bé được nhận nuôi - cô ta đã từng gặp nó chưa? Con trai hay con gái?”

“Đó là một bé gái. Không, chị ấy chưa từng gặp lại nó. Chị ấy là chị gái tôi và tôi yêu chị ấy, tôi không muốn các vị nghĩ là tôi không yêu chị ấy, nhưng chị ấy khá vô cảm với trẻ con. Chị ấy chưa bao giờ đòi hỏi bất cứ thứ gì, chị ấy nói, và chị ấy rất vui khi có người nhận nuôi Kili - tên của con chị ấy - chưa bao giờ có một phút hối tiếc về việc cho nó làm con nuôi. Tôi nghĩ là chị ấy cũng sẽ làm thế với đứa trẻ lần này.”

Anh hỏi Burden và Hannah. “Năng lực gì mà Amber và Megan có thể cùng có?” anh hỏi họ. “Ý tôi không phải là năng lực học vấn. Cái gì đó khác thường về thể chất chẳng?”

“Cả hai đều trẻ,” Burden nói. “Cả hai đều là phụ nữ da trắng. Khá tương đương về chiều cao và vóc dáng.”

Hannah đang lắc đầu. “Họ không có nhiều điểm chung thì đúng hơn. Một người thì ưa nhìn, người kia thì không. Một người tóc vàng, một người tóc đen. Một người đang sống cùng bạn trai, người kia lại sống cùng gia đình. Một người thôi học từ năm mười sáu tuổi và người kia thì đang định học tiếp lên cao học.”

“Chẳng điều gì trong số đó dẫn chúng ta đi đến đâu cả, phải không?” Burden nhún vai. Bất kỳ ai tiến vào trong căn phòng này đều bị thu hút bởi cánh cửa sổ nhìn ra bầu trời đầy mây, xám xịt và tuyết đang rơi, “Tôi đã gặp những người thợ xây sẽ làm việc ở dãy nhà Victoria. Họ là công ty William Fish và con trai nhà Stowerton; họ nói rằng mình không có chìa khóa của bất kỳ căn nhà nào. Dĩ nhiên, họ phải đến để xem xét toàn bộ công trình, nhưng họ không có chìa khóa. Fish nói chẳng ai cần chìa khóa nếu họ đã có sự chuẩn bị để đột nhập từ trước. Không có lối cửa sau nào được gắn chặt. Một đứa trẻ có thể ẩy đổ cửa sau của căn nhà số bốn.”

“Như chúng ta đã biết, Surrage-Samphire đang làm công tác trang trí.” Burden ngồi lên chỗ góc bàn yêu thích của Wexford. “Ross Samphire là người chỉ đạo trong mối quan hệ đối tác làm ăn ở đó và là người có kỹ năng làm tù. Anh ta đã tới dãy Victoria, vào tất cả các nhà để đánh giá những

phần đã hoàn thiện trong công tác trang trí. Cứ theo vẻ bề ngoài mà xét thì anh ta là một gã đáng tin...”

“Nhưng mà,” Wexford nói, trích dẫn từ vở kịch yêu thích của mình. “Tôi không thích nhưng mà... Có chuyện gì với anh ta vậy, Mike?”

“Hắn phải là định kiến,” Burden nói. “Anh ta là một người đàn ông điển trai và anh ta biết điều đó. Trên tường phòng khách nhà anh ta có một bức tranh khổ thân lớn. Tôi không biết tí gì về nghệ thuật nhưng tôi có thể nói rằng đó không phải là một bản sao của tác phẩm nào đó các vị thấy trong phòng triển lãm. Nó giống một món hàng thường được bày bán trong những nơi bán đồ thủ công của thập niên 90. Tôi không có ý rằng nó không đứng đắn. Có rất nhiều mảnh khăn mỏng manh lơ lửng trên bức tranh đó. Nhưng Ross Samphire đã kết hôn và có con, đó không phải là thứ mà một người phụ nữ muốn treo trên tường.”

Wexford bật cười ha hả trong khi Hannah ném cho viên Chánh thanh tra ánh mắt lạnh lùng. Đó là một cái lườm, Wexford nghĩ, mà ẩn chứa bên trong là sự ghê tởm đối với Ross Samphire, sự ghê tởm đối với thể loại tranh ảnh ấy, sự đấu tranh cho nữ quyền và khinh miệt đầy nóng nảy đối với toàn bộ triết lý sống của Burden.

“Hắn phải là định kiến, như lời anh nói,” anh bình luận. “Ai là Surrage?”

“Tên thời thiếu nữ của vợ anh ta. Tôi cho rằng việc đó nhằm trốn thuế. Cô ta không đóng vai trò tích cực gì trong những chuyện đó cả. Người em trai tên Rick. Anh ta sống ở Pomfret và mô tả công việc của anh ta là “thư ký công ty”. Nhưng những người này chẳng có mấy liên hệ với ngôi nhà nơi xác của Megan được tìm thấy.”

“Có thể,” Wexford nói, “nhưng họ lại có mối liên quan khá phức tạp đến một vài khía cạnh khác của vụ án. Nhìn theo hướng này mà xem. Họ đã ký hợp đồng trang trí nội thất cho những ngôi nhà ở dãy Victoria. Họ được nhà Marshalson thuê làm những công việc thực hiện theo thiết kế nội thất của mình và nhà Marshalson đã giới thiệu họ với nhà Hilland. Nhìn bề ngoài, hiện chưa có gì nguy hiểm trong tất cả chuyện này ngoại trừ mối liên hệ ba tầng với vụ án.”

Áp lực trong đầu Wexford dường như dịu lại một chút khi bầu trời tối sầm. Anh bước đến đồng hồ đo trên tường, tắt điều hòa và mở tung hai cánh cửa sổ. Hannah nhìn có vẻ sốc. Burden đi đến cửa sổ và hít một hơi thật sâu. Phía trên đường chân trời, hình dáng của những dãy núi đá phấn song song nhau, một cái cây phát sáng, thân cây cuộn chi chít đèn màu và các nhánh cây rực rỡ, dựng thẳng lên, sáng chói.

“Cuối cùng cũng có bão,” Wexford nói.

“Các vị, Surrage-Samphire,” Hannah nói khi dùng máy tính của Wexford, “có một trang web. Nó đây này.” Burden nhìn màn hình qua vai cô. “Ross rất tự hào về các chứng chỉ, bằng cấp và các thứ khác nữa. Rất nhiều bằng cấp của City and Guilds, đào tạo ở trường William Morris và một năm tu nghiệp ở Florence.”

“Rick thì rất ít được đề cập ở đây. Rất nhiều hình ảnh minh họa về chạm khắc gỗ, đúc thạch cao, tạc tượng và...”

Tiếng sấm vang lên, rền rĩ và dội lại, cắt ngang phần cuối câu nói của cô. Âm thanh nó tạo ra giống như các thùng dầu lăn khỏi khoang chở hàng của một chiếc xe tải rồi rơi vào tầng hầm một quán rượu. Wexford đứng bên cửa sổ khi gió bắt đầu thổi, trong tích tắc làn gió nhẹ nhàng đã chuyển biến thành gió mạnh dữ dội, cuốn phăng những chiếc lá trên cây.

“Có thông tin nào cho biết những người này ở đâu vào ngày Hai mươi tư tháng Sáu không?”

“Ross đang đi nghỉ mát ở miền Nam Tây Ban Nha cùng vợ và các con,” Burden nói. “Tôi không biết gì về Rick. Tôi vẫn chưa nói chuyện với anh ta.”

“Hắn phải nóng chảy mỡ,” Wexford nói khi một tia chớp bất ngờ lóe ra từ những đường cong tối tăm của những dãy núi đá phấn. Mây dày đặc, màu tím, xám xịt và một đám màu trắng viền xám đã bắt đầu thả rơi những hạt mưa lớn tạo thành từng vết to như đồng xu trên mặt đường nhựa chỗ để xe. Rồi đột nhiên màn mây dường như muốn tan ra và rải mưa xuống. Wexford đóng cửa sổ lại khi nước mưa bắn tung tóe vào cả trong và ngoài khung cửa. “Bằng chứng ngoại phạm cho những thời điểm có liên quan sẽ

phải xác minh lại. Việc loại trừ đối tượng sau khi thẩm vấn có thể sẽ là cả vấn đề.”

“Vâng, ngoài mối liên hệ ba tầng với vụ án khá là mong manh của anh ra, thì chúng ta chẳng có lý do gì để nghi ngờ họ cả. Anh cũng có thể nghi ngờ Jimmy Gawson vì đã có mối liên hệ ba tầng với gia đình Bartlow, thuê Megan, cho cô ta sống phía trên cửa hàng và quen biết bà của cô ta.”

“Có thể thế thật,” Wexford nói.

Burden tảng lờ anh đi. “Tôi đã hỏi Ross về ngày mừng Một tháng Chín. Anh ta nói rằng mình, Rick và một người làm việc cho anh ta tên là Colin Fry đã ở tòa nhà cũ của ngân hàng Westminster ở High Street này - anh có thể nhìn thấy nó từ cửa sổ - mở cửa từ tám giờ sáng đến bốn giờ chiều.”

Họ đều đang đứng ở cửa sổ nhưng những màn mưa đã ngăn họ nhìn thấy tòa nhà ngân hàng cũ kỹ ở góc phố Queen.

“Tất cả bọn họ đều có thể dễ dàng tiếp cận với gạch và các tầng bê tông. Chúng ta nên tìm hiểu nhiều hơn về Rick trước khi tìm thêm những người khác có liên quan đến dây nhà Victoria.”

“Liệu bản thân Megan có liên quan gì đến dây nhà đó không?” Hannah hỏi.

“Có vẻ là ý tưởng hay,” Wexford nói, “khi hỏi Sandra Warner về điều đó. Và có lẽ, Lara Bartlow nữa. Ngẫu nhiên là, ông Bartlow cũng ở gần đó phải không?”

“Ông ta sống ở Pauceley, anh bạn ạ. Ông ta đã tái giá và có con riêng. Tôi nghĩ cũng đáng để tới gặp ông ta đấy.”

Khi họ đến chân cầu thang, thật không thể nào bước ra khỏi cửa vì mưa đang tuôn xối xả. Đó là kiểu mưa hay có ở vùng nhiệt đới, xối thẳng từ trên xuống, giống như vòi mở hết công suất. Nếu bức màn mờ tối được treo ngay giữa cửa và sân trước, nó hẳn đã che khuất hoàn toàn những chiếc xe đang đỗ, những bức tường và con phố ngoài kia. Tất cả những gì có thể nhìn thấy được là các bóng đen và một loại ánh sáng lấp lánh kỳ dị khi cơn mưa xối xả dội thẳng xuống mặt đường nhựa, va chạm rồi bắn tung tóe. Tất cả mọi thứ đều trở nên đen kịt nhưng sáng bóng, màu sắc tan biến hết, ẩm ướt ngoài sức tưởng tượng khi những vũng nước nhỏ dần biến thành những

cái hồ và một triệu hạt mưa lao vào rồi văng ra khỏi mặt nước. Trong suốt thời gian đó, những tia chớp, giờ là những đường ngoằn ngoèo đủ kiểu, vẫn chia cắt bầu trời, càng lúc càng gần hơn và thậm chí chuyển động ngay trên đầu khi tiếng sấm theo sau những dấu hiệu có thể nhìn thấy được chỉ một phần tỉ giây.

Donaldson bị mắc kẹt bên ngoài xe. Một quãng đường dài gần hai mươi mét vào tới cửa sẽ nhấn chìm một nửa người anh. Sĩ quan đang làm nhiệm vụ, Campbell, bước ra từ phía sau bàn làm việc và hai sĩ quan cảnh sát nữ xuất hiện từ một văn phòng, đứng bên những cánh cửa sổ lớn quan sát cơn bão. Khi Bal Bhattacharya ra khỏi thang máy và bước ngang qua sàn nhà lát gạch đen trắng để nhập hội, Wexford thấy Hannah quay đầu và ánh mắt họ gặp nhau, thấu hiểu ngay lập tức trong cái liếc nhìn đó. Miễn là bất cứ chuyện gì đang xảy ra đều không gây cản trở đến đội của anh...

Đi đón những thằng bé ở trường, Sylvia đã cho Mary Beaumont đi nhờ xe khi thấy bà ta đang đứng đợi xe buýt. “Hôm nay, chồng tôi đã đi xe,” Mary nói và bật cười, “Naomi gọi đó là bạo lực gia đình.”

“Tôi hy vọng cô ta cũng bị thế,” và Sylvia cười theo, cảm thấy buồn hơn cho Mary khi người phụ nữ kia nói rằng bà ta hy vọng Sylvia nhận ra rằng bà ta đã không ghé thăm ngày hôm nay. “Bà và Naomi gặp nhau như nào?”

“Ồ, cô không biết à? Tại SOCC.”

“SOCC là gì, Mary?”

“Nhóm Khắc phục Vô sinh tại Sussex^[9]. Tôi làm chút việc ở đó. Tư vấn. Cô biết là mình có thể ghé qua chỗ tôi lúc nào cũng được. Nếu cô cần gì đó, hoặc nếu cô gặp vấn đề gì. Tôi sẽ cho cô số di động của tôi.”

“Chà, cảm ơn nhưng họ vẫn trông chừng tôi tại trung tâm khám thai, bà biết đấy.” Khi những từ cuối cùng được thốt ra, Sylvia cảm thấy lạnh sống lưng. “Tôi không muốn bà nghĩ tôi không thấy biết ơn.”

“Chẳng có gì mà phải biết ơn cả. Thả tôi xuống ở ngã tư tới, được chứ?”

Nhưng đến ngã tư tiếp theo, mưa bắt đầu rơi, chỉ trong nửa phút đã biến thành một cơn mưa xối xả và Sylvia phải tìm chỗ đậu xe trên vạch kẻ đôi màu vàng. Chẳng ích gì cả, cô không thể lái xe đi tiếp. Cần gạt nước không giúp ích được gì, trong vài phút nữa, cả con đường này sẽ ngập trong nước. Dựa lưng vào ghế tài xế, Sylvia cảm thấy đứa bé cử động mạnh hơn trước đây. Lần đầu tiên cô có thể nhìn thấy chuyển động của nó. Mary cũng nhìn thấy và thông báo điều đó bằng một tràng cười.

“Thằng nhóc khỏe lắm đây, Sylvia.”

“Nó là con gái.”

“Điều đó sẽ khiến Naomi thấy hài lòng. Họ sẽ phải giữ hai đứa con của cô ở trường cho đến khi tạnh mưa.”

“Dù có tạnh hay không thì vợ chồng bà có muốn tạt qua uống chút gì đó vào tầm sáu giờ không?”

Gia đình trung lưu rập khuôn là những gì Hannah thấy được ở nhà Bartlow - và do đó cô nhìn họ chán ghét nhưng cẩn thận không thể hiện ra ngoài. Nhà của họ, theo phong cách Pauceley khép kín, là một căn nhà song lập có ba phòng ngủ, một cây vân sam Na Uy (bị vứt bỏ từ Giáng sinh năm ngoái) trong khu vườn đằng trước và một cái chuông cửa mỗi lần rung lên là giống như chuông nhà thờ ngân vang.

Gần như chắc chắn nằm trong sự mong đợi của chuyến thăm này, phòng khách - bộ đồ gỗ ba mảnh, ti vi, một con chó sục nhỏ, một cậu nhóc và một cô nhóc đang ngồi ở bàn làm bài tập về nhà - rất gọn gàng trang nhã, vợ Gary Bartlow mặc áo choàng buổi chiều và trang điểm, còn bản thân Gary thì trông thật ngượng ngùng trong bộ đồ đi làm. Ông ta đã có cả một chặng đường dài kể từ khi kết hôn với Sandra Warner nhưng có lẽ ông ta còn muốn đi xa nhất có thể. Hannah nghĩ thật đáng buồn khi một người đàn ông, trong nỗ lực cải thiện chính mình, lại phải đi con đường này để đến mục tiêu đó - một cuộc hôn nhân thể lương khác (như cô đã chứng kiến),

một gia đình tẻ nhạt khác, không nghi ngờ gì là ông ta đã thể chấp chính mình trong khi có thể được tự do, phiêu lưu và tràn đầy tham vọng. Trưởng giả chính là từ cô muốn nói, cô vốn thường nghĩ thật đáng tiếc khi nó đã hoàn toàn bị lỗi thời.

Loại chó săn nhỏ, chuyên sục hang bụi.

Để cho Hannah tiện nói chuyện, bà Bartlow đã lừa bọn trẻ, bài tập về nhà lẫn con chó ra khỏi phòng để một mình ông chồng ở lại với cô cảnh sát, và bà ta chắc chắn sẽ gọi cô như thế. Gary bắt đầu nói chuyện về Megan.

“Tôi vẫn luôn gặp những đứa con gái của mình,” ông ta nói. “Những đứa con gái lớn, tôi gọi chúng như vậy. Megan tội nghiệp - thật là khủng khiếp, đúng không?”

“Vâng, thưa ông. Rất khủng khiếp, ông Bartlow ạ.”

“Nó vừa mới tới đây trước đó không lâu, cô biết đấy. Vào thứ Bảy. Để xem nào, có thể là vào Hai mươi hai tháng Tám. Đó là ngày tổ chức Hội chợ Mùa hè Pauceley. Họ tổ chức trên những bãi cỏ ngập nước bên bờ sông. Meg đã đến xem. Keith thì đến Birmingham với em gái, tôi nghĩ vậy. Nó đã ăn trưa một lát cùng chúng tôi và rồi tất cả chúng tôi đều tới hội chợ. Tôi không nghĩ là mình sẽ chẳng bao giờ được gặp lại nó nữa.”

“Tôi không muốn khiến ông đau khổ hơn những gì ông đang phải chịu đựng, nhưng cô Megan có nói bất kỳ điều gì về chuyện mình mang thai không? Ông có biết điều đó không?”

Mặt ông ta cau có, sầu thảm và cam chịu. “Sau khi nó mất, tôi mới biết. Mẹ nó và tôi, chúng tôi đã nói chuyện. Chúng tôi không thường nói chuyện cho đến khi Meg bị... bị giết.”

“Meg có nói bất kỳ điều gì trong bữa ăn trưa hay tại hội chợ không? Ý tôi là, điều gì đó bất thường, bất kỳ chuyện gì ngoại trừ những vấn đề gia đình thông thường?”

“Tôi không thể nhớ được gì cả.”

“Vâng, nếu ông nhớ được, ông Bartlow, nếu ông nhớ được bất kỳ điều gì, hãy cho chúng tôi biết, được chứ?” Hannah lao trở vào cơn mưa xối xả. Chiếc xe đậu cách đó không đầy bốn mét nhưng khi cô mở được cửa bên ghế lái và ném mình vào trong, quần áo và tóc cô đã sũng nước. Tối nay, cô

định sẽ đi chơi với Bal. Đi chơi, chứ không phải ở nhà với Bal. Bất cứ nơi nào họ định đến đều sẽ khiến họ ướt sũng thêm lần nữa - và cuối cùng sẽ không có chăn ấm nệm êm nào cả.

Cơn bão quét qua khắp thung lũng Kingsbrook. Một người đàn ông trên sân golf Sewingbury đã bị sét đánh và qua đời ở lỗ thứ mười bốn. Sông Brim bị vỡ bờ ngay đoạn chạy song song với đường Mill, nhưng nước không vào đến phòng bếp và phòng khách của ba căn nhà ở dãy Jewel. Những đường dây cáp điện trên không ở Brimhurst, Myfleet và tây Kingsmarkham, mà không bị hư hại do sét, đã bị gió mưa quật xuống mặt đất. Đèn trong tủ lạnh của Dora Wexford đã tắt, đá bắt đầu tan chảy trong ngăn lạnh, lò nướng không còn hoạt động nhưng bếp gas vẫn còn dùng được. Sylvia không có đá cho đồ uống khi nhà Beaumont hối hả đội ô đến lúc sáu giờ.

Buổi sáng trời vẫn tối, tối đến mức cần bật đèn lên - nhưng đèn cũng không có mà bật. Wexford quên búng về sự cố mất điện khi ra khỏi giường và không bật được bình nóng lạnh. Vậy là cũng không có nước nóng. Anh chưa từng phải tắm nước lạnh kể từ khi đi nghỉ mát ở Tây Ban Nha vài năm trước đó. Tắm nước lạnh thời ấy rất được ưa thích nhưng giờ thì rất khác. Khi các tia nước đầu tiên phun vào vai, anh đã nghĩ chúng có thể giết chết mình.

Dora vẫn còn ngái ngủ nhưng khá hào hứng. Anh tự hỏi bản thân tại sao anh phải pha trà và đem đến cho cô khi cô đối xử với anh như thể anh đã phản bội cô vậy. Bởi vì anh đã từ chối không về phe cô để phản đối con gái họ? Anh sẽ không làm thế. Để cho cô thấy bị phớt lờ là như thế nào. Và sau đó anh tự nhủ bản thân không thể ngốc nghếch thế được. Đó là cách khiến những cuộc hôn nhân đổ vỡ. Đây mới chỉ là những bước khởi đầu. Anh đi xuống nhà, đặt một nồi nước lên bếp gas, cho hai gói trà vào hai cái cốc và bật bếp. “Anh hy vọng còn đủ gas trong bình,” anh nói to.

Nồi nước xem chừng phải mất rất nhiều thời gian mới có thể sôi được. Anh mang hai cái cốc đến bên cô. Cô đang ngồi ở một bên giường và khóc.

“Chuyện gì vậy?”

“Đứa bé,” cô nói. “Em không thể chịu đựng nổi. Em không thể chịu được cảnh sẽ không bao giờ được gặp cháu ngoại mình. Không phải bởi vì nó đã chết - điều đó thật kinh khủng, em biết - và không phải bởi vì mẹ nó không có khả năng nuôi nó, mà chỉ bởi vì một ý nghĩ ngu ngốc. Một trong những ý nghĩ tồi tệ nhất trên đời mà chúng ta phải sống cùng với nó.”

Anh vòng tay qua người cô nhưng cô cứng người lại và đẩy anh ra.

“Chúng ta sẽ không bao giờ được gặp nó - thằng bé hay con bé ấy. Nhưng chúng ta biết nó sống gần đây, chỉ cách có vài dặm. Đến lúc đó, em có thể ra ngoài đi chợ, nhìn thấy nó nhưng không biết đấy là nó. Em có thể cứ tìm kiếm các đường nét của nó trong những đứa trẻ em gặp. Tại sao anh không đặt mình ở vị trí của em mà xem xét chứ? Tại sao anh lại đứng về phía nó?”

“Bởi vì anh đã thay đổi, anh dám nói vậy.”

“Những người đã lập gia đình đều giống nhau cả.”

“Anh e rằng điều đó quá duy tâm. Chúng ta phải chấp nhận thay đổi thôi. Chúng ta không thể làm thế sao? Anh không thích thế nhiều hơn em chút nào đâu, em biết mà. Anh chỉ không thấy có tác dụng khi làm điều gì đó lúc này. Chúng ta không thể tách bản thân ra khỏi con gái của chúng ta và nghĩ rằng, chà, chúng ta sẽ gửi nó đến Coventry một thời gian rồi sau đó cả nhà sẽ đoàn tụ. Bởi vì nó sẽ không bao giờ đi mất. Như em nói ấy, thằng bé hoặc con bé sẽ sống rất gần chúng ta. Bản thân Sylvia cũng sẽ bị ảnh hưởng, bất kể nó nói gì. Nó sẽ cần đến chúng ta bởi vì, nếu em tiếp tục nghĩ thế này, nó sẽ không còn ai bên cạnh nữa.”

Cùng một loại gạch, thậm chí có thể là cùng một viên gạch, đã được dùng làm hung khí giết cả Megan lẫn Amber. Một trong một triệu viên giống thế, như tay chuyên gia về gạch đã nói. Thực tế là, không có viên nào ở vùng lân cận của dãy nhà Victoria cả bởi vì gạch không được dùng trong việc tái tạo và nâng cấp khu vực này. Nhưng có thể tìm thấy chúng, Wexford phản biện một cách cay đắng, ở hầu hết các công trình xây dựng khác trong quận; trong nước. William Fish hoặc một trong hai người đàn ông làm việc cho anh ta, hay Ross Samphire, em trai anh ta hoặc người trợ lý đã làm việc với anh ta tại nhà của Hilland, bất kỳ ai trong số họ cũng có thể nhặt một viên gạch trong chu vi vài mét xung quanh nhà.

Trên sườn các ngọn đồi phía sau thị trấn, những ánh đèn dần hiện lên trong những căn nhà đã từng bị bóng tối bao phủ cả chiều hôm trước. Đèn trong nhà họ cũng sẽ được bật lên và anh sẽ có thể tắm nước nóng vào buổi sáng hôm sau. Anh đã cho rằng Samphire có mối liên hệ ba tầng với vụ án

này nhưng liệu có phải là bốn tầng không đây? Surrage- Samphire làm việc tại studio của nhà Marshalsen. Họ đã hoàn thành việc đánh giá trang trí cho nhà Hilland. Họ cũng đã định tiến hành công việc tại ngôi nhà, nơi xác Megan được tìm thấy. Và Ross Samphire đã gặp Amber. Anh ta không chỉ gặp cô ta, mà trong lần cuối cùng cô ta đến nhà Hilland, anh ta đã nói chuyện với Vivien Hilland. Anh ta đã nói chuyện với bà ta khi Amber và Brand đến. Vì vậy, có tận tới bốn mối liên hệ, mặc dù tất cả chúng đều mong manh.

Anh gọi cho Hannah và khi cô nhắc máy, anh liền nói, “Tôi đang chuẩn bị ghé qua nhà Sandra Warner và tôi muốn cô đi cùng.”

“Vâng, thưa ngài.”

“Chúng ta sẽ đi bộ.”

Chắc chắn cô sẽ thích đi cùng Baljinder hơn anh. Đó là điều tự nhiên. Họ bước đi trong im lặng và anh nghĩ về con gái cùng đám cháu trai của mình. Giống như Dora, anh bắt đầu tự hỏi liệu mọi chuyện có thể trở lại ổn thỏa một lần nữa trong gia đình mất đi một thành viên, liệu những người khác, mẹ, ông bà, ngay cả anh chị em họ, có bao giờ quên được, tha thứ được hay không. Lần đầu tiên anh tự hỏi gia đình Sandra Warner sẽ như thế nào khi Megan cho con mình làm con nuôi người khác. Theo Lara, cô ta đã thẳng thừng nói về chuyện đó, như thể từ bỏ đứa trẻ này rõ ràng là một việc làm khôn ngoan và sáng suốt đến nỗi chẳng cần phải cân nhắc. Cô ta có thực sự cảm thấy như vậy hay đơn thuần chỉ giả bộ dừng cảm? Và bản thân Megan thì sao? Cô ta thực sự là người như thế nào? Sylvia của anh sẽ ra sao khi phải trao đứa bé mình vừa sinh vào vòng tay của Naomi Wyndham?

Anh đã không nói gì trong ít nhất mười phút và Hannah là người lên tiếng trước, hỏi anh với một giọng nhỏ nhẹ khác thường rằng họ đến gặp bà Warner để làm gì.

“Samphire,” anh nói. “Bà ta có biết anh ta không? Cái thai của Megan, liệu bà ta có thể cho chúng ta chút manh mối nào không? Tôi đang cố đây,” anh nói thêm khá cay đắng, “bởi vì, thành thật mà nói, trung sĩ ạ, tôi không biết phải làm gì nữa. Chúng ta không biết gì trừ việc Ross Samphire đã ký

hợp đồng làm việc ở dãy nhà Victoria và chuyện anh ta đã từng gặp Amber một lần. Đó là tất cả.”

Họ đi lên cầu thang bê tông trong những căn hộ ở Muriel Campden Estate và đi theo lối đi qua năm cánh cửa để đến chỗ Sandra Warner. Lara đã đến trường. Lee Warner đang ngồi gần cái ti vi, vai ông ta khom xuống và đầu ông ta đẩy về phía trước như một con rùa trong vỏ của nó. Đồ ăn sáng, tuy nhiên, đã bị dọn đi hết, và Sandra đã thay chiếc áo choàng của mình bằng một bộ áo gió màu hoa cà. Lee không buồn để ý đến hai nhân viên cảnh sát. Trước thái độ của ông ta, họ có thể sẽ không vào nhà, nhưng việc Sandra rất vui mừng khi thấy họ đến và hài lòng trước chuyến viếng thăm mà bà ta xem như để chia buồn đã khiến Wexford thấy ngạc nhiên.

“Các vị thật tử tế. Chúng tôi đánh giá cao điều này, phải không Lee?” Không có câu trả lời từ người đang xem ti vi. “Đúng như Lara của tôi nói, cảnh sát đang trở nên hòa đồng và thân thiện hơn.”

“Và có lẽ bà sẽ cho chúng tôi chút thời gian chứ, thưa bà Warner,” Wexford nói. “Tôi có một vài câu hỏi dành cho bà.”

“Tôi không phiền đâu,” Sandra ân cần nói. “Ông muốn biết điều gì đây?”

“Căn nhà số bốn trong dãy Victoria,” Hannah bắt đầu. “Tôi rất xin lỗi vì phải nhắc đến nơi thi thể con gái bà đã được tìm thấy.”

Sandra trả lời khá vui vẻ. “Không sao đâu.”

“Megan có biết căn nhà đó không? Cô ta đã từng nói về nó chưa? Hay đã từng đến đó chưa?”

“Con bé chưa bao giờ nói với tôi những điều đó. Thật buồn cười khi cô hỏi vậy bởi vì Lara của tôi chỉ mới nói với tôi ngày hôm qua là, ‘Meg chưa bao giờ nhắc đến chỗ đó, đúng không?’, con bé đã nói vậy. Điều gì có thể khiến con bé đến đó chứ?”

“Khi bị sát hại,” Hannah nói, “Megan đã mang thai được khoảng mười bốn tuần.”

“Chùng đó cơ à?”

“Vâng, khoảng mười bốn tuần. Điều này có nghĩa là việc thụ thai đã xảy ra vào khoảng tuần cuối cùng của tháng Năm.”

“Đúng vậy,” Sandra ngập ngừng nói.

Wexford nói, “Megan đã có mặt ở Frankfurt, Đức từ Hai mươi hai đến Hai mươi lăm tháng Năm. Bà có biết gì về việc cô ta có thể đã gặp gỡ cha đứa trẻ trong suốt cuối tuần đó không?”

“Chà chà, nó chưa bao giờ nói. Nghe này, nó sẽ không nói đâu. Vì nó còn đang ở với Keith. Ý tôi là, giống như đã kết hôn thực sự, đúng chứ?”

“Cô ta có bao giờ đề cập đến cái tên Samphire với bà không?” Trước khi Sandra kịp trả lời, Lee đã quay đầu ra và cúi kính nói, “Các vị có thể sang phòng khác được không? Tôi không phải đang xem phim, mà là giải bóng đá đấy.”

“Chúng em sẽ ra phòng bếp, cưng ạ.” Sandra quay sang Wexford. “Tôi sẽ pha trà cho hai vị. Tôi chắc đây ít nhất cũng là việc mình có thể làm.”

Phòng bếp hầu như không đủ lớn để chứa được ba người. Wexford đứng dựa vào cái tủ lạnh mà cánh cửa đã bị kẹt cứng bởi các tấm bưu thiếp được dính lên bằng nam châm hình gấu Teddy và vịt. Hannah phải ngồi ở một chiếc ghế đầu và Sandra, trong khi đợi nước sôi, thì tựa mình lên một góc máy giặt.

“Samphire,” Wexford nói, cố gắng nhắc bà ta nhớ lại. “Tôi chưa bao giờ nghe thấy cái tên đó.”

“Cô ta có bao giờ nói chuyện về một người tên Ross không?”

“Không, nó chưa bao giờ nói với tôi.”

Cốc trà được chuyển qua cho Wexford. Vươn ra đón lấy nó từ tay Sandra, tay anh quệt phải cánh cửa tủ lạnh và làm bong một tấm bưu thiếp lẫn cục nam châm hình gấu Teddy. Quỳ xuống bằng cả tay và đầu gối ở cái chốn không-quá-sạch- sẽ này không phải là sở thích của anh nhưng anh vẫn làm, nhặt tấm thiếp bị rơi lên và trong lúc làm vậy, anh thấy một tấm khác nằm hơi sâu bên dưới cái tủ lạnh. Tấm này có lẽ cũng đã bị bong ra như thế vài tuần trước.

Đột nhiên anh nhận ra đó là gì. Tấm thiếp chụp một căn nhà với mái đỏ dốc đứng, cửa chớp màu xanh lá cây, dấu hiệu cho thấy đó là khách sạn Die Vier Pferde trên bức ảnh bốn con ngựa màu nâu với bờm vàng đang kéo một cỗ xe ngựa. Ngày ghi trên tấm thiếp là Hai mươi hai tháng Năm. Đó là

ngày trước khi Sandra tái hôn và Megan đã gửi nó tới bà Sandra Lapper. Bằng nét chữ chẳng ra hàng lối và đôi tay run rẩy, cô ta đã viết, Ước gì mẹ có mặt ở đây. Ánh nắng thật tuyệt. Yêu quý, Meg.

“Đây là tấm thiệp Megan đã gửi cho bà từ Đức, thừa bà Warner.”

“Ồ, để tôi coi nào. Đúng nó rồi. Tôi thắc mắc nó đã rơi đâu chứ. Chữ viết thật buồn cười, phải không?” Bà ta xem xét kỹ lưỡng văn tự kiểu Gothic trong cái tên của khách sạn được in lên con dấu nhà trọ lỗi thời. “Giống chữ Trung Quốc hơn. Tuy nhiên họ đọc được nó à?”

“Tôi có thể giữ nó không?”

“Ồ, tôi không biết. Đây là di vật cuối cùng của con bé mà tôi có được. Tốt nhất để tôi treo nó lên. Tôi sẽ cảm thấy thật buồn cười nếu để các vị giữ nó.”

Không lâu sau đó, họ rời đi. Wexford lên văn phòng của mình, anh để ý rằng thời điểm này tại các quốc gia ở lục địa châu Âu là mười một giờ sáng, sớm hơn một tiếng so với ở đây, và hỏi Tổng đài Điện thoại Quốc tế số điện thoại của khách sạn Die Vier Pferde ở Frankfurt.

Tòa nhà ở Kingsmarkham High Street vốn từng là trụ sở của Ngân hàng Westminster được xây dựng khi các ngân hàng còn là các dinh thự lớn, bằng gạch đỏ hoặc vữa trắng cùng những cánh cửa đôi bằng gỗ sồi; cửa sổ dài trang nghiêm; bên trong, trần nhà cao và được trang trí, ván lát tường làm từ các loại gỗ cứng nhiệt đới còn sàn được lát đá cẩm thạch. Giống như dãy nhà Victoria ở Stowerton, nó được cải tạo thành những khu căn hộ hạng sang và công việc chuyển đổi vừa mới được hoàn thiện. Burden tìm thấy Ross Samphire đang ở trong căn hộ của chính mình. Anh ta đang đặt những chi tiết cuối cùng lên ván lát tường trong sảnh của căn hộ tầng mái, cùng một kiểu thiết kế ở nhà Hilland.

Wexford nhận thấy khi chạm trán trong tư gia nhà Hilland, Ross là một người đàn ông điển trai với đôi mắt xanh và các đường nét cổ điển. Nếu ở đó, anh sẽ bị choáng bởi vẻ mặt rất giống Michelangelo's David, chỉ khác là David ở tầm tuổi trung trung niên. Rõ ràng Burden không bao giờ có kiểu so sánh này. Ross đặt dụng cụ anh ta đang cầm xuống, đi lại phía Wexford và bắt tay. Họ đã từng gặp nhau tại nhà Ross và không có gì sai khi làm thế

này cả; chắc chắn là anh ta rất thân thiện và sẵn sàng hợp tác. Nhưng với Burden, nó vẫn có vẻ như người đàn ông này đang muốn tự đặt mình ngang hàng với cảnh sát, thể hiện rằng anh ta theo phe cảnh sát, như Wexford có thể đã nói - Burden thường nghe anh nói - Samphire đang chống lại thế giới.

“Tôi thực sự không thể nói với anh rằng liệu mình đã từng gặp Amber Marshalson hay chưa, Thanh tra Burden ạ,” Ross nói, sử dụng tác phong và tên họ như một người ngang hàng, gần giống một người bạn. “Có thể tôi đã gặp rồi. Đơn giản là tôi không nhớ.”

“Cô ta là một cô gái rất xinh xắn.”

“À, hiện giờ, thưa Thanh tra, tôi là một người đàn ông đang có một gia đình hạnh phúc. Tôi không còn để mắt đến các cô gái kể từ khi kết hôn. Anh có biết tôi nói gì với bản thân mình không? Tôi nói là, con tôi sẽ nghĩ gì về tôi nếu chúng thấy tôi ngắm những cô gái khác?”

Burden nói về bức tranh khóa thân trên tường phòng khách nhà anh ta. “Để tôi giúp anh nhớ lại nhé. Tôi nghĩ anh đã gặp Amber tại nhà bà Hilland vào tháng Bảy. Cô ta đến cùng đứa con trai nhỏ của mình.”

Cử chỉ mà Ross thể hiện ra nhìn như đang đóng kịch, hất đầu ra sau, đưa tay vỗ trán rồi đâm vào không khí bằng chính cánh tay đó. “Tôi nhớ rồi, tôi nhớ rồi,” anh ta la lên.

“Chúa ơi, tôi đã quên hết mọi thứ.”

Quả là một màn kịch, Burden nghĩ. “Anh sống ở đâu, anh Samphire?” Câu hỏi làm anh ta ngạc nhiên. “Đại lộ Pauceley. Sao thế?”

“Có lẽ anh cũng sẽ nhớ được rằng mình đã từng gặp Megan Bartlow. Khi cô ta tới thăm cha cô ta ở Pauceley, cô ta có thói quen đi bộ tới điểm xe buýt dọc theo Đại lộ Pauceley.” Ross không trả lời câu này, chỉ lắc đầu. Có lẽ anh ta nghĩ mình không thể chịu trách nhiệm cho bất kỳ ai đi bộ qua nhà mình trong suốt những năm qua. Burden hỏi anh ta Colin Fry có ở trong tòa nhà không, và được trả lời là không. Fry còn làm nhiều việc khác ngoài trợ giúp Ross. Tiếng bước chân vang lên trên cầu thang. Đó là chiếc cầu thang lớn của ngân hàng, làm từ đá cẩm thạch với lan can bằng sắt rèn, mà giờ được dùng để phục vụ tất cả các hộ dân, những tiếng bước chân vang vọng

trên nền đá. Một biểu hiện kỳ lạ hiện lên trên mặt Ross. Nếu phải định nghĩa về mặt đó - và Wexford giỏi làm việc này hơn - anh sẽ gọi nó là “chu đáo”. Có lẽ “chu đáo” sẽ tốt hơn hoặc thậm chí là “bảo bọc”. Nhưng Ross không thể hiện cảm giác của anh ta theo những từ này. Một người đàn ông đi vào phòng, mang theo một cuốn sách tờ rời lớn.

Gần như không thể tin được, người đàn ông này chính là anh em sinh đôi của Ross. Đây là Rick Samphire, chính xác bằng tuổi Ross đến từng giờ. Bề ngoài, anh ta không giống Ross y đúc. Rick trông có vẻ rách rưới, tóc thừa dãn có vài sợi màu xám, khuôn mặt hằn nếp nhăn, má hóp và đôi mắt lơ đãng. Chỉ có thói quay sang Burden khi đang nói chuyện với Ross của anh ta là giống hệt với anh trai mình.

Ross nhẹ nhàng nói, đặt tay lên vai gã đàn ông kia, “Mọi thứ sẽ ổn thôi, Rick. Không phải lo lắng gì cả, nhưng quý ông này là một sĩ quan cảnh sát, Thanh tra Burden.”

Rick Samphire nhìn Burden với nỗi kinh hoàng hiện dần lên khuôn mặt của mình, giống như những nhân vật trong phim khi đối mặt với một con quái thú cách xa cả chục cây số. Anh ta hất bàn tay của Ross ra, chạy về phía cửa và lao xuống cầu thang. Không đợi nghe lời giải thích hay xin lỗi từ Ross, Burden đuổi theo Rick.

Người quản lý nhắc máy. Sự hứng thú của Wexford đã chìm ngấm, cơn phấn khích giảm xuống và anh biết rằng bằng cách nào đó, ở một nơi nào đó, những tấm bưu thiếp đã dẫn anh lạc lối. Frau Stadler nhanh chóng kiểm tra danh sách khách hàng trên máy tính, xem lại một lần nữa khi anh yêu cầu, nhưng chẳng thể tìm thấy dữ liệu về một cô Megan Bartlow và một cô Amber Marshalsen nào đó đã ở đây vào tháng Năm hay vào bất kỳ thời gian nào khác, dù đi riêng hay chung. Anh hỏi cô ta liệu có thể đăng ký phòng khách sạn bằng tên giả hay không. Frau Stadler dường như rất sốc với câu hỏi này. “Chúng tôi yêu cầu hộ chiếu của khách hàng và giữ chúng mười hai tiếng đồng hồ. Nếu một khách hàng có hộ chiếu giả...” Cô ta bỏ lửng về sau của câu nói.

“Một tấm thiếp được gửi đi từ khách sạn của cô tới Anh vào ngày Hai mươi hai tháng Năm,” Wexford nói. “Liệu có khách hàng ở nơi nào đó đến khách sạn để mua một tấm thiếp ở quầy lễ tân không? Điều đó có thể xảy ra chứ?”

“Chúng tôi không thích điều này. Chúng tôi - ý là gì nhỉ? - phản đối điều này. Nhưng nó vẫn xảy ra như thường. Đặc biệt là khi có nhiều khách ở quầy lễ tân và nhân viên thì quá bận rộn. Có thể một trong những quý cô mà ông vừa đề cập đã vào khách sạn, có lẽ uống trà hoặc gặp bạn ở quầy bar và rồi mua tấm thiếp. Chúng tôi không thể ngăn chặn việc này.”

Wexford có thể tưởng tượng việc đó dễ dàng đến thế nào. Kỹ năng Internet của anh vẫn còn trong giai đoạn trứng nước - chúng có thể không bao giờ tiến xa hơn được giai đoạn đó - và nỗ lực đầu tiên của anh trong

việc tìm kiếm danh mục khách sạn ở Frankfurt bằng cách nào đó lại khiến anh vớ được một danh sách các phim về Frankenstein. Nhưng cuối cùng anh cũng có được cái mình muốn. Die Vier Pferde (rõ ràng được đặt tên theo Bốn kỵ sĩ trong sách Khải huyền^[10] khi nó hoặc tiền thân của nó là một quán trọ thời trung cổ) được phong tặng bốn sao và được mô tả là “thoải mái với một vài dãy phòng sang trọng, món ăn tuyệt vời được trao tặng một sao trong series Hướng dẫn của Michelin cùng không gian vườn ngay bên trong khách sạn đầy dễ chịu. Rõ ràng, đó không phải là loại khách sạn mà Megan và Amber sẽ sử dụng. Có thể họ đã ở một nhà trọ ở Đức và đã tới Die Vier Pferde, chính xác như những gì Ingrid Stadler gợi ý, mua một hoặc nhiều tấm thiệp sau khi ngồi uống ở quầy bar. Giới trẻ thường hay thích làm thế, giả vờ “cho vui” rằng họ đang ở một khách sạn bốn sao, trong khi thực tế họ đang phải san sẻ phòng trong một nhà trọ chật chội với phòng tắm ở cuối lối đi. Không có chi tiết nào giúp giải thích được lý do tại sao họ lại đến Frankfurt.

Đuổi theo một gã đàn ông đã bỏ chạy khi phát hiện ra bạn là cảnh sát là một việc dĩ nhiên. Burden đã làm vậy từ khi mười tám tuổi. Thịnh thoảng anh bắt được mục tiêu mà mình truy đuổi và thịnh thoảng thì không. Ngày hôm nay sẽ thuộc loại thứ hai. Rick Samphire đã có khởi đầu tốt và mặc dù trông có vẻ yếu ớt nhưng anh ta đã xoay xở để biến mất vào đâu đó bên ngoài những cánh cửa tạm được lắp đặt tại tòa nhà ngân hàng cũ kỹ. Burden đã cật lực chạy trở lên cầu thang cẩm thạch và thấy Ross đã bình tĩnh quay lại với công việc cùng những tấm ván lót tường.

“Cái đó để làm gì vậy?” Burden hỏi.

Ưu ái dành tặng anh một nụ cười quyến rũ mà dường như là hàng-có-sẵn, Ross đặt dụng cụ xuống. Anh ta nói một cách kiên nhẫn, “Anh phải hiểu rằng em trai tôi... chà, không phải tâm lý không bình thường, tôi sẽ không nói là bất thường. Cậu ta không bị bệnh tâm thần nhưng cậu ta đã rất lo lắng. Cậu ta đã phải chịu đựng quá nhiều.”

“Ồ, thế hả?”

“Mọi người đối xử với cậu ta rất tệ. Đối với cậu ta, mất con đã rất đau khổ rồi, đặc biệt là khi cậu ta nghĩ rằng mình chưa làm được gì để xứng đáng với nó.”

“Vì thế anh ta đã bỏ chạy khi nhìn thấy cảnh sát?”

“Vâng, thực sự đúng vậy đấy. Đó là điều cậu ta sẽ làm. Chẳng nào anh cũng biết vì thế tốt nhất tôi nên kể cho anh. Cậu ta có vài tiền án tiền sự. Cậu ta đã từng ngồi tù. Nhưng cậu ta hoàn toàn vô hại. Tôi không ngại nói với anh rằng tôi thấy mình có nhiệm vụ phải chăm sóc cậu ta cả đời. Chúng tôi là anh em sinh đôi, anh biết mà. Thành thực mà nói, cậu ta không có khả năng đảm nhận công việc thư ký của công ty, cậu ta không phải là nhân viên kế toán thật sự, nhưng... chẹp, như tôi đã nói, tôi chăm lo cho cậu ta. Tôi nghĩ anh sẽ cho tôi là thằng ngốc nếu tôi nói rằng mình yêu quý cậu ta.”

Đón nhận điều đó bằng nụ cười ngọt ngào buồn bã, khóe mắt xanh nheo lại, hàng lông mày sắc nét màu đen nhướng lên, Burden không có ý định nói những gì mình nghĩ về tình cảm anh em hay đại loại thế. “Sinđôi, đúngđúng không? Hai người trông không giống anh em lắm. Không giống nhau mấy.”

“Chúng tôi đã từng rất giống nhau.”

Giọng Ross khá buồn, nhưng Burden cảm thấy dường như anh ta muốn được bảo rằng mình và em trai nhìn khác nhau. Công bằng mà nói, chẳng ai muốn trông giống Rick Samphire cả. “Anh ta sống ở đâu?”

“Đường Potter, Pomfret. Đừng làm khó cậu ta nhé. Cậu ta vô hại.”

Nhưng Rick vẫn chưa về nhà lúc Wexford và Burden đến đường Potter. Đó là một con phố có nhiều nhà cửa chạy song song tới nơi Paula Vincent sống. Số hai mươi sáu là một ngôi nhà gỗ một tầng đặt giữa một căn biệt thự nhỏ xây bằng gạch đỏ và một dãy những căn hộ từ thập niên 30 được xây dựng có mục đích với khung cửa sổ kim loại và cửa ra vào đón nắng. Ngôi nhà gỗ một tầng của Rick trông ảm đạm và buồn thảm đến chán nản, nước sơn bong tróc, mái nhà thấp rơi mất vài viên ngói, con đường bê tông nứt vỡ. Không có cây cối mọc gần đó. Bức tường phía trước đã bị dỡ bỏ và khu vườn trước kia giờ được đổ bê tông lên trên để làm chỗ đỗ xe.

Khoảng mười phút sau, họ nhìn thấy một chiếc Volvo màu xanh rẽ từ góc đường Pomfret High Road, chạy thẳng vào khu vườn được lát bê tông. Người đàn ông mà Burden đã đuổi theo xuống xe, không nhìn về hướng họ, bước lên lối đi, vai anh ta khom xuống và cúi đầu tránh mưa. Anh ta đi bộ như thể một người đã thôi phản kháng và biết được giờ là lúc để từ bỏ hy vọng. Sau khi bước vào cửa trước và đóng nó sau lưng mà không thềm nhìn lại, Wexford cùng Burden xuống xe rồi băng qua đường. Họ tới được nửa chừng vỉa hè khi Rick Samphire mở cửa và đứng cúi đầu đợi họ. Có lẽ anh ta đang chờ được triệu tập thi hành án tử của riêng mình.

Bên trong ngôi nhà, Wexford sau đó đã nói rằng nếu phải sống trong đây, anh sẽ tự tử mất. Căn phòng nhỏ ở phía sau mà Rick đưa họ vào được trang bị một cái ti vi, một ghế sofa cũ được bọc trong lớp nhung màu đỏ bần thiu và rách rưới, một ghế đẩu dùng cho nhà bếp cùng một chiếc ghế nhựa. Cửa sổ không có rèm che, sàn nhà để trần không trải thảm hoặc mền. Một cuốn lịch, vẽ những bức tranh âm đạm về thuyền buồm, treo trên một bức tường, không có bất kỳ tranh ảnh nào khác.

Nhưng những gì họ nhìn thấy bên ngoài căn phòng, trong một hành lang nhỏ hẹp chạy từ cửa trước ra đằng sau ngôi nhà nhỏ, lại đem đến cho họ hy vọng rằng mình đã đến đúng chỗ và gặp đúng người. Phía cuối hành lang, trên một trong những chiếc sừng cong của cây treo quần áo, là chiếc áo lông cừu màu xám có mũ trùm đầu.

Nếu Rick Samphire có nhìn thấy họ đánh mắt về phía cái áo thì anh ta cũng không tỏ vẻ gì cả. Khuôn mặt xấu hổ của anh ta không biểu lộ một sự thay đổi nào. Ánh mắt anh ta như đã chết. Wexford và Burden ngồi xuống, rồi sau chút lưỡng lự, Rick cũng ngồi xuống, trên mép chiếc ghế đẩu, đôi tay yếu ớt đặt giữa hai đầu gối. Wexford bắt đầu hỏi anh ta có biết Amber Marshalson không và cho anh ta xem ảnh của cô ta, rồi làm tương tự với trường hợp của Megan Bartlow.

Câu trả lời không bình thường: “Tôi không biết.”

“Anh không biết họ, anh Samphire, hay anh không biết là mình có biết họ không.”

“Tôi không biết,” Rick nói lần nữa. “Tôi không biết là mình có biết họ hay không. Có thể tôi đã từng gặp họ. Tôi không thể nhớ ra. Trí nhớ của tôi không được tốt. Vợ cũ của tôi đã hủy hoại trí nhớ của tôi.”

Quyết định không theo đuổi chuyện này nữa, Burden hỏi anh ta có biết khu rừng Yorstone không.

“Ở đâu cơ?” Tâm trạng ủ rũ của Rick đã thay đổi. Anh ta bất ngờ có chút cảnh giác, ý thức, rõ ràng anh ta phải cẩn thận hơn với những gì mình nói, phải khôn ngoan.

“Rừng Yorstone. Nó nằm ở phía nam của đoạn đường từ Kingsmarkham tới Lewes, khoảng giữa Stringfield và Pomfret Monachorum. Anh đã tới đó bao giờ chưa?”

“Tôi không vào rừng,” Samphire nói. “Tại sao tôi phải làm thế?”

“Tôi không biết, anh Samphire. Anh nói xem.”

Wexford hỏi anh ta, “Anh có ở trong rừng Yorstone vào buổi tối ngày Hai mươi tư tháng Sáu hay không? Anh có đậu xe trong rừng và đi bộ thẳng tới cầu Yorstone, mang theo ba lô đựng một tảng bê tông làm hung khí hay không?”

“Đựng gì?”

“Một tảng bê tông.”

“Tôi chưa từng tới đó. Chưa hề.”

“Khi anh ở trong rừng Yorstone và một lần nữa xuất hiện ở đường Mill, Brimhurst, anh có mặc cái áo lông cừu xám có mũ trùm đầu kia không?”

Im lặng. Sau đó, Rick nói với giọng dữ tợn chậm rãi, “Tôi không muốn nói chuyện với các vị. Tôi đã gặp quá đủ rắc rối với pháp luật rồi. Pháp luật luôn gây phiền toái cho tôi: lấy mất của tôi nhà cửa, tiền bạc và cả những đứa con.”

“Anh Samphire,” Wexford nói, “chúng tôi muốn biết anh đã ở đâu vào tối ngày Hai mươi tư tháng Sáu, đêm mừng Mười tháng Tám và rạng sáng ngày mừng Một tháng Chín. Điều này rất quan trọng. Có lẽ anh sẽ nghĩ về nó và nói cho chúng tôi khi chúng tôi quay lại vào ngày mai.”

“Tôi sẽ không ở đây. Mai tôi sẽ tới tòa nhà ngân hàng cũ.”

“Chúng tôi sẽ gặp anh ở đó,” Burden nói. “Lúc chín giờ.” Chiếc Volvo màu xanh trên sàn bê tông là một chiếc xe cũ, có lẽ đã được mười lăm năm, nước sơn đã mất đi độ bóng từ lâu và trở nên sần sùi. Trên thân nó đầy những vết xước, có vết đã cũ, có vết không quá cũ, và có vết rõ ràng là rất mới. Họ đi xung quanh nó, xem xét những vết trầy xước trước khi rời đi.

Toàn bộ đội của anh đã có mặt trong văn phòng, Wexford thông báo cho họ về đối tượng Rick Samphire. “Anh trai của hãn đã tình nguyện cho chúng ta biết hãn từng có tiền án tiền sự. Để làm gì thì chúng ta không biết. Tôi không biết hãn có giết hai cô gái không. Cho đến giờ, tôi không nghĩ ra được hãn đã ở đâu vào những thời điểm có liên quan. Có lẽ hãn có thể đưa ra được những bằng chứng ngoại phạm thuyết phục và có thể không. Chúng ta không cần phải tìm kiếm động cơ, các cậu biết đấy, nhưng tôi nghĩ tất cả chúng ta nên đưa ra vài lý do cho những vụ giết người không có mục đích rõ ràng và thiếu suy nghĩ như thế này. Những gì tôi không hề mong muốn là khiến lực lượng cảnh sát bị mang tiếng bắt giữ và đưa ra xét xử những người mà bằng chứng chống lại họ thiếu độ tin cậy và những người mà chúng ta chẳng hiểu mấy về họ. Đừng bận tâm những gì tờ Người đưa tin nói về chúng ta. Chúng ta có thể coi như không nhìn, không nghe thấy gì hết. Vì uy tín của lực lượng, chúng ta không bắt giữ một người mà sẽ phải thả đi sau ba mươi sáu tiếng đồng hồ bởi chứng cứ không đủ thuyết phục và hãn, với chút trợ giúp từ bạn bè, có thể tạo ra được những bằng chứng ngoại phạm vững chắc.”

Burden nói, “Xe của hãn có những vết trầy xước có thể là do các nhánh cây thấp trong rừng Yorstone quệt vào và hãn mặc một cái áo lông cừu có mũ trùm đầu. Vì thế, có lẽ, chúng ta cần cử ít nhất một trăm người đến khu vực đó.”

Hannah giơ tay. “Chúng ta nghĩ động cơ có gì đó liên quan đến việc lừa Amber và Megan đến đây, đúng không thưa ngài?”

“Tôi không biết đó có phải là một dạng lừa đảo hay không, Hannah ạ. Nó thậm chí có thể là hợp pháp. Nhưng, vâng, tôi tin cả hai cô gái đều bị giết vì lý do ấy.”

“Về tội trạng của Rick Samphire, thưa sếp,” Bary Vine nói, “tôi đã báo cáo xong, nhưng có thể sẽ hữu ích cho mọi người ở đây nếu biết được hắn bị kết án về tội gì. Hắn bị bắt vì hành hung vợ, Alison, một lần. Hắn đâm vỡ quai hàm và đá gãy hai xương sườn cô ta. Hắn còn có thêm một tiền án khác vì đã hành hung một người đàn ông bên ngoài quán rượu ở Myringham.”

Cảm ơn anh ta, Wexford nói, “Tôi muốn tất cả các cậu đi điều tra gia thế nhà Samphire. Không chỉ Rick mà cả Ross nữa. Cho đến giờ, tất cả những gì chúng ta đã có là ‘ai cũng tự nói tốt về bản thân’ và tôi không tin rằng có kẻ nào lại có thể trong sạch và tuyệt vời đến thế.” Anh liếc nhìn về phía Burden. “Không, Mike ạ, tôi không thể nói tôi đồng ý với anh rằng treo một bức tranh khóa thân khá táo bạo trong phòng khách là hoàn toàn vi phạm đạo đức.”

Vine và Trung sĩ Coleman cười phá lên và Burden sẵn lòng nhập hội.

“Và giờ ai đó có thể vui lòng mở giúp tôi trang web của Surrage-Samphire trên máy tính và đọc lên tất cả những thông tin chúng ta có thể lấy được từ đấy không. Đây không phải là cách tồi để bắt đầu đâu.”

Wexford đứng sau Bal và khi anh ta tắt chương trình mình đang nghiên cứu, Wexford yêu cầu anh ta mở trang web của Samphire lên màn hình. Bal đang gõ “www” thì bị Wexford ngăn lại, “Anh không đánh vần được từ khi nào thế Bal?”

Bal nhìn lên, đôi tay anh để sẵn sàng trên các phím. “Tôi đâu có gõ sai, thưa sếp?”

Wexford không trả lời. Anh nhìn chăm chăm vào lỗi chính tả của Bal. “Tôi nghĩ có lẽ anh đã đánh rất đúng. Đừng thay đổi bất cứ thứ gì nhưng hãy thêm vào một chữ A, một chữ C và một chữ Y, được chứ?”

Hoang mang, Bal làm theo.

“Xin chúc mừng.” Wexford vỗ nhẹ vào vai anh. “Bằng việc không thể đánh vần, anh đã giải quyết được điều bí ẩn làm tôi khó chịu suốt hai tháng

qua. Giờ in mọi thứ mà anh có thể tìm thấy với cụm từ ‘Để muốn’, được không? Mọi thứ được cung cấp ấy.”

“**T**ôi là một thằng ngu,” Wexford nói. “Đáng nhẽ tôi phải biết từ mấy tuần trước chứ. Con gái rượu của tôi đang làm việc này và tôi chẳng hề nhận ra. Nếu như đó không phải là ma túy hay mại dâm, thì còn việc gì có thể đem lại hàng ngàn bảng như vậy ngoại trừ đẻ thuê chứ?” Anh ném xấp tài liệu in ra từ máy tính qua bàn làm việc tới chỗ Burden. “‘Dự định làm cha mẹ’, ‘Đẻ thuê, câu trả lời cho giấc mơ của bạn’, ‘Mang thai chủ thể hoặc mang thai hộ’, ‘Đẻ thuê trực tiếp’. Nghe những cụm từ này này.”

“Đẻ thuê trực tiếp là khi trứng của người mẹ mang thai hộ và tinh trùng của người mong muốn làm cha được kết hợp với nhau. Quá trình này có thể diễn ra trong phòng khám của Trung tâm thụ tinh trong ống nghiệm (IVF) [11] nhưng các kỹ thuật thụ tinh nhân tạo thường được áp dụng tại nhà nhiều hơn. Các em bé là con cái về mặt sinh học của người mong muốn được làm cha và người mẹ mang thai hộ. Mang thai chủ thể sử dụng trứng của người mong muốn được làm mẹ kết hợp với tinh trùng của chồng hoặc tinh trùng được hiến tặng.

Đứa trẻ được thụ thai bằng phương pháp này không có quan hệ sinh học với người mang thai... Vâng, vâng, tốt, chúng ta biết rồi. Có thể tôi dốt đặc cán mai nhưng tôi biết được những sự thật về cuộc sống trong nửa thế kỷ qua. Đây không phải kiểu mang thai hộ mà Amber và Megan đang thực hiện.”

Burden lướt qua xấp giấy, lắc đầu và đặt xuống. “Theo những gì được nói ở đây, mà tôi nghĩ rằng mình biết, đăng báo tìm người mang thai hộ ở quốc gia này là phạm pháp. Họ khuyên nên tới gặp một trung tâm đẻ thuê.”

“Tôi không nghĩ Megan và Amber đã làm thế, đúng không?”

“Cô đang nói rằng họ không làm gì phi pháp đúng không?”

“Tôi chắc chắn rằng việc họ đang làm là hoàn toàn phi pháp. Ngồi xuống và tôi sẽ kể cho mọi người nghe một câu chuyện. Một số chi tiết là do tôi tưởng tượng ra nhưng không nhiều lắm. Có lẽ mọi chuyện bắt đầu từ việc Megan đọc được một trong những câu chuyện trên báo về một người mang thai hộ không chịu từ bỏ đứa con mình sinh ra. Có lẽ cô ta cũng đọc được lời giới thiệu về việc đẻ thuê của người phụ nữ này thông qua Internet. Nhưng Megan không biết cách truy cập Internet. Tất cả những thiết bị trong nhà Prinsip - Bartlow đều có được từ những nguồn lợi nhuận bất chính. Cách tiếp cận máy vi tính duy nhất mà cô ta có được là thông qua một trong những tiệm cà phê Internet - nhưng không nhiều vì cô ta chưa bao giờ sử dụng máy vi tính trong đời. Em gái cô ta - Lara - thì có, nhưng hỏi em gái nghĩa là phải tâm sự mọi chuyện.”

“Sau đó cô ta đã gặp Amber,” Burden nói.

“Sau đó cô ta đã gặp Amber. Ở câu lạc bộ Bling-Bling, nơi Lara dẫn cô ta đến vào một buổi tối. Tôi không biết khi nào hoặc bằng cách nào chủ đề này được đưa ra nhưng tôi có thể thấy hai cô gái này có một điểm chung. Cả hai đều rất trẻ, Megan thì mười chín và Amber mười bảy, nhưng cả hai đều đã từng có con. Đó là ‘năng lực’ mà Megan đã nói với Lara rằng cô bé cần phải có. Còn gì hợp lý hơn khi Megan và Amber nói về điểm chung mà họ có lúc ngồi chung bàn trong câu lạc bộ? Hiện tôi không cho rằng hai cô gái đã nói chuyện mang thai hộ trong lần gặp mặt đầu tiên nhưng tôi tin họ đã hẹn gặp nhau lần nữa, có lẽ ở một quán cà phê nào đó và sau đấy là ở nhà Amber, nơi Amber có thể truy cập máy vi tính.”

“Cô đang nói rằng tại buổi gặp mặt cà phê, ví dụ thế, Megan đã vẽ ra kế hoạch cho cả hai người để chuẩn bị trở thành những người mang thai hộ? Không phải ‘chủ thể’ mà là ‘trực tiếp’ mang thai hộ?”

“Đúng vậy. Megan không có ý định đến một trung tâm IVF gần đó hay các trung tâm đẻ thuê. Đầu tiên họ phải tìm hiểu những gì có thể về chuyện ấy thông qua Internet, nhưng Megan không biết sử dụng còn Amber cũng không có nhiều kinh nghiệm, mặc dù có máy tính ở nhà. Mẹ kế của cô ta có

thể sử dụng nó nhưng hỏi mẹ kế rõ ràng là không ổn. Mặt khác, John Brooks lại biết về máy tính, anh ta sẽ giúp cô ta. Chúng ta biết rằng Amber đã hỏi anh ta bởi vì Brooks nói với chúng ta thế.”

“Cái gì, hỏi Brooks cách truy cập một trang web để thuê cho cô ta ư?”

“Có thể Amber đã hỏi anh ta cách tìm kiếm trang web đó và những gì tìm được đã khiến anh ta nảy sinh một ý tưởng rồi về nói với vợ mình, người vốn rất muốn có một đứa con. Anh ta không muốn ai biết chuyện ấy, đó là lý do anh ta đã nói dối Hannah. Nhưng quay trở lại với Amber và Megan. Họ có thể làm được nhiều hơn mà không cần gia nhập một trung tâm để thuê bởi vì sẽ là phạm pháp khi đăng báo để tìm người để thuê hoặc quảng cáo việc để thuê ở quốc gia này. Nhưng sẽ lại hợp pháp nếu gia nhập một trung tâm và được giới thiệu đến những cặp đôi cần tìm một người mang thai hộ đứa con cho mình. Tôi nghĩ mình quen một người biết tất cả về các trung tâm để thuê...”

Mùi hương từ bếp nấu của Sylvia là một trong những mùi dễ chịu nhất Wexford từng nghĩ thấy. Mùi của đủ các loại thịt không lẫn đi đâu được ngay cả nếu Naomi Wyndham đã từng thừa nhận rằng nó không phù hợp cho phụ nữ mang thai, trẻ em và bất kỳ ai ngoại trừ bản thân anh, người cô ta nghĩ là quá thiếu hiểu biết trong lĩnh vực ẩm thực đến nỗi không thể cứu vãn được. Anh đang ngồi trong bếp của con gái mình với Dora, Naomi và Mary Beaumont, tác giả của món mà bà ta gọi là ra-gu thịt và đậu, thành phần gồm thịt ngỗng, thịt lợn, thịt xông khói, đậu và các loại thảo mộc.

“Tôi chỉ nên ăn rau thôi,” Naomi nói với một cái rùng mình giả tạo. “Nếu ăn thứ này, tôi sẽ phải suy nghĩ suốt ngày rằng nó sẽ tác động như thế nào đến động mạch chủ của mình.”

Mary cười. “Tôi đã nhìn thấy vài động mạch chủ, cưng ạ, cả bên trong lẫn bên ngoài,” bà ta nói, “và tôi tin rằng sẽ tốt hơn nếu mọi người không biết rằng họ có nó.”

“Thêm chút rượu nhé, bố,” Sylvia nói. “Mẹ có thể lái xe mà.”

“Chỉ một ly vang đỏ thôi đấy,” Wexford nói. “Naomi sẽ không phản đối vang đỏ đâu nhì. Kể cả bác sĩ Atkins cũng không phản đối cơ mà.” Naomi bắt đầu phản ứng một cách vô cùng kịch liệt về chế độ ăn kiêng Atkins khi anh ngắt lời cô ta. “Naomi, một phụ nữ hiểu biết” - Chúa tha tội cho ông ta! - “cô sẽ không ngại khi tôi hỏi cô điều này chứ? Khi cô và Neil quyết định tìm một người mang thai hộ, hai người có phải là thành viên của một tổ chức tranh đấu với... ờ, bệnh vô sinh không?”

“Chúng tôi là thành viên của hai tổ chức. Babies for All và SOCC.”

“SOCC?”

Mary trả lời, “Nhóm Khắc phục Vô sinh tại Sussex. Họ đặt trụ sở chính tại đây. Tôi làm việc cho họ.”

“Bà là y tá, đúng không?”

“Hộ sinh, anh ạ. Tôi tình nguyện làm việc tại SOCC.” Naomi cười lạnh lạnh. “Đăng báo tìm người mang thai hộ và quảng cáo bản thân là người mang thai hộ là trái pháp luật nhưng chẳng có gì ngăn được anh gập gờ và nói chuyện về bi kịch lớn lao của cuộc đời mình. Không gì cản được anh đưa ai đó tới Babies for All mà anh nghĩ cô ta có thể trở thành một người mang thai hộ chừng nào anh còn câu nệ khi nhắc đến cô ta.”

“Hoặc, tôi giả định, nếu cô ta cung cấp dịch vụ một cách riêng tư cho một cặp đôi trong số các thành viên của bà.”

“Dĩ nhiên.”

“Họ sẽ là những kẻ ngốc nếu họ không điều tra kỹ lưỡng trước khi làm bất cứ điều gì với cô ta,” Mary thẳng thắn nói.

Wexford trầm ngâm, “Nhưng người ta sẽ trở nên ngu ngốc hoặc rất liều lĩnh khi họ lâm vào bước đường cùng. Và thật khó để nghĩ ra còn có điều gì khác mà một người phụ nữ có thể đặc biệt cần hơn đứa con của chính cô ta.”

Trước sự ngạc nhiên của anh, Naomi nắm lấy tay anh và siết chặt nó. Anh nhìn cô ta, khó có thể tin rằng người phụ nữ này, người anh từng nghĩ là hời hợt và nông cạn, lại có thể có những xúc cảm sâu sắc đến vậy. Những

giọt nước mắt lấp lánh trên khóe mắt cô ta và đọng lại ở đó, không rơi xuống.

Dora hít một hơi thật mạnh, “Chốt lại là, anh còn muốn biết gì nữa không? Anh đã quá quen với việc thăm vấn, đến nỗi anh làm thế ở bất cứ chỗ nào anh tới.”

Anh nặn ra một nụ cười. “Tôi xin lỗi mọi người. Tôi sẽ im miệng lại. Chúng ta có thể dùng bữa chưa, Sylvia? Bố không thể chịu được việc phải ngửi cái mùi quấy rối này thêm nữa đâu.”

Khi họ tiến vào tòa nhà ngân hàng cũ lúc chín giờ sáng ngày hôm sau, Ross Samphire đang ở đó một mình.

“Rick sẽ đến muộn một chút,” Ross nói.

Anh ta đang leo lên cái thang nhôm hình chữ A, gắn những đường gờ vào tâm của bông hồng trên trần nhà.

“Anh ta sẽ không bỏ chạy khi nhìn thấy tôi, phải không?” Burden lạnh nhạt nói. “Tôi không muốn phải đuổi theo anh ta dọc cái phố High Street này lần nữa đâu.”

“Tôi có thể đảm bảo cậu ta sẽ không bỏ chạy nữa đâu. Cứ để đó cho tôi. Cậu ta sẽ đến đây bây giờ đây.”

Giấc ngủ đêm qua không làm cho diện mạo của Rick Samphire khá khẩm hơn. Lần đầu thấy họ ở cùng nhau, Wexford thấy ngạc nhiên về việc hai người này có thể là anh em sinh đôi. Nhìn họ đứng cạnh nhau - Ross xuống thang, mỉm cười và nói, “Chào Rick. Cậu thế nào?” - họ trông giống những nhân vật trong loạt quảng cáo “trước” và “sau.”

Anh ta đã nói câu dài nhất từ trước đến giờ mà họ nghe được. “Nếu phải hầu chuyện hai vị, tôi muốn nói trước sự chứng kiến của anh trai tôi và tôi không muốn đi đến bất cứ đâu anh trai tôi không nghe được tôi nói gì và cả hai vị nói cái gì.”

Vẻ hài lòng thể hiện trên khuôn mặt Ross nhìn rất mắc cười. Anh ta cười và huých vào vai Rick một cái.

“Tôi không phản đối chuyện anh trai anh ở đây,” Wexford nói. “Đầu tiên, tôi muốn biết anh đã ở đâu vào buổi tối ngày Hai mươi tư tháng Sáu trong khoảng tám đến mười giờ tối.”

“Lúc đó, Ross đang đi nghỉ mát,” anh ta nói như thể tung tích của anh trai anh ta là mối quan tâm hàng đầu. “Tôi thì ở Mermaid với Norman.”

Anh ta nói không cần suy nghĩ, Wexford ghi nhớ điều này, không cần lưỡng lự khi cung cấp tên và địa chỉ trong bốn tháng qua.

“Ai là Norman?”

“Norman Arlen,” Rick lẩm bẩm. “Đúng vậy. Đó là địa chỉ nhà Arlen.”

Wexford đã biết trước sau gì Ross cũng sẽ cắt ngang. Nhưng không nghĩ lại sớm vậy. “Anh không cần phải nghiêm túc thế đâu. Mọi người đều biết nơi Norman sống. Ngôi nhà của anh ta rất nổi tiếng.”

“Không nổi tiếng trong giới của chúng tôi,” Burden nói. “Ồ, vâng. Đó là Tòa thị chính Pomfret.”

Không bằng chứng ngoại phạm nào khiến Wexford ấn tượng hơn việc một người chăm chỉ đi làm vào đêm ngày mừng Mười, rạng sáng ngày Mười một tháng Tám. Cúi đầu, lẩm bẩm, Rick nói anh ta đã ở cùng vợ cũ của mình, chăm sóc lũ trẻ.

“Đó là cách duy nhất để tôi được gặp lũ trẻ. Chăm sóc chúng. Cô ta và cái gã ở cùng cô ta đã đi chơi. Cô ta ở cùng hẳn trong căn nhà của tôi. Cô ta có được nó sau khi ly hôn. Trông chừng bọn trẻ là cơ hội duy nhất để tôi được gặp chúng. Thời buổi này, người cha chẳng làm được gì cả. Tôi đang tham gia Hiệp hội Công lý cho những người cha.”

Đặt tay lên vai em trai mình, Ross cắt ngang, “Alison sống ở Myringham. Rick rất hiếm khi trông đám nhóc hộ cô ta. Đó không phải là tình huống lý tưởng nhưng anh có thể làm gì chứ?”

“Không gì cả, trong trường hợp của anh,” Burden ngắt lời, “Tôi không hỏi anh. Nếu anh muốn ở lại cùng em trai mình thì làm ơn giữ yên lặng.” Ross trông có vẻ bị tổn thương hơn là bị xúc phạm. “Anh đã không còn ở

cùng với bọn trẻ vào hai giờ sáng,” Burden nói với Rick. “Anh rời khỏi nhà vợ cũ lúc nào?”

“Không phải nhà cô ta, mà là nhà tôi,” Rick nói, tỏ rõ anh ta không bao giờ có ý định để yên cho việc đối xử bất công với mình nhưng lại lo lắng về nó bất cứ lúc nào chủ đề ấy được đưa ra. “Đó là nhà của tôi, tôi đã mua thể chấp nó bằng số tiền mình kiếm được.”

“Anh rời đi lúc nào?” Wexford gần giọng nói.

Ross nhướn cặp mắt nâu của mình lên và nói theo cách của một luật sư đang bảo vệ nghi can, “Giờ chắc không cần dùng đến giọng đó chứ?”

“Tôi sẽ dùng giọng nào tôi muốn. Tiếp tục nào. Máy giờ anh rời đi?”

Ross tạm bằng lòng với một cái nhướn mắt. Vẫn lầm bầm, Rick nói, “Tám mười một giờ. Bọn họ về thì tôi đi. Bọn trẻ đã ngủ rồi. Tôi không nói gì nhiều với cô ta và gã kia. Tôi ra ngoài và con xe mắc dịch của tôi chết máy.”

“Cậu biết là tôi sẽ mua cho cậu một con xe khác mà, Rick,” Ross nói.

Bực mình nhưng không thể hiện ra, Wexford nói bằng giọng mỉa mai, “Làm ơn đừng xen ngang nữa, anh Samphire. Nếu anh tái phạm, tôi sẽ phải yêu cầu em trai anh về đồn nói chuyện.”

Bất ngờ Rick bắt đầu nói mà không cần phải hỏi hay nhắc nhở. Nghe có vẻ những gì anh ta nói đã được học thuộc lòng hay ăn sâu vào trong đầu anh ta. Nếu mình không bị thuyết phục trước đó rằng gã này chính là người mình cần, Wexford nghĩ, thì chắc giờ mình đã tin thế rồi.

“Tôi đang trên đường đi ngang qua Pauceley. Đoạn đường A393. Động cơ xe của tôi bị chết máy và không khởi động lại được nữa. Tôi đã xem qua nhưng không tìm ra được vấn đề nằm ở đâu. Tôi còn cách nhà mình hơn mười hai cây số. Tôi nghĩ mình sẽ phải để xe lại và đi bộ thôi.”

“Anh có phải là thành viên của AA^[12] không?”

“Nhìn tôi giống thế lắm à? Tôi còn không có điện thoại kìa. Tôi không đủ tiền mua điện thoại. Cô ta lột của tôi từng đồng đến nỗi tôi không còn đủ tiền mua những thứ như thế. Cô ta đã cướp đi mọi thứ tôi làm ra.”

Nhận thức được rằng chỉ có thể tiếp tục bằng cách mớm lời cho thẳng cha này, Wexford hỏi anh ta có đồng ý rằng lúc đó là nửa đêm hay không. Rick gật đầu. “Có ai đi ngang qua chỗ anh không? Hẳn anh phải thấy các xe khác chứ? Có ai dừng lại không?”

“Cho phép tôi được nói, thưa ông,” Ross nói. “Được rồi. Anh nói đi.”

“Có một xe dừng lại lúc đó. Hẳn bảo Rick có thể mượn điện thoại gọi nhờ. Tôi đã nói với cậu ta vào ngày hôm sau, rằng tại sao không gọi cho tôi và cậu ta nói rằng không muốn làm phiền tôi vào lúc đó.”

“Em trai anh có thể nói với tôi chuyện ấy cơ mà,” Wexford nói. “Tay lái xe đó tên gì?”

Với điệu bộ như thể đang ngẫm nghĩ, có lẽ học được từ mẫu chuyện hư cấu nào đó, Rick lẩm bẩm cái tên, “Steve - vâng, Stephen Lawson. Hẳn vừa từ khách sạn Cheriton Forest về, hẳn nói thế. Hẳn bảo cho tôi đi nhờ xe nhưng chẳng ích gì cả. Hẳn đang đi ngược chiều với tôi. Hẳn đang định đến chỗ tôi mới rời đi.”

Cuối cùng cũng có vài thứ để xác minh. Nếu thực sự có Stephen Lawson, người đã từng ở khách sạn Cheriton Forest vào tối ngày mừng Mười tháng Tám, thì chắc sẽ dễ dàng tìm được hẳn. “Thế nên anh đi bộ về Pomfret?”

“Tôi đã mất ba tiếng đi bộ. Tôi không còn khỏe như trước nữa.”

“Được rồi,” Burden nói. “Xe của anh giờ thành cái gì rồi? Nó có bị thu gom làm phế liệu ngày hôm sau không?”

“Rick gọi cho tôi và tôi đã nhờ một đội sửa chữa đem nó về nhà.”

“Được rồi, anh Samphire. Thế là đủ rồi,” Wexford nói. “Kể từ giờ phút này anh có thể nói gì tùy ý, chúng tôi sẽ về đồn cảnh sát.” Thấy Ross có ý định đi cùng, “Không phải anh. Nếu cần nói chuyện với anh, tôi sẽ đến một mình.”

Rick Samphire lê bước vào đồn cảnh sát Kingsmarkham như bước vào cánh cổng địa ngục. “Đừng hy vọng gì nữa, một khi người đã bước chân vào đây” có lẽ đã được viết lên cánh cửa tự động mới lắp ở đây. Wexford dẫn anh ta vào căn phòng thăm vấn ít dễ chịu hơn những phòng khác, với

tường gạch quét vôi trắng, sàn lát nhựa dẻo và những kiểu nội thất nhìn như là bếp ăn thế kỷ XIX.

Ở đây họ tiếp tục cuộc thăm vấn ban nãy.

“Tại sao lại đem xe tới nhà anh trai anh? Thay vì đến xưởng sửa chữa?”

“Chúng tôi có thợ sửa chữa riêng, nếu các vị muốn biết,” Rick nói.

“Dĩ nhiên là chúng tôi muốn biết. Đó là lý do tại sao anh ở đây. Anh đã làm gì vào buổi sáng ngày mừng Một tháng Chín?”

Rick dường như không thấy ngạc nhiên với câu hỏi đó. Nếu ngày hôm ấy không có ý nghĩa gì với anh ta, thì anh ta đã hỏi lại họ “Khi nào?” hay “Gì cơ?” chứ không giữ vẻ mặt buồn rầu và nói, “Tôi ở tòa nhà ngân hàng cũ. Cùng với Ross và Col.”

“Colin Fry phải không?”

“Đúng.”

“Mấy giờ anh đến đó và rời đi lúc nào?”

“Tôi đến lúc tám giờ. Tám giờ sáng và tôi rời đi lúc bốn giờ chiều, Colin sẽ nói cho các vị biết. Anh ta là một gã tốt bụng, Colin ấy.”

“Giờ thì, anh Samphire,” Wexford nói, “kể cho chúng tôi nghe về Nhóm Khắc phục Vô sinh Sussex và những bà mẹ mang thai hộ, được chứ?”

“Tôi không biết ông đang nói cái gì,” Rick nói. “Khắc phục cái gì cơ?”

“Nhóm Khắc phục Vô sinh Sussex hay gọi tắt là SOCC.” Đột nhiên đỏ mặt, mắt anh ta nheo lại, Rick cười phá lên, “Nếu ông muốn biết tôi nghĩ gì về chứng vô sinh, tôi sẽ nói cho ông nghe. Đó là một ý tưởng hay dã man. Tôi ước một cách chết tiệt rằng mình bị vô sinh. Tôi ước gì những đứa con của tôi chưa bao giờ được sinh ra.” Đột nhiên phát âm một cách rõ ràng, thậm chí tỏ ra có tài ăn nói, anh ta thốt lên với vẻ đắc thắng. “Tôi không muốn có con. Là cô ta muốn. Nhưng một khi chúng được sinh ra ông tự nhiên sẽ yêu thương chúng, ông không thể kiềm chế được, và ông phải trả tiền để nuôi chúng trong cả quãng đời khổ sở còn lại của ông.”

Đó không phải là ngày để đến Gooseberry Bush ăn trưa. Ánh nắng mặt trời tỏa sáng lấp lánh trên dòng sông Kingsbrook, sự ngọt ngào của Michaelmas lan tỏa trong không khí và chẳng có lấy một cơn gió thổi tung khăn ăn trên mặt bàn. Tất cả những gì có thể mô tả về ngày hôm đó là trời quang mây tạnh. Một màn sương mờ trắng, cảm giác lạnh lẽo, lững lờ trên mặt sông.

“Ngoài bữa sáng,” Burden nói, “thì đây là lần đầu tiên tôi với anh có bữa trưa đúng nghĩa kể từ đầu tháng Tám.”

Wexford chuyển thực đơn cho anh ta. “Và dường như chúng ta chẳng có gì để ăn mừng cả.”

Wexford uống một ngụm soda. “Tôi băn khoăn liệu có nhà hàng nào xứng đáng với đồng tiền kiếm được mà không phục vụ cá vược trong lúc chúng ta đang nói hay không. Phải có đến hàng ngàn con được tiêu thụ mỗi ngày. Khi tôi cảm thấy mình bị đối xử bất công hay chuyện gia đình trở nên khó khăn, tôi phải cảm ơn Chúa vì mình không phải cá vược.”

Cô phục vụ đóng và khóa cửa kính dẫn ra bờ sông, kết thúc một ngày tồi tệ. Wexford gọi món cho cả hai, nhìn danh sách rượu một cách thêm thường rồi đẩy nó ra xa.

“Việc tôi muốn làm vào chiều nay, Mike ạ, là nói chuyện với tay Ross Samphire thuê, Colin Fry. Xem xem liệu hẳn có thực sự ở đó với hai người bọn họ vào ngày mừng Một tháng Chín không, và liệu chúng ta có thể biết nhiều hơn về hai anh em họ qua hẳn hay không.”

“Ok, chúng ta sẽ làm thế,” Burden lơ đãng nói trong lúc đang nhìn chăm chăm một chiếc bàn phía xa, ở đó một người đàn ông tầm ba mươi và một chàng trai trẻ đang ngồi. Rồi Burden quay lại. “Anh có biết người kia là ai không, thằng cha mặc áo khoác da ấy?”

“Tôi nên biết sao?”

“Chắc không đâu. Tôi không nghĩ anh đã từng gặp hẳn nhưng đó là John Brooks. Dãy nhà Jewel, nhớ chưa?”

“Biết thế. Có chuyện gì sao?”

“Tôi nhắm mắt cũng có thể nhìn thấy họ từ đây. Ước gì anh cũng thế. Không nghi ngờ gì gã trẻ tuổi đi cùng hẳn là bạn trai. Không phải vì họ

đang sờ soạng nhau - mặc dù Brooks khoác tay mình lên vai người kia khi họ vào bàn ăn - nhưng cái cách họ nhìn nhau thì không lẫn đi đâu được.”

Wexford thở dài. “Tôi có thể sắp mất bình tĩnh nhưng giúp tôi hiểu đi, Mike ạ. Tại sao lại không thể là bạn trai của hăn ta? Quan hệ đồng tính đã được pháp luật cho phép gần bốn mươi năm rồi.”

“Ý tôi không phải vậy,” Burden sốt ruột nói. “Brooks là gã đã chứng minh việc đi qua đêm của mình bằng cách nói với Hannah rằng hăn tới thăm bạn gái nhưng hóa ra đó lại là em gái hăn. Nhớ chưa?”

“Giờ anh nhắc tôi mới nhớ.”

“Chà, đó là lý do tại sao hăn lại nói mình đến thăm một người phụ nữ. Bởi vì hăn là người đồng tính và hăn không muốn vợ mình biết.”

Nụ cười của Wexford bỗng trở nên kín đáo. “Chúng ta có định làm gì với chuyện này không?”

“Hannah muốn hăn phải chịu tội vì đã làm lãng phí thời gian của cảnh sát - nhưng không,” Burden nói. “Tôi nghĩ tôi sẽ chỉ nói xin chào.”

Và khi họ đi ngang qua bàn của Brooks, thật sự anh ta đã nói vậy. Lúc ngoái nhìn lại, Wexford thấy mặt Brooks đỏ ửng lên. Bên ngoài, bầu trời đã chuyển sang xám xịt, những ngày này mặt trời dường như không thể ló dạng được nữa.

Burden hy vọng việc khám phá ra bí mật của Brooks sẽ làm Hannah thấy thích thú. Cô chắc chắn sẽ không thấy chán ghét? Chắc chắn vậy. Đây rồi, Burden gạt Hannah sang một bên và quay trở lại với cuộc điều tra gia thế của Ross Samphire.

Và Hannah, dĩ nhiên, không hề thấy chán ghét giống như anh đã nghĩ. Cơn phản nộ của cô xuất phát từ việc phát hiện ra rằng một gã đàn ông đồng tính tuổi trung niên, không phải một thiếu niên, có thể quá lười thời, quá yếu ớt và khiếm nhược, vì không chỉ là người đồng tính mà còn chủ động thu mình lại và run sợ dưới lớp vỏ bọc cũ kỹ, ngọt ngào lẫn giam lỏng tự do. Không phải vì hăn đã nói dối vợ - đàn ông thường làm vậy và những bà vợ cũng thế, một trong rất nhiều mặt trái của hôn nhân - mà vì hăn đã nói dối cô, nói dối cảnh sát. Vì chính lý do đó!

Bal đã đưa cô về ra mắt cha mẹ anh. Chỉ mới tối hôm thứ Bảy. Trên đường tới Hereford, nơi họ đang sống, cô đã tưởng tượng về họ, Rajiv, cha của anh, sẽ mặc bộ áo dài trắng mà đàn ông Ấn Độ hay mặc - cô không thể tha thứ cho bản thân vì không nhớ nổi tên gọi của nó - và mẹ anh, Parvinder, trong trang phục sari, mái tóc xám thắt búi sau đầu, cổ và tay đeo đầy trang sức. Nhưng khi hai người đến nơi, căn nhà hóa ra lại là nhà bằng đá trong một ngôi làng, cha anh mặc bộ quần áo bằng vải flanen màu xám và áo khoác có phéc mớ tuya, còn mẹ anh thì vận quần jean với áo len. Cô có chút thất vọng và càng thất vọng hơn khi bữa tối không có cà ri gà tại nhà mà là các món Ý trong một nhà hàng ở Hereford. Hannah sẽ thật sự hoàn toàn vỡ mộng nếu cô và Bal được chỉ định ngủ chung một phòng nhưng cô lại được sắp xếp ngủ trong căn phòng cuối nhà còn anh thì ngủ tại phòng khác. Cuối cùng, mọi thứ vẫn không thay đổi gì so với tình huống ở Kingsmarkham và có vẻ sẽ còn tiếp tục như vậy vô thời hạn.

Colin Fry sống cùng bạn gái trong một căn hộ bên trên tiệm giặt khô ở đường Glebe nhưng hiện anh ta đang không có ở nhà. Người bạn gái nói rằng Colin có một vài công việc bán thời gian để “tạm thời thay thế” khi anh ta không làm cho Ross Samphire. Cô ta không chắc Colin Fry ở đâu hôm nay nhưng cô ta cho họ hai địa chỉ ở Kingsmarkham. “Các ông có thể ghé qua thử xem,” cô ta nói. “Hôm nay anh ấy sẽ không làm thợ máy. Có thể anh ấy đang làm thợ cắt cỏ hoặc lau cửa sổ.”

Căn hộ thật đáng ngạc nhiên. Wexford tự nhủ rằng hẳn anh ta phải là một gã đua đòi thuộc tầng lớp trung lưu bởi vì anh đã mong đợi được thấy vài thứ giống như nơi ở của Keith Prinsip nhưng không hề có mấy thứ thiết bị hiện đại ấy. Nơi này làm anh liên tưởng đến căn phòng trong một khách sạn hạng trung. Không phải ở tầng lớp của khách sạn Vier Pferde, không đến hai sao, nhưng rất chỉnh tề. Thảm trải sàn màu cà phê nhạt. Những tấm thảm và rèm che có màu tối, đồ đạc được đánh bóng còn những bức tranh treo tường theo trường phái nghệ thuật Athena. Căn phòng gọn gàng và có vẻ kín đáo, không giống cô bạn gái, mặc dù trời nóng, vẫn vận quần đùi đỏ, áo phông trắng với dòng chữ in màu tía “This Bitch Bites” và đôi xăng đan cao gót cũng màu đỏ.

Tiến họ ra ngoài, cô ta nói, “Nếu các ông không thể tìm thấy anh ấy, tầm sáu giờ anh ấy sẽ về và các ông có thể gặp được. Chúng tôi chỉ ra ngoài lúc bảy giờ, để chỗ này bỏ không.” Cô ta bắt gặp ánh mắt của Burden và nháy mắt.

“Đó là ý gì nhỉ?” Burden nói lúc đi xuống cầu thang. “Chúa mới biết. Chắc chắn chẳng liên quan gì đến chuyện đang được nhắc tới.”

“Có lẽ không. Thường thì phụ nữ trẻ không hay nháy mắt với tôi.” Họ vào trong xe. “Thử suy đoán thông minh chút, sau trận mưa hôm qua thì anh ta không thể đang cắt cỏ, vì vậy anh ta sẽ đi lau cửa sổ.”

Đúng là vậy. Họ thấy anh ta ở một căn nhà trên phố Ladyhall. Anh ta đang ngồi trên bậu cửa sổ tầng ba, quay lưng lại với họ và đánh bóng khung cửa.

“Xét tới vấn đề sức khỏe và an toàn, mọi người sẽ không để lũ trẻ chơi xích đu nữa, tôi tự hỏi tại sao họ không cấm lau cửa sổ luôn đi. Anh Fry!,” Wexford nói.

“Tôi đây.” Anh ta không thèm quay lại. “Phòng Điều tra Kingsmarkham. Chúng ta có thể nói chuyện không?”

“Tôi sẽ xuống đó trong một phút nữa. Tôi sắp xong việc rồi.”

Ánh mặt trời yếu ớt le lói sau những đám mây dày đặc. Nó mang lại chút ấm áp và khiến sương mù bắt đầu tan dần đi. Wexford và Burden ngồi trong xe; Colin Fry xuất hiện từ phía cửa trước, mang theo một cái xô cùng một túi giẻ vụn. Anh ta có dáng người thấp gầy, chừng ba mươi tuổi, tóc đỏ và nước da hồng hào.

“Chúng ta có thể nói chuyện trong này,” Burden nói với ra.

Điều này hiển nhiên làm Fry khó mà chấp nhận được. Cái cảnh ngồi trong xe cảnh sát để nói chuyện có lẽ làm anh ta nhớ lại khoảng thời gian khi mình ít trong sạch hơn. Mặc kệ điều đó như thế nào, anh ta lắc đầu, nói “Không đời nào” và mời họ vào trong chiếc xe tải của mình. Trông nó như thể được dùng làm nhà kho - nơi tích tụ các loại rác và đồ bỏ đi không được phép có mặt trong những căn hộ trên đường Glebe: chai rỗng, vỏ bao thuốc lá, tạp chí, bao bì mang đi, túi nhựa và nhiều loại vải khác nhau như ni-lông cừu - ni lông các loại. Trong số này, Wexford để ý, có một cái áo lông cừu màu xám đậm có mũ trùm đầu.

“Ross là một gã tốt bụng,” Colin nói vậy, nhại lại giọng của Ross khi nói về bản thân anh ta. “Theo cái cách mà ông sẽ gọi là một gã rất thẳng thắn. Tôi đã làm việc cho anh ta năm năm và chưa bao giờ phải phàn nàn một

câu. Ý tôi là, cái cách mà anh ta đối xử với em trai, các anh sẽ không tìm thấy nhiều gã làm được như thế đâu. Mua cho cậu ta căn nhà, các anh biết đấy. Cho cậu ta xe. Tặng cậu ta điện thoại và trả tiền thuê bao. Không có nhiều gã làm được thế đâu.”

“Anh sẽ tập trung vào hai vụ giết người, anh Fry ạ,” Wexford nói. “Amber Marshalsen và Megan Bartlow. Anh có biết ai trong số hai cô gái đó không? Ross có biết không?”

Colin lắc đầu. “Chưa bao giờ nghe qua.”

“Kể chúng tôi nghe anh đã ở đâu vào sáng ngày mùng Một tháng Chín, trong khoảng từ chín đến mười giờ, được chứ?”

Giống như Rick, phản ứng của anh ta là bình tĩnh và nhanh nhẩu. Không phải tự nhiên mà trả lời nhanh đến vậy. “Trong tòa nhà ngân hàng cũ cùng Ross và Rick.”

“Sao anh chắc thế?”

“Xem này, không thì thế nào nữa,” Colin nói. “Chúng tôi đến đó lúc tám giờ, tôi lên lầu còn Ross và Rick ở tầng dưới hoàn thiện cái trần. Tôi thì ở tầng trên sơn tường.”

“Không phải công việc mà anh có thể bỏ dở giữa chừng,” Wexford nhẹ nhàng nói.

Fry nhìn anh bối rối. “Đúng, nếu như làm đúng cách. Còn vấn đề gì nữa không bởi vì tôi có việc phải làm?”

Họ theo anh ta tới đường Glebe, đỗ xe và dõi theo anh ta tự mình đi vào sau một cánh cửa sơn đỏ kế bên cửa sổ của một tiệm giặt khô.

“Anh có để ý gì không?” Burden nói. “Rick nói rằng anh ta không có điện thoại nhưng, theo lời Fry, Ross đã mua cho anh ta một cái. Đó là một nghi vấn nhỏ, dĩ nhiên rồi.”

“Nó chỉ ra rằng Rick đã nói dối.”

“Có hai điều nữa làm tôi thấy khá thú vị,” Burden nói. “Trước tiên là nhà của Fry. Có vẻ khá bí ẩn. Tại sao trông có vẻ như họ đang muốn tìm người mua nhà vậy? Có lẽ họ đang định bán nhà thật nhưng tôi không nghĩ vậy. Vì một lý do, tôi không tin căn nhà đó thuộc quyền sở hữu của họ. Họ đang thuê nó. Điều còn lại là cái áo lông cừu có mũ trùm đầu trong xe tải.Ồ, tôi

biết thế giới này có hàng vạn chiếc áo lông cừu có mũ trùm đầu, đặc biệt là thời buổi này, nhưng thực sự tôi nghĩ chúng ta không nên bỏ qua.”

“Chắc chắn rồi,” Wexford nói. “Về căn hộ của Fry, tôi nghĩ họ đang điều hành một nhà chứa. Dĩ nhiên, đó không phải là phạm tội, nếu như căn nhà đó không có hơn một người phụ nữ; thì nó không phải là nhà chứa.”

“Gì cơ, ý anh là một cặp đôi thuê chỗ đó trong một tối hoặc một đêm?”

“Một đêm dài, tôi nghĩ vậy. Cô bạn gái nói rằng họ sẽ ra ngoài, để chỗ đó bỏ không, và nháy mắt với anh. Với anh, không phải với tôi. Có thể cô ta nghĩ anh có khả năng là một khách hàng. Liệu cái nháy mắt đó có ý nghĩa gì nữa?”

Giống như bao người khác tại Kingsmarkham và trong những ngôi làng, Burden đã thấy hình ảnh của Tòa thị chính Pomfret trên tạp chí Thời báo Chủ nhật. Con người trong ảnh thường trông tệ hơn thực tế (béo hơn, già hơn, lùn hơn) trong khi tòa nhà lại đẹp hơn. Lái xe tới cửa trước tòa nhà theo phong cách kiến trúc Palladio, Burden để ý rằng điều đó không đúng với trường hợp này. Trong ảnh đã trông rất ấn tượng; thực tế lại càng hoành tráng. Không thể giải thích được, vào ban ngày thì sáng sủa và đầy năng, bầu trời xanh thẳm và ngôi nhà của Norman Arlen nổi bật lên như thể nó là một cung điện tại Ý hay một biệt thự trước thời Nội chiến ở Deep South. Hai cầu thang có lan can dẫn lên mặt tiền, tụ lại tại cửa chính có mái. Nghệ thuật tạc tượng của tòa nhà làm anh nhớ đến bức phù điêu của Parthenon anh từng nhìn thấy một lần khi đi du lịch. Anh tự nhủ với bản thân rằng một gã đàn ông có thể tươi cười bên ngoài nhưng thật ra lại là kẻ độc ác (như Wexford đã nói) vậy thì anh ta cũng có thể sở hữu một trong những căn hộ lộng lẫy nhất nước Anh nhưng thực tế là một kẻ lừa đảo.

Anh đã sống trong khu vực này suốt cả cuộc đời, dĩ nhiên anh từng nhìn thấy ngôi nhà này trước đây. Anh đã thấy nó từ khi một nam tước già sống ở đó, từ khi nó còn là ngôi nhà xám tối tàn trên vùng đất cằn cỗi hoang vu.

Theo báo chí, Norman Arlen đã dùng tiền mua lại và vẫn chưa trả xong. Tiền đó từ đâu ra? Người phóng viên viết mẫu tin kia đã mô tả anh ta là chủ một đại lý du lịch và ám chỉ anh ta còn có việc làm ăn khác nữa. Burden lên cầu thang bên tay trái, Sĩ quan Bhattacharya theo sau, giật mạnh dây chuông.

Burden cứ nghĩ sẽ có một quán gia, hay ít nhất là người hầu, nhưng hóa ra Norman Arlen lại tự ra mở cửa. Anh nhận ra anh ta qua bức ảnh trên tạp chí. Mặc dù không được thông báo trước về sự ghé thăm của họ, Arlen vẫn rất niềm nở, đặc biệt là với Bal, người tin rằng thói lịch sự kẻ cả đó cùng nụ cười luôn hướng về mình rõ ràng mang thái độ trung lập hơn là sự phân biệt chủng tộc. Anh ta dẫn họ qua đại sảnh lớn có trần hình cái trống cao đến hơn chín mét, vào căn phòng mà Burden nhận ra là loại phòng người ta vốn chỉ có thể mong được nhìn thấy vẻ bề ngoài của nó, điều này dường như là không tưởng nhưng Arlen lại đang gật đầu và mỉm cười với họ.

“Sự thật là tôi đã quen biết hai anh em nhà họ gần như cả cuộc đời. Thật tình mà nói, chúng tôi lớn lên cùng nhau, đi học cùng nhau ở Nam Luân Đôn.”

“Vì thế sẽ là bình thường khi anh gặp Rick và hai người các anh cùng đi nhậu.”

“Hoàn toàn bình thường.” Arlen ngừng lại và hình như đang tìm cách tốt nhất để diễn tả điều này. “Xem này, tôi sẽ thành thật với hai anh. Tôi sẽ hoàn toàn trung thực. Ross và tôi có một mối quan hệ hơn mức bình thường. Thực tế, tôi là cha đỡ đầu cho con gái Laura của anh ấy.”

“Vì thế anh đã ăn tối cùng anh ta ở nhà anh ta vào ngày mừng Mười tháng Tám?”

“Vâng, chính thế. Ross và tôi có rất nhiều chuyện để nói với nhau và tôi đã ở đó đến khuya. Hẳn phải quá nửa đêm tôi mới ra về.” Arlen đứng dậy, đi thẳng tới cái bàn đen mạ vàng, mở ngăn kéo ra như thể tìm kiếm tài liệu gì đó rồi đóng lại. Anh ta quay trở lại với nụ cười trên môi. “Trở lại với Rick. Sự thật là, nếu là người có nhân tính thì sẽ thấy cảm thông với Rick. Anh ta là một người khốn khổ, kém may mắn và, Chúa ơi, anh ta đã bị trừng phạt vì điều đó. Các anh biết ý tôi là gì rồi đấy.”

“Không rõ lắm, anh Arlen,” Burden nói. “Nếu anh đang nhắc đến cuộc lưu trú của anh ta như một khách mời của Nữ hoàng trong nhà tù Myringham và Brixton, thì tôi thực sự không biết vận rủi của anh ta từ đâu ra.”

Arlen đáp lại bằng một tràng cười sâu thẳm. Anh ta quay sang Bal và nói, “Tiếp tục đi.”

“Anh có gặp anh ta,” Bal nhanh nhẹn nói, “tại quán rượu Mermaid ở Pomfret vào ngày Hai mươi bốn tháng Sáu trong khoảng từ tám đến chín giờ tối không?”

“Có. Để tôi thuật lại chính xác từng chi tiết. Tôi đến nhà anh ta ở đường Potter. Lúc đó là vào khoảng tám giờ kém mười lăm. Thực tế là tôi muốn ra ngoài ăn tối cùng anh ta và tôi đã định chọn khách sạn Cheriton. Đi ăn ngoài cùng anh ta là việc tôi thường làm. Nhưng Rick tội nghiệp bị dọa cho phát sợ bởi vẻ hào nhoáng của khách sạn Cherinton, anh ta nói rằng mình không có quần áo, các anh có thể tưởng tượng ra thứ đó rồi đấy.”

“Một chiếc áo lông cừu màu xám có mũ trùm đầu, tôi nghĩ vậy,” Burden thêm vào.

Arlen mỉm cười ngập ngừng, dấu hiệu đầu tiên của sự khó chịu mong manh nhất.

“Vì thế anh đã tới quán Mermaid lúc tám giờ?”

“Chính xác.” Arlen đột ngột ngừng lại khi một phụ nữ trung niên mặc váy đen và đi một đôi giày “tinh tế” tiến vào phòng. “Các ông có muốn uống gì không? Trà? Nước khoáng? Hay nước cam?”

Burden và Bal đồng thanh từ chối. “Không, cảm ơn Wendy, không phải bây giờ. Tôi đang dừng ở đâu nhỉ? À, vâng, thực tế là, tôi gọi cho quán Mermaid từ nhà của Rick và đặt một bàn dành cho hai người trong quán bia. Rick và tôi đã uống ở quán bar trước rồi mới dùng bữa, gần với bữa súp hơn bữa tối, tôi nghĩ các anh sẽ gọi điện đến đó. Thực tế là chúng tôi đã ở Mermaid.”

“Vì thế anh ta không ở cách rừng Yorstone đến mười sáu cây số?”

“Rừng Yorstone? Rừng Yorstone? À, ý các anh là chỗ đoạn đường của nguy hiểm. Không, thật đấy, anh ấy ở cùng tôi trong quán Mermaid đến tận

sau mười giờ.”

Thời gian mà người đàn ông - Rick? - đang đi bộ xuyên rừng Yorstone và thả tảng bê tông xuống cầu đã được xác minh. Burden sẽ kiểm tra lại với quán rượu nhưng anh không nghi ngờ việc Arlen đã ở đó cùng một người khác. Các nhân viên quán bia có thể nhớ được chuyện đó nhưng sau gần bốn tháng thì không thể nhớ được là ai. Và Arlen đã cẩn thận đến mức trả bằng tiền mặt. Anh đứng dậy và nói, “Tôi có thể sẽ muốn gặp lại anh sau, anh Arlen,” giọng đe dọa vô ích hơn là hy vọng.

“Lúc nào cũng hân hạnh, ngài thanh tra.”

Bài báo có đề cập đến một người bạn gái nhưng không có bất kỳ dấu hiệu của bất cứ ai khác trong nhà ngoài Arlen và người phụ nữ không nghi ngờ gì là quản gia kia. Arlen tiễn họ quay trở lại đại sảnh.

“Anh có để ý rằng anh ta đã nói ‘thực tế là’ rất nhiều lần không?” Bal nói khi đã vào xe. “Chúng ta chỉ ở đó chưa đến mười phút và anh ta đã tám lần nhắc đến cụm ‘thực tế là’.”

“Tôi dám cá rằng đó là vì anh ta không biết nó có nghĩa là gì,” Burden ủ rũ nói.

“Còn một điều nữa. Tôi không chắc, nó có thể hơi khác - nhưng anh có để ý cái cách anh ta bước đến chỗ cái bàn mạ vàng và mở ngăn kéo không?”

“Tôi cũng nghĩ thế.”

“Khi chúng ta vào đó, có thứ gì đấy nằm trên mặt bàn nhưng sau khi anh ta mở ngăn kéo thì nó không còn nữa. Anh ta đã cất nó đi. Chắc tôi nhìn nhầm nhưng trông nó giống một khẩu súng.”

“Chúng ta sẽ không lấy được trát cho bằng chứng đó đâu,” Wexford nói. “Chúng ta không thể lục soát nhà một người bởi vì Bal nghĩ rằng có thể mình đã nhìn thấy một khẩu súng mà lại không chắc chắn.”

“Mặc dù chúng ta biết rằng nó có thể đã ở đó.”

“Đúng, chúng ta có thể biết. Và dĩ nhiên chúng ta sẽ biết. Giờ khi các bằng chứng ngoại phạm này càng ngày càng chặt chẽ và không thể công kích thì càng ít người chúng ta có thể tin tưởng được. Ấy thế mà, tại tòa án, mọi người sẽ phải tin họ, đơn giản vì lời khai của họ rất vững chắc, vì vậy

chúng ta không thể buộc tội được. Chúng ta đều biết rằng trước cả khi bắt đầu, mọi sự cáo buộc đều sẽ thất bại. Không phải tự nhiên khi đưa ra được những nhân chứng, người sẽ thề rằng bạn có mặt ở đâu đó vào một thời điểm chính xác từ ba tháng trước, nhưng đây là điều duy nhất thuyết phục được quan tòa. Bất cứ điều gì khác sẽ bị ném vào lửa.”

“Bal đã tới Mermaid,” Burden nói. “Họ biết Arlen và biết cả Rick Samphire. Họ đã từng thấy hai người đến đó cùng nhau. Nhưng dĩ nhiên họ không thể nhớ hai người có từng tới đó cùng nhau vào ngày Hai mươi tư tháng Sáu hay không và chẳng ai trong số họ nói không cả.”

Thậm chí bằng chứng ngoại phạm của Rick vào đêm mừng Mười tháng Tám còn khó tin và khó phủ nhận hơn. Anh ta đã rời khỏi nhà vợ cũ ở Myringham lúc mười một giờ mười lăm, thời điểm được xác minh bởi Alison Rowley (cô ta giới thiệu mình như vậy) và bạn trai cô ta. Wexford nghĩ họ là những nhân chứng đáng tin cậy, trong khi tự hỏi bản thân có phải lý do để anh nghĩ thế một phần là vì Alison đã bỏ Rick hay không. Hannah Goldsmith thích họ vì lối sống của họ và trong mắt cô nó đã chứng minh sự trung thực của họ. Sau đó, những khó khăn bắt đầu xuất hiện. Rick đã bị ra chuyện chiếc xe của anh ta bị hỏng và cuộc gặp gỡ sau đó với một người lái xe. Wexford và đội của anh đã gặp phải vô vàn vấn đề khi truy tìm tay lái xe này, khi họ sắp sửa bỏ cuộc thì một người đàn ông trung niên với cái trán hói và một cặp kính lớn bước vào đồn cảnh sát, thông báo với sĩ quan túc trực ở đó rằng ông ta đã đi nghỉ mát hai tuần trước nên giờ mới nghe nói rằng cảnh sát đang tìm mình.

Ông ta cho biết tên là Stephen Lawson, địa chỉ ở đường Lady, Forby, và nghề nghiệp của ông ta là vận động tài trợ cho một tổ chức từ thiện có trụ sở ở Kingsmarkham. “Tôi đã ra trình diện từ vài tuần trước nếu biết các vị đang tìm mình,” ông ta nói. “Bất kỳ kiểu lẩn tránh nào đều làm tôi khó chịu. Tôi không thể ngủ hằng đêm nếu nghĩ mình đang trốn tránh trách nhiệm.”

“Tôi rất mừng khi nghe thấy điều đó,” Wexford nói, “nhưng chính xác ông đến đây làm gì?”

“Tôi,” Lawson nói, đứng thẳng người, “là Stephen Lawson. Tôi là người lái xe đã dừng lại và mời một người đàn ông có xe bị hỏng đi nhờ. Vào ban

đêm. Lúc một giờ sáng, đó là, ngày Mười một tháng Tám.”

“Được rồi. Trung sĩ Goldsmith sẽ lấy lời khai từ ông nếu ông vui lòng đi theo cô ấy.” Trong khi họ sắp rời khỏi văn phòng thì Wexford gọi với theo, “Ông biết rõ Rick Samphire, đúng không?”

“Ai cơ?” Lawson quay đầu lại, khuôn mặt ông ta thể hiện một cái nhìn bối rối.

“Tôi đang trở về nhà ở Forby trên đường A393 từ Myfleet,” lời khai của Lawson đã được bật, “nơi tôi đã dành cả buổi tối với bạn bè ở khách sạn Cheriton Forest, khi tôi đi ngang qua một chiếc xe đang đỗ mà rõ ràng đã hỏng. Người lái xe đó bật nắp ca-pô lên và đang xem xét bên trong. Đồng hồ trên bảng điều khiển cho thấy thời gian lúc đó là mười hai giờ ba mươi hai phút. Tôi đánh xe vào vệ cỏ và hỏi người tài xế có cần giúp gì không. Hình như anh ta không có điện thoại trong xe, chiếc xe hiệu Volvo màu xanh da trời, khoảng mười lăm năm tuổi. Tôi không thể nhớ chính xác biển số xe nhưng nó có các chữ cái VY và số 7.”

“Người lái xe nói anh ta đã cố khởi động lại xe hai mươi phút rồi. Có hai chiếc xe đi ngang qua nhưng không có cái nào chịu dừng lại. Tôi bảo là mình có thể gọi cho hiệp hội xe ô tô, AA, nhưng anh ta nói mình không phải thành viên của họ. Sau đó tôi tự mình nhìn qua chiếc xe và có thể nói rằng ắc quy đã hết điện nhưng không phải thợ máy thì sẽ không sửa được. Tôi hỏi có ai để có thể gọi điện xin trợ giúp hay không thì anh ta nói, ‘Anh trai tôi, nhưng đêm hôm thế này thì không tiện. Tôi sẽ không làm phiền anh ấy vào giờ này’.”

“Tôi đã không hỏi tên hay số điện thoại của anh trai anh ta. Anh ta nói mình tên là Richard nhưng lại không cho biết họ. Tôi mời anh ta đi nhờ xe nhưng vì anh ta đang đi về phía Pomfret còn tôi thì đi hướng ngược lại nên anh ta từ chối. Chỗ chúng tôi đang đứng cách Pomfret khoảng hơn mười hai cây số và anh ta nói chẳng sao đâu rồi bắt đầu đi bộ. Tôi nhìn anh ta đi khuất rồi lái xe về nhà. Tôi kiểm tra đồng hồ trong xe lần nữa khi khởi động xe và thấy lúc đó là mười hai giờ năm mươi hai phút.”

“Những người bạn ở khách sạn Cheriton Forest” hóa ra là một cặp đôi và một phụ nữ độc thân từ Birmingham đang đi nghỉ một tuần ở đó. Câu

chuyện của họ có vài điểm thú vị. Sĩ quan Vine đã nói chuyện với họ, đầu tiên qua điện thoại, sau đó với người phụ nữ đồng hành với họ tại văn phòng cô ta ở Luân Đôn. Đúng thật là họ đã dành vài ngày ở Cheriton Forest nhưng họ không biết Stephen Lawson trước khi đến đó.

“Ông ta đã cho tôi đi nhờ,” người phụ nữ nói. “Tôi cũng có thể thật thà về điều này. Tôi đang ngồi đợi bạn trong quán bar thì ông ta đến ngồi bên cạnh, hỏi rằng mình có thể mời tôi một ly được không. Đó là vào khoảng tám giờ tối thứ Ba. Tôi không thấy có lý do để từ chối. Bạn tôi đã muộn nửa tiếng rồi. Chúng tôi tán gẫu một lúc, sau đó khi bạn tôi đến thì tất cả chúng tôi đi ăn tối.”

“Ông Lawson nhập hội với các cô à?”

“Không hẳn. Chúng tôi có một bàn cho ba người còn ông ta thì đi một mình. Đến khoảng giữa bữa ăn, tôi mới nói với bạn là có nên mời ông ta đi uống cà phê với chúng tôi hay không và chúng tôi đã mời. Chà, tôi mời. Tất cả chúng tôi mang cà phê ra sành ngồi.”

Vine hỏi cô ta họ đã nói về chuyện gì.

“Khu rừng, tôi nghĩ vậy, và vùng ngoại ô. Khung cảnh xung quanh đấy rất đẹp. Ông ta nói rằng mình sống ở một nơi gọi là Forby được xem là ngôi làng đẹp thứ năm ở Anh và tôi nói chỉ xếp thứ năm thì khủng khiếp thế nào và sau đó ông ta nói mình là người đi gây quỹ cho cộng đồng gửi thuốc men tới Uganda - à không, Kenya. Ông ta tiếp tục nói về nạn đói, bệnh tật, những người phụ nữ có cả tá con cái và rồi bỏ chúng ở những khu ổ chuột rách rưới như thế nào bởi vì họ không thể nuôi chúng nữa. Tôi không nghĩ bạn bè tôi thích chuyện đó lắm. Sau đấy, họ nói với tôi họ không thích ông ta và khi đồng hồ điểm mười rưỡi thì họ nói mình phải đi ngủ. Tôi nghĩ ông ta sẽ đi nhưng hóa ra lại không. Ông ta rủ tôi đến quán bar dù ông ta đã ghé vào và uống vài ly ở một quán bar khác trên đường.”

“Dù sao thì, tôi cũng đi. Chẳng có gì cả - chà, ý tôi là, ông ta chưa bao giờ đi quá giới hạn hay làm gì đó. Chúng tôi ngồi ở một bàn trong quán bar, tôi đã uống một ly rượu vang, còn ông ta uống một ly sinh tố cà chua mà ông ta gọi là Đức mẹ đồng trinh Maria bởi vì nó không có chút vodka nào. Ông ta tiếp tục nói về những phụ nữ Kenya và sự thống khổ như thế nào,

vào khoảng mười một rưỡi thì ông ta nói mình phải về. Ông ta hỏi xin số điện thoại và tôi... chà, tôi đã cho ông ta một số giả vì tôi thực sự không muốn gặp lại ông ta nữa.”

“Sau đó tôi chào tạm biệt và về đi ngủ. Ông ta vẫn ở trong quán bar nhưng họ đóng cửa lúc nửa đêm do đó tôi nghĩ lúc ấy ông ta cũng rời đi.”

Lái xe gần năm cây số dọc theo con đường nhỏ không được phân làn xuyên qua rừng Cheriton, Wexford nhầm tính, tiến vào đường A393 tại Myfleet và đi về phía bắc, ông ta hẳn đã phải lái xe với tốc độ chậm rề bởi vì mười hai rưỡi đêm ông ta mới tới điểm mà Rick Samphire nói rằng xe mình bị hỏng. Wexford không hề nghi ngờ chuyện ông ta đã lái xe trên con đường này vào thời điểm đó. Những người bịa ra bằng chứng ngoại phạm này đã tính toán chi li. Biển số xe của Rick có chứa chữ cái V, Y và con số 7. Nghi ngờ phát sinh khi anh được yêu cầu phải tin rằng xe của Rick Samphire hoặc Rick Samphire đã ở đó. Công việc của Hannah và Bal là xác minh xem liệu chiếc xe có được đem đi sửa vào ngày hôm sau không.

“Nó được đem đến nhà của anh trai tôi và anh ấy đã nhờ Col tới mang nó đi,” Rick nói với Hannah như vậy. “Lấy một thanh móc vào ô tô tải và anh ta là một thợ máy khá giỏi.”

Không ai có thể xác minh chuyện Colin Fry có kéo chiếc Volvo bị hỏng của Rick từ Pauceley tới Kingsmarkham hay không. “Dĩ nhiên anh ta sẽ nói là mình đã làm thế,” Hannah nói khi họ lái xe dọc theo đường Glebe. “Anh ta sẽ nói rằng mình phải sửa đầu nối trục khuỷu hay bộ phân phối hay cái gì đó bị hỏng ở những chiếc xe.”

“Em không biết à?” Bal nở một nụ cười đem lại cho cô cảm giác gần như bị chiếm hữu. “Anh nghĩ em là một chuyên gia. Anh nghĩ em giỏi mọi thứ em làm, Hannah ạ.”

“Anh nghĩ sai rồi,” cô sắc sảo nói. Dù có phải là nụ cười chiếm hữu hay không, cô càng ngày càng cảm thấy điên tiết với anh. “Không ai hoàn hảo

cả.”

Chiếc xe tải trắng của Colin Fry đang đỗ bên ngoài tiệm giặt khô ở đường Glebe; Colin cùng bạn gái anh ta Emma đều đang ở nhà, ăn nốt phần thức ăn Thái lạnh ngắt được mua mang về cho bữa trưa. Thời tiết đang dần chuyển sang se se lạnh, Emma đang mặc quần rằn ri và áo len trắng bó sát. Hannah nghĩ Bal đã nhìn cô ta lâu hơn mức cần thiết. Mình cá là anh ấy muốn làm chuyện đó với cô ta ngay lập tức, cô tự nhủ. Anh ấy không cần phải tôn trọng cô ta hoặc nhiệt tình với cô ta như cái cách đã làm với mình. Cô hỏi Colin về xe của Rick bằng một giọng thô lỗ đến nỗi Bal phải liếc nhìn cô ngạc nhiên.

“Vâng, tôi đã lấy con xe ghê của anh ta từ chỗ Ross. Ngày nào á? Tôi có thể nói rõ từng chi tiết. Đó là ngày nóng kỷ lục nhất từ trước đến giờ. Họ đã nói trên ti vi như vậy, ngày nóng kỷ lục nhất từ trước đến giờ.”

“Anh có thể sửa được nó không, anh Fry?”

“Cần bình ắc quy mới. Tôi đã tới cửa hàng xe Volvo ở Kingsmarkham và lấy một cái cho anh ta. Đó là vào giữa trưa, phải không, Em?”

“Điều gì đã ngăn cản anh ta?” Bal hỏi.

“Không phải anh ta. Ross trả tiền. Anh ấy luôn làm thế. Họ luôn nghĩ cho nhau, Ross và Rick. Ross muốn làm mọi thứ cho Rick và Rick thấy biết ơn, phải không, Em? Tôi sẽ nói điều đó với anh ta. Anh ta biết được ý nghĩa của lòng biết ơn đấy.”

Có hai sĩ quan cảnh sát đã gọi cho Colin Fry và Emma Sams ngày hôm đó. Đó là Sĩ quan Vine và Sĩ quan Fancourt và họ tự giới thiệu bản thân là Barry và Lynn, hỏi rằng mình có thể đặt căn hộ từ bảy giờ tối đến mười một giờ đêm hôm ấy được không. Hay bất kỳ buổi tối nào khác trong tuần.

“Tôi không biết các vị đang nói cái gì,” Colin Fry nói. “Chúng tôi có được thông tin từ ông Robinson,” Barry nói, “ông ta đã giới thiệu các bạn.”

“Không, làm gì có. Tôi không biết ai tên Robinson cả.” Fry đóng sầm cửa mạnh đến nỗi Lynn phải nhảy lùi lại sau. Nhưng đối với Wexford, phản ứng bất ngờ và sự phản kháng quyết liệt của anh ta thật đáng để hài lòng và anh cử Sĩ quan Coleman canh chừng nơi này.

Thư tay là những thứ bất thường trong thời đại này. Wexford cảm thấy tiếc cho điều đó, mặc dù anh phải thừa nhận rằng thư điện tử nhanh và dễ dàng hơn, thậm chí gọi điện thoại còn tiện hơn nữa. Nếu bưu điện có đưa đến thứ gì khác thì chỉ là hóa đơn, tờ bướm quảng cáo và danh mục sản phẩm. Vì thế, một bức thư màu kem có dán phong bì để địa chỉ nhận là “sĩ quan chỉ huy” với một bàn tay lớn chỉ về phía trước cùng một con tem Đức, là điều đáng ngạc nhiên. Nó bắt đầu bằng “Gửi ngài” và lối viết tiếng Anh thì hoàn hảo như cách nói tiếng Anh của Ingrid Stadler vậy.

_Gửi ngài, Như ngài đã thấy từ tiêu đề của bức thư này, tôi sống ở ngoại ô thành phố Frankfurt của nước Đức. Tôi sẽ có công chuyện đến đất nước của ngài vào thứ Hai, mừng Mười tháng Mười và rất muốn được diện kiến ngài để trao đổi một vấn đề nghiêm trọng. Xin ngài thứ lỗi cho tôi, tôi không muốn nói chi tiết trong một bức thư. Liệu ngài có rảnh rỗi vào thứ Ba ngày Mười một tháng Mười, hoặc thứ Tư ngày Mười hai tháng Mười vào lúc ba hoặc bốn giờ chiều hay không?

Tôi có đính kèm địa chỉ hòm thư điện tử và số điện thoại của mình.

Trân trọng, Rainer Konig-Hensel._

“Nếu tôi không quá nhầm lẫn,” Wexford nói, “thì tay này là một trong những kẻ xui xẻo đã thuê Amber và Megan làm những bà mẹ mang thai hộ. Có thể là Megan. Ông ta thậm chí có thể là cha của đứa trẻ mà cô ta đang mang khi bị giết.”

Burden lấy bức thư từ tay anh và đọc lại. “Có thể là một trong những người cha, ý anh là vậy à?”

“Ít nhất ông ta sẽ nói cho chúng ta nghe thỏa thuận ở đây là gì và ông ta trả cô gái bao nhiêu, tôi nghĩ có khả năng ông ta sẽ nói cho chúng ta nghe nhà Samphire và đám tay sai của họ đến từ đâu. Có thể chính Ross đã sắp đặt toàn bộ vụ này. Bọn chúng có liên quan ở một mắt xích nào đó và cho đến giờ chúng ta vẫn chưa tìm được gì.”

Là người da đen khiến cho việc bám đuôi một ai đó hay theo dõi một căn nhà trở nên khó khăn hơn đối với Sĩ quan Vine hay Sĩ quan Archbold chẳng hạn. Dù sao đi nữa, Damon Coleman nghĩ, tại Kingsmarkham, nơi chỉ một vài năm trước đây bất cứ ai gốc Phi cũng trông thật nổi bật như hạt đậu đỏ duy nhất trong một gói đậu tây. Giờ số lượng của họ đã tăng gấp bốn lần, người da đen đã không còn là con quái vật bị nhìn chăm chăm trên phố nữa. Nhưng anh ta vẫn bị sẫm soi nhiều hơn một gã thanh niên da trắng, và trở trêu thay, một nhân viên thi hành pháp luật da đen như anh ta lại bị nhìn bằng ánh mắt nghi ngờ hơn là một kẻ côn đồ da trắng. Khá nhiều người, đặc biệt là người cao tuổi, đã kết luận rằng việc anh ta đứng băng quơ đầu đó, ngó qua cửa sổ các cửa hàng, đi bộ xung quanh tòa nhà hoặc ngồi trên ghế lái trong xe mình, là đang lảng vảng xung quanh với ý định phạm tội. Sở hữu óc hài hước, Damon đã bày ra những trò tiêu khiển đáng kể nhằm thoát khỏi những ánh mắt lạnh cảm từ họ nhưng thực sự vẫn e ngại một trong số họ có thể sẽ đi kêu cảnh sát.

Anh ta đang trông chừng tiệm giặt khô mà Colin đã ở trong căn hộ bên trên đây vài tối liền. Thời gian vẫn trôi đi và bóng tối đã bắt đầu buông xuống lúc sáu giờ. Sau đó những ánh đèn đường thậm chí còn làm anh ta lộ diện rõ hơn. Ngồi trong xe có thể là phương án an toàn nhất nhưng sự hiện diện rõ ràng rành rành của chiếc xe ở đây từ đêm này qua đêm khác sẽ gây nghi ngờ. Colin Fry và người tình bé nhỏ, bạn gái hắn ta, nhìn chăm chăm qua cửa sổ bên ghế hành khách khi họ đi qua hai đêm trước, sau đó anh ta đã mượn xe của Bal và để xe mình lại. Buổi tối đặc biệt hôm đó, lần đầu tiên anh ta thấy Colin và Emma ra ngoài, mặc dù anh ta không thấy ai đi vào kể từ khi đến đây lúc năm giờ bốn mươi lăm phút, anh ta rất hy vọng sẽ trông thấy một cặp đôi đi vào lúc mười một giờ.

Nhưng Colin và cô gái đã quay lại rất lâu trước thời điểm đó trong trạng thái say xỉn và chim chuột nhau, anh ta liền bỏ không quan sát nữa cho đến ngày hôm sau.

Không ai đi vào tối hôm đó, cũng chẳng có con kiến nào đi ra. Theo như anh ta biết là vậy. Nhưng lúc bảy giờ, sau khi thấy một người đàn ông tầm ba mươi lăm tuổi đứng trước cánh cửa màu đỏ và mười phút sau, một phụ nữ khá trẻ tới đứng cùng gã kia, anh ta đã để xe của Bal lại nơi nó đang đỗ và đi kiểm tra phía sau tòa nhà. Từ con đường song song, phía sau dãy cửa hàng nhỏ được che chắn bởi những cây cao, sum sê cành lá nhưng Damon đã phát hiện ra một con hẻm không chạy thẳng ra đường chính. Đi được nửa đường, anh ta có thể nhìn thấy mặt sau của tiệm giặt khô và căn hộ bên trên, hiện ra trong ánh đèn đường tắm tối một lối thoát hỏa hoạn bằng sắt chạy theo đường zigzag từ tầng trên xuống sân sau và một đường dẫn đến chính con hẻm này.

Vậy là Colin và Emma đã phát hiện ra anh ta từ đêm hôm trước, có lẽ không hoàn toàn xác định được anh ta là ai và đang làm gì, họ đã thận trọng trốn đi bằng đường này thay vì ra ngoài phố. Anh ta không thể ở hai nơi cùng một lúc nhưng anh ta có thể ở yên trong con hẻm và, một khi nhìn thấy Colin và Emma khởi hành, anh ta sẽ quay trở lại đường Glebe trong vòng hai phút, thừa thời gian để xem đôi này đi đâu. Nhưng liệu có phải cặp đôi “mượn” căn hộ đã sử dụng lối thoát hỏa hoạn hay không?

Rõ ràng là họ đã làm thế. Bằng không thì đêm tiếp theo sẽ chẳng ai có thể ra vào căn hộ cả. Sau một giờ chờ đợi vô ích trong con hẻm, Damon quay trở lại xe lúc bảy giờ ba mươi rồi liếc mắt nhìn lên ô cửa sổ đang sáng đèn của căn hộ phía trên và thấy Colin Fry đang ngó xuống. Nhưng không phải về phía xe của Bal. Hắn ta xem xét kỹ lưỡng con phố để tìm kiếm chiếc xe của Damon mà từ kiểu dáng, màu sắc lẫn biển số hắn đã ghi nhớ rất rõ, hoặc tìm kiếm chính Damon có thể đang nấp sau một cánh cửa nào đó. Dù chắc chắn hài lòng vì không thấy Damon ở đó và con đường ven giờ đang khá vắng vẻ, hắn dường như vẫn không có ý định ra ngoài tối nay. Damon lưu lại thêm một tiếng nữa và chỉ quay về nhà lúc gần chín giờ.

Ngày mai, anh ta nghĩ, mình sẽ đậu xe của Bal xa hết mức có thể trong khi vẫn tiếp tục theo dõi căn hộ.

“Đầu tiên là ma túy, giờ là mang thai hộ cho ai đó,” George Marshalson nói. “Đối với tôi, con bé là đứa trẻ vô tội và các vị đang biến nó thành một con quái vật.”

Tối nay, ông ta là người duy nhất trông Brand. Diana, ông ta nói, đã đến thăm em gái ở Myfleet. Bà ta đã đặt thằng bé lên giường trước khi rời đi và nói rằng nó đang ngủ nhưng George chắc chắn rằng ông ta đã nghe thấy thằng bé khóc toáng lên rồi lần mò lên trên lầu để kiểm tra khi Wexford và Trung sĩ Goldsmith tới. Khi ông ta đang nói, một tiếng khóc lớn vang lên trên lầu và George miễn cưỡng đứng dậy. Ông ta đến bên cánh cửa và nghe ngóng, biểu hiện trên khuôn mặt ông ta lúc này là bức tức và khi tiếng khóc im bật, ông ta quay trở lại cái ghế được trang trí cầu kỳ theo phong cách phương Đông rồi ngồi xuống.

“Tôi muốn hỏi liệu con gái ông có từng đề cập đến việc mang thai hộ với ông chưa, ông Marshalson,” Hannah hỏi. “Như một khái niệm, ý tôi là vậy. Không phải việc mà cô ta định làm.”

“Tôi không nhớ lắm,” George nói. “Chà, để tôi xem lại. Tôi chắc chắn sẽ nhớ bất kỳ đề nghị nào con bé có thể đã đưa ra về việc mang một đứa trẻ nữa về căn nhà này.”

“Ý tưởng đó không phải là giữ đứa trẻ cho riêng mình cô ta, thưa ông Marshalson,” Wexford nói, cố gắng giữ giọng trung lập.

“Ý tưởng đó, theo như anh nói, thật là lỗ bịch.”

Wexford chuyển sự chú ý của ông ta sang anh em nhà Samphire. “Ông có nói với tôi từ lần trước rằng chúng ta sẽ nói về vấn đề này, thưa ông, rằng ông nghi ngờ những người này đã từng liên lạc với Amber. Ông có thể hoàn toàn chắc chắn về điều đó không?”

“Tôi không thể biết con bé đã làm những gì và gặp những ai khi nó không ở nhà, phải không? Rất rõ ràng là tôi không thể. Nếu tôi kiểm soát được chuyện đó thì những điều tồi tệ đã không xảy ra. Có thể con bé biết Ross Samphire hoặc người kia - tên hắc là gì ấy nhỉ? Rick, phải không? - có

thể con bé biết hẳn. Tôi không rõ. Con bé chẳng gặp ai trong số họ khi có sự hiện diện của tôi.”

“Tôi sẽ nói với ông điều mình đang nghĩ, thưa ông Marshalson, và những gì tôi hy vọng có thể được xác minh trong tuần này.” Khi Konig-Hensel đến và mọi việc được tiết lộ? “Con gái ông và Megan Bartlow đã cùng nhau quan tâm đến một loại, ờm, công việc là trở thành những bà mẹ mang thai hộ. Điều này có thể hoàn toàn hợp pháp.” Anh chắc chắn nó không phải.

“Hợp pháp,” George nói, “nhưng vô đạo đức.”

“Đó là vấn đề gây tranh cãi. Họ có thể đã tự thân khởi đầu chuyện này nhưng dường như họ đã rơi vào tay của kẻ nào đó - chúng ta cứ gọi hẳn là kẻ cầm đầu của họ.”

“Anh nói cứ như thể hẳn là một tay ma cô.”

“Chúng tôi nghĩ tên này có thể là một trong hai anh em nhà Samphire hoặc cả hai tên đó,” Hannah nói, nhận được cái cau mày từ Wexford, “nhưng như Chánh thanh tra Wexford đã nói, chúng tôi hy vọng sẽ sớm thu thập được bằng chứng về việc này. Trong lúc đó, ông có bất cứ quan điểm nào không?”

“Tất cả những gì tôi biết về Surrage-Samphire là họ làm công việc trang trí nội thất cho chúng tôi, hoàn toàn thỏa mãn và tôi không có lẩn tẩn gì nếu thuê họ lần nữa. Vợ tôi cũng sẽ nói thế. Có thể bà ấy còn gặp họ nhiều hơn tôi.”

Ông ta đứng bật dậy, vỗ tay vào thắt lưng với một tiếng rên khẽ khi tiếng khóc lại vang lên trên lầu, lần này thì dai dẳng.

“Tôi sẽ đi xem thằng bé thế nào,” ông ta nói. “Tôi không nghĩ mình biết được có chuyện gì không. Nhưng để nó khóc thế cũng chẳng ích gì. Điều đó chỉ gây thêm rắc rối sau này và chúng tôi không muốn phải thức dậy lúc nửa đêm.”

Tự tập ăn uống với bạn bè tại Savesbury vào buổi tối hôm sau, Hannah ngồi bên cạnh người đàn ông duy nhất mà cô thấy thực sự hấp dẫn kể từ khi gặp Bal. Cô biết anh ta sẽ mời cô ra ngoài chơi và anh ta đã làm thế. Dĩ nhiên cô nói không - và đã phải hối tiếc suốt quãng đường về nhà, nghĩ mình thật ngớ ngẩn khi cứ chung tình với người đàn ông mà trong mắt tất cả mọi người chẳng hơn một người bạn.

Thu đã sang và bầu trời trở nên âm u, anh đã mời cô đi chơi vào cuối tuần, tới một khách sạn trong một ngôi làng ở Somerset. “Cuối tuần nào đây? Tuần đầu tiên cả hai được nghỉ cùng lúc từ chiều tối thứ Sáu cho đến tận sáng thứ Hai ư?”

Vậy đó sẽ là cuối tuần sau nữa. Lần đầu tiên trong nhiều tháng trời, cả hai người họ sẽ không phải đi làm từ thứ Sáu cho đến sáng thứ Hai. Họ có thể lái xe về đến vùng quê vừa kịp giờ ăn tối ngày thứ Sáu. Trong lúc dùng bữa tại khách sạn Cheriton Forest, anh đề nghị đi uống chút gì đó trước bữa tối ở quầy bar nơi Stephen Lawson đã lấy lòng những du khách đến từ Birmingham.

Hannah bị chán nản và mệt mỏi vì phải ngồi ở quầy bar và mặt đối mặt với Bal suốt bữa tối. Bữa ăn vô cùng tốn kém và cô đã khẳng khái được trả phần của mình. Chỉ một trong hai người được uống nhiều hơn một ly vang nhỏ. Tới thời điểm này, họ đã đến mọi nhà hàng tương đối tử tế ở Kingsmarkham, Pomfret và Myfleet, cũng như vài chỗ sang trọng khác. Ước gì họ có thể ở nhà và tự mình nấu ăn, tự mình chơi nhạc, tự rót đồ uống và làm nhiều thứ khác nữa mà họ thích - nhưng nếu vậy, chuyện “không thể tránh khỏi” sẽ xảy ra sau đó, trong khi mục tiêu của Bal lại là đợi cho đến lúc tình cảm đã chín muồi. Cho đến khi họ thực sự hiểu về nhau. Hannah cảm thấy như mình đã biết tất cả về Bal: từ lúc mới sinh ra, thời thơ ấu, những năm tháng dậy thì, thời đi học, quá trình thi tuyển vào cảnh sát, gia đình, anh chị em và cha mẹ. Sở thích, thiên hướng, loại nhạc yêu thích và những chủ đề mà anh hay đọc. Và rằng anh cũng biết tất cả về cô.

“Nghe tuyệt nhỉ,” cô đáp lại lời mời của anh cho cuối tuần tiếp theo. Nhưng cái cách anh xúc tiến mối quan hệ của họ - nếu đúng là vậy - lại làm

cô khó chịu đến nỗi không thể hỏi thẳng là có phải chuyển đi chơi đã được tính toán trước hay không. Cô chỉ có thể trả lời, “Ý anh là ở lại qua đêm?” và giống như những thiếu nữ của ngày xưa ngày xưa, đỏ mặt khi anh cười và nói dĩ nhiên rồi, “ý anh là vậy.”

Không lâu sau đó, anh chở cô về, tặng cô một nụ hôn trong sáng và thậm chí còn không lên nhà.

Ông ta hoàn toàn không giống với hình mẫu người Đức lý tưởng mà những người Anh thông thái vẫn luôn nghĩ, tóc vàng, vạm vỡ và to lớn với quả đầu cạo trọc và tròn lông lốc.

Rainer Konig Hensel có chiều cao tầm thước, gầy, với những đường nét khắc khổ, mắt xám và làn da màu ô liu. Ông ta vận một bộ đồ bảnh bao mà Burden rất thích (nhưng hôm nay không mặc) bằng vải tuyết màu than xám rất bền. Wexford nhận thấy những điều này trong khi đang buồn bã tự thổ lộ với bản thân rằng nếu anh sở hữu một bộ đồ như vậy thì nó sẽ biến thành một đồng giả rách nhăn nhúm chỉ trong vòng vài ngày.

Họ bắt tay nhau và Konig-Hensel lấy chiếc ghế từ bên kia bàn cho Wexford. Nếu cảm thấy ngượng ngùng, thì ông ta đã che giấu nó thật tốt đằng sau vẻ nghiêm nghị, gần như là cứng nhắc. Ông ta là loại người có vẻ mặt vô cảm, Wexford nghĩ, bất kể ông ta đang cảm thấy như thế nào. Nếu có thể nói điều gì đó, thì cách nói năng của ông ta thể hiện sự nhấn nhá rõ rệt hơn chữ viết tay và có lẽ hơi quá chính xác cũng như quá nhiều cụm từ “anh biết đấy” được thốt ra.

“Vợ tôi và tôi,” ông ta bắt đầu, “không thể có con. Chính xác thì, vợ tôi không thể. Điều trị ung thư khi chưa đến hai mươi tuổi đã khiến cô ấy bị vô sinh. Cô ấy biết điều này và tôi cũng biết khi chúng tôi kết hôn mười năm trước.” Ông ta ngừng lại và hướng ánh mắt bình tĩnh vô cảm của mình về phía Wexford.

“Cứ nói tiếp đi, ông Konig-Hensel.”

“Điều này không làm tôi lo lắng, anh biết đấy. Đây không phải là vấn đề. Thường thì không, anh biết đấy, với cánh đàn ông. Nhưng Sabine bắt đầu mong mỏi có một đứa con và chúng tôi phát hiện ra khả năng thụ tinh trong ống nghiệm nhưng trong trường hợp của chúng tôi điều này cũng là không thể. Sau đó chúng tôi nghe nói đến mang thai hộ. Đứa trẻ sẽ là con tôi nhưng không phải con vợ tôi, anh biết đấy. Để giảm bớt câu chuyện dài dòng này, Chánh thanh tra, chúng tôi đã tham gia một nhóm chúng tôi nghe nói đến ở Frankfurt và nói chuyện với những người khác có chung cảnh ngộ với mình. Chúng tôi còn tham khảo trên mạng và đã tìm thấy trang web của Babies for All. Chúng tôi đăng ký và sau một thời gian, tên của những người mang thai hộ phù hợp được gửi đến cho chúng tôi. Anh có đang nghe không đấy?”

“Có,” Wexford nói.

“Nhưng chúng tôi không thích ai cả, anh biết đấy, cũng không quan tâm đến lời tư vấn được đưa ra cho mình. Tôi phải giải thích rằng vợ tôi đã khiếp hãi về việc thảo luận những vấn đề này với những người được gọi là chuyên gia, tâm sự về đời tư của cô ấy và những vấn đề cá nhân khác. Còn nữa, Babies for All cảnh báo những người đăng ký rằng tìm một người mang thai hộ phù hợp có thể mất vài tháng hay thậm chí vài năm. Vợ tôi hiện đã bốn mươi hai và tôi lớn hơn cô ấy sáu tuổi. Chúng tôi cảm thấy không thể đợi lâu hơn được nữa, anh biết đấy. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn đăng ký với Babies for All, anh biết đấy, vì chuyện đó dường như không có hại gì cả và vào một ngày cuối tháng Tư, chúng tôi nhận được email từ một quý cô tên Megan Bartlow.”

“Ồ,” Wexford nói.

“Anh nói, Chánh thanh tra ạ, như thế anh biết tôi đang định nói gì vậy.”

“Tôi biết. Nhưng ông nói tiếp đi.”

Konig-Hensel không dịch chuyển cái ghế từ lúc ngồi đến giờ nhưng giờ ông ta di chuyển nó một chút và rướn người về phía trước. “Email đó nói rằng cô Bartlow kia không có tên trong danh sách, anh biết đấy, danh sách của Babies for All nhưng cô ta đã tiếp cận được danh sách của những người

mong muốn làm cha mẹ. Cô ta và bạn cô ta, một cô tên Amber Marshalson, rất sẵn lòng làm người mang thai hộ...”

“Xin lỗi, ông König-Hensel, nhưng ông có tình cờ mang theo bản sao email đó không?”

“Tôi có đem theo đây.”

Đó là lỗi đầu tiên^[13] trong thư tiếng Anh hoàn hảo của ông ta. Từ trong cặp, ông ta lấy ra đưa cho Wexford một tờ giấy in. Có thể dưới tên của Megan, Wexford nghĩ, nhưng Amber đã viết nó và gửi tin nhắn văn bản mà không sử dụng chữ viết hoa.

bạn tôi cô amber marshalson và tôi rất sẵn lòng trở thành những người mang thai hộ. chúng tôi muốn làm điều này cho những cặp vợ chồng không thể tự mình có con. nếu ông thấy hứng thú với lời đề nghị của chúng tôi thì ông sẽ không phải đợi hay cần được cân nhắc hoặc tư vấn và quá trình sẽ không mất hàng tháng trời. chúng tôi sẽ đến chỗ ông ở frankfurt trong vài tuần tới. chúng tôi còn trẻ, phù hợp, có sức khỏe tốt và mỗi người trong chúng tôi đều đã từng sinh con trước kia. xin hãy trả lời qua thư tay vì chúng tôi không có kết nối internet. megan bartlow, số 35 phố high street, kingsmarkham, đông sussex kml 3d1.

Và họ mê tít chuyện này? König-Hensel dường như đọc được suy nghĩ của anh. “Tôi nghi ngờ từ đầu, anh biết đấy, nhưng vợ tôi lại thấy rất hạnh phúc. ‘Chúng ta còn gì để mất nữa?’, cô ấy liên tục nói thế. Nhóm của chúng tôi ở Frankfurt đã nói rằng rất nhiều vụ mang thai hộ được dàn xếp riêng.

‘Họ đều đã có con’, cô ấy cứ nói với tôi thế. ‘Chúng ta biết họ có thể làm vậy’, và rồi cô ấy nói, rất buồn bã, ‘Họ không giống em, họ có thể có con’.”

“Ông đã hồi âm?”

“Ồ, vâng. Sau khoảng một tuần tôi đã hỏi thêm thông tin. Cô Bartlow đó gửi cho tôi bản sao về những tài liệu có liên quan đến việc sinh đẻ của họ - giấy khai sinh, vậy đấy. Cô ta gửi cho tôi bức ảnh chụp cô ta và cô Marshalson, cả hai đều dễ thương. ‘Chúng ta còn gì để mất đâu?’, vợ tôi

nói. Vì thế tôi đã làm theo lời cô ấy yêu cầu và mời họ đến Frankfurt, tất cả chi phí chúng tôi lo, dĩ nhiên rồi.”

“Ông phải trả cho Megan Bartlow bao nhiêu?”

“Hai ngàn bảng trả trước và hai ngàn nữa khi chúng tôi... nhận được đứa bé.”

“Cô ta đến vào cuối tháng Năm và Amber Marshalson đi cùng cô ta?”

“Trước đó tôi đã thảo luận vấn đề này với nhóm tôi vừa kể với anh, một cặp vợ chồng nói rằng họ cũng rất hứng thú, anh biết đấy, và muốn gặp các cô gái trẻ này.”

Wexford thở dài, nhưng không thành tiếng. “Để tôi đoán xem,” anh nói. “Họ đến. Ông trả tiền cho họ ở một khách sạn giá vừa phải. Theo tôi nghĩ, không phải ở khách sạn Die Vier Pferde?”

“Không, không đâu. Ở khách sạn Jagerhof. Không phải một khách sạn bốn sao. Điều đó không cần thiết; và còn - tôi tin lời anh nói - hơn cả mong đợi; tôi đã đặt một phòng ở khách sạn Die Vier Pferde cho một đêm.” Ông ta lưỡng lự và làn da nhợt nhạt có chút ửng đỏ. “Để, ờ, giao dịch được diễn ra, anh biết đấy. Sau khi cô Bartlow và cô Marshalson rời đi, vợ tôi và tôi ở lại ăn tối rồi ngủ tại đó.”

Anh có thể tưởng tượng ra việc này. Đối với người đàn ông sợ vợ này, đưa vợ đến đó, ở lại chốn xa xỉ và dành cả đêm với nhau, sẽ giảm thiểu phần nào những thứ dơ dáy và ngớ ngẩn gây ra bởi chuyện này. Và đây cũng là một phương pháp ăn mừng? Thậm chí điều này còn giúp bà ta có ảo tưởng về đứa trẻ sau này sẽ là của mình và chồng. “Vụ ‘giao dịch’ mà ông nói có nghĩa là cung cấp một mẫu tinh trùng?”

“Vâng. Bạn tôi, ông Dieter Weinstock, đã cung cấp một mẫu cho cô Marshalson ở khách sạn Jagerhof.”

“Và ông chưa từng nhận được tin tức từ họ lần nào nữa?”

“Không hoàn toàn. Chúng tôi có nhận được. Những bức email được gửi tới, nói cho chúng tôi biết cả hai trường hợp đều đã được thụ thai và sau đó vào tháng Bảy có một tin báo đến là cả hai đều khỏe mạnh, những cái thai đang phát triển bình thường. Vợ tôi rất hạnh phúc. Cô Bartlow gửi thư tới vào ngày mừng Một tháng Chín nói rằng mình vẫn khỏe và một tháng nữa

sẽ liên lạc lại. Cô ta hứa sẽ gửi ảnh chụp mình khi, ờ, có thể thấy rõ cái thai. Sau một tháng chúng tôi không nghe được tin tức gì nữa, cho đến khi bạn tôi ngài Weinstock tới Anh ba tuần trước, anh biết đấy. Trên chuyến bay, người ta đưa ông ấy một tờ báo Anh và trong đó có một bài viết, chỉ vồn vện vài dòng, nói rằng cảnh sát vẫn chưa tìm thấy tên sát thủ sát hại cô Amber Marshalson.”

“Tôi không nghĩ mình đã từng cảm thấy căm ghét những nạn nhân của các vụ giết người nhiều như đối với hai người này,” Wexford nói khi anh và Burden ngồi uống bia trong căn phòng nhỏ ấm cúng ở chỗ họ hay lui tới, quán Olive and Dove cũ kỹ. “Tôi cảm thấy căm ghét và tôi biết là không nên. Nhưng nếu anh nghe người đàn ông đó...”

Burden nhún vai. “Tôi hy vọng anh nói với ông ta rằng ông ta đã quá ngu ngốc.”

“Dĩ nhiên tôi đã nói thế - nhưng nhẹ nhàng thôi. Hình như ông ta nghĩ toàn bộ vụ giao dịch ít quan trọng đối với Weinstock hơn là với ông ta và vợ ông ta, và ông ta thấy thoải mái khi biết rằng ít nhất Megan đã có thai. Amber, dĩ nhiên là không. Liệu cô ta có thực sự cố gắng để trứng thụ thai với tinh trùng của Weinstock cả tin hay là thải hồi nó đi mà không ai biết. Tôi không nói với König-Hensel rằng rất có thể đứa con Megan đang mang không phải con ông ta. Tại sao phải làm mọi việc tồi tệ hơn cho ông ta làm gì? Đứa trẻ của Megan có thể là con của Prinsip hay của một thành viên trong SOCC. Tôi chắc rằng hai người đó đã liên lạc với họ. Hãy nhớ rằng Amber có hàng ngàn bản trong túi áo khoác. Trước khi đến Bling-Bling, tôi nghĩ chắc chắn cô ta đã xuất hiện ở vài phòng khách sạn - thậm chí có thể là ở đây - và nhận lấy một lọ chất lỏng kỳ diệu khác.”

Burden nhăn mặt. “Khi anh nghĩ đến điều đó, họ có thể đã đánh lừa cả tá vợ chồng giống thế này.”

“Gần như cả tá, Mike ạ. Hãy hy vọng rằng không có quá nhiều người đã tuyệt vọng vì rơi vào cái bẫy của họ. Có thể là ba hoặc bốn.”

“Điều tôi muốn biết là Rick Samphire đóng vai trò gì trong chuyện này?”

“George Marshalson nói rằng hắn giống một tay ma cô mỗi lái và có thể có liên quan gì đó. Bất cứ khi nào những cô gái ngốc nghếch muốn kiếm tiền một cách dễ dàng, thì sẽ có những thằng cha vô lương tâm sẵn sàng gom họ lại và đưa họ vào tròng.”

“Ngoại trừ việc này nhìn như thế Megan và Amber đã tự đưa họ vào tròng ấy.”

“Hắn có thể bơm ý tưởng đó vào đầu Megan trước. Hoặc rất có thể Ross đã làm thế. Hắn có thể tìm kiếm tất cả thông tin về gia thế cho họ. Sự tồn tại của Nhóm Khắc phục Vô sinh Sussex, ví dụ thế. Chúng ta không biết làm thế nào Megan biết được mấy chuyện về mang thai hộ. Suy đoán của tôi về việc cô ta đã đọc được một vụ trên báo chỉ là một ý kiến. Có thể hắn đã nói với cô ta.”

Burden đến quầy rượu nhỏ ấm cúng và mua thêm hai ly lớn nữa. Người phục vụ quầy bar khăng khăng đem đến tận bàn cho họ, có lẽ là để có cơ hội mời một bát đầy hạt điều mọng nước và đặc biệt lớn. Wexford đã rên rỉ khi anh ta nhìn thấy và cố tỏ ra phớt lờ chúng.

“Anh sẽ phải mang chúng trả lại nếu không đến đó lấy đồ uống.”

“Tôi biết. Anh có thể ăn những gì mình muốn trong đồng này rồi đặt chúng đâu đó ngoài tầm mắt được không?”

Burden ăn một hạt, sau đó mang cái bát ra bậu cửa sổ và giấu nó đằng sau tấm rèm. “Ở đó. Thoát khỏi sự cám dỗ. Giả thuyết của anh không hiệu quả rồi, Reg. Anh giả định rằng Megan biết Rick Samphire, biết hắn đủ rõ để tham gia vào một vụ lừa đảo cùng hắn. Nhưng chúng ta đã xác minh được rằng hắn giết cô ta bởi vì cô ta đã nhận ra vài tuần sau đó rằng hắn là người mà mình đã nhìn thấy ở trong rừng Yorstone. Nếu hắn là tông phạm của cô ta, theo lời Marshalson, và là tay dắt mối của cô ta, thì cô ta hẳn đã nhận ngay ra hắn khi nhìn thấy hắn trong rừng chứ.”

“Có lẽ vậy,” Wexford nói.

“Cái gì, cô ta thấy hắn, biết hắn, dĩ nhiên hắn cũng biết cô ta nhưng lại cứ để cô ta đi dù biết cô ta đã nhận ra mối liên quan giữa mình và tai nạn của Amber sao?”

“Hãy nhớ, Amber lúc đó chưa chết. Cô ta thậm chí còn không bị thương. Khi vụ tai nạn được lên báo, chẳng có thông tin gì liên quan đến Amber cả. Chỉ đề cập đến nhà Ambrose. Tại sao Megan lại nghi ngờ Rick Samphire đã thả tảng bê tông đó xuống cầu chỉ bởi vì cô ta đã thấy hắn trong rừng Yorstone? Có thể cô ta không nhớ ngày mình nhìn thấy hắn hoặc thời điểm tai nạn xảy ra. Nhưng khi Amber bị giết và mối liên quan của cô gái với vụ việc tảng bê tông rơi xuống vỡ lở, thì rất đáng để xâu chuỗi lại. Megan biết Rick. Cô ta dễ dàng tiếp cận hắn, một mình gặp hắn ở nơi hẹn trước, đó là căn nhà số bốn dãy Victoria. Rất có thể cô ta đã gặp hắn ở đó trước đây để thảo luận chi tiết về lần mang thai hộ tiếp theo hoặc để giao cho hắn phần hoa hồng trong số tiền họ lấy được từ những ‘người mong muốn làm cha mẹ’ xui xẻo.”

“Vậy anh đang nói,” Burden nói, “rằng Rick đã giết Megan bởi vì cô ta tổng tiền hắn. Nhưng tại sao hắn lại giết Amber? Tôi xin lỗi nếu đây là một sự so sánh khập khiễng, nhưng chẳng phải cô ta đang là con gà đẻ trứng vàng hay sao?”

Wexford tra số của SOCC trong danh bạ nhưng không thấy. Mặc dù sự hữu ích nó có thể mang tới, Internet vẫn luôn là nguồn cuối cùng anh nghĩ đến. Đây miễn cưỡng, anh nhập SOCC vào và, trước sự ngạc nhiên của anh, một dòng chữ “Con Cò Cũng Có Thể Đến Với Bạn” hiển thị trên màn hình. Lần đầu tiên anh thành công trong việc gọi lên chính xác thứ mình muốn từ cái máy trời đánh thánh vật này. Hắn phải vì lúc đó anh đang thoải mái với nó - hay thất vọng về nó.

Bên trên cụm từ viết tắt là hình ảnh một con cò đang mang một đứa bé sơ sinh trong túi vải. “Nhóm Khắc phục Vô sinh Sussex,” anh đọc tiếp:

—... thực sự có thể giúp bạn trở thành cha mẹ. Chúng tôi đưa ra những lời tư vấn, hoạt động nhóm, liệu pháp tâm lý và sự giúp đỡ vô cùng thực tế. Không chỉ các thành viên được tiếp xúc với cách trị liệu IVF mà còn được giới thiệu với các tổ chức nhận con nuôi, các trung tâm mang thai hộ và những hệ thống hoàn toàn mới để có được đứa con trong mơ của bạn. Không cần phải nói, mọi thứ đều hoàn toàn hợp pháp và công khai.

Bạn có thể tham gia ngay hôm nay bằng cách đơn giản là điền tên và địa chỉ email của bạn vào trang hai. Không cần thanh toán chi phí nào cho đến khi bạn tham gia một trong những chương trình của chúng tôi.

Giờ click vào “Đi tiếp.”_

Wexford click vào ô “Đi tiếp” và trang hai hiện ra một mẫu đơn để điền vào, xung quanh là ảnh của những phụ nữ mang thai hộ đang trong trạng thái ngây ngất và những bà mẹ hạnh phúc với những đứa con của mình.

“Tôi thắc mắc cái ‘những hệ thống hoàn toàn mới để có được đứa con trong mơ của bạn’ là gì?” Burden nói khi bước đến sau lưng anh.

“Không thể có nghĩa là mang thai hộ bởi vì họ đã đề cập đến nó rồi.”

“Cũng không phải IVF bởi vì họ cũng đã đề cập đến.”

“Hôm nọ, tôi nói rằng mình đã biết được những sự thật về cuộc sống trong bốn mươi năm nay nhưng thi thoảng tôi vẫn còn nghi hoặc về điều đó. Có thể có vài bí mật hay ho liên quan tới chuyện sinh đẻ tôi chưa bao giờ nghe.” Wexford lắc đầu, không tin tưởng nhiều hơn là nghi ngờ. “Địa chỉ và số điện thoại của họ ghi bên dưới bức ảnh xúc động về một phụ nữ to béo với hai đứa con sinh đôi: Số 167 phố High Street, Kingsmarkham.”

Đi tới đi lui phía bên kia phố High Street, Wexford xác định trụ sở của SOCC phải ở đâu đó trong tòa nhà có nhiều cửa hàng này bao gồm Gew-Gaws ở số 163, mà bên trên là căn hộ Megan Bartlow đã sống. Nhưng số 161 là một cửa hàng bán rượu chai, số 165 là tiệm làm đầu, 167 - đáng ra phải là SOCC - lại là một cửa hàng bán đồ ăn cho thú cưng, 169 là một hãng thông tấn và 171 là bác sĩ nhãn khoa. Anh cũng đã thử gọi điện theo số trên trang web nhưng sau mười lần đổ chuông thì nghe được tiếng trả lời tự động.

Anh băng qua phần đường dành cho người đi bộ, kiểm tra tất cả các cửa hàng phía trước và những cánh cửa bên cạnh dẫn đến một hành lang và lên những căn hộ phía trên. Prinsip và Bartlow vẫn đang ở đó, không có thay

đổi gì sau cái chết của Megan cả. Những bảng tên được đặt trên chuông cửa bên cạnh những cánh cửa khác, một số cái không còn đọc được nữa. Anh đẩy cánh cửa của Gew-Gaws và chuông của Jimmy Gawson vang lên. Jimmy đang đứng giữa cửa hàng, bên cạnh một cái bàn, sắp xếp một kim tự tháp được làm từ các thanh chocolate gói trong giấy có in hình cờ liên bang và được bao quanh bởi các mô hình vòng quay Luân Đôn cao mười centimet. Tựa vào cạnh của một cái gạt tàn, có lẽ được thiết kế giống với Đài phun nước Diana ở Hyde Park, là chiếc ống hút của anh ta.

Khi nhìn thấy Wexford, anh ta đặt nó vào miệng và hít mạnh vài hơi. “Chà, anh bạn,” anh ta nói, “nếu những thứ này được phát minh khi tôi còn trẻ, tôi sẽ đâm đầu vào chúng thay vì những điều thuốc lá chết tiệt kia. Tôi có thể giúp gì anh đây, Reggie?”

“Anh có từng nghe nói đến SOCC chưa? Nhóm Khắc phục Vô sinh Sussex, tên đầy đủ của nó đấy.”

“Cách đây một nhà,” Jimmy nói. “Họ chẳng bao giờ bận tâm che đậy tấm bảng với cái tên-mà-anh-gọi-như-thế, vì vậy những chữ cái đã trôi theo mưa rồi. Tầng hai. Họ có hai phòng đằng sau.”

“Cảm ơn. Một sự giúp đỡ tuyệt vời.”

“Tôi không chắc đâu, anh bạn.” Jimmy nhét một nhúm lá cỏ tươi vào ống hút, chuyển thanh chocolate trên cùng sang trái một tí xíu và quay người lại. “Không có ai đến đó cho đến tối và không thường xuyên lắm. Anh nên gọi điện và để lại tin nhắn.”

“Tôi đã làm vậy.”

“Họ sẽ liên lạc lại với anh. Cứ cho họ thời gian. Anh đã biết tin bà Grace Morgan già cả tội nghiệp đã qua đời chưa? Đã tới ngôi nhà gỗ của người tiều phu trên trời rồi. Keith tự mình đến và bảo tôi thế. Không phải anh ta hay bất kỳ ai trong số họ từng tới gần bà ấy.”

Mặc dù Jimmy Gawson nói thế, Wexford vẫn thử rung chuông cửa tầng hai số 167. Không có ai trả lời và khi đã quay về đồn cảnh sát cũng chẳng có tin nhắn nào được gửi cho anh từ SOCC cả. Trời bắt đầu đổ mưa. Vậy là Grace Morgan đã mất. Giờ không còn ai sống trong căn nhà gỗ đó và ngồi nhìn những con lửng chạy ra khỏi rừng lúc trời chạng vạng nữa. Đứa cháu

gái còn lại của bà ta sẽ không phải đương đầu với những nỗi khủng khiếp của khu rừng để đến thăm bà nữa, hoặc con gái bà ta không cần phải mời bà tới nhà mỗi năm một lần nữa.

Cháu gái và con gái... Họ khiến anh nghĩ về bản thân mình. Anh cũng có con cháu và có thể một trong số chúng cũng sẽ như thế. Quá trình liên tưởng đó quả thực buồn cười, anh nghĩ, khi tâm trí trôi dạt từ những đứa con gái nói chung đến Sylvia nói riêng, từ Sylvia đến đứa bé nó sẽ sinh ra trong chưa đầy hai tháng nữa, từ chuyện sinh con đến những người đỡ đẻ, đến nữ hộ sinh - Mary Beaumont là một nữ hộ sinh. Bà ta đã từng nói rằng mình làm việc cho SOCC phải không nhỉ? Lần đó, anh đã không để ý lắm... Liệu bà ta có biết gì không?

Anh nhắc điện thoại lên và gọi vào số của Sylvia. “Mary?” Sylvia hỏi. “Bà ta đang ở đây. Tại sao bố không đến và nói chuyện với bà ta?”

Đầu tiên thì trời mưa to, tuôn thẳng xuống mặt đất như nước xối ra từ vòi xả hết cỡ, dường như để ngăn cản Damon. Ngay cả chiếc áo mưa bằng vải nhựa dày của anh cũng không thể chịu được quá mười phút. Ứng lợi nước sẽ có ích, hay ít nhất cũng phải là ủng cao su. Theo quan điểm cá nhân của anh thì trong khi người da đen có vẻ chịu đựng được tốt hơn so với người da trắng dưới ánh nắng mặt trời, càng nóng càng tốt, thì mưa lại không hợp với họ. Mưa làm anh trông buồn tẻ và ủ rũ. Damon cảm thấy tự đắc về vẻ ngoài của mình - nhưng, anh để ý, là Thanh tra Burden của mình cũng vậy - và anh nghĩ chẳng có vấn đề gì miễn anh không thể hiện điều đó ra ngoài.

Anh mới chỉ hai mươi lăm tuổi nhưng thậm chí anh có thể nhớ được thời điểm khi một người da đen tuy đã được chấp nhận nhưng lại không bao giờ được coi là ưa nhìn trong mắt người da trắng. Rồi đến những năm tháng mà đàn ông và phụ nữ da đen đã đủ thu hút vì họ có những đặc điểm của người da trắng. Thời đó giờ đã trôi qua và những người Tây Phi thuần chủng được người da trắng rất yêu thích - trừ phi người da trắng đó là thành viên của BNP^[14] hay phe cánh hữu cực đoan. Damon nghĩ về điều này khi đang lảng vảng trong hẻm Glebe và cũng nghĩ rằng Kingsmarkham không tồi đến mức không thể ở được, đặc biệt là khi anh nhớ lại tuổi thơ của mình ở Deptford.

Suốt thời gian đó, anh để mắt đến những bậc thang sơn trắng hình zigzag ở đằng sau tòa nhà sơn đen trên đường Glebe. Khi nhắm mắt, anh thấy màu đen trên nền trắng. Anh thấy chúng trong giấc mơ hằng đêm, đen trên nền trắng hoặc trắng trên nền đen. Có vẻ như một biểu tượng hay một điềm báo

nhưng anh không thể lý giải nó có nghĩa là gì đối với cuộc đời mình. Có thể là, chẳng có gì. Điều đó khiến anh bật cười với bản thân khi đi dọc xuống đường Glebe và quay trở lại. Anh biết nước mưa sẽ len lỏi vào trong ống giày và đúng thế thật. Anh cảm giác được nước óc ách giữa các ngón chân. Anh đã cởi giày bên phải và dốc nước ra khi hai đối tượng xuất hiện trên bậc thang zigzag. Nhìn thấy bạn gái của Colin Fry làm anh tươi tỉnh hẳn lên. Cô ta mặc áo mưa màu trắng sáng bóng, chít eo và dài trên đầu gối khoảng hai mươi phân. Những đôi giày saggy mà tất cả các cô gái đang đi sẽ hợp hơn vào tối nay nhưng Emma lại đi đôi xăng đan hở ngón cao mười phân. Từ chỗ anh đứng, cách lối thoát hỏa hoạn khoảng bốn mươi lăm mét, Damon có thể nghe thấy tiếng kêu ré lên như phản đối thời tiết của cô ta khi bước xuống bậc thang và bám chặt lấy chiếc áo khoác có mũ trùm đầu của Colin.

Anh thấy hối tiếc vì không thể nán lại nhưng họ không được phép thấy anh. Anh lợi lõm bồm qua con hẻm, khiến nước tràn đầy vào giày lần nữa, tới chỗ chiếc xe và quăng mình vào trong. Có lẽ sẽ khôn ngoan hơn nếu cởi áo mưa ra trước vì hiện giờ chiếc xe dường như đã ngập nước, thấm vào thảm, làm cho ghế ngồi trơn tuột và nước nhỏ giọt từ tay lái. Chẳng có gì để làm ngoại trừ việc tháo đôi giày và tất ướt sũng của mình, rồi hối hận vì đã không mang theo một chiếc khăn.

Để an toàn, anh đã đậu xe của Bal ở gần cuối đường Glebe, khuất tầm nhìn của Colin từ cửa sổ. Điều đó cũng có nghĩa anh khó có thể thấy được cánh cửa trước sơn màu đỏ. Anh khởi động xe và lái đến gần chỗ đối diện tiệm giặt khô. Không có ai xung quanh. Đường Glebe - vốn thường vẫn tắc nghẹt bởi những hàng xe đậu nối tiếp nhau san sát - giờ này lại vắng tanh. Damon đã bắt đầu run rẩy. Hẳn là họ thỉnh thoảng vẫn ra ngoài, anh nghĩ, và không ai đến sử dụng căn hộ đó cả. Hy vọng đây là một đêm giống như thế. Anh đã đợi ở đây một tiếng đồng hồ - không, phải là một tiếng rưỡi mới đúng. Nghĩ thì thật kinh khủng nhưng nó phải thế. Ngay khi anh đang tự vấn bản thân là liệu có quá lãng phí và hủy hoại môi trường khi để động cơ chạy nhằm bật máy sưởi hay không, thì một chiếc xe tấp vào và đỗ ngay cạnh anh. Một phụ nữ và một người đàn ông bước ra. Chỉ bằng những nét

mảnh khảnh và tốc độ di chuyển của họ cũng đã nói với anh rằng họ còn trẻ, người phụ nữ kéo chiếc mũ trùm đầu của chiếc áo khoác độn qua đầu cô ta trước khi ra khỏi xe, còn người đàn ông - với áo mưa dài che kín từ đầu đến chân - liền bật chiếc ô lớn màu đen ngay lúc chân anh ta chạm vào vỉa hè. Nhưng họ đang hướng tới cánh cửa màu đỏ bên cạnh cửa sổ tiệm giặt khô. Damon thấy người đàn ông lục lọi trong áo mưa, lấy ra một chiếc chìa khóa và tra nó vào ổ. Cả hai người họ nhanh chóng bước vào trong và cánh cửa đóng lại phía sau họ.

Đây là vị khách thứ hai đến nhà Colin Fry mà anh nhìn thấy có chìa khóa. Chẳng phải Colin thật bất cẩn khi đưa chìa khóa nhà cho tất cả mọi người hay sao? Nhưng có lẽ không phải tất cả mọi người; Damon nghĩ khi anh lái xe về nhà, tắm nước nóng và thưởng thức một con gà tikka masala mua về. Nếu không phải bạn bè của hắn ta, có lẽ tất cả những người sử dụng căn hộ đó đều quen hắn ta, người hắn ta tin tưởng hay người được giới thiệu bởi những người hắn ta tin tưởng. Anh ghi điều đó vào bản báo cáo và sẽ quay lại vào tối hôm sau. Giờ hắn ta sẽ phải đi đâu đấy và chuyện này bắt đầu trở nên khá thú vị.

“Họ là một tổ chức hoàn toàn hợp pháp,” Mary bắt đầu nói, “hoặc đã từng thế. Cho đến giờ, theo tất cả những gì tôi biết, một nhân viên xã hội làm việc cho Ban công tác xã hội của Kingsmarkham đang điều hành nó và tôi cùng một cặp đôi nữa được đào tạo để tư vấn. Chúng tôi làm công việc này miễn phí. Cái chúng tôi làm chỉ là đưa ra lời khuyên. Chúng tôi làm dịch vụ tư vấn.”

Sylvia đi vào với rượu trên khay và những bát hạt điều cùng khoai tây chiên. Wexford vươn tay phải về phía bát hạt điều, mạnh mẽ lấy vài hạt như thể nó bị bao bọc bởi một hàng rào điện vô hình. “Lời khuyên kiểu nào?”

“Chà, anh bạn, mọi người được tư vấn về những lựa chọn họ có thể đưa ra. Có nghĩa là làm thế nào để bắt đầu trị liệu IVF - ồ, một trong những người tư vấn là chuyên gia về thảo dược và tư vấn những gì cần để thúc đẩy khả năng sinh sản.” Bà ta nhăn mặt. “Sau đó có kỹ thuật chữa bệnh bằng cách xoa bóp nhẹ nhàng dựa trên ‘ký ức tế bào’. Theo các bác sĩ, tế bào của chúng ta luôn mang những chấn thương trong quá khứ bên mình. Tưởng

tượng xem một người phụ nữ rất muốn mang thai nhưng đã có một lần sinh nở khó khăn. Cô ta mang theo ký ức của lần sinh nở đó và nỗi sợ hãi phải lặp lại nó sẽ ngăn cản cô ta có thai. Ngớ ngẩn, thực sự là vậy, anh bạn ạ. Có những người cung cấp dẫn lưu bạch huyết và trực quan thôi miên,” Mary nói, “Một số người đặt một tinh thể khả năng sinh sản dưới gối của họ.”

Wexford nhướng mày.

“Vâng, tôi biết. Tôi chưa bao giờ quan tâm đến việc này. Sau đó, nếu không thành hoặc không thể mang thai hộ như những gì Sylvia đang làm, giúp đỡ một người bạn, hoặc chúng ta đưa họ trực tiếp tới một trung tâm như Babies for All. Nhận con nuôi, tất nhiên, và nuôi dưỡng. Chúng tôi khuyên họ nên gặp ai và như thế nào, đại loại vậy.Ồ, và chúng tôi tổ chức các buổi trị liệu nhóm. Đó là những cặp vợ chồng hoặc những người dự định làm cha mẹ đơn thân ngồi quây thành vòng tròn để thảo luận về vấn đề cá nhân và nói ra cảm nhận của họ. Chuyện đó có thể rất buồn, anh biết đấy, anh bạn ạ.”

“Có những người phụ nữ đến chỗ bà để cung cấp dịch vụ mang thai hộ không?”

“Có chứ, thường xuyên,” Mary nói. “Chúng tôi gửi họ tới các trung tâm. Babies for All hay Intended Parents. Tôi nghĩ là cô gái bị sát hại cũng đã đến đó.”

“Ý bà là Megan Bartlow?”

“Không, người kia cơ, cái cô mà nhìn dễ thương ấy. Khi tôi thấy ảnh cô ta trên ti vi, tôi nghĩ, thắc mắc liệu cô gái đó đã đến đây hay chưa. Tôi không dám thề nhưng tôi khá chắc chắn.”

“Bà đã giới thiệu cô ta đến một trung tâm?”

Mary thở dài. “Đầu tiên cô ta nói cô ta có dự định làm mẹ nhưng khi tới đó - lúc buổi trị liệu chưa bắt đầu - cô ta thông báo rằng mình muốn trở thành một người mang thai hộ và cô ta nói liên tục trước khi có ai đó ngăn cô ta lại. Cô ta đã nói chuyện với một vài người trước khi tôi nhận ra và tổng cô ta ra ngoài.”

Một trong những người đó, Wexford nghĩ, hoặc có thể là nhiều hơn một cặp vợ chồng, đã bí mật tìm cô ta, sắp xếp một buổi gặp mặt với cô ta và

vào tối ngày mừng Mười tháng Tám, cô ta đã đến nhà họ hoặc gặp người đàn ông ở một khách sạn và lấy mẫu tinh trùng từ ông ta. Ông ta cũng đã đưa cô ta một ngàn bảng, miễn phí và dễ dàng như chính cô ta vậy, cô ta đã nhét số tiền đó vào túi áo khoác và đi tới câu lạc bộ Bling-Bling. Dự định trả tiền hoa hồng cho Ross hay Rick Samphire chẳng?

Anh hỏi Mary.

“Tôi chưa từng nghe nói về họ, anh bạn ạ. Tôi không chắc họ có liên hệ gì với SOCC hay không.”

“Tại sao bà nói là SOCC đã từng là một tổ chức hợp pháp?”

“Tôi nói rằng giờ họ vẫn thế, theo những gì tôi biết.”

“Nhưng ý bà ‘đã từng’ là gì?”

Mary làm một ngụm rượu như thế bà ta cần nó vậy. “Nếu anh buộc phải biết thì... tôi đã nghỉ việc.”

“Tôi nghĩ tôi phải biết, Mary ạ.”

“Chà, có vài chuyện xảy ra mà tôi không thích.”

“Tôi đã xem qua trang web của họ.” Nói ra những từ này, theo giọng điệu bình thường như thể anh đã xem trang web hằng giờ, đem đến cho Wexford niềm tự hào mà anh biết là vô lý. “Cái gì là ‘những hệ thống hoàn toàn mới để có được đứa con trong mơ của bạn’? Một số phương pháp sinh sản mà tôi không để ý chẳng?”

“Tôi không biết nhưng đó là lý do tôi nghỉ việc. Tất cả những gì tôi biết là một trong những tư vấn viên của chúng tôi, một người đàn ông tên Quickwood, đã gửi những người phụ nữ muốn làm mẹ tới một đại lý du lịch ở Luân Đôn. Đó có thể chỉ là một lời giới thiệu về nhận con nuôi người nước ngoài, và chẳng có gì hơn, thế nhưng bằng cách nào đấy tôi không nghĩ rằng chỉ có vậy và đó là lý do khiến tôi không muốn làm việc cho SOCC nữa.”

“Tôi không nghĩ là mình hiểu được.”

“Tôi cũng không hiểu những gì bản thân mình nói nữa là,” Mary nói. “Tất cả những gì tôi biết là tại mỗi buổi hội thảo nhóm hỏi-và-trả lời tuần trước, một trong số những thành viên đã nói rằng cô ta định tới châu Phi cho cái mà cô ta gọi là ‘gói sinh sản’. Nairobi, tôi nghĩ cô ta đã nói thế. Vì

thế cô ta sẽ đem một đứa trẻ về cùng. Sau đó nhân viên xã hội của chúng tôi đã hỏi cô ta rằng Ban công tác xã hội Kingsmarkham đã thực hiện đánh giá hay chưa - họ gọi nó là nghiên cứu tại nhà, xem xét gia thế và tình trạng của những bậc cha mẹ sẵn sàng nhận nuôi có phù hợp với đứa trẻ hay không. Thậm chí còn, chà, nghiêm ngặt hơn nữa khi nhận con nuôi người nước ngoài và nó luôn là một quy trình rất mất thời gian. Dù sao thì, người phụ nữ này nói rằng không cần thiết bởi vì đó sẽ là con đẻ của cô ta. Cô ta sẽ sinh nở ở châu Phi. Tôi đã khám cho cô ta rất kỹ và cô ta rõ ràng không có thai, nhưng cô ta đã nói rằng mình sẽ đến châu Phi trong hai tuần nữa.”

“Chà, Quickwood, một nhân viên xã hội, đã nói rằng người phụ nữ này rõ ràng tâm lý không bình thường. Chồng cô ta đã bỏ rơi cô ta và cô ta đang có tâm trạng tồi tệ. Chúng tôi chẳng phải lo lắng gì vì cô ta sẽ không được phép đem đứa bé ra khỏi châu Phi, chứ đừng nói là đem đến đây. Có thể cô ta chỉ nghĩ vậy thôi, anh ta đã nói thế. Nhưng tôi không biết, Reg ạ, tôi không thích điều này. Tôi đã nói chuyện với cô ta lần nữa và cô ta bảo rằng cô ta biết chuyện đó sẽ ổn và hợp pháp bởi vì một người phụ nữ cô ta biết ở Myringham đã làm một “gói sinh sản” và quay lại với đứa bé mà cô kia đã sinh một tuần sau khi đến Nairobi. Sau đó tôi đã hỏi cô ta rằng có phải bạn cô ta là người da trắng đúng không và cô ta trả lời đúng, rồi tôi hỏi đứa bé da đen đúng không và cô ta trả lời dĩ nhiên vậy. Những đứa bé được sinh ra ở châu Phi đều da đen. Và rồi cô ta nói rằng cô ta nghĩ tôi là một người phân biệt chủng tộc. Tôi đã kể cho Ken Quickwood. Anh ta nói là chuyện đó chẳng liên quan gì đến chúng tôi cả, nhưng người phụ nữ kia là một trong số các thành viên của chúng tôi và cô ta đã kể với mọi người về chuyện này. Đó là lý do tôi nghỉ việc.”

“Chuyện này phải giữ bí mật đúng không,” Wexford hỏi, “hay bà có thể nói cho tôi tên người phụ nữ đó?”

“Tôi phải làm thế, đúng không, Reg? Nói ra hết thì cũng chẳng sao cả. Cô ta tên là Gwenda Brooks và cô ta sống ở số hai dãy nhà Jewel, Brimhurst.”

Trong tích tắc anh không biết người này là ai. Sau đó anh nhớ lại cuộc gặp gỡ giữa anh và Burden với John Brooks cùng người tình trẻ của anh ta

ở nhà hàng. Đó là vợ anh ta, người vợ bị vô sinh của anh ta.

“Người phụ nữ ở Myringham cô ta biết là ai?”

“Tôi không biết. Tôi đã kể cho anh nghe tất cả những gì mình biết rồi.”

Giống như là đi hưởng tuần trăng mật vậy. Một cặp vợ chồng mới cưới đã ở bên nhau, có lẽ sống cùng nhau hàng tháng trời, nhưng giờ cuộc hôn nhân đó có lẽ không còn như nó đã từng trong quá khứ, khi một người chồng xấu hổ nhưng đầy tự hào vì được đi du lịch lần đầu tiên với cô dâu trình nữ của mình. Phía trước họ là đêm tân hôn, một đêm tân hôn thực sự, mà họ sẽ lần đầu tiên làm tình với nhau.

Đó là tình huống của cô và Bal. Họ ngồi cạnh nhau, im lặng, trong xe của Damon Coleman, giống như cảm giác của cô dâu và chú rể vậy, nhưng tệ hơn vì xã hội và những phong tục đã thay đổi rồi. Cô thấy bức Bal vì điều đó. Đây là tất cả những gì anh tạo ra. Cái gì đã khiến anh nảy ra ý tưởng đi du lịch vào cuối tuần để làm tình với cô? Anh đã tạo ra một tình huống giả tạo, gần như một nghi lễ, nghiêm túc và quan trọng, vượt ra thứ mà đáng lẽ ra nên là kết quả tự nhiên của một nguyên nhân nào đó. Cả cô và anh sẽ cảm thấy hạnh phúc biết bao nếu họ lên giường cùng nhau (một lỗi nói giảm nói tránh mà cô thường coi khinh) hai tháng trước và ngủ cùng nhau từ đó đến giờ. Cô chắc rằng, từ sự im lặng kéo dài và chối từ tức khắc bất cứ cuộc trò chuyện nào của anh, anh cũng đang lo lắng như cô. Họ lẽ ra phải đang nói chuyện và cười đùa, hồi tưởng về những gì xảy ra gần đây, bị kích thích về sự thoải mái trước viễn cảnh lấy phòng ở Maid's Head và thấy mình ở trong phòng cùng nhau.

Thay vì làm những thứ này thì - “Chúng ta cách Taunton bao xa rồi nhỉ?”

Hannah đang thăm dò. “Có thể là mười lăm dặm.”

“Chúng ta còn khá nhiều thời gian cho bữa tối.”

Bữa tối! “Vâng,” cô nói.

Anh đánh xe vào một trạm nghỉ để bơm xăng. Càng về chiều trời càng xám xịt và tối hơn, một tiếng đồng hồ của ngày cuối tuần đã trôi qua, buổi tối đã đến. Buổi tối đến dù mới chỉ sáu rưỡi. Không phải một buổi tối lãng mạn, với ánh trăng và các vì tinh tú bao phủ bầu trời quang đãng, mà là bóng tối dày đặc xám xịt với màn sương đang bắt đầu che khuất con đường phía trước cùng sự nặng nề ảm thấp trong không khí. Bal vẫn im lặng khi lái xe. Một vài phút trước và thậm chí anh - cô tự mình nảy ra ý nghĩ đó, “thậm chí anh,” như thể trở nên u mê, tất cả sự nhạy cảm biến mất - dường như nhận thấy có cả sự lúng túng.

“Có chuyện gì à, Hannah?”

Cô không trả lời và anh lặp lại câu hỏi. “Trực giác của anh nói thế à?” cô nói.

Đúng là đàn ông, như mẹ cô có thể đã nói, “Anh phải làm gì bây giờ?” anh nói.

Cô đi đến một quyết định. Nếu cô không làm gì, nếu cô mặc kệ nó và để buổi tối diễn ra một cách tự nhiên, cô biết tình hình sẽ càng thêm tồi tệ. Một hoặc cả hai người họ sẽ cảm thấy vô cùng ê chề và không đủ tình yêu dành cho nhau để làm mọi việc theo đúng cách của nó. Nhưng khi cô thoáng nhìn lại mối quan hệ của họ, cô không thể hiểu tại sao mình có thể hành động khác lạ đến vậy. Bước đi nào mà cô đã tạo ra hay đã bước đưa họ tới đây, chỉ bên ngoài Taunton, trong một suy nghĩ khác? Chẳng có gì cả. Cô càng không thích điều này thì càng đổ lỗi cho anh. Anh đã cố gắng sống theo một đạo lý lỗi thời trong một thời đại không muốn cũng không hiểu nổi nó.

“Không tốt rồi, Bal ạ,” cô nói. “Có thể đây là lỗi của em” - cô biết là không phải - “nhưng việc này không hiệu quả. Em xin lỗi.”

“Em đang nói gì thế, Hannah?”

“Chúng ta đã để mặc chuyện này quá lâu. Anh có cảm thấy thế không? Anh có hiểu không? Loại chuyện này nên tự nhiên và không ép buộc. Em đã nói với anh nhưng anh không chịu nghe. Phải thật nghiêm túc và hiểu rõ về nhau và... đại loại thế. Giờ thì quá muộn rồi.”

Anh đánh xe vào một điểm dừng. “Em muốn làm gì thế? Ở lại đây trong phòng riêng á? Chúng ta có thể làm thế. Anh đã luôn nói rằng sự chậm trễ

là phương thức khôn ngoan nhất.”

“Đúng, và nhìn xem chúng ta đến đâu rồi. Anh đi tiếp đi. Thả em ở Taunton và em sẽ về bằng tàu hỏa. Taunton nằm trên đường tàu chính, phải không?”

“Đừng ngốc nghếch thế,” anh nói, mặt anh tối đen lại như bầu trời ngoài kia. “Dĩ nhiên chúng ta sẽ cùng về.”

Và anh đã làm thế. Im lặng, không nói gì, nhưng thỉnh thoảng lại tạo ra một âm thanh khe khẽ giống như tiếng càu nhàu bị dồn nén.

“Em cần phải đi vệ sinh,” cô nói khi đến địa phận Tây Sussex. Họ ngồi uống cà phê, nhớ ra rằng họ chưa ăn tối và cả hai cố gắng ăn một miếng bánh thịt lợn cùng cà chua.

“Anh nghĩ em mất trí rồi,” Bal nói. Cô nhún vai.

“Chuyện này dường như kết thúc rồi, phải không em?”

“Chưa từng có bắt đầu để kết thúc anh ạ,” cô nói.

Anh nhìn rất bảnh, kể cả khi đang mệt mỏi và chán nản. Thật là lãng phí. Và cô rất thích anh, cô sẽ nhớ anh, vấn đề chỉ là cô sẽ không phải nhớ bởi vì anh luôn ở đó. Có thể cô sẽ xin chuyển công tác - nhưng tại sao? Cô không phải người sai. Anh vẫn lái xe trong im lặng.

Đường xá dần vắng vẻ, đặc biệt là về hướng đông này. Như thường lệ, những người tài xế cố gắng đi quá tốc độ, hơn tám mươi và dưới chín mươi. Bal, dĩ nhiên, cố định tốc độ ở mức bảy mươi, không hề lo lắng khi máy bắn tốc độ lóe lên, nhằm vào những chiếc xe chạy với vận tốc tám mươi bảy trên làn đường cao tốc.

Họ không nói chuyện tiếp cho đến khi đi qua biển báo ghi “Chào mừng tới Kingsmarkham, Thị trấn Lịch sử”. Bal đi vòng quanh bùng binh thay vì rẽ trái và Hannah nói, “Anh đi sai đường rồi.”

Anh bật ra một tiếng cười gay gắt, không chút hài hước.

“Một trong hai chúng ta, chắc chắn rồi.”

Chưa bao giờ anh nói từ “chúng ta” theo cách này, cô nghĩ. Anh quay xe vào đường Orchard và phanh rất gấp bên ngoài căn hộ của cô. Cô quay sang nhìn anh nhưng anh không nhìn lại. Tay anh vẫn đặt trên vô lăng, nắm chặt.

Khi ra khỏi xe, cô nói lần nữa, “Em xin lỗi.”

Damon không bao giờ có thể hiểu được dự báo thời tiết trên ti vi và radio có ý gì khi họ nói rằng cơn mưa sẽ di chuyển dần về phía bắc (hoặc phía nam hoặc phía đông) để nhường chỗ cho nắng và những cơn mưa rải rác. Mưa rải rác cũng là mưa, phải không nhỉ? Khi còn là một đứa trẻ, những người hàng xóm da trắng từng quát tháo sau lưng anh, bảo anh quay lại nơi anh từng thuộc về. Vì được sinh ra ở Luân Đôn, anh không biết đó có thể là nơi nào cho đến một ngày anh quay lại và hỏi người phụ nữ. Anh đã hỏi bà ta rất lịch sự.

“Một nơi nóng bức,” bà ta nói. “Đủ nóng để đốt cháy cậu đấy, khi đột Ạ.”

Nhưng bà ta không bao giờ quát tháo sau lưng anh nữa. Damon nghĩ trời sẽ không bao giờ mưa ở một nơi nóng bức và anh thích cái ý định đến đó. Anh nhớ lại điều này khi quay trở lại hẻm Glebe, xem xét lối thoát hỏa hoạn hình zigzag và thắc mắc liệu một trong những cơn mưa rải rác đó khi nào sẽ đến. Đó là một đêm không trăng không sao.

Bầu trời có lẽ quang đãng hoặc bị mây che phủ hoàn toàn, ta chẳng thể biết được. Để phòng ngừa, anh mặc lại áo mưa và cảm thấy rất nóng. Nóng đủ để đốt cháy anh, khi đột Ạ, Damon tự mỉm cười. Bà già tội nghiệp mà tất cả hàng xóm đều biết bà ta nửa điên nửa khùng và có thể sẽ phải hầu tòa vào thời đại này vì nói điều mà bà ta đã nói với anh. Thật là một thế giới vui nhộn.

Bởi vì anh đang dùng xe của Bal và, dù sao đi nữa, đỗ xe ít nhiều ngoài tầm nhìn, Colin Fry và Emma có thể quyết định quay trở lại dùng lối vào đằng trước. Anh chẳng thể làm gì đối với chuyện đó cả. Anh không thể ở hai nơi cùng một lúc. Một hạt mưa rơi trúng mũi anh và khi anh đưa tay lên vuốt nó đi thì họ xuất hiện từ cánh cửa bên trên lối thoát hỏa hoạn. Anh không chần chừ mà chạy ngay ra khỏi con hẻm, tới đường Glebe và chui vào xe. Việc dọn dẹp sạch sẽ bên trong xe đầu tiên vào sáng nay thật thông

minh nhưng nó vẫn ẩm ướt. Anh lái xe đi khoảng mười một mét dọc theo đường Glebe và tấp vào một trong những chỗ trống còn lại.

Nếu một vị khách đến căn hộ bây giờ, anh sẽ để xe ở đâu đây?

Dọc theo con phố tiếp theo, rõ ràng là thế, nếu không anh phải lên xe buýt, chờ người đàn ông đi bộ tới tiệm giặt khô và tra chìa khóa vào ổ trên cánh cửa màu đỏ. Anh ta là một người cao ráo, đeo một chiếc thắt lưng nhìn có vẻ sang trọng hiệu Burberry và anh ta bật ô lên. Nhưng khi cánh cửa mở ra, anh ta nhất thiết phải gấp nó lại và khi anh ta bước vào trong, giữ ô ở bậc cửa, Damon thấy được mặt anh ta dưới ánh đèn đường. Anh nhận ra khuôn mặt đó. Anh đã nhìn thấy nó ở đâu đó trước kia nhưng không thể nhận ra đây là ai.

Im nào, anh nguyên rủa. Anh phải nhớ ra được chủ nhân khuôn mặt này là ai. Anh đã nhìn thấy người này ở đâu nhỉ? Anh đã nghĩ đến mọi nơi mình ghé qua gần đây, tất cả những người anh đã từng nói chuyện...

Con phố không còn vắng vẻ nữa. Một phụ nữ đang đi tới từ phố High Street cuối đường Glebe. Bà ta đeo cái kính râm rất không phù hợp với thời tiết này, đặc biệt khi bà ta mặc áo mưa đen dài đến đầu gối và cầm chiếc ô lớn loại cho đàn ông. Phải chăng bà ta cũng định tới căn hộ của Colin Fry?

Hình như là thế. Cơn mưa đã ngớt trước khi bà ta đến nơi và bà ta cụp ô xuống. Nhìn ngó xung quanh, trái rồi phải, bà ta tháo kính râm cài vào chiếc khăn đang quấn quanh cổ. Damon chưa từng thấy bà ta. Tất cả những gì anh có thể nói về bà ta là bà ta tầm bốn mươi tuổi hoặc trẻ hơn. Nhưng quả thực khó mà nói như vậy khi họ buộc tóc ra đằng sau, kéo căng da dưới mắt và nâng má. Anh quay trở lại chỗ mà người ta đặt tên cho nó là “Nâng cơ mặt Croydon.”

Bà ta đi tới cánh cửa cạnh tiệm giặt khô nhưng trước khi chạm vào chuông cửa, nó đã mở ra và bà ta bước nhanh vào trong.

Tuần có thời tiết tốt, mà thường vào một thời điểm nào đó trong tháng Mười, đã tới vào cuối tháng.

“Mùa hè bé bỏng” bắt đầu vào ngày Hannah Goldsmith bắt đầu kỳ nghỉ phép hằng năm mà cô đã mong đợi là mình không quá hấp tấp đặt lịch như tuần trước, cho kỳ nghỉ sáu ngày ở Crete. Cô đã để nó tới quá muộn bởi vì cô vốn mong chờ rằng lần này cô và Bal sẽ đi nghỉ cùng nhau. Nhưng Bal đã không nói gì với cô kể từ chuyến đi không may của họ đến Somerset, ngoại trừ đồng công việc, một lần nữa gọi cô là “trung sĩ,” và cô chỉ nói chuyện với anh khi bắt buộc phải nói và nói trống không. Giờ cô lên đường một mình, chẳng mấy trông đợi một kỳ nghỉ đến như vậy.

Damon đã lục lọi trí óc để hồi tưởng về người đàn ông mình đã trông thấy đi vào căn hộ của Colin Fry nhưng vô ích. Anh thấy lối thoát hỏa hoạn hình zigzag màu trắng trong mơ nhưng không thể gọi lên được khuôn mặt đó lần nữa. Có vấn đề gì sao? Damon nghĩ là có bởi vì Wexford luôn nói rằng mọi thứ, dù vụn vặt đến thế nào, đều có liên quan đến vụ giết người.

Một câu chuyện dài đến hai trang báo xuất hiện trên tờ Người đưa tin Kingsmarkham trong đó Darren Lovelace, người dường như đã được thăng chức lên làm Trưởng ban biên tập, đã than vãn về những ngày tháng khi Scotland Yard được gọi đến để điều tra những vụ giết người đã xảy ra trong khu vực vào tháng Tám và tháng Chín. Những ngày tháng trước khi đội điều tra án mạng và tội phạm nghiêm trọng tồn tại. Điều cần thiết, anh ta viết, là sự kiến tạo một hệ thống FBI phiên bản Anh quốc và, đồng thời, sự dư thừa bắt buộc của “những người lỗi thời” như Wexford.

Wexford đọc bài báo và nhần nhin. Anh biết có những thứ dường như chẳng bao giờ tồi tệ bằng ngày tiếp theo nhưng hai ngày sau đó lại hoàn toàn biến mất một cách tốt đẹp. Dĩ nhiên điều này không giúp ích gì trong lúc đọc báo. Anh mở tờ Người đưa tin ra lần nữa và nhìn vào bức ảnh cũ chụp mình đang nốc bia. Thời buổi này, các tờ báo địa phương dần trở nên nhạt nhẽo và vô hại vì sợ làm xáo trộn lượng độc giả đạt ngưỡng của họ. Nếu Darren Lovelace có hối tiếc về cái quá khứ phần nào sai trái mà ông ta đã quy cho lực lượng cảnh sát, thì Wexford lại hồi tưởng với niềm luyến tiếc về những ngày tháng khi những mẫu tin quan trọng của Người đưa tin là các cuộc họp của hội đồng quận, lễ hội hoa và các trường trung học với những kết quả A level. Anh vò nát tờ báo trong hai bàn tay và ném nó vào sọt rác khi ông Bartlow được thông báo là đã đến. Wexford sẽ gặp ông ta chứ? “Bảo ông ta lên đây nhé!”

Hannah là người đã phỏng vấn ông ta và đây là lần đầu tiên Wexford gặp cha Megan. Những lời đầu tiên của ông ta sau màn giới thiệu bản thân là việc ông ta vừa đến viếng đám tang của mẹ vợ quá cố. “Grace Morgan,” ông ta nói. “Có thể anh đã nói chuyện với bà ấy. Bà ấy là một người tốt, tốt nhất trong số những người tốt. Chín mươi ba là một độ tuổi đẹp để ra đi nhưng tôi sẽ nhớ bà ấy, mặc dù chẳng ai làm thế cả. Tôi nên đến gặp anh trước. Việc tới Kingsmarkham viếng đám tang đã mang tôi tới đây.”

“Ông đến có việc gì, thưa ông Bartlow?”

“Chà, là về con gái tôi Megan. Dĩ nhiên, con gái Megan của tôi.”

“Vâng. Tôi rất tiếc,” Wexford nói.

“Bà ta không cho tôi biết, anh biết đấy.” Wexford không cần phải hỏi “bà ta” ở đây là ai nữa. “Tôi đã thấy trên ti vi.”

Bartlow nói. “Vâng, vợ tôi cũng đã xem và kể với tôi. Đập thẳng vào mặt, tôi nghĩ anh sẽ nói thế. Ngoại trừ Lara, tôi còn có hai đứa con nữa nhưng điều đó không ngăn cản việc người ta đau buồn vì sự ra đi của một đứa.”

“Tôi chắc là không đâu.”

Bartlow dịch chuyển cái ghế. “Anh có thể nghĩ điều mà tôi đang định nói với anh, chà, chỉ là một đồng rác rưởi. Thực sự là, không có gì cả. Tôi

nghĩ mình đã kể cho cô thanh tra trẻ đã từng đến gặp tôi nhưng, chà, thành thực mà nói, tôi sợ cô ta thấy điều này là vô lý. Nhưng, chuyện đó phần nào đang ám ảnh tôi. Vợ tôi nói rằng không sao đâu và cứ quên nó đi nhưng ngày hôm qua khi tôi nói rằng tôi nghĩ mình sẽ tới đám tang của bà Grace thì cô ấy bảo tôi hãy đến đây và nói hết ra. Anh có thể nói chuyện này là rác rưởi, chà, nếu anh nghĩ vậy.”

“Tôi đang lắng nghe đây,” Wexford nói.

“Vậy thì, OK. Tiếp tục nào. Tôi kể với cô gái trẻ đó rằng Meg đã ghé qua đây để tham dự Hội chợ Pauceley như thế nào. Vâng, chúng tôi đã ngồi uống trà một lúc ở hội chợ và Megan nói rằng nó muốn về nhà trước khi trời tối. Tôi hoàn toàn ủng hộ điều đó. Tôi đã không bận tâm đến việc nó và Lara ra ngoài một mình sau khi trời tối. Có Chúa mới biết, chuyện xảy ra với con bé lại là vào ban ngày, phải không?” Khi Wexford gật đầu, ông ta tiếp tục, “Tôi đã đi bộ cùng nó đến bến xe buýt ở Sewingbury. Chỗ đó chỉ cách hội chợ khoảng tám trăm mét. Cứ hai tiếng thì có một chuyến xe buýt và tôi muốn con bé lên xe đúng giờ. Chúng tôi đã đi bộ dọc con phố tên là Đại lộ Pauceley. Có nhiều ngôi nhà lớn và bên ngoài đường lái xe phía trước của một trong số các căn nhà có một gã đang ra khỏi xe. Tôi biết mặt hắn nhưng không biết tên hắn.”

“Megan nhìn chăm chăm vào hắn. Chúng tôi thực sự chỉ có thể thấy hắn từ một bên. Hắn khoảng ba lăm, bốn mươi tuổi; tóc đen. Như tôi nói, Megan nhìn chăm chăm vào hắn. Hắn không nhìn lại chúng tôi mà đi vào trong nhà và tôi nói với Megan, như đùa cợt, rằng “Con sẽ gặp lại hắn,” và nó nói, “Bố nói không sai đâu. Con sẽ gặp lại hắn.” Và thật sự chỉ có thế. Chúng tôi đi tiếp để nó bắt xe buýt và rồi, vâng, đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy nó. Giờ tôi đã kể xong câu chuyện mà dường như còn giống rác rưởi hơn bao giờ hết.”

“Tôi không nghĩ vậy,” Wexford nói, và thêm vào, “Ông có nhớ được số nhà đó không?”

“Không, tôi không nhớ, nhưng tôi chẳng thể không chú ý đến tên nó. Nó rất là... chà, hắn nghĩ mình là ai chứ? Nó gọi là The Manor^[15].”

Họ vào trang web của Surrage-Samphire một lần nữa, Wexford, Buden và Damon Coleman; để xem xét chi tiết hơn những bức ảnh của hai anh em nhà Samphire. Damon nói, “Không nghi ngờ gì nữa, thưa sếp. Đây là kẻ mà tôi đã trông thấy đi vào nhà của Colin Fry. Người này tên Ross, tóc đen. Hẳn chính là gã đó. Tôi đã thấy hắn xuất hiện hai lần. Một lần khi hắn vào nhà và lần thứ hai khi hắn mở cửa cho người phụ nữ. Sau đó tôi quay trở lại và thấy cả hai người họ đi ra.

“Anh có nhận ra hắn lần nữa không? Anh có thể xác nhận là hắn không?”

“Vâng, có thể, thưa sếp.”

“Và người phụ nữ?”

“Cô ta có thể là bất kỳ ai, thưa sếp. Tôi thậm chí còn không thể đoán được tuổi cô ta. Tất cả những gì tôi có thể nói đó là cô ta không phải một thiếu nữ. Khá cao - chà, gần một mét tám - và không quá béo. Lúc đó trời mưa khá nặng hạt và cô ta quấn một cái khăn quanh đầu, che ô.”

“Damon đã quan sát rất kỹ,” Wexford nói với Burden khi họ ở một mình, “nhưng thế thì sao? OK, vậy Ross Samphire, kẻ đã thành công trong việc vẽ lên một bức tranh cảm động về người đàn ông hết lòng với gia đình, trên thực tế lại ngoại tình lén lút, nhưng ngoại tình không phải là tội. Còn những gì Gary Bartlow đã nhìn thấy khi hộ tống Megan đến điểm dừng xe buýt ở Sewingbury nữa. Rõ ràng, người đàn ông đang ra khỏi xe là Ross và Megan nhận ra hắn. Thực tế, điều này chính là bằng chứng về những gì chúng ta luôn nói...”

“Anh luôn nói,” Burden cắt ngang một cách hào phóng. “OK, là tôi luôn nói thế. Megan đã nhận ra người đàn ông cô ta nhìn thấy trong rừng Yorstone vào ngày Hai mươi tư tháng Sáu. Giờ cô ta biết hắn sống ở đâu và có thể biết được tên hắn, cô ta không chần chừ gì mà thử tổng tiền hắn.”

“Điều này quả thực vô cùng nguy hiểm với một người như Ross Samphire.”

Wexford im lặng một lúc. Khi đang suy nghĩ như thế này, một cách tập trung, anh luôn hoàn toàn yên lặng, hai tay đặt thoải mái trên bàn làm việc, đôi mắt nhìn chăm chăm vào bức tường đối diện, nhưng rõ ràng là đang nhìn vào cõi hư vô. Burden thường thấy anh như thế này và khi anh làm vậy, anh ta luôn đợi, không muốn làm gián đoạn dòng suy tư. Cuối cùng, Wexford nói, “Vì vậy Ross là người đã tới rừng Yorstone với âm mưu giết Amber bằng cách thả tảng bê tông lên đầu cô ta? Không thể nào. Lúc đó hắn đang ở Tây Ban Nha cùng vợ con mình. Ngoài ra, tôi đã nói hắn là một người luôn tính toán kỹ càng cũng như cực kỳ tàn nhẫn, phải không?”

“Tôi nghĩ là thế.”

“Hắn sẽ không thử phương pháp thả bê tông từ trên cầu xuống ngay lần đầu tiên. Nó quá không chắc chắn, hên xui không rõ. Nếu hắn giết Megan ở đây nhà Victoria, tại sao hắn lại đặt xác cô ta ngay trong tủ, để mặc nó ở đó trong bốn ngày?”

“Nhưng chắc hẳn hắn đã làm vụ đầu tiên, bằng không, Megan sẽ không nhận ra hắn, dẫn đến chuyện hắn giết cô ta vì bị cô ta nhận ra.”

“Tôi hiểu,” Wexford nói, “nhưng sự kém cỏi đó đã thuyết phục tôi. Không giống như Ross. Mặt khác, giống Rick nhiều hơn.”

“Nhà chứa?” Colin Fry nhếch môi trên và nhìn cả Hannah lẫn Damon với vẻ hoài nghi. “Tôi không biết các vị có ý gì. Cho những cô gái đến ở và rồi người ta thành chủ chứa. Các vị không thể bảo tôi rằng cho một người bạn mượn nhà mình một đêm liền được gọi là chủ chứa được.”

“Chỉ cần nói xem anh đang làm gì thôi, anh Fry ạ,” Hannah nói. “Anh có thu phí không?”

“Và đừng nói với chúng tôi rằng tất cả những chuyện này là vì lòng từ bi bác ái của anh đấy,” Damon nói. “Anh và bạn gái mình đã ra ngoài khi cặp

đôi đó đến. Anh cũng ra ngoài vào tuần trước khi một cặp đôi khác đến.”

“Sao lại nghĩ về chúng tôi như thế?”

“Anh Fry, nếu anh thành khẩn khai báo với chúng tôi những người đã đến đây vào tối thứ Năm là ai, người đàn ông lúc” - Damon giở quyển sổ tay - “bảy giờ mười hai phút tối và người phụ nữ lúc bảy giờ mười sáu phút tối, chúng tôi có thể có một cái nhìn khoan dung hơn về những gì anh đã làm.”

Chắc chắn là không có gì bất hợp pháp đang xảy ra ở đây, Hannah cắt ngang, “Chúng tôi không hứa trước điều gì, tùy anh. Nhưng chúng tôi có thể làm gì đây.”

“Đó là Ross Samphire, phải không, Colin?”

Đúng lúc đó, Emma đi vào, bưng đến những tách trà mà không ai yêu cầu, Damon sớm nhận ra là chúng không thể uống được vì bị cho quá nhiều đường. Anh cố gắng không mở to mắt khi cô ta cúi xuống đưa cho Colin cốc của anh ta và chiếc váy ngắn của cô ta tóc lên, lộ ra đôi bít tất dài cùng dây đai xếp li màu đen. Nơi này không phải tất cả đều không giống nhà chứa.

“OK,” Colin nói. “Đó là Ross. Anh ta sẽ giết tôi nếu biết tôi kể cho các vị.” Nhưng đến cuối ngày, anh ta nhận ra những gì mình đã nói và muốn tự vả vào miệng.

“Anh đã không nói cho chúng tôi biết. Chúng tôi đã hỏi anh. Anh ta trả cho anh bao nhiêu?”

“Hai mươi quid một giờ,” Colin nói một cách hờn dỗi. “Và anh ta đã ở đây ba tiếng. Làm chơi ăn thật, vậy đấy.”

Anh có khách hàng nào nữa không? Đừng nói dối đấy. Chúng tôi biết anh có.”

“Họ đều là bạn,” Emma nói, vội bảo vệ Colin. “Họ muốn trả tiền. Chúng tôi chỉ chiều theo ý họ thôi. Có hại gì không khi họ dùng chỗ của chúng tôi lúc chúng tôi ra ngoài? Chúng tôi muốn ra ngoài. Tiền bạc là của trời cho thôi mà.”

“Được rồi. Người phụ nữ đi với Ross là ai?”

Người phát ngôn tự phát, Emma, khá hơn nhiều ở điểm này so với Colin. Cô ta sẽ không bao giờ thừa nhận rằng tiền họ nhận được là khoản thanh toán cho việc gì đó. Đây là một món quà, nó được trao tặng vì lòng biết ơn đối với sự giúp đỡ. Hannah biết Emma đang nói dối, khi cô ta trả lời câu hỏi, cô chắc chắn đó là sự thật.

“Tôi không biết. Colin cũng không. Ross sẽ không nói với Colin tên của cô ta đâu. Tại sao lại phải nói nhỉ?”

Thật vậy, tại sao phải thế? Hannah, người mà đối với cô việc một người đàn ông đã có vợ thuê một căn nhà để ngủ với một phụ nữ không phải vợ anh ta xa lạ đến nỗi gần như không hiểu được, cố tưởng tượng bản thân mình trong vị trí của người đàn ông kia. Cô hình dung mình đưa ra một công việc ngon ăn, ít nhiều cũng đã được thực hiện, với người bạn cho thuê căn nhà và nhận thấy rằng cô ta sẽ không đề cập đến tên người phụ nữ trong những trường hợp như thế này. Vấn đề chính là gì?

“Được rồi,” cô nói. “Hiện tại như thế là đủ rồi. Chúng tôi muốn gặp hai người vào cuối ngày hôm nay ở đồn cảnh sát. Ba giờ chiều được không?”

“Lúc đó tôi đang làm việc,” Colin gần như rên rỉ. “Tôi phải ra ngoài đi làm bây giờ.”

“Anh bạn à,” Damon nói. “Vì anh được thuê bởi ông Ross Samphire, tôi chắc chắn anh có thể giải thích chuyện đó một cách thỏa đáng.”

Damon đang lái xe. Hannah ngồi bên cạnh, ước gì đó là Bal. Nhưng chẳng ích gì dù tuần trước Bal đã sử dụng cái xe này trong khi Damon dùng xe của Bal và để lại một thanh kẹo đường cùng tờ tạp chí New Statesman với dòng chữ “Bhattacharya” được viết trên mặt trước nơi băng ghế sau. Một cảm giác khát khao kinh khủng được chạm vào những thứ anh đã từng chạm vào lan tỏa khắp người Hannah, thậm chí cô đã đưa tên anh trên tờ tạp chí lên môi mình. Ngu ngốc, cô tự nói với bản thân. Điều này chỉ xảy ra khi hai người nhìn vào mắt nhau, biểu lộ tình cảm với nhau và rồi chia tay thay vì lựa chọn ngủ cùng nhau và làm tình.

Cô bước vào đồn cảnh sát với tâm trạng tồi tệ.

Chiếc xe rẽ ra khỏi đường Mill là một chiếc Mercedes màu xanh đậm và người tài xế là Ross Samphire.

Người mà đáng nhẽ phải đang ở Clifton để tiến hành công việc trang trí nội thất cùng nhà Marshalson, Wexford nghĩ. Khi đậu xe đối diện dãy nhà Jewel, anh thấy Lydia Burton đang đứng bên trong cổng như thể cô ta đang vẫy chào tạm biệt ai đó. Khá cao, anh hồi tưởng lại, nhớ đến mô tả có hạn của Damon Coleman, chắc chắn không quá béo, không quá trẻ nhưng cũng không hẳn là trung niên và... Phải chăng đây là người phụ nữ mà Ross đã gặp ở căn hộ của Colin Fry? Trông cũng hao hao. Về phần cô ta, cô ta sẽ không có lý do gì để sử dụng chỗ đó. Cô ta có nhà của mình và còn độc thân. Đến chỗ của Fry hẳn phải là lựa chọn của hẳn. Nhưng tại sao? Khoảng cách xa xôi từ Brimhurst đến Pauceley? Hay hẳn biết hàng xóm có ai đó có thể nhận ra mình? Chà, nhà Marshalson...

Thời tiết đã chuyển sang rất lạnh và Lydia - vẫy tay chào anh và Hannah với tâm thế hoàn toàn vô tội, sao cô ta lại có tội được? cô ta chưa kết hôn cơ mà - chạy vội vào nhà. Gwenda Brooks ra đến cửa nhanh đến nỗi anh nghĩ rằng hẳn cô ta phải đang đứng ngay sau nó. Là một y tá giàu kinh nghiệm và một nữ hộ sinh, Mary có thể dễ dàng nói một người phụ nữ có mang thai hay không, kể cả cô ta đang trong giai đoạn đầu của thai sản. Nhưng anh thì biết gì chứ? Hannah cũng biết gì chứ? Tuy nhiên, cả hai đều có thể thấy rằng không có khả năng Gwenda sẽ sinh em bé trong khoảng thời gian hai tuần hay, nhiều hơn nữa, sáu tháng chẳng hạn. Từ khi John Brooks bỏ đi, cô ta đã giảm cân đáng kể. Chiếc chân váy kẻ ca rô màu nâu cô ta đang mặc

giữ ngay trên hông và cái bụng phẳng lì giống như một thứ quần áo thời trang lủng thùng hợp một trên eo những cô người mẫu mười lăm tuổi. Vẻ hốc hác hiện trên mặt cô ta. Cổ cô ta đã có những chỗ trũng sâu xuống.

Phòng khách Hannah đã từng tới trước đó chẳng ít ảm đạm hơn trước kia. Nó khiến Wexford liên tưởng tới các phòng khách sạn hạng ba, nơi tất cả mọi thứ đều có màu cháo đặc cùng bánh mì nâu, và không có cả đồ trang trí lẫn tranh ảnh. Gwenda ngồi trên mép chiếc ghế của mình với hai đầu gối ép sát vào nhau. Lần thứ hai, cô ta nói, “Tôi không biết chuyện này liên quan gì đến cảnh sát. Đó là chuyện cá nhân của tôi.”

Hầu như đi ngược lại ý muốn của cô khi gọi bất cứ ai là ‘bà’, nhưng Hannah vẫn làm vậy như một sự nhượng bộ với tính nhạy cảm của Wexford. “Bà Brooks, bà đang chuẩn bị một chuyến du lịch trọn gói tới Kenya, đúng không?”

“Cô biết rồi còn gì. Tôi đã nói như vậy.”

“Và mục đích của chuyến đi này là để bà và những phụ nữ khác trong nhóm có thể sinh con trong thời gian ở đó?”

“Vâng, một trong số các mục đích là như vậy. Chúng tôi dự định đi tham quan một tuần. Tôi thực sự không hiểu tại sao tôi phải nói điều này cho các vị. Nhưng nếu các vị nhất định muốn biết thì, vâng; chúng tôi có một tuần đi tham quan và hai đêm ở một công viên hoang dã, sau đó chúng tôi sẽ được đưa tới nhà hộ sinh ở Nairobi, nơi chúng tôi sẽ sinh con. Một kỳ sinh sản tự nhiên không đau đớn, tôi có thể chắc.”

“Bà đã từng gặp một bác sĩ nào chưa, bà Brooks?” Hannah hỏi. “Ý của tôi là bác sĩ gia đình của bà ấy.”

Người phụ nữ trông càng lúc càng như bị xúc phạm. “Tôi không cần phải gặp bác sĩ. Tôi chẳng có vấn đề gì cả.”

Hannah thở dài. Wexford có thể đã nói với cô rằng cuộc khảo sát là vô ích. Tất cả những gì họ cần bây giờ là vài sự kiện cụ thể. Cuối cùng dường như cô cũng hiểu điều này và chỉ hỏi tên của người quen ở Myringham lần các đại lý du lịch đã bán cho Gwenda Brooks “gói sinh sản.”

“Tôi không được phép tiết lộ điều này,” cô ta nói một cách giận dữ. “Tôi đã ký thỏa thuận giữ bí mật.”

Tôi cá là cô đã làm thế, Wexford nghĩ. “Kể cho cảnh sát cũng được giữ bí mật,” anh nói, không quá mức trung thực.

“Chà, vậy thì. Cô ta tên là Sharon Lucas và đại lý du lịch ấy ở Luân Đôn. Đó là Du lịch Kỳ diệu của Carlos Place, West One.” Cô ta nói ra địa chỉ với một niềm kiêu hãnh gần như thảm hại. Cô ta không phải một “con chuột thành thị” ngây thơ mà là một kẻ tinh vi bảo trợ cho các đại lý du lịch tại Mayfair.

“Ý bà là bà chỉ việc tới chỗ họ,” Hannah nói, “một cách hoàn toàn bất ngờ?”

“Dĩ nhiên là không rồi.” Gwenda Brooks lớn giọng phản nộ, “Sharon nói với tôi và một nhân viên tư vấn ở SOCC đã khuyên tôi đến chỗ họ. Cô có biết SOCC là cái gì không?”

“Ồ, có chứ, chúng tôi đều biết. Ai là nhân viên tư vấn đó?” Cô ta nói tên ông ta. Ken Quickwood như Mary đã bảo.

Wexford, vốn hy vọng được nghe thấy cái tên Ross Samphire, cảm thấy sự thất vọng bao trùm toàn thân. Lúc ra về, Hannah bật lên câu hỏi, “Ngài có tin rằng con người có thể trở nên quá điên cuồng không, thưa ngài?”

“Rất dễ,” Wexford nói. “Trung sĩ, tôi nghĩ mình sẽ gửi cô ‘lên miền Tây’, như họ đã từng nói. Cô có thể có một ngày nghỉ ngơi để đi mua sắm và ghé thăm đại lý Du lịch Kỳ diệu.”

Ủ rũ và khá muộn, Colin Fry xuất hiện tại đồn cảnh sát trong chiếc áo khoác độn có mũ trùm đầu. Điều này đã khiến Wexford thề với chính mình rằng từ nay về sau anh sẽ bác bỏ chi tiết mũ trùm đầu có bất kỳ liên quan nào đến vụ án. Khi được hỏi lại người tình của Ross Samphire là ai, Fry một lần nữa nói rằng anh ta không biết.

“Anh đã gặp cô ta chưa, anh Fry?”

Fry im lặng, bối rối, mặc dù đây không phải là điều gì đó khiến một người trung thực phải suy nghĩ quá lâu. “Có lẽ đã từng gặp,” cuối cùng anh ta nói một cách thận trọng.

“Cô ta trông như thế nào?”

“Hơn ba mươi, dưới bốn mươi. Đường nét hoàn hảo. Một kiểu người dễ nhìn - Tôi cũng không rõ. Tôi không giỏi trong việc mô tả người khác.”

“Cô ta tên là Lydia Burton phải không?”

“Có thể thế.” Fry có vẻ thận trọng. “Tôi đoán vậy.” Ánh mắt anh ta bắt gặp ánh mắt của Wexford, vội nhìn sang hướng khác. “Tôi không muốn Ross biết mình đã nói điều đó,” anh ta nói. “Tôi không muốn. Ông nên nhớ rằng Ross là... ừm, bạn thời thơ ấu của tôi. Tôi sống phụ thuộc vào anh ấy. Các vị không thêm quan tâm là các người có làm một gã nào đó bị mất việc hay không. Đó là chuyện thường ngày của các vị.”

Từ cửa sổ, Wexford nhìn anh ta rời đi, băng qua sân trước để tới chỗ đậu xe tải của anh ta, kéo áo độn sát vào người và so vai lại. Trời đang trở rét. “Trái mùa” là từ mà Burden dùng cho thời tiết như thế này, Wexford nói rằng đó là một thuật ngữ sai cho bất kỳ kiểu thời tiết nào tại bất kỳ thời điểm nào trong năm. Bởi vì anh biết có những ngày tuyết rơi vào tháng Sáu và nắng chang chang vào tháng Mười hai. Cuộc gọi tiếp theo của họ là tới Sharon Lucas mà bà Brooks đã đề cập. Chiếc xe đỗ bên ngoài sân trước đồn cảnh sát không quá một giờ đồng hồ nhưng Donaldson đã phải cạo băng ở cửa sổ phía sau và kính chắn gió trước khi họ khởi hành.

Burden nói, “Nghĩ ra thì, khi vụ này bắt đầu, trời cực kỳ nóng và ngày Amber bị giết là ngày nóng kỷ lục từ trước đến giờ.”

“Đó là cách mà mọi thứ diễn ra.” Wexford đang trong tâm trạng rối bời. “Vì vốn không thể tin được, tôi chẳng gặp khó khăn gì trong việc tin nó cả. Và cũng sẽ không,” anh nói, “nếu ngày mai tuyết rơi hoặc nhiệt độ lên đến bốn mươi độ, hoặc đến lúc chúng ta đến Myringham thì một cơn bão ập đến.”

Burden không nói gì nữa, nhận ra những dấu hiệu ban đầu của sự giận dữ. Bình tĩnh lại trong thoáng chốc, Wexford nói, “Tôi ước gì mình có thể nói rằng tất cả những gì Damon làm đều là công cốc. Tôi ước gì mình có thể chỉ ra Fry là một tay chủ chứa bởi vì điều đó có nghĩa là hắn sẽ không còn đáng tin và quan hệ pháp lý của hắn trong việc cung cấp bằng chứng ngoại phạm sẽ trở nên hoàn toàn vô nghĩa. Nhưng như chính hắn đã nói, chẳng có gì ngăn được một người cho bạn bè mượn nhà một đêm cả. Và nếu hắn được trả công cho điều đó, thì sao? Bạn có thể thuê người trông

nhà, nếu bạn muốn, hoặc người trông trẻ, người chăm sóc chó mèo, và bạn trả công cho họ.”

“Nó chỉ cho chúng ta thấy Ross Samphire là một kẻ ngoại tình.”

“Tôi tin ngoại tình là một tội ở một số tiểu vương quốc Ả Rập và ở các vùng châu Phi, nhưng không phải ở đây và tôi hy vọng là sẽ không bao giờ.”

“Không, nhưng hành vi của hắn đã khiến hắn mất đi uy tín. Hắn đã vĩnh viễn nhúng chàm và không gột rửa được.”

“Hắn đã từng à, Mike? Hắn trông thật trong sạch nhưng chúng ta biết không phải thế. Chúng ta biết vậy trước cả khi Damon bắt đầu theo dõi hắn. Chúng ta biết Rick đã giết các cô gái và Ross đang bao che cho Rick.”

“Có một vấn đề nho nhỏ ở đây, phải không? Colin Fry. Fry không phải một vị thánh nhưng hắn sẽ không nói dối về nơi ở của Rick nếu thực sự nghĩ Rick đã giết Megan. Hắn nói Rick đã ở trong tòa nhà ngân hàng cũ với mình vào ngày mừng Một tháng Chín. Tôi không nghĩ hắn sẽ nói vậy, Reg ạ, nếu hắn tin Rick đã giết Megan.”

“Sau đó Colin Fry nghĩ mình phải cung cấp những bằng chứng ngoại phạm này để làm gì?”

“Đó là những thứ mà người ta luôn luôn tin tưởng hoặc huyền hoặc bản thân. Rằng chúng ta quy tội cho ai đó vì hắn đã có tiền án. Nếu hắn có thể giúp một người bạn thoát khỏi rắc rối, thì tại sao lại không chứ? Nó khác xa với việc cố gắng cứu một người bạn thoát khỏi tội giết người.”

Căn hộ Sharon Lucas sống rất nhỏ, không lớn hơn một studio là bao. Nó gồm một phòng đơn có lẽ rộng 15 x 1 feet và hai cánh cửa mở trên một bức tường dài dẫn đến phòng bếp bé tí và một phòng tắm còn bé hơn. Ý nghĩ đầu tiên của Wexford là không có đánh giá tư gia nào của Ban Dịch vụ Xã hội chấp nhận nơi này đủ không gian cho việc trưởng thành của một đứa trẻ. Nó quá nhỏ và quá giống một nơi nghỉ tạm. Giường của cô ta là loại có

thể nâng lên và gấp vào bên trong tường nhưng hôm nay không có ai gấp nó lại, mặc dù đã gần trưa. Đứa bé nằm trong một ngăn kéo. Burden ném cái nhìn khó hiểu vào vật thay thế cho giường cũi trẻ em này nhưng Wexford đã nghe nói về nó trước đây. Bà anh từng bảo với anh rằng đây là điều mà “người nghèo” làm chứ không phải kiếm một cái mà bà gọi là nôi.

Đó là một đứa trẻ da đen, hay đúng hơn là màu cà phê nhạt với gương mặt xinh đẹp và cái đầu quý tộc mà Wexford liên tưởng (có thể không đúng) đến người Somali. Tóc nó màu đen và xoắn tít như một cái mũ da lông cừu caracun trên hộp sọ cân đối này. Khá tỉnh táo và bình tĩnh, nó nâng hai cánh tay màu nâu bụ bẫm từ dưới chăn lên và vẫy trong không khí, nhìn những cái bóng di chuyển mà họ tạo ra trên bức tường trắng. Nếu đứa trẻ mới chỉ được sinh ra vào hai hay thậm chí là bốn tuần trước, Wexford nghĩ, thì chắc hẳn anh là Sherlock Holmes. Ước gì mình như thế thật.

Cơn giận đã được nung nấu trong suốt chuyến đi bây giờ đang trỗi dậy và đe dọa sẽ bùng nổ. Anh thấy vui mừng vì nhân vật Quickwood không có mặt. Hành xử bạo lực với gã đó đồng nghĩa rằng sự nghiệp của Wexford sẽ chấm dứt tại đây. Và anh sẽ phải nhận nhin việc tấn hấn một trận... Anh hít một hơi thật sâu, nhìn, một cách đúng đắn, gần như lần đầu tiên, người phụ nữ mà họ đến gặp. Cô ta là một kẻ bần cùng, anh nghĩ, sự tức giận của anh đang dần chuyển thành một kiểu tuyệt vọng, một phụ nữ gầy gò có chút già nua, bốn mươi tuổi với đôi mắt quá sáng cùng làn da trắng sữa, thiếu máu, gần như bạch tạng.

“Tôi muốn hỏi bà một vài câu, bà Lucas,” anh bắt đầu, giới thiệu Burden và ngồi xuống giường.

“Thực ra, tôi chưa có chồng,” cô ta nói nhưng với giọng điệu thấy có lỗi, gần như lấy lòng.

Không muốn chiếm lấy cái ghế bành duy nhất, Burden ngồi lên chiếc ghế nhà bếp. Anh ta cũng nhìn đứa bé và vẻ mặt trở nên trầm ngâm. Câu hỏi tiếp theo của Wexford làm anh ta ngạc nhiên.

“Tên của đứa bé là gì?”

“Elkanah,” Sharon Lucas nói.

“Thật chứ? Cô lấy tên đó từ trong Kinh Thánh à?”

Cô ta lắc đầu. “Anh có biết Elkanah Jones, người đóng vai Tiến sĩ Steadman trong chương trình Hải cốt đồng đội không? Trên ti vi ấy?”

Sẽ dễ dàng hơn khi chấp nhận và không hỏi gì thêm.

“Nó da đen, các anh thấy đấy, và còn rất đáng yêu.”

“Tôi dám nói điều này,” Wexford nói. “Elkanah của cô cũng là người da đen, đúng chứ? Cô thì không. Đó có phải là cha nó không?”

“Ồ không. Dù sao thì, tôi đã không gặp anh ta hàng tháng nay rồi.” Cô ta dường như chẳng hiểu rằng họ thấy lời giải thích này không đầy đủ.

Wexford chẳng thể nhớ ra khi nào anh lại trở nên quá lúng túng đến vậy. Trong tích tắc, anh thấy mình không thể nghĩ ra điều gì để nói với cô ta. Như kiểu anh không biết tiếng và họ đang không nói cùng ngôn ngữ. Cô ta dường như không nói bất kỳ ngôn ngữ nào mà anh cho rằng có thể thuộc về những đối tượng xa lạ khác nhau mình từng bắt buộc phải phỏng vấn. Cô ta đang nhìn anh với cặp mắt mở to, trống rỗng và đơn giản. Cô ta có vẻ chất phác vô tội khiến anh phải câm nín. Trong khi anh cố tìm điều gì đó để nói, thì Burden hỏi, “Cô đã có một chuyến đi tới châu Phi, đúng không, cô Lucas?”

“Một chuyến đi kỳ diệu,” cô ta nói.

“Và chuyến đi này được sắp xếp thế nào?”

“Gì cơ?”

Burden cố hỏi lại. “Kể cho chúng tôi nghe về chuyến đi của cô tới châu Phi đi, cô Lucas. Cô đã tới Nairobi, đúng chứ? Đó là một kỳ nghỉ à?”

Cô ta làm anh ngạc nhiên. “Đó là một đợt điều trị vô sinh.”

“Ở châu Phi?”

Với cái lắc đầu gần như phản nộ, cô ta nói, “Việc điều trị diễn ra ở đây. Chúng tôi phải ăn những thứ đặc biệt, uống vitamin và không được dùng rượu hay cà phê. Chúng tôi làm thế trong sáu tháng. Rồi chúng tôi tới Nairobi để tìm kiếm sự kỳ diệu.”

“Đó là cái gì?” Wexford hỏi, cảm ơn Burden vì đã dựng trước bối cảnh.

“Tôi không biết về những người khác. Tôi chưa bao giờ gặp lại họ. Họ không đến từ những khu vực lân cận. Tôi đến một nhà hộ sinh. Đó là một

căn nhà, rất đẹp và sạch sẽ, có một bác sĩ mặc áo choàng trắng và hai y tá. Họ đều là người da đen. Vị bác sĩ tiêm cho tôi một mũi và tôi ngủ thiếp đi.”

“Đó là một mũi gây mê?”

“Vâng, đúng vậy. Khi tôi tỉnh dậy họ đặt đứa bé vào tay tôi.”

“Chỉ vậy thôi?”

“Y tá nói rằng ca sinh nở rất dễ dàng và tôi có thể rời đi cùng với Elkanah trong hai giờ nữa. Chúng tôi có mười người trên chuyến bay nhưng tất cả bọn họ đều đến từ những nơi khác nhau. Khi tôi về nhà với Elkanah thì người đàn ông đi cùng chúng tôi - họ gọi ông ta là một giao liên - đưa cho tôi hộ chiếu của Elkanah. Thật ngọt ngào vì nó đã có hộ chiếu ngay ở độ tuổi này.”

Đến lúc này khi việc xem những bóng tay mình tạo ra trên tường đã trở nên nhàm chán, Elkanah bắt đầu chuyển sang nhõng nhẽo. Sharon bồng nó lên cánh tay gầy như cây sậy, trông quá mỏng manh để chịu được sức nặng của thằng bé. Nhưng khi cô xốc nó lên vai, đôi má phúng phính màu nâu cọ vào xương hàm cô, một cái nhìn với vẻ chiều chuộng dịu dàng hiện lên trên khuôn mặt và khiến cô trở nên xinh đẹp. Wexford nhớ về một người phụ nữ khác với một đứa trẻ, một người phụ nữ mà thái độ đối với đứa trẻ lại trái ngược hoàn toàn, và trong khoảnh khắc anh dường như thấy được sự thờ ơ, lãnh đạm của Diana Marshalsen.

“Cô Lucas, phiền cô nói cho chúng tôi biết cô đã trả bao nhiêu cho Chuyến du lịch Kỳ diệu của mình?”

“Nó rất tốn kém. Họ giải thích thế.” Cô ta mang Elkanah vào bếp và lấy một bình sữa từ tủ lạnh nhỏ xíu. Lắc lắc một chút, sau đó cô ta bắt đầu vật lộn để giữ cái bình bên dưới vòi nước nóng đang chảy trong khi phải giữ tay đứa bé đang la hét tránh khỏi vòi nước càng xa càng tốt. Wexford tự hỏi thực tế nó bao nhiêu tuổi. Hộ chiếu sẽ cho biết - hoặc hộ chiếu giả này sẽ tiết lộ điều gì đó. Hài lòng vì sữa trong chai đã đủ ấm, Sharon ấn núm vú vào miệng Elkanah và ngồi xuống với nó, mỉm cười hạnh phúc. “Tôi đã phải thế chấp căn hộ của mình. Mười ngàn bảng. Nhưng đó là chi phí cho mọi thứ, việc điều trị ăn kiêng, chuyến bay, việc sinh nở và cả hộ chiếu của Elkanah.”

“Cô có đi làm chứ, cô Lucas?”

“Tôi làm việc buổi tối ở quầy thu ngân tại Tesco. Bốn tối một tuần. Mẹ tôi giúp để mắt đến Elkanah.” Cô ta dường như nhận ra, một cách lơ mờ, rằng cần phải giải thích cho những chi phí này nhiều hơn những gì mình đã đưa ra. “Tôi rất muốn có một đứa con, các anh thấy đấy. Tôi đã cố và cố. Tôi chỉ cầu mong có một đứa con thôi. Tôi đã từng nhìn những phụ nữ khác bên con cái của họ và tôi không biết tại sao mình lại không có lấy một đứa, tôi đã rất buồn vì điều đó.” Elkanah đang nhiệt tình mút sữa từ cái bình bằng tốc độ cực nhanh. Sharon vuốt ve đầu nó với sự dịu dàng vô hạn. “Nhưng giờ thì tôi ổn rồi,” cô ta nói. “Tôi đã có đứa con của riêng mình.”

“Và chúng ta sẽ phải lấy nó khỏi cô ta,” Wexford nói. “Chúng ta phải mang những đứa bé đi khỏi tất cả những người phụ nữ này, hoặc ai đó sẽ phải làm thế. Tôi hầu như cảm thấy mình thật nhẫn tâm khi làm chuyện đó. Thật nhẫn tâm khi đối mặt với chuyện này. Tại sao lại không giả vờ rằng chúng ta chưa từng nghe thấy bất kỳ điều gì về chuyện này từ Gwenda Brooks?”

“Dĩ nhiên là anh đang đùa rồi.” Burden nói nghiêm khắc, gần như quyết liệt. “Dĩ nhiên chúng ta phải đối mặt với chuyện này. Sao cơ, để những kẻ xấu kia tiếp tục đi lừa gạt những người phụ nữ ngốc nghếch ư? Tiếp tục thu về mười ngàn bảng một lần cho một trong những trò bẩn thỉu nhất mà tôi từng gặp chẳng?”

“Tôi đang đùa thôi, Mike ạ, nếu đùa là từ chính xác được dùng trong hoàn cảnh này. Đó chỉ là tôi muốn, chà, tôi muốn mọi người không quá độc ác. Nghe có vẻ ngớ ngẩn nhỉ? Một tay còm già như tôi. Vậy chúng ta sẽ gửi Hannah tới đại lý Du lịch Kỳ diệu, đóng vai một người sẵn sàng làm mẹ và rất mong có con?”

“Tôi cũng nghĩ vậy. Mặc dù anh sẽ không tin đâu, phải không? Rất nhiều phụ nữ cực kỳ muốn có con, họ đã chuẩn bị để nghĩ rằng mình có thể tới châu Phi, sinh con mà không cần mang thai và đem về một đứa trẻ châu Phi như là con của chính họ?”

“Tôi đã học thuộc lòng một điều gì đó Bertrand Russell từng nói. Để xem tôi có thể nhớ lại được không. ‘Thực tế thì một quan điểm phổ biến

không thể là bằng chứng dù nó có hợp lý đến đâu đi chăng nữa. Thực sự, chỉ vì sự ngu dại của phần lớn nhân loại mà đức tin phổ biến cũng trở nên ngớ ngẩn thay vì là thông thái’.”

“Đó không phải đau đẻ, cô gái ạ,” Mary nói. “Cô đang bị co thắt tử cung Braxton-Hicks đấy. Nghĩa là có thể đứa trẻ sẽ ra đời trong vòng một hoặc hai tuần. Hoặc có thể sớm hơn.”

Sylvia nhắc cơ thể to lớn của mình lên khỏi ghế sofa. “Tôi có hẹn với Ben nhưng tôi quên khuấy mất. Giờ đã đến giai đoạn tôi chỉ muốn dừng lại. Ý tôi là tôi chỉ muốn vượt qua nó thôi. Bà có nhận ra điều gì không? Trừ phi bà có mà không nói với tôi, chúng ta chưa nghe một tin gì từ Naomi trong vòng hai ngày qua.”

“Tôi có.”

“Và có chuyện gì đó xảy ra đã ngăn cản bà nói cho tôi nghe.”

Mary ra khỏi bếp, biến mất trong hai phút và quay trở lại với một chai soda có vị hoa cơm cháy và hai cái ly. Bà ta đổ đầy hai ly, đưa một ly cho Sylvia và nói, “Tôi không biết cô sẽ cảm thấy ra sao nhưng bằng cách nào đó, tôi nghĩ cô sẽ không thích điều này lắm đâu. Phụ nữ không hề thích, ngay cả khi họ chẳng còn quan tâm đến người đàn ông kia nữa.”

“Vì Chúa, đó là gì vậy?”

“Naomi và Neil sẽ kết hôn trong hai tuần nữa.”

Sylvia nhắm nháp ly của mình. Cô đặt nó xuống. “Chẳng liên quan đến tôi, phải không? Nếu không phải cô ta thì cũng sẽ là một ai đó khác thôi. Dù sao thì, tôi bỏ anh ta rồi. Tôi không phàn nàn điều gì cả.” Cô nhắm mắt, nói chậm rãi, “Đúng, tôi cho rằng mình quan tâm, tôi không thích nó. Ồ, tôi thật ngốc nghếch, Mary ạ.”

Cô bắt đầu khóc, những giọt nước mắt tuôn trào dưới hàng mi khép kín của cô. Mary đến bên cạnh và nắm lấy tay cô.

Mặc chiếc áo khoác lông thú mượn của mẹ, Hannah lên chuyến tàu lúc mười giờ năm mươi một phút khởi hành đến Luân Đôn từ Kingsmarkham. Cô vận một chiếc quần dài vải flannel màu xám, đôi giày cao đến mắt cá chân và quần quanh đầu chiếc khăn lụa thêu họa tiết yên cương và ngựa bằng đồng thau. Ăn mặc như vậy làm cô cảm thấy chán nản và không tự nhiên. Chưa bao giờ trong cuộc sống thực tế của mình, cô có ý định mặc một chiếc áo lông chồn, đội khăn trùm đầu hoặc mặc quần với áo khoác dài. Ít nhất cô cũng cảm thấy ấm. Cô sẽ không bị đôi giày cao gót hay bộ đồ bó nào cản trở trong trường hợp phải chạy hoặc leo cầu thang. Cô tháo khăn trùm đầu khi lên tàu và cảm thấy khá hơn một chút.

Vì đã từng học đại học ở Luân Đôn, Hannah biết nơi này khá rõ. Cô bắt chuyến tàu điện ngầm từ Victoria tới Green Park rồi đi bộ. Thời tiết thực sự không lạnh như ở Sussex - gần như vậy - nhưng cô vẫn phải trùm lại khăn. Người ta nói rằng Luân Đôn ấm hơn bởi vì có những đường ống nước nóng. Điều này là thật sao? Cô băng qua Nicky Clarke, một tiệm làm đầu, và có suy nghĩ ngớ ngẩn rằng mọi người bên trong hẳn phải đang nhìn cô, nghĩ rằng cô ăn mặc thật lỗi thời biết bao và mái tóc của cô hẳn phải kinh khủng lắm mới cần phải che lại.

Đại lý Du lịch Kỳ diệu còn cách một đoạn đường phía trước. Nó nhìn không giống một cửa hàng máy mà giống một văn phòng với cửa sổ hình cánh cung bị lọt thỏm giữa hai ngôi nhà cao tầng sang trọng kiểu Georgia. Phải nhấn chuông cửa thì mới được vào. Cô sẽ là người cuối cùng họ cho vào nếu biết mục đích thực sự của cô khi đến đây, Hannah nghĩ. Cô nhấn

chuông cửa và cánh cửa vang lên một tiếng gầm gừ nho nhỏ cho phép cô đẩy nó mở ra.

Bên trong văn phòng nhỏ bé và ấm cúng, một phụ nữ trẻ với mái tóc vàng dài ngồi ở chiếc bàn chất đầy tài liệu quảng cáo thông thường. Tấm thảm màu xanh ngọc rất dày và mềm, đồ nội thất được làm từ gỗ đỏ và thép. Trên bức tường là những tấm áp phích thông thường, quảng cáo những kỳ nghỉ mát ở Sharm-el-Sheik, Innsbruck, Penang và Rio de Janeiro nhưng tất cả đều được đóng khung thép.

“Tôi có thể giúp gì cho cô?”

Hannah ước gì mình có thể làm móng giống như bao cô gái khác nhưng cô không thể. Nó thuộc về nguyên tắc. Người phụ nữ đó có bộ móng rất đẹp, chúng rất dài, rõ ràng là đã được người ta kéo thêm ra, trên mỗi móng tay lại có một bức tranh nhỏ vẽ bãi biển nhiệt đới với bãi cát bạc, những cây cọ và biển xanh óng ánh. Cô nhìn chúng thêm khát, dời ánh mắt ra chỗ khác và bắt đầu nói mục đích mình đến đây.

“Tôi nghe nói các vị tổ chức, ờ, các chuyến đi kỳ diệu.” Cô có thể nói rằng mình có vẻ hơi hộp, nhưng không sao. Bất kỳ ai hỏi về một vấn đề như vậy đều sẽ hơi hộp.

Cô gái nói một cách dè dặt, “Chúng tôi là đại lý Du lịch Kỳ diệu. Cô có biết ai gợi ý về chúng tôi sao?”

“Bà Brooks,” Hannah nói và khi thấy điều này dường như không hiệu quả, thì bất ngờ nhấn mạnh. “Bà ta giới thiệu tôi đến chỗ ông Quickwood.”

“À, vâng.” Giọng của cô Bãi biển Nhiệt đới dần trở nên lịch sự hơn và Hannah lưu tâm đến điều này. Cô chắc chắn đã tạo được ấn tượng đúng. “Vâng, thật tuyệt vời. Tôi có thể biết tên cô không?”

“Anna Smithson,” Hannah nói. “Và địa chỉ của cô?”

Hannah cho địa chỉ của mình. Ai có thể chứng minh rằng không có Anna Smithson sống ở đó?

“Cô dự định tận hưởng loại du lịch kỳ diệu nào?”

Đã đến lúc cho một sự bày tỏ thẳng thắn, một sự mở cửa trái tim giữa phụ nữ với phụ nữ. “Tôi đang mong mỏi có một đứa con. Tôi đã thử mọi cách. Du lịch Kỳ diệu là hy vọng cuối cùng của tôi. Tôi đang cực kỳ thất

vọng, tôi nghĩ mình sẽ làm một điều gì đó, vâng, một điều ngu ngốc, đặt dấu chấm hết cho sự sống nếu không thể có một đứa con. Cô có nghĩ tôi ngu ngốc quá không?”

Nói vậy là trái với ý muốn của Hannah. Những từ này gần như mắc kẹt trong cổ họng, nhưng cô nhận ra sự ghen ngào lúng túng này lại khiến mọi việc tiến triển tốt. Điều này còn tốt hơn gấp mười lần so với việc đề cập đến vấn đề một cách trôi chảy. Một tia đồng cảm đã xuất hiện trong đôi mắt màu xanh thủy tinh của cô nàng Bãi biển Nhiệt đới.

“Tốt nhất là cô nên nói điều này với giám đốc điều hành của chúng tôi nhưng chiều nay ông ấy mới đến. Cô có thể quay lại vào lúc ba... à, ba giờ ba mươi được không?”

Tất nhiên là Hannah có thể. Ra ngoài trong thời tiết lạnh giá như thế này thật không đành lòng và không có cái xe nào để chui vào cả. Ý cô gái kia “đến” có nghĩa là gì nhỉ? “Chiều nay ông ấy mới đến?” Có thể nói rằng ông ta sẽ không đến Luân Đôn, hay sẽ không bước ra khỏi giường? Chắc không phải vậy sau. Wexford đã bảo hãy đi mua sắm. Tại sao không chứ? Xuất hiện trở lại với một cặp túi Bond Street chỉ có thể làm cho vẻ ngụy trang của cô thêm chân thật khi cô quay lại, và cô đã không mua sắm thứ gì cách đây khá lâu rồi...

Trên sàn bê tông bên ngoài ngôi nhà, thay vì chiếc Volvo thì lại có một chiếc Toyota màu đỏ mới tinh đỗ ở đó. Khi lại gần xem xét kỹ hơn, hóa ra nó không thực sự mới lắm và, mặc dù đây là một món quà từ Ross, nó được đem đến vì cần thiết chứ không đơn giản chỉ là lòng hào hiệp. Rick đã cố gắng xóa sổ cái xe Volvo bé nhỏ, mặc dù nó rất bền, bằng cách đẩy lùi nó xuống con phố một chiều và đâm - một cách dữ dội và thảm khốc hơn nó có thể bị trong những vụ đâm xe - vào một chiếc Land Cruiser hai cầu^[16] đang đậu bên lề đường.

“Mọi người nói tôi rất vụng về,” Rick nói. Hắn biểu lộ một cái nhìn tiếc nuối, đi khắp khiêng với đầu gối bên trái kêu răng rắc, cánh tay phải quàng băng đeo từ cổ tay bị bong gân và một khung thạch cao che phủ trán từ chỗ hắn đập mạnh vào gương chiếu hậu. “Tôi chưa bao giờ nhìn thấy cái xe đấy. Tôi đã nói với gã chủ xe là tôi đoán rằng mình bị đột quỵ. Thề có Công nương Diana là tôi không bị vậy nhưng đó là tất cả lời giải thích cho chuyện này.”

Burden lắc đầu. “Anh rất may mắn khi có một người anh trai, đúng không?”

Rick ném cho anh một cái nhìn bức bối. “Chẳng phải tôi luôn nói thế sao? Tôi chắc chắn mình hiểu ý nghĩa của lòng biết ơn.”

Hắn bắt đầu cuộn một điếu thuốc lá. Burden có thể thề rằng cái đĩa đựng súp được sử dụng như gạt tàn đó đã không được làm sạch kể từ lần cuối anh ở trong nhà này. Anh nghĩ mình đã nhận ra đầu điếu thuốc bị xoắn lại một cách đặc thù và có vết dầu mỡ bên trên. Có một ngón nghề khiến người bị tra hỏi cảm thấy bị bất ngờ và trong khi Barry Vine hỏi thêm Rick về sự cố trên đường thì Burden chuẩn bị công kích.

Burden hỏi, “Ross quen Lydia Burton được bao lâu rồi?” Là một chiến thuật gây sốc, nhưng nó lại không hiệu quả một cách đáng thất vọng.

“Anh ta hiện đang ở với cô ta, phải không?” Rick nói, giọng điệu thường xuyên chán nản không thay đổi. “Một người phụ nữ đủ cho bất kỳ gã đàn ông nào, nếu anh hỏi tôi. Anh có tới hai người phụ nữ, họ đều rất bận rộn làm việc. Có nghĩa là cả hai người họ sẽ đeo tiền từ anh và nếu một trong hai người cuỗm đi ngôi nhà anh đang ở thì người còn lại sẽ thừa nốt lũ trẻ của anh.”

Naomi có vẻ phấn khích. Thời tiết lạnh rất hợp với cô ta, cô ta nói vậy. “Thực sự tôi đang rất hạnh phúc, Sylvia ạ. Tất cả những tháng ngày qua tôi đã phản đối việc kết hôn nhưng bằng cách nào đó, khi Neil cầu hôn tôi, đầu

gối tôi có cảm giác bủn rủn. Nó có nghĩa là người đàn ông đó thực sự yêu bạn, phải không, khi anh ta cầu hôn ấy?”

Thái độ này, một cách bất ngờ, làm Sylvia nhớ lại khi anh ta cầu hôn cô. Cả hai người họ đều trẻ và yêu nhau say đắm. Lúc đó trời không có tuyết mà là giữa mùa hè tràn ngập ánh trăng và cảm giác mà họ có, dĩ nhiên, là sẽ bên nhau đến trọn đời. Sylvia biết rằng cô nên nói mình hy vọng Naomi sẽ hạnh phúc. Cô nên cảm thấy hạnh phúc cho cô ta và Neil bởi vì cô đã đọc một bài báo sáng nay rằng những đứa con của cặp vợ chồng đã kết hôn với nhau sẽ lớn lên trong một môi trường ổn định hơn so với những cặp chỉ sống chung. Và hai người này lại đang sắp có một đứa con. Như để khẳng định điều đó, đứa con sắp ra đời của họ đập và cựa quậy thật mạnh. Cô có thể thấy được điều này, chứ không chỉ cảm nhận nữa.

“Tôi hy vọng cô sẽ hạnh phúc,” cô nói bằng giọng của một người nghe được tin xấu.

“Tôi nghĩ chúng tôi sẽ hạnh phúc. Đám cưới sẽ diễn ra vào thứ Bảy tuần này. Thực ra chúng tôi rất muốn cô đến nhưng tôi không nghĩ rằng...”

“Cô nghĩ không đúng rồi,” Sylvia nói. “Tôi không to như một cái nhà. Mà tôi to như cái đình vậy.”

“Chà, tôi không làm phiền nữa. Tạm biệt. Tôi sẽ gọi cho cô vào ngày mai. Và đừng lo lắng gì về chuyện tuyết rơi nhé. Nó sẽ tan thôi.”

Thực sự cô độc, những thằng bé thì đang ở trường và Mary đang làm việc tại bệnh viện Princess Diana, Sylvia thử gọi cho mẹ cô nhưng chỉ nhận được câu trả lời tự động. Chị cô đang ở một nơi gọi là Bora-Bora. Cô thậm chí còn không biết nơi đó ở đâu nhưng chắc hẳn vẫn có sóng điện thoại. Ý nghĩ cố gọi điện mà không được khiến cô chán nản. Cô nằm xuống sofa, cầm quyển sách mình đang đọc lên nhưng chẳng đọc được gì. Cô nhìn những bông tuyết đang rơi rải rác trên bãi cỏ, rồi bao phủ nó đến mức không còn thấy những nhánh cỏ đâu nữa. Xem sơn khô được cho là điều chậm nhất bạn có thể làm; chờ đợi một em bé sinh ra còn chậm hơn. Và thường thường bạn sẽ nhận được phần thưởng cuối cùng là một em bé. Nhưng không phải lần này, chắc chắn không phải.

Tiêu một món tiền kha khá, nhiều hơn mức cô có thể kiếm được, vào một chiếc đầm dạ hội cho lễ Giáng sinh và một bộ vest, Hannah quyết định tiết kiệm bữa trưa bằng một chiếc sandwich trong một tiệm cà phê trên phố Oxford. Sau đó cô tự nói với bản thân, như thể tiết kiệm được mười đồng cũng chẳng thấm vào đâu so với tiêu một phát vài trăm đồng. Cô đi bộ về Carlos Place, mang theo hai cái túi xách hào nhoáng và nghĩ về Bal. Những ngày này, họ hiếm khi nói chuyện với nhau. Cô vẫn nghĩ về việc mặc đầm dạ hội đi chơi với anh trong đêm Giáng sinh. Cô nghĩ về việc anh bất thành linh mời cô ra ngoài theo cái cách cô không thể từ chối và rõ ràng anh đã có sự thay đổi trong tim và muốn cô, thực sự muốn cô - một cách tự nhiên.

Cô nàng Bãi biển Nhiệt đới để cô vào và nói, “Giám đốc điều hành sẽ gặp cô bây giờ.”

Anh ta không có tên à? Hannah cứ tưởng rằng mình sẽ được nghe một cái tên nhưng khi cô được chỉ vào một phòng ở phía sau, người đàn ông trong đó chào cô, chỉ đưa tay ra bắt và nói rằng anh ta rất vui được gặp cô. Anh ta làm cô nhớ đến David Suchet chơi Poirot nhưng không có hàm ria. Ở đó không có tấm áp phích cũng như tờ quảng cáo nào cả, mà chỉ là một phòng khách nhỏ với đầy đủ đồ nội thất của Pháp từ thế kỷ XVIII. Hai bức tranh trên tường nhìn có vẻ giống tranh của Gainsborough^[17]. Người ngồi đối diện cô là một phụ nữ rất trẻ mặc váy trắng cổ trễ và đội chiếc mũ trắng khổng lồ bao phủ bởi ruy băng và lông vũ. Có cái gì đó kỳ lạ về căn phòng làm cô bối rối và sau đó cô nhận ra nó không có cửa sổ.

Anh ta mời cô thuốc lá. Đây không phải lần đầu tiên Hannah được mời thuốc lá trong suốt mười năm qua nhưng có lẽ chỉ mới là lần thứ ba.

“Ồ không, cảm ơn anh,” cô nói.

“Bà không phiền nếu tôi làm một điếu chứ?”

“Dĩ nhiên không rồi. Anh cứ tự nhiên.” Cô tặng anh ta một nụ cười buồn bã. “Tôi không biết người phụ nữ trẻ kia nói với anh như thế nào, chà, tôi

đã tuyệt vọng muốn có một đứa con làm sao. Chồng tôi và tôi, ý tôi là thế, chà, tôi sẽ đi tới bất kỳ đâu, làm bất cứ thứ gì...”

Anh ta cười, nhả ra làn khói thuốc xanh. “Bà sẽ không phải làm gì nhiều đâu, bà Smithson. Tôi hy vọng điều mà bà cần làm chính là sự thư giãn. Bay một chuyến thoải mái tới một vùng tuyệt đẹp ở châu Phi, ở trong một khách sạn tuyệt hảo, một chuyến du lịch hai đêm tới khu hoang dã và - và bà sẽ có thứ bà muốn ở cuối chương trình.”

Giá như cô có thể ghi âm lại điều này nhưng quả thực nó sẽ khó được chấp nhận trước tòa... “Tôi sẽ thực sự sinh con ở cuối chương trình sao?”

Anh ta không trả lời. “Tôi tin là bà đã nói chuyện với bà Brooks, đúng chứ?”

“Đúng vậy.”

“Tốt. Thế thì bà sẽ biết cần phải chuẩn bị một vài thứ. Thời hạn thông thường là sáu tháng, trong lúc đó khách hàng cần bồi bổ sức khỏe và tập thể dục.”

Cô nhấn mạnh. “Có phải tôi sẽ... sẽ sinh con ở Nairobi?”

“Sự thực là nhà hộ sinh có những tiện ích tuyệt vời và đội ngũ nhân viên đã qua đào tạo gồm hai nhân viên y tế cao cấp. Sam sẽ đưa cho bà một tờ gấp quảng cáo về cách thức tiến hành và chế độ ăn kiêng, vân vân. Nhưng tôi không muốn hối thúc bà bất cứ điều gì. Tôi muốn bà nghiên cứu kỹ tờ gấp quảng cáo và những thông tin khác, thảo luận vấn đề với chồng bà rồi sau đó trở lại đây gặp tôi. Tôi tin là bà đang sống ở Kingsmarkham phải không?”

“Đúng vậy.”

“Thực tế là tôi có một căn nhà ở gần Pomfret. Có lẽ bà sẽ muốn đến gặp tôi ở đó khi nào bà chắc chắn về quyết định của mình.”

“Tôi đã quyết định rồi,” Hannah nói.

Anh ta mỉm cười theo kiểu của một người cha. “Không, bà Smithson, tin tôi đi, bà chưa đâu. Bà cần nghĩ thêm về chuyện này và rồi, nếu bà muốn, hãy đến gặp tôi một lần nữa. Thực tế là, bà có thể gọi cho tôi theo số ở đây và chúng ta sẽ đặt lịch hẹn.”

Họ bắt tay lần nữa. Anh ta không nói cho cô biết tên và tránh phải xác nhận mục đích của Chuyến du lịch Kỳ diệu. Cô đã đề cập đến việc sinh nở và những đứa trẻ nhưng anh ta không tỏ vẻ gì cả. Cô phải khâm phục kỹ năng của anh ta khi gọi những bác sĩ là “các chuyên viên y tế” thay vì bác sĩ sản khoa. Bên ngoài, trong văn phòng nơi Sam Bãi biển Nhiệt đới đưa cho cô một xấp giấy được gói lại khá đẹp, Hannah hỏi cô ta vị giám đốc tên gì.

“Ồ, ông Arlen. Norman Arlen. Tôi chưa nói à?”

Cô có thể biến những xấp giấy này thành cái lược răng khít, như Wexford đã nói, mà không cần đọc lấy một từ cũng biết mục đích của chuyến du lịch là để có được một đứa trẻ, hộ chiếu cho đứa trẻ đó và đem nó về nước. Những từ như “đứa trẻ” và “sinh đẻ” không thấy xuất hiện trong này. Một chuyên gia giải mã những ghi chú bí ẩn có thể không tìm thấy gì ngoài quảng cáo về một chuyến đi đến châu Phi, điều duy nhất kỳ lạ ở đây là chi phí quá cao. Bảng thực đơn ăn kiêng đính kèm - một cuốn sách bằng giấy bóng nhỏ gọn, có màu sắc tươi sáng - không đưa ra lý do tại sao người đọc lại cần ăn khoai lang, củ cải trắng, ớt, dưa, uống vitamin tổng hợp, bạch quả và cây vuốt quỷ. Tại sao lại đề nghị thịt rừng vốn có sẵn tại một số chợ ở Luân Đôn - Hannah chùn lại trong nỗi kinh hoàng trước vấn đề này - không hề được giải thích.

“Điều làm tôi choáng váng,” Wexford nói, “là những loại thực phẩm này đều có nguồn gốc từ châu Phi hoặc được tìm thấy ở châu Phi. Như thế Arlen hoặc ai đó viết cái danh sách này muốn trao cho các khách hàng cả tin của mình cái ý tưởng rằng ăn rau châu Phi bằng cách nào đó sẽ khiến họ phù hợp hơn để làm mẹ của những đứa trẻ châu Phi.”

Hannah chuyển sang tập tài liệu nêu ra các điều kiện và tiện nghi của chuyến du lịch. “Tốn đủ thứ,” cô nói. “Mười ngàn bảng dường như chỉ mới là chi phí cơ bản. Một khách sạn quá bình dân, không có sẵn xe hơi phục vụ. Một gói hạng nhất có thể làm bạn tốn đến hơn hai mươi ngàn.”

“Điều tôi đang thắc mắc là những đứa trẻ này đến từ đâu. Chúng bị bắt cóc à? Hay những bà mẹ nghèo khổ đã bán chúng?” Wexford hỏi. “Dù bằng

phương pháp nào thì cũng rất nghiệt ngã.”

“Nhưng đó là những gì chúng ta cần, phải không?” Burden nói. “Chúng ta làm mất uy tín của Arlen và bằng chứng ngoại phạm của Rick đối với Giấc mộng đêm hè theo đó sẽ sụp đổ. Bằng chứng ngoại phạm của Ross cho đêm mừng Mười tháng Tám cũng vậy.”

Wexford nhìn lên từ tờ gấp quảng cáo. “Anh đang hoang tưởng nặng đấy à? Lawson vẫn có thể đưa ra bằng chứng ngoại phạm của Rick vào ngày hôm đó, còn Ross thì không? Cả Rick và Ross đều không thật sự có bằng chứng ngoại phạm vào ngày mừng Một tháng Chín. Colin Fry tin rằng mình đang ở trong tòa nhà ngân hàng cũ với cả hai người họ, nhưng họ ở tầng trệt, còn anh ta thì ở trên tầng thượng. Một trong số họ có thể đã ra ngoài mà anh ta không biết. Và Megan đã nhận ra Ross là người mình nhìn thấy trong rừng Yorstone dù thực tế hắn đang đi nghỉ mát ở Tây Ban Nha.”

“Cô ta đã nhầm.”

“Gì cơ, hắn để cô ta tổng tiền mình khi biết cô ta không thể nhận ra hắn. Hắn vẫn bịt miệng cô ta? Hắn bảo Rick giết cô ta dù hắn có thể chứng minh rằng mình đang ở Tây Ban Nha? Tôi không nghĩ thế. Về chuyện đêm mừng Mười tháng Tám, chúng ta không thích Lawson và đề nghị giúp đỡ của ông ta. Chúng ta chắc chắn rằng toàn bộ câu chuyện của Lawson là một tấm thảm được dệt nên từ sự dối trá. Tuy nhiên, bởi thẩm đoàn sẽ tin ông ta, đặc biệt là khi Colin Fry nói xe của Rick đã bị hỏng, nó bị cạy ắc quy mà Colin đã tự mình thay vào ngày hôm sau, khi người anh chu đáo Ross đem xe về chỗ mình và thừa thời gian để sửa nó.”

“Và anh phải nhớ rằng, mặc dù nói đúng ra chúng ta không cần phải đưa ra động cơ, nhưng điều đó sẽ giúp chúng ta biết nó là gì. Chúng ta không có manh mối về động cơ của hắn. Rick giết các cô gái trẻ bởi vì hắn là một kẻ tâm thần?”

“Chúng ta không có bằng chứng để nói hắn như vậy. Nhưng hắn có khuynh hướng bạo lực, chúng ta biết vậy. Song đánh vợ và đập một người đàn ông bất tỉnh bên ngoài quán rượu không phải là tiền đề chính xác để giết hai cô gái không quen biết, dường như là ngẫu nhiên. Rick ghét phụ nữ bởi vì những tổn thương mà vợ hắn đã gây ra cho hắn? Vậy tại sao lại giết

hai cô gái mà không phải là những người vợ, hai cô gái mà hăn chưa gặp bao giờ? Trên hết - chúng ta chưa bao giờ tự hỏi mình rằng - hăn làm vậy để làm gì?”

“Ý của ngài là gì?”

“Tôi thà nghĩ,” Wexford nói, “rằng Rick sẽ làm bất cứ điều gì vì tiền. Hăn luôn cần tiền vì người vợ cũ đã cuốn tiền của hăn. Hăn còn giết người vì cái gì nữa? Và hăn đã làm thế. Tôi chắc chắn về điều này. Tôi gần như có thể nói mình biết chắc thế. Như Sherlock Holmes đã nói, ‘Sau khi đã loại hết các yếu tố không thể hay vô lý ra, cái còn lại dù có vô lý đến thế nào cũng phải là sự thật’. Điều không thể là Rick giết người đơn giản chỉ vì thù ghét hoặc cừu hận hoặc đam mê hoặc sợ hãi, vì vậy cái còn lại ở đây là tiền. Hăn đã giết người nhưng người khác mới tạo ra động cơ cho hăn. Hăn thực hiện những tội ác này vì tiền mà ai đó đã trả cho hăn thông qua Ross. Đó là điều mà Ross làm - giúp đỡ em trai bằng cách cho hăn một công việc. Rick rất cẩn thận nên vẫn chưa tiêu khoản tiền đó. Có lẽ sẽ không tiêu trong một thời gian dài.”

“Vậy hăn làm gì với số tiền đó?” Burden hỏi.

“Tôi đoán thử nhé? Không gửi vào tài khoản ngân hàng. Không mua các tài khoản tiết kiệm cá nhân hay trái phiếu quốc gia. Hăn không giữ tiền trong nhà vì sợ chúng ta sẽ tìm ra. Không, hăn đã chuyển hết cho Ross, cho người anh trai đáng mến, để giữ an toàn.”

“Điều này không giải thích được vì sao kẻ trả tiền lại muốn các cô gái chết,” Hannah nói.

Nghiên cứu một cách kỹ lưỡng tờ gấp quảng cáo và bảng chế độ ăn kiêng lần nữa, cô nhận ra có một điểm nhỏ nhỏ khi cô định gọi điện cho Norman Arlen. Cô định đến gặp anh ta ở Pomfret Hall càng sớm càng tốt. Quyết định duy nhất cần đưa ra là liệu cô có dám ghi âm cuộc nói chuyện hay không.

Ba ngày đã trôi qua kể từ lần viếng thăm của cô tới Du lịch Kỳ diệu ở Carlos Place và dường như đã đến lúc gọi điện cho anh ta. Người phụ nữ trả lời điện thoại nghe không giống cô nàng Bãi biển Nhiệt đới. Cô ta nói rằng ông Arlen không ở đây nhưng khi Hannah giới thiệu mình là bà Smithson

thì cô ta liền cho cô số của Pomfret Hall. Không phải Arlen nhắc máy khi cô gọi đến, nhưng cô nghĩ mình đã nhận ra giọng nói. Vài lần trong tháng qua cô đã nghe thấy giọng nói này, giọng ngoại ô vùng đông Luân Đôn mà người ta gọi là thứ tiếng Anh nhà quê. Anh chàng đó chuyển máy cho Arlen.

“Bà đã quyết định rất nhanh đó, bà Smithson.”

“Tôi đã nói với anh là tôi muốn làm điều này khi tôi gặp anh ở Luân Đôn.”

“Vâng, thực sự thì,” anh ta nói. “Tại sao bà không đến đây gặp tôi - vâng, thứ Ba tới được không? Thứ Ba, ba giờ chiều? Bà sẽ lái xe tới, đúng không?”

Hannah nói rằng mình sẽ lái xe tới mặc dù cô ngay lập tức nhận ra điều này không khôn ngoan. Cô sẽ đi taxi. Nhưng chủ nhân của giọng nói kia là ai?

Được triệu tập đến đồn cảnh sát lần thứ hai, Stephen Lawson lặp lại gần như từng từ mà ông ta đã nói lần trước nhưng có tô điểm thêm một chút. Những điều này gần khớp một cách phi thường với những thông tin được đưa ra bởi người phụ nữ ông ta đã đón ở quán bar về cuộc gặp của ông ta với “những người bạn ở khách sạn Cheriton Forest”. Điều này làm Wexford nhớ lại cái cách người phụ nữ khai rằng Lawson đã nói chuyện về việc huy động quỹ cho một tổ chức y tế tới châu Phi và nói quá nhiều về những đứa trẻ bị bỏ rơi như là rác rưởi.

Có sự liên quan nào giữa điều này và Du lịch Kỳ diệu không? Khi được hỏi, Lawson tuyên bố rằng mình chưa bao giờ nghe đến Arlen hay đại lý du lịch của anh ta. Wexford nhắc ông ta về cuộc gặp gỡ với Rick và chiếc xe bị hỏng của anh ta, và Lawson kết thúc việc khai báo của mình chính xác như đã làm vào lần trước. Sau đó Wexford nhận ra ông ta đã kể sự thật về mọi thứ trong buổi tối hôm đó, từ bữa ăn ở khách sạn Cheriton Forst tới chuyển đi một mình trên đường ngoại ô tới điểm đến cuối cùng là về nhà. Sự kiện thêm vào duy nhất là cuộc gặp gỡ của ông ta với Rick. Nhưng câu chuyện đã được tạo nên và mọi chi tiết đã được sắp đặt trước, có thể bởi Ross Samphire, anh chắc vậy.

Khi Lawson rời khỏi đồn cảnh sát và đi về phía chiếc xe, những bông tuyết đầu tiên bắt đầu rơi. Wexford ngấm tuyết rơi từ cửa sổ, quay người lại để nghe Burden nói, “Sẽ không kéo dài đâu. Nhất là vào thời gian này trong năm.”

Vì ngày sinh của đứa trẻ thứ ba sắp đến, Sylvia không dễ dàng nhận ra rằng những đứa trẻ lớn hơn đang xa cách cô. Có lẽ chuyện này đang dần nghiêm trọng. Nói đúng hơn là chúng đã lấy lại thứ cảm giác tin cậy và thoải mái chúng vẫn trao cho cô và cả hai đều nhìn cô bằng ánh mắt phần uất đầy bối rối. Đơn giản là chúng không hiểu được việc cô đang làm hoặc tại sao cô lại muốn làm thế. Dù chúng còn nhỏ, nhưng dường như chúng hiểu được, theo một cách bí ẩn nào đó, rằng đây không phải là cách mọi chuyện nên diễn ra. Đây không phải là cách mà mọi chuyện được chấp nhận theo truyền thống hay được cho là lẽ dĩ nhiên như thường lệ. “Đây là một sự sỉ nhục đối với xã hội và phong tục, gia đình. Cô có tự mình nhận ra không?”

Không, cô tự nhủ với bản thân, chỉ là cô nhận ra rằng những đứa con trai của cô lễ giáo và bảo thủ hơn, còn cô, một người trưởng thành, lại muốn mọi thứ trở nên bình thường và mãi bình thường như vậy. Điều cô đang làm là đúng. Có lẽ nó thậm chí còn không phải chuyện mới mẻ gì, vì cô không hề nghi ngờ rằng có những người phụ nữ đã làm điều này cho những phụ nữ khác và người đàn ông của họ, trong suốt quá trình lịch sử, chỉ là trong những giai đoạn hà khắc, nó chưa bao giờ được nói đến. Cô đã đúng, nhưng thái độ gần như tẩy chay của chúng khiến cô cảm thấy rất cô đơn. Mẹ cô, người mà cô luôn gần gũi, đã tỏ thái độ lạnh nhạt với cô mấy tháng nay rồi. Đã một thời gian dài kể từ khi họ xây dựng thói quen làm yên lòng nhau bằng cách gọi điện thoại cho nhau mỗi ngày. Và cha cô, ông luôn tốt với cô, kể cả khi mới đầu, ông cảm thấy rất sốc. Nhưng cô biết ông không thực sự chấp thuận. Ông không thích điều đó.

Tuyết góp phần thêm vào cảm giác cô độc của cô. Tuyết vẫn rơi đều từ sau giờ ăn trưa, không phải loại tuyết có thể thổi bay theo gió trong trận mưa tuyết đột ngột, mà là tuyết nhẹ như lông chim rơi thẳng xuống, một bức màn che bằng những bông tuyết dày. Tuyết rơi lên bãi cỏ và đọng lại trên lá của đám cây bụi, ướt át và lấp lánh, trừ những hạt rơi trên đá mà lập tức tan ra khi vừa mới chạm vào. Hơi ẩm và ánh nắng mặt trời xuất hiện cùng nhau nhưng tuyết, giống như những cơn mưa nặng hạt, lại tách người ta ra khỏi thế giới, giam cầm người ta trong bức tường của sự cô đơn.

Khi tất cả đều chống đối lại cô, giờ đây cô rất mong mỏi Mary xuất hiện, vì sự vui vẻ và tinh thần lạc quan của bà ta. Nhưng hôm nay Mary phải làm việc ở Princess Diana, và bà ta đã đến đó từ thứ Sáu. Nếu tuyết rơi đủ nặng hạt, nếu các con đường bị đóng băng, Mary có thể sẽ không phải đến Stowerton ngày mai.

“Đừng có xuân ngốc thế,” cô nói to. “Nó sẽ tan thôi.”

Vì đã sở hữu chiếc áo khoác lông thú, Hannah mượn xe của mẹ để lái đến Pomfret Hall. Có hai lý do để làm thế. Cô chưa bao giờ cân nhắc một cách nghiêm túc về việc sử dụng xe cá nhân mà vốn là tài sản của cảnh sát và có thể dễ dàng bị nhận ra. Một chiếc taxi là lựa chọn đầu tiên của cô. Tuyết vẫn rơi nhưng đã ngớt và dự báo thời tiết nói rằng nhiệt độ sẽ tăng lên trong đêm.

Cô tỉnh dậy và thấy tất cả trắng xóa, tuyết rơi nặng hạt và gió thốc mạnh. Hai hãng taxi cô gọi đều kiên quyết từ chối để tài xế của họ lái trên những con đường ngoại ô trong thời tiết này. Đó là lúc Hannah quyết định phải đến Myringham và mượn chiếc xe hai cầu từ mẹ cô, một con quái vật to lớn màu bạc, gầm cao và bên trong ấm cúng. Không có giấy phép trên kính chắn gió, con quái vật không có chỗ dành riêng trong bãi xe của đồn cảnh sát, vì thế Hannah phải đỗ nó ở chỗ máy tính tiền đỗ xe trong bốn giờ trên phố High Street.

Những ngày này, cô và Bal hiếm khi nói chuyện. Thêm vào đó, anh đã ra ngoài với Wexford để tới gặp Lydia Burton, trường của cô ta đã đóng cửa vì thời tiết xấu. Burden thì ở Princess Diana, nơi một “kẻ mang thuốc bất hợp pháp trong người,” đang ở ngưỡng cửa của thần Chết, được phẫu thuật vì những vết thương bởi túi cocaine bọc trong dạ dày hằn. Cô đã nói với anh ta và Wexford rằng mình sẽ gặp lại Norman Arlen ngày hôm nay nhưng cô vẫn nói với Damon Coleman trước khi đi, chỉ để chắc chắn.

Cái con quái vật này rất thú vị, rất phiêu với cảm giác bay bổng trên xa lộ và hàng rào, đã tầm mắt đến nỗi Hannah ước gì mình không phải chỉ đi hơn mười một cây số. Thậm chí những bông tuyết rơi nhẹ nhàng và những bãi cỏ phủ đầy tuyết còn bồi đắp thêm vào niềm vui sướng, mang lại cho cô ảo ảnh như mình đang được rèn giữa giữa những vùng hoang vu của Nam Cực, giống như những nhà thám hiểm người Scott hay Amundsen (nhưng được trang bị tốt hơn) hiện nay. Cô phải nhắc nhở bản thân một cách nghiêm túc rằng những phương tiện như thế này đã bị xếp vào loại không thân thiện với môi trường. Để tham gia vào cuộc chiến chống lại thay đổi khí hậu và ấm lên toàn cầu, mỗi người cần sắm cho mình một chiếc ô tô điện.

Ngã rẽ ra khỏi Pomfret trên phố High Street đủ rộng cho hai xe tránh nhau không một chút khó khăn, mặt đường đã được giải tỏa và rải đá mịn, nhưng trong gần hai cây số kế tiếp cô phải tiến vào một con đường hẹp và sâu, với lớp tuyết còn nguyên. Con quái vật xử lý vấn đề một cách dễ dàng.

Cô đi thật chậm, gió trên cao tiếp tục thổi cho thấy một cảnh tượng mà các nhà dự báo thời tiết gọi là “giáng thủy”^[18] từ con đường lên trên những cánh đồng. Vài nhân viên của Normal Arlen đã dọn dẹp con đường dài lái xe vào nhà của anh ta và cô lái thẳng đến cửa trước mà không vướng víu gì ngoài những bông tuyết mỏng manh rơi rải rác rồi tan chảy dưới ánh nắng yếu ớt.

Nơi này đã khiến Burden thấy ấn tượng. Nó cũng dọa Hannah một chút. Ngoài trừ được thấy qua tranh ảnh hay ngắm nhìn từ xa, Hannah chưa bao

giờ được chứng kiến những con sông rộng hay những ngọn đồi xanh bạt ngàn thế kia.

Hannah ra khỏi “con quái vật,” đặt chân lên những bậc thang bên tay trái và, sau khi trầm ngâm một hai phút để cân nhắc mục đích mình đến đây, cô kéo cái chuông cửa hình thanh kẹo đường.

Một người phụ nữ vận áo choàng và quần màu đen ra mời cô vào. Bà ta không nói gì khi Hannah cho biết tên mình là “bà Smithson” ngoại trừ gật đầu và dẫn cô đi qua một sảnh lớn, dọc theo một hành lang rộng hơn những căn phòng cỡ trung. Burden đã nói gì đó về cuộc gặp gỡ với Arlen ở nơi mà anh mĩa mai là “phòng khách màu vàng”. Do đó Hannah biết, khi cuối cùng họ cũng đến nơi - một căn phòng chất đầy sách, lộng lẫy với những đồ gỗ tối màu và bàn ghế da - là Arlen đã chọn một địa điểm khác cho cuộc hẹn với cô. “Thư viện,” có lẽ anh ta gọi nó như thế. Gwenda Brooks đã đến đây chưa nhỉ? Cả Sharon Lucas nữa?

Cô ngồi xuống và chờ đợi. Năm phút sau, Normal Arlen xuất hiện, nhìn rất khác so với lần gặp ở Luân Đôn, mặc một chiếc áo khoác vải tuyết bên ngoài áo len cashmere và quần dài. Anh ta bắt tay cô rồi ngồi xuống đằng sau một cái bàn gỗ gụ lớn. “Thực tế là,” anh ta nói, “tôi sẽ chẳng ngạc nhiên nếu bà không đến, bà Smithson ạ. Bà lái xe đến đây trong thời tiết thế này ư?”

“Xe của tôi là loại hai cầu,” cô nói.

“Chà, xin chúc mừng bà vì đã vượt qua các tuyến đường nguy hiểm này.”

Cô nói với anh ta rằng cô đã nghiên cứu kỹ không bỏ sót chữ nào trong tờ gấp quảng cáo và bản cáo bạch, và vâng, cô không lăn tăn gì nữa mà muốn thực hiện kế hoạch này. Không dám đem theo thiết bị ghi âm, cô biết mình phải khiến anh ta mở miệng và tuyên bố một cách chắc chắn về những gì cô sẽ nhận được ở cuối chương trình. Bằng cách nào đó, cô phải khiến anh ta nói rằng cô sẽ quay trở về từ châu Phi với một đứa bé và hộ chiếu cho nó. Thay vào đấy, đến giờ, anh ta vẫn chỉ nói về việc cô nên bắt đầu chế độ ăn kiêng càng sớm càng tốt, tham khảo ý kiến với các cố vấn y tế của Du

lịch Kỳ diệu và những phương pháp không phải ăn kiêng đa dạng khác mà cô cần tiếp nhận.

“Tôi muốn có một đứa con,” cô nói kiên quyết, đưa tất cả sự chân thành và khao khát có thể gom được vào giọng điệu của mình. “Tôi sẽ làm mọi thứ vì điều này. Sẽ không thành vấn đề nếu tôi phải tiến hành ăn kiêng hay bất kỳ điều trị nào, miễn là tôi có một đứa con vào cuối chương trình.”

“Phải có một mức độ tin tưởng thế nào đó giữa chúng ta, bà Smithson ạ,” anh ta nói. Anh ta nhìn cô chăm chăm và cô phải ngăn mình không bị bối rối dưới sự quan sát kỹ lưỡng này. Cô phải thú nhận với bản thân rằng anh ta là một người đáng gờm. “Nếu bà không thể chấp nhận những gì được nói đến trong tờ gấp quảng cáo là đúng hoặc sẽ đúng thì chúng tôi không thể tiến hành vụ làm ăn này được. Bà đã gặp bà Brooks. Ông Quickwood đã nói với bà về những gì được đảm bảo và những gì đáng mong đợi.” Anh ta chưa nói. Liệu cô có nên nhờ cậy anh ta trước? “Sự thật là, bà Smithson ạ, một khi bà đã trả tiền đặt cọc và bắt tay vào các kế hoạch khác nhau thì những lời hứa trong tờ gấp quảng cáo sẽ được thực hiện.”

Cô bắt đầu đảm bảo với anh ta rằng mình tin anh ta, cô thực sự tin, chỉ có điều là dường như chuyện này quá mức lý tưởng, rồi cánh cửa đằng sau cô mở ra và có ai đó bước vào phòng. Arlen nhìn lên và gật đầu. Có vẻ như anh ta đang mong đợi người này. Người mới đến đi về phía bàn làm việc, vòng qua nó tới bên Arlen và thì thầm điều gì đó với anh ta, rồi ngược lên nhìn cô. Cô đã ngăn mình thở hốt hển một cách đầy khó khăn.

Đó là Stephen Lawson, người đã cung cấp bằng chứng ngoại phạm cho Rick Samphire.

Những cơn gió mạnh, mà dường như không hơn một cơn gió lộng ở Kingsmarkham, thổi hơn một trăm mười kilomet một giờ trong các ngôi làng xa xôi. Nó thổi bay tuyết khỏi những cánh đồng, len lỏi vào những khúc cua sâu trong những con đường hẹp; nó đánh đổ một cây sồi cao mười

lăm mét chẵn ngang đường giữa Myland và Thatto, chặn tất cả các lối ra vào Hurst Thatto lẫn một số ít nhà cửa ở đó.

Vào lúc hai giờ chiều, Sylvia cảm thấy cơn đau đẻ đầu tiên. “Cảm ơn Chúa vì điều này,” cô nói. Cơn đau thứ hai kéo dài đến nỗi cô bần khoản không biết mình có nhằm không. Nhưng không. Cô sẽ không gọi cho Mary. Không cần bắt bà ta ra ngoài trong thời tiết như thế này trước khi bà ta buộc phải làm thế. Hơn nữa, trận tuyết trái mùa kỳ lạ này, mà mọi người đều cho rằng sẽ không kéo dài, có thể sẽ ngừng lại. Nghiên cứu nó cực kỳ từ cửa sổ phòng ăn, cô nghĩ mình có thể nhận ra nó đang ngớt dần. Những bông tuyết đã nhỏ hơn. Sau đó cô thấy rằng một chiếc xe có thể đi xuyên qua nhưng rất khó khăn.

Có lẽ cô nên gọi cho Mary ngay bây giờ. Để nửa tiếng nữa xem sao. Người bạn đang đưa lũ trẻ từ trường về nhà sẽ giữ chúng lại với cô ấy nếu cô ấy không dám vượt qua màn tuyết này. Cô phải gọi thêm một cuộc điện thoại nữa cho người phụ nữ đó. Cô sắp sinh rồi. Chà, chỉ vài giờ nữa thôi, có thể là bảy hoặc tám giờ. Một sự liều lĩnh tuyết vời - luôn là thế.

Mình sẽ phải đến bệnh viện Princess Diana để sinh, cô nghĩ, và sẽ không có ai ở đó biết cả Neil lẫn Naomi hoặc chuyện mình sẽ không được giữ đứa bé này. Họ sẽ chúc mừng mình. Họ sẽ nói, “Xin chúc mừng, bà Fairfax. Bà có một cậu nhóc hoặc một cô nhóc vô cùng đáng yêu.” Và mình thậm chí còn không dám bồng nó.

Nhưng họ sẽ dọn sạch các con đường. Họ đã làm rất tốt việc xúc tuyết trong năm nay. Mình nên gọi cho mẹ để thông báo mình sẽ đến bệnh viện trong một tiếng nữa hoặc hơn. Cô ì ạch đi vào phòng khách và nhắc điện thoại lên. Nó tắt ngấm như điện thoại đồ chơi, tắt ngấm như bị tháo phích cắm ra vậy. Cô có thể đi bộ đến chỗ Mary không? Quãng đường cũng chỉ khoảng gần hai trăm mét thôi mà. Trong trận tuyết thế này? Tuyết rơi không nhiều bằng tuyết đọng lại. Cô có thể tưởng tượng ra mình bị trượt chân ngã và không thể đứng dậy được nữa. Như thế muốn dạy cô một bài học, một cơn đau kéo đến khiến cô càng lúc càng không thể cử động được. Cô dựa vào thành bàn, bám chặt vào nó và hít thở chậm rãi. Cơn đau giữ lấy cô, dồn ép xuống, lấy hết sức lực của cô rồi buông tha cô. Thật tốt khi cơn đau

ngừng lại, cô nghĩ, ngừng lại gần như rất tốt rồi. Trời bắt đầu tối dần. Cô cố gắng bật đèn nhưng nhà mất điện. Cô đứng trong bóng tối nhá nhem, cảm thấy dòng chất lỏng đang chảy xuống chân mình. Dịch ối của cô đã vỡ.

Một chiếc chìa xoay trong ổ. Cô hít một hơi thật sâu, rồi ra ngoài sảnh gặp Mary.

“Tôi bắt đầu rồi.”

“Được rồi tôi hiểu. OK, cô gái, dọn dẹp nơi này một chút và tôi sẽ xem cho cô trong một phút nữa. Không còn đường nào để tôi có thể đưa cô đến Princess Diana. Một cái cây bị đổ và con đường bị chặn rồi.”

Đôi mắt xám của Sylvia mở to. “Chúng ta phải làm gì đây?” Còn ai tuyệt vọng hơn một người phụ nữ đang đau đẻ? “Chúng ta phải làm gì, Mary? Nhà không có điện và điện thoại cũng không hoạt động.”

“Đúng, nhưng điện thoại di động của cô thì có thể, tình yêu ạ. Cô không nghĩ đến nó, đúng không? Vì vậy có hai việc chúng ta có thể làm. Tôi có thể gọi cấp cứu và xem họ có thể đưa một chiếc trực thăng đến đây hay không. Hoặc cô có thể có một ca đỡ đẻ ở nhà thật ngon lành, yên tĩnh với sự có mặt của một nữ hộ sinh lành nghề.”

“Ít nhất lúc này chúng ta cũng không bị mất điện,” Dora nói. “Em chỉ hy vọng trời sẽ không lạnh cóng và sau đó em có thể ghé qua Thatto. Sylvia đã bắt đầu đau đẻ. Con bé gọi cho em bằng điện thoại di động của nó. Cái điện thoại dù-anh- gọi-là-gì của nó không hoạt động.”

“Điện thoại bàn.” Wexford thở dài. “Anh không thể dành nhiều sự quan tâm cho đứa trẻ này, anh lo là vậy. Anh nghĩ mình đã rèn luyện bản thân không như thế.” Anh nhìn ra ngoài cửa sổ. “Em có thể đưa nó đến Princess Diana nếu em muốn. Anh phải ra ngoài lần nữa đây. Họ đang dọn dẹp các con đường rồi.”

“Con bé không thể đến Princess Diana. Một cái cây bị đổ đã chặn ngang con đường. Mary Beaumont đang ở đó với nó.”

“Có thể sẽ tốt hơn nếu em không đến đấy,” anh nói. “Em không muốn chứng kiến việc cháu mình bị trao cho Naomi Wyndham đâu.”

“Và anh cũng không quan tâm, em nghĩ vậy.”

Wexford trở nên cao lớn hơn đến nỗi áp đảo cả cô. Đứng trước mặt Dora, nắm lấy bả vai cô, khiến cô trong khoảnh khắc trở thành tù nhân của mình, anh nói, “Dora, điều tồi tệ nhất đang đến. Nếu chúng ta chống lại nhau thì ai sẽ đứng về phía chúng ta? Chúng ta phải đoàn kết, thật lòng với nhau, chứ không phải xa lánh nhau. Giờ anh chuẩn bị đi đây. Hôn anh một cái nào.”

Cô hôn anh. Khi anh rời cô ra, anh thấy cô đang khóc.

Donaldson lái xe đưa Wexford tới Brimhurst Prideaux. Trận tuyết đã ngừng từ hai tiếng trước, nhiệt độ dần tăng lên và lớp tuyết dày mười phân đang bắt đầu tan chảy. Nước chảy vào trong các đường ống cống và một cơn mưa bụi bắt đầu rơi. Những giờ không còn con đường nào bị chặn hay làn đường nào không thể đi qua nữa. Trận bão tuyết kỳ dị của tháng Mười một đã kết thúc đột ngột như vậy.

Mặc dù Wexford không mấy quan tâm đến những vụ bê bối tình ái của Ross Samphire nhưng anh vẫn định gọi cho Lydia Burton để lấy được bất kỳ thông tin nào cô ta có thể đã chuẩn bị kể cho anh về anh em nhà Samphire. Giống như tình trạng chuyển viếng thăm lần trước của anh cùng Sĩ quan Bhattacharya, không có ai ở nhà cả. Donaldson lái xe chậm rãi xuống đường Mill, xuyên qua những lẫn tuyết tan được một nửa và các vũng nước. Hoàng hôn buông sớm và anh nhìn thấy căn nhà số ba dãy Jewel đã hoàn toàn chìm trong bóng tối. Có lẽ cô ta lại đi hẹn hò bí mật tại căn hộ của Colin Fry rồi. Anh vẫn phải quyết định, anh nhắc nhở bản thân, hành động như thế nào để xử lý chuyện này. Đưa hân ra tòa vì mở nhà chứa hay chỉ đơn giản nói với hân rằng những hành vi của hân cần phải chấm dứt ngay? Đột ngột anh nhớ lại một điều gì đấy. Vào cái đêm Amber bị giết, Lydia Burton đã ra ngoài với một người đàn ông, ăn tối với anh ta ở đâu đó. Anh ta đã đưa cô ta về nhà bằng xe của mình lúc nửa đêm. Là Ross hay một ai khác? Giờ có vài thứ anh phải tìm ra, vì Ross đã tuyên bố mình đi chơi với Norman Arlen vào tối hôm đó...

Những ngọn nến được thắp trong sảnh và phòng khách. Ngọn đèn dầu đơn mà Sylvia và Mary có thể tìm thấy được để ở trong phòng ngủ của Sylvia. Mary đốt hai lò sưởi than nữa nhưng không có gì để đun.

“Bà sẽ làm gì để đun nước sôi đây?”

Điều này làm Mary bật cười. “Đun nước sôi chỉ có trong sách vở thôi, tình yêu ạ.”

Người bạn đón hai đứa trẻ của Sylvia từ trường về đã gọi điện lại cho cô và nói rằng cô ấy sẽ đem chúng về nếu có thể hoặc sẽ giữ chúng lại qua đêm. Khi chuông cửa vang lên, Mary đã nghĩ đến một người. Nhưng không phải. Đó là Naomi.

“Cô đến nhanh thật. Nhưng đứa trẻ vẫn chưa ra đời.” Naomi nhìn rất thâm trầm. Với Mary, người chưa bao giờ thấy cô ta trong tình trạng ít chải chuốt hơn, ít nước hoa và son phấn hơn hiện tại, cô ta trông xuống sắc, giống như một sinh vật quần trí rồi bời, tóc thả tung, nước mắt rùng rùng trên mặt, giày và quần sũng nước. Mary bảo cô ta vào, theo sau và giải thích tại sao Sylvia lại không thể đến nhà họ sinh.

“Tôi không muốn thấy cô ta nữa,” Naomi nói. “Tôi không bao giờ muốn thấy cô ta nữa.”

“Vậy tại sao cô lại đến?”

“Tôi đã quyết định đến. Tôi thấy cái cây đổ, tôi phải bỏ xe lại bên kia đường và đi bộ. Đó là lý do tại sao tôi ướt nhẹp như thế này. Tôi phải đến. Giờ bà đã ở đây và tôi không phải nhìn thấy cô ta nữa. Để tôi kể cho mà nghe.”

“Naomi,” Mary nói, “cô nên cởi giày và tất ra. Sylvia có thể cho cô mượn giày. Cô ấy đi cùng cõ với cô.”

Naomi hất giày ra và cởi tất. Đôi bàn chân dài nhỏ của cô ta trắng bệch vì lạnh và ướt đến nỗi khi cô ta nhấc chân bước đi thì nước nhỏ ra từ các ngón. Biểu hiện trong ánh mắt của cô ta đối với Mary là ánh mắt của người đã nhìn thấy một cảnh tượng khủng khiếp, ảo ảnh quá kinh khủng và tàn tạ đến nỗi không bao giờ quên được. Nhưng trước khi Mary hỏi chuyện, giọng Sylvia từ trên lầu vọng xuống, “Mary, Mary....”

“Tôi sẽ quay lại ngay. Ngồi bên lò sưởi và sưởi ấm đi. Tôi sẽ rót cho cô một cốc nước nóng khi tôi quay trở lại.”

Trèo lên gác, Mary quyết định không kể cho Sylvia biết ai vừa tới. Nếu Sylvia nghe thấy giọng nói, cô ấy sẽ không thể nói đó là ai, căn nhà này quá lớn, quá nhiều ngõ ngách. Cho dù điều gì đã khiến Naomi trở thành như thế này, thì tốt hơn hết là một người phụ nữ đang đau đẽ không nên biết về nó. Mary đi về phía chiếc giường và kiểm tra Sylvia.

“Sẽ ổn thôi, cô gái ạ,” bà ta nói. “Mọi thứ sẽ diễn ra một cách trôi chảy nhưng cô còn cả một chặng đường phải đi. Cứ hét lên nếu cô muốn. Không ai để ý đâu.”

“Ai là không ai cơ?” Sylvia nói trong hơi thở hỗn hển. “Tôi nghe thấy giọng phụ nữ.”

“Chỉ có người hàng xóm nhà bên của tôi đi quyên góp cho Cứu trợ Trẻ em thôi mà.”

“Nghe giống Naomi.”

“Thật á?” Mary nói, “tôi nghĩ có vài người nói nghe giống giọng cô ta đấy, tình yêu ạ. Tôi sẽ tổng khứ người đó đi và sẽ quay lại sau.”

“Tôi không muốn uống nước nóng,” Naomi nói. “Tôi đến để kể cho bà chuyện gì đã xảy ra. Tôi nghĩ mình phải nói cho Sylvia nhưng tôi mừng là mình sẽ không phải làm thế Tôi không bao giờ muốn thấy mặt cô ta nữa.”

“VẬY cô nói đi.”

Naomi hơ đôi chân cạnh đồng lửa, rướn người về phía trước, nhìn chăm chăm vào đầu gối. “Neil đi rồi,” cô ta bắt đầu. “Tôi đã tổng khứ hẳn đi. Tôi không biết hẳn sẽ đi đâu và tôi cũng chẳng quan tâm. Hẳn nói với tôi, Mary ạ, ‘Chúng ta sẽ kết hôn vào ngày mai và, chà, chúng ta cần thú nhận về quá khứ của mình. Ý anh là, những chuyện chúng ta đã làm và nghĩ rằng sẽ tốt hơn nếu cho người kia biết’.” Cô ta nức nở và trong chốc lát vục mặt vào hai bàn tay. Mary im lặng chờ đợi, nghĩ về người phụ nữ ở trên lầu. “Tôi chẳng có gì nhiều để nói với hẳn,” Naomi nói với giọng tan nát. “Tôi đã nói cho hẳn mọi thứ kể từ ngày đầu chúng tôi ở với nhau.” Cô ta ngẩng đầu lên và nhìn vào mặt Mary.

“Nhưng anh ta có thể không?”

“Bà biết gì à?”

“Tôi không biết gì cả, cô gái ạ. Và tôi phải quay lại chỗ Sylvia trong một phút nữa.”

“Hắn nói với tôi rằng họ có được đứa bé này. Đó không phải là cái mà người ta vẫn gọi là AI - thụ tinh nhân tạo. Mà họ đã quan hệ với nhau. Họ đã quan hệ với nhau. Ngay tại đây. Một buổi chiều tháng Hai hắn đã đến đây để thụ tinh nhân tạo. Và hắn nói rằng cô ta bảo, ‘Chúng ta cũng có thể làm việc này. Theo một cách dễ dàng và chắc chắn hơn’. Đó là những gì hắn kể. Hắn đã không trung thực với tôi về cô ta và đây là hậu quả. Tôi không muốn đứa trẻ này. Tôi không bao giờ muốn nhìn thấy nó. Tôi không thể chịu được khi chạm vào nó. Bà hãy nói với cô ta như thế.”

Rõ ràng Stephen Lawson đã nhận ra cô trước khi cô nhận ra ông ta. Đó là điều mà ông ta hẳn đã thì thầm vào tai Norman Arlen. Họ sẽ tổng khứ cô ra ngoài và điều đó sắp diễn ra. Cô đứng dậy. Arlen nói, bằng một giọng điệu khác hẳn những giọng điệu hẳn ta đã từng dùng trước đó, “Ngồi xuống, bà Smithson. Hay tôi nên nói là Trung sĩ thám tử Goldsmith đây nhỉ?”

Không còn gì để phủ nhận nữa. Cô gật đầu, nói, “Rất tốt, tôi sẽ đi.”

“Tôi không nghĩ vậy.”

Đây không phải lần đầu tiên Hannah nhìn thấy một người đàn ông đang lăm lăm khẩu súng. Trong những ngày đầu khi cô đi tuần tra, một tên “Yardie” đã dùng một khẩu súng ngắn nòng bị cưa gần hết bắn cô và viên đạn đã sượt qua tai phải của cô. Một lần khác, một tên say rượu dính líu đến một cuộc ẩu đả trên phố mang theo súng hạng nặng khi cô và một sĩ quan khác xuất hiện, nhưng hắn chưa kịp khai hỏa thì đã bị khống chế. Hai tên đó đều cao to và ngông cuồng, nhưng Norman Arlen thì bình tĩnh khủng khiếp, hắn ta chỉ ngồi đấy, cầm thứ gì đó trong tay và nhìn cô chăm chăm. Nó giống một khẩu súng lục rất nhỏ, mặc dù bàn tay to bản của hắn ta đã che

nó đi. Cô có thể nhìn thấy nòng súng đang hướng thẳng về phía mình. Hẳn ta từ từ đứng dậy, bảo cô đứng lên, giữ khẩu súng hầu như lọt thỏm trong lòng bàn tay to bè. Cô đứng dậy, nhận thức được tình trạng của mình là nên làm theo những gì được bảo.

Thành viên băng nhóm tội phạm ở Jamaica.

Stephen Lawson đi về phía cô, trượt cái áo choàng lông thú ra khỏi vai cô và kéo hai cánh tay cô lại với nhau. Cô đã thấy lão ta rất đáng ghét từ lần đầu gặp ở đồn cảnh sát. Cần phải làm gì đó với đôi môi dày sừng vù của lão ta. Tay lão ta chạm vào da cô, làm cô nổi hết gai ốc. Và rồi đến một cái rùng mình co giật mạnh cô không thể giấu giếm.

“Sợ ư, cô Goldsmith? Cô đóng kịch giỏi lắm.”

Cô nghĩ Lawson sẽ trói hai tay cô lại nhưng lão ta đã sử dụng còng tay. Điều này làm cô hoảng sợ hơn là khẩu súng.

“Tôi không biết tại sao ông lại làm thế này,” cô nói, giận dữ với bản thân vì giọng cô nghe có vẻ đứt quãng và yếu ớt. “Anh ta đã không nói gì với tôi cả.”

Arlen mỉm cười.

“Họ sẽ đến tìm tôi.”

“Có lẽ vậy,” hẳn ta nói. “Và họ sẽ tìm thấy cô. Trong chiếc xe bị trôn trượt trên băng và đâm vào bức tường chắn tại cầu Yorstone. Vụ tai nạn khủng khiếp thứ hai xảy ra tại đó. Không nghi ngờ gì chuyện này sẽ nhắc nhở về một số biện pháp an toàn nghiêm ngặt cần được áp dụng cho cây cầu và đường Yorstone.”

Chúng kéo cô ra khỏi phòng, dọc theo một hành lang khác và đi vào một căn phòng giống như phòng của người hầu cách xa nhà bếp. Ở đó có một chiếc giường đơn, một tủ quần áo, một cái bàn và một cái ghế. Cửa phòng tắm khép hờ. Cô thầm cầu nguyện rằng cuối cùng chúng cũng sẽ tháo còng tay cho mình nhưng chúng đã không làm vậy. Chúng hành xử thô bạo với cô cho đến khi cô ngồi lên giường, sau đó bỏ đi, khóa trái cánh cửa nhìn rất vững chắc.

Có một cửa sổ nhưng nó có cửa chớp và những cánh cửa chớp đều đã bị đóng. Phòng tắm không có cửa sổ, chỉ có một cái quạt có lẽ sẽ dùng được

nếu bật đèn. Cô thấy mình có thể bật đèn lên bằng cách tì vai vào nút công tắc. Nước đã đầy một nửa bồn tắm. Cô nghĩ một trong số bọn chúng sẽ phải xả đầy nó từ vòi nước lạnh để cô không bị mất nước. Điều này khiến cô có chút cảm giác động viên. Nếu chúng định giết cô trong một tiếng nữa hoặc hơn thì chúng đã không thêm để nước lại cho cô.

Theo lý thuyết khi những kẻ giống như hai tên này nhốt ai đó làm tù nhân, chúng sẽ không bao giờ giết họ ngay mà giam họ ở đâu đó vài giờ thậm chí là vài ngày trước đã. Cô thường băn khoăn về vấn đề này. Liệu có thực sự là vậy hay việc trì hoãn chỉ là một công cụ cho phép đạo diễn duy trì sự hồi hộp và sau đó có thể quay cảnh một cuộc giải cứu thành công? Đôi khi, tất nhiên, nó được tạo ra để yêu cầu một khoản tiền chuộc. Nhưng một khoản tiền chuộc sẽ không được áp dụng với cô. Chúng không muốn tiền, chúng đã có tiền và muốn kiếm thêm nữa. Chúng muốn cô không ngáng đường bọn chúng. Cái chúng định làm ở châu Phi cũng như ở đây hẳn phải đủ sinh lời và khủng khiếp tới mức giết cô là cần thiết. Tuy Arlen nói rất ít, chỉ một vài từ hoặc cụm từ về một phòng khám và các bác sĩ...

Damon biết cô đã đi đâu. Bình tĩnh nào, cô nghĩ, bình tĩnh nào.

Wexford hiện đang đứng trước cửa và anh quên mất mình đến để hỏi gì. Chỉ có duy nhất một câu trả lời phải tìm ra lúc này và anh không có lý do gì để nghĩ rằng mình sẽ thấy nó ở đây. Mặc dù anh chưa bao giờ xác định được động cơ, nhưng anh đã tìm ra thủ phạm. Có lẽ anh đến căn nhà này nhằm làm dịu đi mối lo không ngừng về đứa trẻ Brand. Để trấn an mình rằng sau khi khép vụ án này lại, thì anh cũng có thể để lại đằng sau những lo lắng về đứa con trai nhỏ của Amber. Một lời hứa hy vọng từ người ông của Brand, có lẽ, một ánh mắt yêu thương từ người bà kế của Brand, sẽ giúp anh. Hoặc những tin tức từ một ai đó hay những người khác rằng nhà Hilland hay chị gái của Diana muốn nhận nuôi nó.

Anh đã đứng ở bậc cửa trong thời tiết giá lạnh được vài phút, nghĩ về các khả năng và làm thế nào hy vọng có thể thực sự kéo dài được mãi mãi. Cuối cùng, anh rung chuông cửa. George Marshalson ra mở, ông ta đã trở nên già nua, lưng gù xuống và đầu cúi về phía trước như thể đang nhìn chăm chăm vào một thế giới đầy tội ác. Wexford nghĩ ông ta đã già đi hai chục tuổi trong vòng bốn tháng qua. Ông ta không còn bước đi nữa, mà là lết. Giọng ông ta đứt quãng và the thé hơn. Những lời đầu tiên của ông ta đã giết chết hy vọng của Wexford.

“Vợ tôi cho thằng bé đi ngủ rồi, cảm ơn Chúa. Tôi không thể chịu được, anh biết đấy, không thể, ở độ tuổi của tôi. Tất cả những năng lượng đó; tất cả những tiếng ồn đó. Thằng bé không biết mệt là gì. Chỉ trừ phi nó đi ngủ. Nó sẽ gào lên ngay khi bà ấy xuống.”

Wexford nhún vai. Anh không có ý kiến gì về chuyện này. Anh theo Marshalson vào trong phòng khách được thiết kế nội thất và ngồi ở cái ghế theo phong cách phương Đông. Mũi, trán và tay các vị thần được sơn chọc vào lưng anh.

“Chúng tôi gần như đã đi đến cuối vụ này, ông Marshalson ạ.” Có lẽ đó là điều mà anh tới để nói với ông ta. Anh nghĩ có thể người đàn ông này sẽ hứng thú. “Tôi sẽ tiến hành việc bắt giữ sớm thôi.”

“Thành thực mà nói, tôi không quan tâm,” Marshalson nói. “Tìm thấy kẻ đã giết con gái tôi cũng không làm nó sống lại được. Tôi thường nghe người ta nói thế trên ti vi và tôi chế nhạo họ. Tôi chế nhạo Chánh thanh tra.” Nước mắt chảy ra từ đôi mắt ông ta. Chuyện thường tình, Wexford nghĩ. Những người đàn ông cao tuổi yếu ớt khóc lóc rất dễ dàng và Marshalson lại càng có nhiều lý do để khóc. “Giờ thì tôi đã biết nó có nghĩa là gì. Tôi không quan tâm. Tôi không quan tâm đến cái gì nữa. Con bé không phải là một người hoàn hảo, anh biết đấy. Vâng, dĩ nhiên là anh phải biết rồi. Con bé vô đạo đức, theo tiêu chuẩn cũ của tôi. Nó tham lam, lười biếng và vô trách nhiệm, nhưng tôi nguyện làm tất cả mọi thứ để nó quay về với mình.”

“Tôi hiểu được cảm giác của ông.”

“Vì thế đừng nói với tôi về chuyện đó nữa. Đừng nói với tôi là anh sẽ bắt ai và tại sao. Đi lên và nói với vợ tôi ấy. Anh sẽ tìm thấy bà ấy trong phòng ngủ của thằng bé. Anh không thể không tìm thấy bà ấy, tiếng ồn là do hai người họ tạo nên.”

Wexford rất mừng vì được bỏ lại người đàn ông bất hạnh, có nỗi buồn gọi lên trong anh lòng thương hại gần như khiến những giọt lệ phải dâng trào trong mắt. Chuyện xảy ra với nhà Marshalsen mà anh đã chứng kiến cũng đang lặp đi lặp lại với những bậc cha mẹ mất con khác. Sau cú sốc khủng khiếp ban đầu, họ dường như đã chinh đốn, cân bằng lại bản thân và tập quen với nỗi mất mát của mình. Nhưng sau một thời gian, nhiều tuần hay thậm chí nhiều tháng, toàn bộ hiện thực về những gì họ đã phải chịu đựng lại kéo đến bao vây họ.

Một sự phiền muộn đau thương, ngu si dần đến, lãnh đạm, cay đắng và không còn hy vọng có thể khuây khỏa được, cuốn họ vào trong vòng xoáy tàn nhẫn của nó, sự giam cầm mà họ không bao giờ tự mình thoát ra được trong suốt cả cuộc đời. Những người không còn khóc kể từ khi họ là những đứa trẻ sẽ bật khóc nức nở khi nhắc đến tên của một người đã khuất.

Anh bắt đầu bước chậm chậm lên lầu. Anh đã từng lên đây trước kia nhưng chỉ để lục soát phòng của Amber. Cánh cửa căn phòng đó đã đóng nhưng một cánh cửa khác ở phía cuối hàng lang đang mở, ánh sáng từ bên trong chiếu rọi ra. Có một cái gì đó ngập tràn hy vọng và ấm áp đến kỳ lạ bắt nguồn từ thứ ánh sáng hắt ra từ cánh cửa đang mở vào khoảng không tăm tối. Những giọng nói lọt vào tai anh, là của bà ta và Brand, giọng cười đùa vui vẻ, giọng trẻ con hân hoan. Anh đứng im lặng ở lối vào, nhìn họ và khi thấy khuôn mặt của họ, anh đã hiểu.

Điều này làm anh cảm thấy sốc đến nỗi trong chốc lát anh khó thốt nên lời.

Với sự xuất hiện của bóng tối, trời trở nên lạnh hơn và những mảng tuyết tan chảy một nửa đã đóng băng trở lại. Bal về tới căn hộ anh ở cùng với người bạn luật sư của mình, nghĩ rằng sẽ làm việc mình đã lặn tẩn cả mấy tuần nay: gọi điện cho Hannah và mời cô ra ngoài đi uống chút gì đó sau chuyển đi kinh khủng kia, chuyển đi tới Taunton đã bị chết yếu, mà anh thấy ăn năn. Bal thích từ đó, nó diễn tả một cách chính xác nhất cảm giác của anh. “Ăn năn” - nhiều hối tiếc và ít hối hận hơn. Anh đã cư xử như một kẻ tự phụ. Không chỉ đạo đức và tự mãn, mà anh còn xử sự giống như một ai đó gấp đôi tuổi mình với hành vi và nguyên tắc của một người gấp ba tuổi mình. Và giờ anh không còn hiểu được tại sao anh lại làm những việc mình đã làm. Anh đã bị sao vậy nhỉ? Dám nói với một người phụ nữ thông minh rằng anh sẽ không quan hệ với cô cho đến khi họ chính thức quen nhau? Từ chối ngủ với người phụ nữ xinh đẹp nhất được biết đến dựa trên cơ sở các nguyên tắc của vài cô trình nữ tuổi teen về gìn giữ mối quan hệ trong sáng cho đến khi họ hoàn toàn hòa hợp với sở thích và nhu cầu của nhau?

Có khả năng là cô sẽ không bao giờ nói chuyện với anh nữa trừ phi liên quan đến công việc nhưng anh có thể thử. Anh sẽ là tên ngốc nếu đến thử cũng không dám làm. Bạn cùng nhà của anh đã ra ngoài. Còn lại một mình trong phòng khách, anh quăng người lên chiếc sofa và quay số điện thoại của cô, chuẩn bị ứng phó với giọng nói của cô bảo anh những gì anh có thể làm và nơi anh có thể đến. Không trả lời. Chà, mới có bảy rưỡi. Anh gọi lại

vào số di động của cô. Cô nhất định sẽ trả lời. Họ biết mình luôn phải trả lời. Chuông điện thoại cứ reo và reo, rồi đột ngột ngắt tín hiệu. Kỳ lạ.

Anh lấy cho mình một lon Coca từ tủ lạnh, quay trở lại và gọi tới đồn cảnh sát. Không, Trung sĩ Goldsmith đã đi rồi.

“Đi đâu?”

“Về nhà, tôi nghĩ vậy,” viên sĩ quan trực ban trả lời. “Tôi đã không thấy cô ấy kể từ khi đến đây lúc bốn giờ.”

Không, dĩ nhiên là không rồi, Bal nghĩ. Cô ấy đã đi gặp Norman Arlen. Tới Luân Đôn bằng tàu hỏa. Anh đã nghe Damon nói với Wexford khi họ quay trở lại sau nỗ lực sớm thất bại gặp được Lydia Burton. Anh lường lự trong giây lát và gọi vào số của Damon. Khi Hannah nói cô ấy sẽ đến Luân Đôn, lúc đó là mấy giờ? Khoảng mười một giờ, Damon nói. Có thể cô ấy đã ở lại Luân Đôn một chút, Bal nghĩ, gặp một người bạn hay đi mua sắm gì đó. Không cần phải là người thông minh mới hiểu được, tất cả phụ nữ đều thích mua sắm. Dĩ nhiên cô có thể đã về nhà nhưng hiện lại không có ở nhà vì cô đã ra ngoài với một gã nào đó. Còn điều gì có khả năng hơn thế? Anh nghĩ rằng cô sẽ ở nhà đêm này qua đêm khác, mong mọi anh sao? Họ có thể đang ăn tối ở đâu đó lúc này, cô sẽ trông thật tuyệt như những lần đi ăn tối cùng anh, và khi người mới của cô đưa cô về nhà, hẳn ta sẽ không ngu ngốc đến mức mà bỏ cô ra về chỉ với một nụ hôn ngọt ngào.

Bal vào bếp, ủ rữ lấy cho mình một gói đồ ăn sẵn hiệu Marks & Spencer's trong tủ lạnh.

Đã có điện ở Pauceley và Thatto đúng lúc Mary đỡ đứa bé của Sylvia ra đời. Sylvia đã hét lên một tiếng thật lớn và rặn nhát cuối cùng thật mạnh, rồi đứa trẻ xuất hiện một cách đầy bất ngờ khi căn phòng ngập tràn ánh sáng rực rỡ.

“Một bé gái đáng yêu nhỏ nhắn,” Mary nói; bế đứa trẻ trên tay khi nó khóc toáng lên mạnh mẽ. “Và không quá nhỏ nhắn. Tôi sẽ rất ngạc nhiên

nếu nó nặng chưa đến bốn cân.”

“Tôi không biết nó nghĩa là gì. Quy ra pound thì là bao nhiêu?”

“Tôi sẽ cân con bé bây giờ đây. Đây, giữ lấy nó.”

“Không, không, tôi không thể! Nó không được phép đến gần hơn. Đem nó đi đi. Ôi, lạy Chúa, Chúa ơi, đem nó đi đi.”

Mary chưa nói gì với cô. Và bà ta đã kể lại, một cách nhanh chóng, khi những giọt nước mắt giàn giụa trên khuôn mặt Sylvia và cô với tay lên đỡ lấy con của mình. Mary nhìn họ bên nhau, rồi để họ lại với nhau. Đã có điện, vậy bà ta sẽ có thể pha trà. Khi pha xong, bà ta đặt một cái bánh mình tự nướng lên trên cái đĩa lớn, nhấc khay lên rồi quay trở lên lầu. Sylvia đang vuốt ve đứa bé, hạnh phúc lan tỏa trên khuôn mặt cô, một nụ cười nửa miệng và ánh mắt tràn đầy yêu thương.

“Có thật không,” Mary hỏi, “chuyện giữa cô và Neil ấy?”

“Cho tôi ăn ít bánh, được không? Tôi đang đói quá. Dĩ nhiên là thật rồi. Dù gì thì, anh ta cũng là chồng tôi nhiều năm rồi. Tại sao lại phải kể với cô ta chuyện ngu ngốc đó? Tôi sẽ không bao giờ làm thế. Nó không phải một cô bé xinh xắn sao? Tôi sẽ không từ bỏ nó, bà biết đấy, và điều đó sẽ giết chết tôi mất.”

“Cô định gọi nó là gì?”

“Mary. Gì nữa không?”

Tin Mary được sinh ra đến tai Wexford khi Donaldson lái xe đưa anh về Brimhurst. Giọng hưng phấn của vợ anh ngày càng nồng nhiệt đến nỗi anh khó mà ngắt lời cô được, anh tắt điện thoại với một ấn tượng lộn xộn về việc chia tay của Neil và Naomi, sự ra đời đầy hứng khởi của đứa cháu gái nặng chín pound rưỡi cùng “hành động kinh khủng và vô đạo đức” không giải thích nổi của Sylvia.

“Tôi không bao giờ muốn thấy hay nghe thêm về bất kỳ một đứa trẻ nào cho đến khi chết nữa,” anh nói.

“Gì cơ, thưa sếp?” Donaldson nghe có vẻ khá sốc.

“Không gì. Tôi nghĩ mình đang hơi lớn tiếng.”

Ngày mai anh sẽ hạ lệnh bắt giữ và sẽ kể với họ tất cả. Không, kể cho Burden trước, rồi đến Cảnh sát trưởng, và đến những người đã làm việc chăm chỉ từ đầu đến cuối. Cái kết khủng khiếp này...

Mặc dù đã quyết định sẽ đến nhà Hannah, nhưng Bal vẫn cố gọi cho cô vài lần nữa trong buổi tối hôm nay. Anh cố gắng gọi vào điện thoại di động của cô và khi nhận ra nó đã tắt nguồn, anh bắt đầu cảm thấy càng lúc càng lo lắng. Hannah chưa bao giờ tắt điện thoại. Anh nhớ lại tất cả những bữa tối đơn thuần họ đã ăn cùng nhau, tất cả những lần đưa cô về nhà một cách đúng phép tắc. Có vài lần điện thoại di động của cô reo và cô luôn nhắc máy. Một lần anh đã cảm thấy phiền và đề nghị cô, vì Chúa, tắt cái thứ đó đi, giờ không phải lúc dành cho công việc. Nhưng cô không làm thế. Sẽ không. Vậy giờ, tại sao cô không bắt máy?

Mười giờ, anh gọi cho mẹ cô ở Myringham. Hannah đang ở cùng bà đúng không nhỉ?

Bà Goldsmith dường như không thấy câu hỏi này kỳ quặc. Hannah không ở cùng bà ấy. Bà ấy đã không gặp cô kể từ sáng nay khi con gái đến mượn xe của bà.

“Mượn xe của bác? Nhưng cô ấy định đi tàu đến Luân Đôn mà.”

“Nó bảo tôi rằng nó đến Pomfret,” mẹ của Hannah nói.

Có thể cô đã gặp vấn đề gì đó ở Pomfret, đúng không nhỉ? Lần đầu tiên anh đúng. Cô đã ra ngoài với một ai đó. Cô sẽ không cảm ơn anh vì cứ gọi tới nhà cô lúc nửa đêm, đặc biệt nếu gã kia còn đang ở cùng cô, nhưng có quỷ mới biết. Anh phải làm thế, nếu không anh sẽ chẳng ngủ được.

Điện thoại di động của cô nằm trong túi áo lông thú của mẹ cô. Và giờ nó thuộc sở hữu của Arlen. Chúng cũng lấy túi xách của cô. Hannah muốn biết bây giờ là mấy giờ. Đồng hồ của cô trên cổ tay nhưng cho dù cố hết sức có thể, vặn cổ tay đã bị còng cho đến khi có thể cử động sang trái, rồi sang phải, cô vẫn không thể xem được giờ. Thậm chí cô còn không thể thấy được cái đồng hồ vì tay áo len đã che mất nó. Cô nằm xuống giường vì không có gì khác để làm và suy nghĩ về hoàn cảnh khốn khổ của mình. Nhiệm vụ đầu tiên của một tù nhân là trốn thoát. Cô lặp lại điều đó và lẩm bẩm đến lần thứ ba. Thế một tù nhân bị còng tay thì sao?

Chúng sẽ giết cô, đặt cô vào trong xe của mẹ cô, lái nó đến cầu Yorstone và đẩy nó xuống ư? Điều này sẽ cần hơn hai người để thực hiện, nhưng nhờ đâu Arlen có thể tập hợp được hơn hai người thì sao. Người phụ nữ mặc quần đen chẳng hạn. Damon sẽ kể với mọi người trước khi bất cứ điều gì như vậy có thể xảy ra. Anh ta sẽ kể với Bal hoặc Karen hoặc Wexford. Cánh tay trái của cô sắp tê rồi. Có phải Arlen đã chĩa một khẩu súng vào cô không nhỉ? Nhìn nó chẳng hơn gì một mảnh ống, thậm chí là một ống bìa cứng. Người ta sẽ làm thế nào khi óc phán đoán bị ảnh hưởng bởi nỗi sợ hãi?

Cô vào phòng tắm, cúi xuống bồn và uống một ít nước. Ngay lập tức cô có cảm giác nước này “có vị thật lạ”. Có vị hóa học trong đó, một chất gì đó có chứa sắt, kim loại, đại loại thế. Óc phán đoán của cô tìm đến trợ giúp cho cô, nói với cô rằng chính nỗi sợ hãi đã khiến cô nghĩ theo cách đó. Nước uống thường có vị như thế. Tại sao cô không nhét điện thoại di động của mình vào khe áo ngực hoặc thậm chí vào túi quần? Chúng đã không lục soát người cô. Cô nhận ra rằng chúng không lục soát người cô bởi vì chúng đã thấy chiếc di động qua nếp gấp trên chiếc áo lông thú.

Chúng sẽ giết cô theo kiểu nào đây? Không phải bắn chết. Không nếu chúng muốn cái chết của cô nhìn giống một tai nạn. Đẩy cô rơi khỏi cầu bên trong một chiếc xe hai cầu là quá đủ. Có thể chúng sẽ dựa vào đó... Cô ngồi trên giường và nghe ngóng. Nhưng khu vực bên dưới Tòa thị chính Pomfret lại hoàn toàn im lặng, không một tiếng bước chân, không một cánh

cửa đóng. Cô nghĩ, một cách ngớ ngẩn, mình muốn có một đêm với Bal trước khi chết, mặc dù khi chết đi thì điều này không còn quan trọng nữa...

Trước khi mày hoảng sợ, Bal tự nhủ, sao không thử gọi di động cho cô ấy lần nữa. Anh đã thử gọi lúc nửa đêm, khi không thấy nhấc máy, anh liền cởi bỏ quần áo và lên giường. Dĩ nhiên anh không tài nào ngủ được. Giấc mơ mà anh gặp chắc bắt nguồn từ thời điểm anh và Hannah đi thăm văn Gwenda Brooks, người phụ nữ đáng thương ấy đã chỉ cho họ thấy nhà và vườn của Norman Arlen trong một cuốn tạp chí. Anh và Burden đã tới đó và anh đã thấy một vật mà giờ anh chắc chắn đó không thể là một khẩu súng. Anh mơ thấy mình nhặt cái thứ không phải khẩu súng đó lên và nó phát ra một tiếng nổ, làm anh tỉnh giấc. Ngay lập tức anh nghĩ đến Hannah và rằng cô có thể đang ở đâu. Không phải ở Luân Đôn mà là ở Tòa thị chính Pomfret. Đó là nơi cô đã đi, anh chắc chắn như vậy. Cô nên bảo anh theo cùng, Bal nghĩ, và có thể đã như vậy nếu không có cuộc tranh cãi vô lý của họ. Mặt khác, chắc chắn cô có nhiệm vụ gì đó khiến cô phải đi một mình, một phụ nữ đi một mình, một phụ nữ mặc áo khoác lông thú...

Anh sẽ không làm phiền người bạn cùng nhà, sẽ không lôi anh ta vào chuyện này. Gã này ngủ say như chết vậy. Bal quay số gọi Burden. Phải mất một lúc lâu Burden mới trả lời và ngay khi bắt máy, Burden liền gầm lên, “Có chuyện gì?”

Bal nói với anh ta. “Tôi không tin,” Burden nói. “Arlen sẽ không làm thế đâu. Hẳn ta không dám.”

“Anh có nhớ hôm chúng ta đến đó không, sếp. Hẳn ta có một khẩu súng.”

“Ý cậu là cậu nghĩ mình đã nhìn thấy một khẩu súng.”

“Vâng, ý tôi là vậy, nhưng chúng ta có thể liều một lần không?”

“Để tôi yên,” Burden nói với giọng gầm gừ khe khẽ, “nhưng hãy đến đồn cảnh sát và lôi Damon theo.”

“Tôi không muốn bất kỳ người nào có vũ trang,” Wexford nói. “Tôi không tin Arlen có súng. Một người đàn ông sẽ không để một khẩu súng tên hên trong phòng khách của mình. Không phải ở đây. Không phải ở đất nước này.”

“Chúng ta sẽ liệu một lần xem.”

“Mike, chúng ta ngày nào cũng liệu cả. Nên nhớ, Arlen là một kẻ ác nhưng hắn ta không phải một tên Yardie, hắn ta cũng không phải một tay côn đồ tuổi teen. Giờ thì, chúng ta có thể mang theo bao nhiêu người vào giờ này?” Wexford nhìn đồng hồ. “Hai rưỡi sáng đây.”

“Bốn người thuộc lực lượng vũ trang,” Damon nói. “Ngài, thưa sếp, ngài Burden, tôi, Karen và Bal.”

“Được rồi. Chín người ba xe. Đi thành một đoàn. Bật đèn nhưng không hú còi.”

Có một đèn ngủ nhỏ ở trong phòng nhưng dù thử thế nào, Hannah vẫn không thể bật được nó lên. Cô chỉ có thể xoay xở bật được cái đèn tuýp bằng cách dựa vào tường và nhấn công tắc nằm ngang khuỷu tay mình. Chiếc đèn ngủ hoạt động nhờ phích cắm vào ổ trên bảng ốp chân tường dưới gầm giường. Mặc dù cô có thể thấy nó nhưng không thể với tới nó trừ phi dùng chân. Ngón chân của cô, có thể đã với tới công tắc trên ổ cắm, nhưng lại bị bọc trong tất, và cô không thể tháo ra được.

Cô lựa chọn cách ngồi đây giữa ánh đèn sáng chói hoặc bóng tối mù mịt. Ánh sáng thực sự lóa mắt, khiến cô nghĩ về điều mà những tù nhân ở quốc gia nào đó sẽ phải chịu đựng như một sự tra tấn. Mặt khác, bóng tối dường như đáng sợ hơn, có thể bồi thêm vào sự hoảng sợ cô đang cố gắng hết sức để dẹp qua một bên, và nếu cô buồn ngủ - điều khó mà xảy ra nhưng vẫn có thể - thì khi cô tỉnh dậy, có thể trong giây lát cô sẽ tưởng rằng mình đang ở trên chính chiếc giường của mình ở nhà. Cô để đèn sáng.

Nghĩ về sự tra tấn bằng ánh đèn sáng chói làm cô hồi tưởng lại, khi đọc trên báo hay xem ti vi, một con tin tội nghiệp nào đó đã cầu xin tha mạng như thế nào, cô đã quyết định rằng trong trường hợp bị bắt cóc, cô sẽ không bao giờ bắt bản thân phải làm điều đó. Đừng bận tâm nếu họ chặn họng cô trong khi cô đang đọc một bài diễn văn. Đừng bận tâm nếu họ đánh và đá cô, cô sẽ không hạ thấp bản thân bằng việc cầu xin Chính phủ Anh hay bất cứ ai khác cứu cô. Ngồi dưới bóng đèn một trăm năm mươi oát mà không có chụp đèn ở trên đầu, cô nói to, “Thực sự mình đã nghĩ thế à? Phải chăng mình nghĩ mình sẽ không đầu hàng khi những người can đảm đó không thể làm được? Mình bị điên chẳng? Mình sẽ quỳ gối và cầu xin sự tha thứ, mình biết mình sẽ làm vậy. Cho mình chút cơ hội. Mình sẽ đưa họ bất kỳ thứ gì, bất kỳ thứ gì có thể làm hoặc từ bỏ hoặc hứa, để đổi lại mạng sống của mình.”

Cô bắt đầu đi đi lại lại trong căn phòng. Cô đã ở đây bao lâu rồi? Năm tiếng? Mười? Hai mươi? Không có cách nào biết được trong cái nơi kín bưng này. Damon có thể biết cô ở đây, gã đó biết, Barry cũng có thể, nhưng liệu có ai trong số họ làm bất cứ điều gì không? Cô đã tới gặp Norman Arlen, ở đây hay ở Luân Đôn, làm việc mình phải làm và về nhà viết báo cáo. Đó là những gì họ sẽ nghĩ. Họ sẽ không làm gì cả. Bal thậm chí sẽ không nghĩ xem cô có thể đang ở đâu. Anh ấy có thể sẽ không bao giờ nghĩ tới cô nữa. Cô không hy vọng có ai đó sẽ gọi điện hoặc đến gặp cô, còn mẹ cô thì nói rằng cô hãy giữ xe của bà cho đến sáng ngày mai. Hannah bất chợt nghĩ, khủng khiếp làm sao, người mẹ tội nghiệp của mình rất tự hào về chiếc xe đó và chúng sẽ đẩy nó rơi khỏi cầu...

Bà hẳn sẽ phát điên khi nghĩ đến chuyện đó. Liệu cô có thực sự tin rằng mẹ cô sẽ buồn thảm về chiếc xe nát vụn khi con gái bà chết hay không? Cô lại ngồi xuống. Hàng tiếng đồng hồ đã trôi qua kể từ bữa ăn trước nhưng giờ cô không thấy đói bụng. Cô đã uống nước từ bồn tắm thêm một hai lần nữa. Cô lại đứng dậy và đi về phía cánh cửa để nghe ngóng. Dường như hoàn toàn không còn một tiếng động nào nữa. Cô có thể nghe thấy tiếng vang vọng từ xa giảm dần, có thể là tiếng bước chân. Hai hay ba bước? Bị mất tinh thần, cô thấy mình đang run rẩy.

Có lẽ sẽ không có ai đến cứu cô hoặc là đến khi đã quá muộn. Nhưng cô phải làm gì đó để báo cho họ biết rằng mình đã ở đây. Hai bàn tay run rẩy của cô vẫn đang bị khóa lại, cô nâng chúng lên quá đầu và buộc chúng hạ xuống sau gáy. Tập trung hành động làm cô thấy đỡ run. Cô gập ngón tay qua móc gài trên sợi dây chuyền vàng đang đeo, tháo nó ra và, nâng tay qua đầu, đặt trở lại trên đùi, nắm sợi dây thật chặt.

Chúng giờ đang ở ngoài cửa. Cô nghe tiếng chìa khóa xoay trong ổ. Sợi dây chuyền được nắm trong lòng bàn tay khiến cô cảm thấy thoải mái một cách kỳ lạ.

Bal đã không có cơ hội để nói với sếp về những thứ khác mà anh nhớ được. Dĩ nhiên anh biết rõ tại sao Wexford lại ngăn không cho anh vào đội đi giải cứu Hannah. Đó là bởi vì Wexford nghĩ Bal đang có quan hệ tình cảm với Hannah. Hoặc một “mối quan hệ,” như cô đã gọi thế. Anh nghĩ về sự dịu dàng của cô khi nhớ tới cô, nhẹ nhàng với một chút thú vị. “Mối quan hệ” là thuật ngữ giết chết đam mê nhất mà anh có thể tưởng tượng ra, đảm bảo làm người ta nghĩ về một cặp vợ chồng nghiêm chỉnh mặc áo khoác có mũ trùm đầu và giày đi bộ cắm trại ở Snowdonia.

Anh có thể thực sự nghĩ rằng những gì mình nhớ đã nghe được trong căn phòng màu vàng - satin kỳ cục đó có ý nghĩa nào chẳng? Tuy nhiên, tại sao Arlen lại nói về một con đường và một cây cầu, trừ khi hẳn ta đã tìm được góc nguy hiểm nào đó có tiềm năng hữu ích cho mình? Hữu ích trong một ngày. Người ta không bao giờ biết được khi nào cần đến nó. Mặt khác, hẳn ta có thể là một kẻ xấu - đúng là kẻ xấu - nhưng hẳn ta cũng là một công dân. Hẳn ta hẳn cũng phải quan tâm đến sự an toàn và môi trường như bất kỳ ai khác.

Bal không về nhà. Anh lái xe xuống phố High Street một đoạn và nhìn ba chiếc ô tô rời đi. Trời rất lạnh mà anh thì không muốn sưởi ấm xe bằng máy điều hòa trong khi đang đỗ. Dĩ nhiên, nếu anh khởi hành đến Yorstone,

anh có thể sẽ bật máy sưởi. Đi đến đó cũng chẳng có hại gì. Nếu về nhà, anh cũng sẽ không ngủ được, sẽ nằm đó mà lẩn tẩn liệu có nên khẳng khẳng nói chuyện với Wexford, la hét trong suốt cuộc nói chuyện, theo Wexford ra xe thay vì làm cái mà anh được bảo là rời đi. Anh khởi động máy và bật lò sưởi. Như thường lệ, khí lạnh sẽ tràn ra ngoài trước khi nó ấm lên, một luồng khí như gió mạnh cấp tám. Bal không biết chính xác Yorstone ở đâu - nơi nào đó ở phía tây của rừng Cheriton và trên đường tới Sewingbury? Đất nước này chỉ đường quá kém so với các nơi khác. Những biển báo sẽ liên tục chỉ Sewingbury, Stowerton và Yorstone khi đã đi được khoảng một trăm mét. Ngay cả lúc đó, nó cũng không chỉ tới đường Yorstone. Anh biết rằng hẳn là thế bởi vì bên trái anh lơ mờ hiện ra bóng tối của rừng Yorstone. Anh quay xuống làn đường hẹp không có ánh sáng. Đèn pha được bật hết cỡ tạo nên màn sương xanh phía trước và trong lớp sương mù các thân cây ẩn hiện phía sau, tối tăm và giống hệt những nhân vật trong phim viễn tưởng.

Con đường queo trái đột ngột, gần như tạo thành một góc vuông. Nhưng dựa trên những mũi tên chỉ đường đen trắng bên tay phải, anh có thể đi thẳng, dò dẫm giữa những hình thù tối đen và cao lớn. Anh bắt đầu nhận ra sự liều lĩnh của mình thật ngu ngốc, chẳng dựa vào cái gì ngoại trừ một linh cảm không chắc chắn. Khi anh dừng lại và đỗ xe bên dưới những cái cây, lần đầu tiên anh thực sự cảm thấy khiếp sợ cho Hannah, một nỗi kinh hãi có thật về những gì khủng khiếp đã xảy đến với cô.

Khi họ đến Tòa thị chính Pomfret thì khắp các cửa sổ đã sáng đèn. Wexford ra khỏi xe, đi về phía cửa trước và kéo chuông, Burden và Karen theo sau, sổ còn lại đi cách sau vài mét, không ai tiến về phía cánh cửa. Wexford kéo chuông một lần nữa, nện nắm đấm lên tấm gỗ ốp. Anh bảo Barry và Damon đi vòng ra đằng sau. Tòa nhà lớn đến nỗi “vòng qua đằng sau” cũng mất đến vài trăm mét đi bộ. Đằng sau nhà, như Wexford nói, giống một “khu vườn phía trước” hơn, với dãy cầu thang đôi nổi liền tới sân thượng và một cửa đôi khác. Thảm cỏ, những luống hoa, bụi cây và những đồng cỏ xa xa trải ra lấp lánh dưới màn sương giá từ ánh sáng chiếu rọi ra nơi các cửa sổ.

Rung chuông và gõ cửa cũng chẳng thấy gì. Chẳng có âm thanh nào ngoại trừ âm thanh do chính họ tạo ra.

“Chúng ta phải vào trong,” Wexford nói. “Phá cửa đi.” Họ không thể làm thế. Cả Burden, Barry Vine và Damon Coleman dù có hợp sức lại cũng không thể xô dịch được những cánh cửa gỗ sồi nặng nề. Damon đi xuống khu vực đằng sau những cầu thang, nơi đặt hai sọt đá lớn cùng một cái thang, và thấy một cánh cửa nhỏ trong tường. Nó đã chịu thua ở lần thứ hai anh xông vào nó, rung chuyển tấm gỗ và tách khóa ra. Tất cả đi vào, băng qua những căn phòng chất đầy chậu hoa, chổi và dụng cụ làm vườn, sau đó là một khu giặt giũ, vào những gian bếp vừa được tân trang lại với các thiết bị hiện đại nhất.

“Chỉ một gã mà sống ở đây một mình á?” Damon chưa bao giờ nhìn thấy điều gì tương tự.

Ánh sáng dường như có ở khắp mọi phòng. “Tại sao lại thế nhỉ?” Barry hỏi nhưng không ai biết câu trả lời.

“Có thể hẳn sợ bóng tối,” Burden nói “Nghĩ lại thì, lúc Bal và tôi đến đây chỉ mới đầu giờ chiều nhưng hẳn cũng đã bật hết đèn lên.”

Chính vì nơi này được chiếu sáng rực rỡ, không khí ấm áp như ngày hè có nắng vậy. Wexford thoáng nghĩ đến một ngày như vậy vào tháng Tám khi xác của Amber được tìm thấy.

Họ trèo lên cầu thang dẫn tới phòng triển lãm và cánh cửa đầu tiên, khi họ đến chỗ cánh cửa đôi, Damon bất ngờ nói, “Xe của Hannah đâu?”

“Cô ấy không đi xe đến đây,” Burden nói. “Xe cô ấy đậu bên ngoài đồn cảnh sát. Nhưng khoan đã, thế thì cô ấy đến đây bằng gì?”

“Taxi?” Wexford mở cửa. Một phòng ngủ lớn với cái giường bốn chân hiện ra, toàn bộ nơi này gọn gàng như thể chưa từng có ai ngủ ở đây. “Cô ấy hẳn phải đi taxi. Về đồn cảnh sát đi, Damon, và bảo ai đó gọi điện đến mấy hãng taxi xem.”

Nếu thật sự Hannah đã đến đây, anh nghĩ. Tất cả những gì chúng ta biết là cô ấy định đi gặp Arlen. Cô ấy sẽ phải gặp hẳn ta ở chỗ nào đó trung lập. Những người khác dường như cũng có cùng suy nghĩ và phát biểu ý kiến của mình khi họ đi ngang qua phòng ngủ.

Karen và Barry gần như đồng thanh nói, “Chúng ta không biết cô ấy đã đến đây.”

“Đúng vậy, nhưng chúng ta phải lục soát,” Wexford nói. Họ đi lên lầu ba, có nhiều phòng trống và nhiều đèn hơn. Rồi họ lại đi xuống, ngang qua phòng triển lãm, đi xuống cầu thang uốn lượn rộng lớn dẫn vào sảnh, phòng ăn, căn phòng sơn vàng mà Bal có thể đã nhìn thấy khẩu súng. Quay trở lại sảnh lần nữa, đi đi lại lại trong một căn nhà trống trơn, im ắng cho người ta cái cảm giác như thể không có ai sống ở đây nhiều năm rồi, như thể nó chỉ là một nơi trưng bày, mở cửa cho hướng dẫn viên và du khách tham quan vào những ngày cố định trong tuần.

“Giờ sao, thưa sếp?” Barry nói.

Wexford không trả lời. Anh cúi xuống và nhặt từ trên sàn nhà một sợi dây mảnh bằng vàng, trông giống một sợi tóc. “Cô ấy đã tới đây,” anh nói. “Tôi đã từng thấy cô ấy đeo thứ này.”

“Tôi cũng thế,” Karen nói. “Đó là quà tặng từ Bal.”

Wexford xem xét. “Thật là sai lầm khi để Bal ở nhà. Anh ta có thể biết rõ hơn chúng ta. Tôi sẽ gọi anh ta.”

Từ đằng xa, anh nghe thấy âm thanh của động cơ hai cầu. Ánh sáng của nó rọi ra từ giữa những thân cây và khi nó xuất hiện, chậm rãi và thận trọng tiến xuống đường Yorstone. Tim anh nhảy dựng lên nhưng giờ anh nghĩ, đó chỉ là một chiếc xe. Ai đó đang trở về nhà từ một bữa tiệc hay có khi chỉ là một cuộc lái xe đường dài. Nhưng không, đó là một chiếc xe màu bạc - mẹ Hannah có một chiếc y hệt như thế. Nhưng cũng có hàng trăm chiếc khác giống vậy. Có thể đó chỉ là một loại xe phổ biến trong vùng. Họ sẽ đi qua cầu và tiến vào con đường phía bên kia, anh nghĩ. Nhưng cách tầm mười một mét ở bên này cầu, chiếc xe dừng lại và một người đàn ông bước ra. Đó là Rick Samphire.

Hắn đội mũ trùm như mọi khi. Hắn di chuyển lên cầu và nhìn xuống con đường bên dưới, mọi chuyển động đều rõ mồn một trong ánh đèn pha của chiếc ô tô hai cầu. Nếu chỉ có hắn, Bal nghĩ, thì mình có thể tự giải quyết, không thành vấn đề. Anh đang tự hỏi Arlen đâu thì hắn ta bước ra khỏi ghế lái. Còn có ai khác nữa không? Giật mình, điện thoại của anh bất thành linh reo lên.

Chỉ có thể là Wexford hoặc Burden. “Nếu anh nhắc máy, họ sẽ kể với anh... họ sẽ kể với anh gì đây? Một điều gì đó không chấp nhận được, anh chắc vậy. Anh để mặc nó kêu, cảm thấy chán ghét âm thanh của nó. Sau đó anh nhìn thấy khuôn mặt của Hannah xuất hiện trên cửa sổ bên ghế hành khách. Anh nhắc máy.

Giọng Wexford vang lên, “Anh đang ở chỗ quái nào thế?”

“Ở cầu Yorstone,” Bal trả lời, “thưa sếp. Chúng đã mang Hannah đến đây.”

Rồi anh tắt điện thoại, biết rằng chuyện này có thể khiến anh bị mất việc.

Chúng đang định làm gì thế nhỉ? Một cơn rùng mình ớn lạnh như bị dội nước đá vào người chạy dọc sống lưng anh. Cô sẽ không ở đó nếu không phải chúng đang ép cô làm cái gì đấy. Và, cùng lúc ý nghĩ ấy bật ra, cô cũng không còn ngồi đó nữa. Cánh cửa mở ra và cô bước xuống từ khoang ghế hành khách, như thể cô tự nguyện. Sau đó anh thấy kẻ nào đấy đứng sau cô và anh đã nhận ra gã, kinh ngạc vì gã chính là Lawson, người đã chứng minh ngoại phạm cho Rick vào ngày Mười một tháng Tám. Lão ta đang cầm cái gì đó giá vào thắt lưng cô - khẩu súng mà anh đã nhìn thấy hôm ở trong phòng khách màu vàng chằng?

Rick đã băng qua bên kia cây cầu và Norman Arlen theo sau hắn. Chúng đang nhìn xuống qua lan can thấp và khi chúng làm như vậy, một chiếc xe đi ngang bên dưới chúng. Y hệt như khi chiếc xe của Amber Marshalson băng qua lúc Rick thả tảng bê tông xuống. Hannah vẫn đang đứng đó, có vẻ gần như dựa hoàn toàn vào thân thể mập lùn vạm vỡ của Lawson. Chúng kéo cô vào lại trong xe, anh nghĩ, và - ném cô qua cầu chăng? Nhưng chúng không làm thế. Rick vẫn đứng bên kia cầu và Arlen thì đang quay lại. Bất kể thứ gì đang được dùng để bắt Hannah đứng im và nghiêng về phía sau,

Arlen cũng đã lấy nó đi. Lawson quay trở lại trong xe, ngồi vào ghế lái, lùi xe lại với tiếng động cơ gầm rú và lái thẳng về trước, xuống dốc tới cây cầu.

Nhìn thấy chiếc còng khiến Bal nhảy dựng lên. Anh thấy Arlen, rõ ràng cầm một khẩu súng trong tay, cùng một tên nữa mở khóa còng tay và rồi Hannah đưa tay lên che mặt mình. Bal nhảy ra khỏi xe, không kịp suy nghĩ, cũng chẳng hề sợ hãi hay thận trọng. Sau đó anh nghĩ, cảm giác khi đánh nhau như thế nào nhỉ, cảm giác khi họ từng “vượt bờ công sự,” khi adrenalin dâng lên và khiến tâm trí sợ hãi của họ chìm vào giấc ngủ.

Anh lao vào Arlen như một con thú lao vào con mồi của nó. Đòn tấn công của anh dữ dội đến nỗi hấn gần như không để ý vạ chạm khi chiếc ô tô hai cầu lao qua lan can, Lawson nhảy ra cầu vào phút cuối cùng. Arlen khuỵu gối, lão đảo, sau đó ngã về phía trước. Vào khoảnh khắc Bal nhận ra khẩu súng đó là gì, một món đồ chơi trẻ em bằng nhựa đồng thau nhẹ. Rick giờ đang chạy lại nhưng Hannah, sau khi hai tay được thả tự do, đã xoay một vòng và triển khai một cú đá cao, kẹp hấn giữa hai chân khiến Rick phải gấp đôi người lại. Lawson ngay lập tức chạy về phía cô, hai tay vươn ra định bóp cổ cô. Lúc này đến lượt Bal tung cú đá, khiến lão ngã sõng soài và nhìn thấy vẻ mặt lão đau đớn trong ánh đèn pha của những chiếc xe cảnh sát rọi xuống mặt đường.

Rick xoay người chạy về hướng khác khi bị Hannah truy đuổi. Chạy được nửa cầu, hấn quay lại để đối mặt với cô nhưng cơn đau từ cú đá của Hannah dường như đã khiến hấn khựng lại. Hấn gấp đôi người, tay nắm chặt bắp đùi khi Hannah tiến về phía hấn lần nữa. Như thế hấn khiếp sợ một cuộc tấn công dữ dội khác, đầu tiên hấn nao núng và khi tay cô vươn ra tóm lấy hấn, hấn đi giật lùi giống như ai đó bị co thắt cơ vì trúng độc ankaloid. Hấn ngã nhào qua lan can về phía sau, rên rĩ gì đó, kêu ca gì đó và cố gắng gượng dậy. Nhưng chân hấn trượt trên mặt băng ẩm ướt, tay hấn vung lên và quơ quơ trong không khí, rồi khi thét lên một tiếng, hấn đã rơi xuống con đường bên dưới.

Hắn đã nói gì trước khi rơi xuống vậy?” Burden hỏi.

“Điều gì đó về giới phụ nữ tàn ác,” Wexford nói. “Thật mỉa mai, phải không? Hắn bị ám ảnh với ý nghĩ rằng mọi người đàn bà đều có ý định hủy hoại hắn và cuối cùng một người phụ nữ...”

“Tôi không có ý muốn hắn phải chết, thưa ngài.”

“Tất cả mọi người đều biết vậy, Hannah. Hắn sẽ không ngần ngại làm hại cô. Cô nên đến bệnh viện, cô biết đấy. Có một xe cấp cứu bên dưới kia đang đợi để chở cô đi.”

“Tôi phải đi à?”

Anh cười mệt mỏi ngay khi nghĩ rằng mình sẽ không bao giờ cười nữa. “Không, cô không phải đi. Bal có thể đưa cô về nhà.”

Đến lúc này trời đã mưa rất to và mọi người đều ướt sũng. Barry Vine và Damon Coleman đưa Norman Arlen vào trong xe, áp tải hắn ta về đồn cảnh sát, nơi hắn ta sẽ dành cả đêm còn lại trong phòng giam trước khi xuất hiện trước vành móng ngựa vào sáng mai.

“Chúng ta sẽ buộc tội gì cho hắn ta đây?” Burden hỏi khi anh và Wexford đứng dưới chỗ trú. “Sở hữu vũ khí? Âm mưu giết người? Giam giữ trái phép? Tất cả những tội đó và thêm một loạt tội nữa. Lừa gạt chẳng hạn. Ngăn cản người thi hành công vụ. Sẽ còn thêm nhiều tội nữa.”

Donaldson ra ngoài và mở cửa xe cho họ. Vào trong, Burden nói, “Tất cả những người phụ nữ này có ngu ngốc quá không khi tin rằng họ có thể tới châu Phi, tiêm một mũi thuốc mê và tỉnh dậy với một đứa bé? Một đứa bé da đen?”

“Tôi không nghĩ chúng ta, những người đàn ông, sẽ thực sự hiểu được khát khao của một số phụ nữ, hoặc nhiều người trong số họ, về một đứa con. Chúng ta đã nghe nói về tình dục và tự vệ là bản năng hoặc động lực mạnh mẽ nhất của con người. Có thể đàn ông có những thứ đó. Với phụ nữ, điều mạnh mẽ nhất là khát khao có một đứa con của riêng mình. Những người phụ nữ bị Norman Arlen lừa gạt đã muốn tin, họ đều chuẩn bị tinh thần cho bản thân để tin tưởng bất chấp mọi lý do, bởi vì mỗi người bọn họ đều muốn có một đứa con của riêng mình hơn bất cứ thứ gì khác trên đời. Mười ngàn bảng mỗi người? Hay hai mươi? Một đứa con riêng sẽ là quá rẻ cho cái giá đó. Bay tới châu Phi, nhận một mũi gậy mê, làm điều mà người ta biết chắc là bất hợp pháp - tất cả điều đó đều chẳng nghĩa lý gì so với cái giá là có một đứa con của riêng mình. Nhân tiện nói luôn, con gái tôi Sylvia đã sinh một bé gái và nó đang giữ con bé. Tạm biệt việc đẻ thuê.”

“Chuyện đó là như thế nào vậy?”

“Tôi sẽ kể anh nghe vào ngày mai. Kể mọi chuyện luôn. Trong lúc đó, chúng ta sẽ phải chờ một lúc.”

Khi họ về đến căn hộ của cô, anh có ý muốn mang cô lên lầu. Trí nhớ mơ hồ làm anh nhớ lại mình đã từng xem một cảnh trong phim Cuốn theo chiều gió, cảnh Rhett Butler bế Scarlett lên cầu thang trước nội chiến. Anh thực sự đã cố nhưng những bậc cầu thang lên căn hộ của Hannah còn dốc hơn cả bậc thang ở Atlanta vào những năm 1860 và khi bước đến bậc thứ sáu thì cả hai ngã khụy trong tiếng cười khúc khích rồi bắt đầu trao nhau nụ hôn nồng cháy. Với câu nói bị nghẹn lại, “Chúng ta không thể ở đây,” Hannah cuối cùng cũng đứng dậy, kéo theo anh đằng sau và họ dính lấy nhau, đi vào trong căn hộ.

“Em thấy mình bắn quá,” Hannah nói.

“Anh không quan tâm.”

“Chúng mình có thể đi tắm.”

“Chúng mình có thể tắm vào buổi sáng,” Bal nói và lần này đã thành công khi cố bế cô lên. Anh mang cô lại giường. Khi quần áo cô bị ném mạnh qua người anh, rơi xuống những đồ vật trong nhà, anh cũng cười luôn đồ của mình, vứt quần bò, áo len và sơ mi lên sàn. Khi anh tắt đèn và trèo

lên giường nằm cạnh cô, cô đã nhanh chóng chìm vào giấc ngủ. Anh nằm cạnh cô, tay vòng qua bả vai cô, mỉm cười trong bóng tối. Tất cả những tuần qua, anh đã từ chối cô và giờ khi anh đang sẵn sàng - hơn bao giờ hết, thậm chí là thêm muốn - thì cô lại đang từ chối anh. Nhưng trời sẽ sáng thôi.

Sau khi Norman Arlen bị tuyên án một số tội trạng và bị bắt giam, Wexford và Burden rời khỏi tòa án và đi bộ thẳng tới đồn cảnh sát. Sau trận tuyết, mưa và mưa đá đã diễn ra trong vài giờ ngắn ngủi, buổi sáng quang đãng và trong lành, ánh nắng yếu ớt cũng bắt đầu hiện ra, đường phố vẫn còn ẩm ướt và lấp lánh.

“Anh định làm gì với Bhattacharya?” Burden hỏi.

“Tôi đã làm rồi. Chẳng gì cả. Rầy la anh ta, thế thôi. Anh ta đã cứu cô ấy. Cô ấy có thể đã chết nếu anh ta không có ở đó. Tôi hy vọng là lòng biết ơn sẽ không thọc gậy bánh xe chuyện của họ.”

Burden nhìn anh tò mò.

“Chà, anh biết nói đùa đấy. Sao anh ta lại ghét tôi đến thế nhỉ? Tôi chưa bao giờ làm điều gì tốt cho anh ta.”

Burden chuyển chủ đề. “Anh có nhớ cái ngày chúng ta đi ăn sáng không? Tôi rất muốn quay lại đó. Không phải vì trứng và khoai tây mà vì một ly cà phê và một cái bánh ngọt Đan Mạch khổng lồ.”

“Tôi không nên ăn,” Wexford nói, “nhưng tôi sẽ đến.

Tôi mệt đến mức không nhai nổi bữa sáng nữa rồi.”

Không phải là một quán ăn rẻ tiền cao cấp trên phố Queen nhìn hấp dẫn hơn lần trước mà lần này họ thấy nó bán rẻ hơn. Mười loại cà phê khác nhau dường như phức tạp một cách không tưởng và thật khó để chọn lựa giữa bánh ngọt Đan Mạch và bánh quy Florentine.

“Thật là hài hước,” Wexford nói khi họ ngồi xuống một cái bàn gần cửa sổ, “khi mọi người trừ người Đan Mạch gọi thứ này là bánh ngọt Đan

Mạch.”

“Thế họ gọi chúng là gì?”

“Bánh mỳ Vienna.”

“Tại sao?”

“Tôi không biết,” Wexford nói. “Hắn phải có lý do nào đó nhưng tôi không biết.”

“Quan tâm làm gì bánh ngọt Đan Mạch hay không. Anh nói rằng anh định kể với tôi mọi thứ nhưng đến giờ này những gì anh kể được chỉ là vô số tội lỗi của Arlen. Ý anh đây là toàn bộ ấy hả? Toàn bộ ấy?”

“À, vâng. Tôi thích cà phê với chocolate phủ bên trên, mặc dù tôi nghĩ nó có hại cho mình.” Wexford nhắm nháp bột chocolate, đặt cốc của mình xuống và sau khi lặn tẩn một chút thì bắt đầu nói.

“Chuyện bắt đầu khi người vợ đầu của George Marshalsen chết lúc Amber lên bảy,” Wexford nói. “Hoặc, đúng hơn, chuyện bắt đầu khi ông ta tái hôn. Người chồng đầu tiên của Diana đã để lại cho cô ta căn nhà trị giá hai triệu bảng và một khối tài sản đáng giá bốn triệu. Tại sao bà ta lại cưới George vẫn còn là bí ẩn. Tôi nghĩ là do bà ta yêu ông ta. Có lẽ bà ta nghĩ mình sẽ dần dần hòa hợp với Amber. George chắc chắn cũng nghĩ ông ta đã đem đến cho Amber một người mẹ thứ hai. Cả hai điều trên đều không xảy ra, Amber không thích Diana từ cái nhìn đầu tiên. Chúng ta không biết những cố gắng mà Diana đã thực hiện để hòa hợp với cô bé nhưng tất cả đều thất bại. George nuông chiều con gái mình và điều này làm cho mọi thứ trở nên không dễ dàng giữa ông ta và vợ mình.”

“Amber là một cô gái dễ nhìn, thông minh và hoạt bát. Dĩ nhiên, cô ta có bạn trai và đã có thai năm tháng trước khi George và Diana phát hiện ra. Hay, nói cách khác, là Diana đã phát hiện ra. Diana đã nhận thấy điều đó. Cả hai người họ đều sẽ khuyên cô ta đi phá thai nếu họ biết sớm hơn. Cô ta đã lấy chứng chỉ GCSE^[19] từ hơn một năm trước, dự định học lên A level và tiếp tục vào đại học. Điều gì sẽ xảy ra với tất cả những dự định đó?”

Burden ngắt lời anh. “Amber sẽ trở nên thế nào? Từ lúc mười bảy tuổi trở đi?”

“Mười bảy tuổi vào tháng Bảy và Brand được sinh vào tháng Chín. Không lâu sau mọi chuyện trở nên rõ ràng rằng cô ta không có ý định thôi học. Không, cô ta sẽ quay trở lại trường, để đứa bé ở nhà với George và Diana, chuyện đó đã ảnh hưởng đến Diana bởi vì trong những trường hợp thế này, anh biết đấy, thường đàn ông sẽ đi làm và đàn bà... ở nhà lo nội trợ.”

“Tôi có lý do phù hợp để biết được điều đó,” Burden nói, vì chính anh ta đã phải gửi con cho chị gái chăm sóc trong những lúc khó khăn sau khi người vợ đầu của anh ta qua đời.

“Tất cả những gì George làm là giúp đỡ chút ít trong việc trông trẻ,” Wexford tiếp tục. “Amber đi học lái xe và vượt qua bài kiểm tra vào tháng Hai sau đó. Ông bố yêu chiều của cô ta đã mua cho cô ta một chiếc xe hơi. Trong khi đó, người mẹ kế ít yêu chiều hơn thì chỉ còn bận tâm tới Brand. Bà ta đã thử thuê một bảo mẫu - nhớ rằng bà ta có thể dễ dàng chi trả việc này - nhưng có vài nguyên nhân nào đó khiến việc ấy không được suôn sẻ và bà ta buộc phải thôi việc.”

“Vào khoảng thời gian này, mùa đông sau khi Brand ra đời, Amber bắt đầu đến câu lạc bộ Bling-Bling - tự mình lái xe đến đó, một cách tình cờ, cho đến cuối tháng Sáu. Những người bạn của cô ta, Ben Miller và Lara Bartlow, cũng đến Bling-Bling và một đêm nọ, Lara đã đưa chị cô ta là Megan đến. Đây là phỏng đoán nhưng rất có thể là hai cô gái này đã kể về những đứa con của họ, Brand của Amber sống cùng cô ta và con của Megan thì đã bị bỏ rơi từ ba năm trước. Nhân dịp ấy, hay có thể là sau đó, Megan đã đề xuất ý tưởng mang thai hộ. Có thể họ không có nhiều điểm tương đồng, họ thuộc hai tầng lớp xã hội khác nhau và có nền tảng giáo dục khác nhau, nhưng mỗi người bọn họ đều có một thứ mà Megan gọi là ‘năng lực’.”

“Để tìm hiểu thêm về việc mang thai hộ, họ phải học hỏi nhiều hơn và cách tốt nhất để làm điều này là thông qua Internet. Megan không có máy vi tính nhưng Amber thì có và cô ta đã dùng nó để truy cập. Cô ta đã nhờ John Brooks chỉ cho cách tìm một trang web. Phỏng đoán của tôi là John Brooks

đã tìm thấy một vài trang web về mang thai hộ nói chung và SOCC nói riêng.”

“Chắc hẳn anh ta phải thắc mắc cô ta muốn tìm chúng để làm gì chứ?”

“Tại sao lại không nhỉ? Tôi nghĩ anh ta còn quá quan tâm ấy chứ vì đứng trên quan điểm của anh ta và vợ anh ta, Gwenda Brooks muốn có một đứa con. Và rồi có thể anh ta cũng muốn. Hãy nhớ rằng, việc này xảy ra từ rất lâu trước khi anh ta gặp gỡ bạn trai của mình hay thậm chí từ khi biết mình bị thu hút bởi người đồng giới. Anh ta kể với vợ, cô ta đã liên lạc với SOCC, sau đó là Norman Arlen và Du lịch Kỳ diệu. Chuyện về sau, như họ nói đó, đều là lịch sử rồi.”

“Amber và Megan đã đến Frankfurt,” Burden nói. “Họ tiến hành thụ tinh nhân tạo hay đại loại thế tại khách sạn Four Horses - hoặc họ không tiến hành việc đó nhưng có thể đã - bỏ túi “tiền đặt cọc” rồi về nhà. Nơi họ có thể đã lừa những người khác nghĩ rằng mình mang thai con của họ. Cái thai của Megan có thể do thụ tinh với sự góp sức của Konig-Hensel. Chỉ có xét nghiệm ADN mới biết được điều đó. Nhưng có khả năng đây là kết quả của việc quan hệ theo cách thông thường với ai đó mà cô ta chọn lựa hoặc thậm chí với Prinsip ga lãng đã chiến thắng cuộc phẫu thuật triệt sản.”

Wexford uống nốt cốc cà phê của mình, nhìn một cách luyến tiếc vết mờ mờ của bã cà phê đậm đà dưới đáy cốc. Anh thở dài, nói, “Nhưng, anh biết đấy, Mike ạ, tất cả đều không liên quan. Tất cả chuyện để thuê này, lừa đảo, lừa gạt một cách độc ác. Chúng ta đã tốn hàng tuần trời cho vụ này. Chẳng nghi ngờ gì chúng ta đã lãng phí tiền bạc của nhà nước vào nó. Anh quăng một mẻ lưới vào giữa tầng lớp hạ lưu trong xã hội, tìm kiếm manh mối về ma túy - và chẳng thấy gì cả.”

“Tôi biết được những ngày này, giá của cocaine đã giảm xuống rất nhiều và không cao hơn giá của một cốc cappuccino.”

“Thật á?” Wexford im lặng một lúc, nghiền ngẫm điều đó. Rồi anh nói, “Sau tất cả chuyện này, điều duy nhất có ích cho chúng ta là những cô gái này biết nhau. Ngoài ra chẳng còn gì nữa. Chuyện mang thai lừa đảo của Amber và Megan là quả đắng lớn nhất mà tôi từng trải qua trong sự nghiệp của mình. Không ai trong số hai cô gái này bị giết bởi vì cô ta đã tự biến

mình thành người mang thai hộ hay lừa đảo lấy tiền. Đây có thể là một tội ác, nhưng là một tội ác mà chúng ta không điều tra ra được.”

“Anh có thể nói Megan bị giết bởi vì cô ta biết Amber nhưng tại sao Amber lại bị giết?”

“Amber bị giết bởi vì cô ta đã chấp nhận lời đề nghị của nhà Hilland về căn hộ đó, căn hộ ở ngoại ô Luân Đôn. Nếu cô ta nói không, thì cô ta có thể vẫn sống đến giờ này, và nếu cô ta còn sống thì Megan cũng còn sống. Nhưng cô ta đã đồng ý. Dĩ nhiên là phải đồng ý rồi. Có cô gái nào ở vị trí của cô ta có thể từ chối được?”

“Điều mà tôi không hiểu,” Burden nói, “là tại sao George và Diana Marshalsen lại không mua cho cô ta một căn nhà. George thì khá giả và Diana thì giàu có. Tôi nghĩ ít nhất họ cũng có được những gì như của nhà Hilland ở địa vị của mình.”

“Đúng, nhưng cho dù George có muốn tổng khứ Brand đi thì ông ta cũng không muốn mất con gái. Nó không giống như chuyện cô ta sẽ đi xa để học đại học. Nếu mua cho cô ta một căn hộ, ông ta sẽ khó mà gặp lại con gái lần nữa. Giờ nỗ lực đầu tiên để khử cô ta là một tuần sau khi cô ta chấp nhận lời đề nghị của nhà Hilland. Đó là ngày Hai mươi tư tháng Sáu và khoảng một tuần sau thì cô ta bước sang tuổi mười tám. Điều này cũng chẳng liên quan, mặc dù trong suốt thời gian dài, tôi đã nghĩ điều đó là không thể.”

“Nỗ lực đó,” Burden nói trong lúc thanh toán hóa đơn, “được tiến hành bởi Rick Samphire, đúng chứ?”

“Dĩ nhiên,” Wexford nói khi họ rời quán cà phê và ra ngoài dưới ánh nắng ấm áp không ngờ. “Dĩ nhiên. Nhưng đó không phải là ý tưởng hay động cơ của hắn. Hắn chỉ là lính đánh thuê, nhận việc và được trả tiền, bởi một ai đó. Có ba tên sát nhân trong vụ này, Mike ạ, chưa kể đến các nhân vật phụ khác như Arlen, Lawson và Fry khá ngây thơ; giờ chúng ta sẽ quay trở lại, vây bắt những tên trong nhóm chưa lộ diện để phục vụ công chúng và kể họ nghe phần còn lại.”

Họ tập trung tại văn phòng của anh, Damon Coleman cũng ở đó, nhìn anh ta như thể sắp ngủ đứng vậy. Anh ta hỏi liệu mình có thể ngồi xuống không và như vậy là đủ để Wexford bảo mọi người ngồi xuống. Trung sĩ Goldsmith và Sĩ quan Bhattacharya, mặc dù cư xử đúng với khuôn phép hoàn hảo; vẫn đứng gần nhau hơn bình thường dù trong mối quan hệ xã hội chứ không phải quan hệ công việc. Ngồi xuống rõ ràng chỉ thêm đúng ý họ vì họ có thể nắm tay nhau. Karen Malahyde cứ liên tục nhìn họ bằng ánh mắt đa cảm nhưng Barry Vine thì ngó lơ. Anh ta có lẽ không để ý, rất có thể đang hình dung trong đầu cảnh điên loạn từ Lucia di Lammermoor. Những người khác ngồi phía sau, nhìn cả hai đầy hy vọng và e ngại.

Một trong những vở opera xuất sắc nhất của Gaetano Donizetti, nhà cách tân opera người Ý. Lời được sáng tác bởi Salvatore Cammarano, dựa trên tiểu thuyết *The Bride of Lammermoor* của đại văn hào người Scotland, Walter Scott.

“Tôi muốn cảm ơn tất cả các bạn,” Wexford bắt đầu, “vì đã làm rất tốt vụ này dù chúng ta không được nhanh lắm. Đã gần bốn tháng kể từ khi chúng ta đi tìm câu trả lời, nhưng sau khi làm việc một cách chăm chỉ và kỹ lưỡng chúng ta đã đi được đến cuối vụ án. Cảm ơn các bạn rất nhiều.”

Sau đó không một ai có thể xác định ai là người vỗ tay trước. Burden miễn cưỡng vỗ tay cùng những người còn lại nhưng trông không hài lòng, xì xầm phũ phàng nhận mình đã tham gia vào bất kỳ phần nào trong đó. Theo quan điểm của anh ta, thái độ quá lịch sự, trù mến này chỉ là vỏ bọc cho vẻ nhạt nhẽo bên trong. Đó là cơn bốc đồng khiến người ta đặt hoa trong giấy bóng kính lên mộ phần của những người lạ. Nếu Wexford đang có cùng suy nghĩ như vậy, thì anh ta không thể giải thích được vẻ mặt khó hiểu của ngài Chánh thanh tra.

Wexford im lặng chờ đợi, rồi nói, “Có ba kẻ giết người trong vụ này, không phải chỉ có mình anh em nhà Samphire. Nói tới câu chuyện vào ngày

Hai mươi tư tháng Sáu, ngày Hạ chí, khi Rick Samphire đỗ xe trong rừng Yorstone và đi bộ xuyên qua rừng tới cầu Yorstone, mang theo chiếc ba lô có chứa tảng bê tông mà hắn nhặt từ một công trình xây dựng và mặc bên ngoài chiếc áo lông cừu màu xám có mũ trùm đầu. Trời không lạnh, vì thế tôi nghĩ hắn ta mặc như vậy để giả trang. Nhìn từ khoảng cách gần, một người đàn ông đội mũ trùm đầu trông sẽ giống những người khác.”

“Mục đích của Rick là thả tảng bê tông xuống cầu khi Amber Marshalson băng qua bên dưới trong chiếc Honda màu bạc của cô ta. Hắn không có động cơ nào cả. Hắn chỉ đơn giản là làm việc mà hắn được trả tiền để làm: giết Amber. Nhưng là một kẻ lóng ngóng và vụng về, một kẻ không làm nổi việc gì trót lọt, hắn đã khiến mọi chuyện rối tung lên. Hắn đã thất bại. Hắn nhận dạng nhầm chiếc xe, mắc phải một trong những lỗi điển hình là nhầm với chiếc Honda màu xám của James Ambrose. Mavis Ambrose đã chết vì bị thương quá nặng. Đây là vụ giết người đầu tiên.”

“Chậm rãi hiểu ra được vấn đề, Rick hắn đã biết là mình nhận nhầm chiếc xe. Trước khi biến khỏi chỗ đó, hắn đã kịp nhìn thấy Amber còn sống và bị sốc nặng. Hắn quay trở lại con đường đã đi và khi về đến khoảng trống trong rừng, nơi hắn giấu chiếc xe của mình, hắn đã bị Megan Bartlow nhìn thấy lúc cô ta đạp xe về nhà từ chỗ bà cô ta. Hắn không nói mình có nhìn thấy cô ta không. Giờ điều tôi nghĩ là cô ta đã thấy một người đàn ông đội mũ trùm đầu và chỉ thấy bóng dáng của hắn nhờ ánh đèn từ chiếc xe đạp.”

Karen giơ tay lên như thể đây là một buổi họp báo. “Có chuyện gì, Karen?”

“Chắc chắn hắn đã nhìn thấy ánh đèn của cô ta, đúng không sếp? Trời lúc đó rất tối, lại còn là trong rừng.”

“Ý cô là, vốn đã cố giết một cô gái, thì hắn còn ngại gì mà không giết thêm một cô gái nữa nếu cô ta đã nhìn thấy hắn phải không? Phỏng đoán của tôi là điều đó không nằm trong sự chỉ dẫn dành cho hắn. Hắn được chỉ dẫn để giết Amber Marshalson. Giết thêm một ai đó mà chưa được đồng ý có thể gây ra rắc rối. Ross sẽ không thích điều này. Rick sẽ nghĩ như vậy. Tôi nghĩ phương thức gây án do hắn chịu trách nhiệm.

Nếu đó là trách nhiệm của anh trai hă, Ross sẽ không bao giờ chọn cách thức liều lĩnh đến vậy. Thực sự cơ hội là năm mươi năm mươi, đúng chứ? Hă đã nhắm trúng nhưng lại trượt mục tiêu.”

“Và đúng, Ross Samphire đứng sau vụ này. Hă cử Rick đi làm vụ đó, mặc dù không định nhận tiền. Nghe thật kỳ lạ, Ross giao nhiệm vụ giết Amber cho em trai vì tình cảm anh em. Thực tế, hă đã làm vậy rất nhiều lần trước đây: cho em trai mình một công việc. Công việc làm một lần nhưng hưởng hậu hĩnh. Tiền công là năm ngàn bảng. Nhưng dĩ nhiên, vì Rick từng làm vậy trước kia, Ross đã tính toán nhằm năng lực của em trai và bỏ qua sự vụng về của Rick. Tình yêu khiến người ta có xu hướng làm thế trong những mục đích có liên quan đến nó.”

“Ross chưa từng có rắc rối nào với pháp luật. Tức là, hă chưa bao giờ bị truy tố. Hă chưa từng bị bắt giữ. Nhưng tôi nghi ngờ phạm tội lật vật đã trở thành một phần trong cuộc sống của hă cũng như của em trai hă. Chắc chắn hă đã cộng tác với Norman Arlen từ lâu. Rõ ràng là hă và Rick học cùng trường với Norman Arlen. Vì thế chính Arlen là người bị lôi kéo vào việc cho Rick một chứng cứ ngoại phạm vào đêm Hạ chí đó. Hă ta và Rick, như chúng ta đã được kể, đang ngồi uống với nhau và sau đó đi ăn ở nhà hàng Mermaid đúng vào khoảng thời gian có liên quan khi Rick thả tảng bê tông xuống cầu.”

“Không nghi ngờ gì, một nỗ lực khác phải được thực hiện. Những người khác rất khó tính về việc thực sự giết người. Rick đã có hai tiền án về bạo lực. Không giống như Ross, hă hiểu về bạo lực, vì thế Rick phải giết người một lần nữa. Hă thực sự đã làm vậy. Vào ngày Mười một tháng Tám. Một thời điểm nào đó trước hai giờ sáng, Ben Miller đã thả Amber ở góc đường Mill, Brimhurst Prideaux. Rick, vẫn mặc chiếc áo lông cừu có mũ trùm đầu, lại đỗ xe ở một nơi khó thấy và đợi cô ta.”

“Làm sao hă biết là cô ta sẽ về tới đó vào giờ ấy, thưa sếp?” Đó là Damon Coleman, vốn rất hiểu việc ngồi đợi một người trên phố và ở góc đường.

“Hă đã được thông báo,” Wexford nói. “Bởi Ross, người có trách nhiệm tìm ra những điều như vậy, Ross đã nói với hă - bởi vì Ross có

thông tin chính xác - về thời gian Amber sẽ băng qua dưới cầu. Giờ Ross nói với Rick thời điểm Amber có thể về tới nhà từ câu lạc bộ Blink-Blink. Như chúng ta đã biết, lần này Rick đã thành công. Tuy nhiên, hắn đã bị nhìn thấy. Lydia Burton đã thấy một người đàn ông đội mũ trùm đầu đi bộ dọc theo vệ cỏ khi cô ta ra ngoài đi dạo với con chó vào giữa đêm. Các bạn có thể đang nghĩ cô ta hơi kỳ quặc khi đề cập điều này với chúng ta, trừ khi cô ta có lý do nào đó để không nói ra. Chúng ta sẽ biết thôi.”

Giơ tay lên, Damon hỏi, “Cô ta có phải kẻ giết người thứ ba không, thưa sếp?”

“Ồ, anh đã nghĩ như vậy, phải không? Giờ sẽ đến phần ấy đây. Hãy tự hỏi bản thân rằng tại sao Rick lại không lấy mấy ngàn bảng từ túi áo khoác của Amber. Câu trả lời có thể là hắn chỉ làm những gì mà Ross bảo và chỉ dẫn không bao gồm việc lấy đi tài sản của Amber. Chúng ta không biết ai đã đưa tiền cho cô ta, chỉ biết đó là tiền công cho việc chấp nhận mang thai hộ. Có lẽ chúng ta chẳng cần biết nếu không nhận ra rằng đó là một thành viên của SOCC, nhóm người chống vô sinh được điều hành bởi Norman Arlen. Nhưng Arlen không trực tiếp liên quan đến chuyện này và cả việc Amber bị sát hại. Đây là lúc Stephen Lawson vào cuộc. Và, Damon, ông ta không phải tên sát nhân thứ ba - nghe giống như trích đoạn từ Macbeth^[20] vậy, đúng không?”

Khuôn mặt lịch sự trống rỗng của họ cho anh thấy họ chẳng biết tí gì về việc nó có giống cái gọi là trích đoạn từ Macbeth hay không. Chẳng ích gì khi xót xa cho sự mất mát của thơ ca từ nhận thức của quốc gia. Nó đã biến mất, anh cho là thế, và sẽ không bao giờ trở lại nữa. “Stephen Lawson có thể làm việc cho một tổ chức từ thiện với tư cách người huy động quỹ. Ông ta cũng đang làm việc hoặc đã từng làm việc cho Norman Arlen. Ông ta,” anh tiếp tục, “được trả công để sáng tác câu chuyện về cuộc gặp gỡ với Rick cùng chiếc xe bị hỏng trên đoạn đường từ Sewingbury tới Pomfret. Gặp gỡ Rick là một lời nói dối, mặc dù phần còn lại là sự thật.”

“Chúng ta phải giả định rằng Ross đã hài lòng với thành công của cậu em trai yêu quý. Lần kế tiếp hắn đưa nhân tình của mình đến gõ cửa nhà

Fry, hẳn chắc chắn đã có thể kể lể về thành tích của mình. Rất đáng tiền, tôi nghĩ hẳn gọi nó thế. Tất cả mọi việc đã hoàn tất, cả bốn người bọn chúng đã có cái mình muốn - nếu hẳn không còn việc gì khác, còn Arlen thì giả bộ bị ốm và thực hiện tội ác, công việc yêu thích của hẳn ta. Tất cả mọi việc đã hoàn tất, ngoại trừ Megan Bartlow.”

Wexford đưa cho những người khác - Burden phải nghe lại điều này - bản phác thảo về vụ lừa gạt được tiến hành bởi Amber và Megan. Anh tiếp tục, “Megan đã không nhận ra những gì cô ta nhìn thấy trong rừng Yorstone. Thậm chí nếu cô ta thấy trên báo những thông tin về tảng bê tông được thả từ trên cầu và cái chết của Mavis Ambrose, thì liên kết duy nhất tới Amber mà cô ta có thể nghĩ ra lúc đó là Amber đang lái chiếc xe kia. Nhưng khi Amber bị giết thì cô ta đã kết nối hai sự kiện lại với nhau.”

“Cô ta đã không nhận ra người đàn ông đội mũ trùm đầu ở trong rừng Yorstone nhưng một thời gian sau, có thể hai hoặc ba tuần sau, khi cô ta đang đi bộ dọc theo một con phố ở Sewingbury cùng cha mình thì họ thấy Ross Samphire ra khỏi xe và đi vào nhà. Megan thấy hẳn ở góc nhìn nghiêng và có thể thấy hẳn từ đằng sau. Giờ đến người đàn ông mặc áo có mũ trùm đầu trong rừng lúc chạng vạng tối. Ánh sáng duy nhất đến từ chiếc đèn xe đạp của cô ta. Tôi mới giả sử cô ta chỉ thấy Rick từ một phía. Cô ta cũng nhìn Ross từ một phía như vậy. Hẳn có mái tóc xoắn dày tối màu và trông rất vạm vỡ, Rick thì không. Nhưng - hãy nhớ điều này - họ là anh em sinh đôi. Cặp song sinh giống hệt nhau. Một khi đã giống nhau y hệt như vậy, chẳng nghi ngờ gì rằng cả hai đều có tóc xoắn dày tối màu, mắt sáng và làn da khỏe mạnh. Thời gian, tù tội và thuốc lá, có thể cả chế độ ăn kém dinh dưỡng đã khiến Rick trở nên xơ xác, hậu quả tất yếu mà dù là anh trai cũng không thể cứu hẳn thoát khỏi được. Người Megan nhìn thấy là Ross. Cô ta thấy cùng một bóng dáng nghiêng nghiêng với người đàn ông trong rừng nhưng khác là không mặc áo có mũ trùm đầu và trong ánh sáng ban ngày. Cô ta cho rằng hai người đó là một.”

“Làm thế nào cô ta liên hệ được thì tôi không biết nhưng cô ta biết địa chỉ của Ross. Có thể, ngay khi cô ta thấy hẳn đi bộ ra ngoài, cô ta đã bám theo, nói với hẳn rằng mình đã nhận ra hẳn và đe dọa sẽ tố cáo hẳn với cảnh

sát. Ross có thể đã nói rằng đó không phải là mình, nhưng như thế sẽ làm lộ người em song sinh mà hắn yêu quý. Do đó Megan phải chết nhưng lần này Ross không dám để Rick ra tay nữa. Sẽ không có cơ hội thứ hai nếu Rick làm hỏng chuyện. Hắn đã tự mình làm điều này. Có lẽ hắn đã nói rằng họ phải gặp nhau một lần, đó là bước đầu tiên. Hắn đã sắp xếp để gặp Megan ở dãy nhà Victoria, nơi hắn sẽ sớm thi công xây dựng lại và tiến hành tân trang những ngôi nhà đó.”

Hannah giờ tay. “Tại sao lại ở đó, thưa ngài?”

“Tôi gần như có khuynh hướng nghĩ rằng để khéo xoay sở, tại sao lại không chứ? Nhưng hắn không thể gặp cô ta ban ngày ban mặt ở nơi họ có thể bị nhìn thấy. Cô ta sẽ không đến sau khi trời tối. Cô ta quá lo sợ. Hắn cũng không thể đến chỗ cô ta hay để cô ta đến chỗ hắn. Khi hắn gợi ý dãy nhà Victoria, địa điểm đó dường như chấp nhận được với cô ta. Hãy nhớ rằng, cô ta đã đến đó vào đêm hôm trước để kiểm tra và không nghi ngờ gì nữa, cô ta nghĩ ở đây có đủ người để đảm bảo an toàn cho mình.”

“Về phần Ross, hắn đến tòa nhà ngân hàng cũ cùng Rick và Colin Fry vào lúc tám giờ sáng. Colin được giao công việc sơn tường ở tầng trên và - điều này rất quan trọng - anh ta không thể bỏ dở việc giữa chừng. Một khi đã bắt đầu làm, anh ta sẽ làm xong cả bức tường. Ross để ý điều đó. Hắn làm ở tầng trệt với Rick. Vào lúc chín giờ kém mười, hắn lên chiếc xe đậu ở mặt tiền của ngân hàng, lái đến Stowerton, nhặt một viên gạch từ đồng gạch xếp bên ngoài dãy nhà Victoria, gặp Megan và giết cô ta. Hắn nhét xác cô ta vào trong tủ và lái xe về. Toàn bộ sự việc chỉ làm tốn của hắn nửa giờ hoặc, cùng lắm, là bốn mươi phút.”

“Colin Fry chưa từng thấy hắn rời đi bởi vì anh ta phải tập trung vào công việc sơn tường. Tại sao Ross lại đặt cái xác vào trong tủ? Hắn chắc chắn không thể mang nó ra ngoài giữa thanh thiên bạch nhật - và hãy nhớ rằng, lúc đó đang là khoảng chín rưỡi đến mười giờ sáng. Tôi không biết tại sao hắn để cái xác lại đó nhưng tôi đoán hắn đã bảo Rick tiêu hủy nó và vì thế sau khi trời tối, Rick đến đây một mình, đây chính là một mấu chốt quan trọng. Ross hiếm khi đi một mình. Hắn có vợ và hai con. Hắn điều hành doanh nghiệp. Hắn còn có một cô bạn gái mà hắn rất quan trọng với hắn vì

hắn luôn làm bất cứ điều gì có thể cho cô nàng. Nhưng Rick hiện đang sống một mình. Không ai trông chừng hắn ta. Không ai nghi ngờ hắn ta lúc đó cả. Điểm yếu của Rick là hắn ta rất bất cẩn và vụng về. Có lẽ Ross đã nhấn mạnh với hắn ta về sự quan trọng của việc tiêu hủy xác Megan. Nếu xác cô ta được giấu hoặc chôn ở đâu đó, thì có thể sẽ mất vài tháng để tìm thấy hoặc không bao giờ liên hệ được tới Amber. Nhưng Rick đã không làm theo lời căn dặn.”

“Tại sao không? Chúng tôi không biết - chưa biết. Có thể Rick không biết làm thế nào hay ở đâu. Có thể vào lúc hắn ta quyết định được thời gian và địa điểm tiến hành, thời tiết vẫn đang rất nóng, nếu các vị nhớ được. Cái xác bắt đầu bốc mùi. Và phân hủy. Có lẽ đơn giản là hắn ta không thể đối mặt với việc chạm vào để lôi nó ra ngoài và bảo sẽ làm khi mùi đó giảm bớt, chính hắn ta, Ross và Colin Fry sẽ phải làm việc đó và có thể tự Ross sẽ di chuyển phần còn lại của xác Megan.”

“Giờ chúng ta có thể nghỉ một chút để uống cà phê rồi tôi sẽ tiếp tục trong mười lăm phút nữa.”

Wexford gọi điện tới văn phòng Trợ lý Cảnh sát trưởng và yêu cầu một cuộc hẹn với ông ta. Ngay hôm nay, nếu có thể. Cuộc hẹn được xác nhận vào lúc bốn giờ chiều. Anh uống cà phê một mình và im lặng, suy đoán những gì có thể sẽ xảy ra nếu Rick đã di dời và chôn xác Megan. Có thể không dễ dàng để tìm thấy. Trong trường hợp đó, họ có thể sẽ không bao giờ liên kết được hai cô gái với nhau, vụ lừa đảo để thuê cũng không được mang ra ánh sáng, âm mưu của Norman Arlen cũng sẽ không bị phơi bày.

Trong khoảnh khắc, anh để suy nghĩ của mình dừng lại ở Sylvia và em bé mới sinh của cô. Mary Fairfax sẽ là tên của nó. Đó là một cái tên rất kêu dành cho nó. Dora đã cho phép mình hy vọng thêm một lần nữa rằng Sylvia và cha của Mary có thể quay lại với nhau. Và dĩ nhiên một đứa bé nên được sống cùng cha nó, mặc dù chuyện đó ngày nay không còn phổ biến lắm. Wexford cắt đứt dòng suy nghĩ của bản thân. Ưu tiên hàng đầu của anh bây giờ là vụ án này và giải thích nó một cách thật thỏa đáng cho toàn đội, sau đó là tới Trợ lý Cảnh sát trưởng, rồi xem xét những đứa trẻ có thể liên quan đến toàn bộ vụ kinh doanh đáng hổ thẹn này, những đứa bé châu Phi mồ côi

- điều gì sẽ xảy ra với chúng? - đứa bé được nhận làm con nuôi của Megan, đứa bé mà Megan không bao giờ sinh ra, những đứa bé được khao khát bởi cặp vợ chồng người Đức và Gwenda Brooks, bản thân cậu bé Brand. Anh quay lại văn phòng với cả đội đang chờ đợi. Một bàn tay giơ lên trước khi anh kịp bắt đầu.

“Ai là tên giết người thứ ba, thưa sếp?” Đó là Barry Vine.

“Sẽ sớm xuất hiện thôi,” Wexford nói. “Tôi muốn quay lại vụ Amber Marshalson,” anh tiếp tục. “Cô gái tội nghiệp Amber là một ví dụ điển hình của những gì có thể xảy ra khi bạn cho đứa con duy nhất của mình tất cả những gì nó muốn. Mọi thứ nó yêu cầu, gọi nó là cô công chúa nhỏ và kể với nó về những điều kỳ diệu xảy ra do sự thăng trầm của số phận.”

“Thưa sếp.” Lại là Barry. “Nhưng đó không nên là những chuyện ‘đỉnh của đỉnh’ đúng không?”

“Tôi hy vọng chúng ta không nói những điều sáo rỗng ở đây, Barry. Quay trở lại với Amber. Trong số các bạn, ai chưa có con cái, hay sắp có, thì cần chú ý. George Marshalson đã cho con gái mình mọi thứ cô gái muốn, mọi thứ ông ta nghĩ là cô ta muốn, bao gồm cả một bà mẹ kế. Diana không có con riêng, mặc dù bà ta vẫn còn trẻ để sinh lấy một đứa, nhưng George, dĩ nhiên là không muốn có thêm con nữa. Ông ta có một đứa duy nhất và nó hoàn hảo, không bao giờ có đứa thứ hai giống thế. Có thể, Diana đã cố gắng trở thành người mà một bậc cha mẹ nên trở thành, George thì chưa bao giờ như vậy: một người cố vấn cũng như một người mẹ, một tấm gương, một giáo viên hoặc có lẽ, tồi tệ hơn, một người chị lớn. Chẳng ích gì. Amber ghét Diana.”

“Cái thai của Amber hẳn đã khiến lòng tôn thờ, nếu không phải là tình yêu, mù quáng của George bị chấn động, Nhưng có lẽ là không. Trong mắt ông ta, Daniel Hilland sẽ hoàn toàn phải hứng chịu tội lỗi. Ông ta tự nhủ với bản thân rằng đây là kết quả của một vụ gần như hiếp dâm, chắc chắn là dụ dỗ. Tôi không nghĩ việc sinh ra Brand là vết thương lòng của Amber. Trong giới của cô ta, việc có một đứa con ở tuổi teen có vẻ thật thời trang. Tôi dám nói, là ‘chất lừ’, hoặc xấu xa.”

“Cứng đầu,” Damon nói.

“Vâng, cảm ơn anh, Sĩ quan Coleman. Amber thậm chí còn không nghỉ học. Diana đáng ghét, người mà cô ta hiếm khi nói chuyện cùng trong những ngày đầu, được tận dụng làm người trông trẻ hay vú em toàn thời gian. Tại sao Diana lại không đi? Tại sao bà ta không bỏ đi? Bà ta không còn yêu George nữa và bà ta chưa bao giờ yêu Amber. Bà ta có tiền riêng của mình, rất nhiều là đằng khác, thậm chí không cần làm việc. Nhưng bà ta vẫn ở lại. Bà ta ở lại và trông nom Brand. Như thế Amber và Brand sẽ ở đó mãi mãi. Chà, Brand sẽ ở đó bởi vì Amber rất muốn học lên đại học và sau khi tốt nghiệp đại học, cô ta sẽ kiếm một công việc. Brand sẽ ở lại, còn Amber có thể đến Luân Đôn hay Mỹ hoặc một nơi nào đó ở châu Âu - thậm chí cưới một người đàn ông không hề muốn đứa con của cô ta.”

“Sau đó nhà Hilland đã đề nghị cho Amber ở căn hộ của họ tại ngoại ô Luân Đôn. Không phải đề nghị mà là sự chấp thuận của cô ta để hoàn thiện cái mà anh sẽ gọi, Barry ạ, là ‘ký vào giấy xác nhận cái chết của cô ta’. Nếu nói không, cô ta có lẽ vẫn còn sống đến ngày hôm nay. Nhưng cô ta đã nói có.”

Anh nhìn những khuôn mặt bối rối đang đối diện với mình và một khuôn mặt không bối rối nhưng lại khó chịu vì ánh sáng ban ngày nên nhăn nhó. “Ồ, Chúa ơi,” Hannah khẽ nói.

“Ross Samphire ngoại tình. Cuộc sống gia đình hạnh phúc được nhiều người ca tụng của anh ta chỉ là vẻ bề ngoài. Chúng ta đã thấy Ross lái xe đi ra từ đường Mill và rồi chúng ta đã thấy Lydia Burton ở cổng nhà cô ta. Biết rằng Lydia Burton ‘đã có ai đó’, như họ nói, chúng ta giả định rằng, hoặc chúng ta giả định trong một thời gian rằng, cô ta là bạn gái của Ross. Nhưng nếu là vậy, nó sẽ có nghĩa rằng thực tế Ross đã tới đường Mill vào lúc nửa đêm ngày Mười một tháng Tám, nơi mà hẳn sẽ chẳng bao giờ mơ đến việc sẽ ở đó khi em trai hẳn được điều đến đây một giờ sau hoặc muộn hơn để tiến hành việc giết chóc. Bên cạnh đó, tại sao Ross và Lydia dùng căn hộ của Colin Fry để hẹn hò khi Lydia là một phụ nữ độc thân và lại có nhà riêng?”

“Không, bạn gái của Ross sống ở đường Mill nhưng không phải Lydia Burton. Bà ta là một phụ nữ giàu có và đã kết hôn, người không muốn

chuyện ngoại tình của mình bị khám phá ra hoặc có lẽ bà ta đã ly dị. Diana Marshalsen muốn chuyện tình bí mật của mình với Ross tiếp tục nhưng có vài thứ khác bà ta còn muốn hơn. Đủ để giết người và trả công cho kẻ giết người.”

Wexford ngừng lại, nhìn từ khuôn mặt hoảng hốt này sang khuôn mặt hoảng hốt khác, trừ Hannah. Anh tiếp tục, “Xuyên suốt vụ án này, chúng ta tìm kiếm lý do tại sao. Tại sao? Động cơ giết Amber là gì? Amber sẽ rời đi, cô ta sẽ đem theo đứa trẻ mà George và Diana coi là cục nợ, đem nó tới Luân Đôn, và có lẽ sẽ không còn nhìn thấy nó nữa. Vậy thì tại sao lại phải áp dụng biện pháp kinh khủng là giết cô ta? Có thể Diana không nghĩ đến điều này. Mà có thể là Ross. Nhưng Diana đã trao số tiền để chuyển qua cho người em trai tội nghiệp của Ross và bị vận rủi của anh ta đeo bám.”

“Tại sao? Diana đã đóng rất chặt trong việc coi Brand là một mối phiền toái, có chút đau thương xung quanh đó. Không ai đoán được bà ta cảm thấy thế nào, mặc dù bà ta không có con với người chồng trước, và bà ta đổ lỗi việc này lên đầu ông ta. George thì không muốn có con. Bà ta đang già đi, hiện đã quá già để sinh con. Nhưng Amber có một đứa và vô tình bà ta lại là người được chọn để chăm sóc nó, nuôi dạy nó. Đầu tiên, Diana có thể đã coi việc chăm sóc cho Brand là việc vặt trong nhà. Nhưng không lâu. Bà ta dần dần yêu mến nó. Bà ta yêu nó, nâng niu nó như thể nó là con của chính mình. Không nghi ngờ gì việc bà ta không muốn thuê người trông trẻ. Và Brand đã gần như là của bà ta. Bà ta trở thành người quan trọng nhất trong cuộc đời nó. Mẹ nó không dừng dừng với nó nhưng cô ta còn quá trẻ và lại cầu thả. Nếu không có Diana, thì thằng bé sẽ thế nào đây? Bà ta cưng chiều nó - cũng nhiều như chồng bà ta cưng chiều Amber vậy.”

“Nhưng Amber sẽ đi. Cô ta sẽ tới Luân Đôn và đem theo đứa trẻ đáng yêu đó đi cùng. Đó là một tình huống kỳ lạ, phải không? George muốn Amber và Brand ở lại bởi vì ông ta muốn Amber, còn Diana muốn Amber và Brand ở lại bởi vì bà ta muốn Brand. Và Amber thì muốn đi bởi vì một căn hộ ở Luân Đôn đồng nghĩa với tự do, cuộc sống và sự thoải mái.”

“Vì vậy Diana đã đưa tiền cho Ross để thuê Rick giết Amber, như vậy bà ta sẽ có thể giữ lại Brand, đứa trẻ mà bà ta yêu thương,” Wexford nói.

Anh bước ra sau bàn làm việc và ngồi xuống, cưỡng lại sự căm dỗ chống tay lên cằm, nói những lời giải thích cuối cùng. “Tình yêu không thể biện hộ cho tất cả. Nó không biện hộ cho bất kỳ điều gì. Đây là động cơ tồi tệ và xấu xa nhất - và ý tôi là xấu xa theo đúng nghĩa đen của nó, Damon ạ - cho việc giết người mà tôi từng biết. Độc ác chính là như thế này. Chứ chẳng cần tìm đâu xa.”

HẾT

• CHÚ THÍCH •

[1] Trong trường hợp không nhằm nhấn mạnh, các đơn vị đo độ dài: thước, dặm... sẽ được chiếu đổi về đơn vị đo chuẩn để giúp độc giả dễ theo dõi.

[2] Nguyên văn: Guv (ngài, ông chủ).

[3] Nguyên văn: Sir (sếp).

[4] Detective Constable: Thám tử cảnh sát.

[5] Ben Miller đã sử dụng “doesn’t” (thì hiện tại) trong câu “Amber doesn’t” (Amber cũng thế), và sau đó đổi sang “didn’t” (thì quá khứ) vì thực tế Amber đã chết.

[6] Tiền sản giật là tình trạng xảy ra trong khoảng từ giữa đến cuối thai kỳ. Chứng này thường ảnh hưởng đến huyết áp, thận, gan của phụ nữ mang thai, và đôi khi ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của thai nhi.

[7] Nguyên văn: Gooseberries, số nhiều của gooseberry (quả lý gai). Ở đây, Burden sử dụng biện pháp chơi chữ giữa tên của Gooseberry Bush và tên loại quả.

[8] Các đám mây thuộc về một lớp được đặc trưng bởi sự tích tụ các thành phần riêng rẽ trong dạng các đám mây bông bành, đồng hay tháp, với phần đáy phẳng và phần đỉnh thông thường có hình giống như cây súp lơ.

[9] Nguyên văn: The Sussex Overcoming Childlessness Circle (viết tắt là SOCC).

[10] Quyển sau cùng trong Tân ước, tương truyền là do Thánh Gioan biên soạn, chủ yếu đưa ra những lời tiên tri về Ngày Phán xét cuối cùng.

[11] In Vitro Fertilisation.

[12] AA: The Automobile Association (Hiệp hội ô tô).

[13] Ở đây, đáng lẽ phải nói “I have taken it along with me” (Tôi có đem theo đây), thì Konig-Hensel đã nói sai thành “I have taken it with me”.

[14] Britain National Party: Đảng Quốc gia Anh.

[15] Trang viên.

[16] Loại xe có bốn bánh sinh ra lực, (khác với các loại xe bình thường chỉ có hai bánh trước hoặc sau sinh ra lực), giữa trục nối hai bánh xe trước và sau có một khối cầu. Loại xe này có khả năng chạy được trên nhiều kiểu đường xá từ địa hình bằng phẳng cho đến các địa hình có tuyết hoặc có bề mặt thay đổi do điều kiện thời tiết.

[17] Thomas Gainsborough (177 - 1788): Họa sĩ người Anh.

[18] Tên gọi chung các hiện tượng nước thoát ra khỏi những đám mây dưới các dạng lỏng (mưa) và dạng rắn (mưa tuyết, mưa đá, tuyết), nhằm phân biệt với các hiện tượng nước tách ra từ không khí (sương, sương móc, sương băng).

[19] General Certificate of Secondary Education: Chứng chỉ giáo dục trung học tổng quát.

[20] Vở bi kịch ngắn nhất của William Shakespeare được cho là viết vào khoảng 1603 và 1607. Cốt truyện dựa theo giai thoại về vị vua Macbeth xứ Scotland, Macduff, và Duncan trong cuốn sử biên niên của Holinshed viết năm 1587 về lịch sử Anh Quốc, Scotland và Ireland.